Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập II – 1933-1945

Quyển bốn

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN



Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM

1887 – 2000

Tập **II** – **1933-1945**

Quyển bốn

Sưu tầm, tuyển chọn:
HỮU NHUẬN *(Chủ biên)* – HOÀNG LẠI GIANG
CAO THỊ XUÂN MỸ – TRẦN THỊ MAI NHÂN

Biên tập kỹ thuật, tổ chức và đầu tư bản thảo:
NGUYỄN VĂN ĐƯỢC ©

* Chúng tôi thành thật xin lỗi tất cả các tác giả và gia đình các tác giả (nếu tác giả đã qua đời) khi chưa có điều kiện tiếp cận với tác giả và gia đình tác giả để xin phép đưa tác phẩm của quí bác, anh và chị vào trong bộ tuyển này. Xin quí bác và anh chị cho chúng tôi địa chỉ hoặc điện thoại để tiện liên lạc.

Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất bản Văn hóa Sài Gòn – 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. ĐT: 8376585 *hoặc* Nhà Xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh – 60-62 Nguyễn Thị Minh Khai. ĐT: 8223637.

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập **II** – **1933-1945**
Quyển bốn

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH | VHSG Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI DẪN
Tập II
(1933-1945)

Đây là giai đoạn nền văn học chữ Quốc ngữ Việt Nam phát triển rực rỡ nhất, phong phú nhất, đa chiều và cũng phức tạp nhất, đặt biết ở dòng văn học lãng mạn. Bên cạnh những thành tựu, dòng văn học lãng mạn vẫn còn những hạn chế, những tiêu cực và độc hại.

Qua thử thách thời gian, những tiêu cực và độc hại của dòng văn học lãng mạn dần dần bị loại, bị đào thải. Và cũng chính thời gian đã cho chúng ta một cách nhìn cởi mở hơn, thông thoáng hơn, đúng đắn hơn về những giá trị đích thực mà dòng văn học lãng mạn đóng góp cho kho tàng nghệ thuật Việt Nam.

Thực tế "Thơ mới" là một hiện tượng văn học đặc biệt. Những tác giả của dòng thơ này hầu hết đều trở thành tác giả của nền văn học Cách mạng.

Thực tế Tự lực văn đoàn là một hiện tượng mang tính đột phá trong dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Những tên tuổi trong "Tự lực văn đoàn" đều là những cây đại thụ trong nền văn học Việt Nam thời hiện đại; chưa có thời kỳ nào xuất hiện nhiều văn thi nhân lưu lại nhiều ấn tượng, nhiều tình cảm trong bạn đọc như thời kỳ 1933-1945. Những tác phẩm của họ đáp ứng được đòi hỏi bức xúc của một lớp độc giả thành thị đã từng ảnh hưởng tư tưởng của một nền văn hóa phương Tây với những cuộc cách mạng của tự do, bình đẳng, bác ái...

Văn học lãng mạn thời kỳ từ năm 1933 đến trước năm 1945 chính là cuộc cách mạng về hệ tư tưởng của giai tầng tiểu tư sản phong kiến ở những lễ giáo hà khắc, những tập tục lạc hậu, những định kến hẹp hòi, tính gia trưởng, và cách hành xử trọng nam khinh nữ... Lần đầu tiên văn học lãng mạn Việt Nam đề cao vai trò cái "tôi của con người và con người có quyền chọn cách sống của mình, chọn tình yêu cho mình...

Về hình thức, văn học lãng mạn từ bỏ cách lấy cốt truyện làm trung tâm của văn học trước đó. Ngay từ truyện đầu tiên, Nguyễn Trọng Quản đã biết cách khai thác tâm lý nhân vật, biết coi tính cách nhân vật là yếu tố quan trọng của nghệ thuật...

"Tự lực văn đoàn" ra đời là sự thừa kế những gì mà các nhà văn đàn anh, các nhà văn mở đường từ năm 1887 đến năm 1932 đã khai phá, đã thất bại và đã thành công. Với tuyên ngôn rõ ràng về nội dung và hình thức nghệ thuật, Tự lực văn đoàn ra đời được sự hưởng ứng của nhiều tầng lớp đặc biệt là tiểu tư sản Việt Nam.

Nhưng phải đợi đến năm 1933 khi "Hồn bướm mơ tiên" của Khái Hưng ra đời thì Tự lực văn đoàn mới thật sự đi vào cuộc sống văn hóa của nhiều tầng lớp bạn đọc. Sau "Hồn bướm mơ tiên", năm 1934 Khái Hưng cho ra "Nửa chừng xuân" và "Đoạn tuyệt". Năm 1937 tiểu thuyết "Thoát ly" của Khái Hưng ra đời cùng với tiểu thuyết "Đôi bạn" của Nhất Linh.

Khái Hưng và Nhất Linh đã trở thành linh hồn của "Tự lực văn đoàn". Và hai người đã trở thành đôi bạn tri âm, tri kỷ. Những sáng tác chung của họ "Gánh hàng hoa" (1934); "Đời mưa gió" (1934) đã làm rung động không ít tâm trạng của lớp trẻ ở nhiều thời đại.

Ngay Giải thưởng Tự lực văn đoàn, cho đến hôm nay vẫn là niềm kiêu hãnh cho những ai đã được nhận nó. Đó là một giải thưởng có uy tín bởi sự đánh giá công tâm, khách quan và cũng là những phát hiện tài năng cho nền văn học Việt Nam, những phát hiện rất chính xác.

Hàng loạt tên tuổi lớn của nền văn nghệ chúng ta từ đây mà ra và trở thành trụ cột của nền văn nghệ Cách mạng. Nhưng đáng tiếc những người khai phá ra nó lại không cùng đi với Cách mạng như Khái Hưng, Nhất Linh...

Mặc dù vậy, không dễ dàng phủ nhận được những đóng góp của dòng văn học lãng mạn nói chung và Tự lực văn đoàn cũng đồng thời là sự ra đời của nền văn học đã trải qua của một thời đáng nhớ.

Nhưng nói đến dòng văn học lãng mạn, nói đến Tự lực văn đoàn không thể không nhắc tới những hạn chế, những khiếm khuyết của nó như trên chúng tôi đã nói. Thật hiếm có

một dòng văn học nào hoàn mỹ, một dòng văn học nào toàn bích. Rất tiếc một thời chúng ta chỉ thấy mặt sau, mặt trái của dòng văn học này mà không chịu hoặc không dám nhìn sự vật trong cái tổng thể của nó, trong cái bản chất của nó. Và vì vậy chúng ta đã đánh mất biết bao nhiêu giá trị mà đáng lẽ ra nó phải được sắp ở một vị trí quan trọng trong gia tài văn học vốn ít ỏi của chúng ta.

Trước cách mạng đồng chí Trường Chinh đã nói:

"Hoạt động của nhóm Tự lực cũng đã đẩy mạnh phong trào văn nghệ nước ta tiến tới"[1]. Và sau cách mạng tháng Tám 1945, đồng chí Trường Chinh lại nói: *"Có khuynh hướng gạt bỏ những xu hướng lãng mạn ngày trước, coi tất cả đều là sa đọa, thoát ly. Cần nhận rõ rằng văn nghệ Cách mạng của chúng ta là kẻ thừa kế tất cả những giá trị văn nghệ do các thời đại trước tạo ra và truyền lại cho đến ngày nay. Chúng ta cần gìn giữ và phát triển tất cả di sản của dân tộc và cũng chỉ có chúng ta mới có thể làm nổi công việc đó".*[2]

Trên tinh thần đó, đầu thế kỷ XXI này chúng tôi làm tuyển tập văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000. Và đó cũng là cách đánh giá đúng quan điểm của Đảng ta về vai trò của Tự lực văn đoàn trong nền Văn học Việt Nam chúng ta.

Hoàng Lại Giang

---

1. Chủ nghĩa Mác và Văn hóa Việt Nam - 1943.
2. Bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II năm 1957.

VŨ BẰNG (1913–1984) *Quê gốc của Vũ Bằng là Hải Dương, nhưng ông sinh ra và lớn lên ở Hà Nội. Dòng họ ông nổi tiếng về khoa bảng. Riêng Vũ Bằng, từ thời học ở Albert Larraut, đã có bài đăng trên các báo, trong đó chủ yếu là báo An Nam tạp chí, Đông Tây, Trung Bắc Tân Văn... Và không lâu sau đó ông chuyển hẳn sang nghề văn và nghề báo.*

Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ 1912-1946, ông ra vùng tự do. Nhưng sau đó ông lại vào vùng tạm chiếm Hà Nội. Sau hòa bình theo Hiệp định Genève 1954, ông được cách mạng giao nhiệm vụ "di cư" vào Nam, làm công tác tình báo. Công việc thầm lặng này không phải ai cũng biết. Mãi sau những năm đổi mới, nhờ báo chí và đồng nghiệp, tác giả và nhiều người mới hiểu thêm về một Vũ Bằng chung thủy và có công với cách mạng suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ở góc độ văn học và báo chí, Vũ Bằng đã để lại cho đời một sự nghiệp đồ sộ, đáng nể trọng, đáng được tôn vinh như lớp nhà văn cùng thời: Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Nam Cao, Tô Hoài...

Văn chương Vũ Bằng dí dỏm mà sâu sắc, đậm chất dân tộc, chất dân giã, chất ca dao trữ tình. Miếng ngon Hà Nội, Miếng lạ miền Nam, Thương nhớ mười hai, 40 năm nói láo... của Vũ Bằng đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong độc giả Việt Nam. Nó được tái bản nhiều lần kể cả sau ngày giải phóng thống nhất đất nước.

Tác phẩm chính:

– Hội Lim – Ký – An Nam tạp chí 19.3 – 1931

– Cái búa con – Ký – An Nam tạp chí 20.3 – 1931

– Lọ Văn 1936

– Một mình trong đêm tối – Tiểu thuyết – Trung Bắc tân văn – 1931

– Truyện hai người – Tiểu thuyết – Tân Dân – 1940

– Tội ác và hối hận – Tiểu thuyết

– Miếng ngon Hà Nội – Nam chi tùng thư SG – 1960

– Miếng lạ miền Nam – Tân văn SG – 1969

– 40 năm nói láo – Nguyễn Quang Khai – SG – 1969

– Nhà văn lắm chuyện – Nhân văn SG – 1971

– Nước mắt người tình – SG 1973...

Mơ về một cuộc chọi trâu *mà chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc sau đây là một thiên diễm tình bi hùng, đầy lãng mạn và màu sắc huyền thoại trên nền của một vùng quê còn nhiều lạc hậu, tăm tối...*

*

MƠ VỀ MỘT CUỘC CHỌI TRÂU

(truyện ngắn)

Nào ai có ngờ đâu chỉ tậu có một con trâu mà vất vả khó khăn đến thế!

Bố con Khóa Mạc chiều chuộng Lái Quẫy thôi thì chẳng còn thiếu một thứ gì: rượu, phiện phò, đủ cả. Ấy thế mà cứ đụng vào con trâu nào thì Lái Quẫy cũng chê bai bải. Con này sổ toẹt, được răng nhưng hỏng xoáy. Con này được xoáy nhưng kém sừng. Con này được sừng nhưng hỏng cẳng.

Nghe mà cứ tức anh ách! Có một lúc ông Khóa Mạc đã ngờ rằng Lái Quẫy làm khó dễ bố con ông, nhưng sau để ý mãi thì mới biết là không phải thế!

Chọn cái thứ trâu để chọi, khó lắm chớ có dễ đâu như chọn trâu cày. Thành thử ra bố con Khóa Mạc đành là cứ phải vâng vâng dạ dạ, nhất tề theo đúng lời chỉ dạy của Lái Quẫy, không dám trái ý một ly. Bởi vì thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, bố con ông Khóa có biết trâu chọi là gì, chọn trâu chọi ra sao. Mà Lái Quẫy thì lại là... "một cây trâu chọi"!

Ngày nào cũng vậy, cứ cơm no rượu say rồi, Lái Quẫy lại dẫn cha con Khóa Mạc đi các chợ lớn chọn trâu: chợ tỉnh, chợ Môi, chợ Tảo, chợ Kép... Một tháng tám phiên chợ mỏi cả chân, khản cả cổ mà rút cuộc chẳng có con nào ưng ý thì có tức không, hở trời! Giả sử là trâu cày, thì mua bừa lấy một con cho rảnh chuyện nhưng đằng này đâu có được, vì đây là trâu chọi, mà tậu một con trâu chọi đâu có phải là chuyện chơi? Danh dự, tương lai và may rủi của cả nhà mình trông cả vào con trâu đó, phải chọn cẩn thận lắm lắm, không có thì hối hận cả một đời người.

Vì thế mỗi khi thấy ông Khóa có vẻ nản chí, bà Khóa lại khuyến khích ông đừng ngại công ngại của, phải cố chọn lấy một con trâu "ra phết". Và cô Vang, chị gái của cậu Sóc, cũng xui em nên cố sức nhờ Lái Quẫy tậu giúp một con trâu "ra dáng" để lấy tiếng với dân làng, bởi vì ai có một con trâu chọi thắng cuộc thì được quý nể và trọng vọng gần như một nho sĩ thi đậu vinh quy bái tổ.

Xã Dương Sơn, thuộc tổng Dương Thủy, huyện Mỹ Hoa có tục chọi trâu hàng trăm năm nay rồi.

Theo lệ làng, tất cả những con trai đến tuổi tráng đinh đều bắt buộc phải nuôi trâu chọi trong một năm để năm sau dự cuộc chọi trâu vào ngày mười bốn tháng giêng tức là ngày đại đình đám của hàng xã.

Tục truyền ông Thành Hoàng xã Dương Sơn, sinh thời là một gã mục đồng mười bảy tuổi thường tổ chức những cuộc chọi trâu ở ngoài đồng cỏ để làm trò tiêu khiển cho các bạn chăn trâu. Gã đã bị trâu húc chết trong một cuộc vui nguy hiểm đó và chết vào giờ thiêng nên được làng lập miếu thờ rồi sau được phong Thành Hoàng.

Có người không tin ở tục truyền cho rằng tục chọi trâu do các bậc tiền bối trí giả trong làng bày ra để khuyến khích dân làng chú trọng đến việc nuôi dưỡng, săn sóc giống trâu là giống gia súc cần thiết cho nông nghiệp.

Dầu sao những cuộc chọi trâu cũng là những cuộc vui ồn ào, sôi nổi nhất ở Dương Sơn, nhất là vào những năm được mùa thì trò đó thu hút hàng ngàn quan khách ở xa cũng như gần đến xem.

Năm Đinh Tỵ, tại thôn Dương Trung, con trai ông Khóa Mạc tên là Sóc đến tuổi nuôi trâu trọi. Theo lệ làng, nhà nào có tài lực phải tự xuất tiền ra để tậu trâu chọi, còn nhà nào nghèo thì có thể vay tiền ở làng xã để mua. Số tiền vay đó sẽ trả lại cho quỹ của xã, bằng tiền mặt hoặc bằng cách cày ruộng công cho làng.

Ông Khóa Mạc là người khá giả trong thôn, cho nên phải tự xuất tiền mua trâu chọi cho cậu Sóc. Bỏ tiền ra mua trâu, không phải là việc quan trọng đối với những nhà trời cho đủ bát ăn, nhưng quan trọng là vấn đề lựa chọn được con trâu chọi. Bởi vì sau một năm công trình nuôi trâu tốn kém, nếu trâu của cậu nào không được "đắc cử" để dự cuộc chọi trâu thì đó là cả một sự nhục nhã đối với

dân làng. Chính vì thế trong hơn một tháng trời nay, Khóa Mạc khổ vì trâu chọi như ta đã biết. Ông Khóa sốt ruột quá rồi. Ông chỉ sợ lỡ không mua được trâu thì khổ. Vì thế, trong phiên chợ tỉnh hôm hai mươi bảy, ông nằng nặc đòi mua con trâu bốn răng, hai xoáy, sừng tròn, cẳng chúm, trông rất tơ, rất đẹp, rất khôn, nhưng Lái Quẫy cứ chê quài quại:

– Không được! Trâu này quý thật nhưng chỉ tốt cày, chứ không chọi được. Trâu chọi cần ở cặp mắt, yếm cổ và bốn vế. Mắt đỏ, cổ lùn, yếm nạc, vó nai: đó là những đặc điểm của "trâu hùng". Loại trâu đó vừa khỏe, vừa dai sức, lại hiếu chiến. Tuy nhiên, đó là thứ trâu dữ, khó nuôi, khó điều khiển...

Lái Quẫy giải thích một cách sành sỏi, khiến cho Khóa Mạc và nhất là cậu Sóc hết sức thán phục và vui lòng để cho Lái Quẫy toàn quyền chọn trâu.

Được sự tín nhiệm của cha con ông Khóa Mạc, bác lái quyết đi lùng khắp các địa phương để mua kỳ được một con trâu chiến có nhiều hy vọng lọt được hai vòng tuyển lựa của ban thẩm sát và đoạt giải trong cuộc chọi trâu năm tới.

Riêng về việc tuyển lựa cũng đã hết sức khó khăn. Việc tuyển lựa này gồm hai đợt: đợt thứ nhất gọi là vòng sơ tuyển, do sự thẩm sát của một ban gồm các bậc cao niên hoặc có chức phận lớn nhất trong làng. Đợt thứ hai, gọi là vòng linh ứng, do sự quyết định của một cuộc gieo âm dương trước bàn thờ Thành Hoàng.

Việc tuyển lựa của ban thẩm sát căn cứ vào những điểm sau đây: trâu chọi phải "trai tráng và trong sạch", như những cậu trai tân, chưa vợ, đến tuổi chọi trâu. Vì những điểm quan hệ này, các cậu nuôi trâu chọi phải hết sức giữ mình cho thanh khiết, không được bắt tình với gái và ăn uống chay tịnh trong suốt thời kỳ nuôi trâu.

Việc "gieo âm dương" trước bàn thờ Thành Hoàng có tính cách "chung thẩm", nhằm mục đích chứng tỏ rằng "đương sự" quả thật là một trai tân, hoàn toàn trong trắng, vì những hành động bất chính, ám muội của đương sự dù có che đậy được trước những con mắt phàm tục của ban tuyển lựa, cũng không thể qua "mắt thần" của đức Thành Hoàng.

Sau khi làm lễ tạ thần để nhận trách nhiệm nuôi trâu, chuẩn bị tham dự cuộc chọi trâu trong vụ đại đình đám năm sau, hai cha con ông Khóa Mạc bắt đầu lo việc tậu trâu.

Đây là một vấn đề chuyên môn, cần phải có sự giúp đỡ của một người rất sành về trâu, nên ông Khóa Mạc đã soạn một mâm rượu thết bác Lái Quẫy, để nhờ bác này dẫn đi mua trâu chọi. Nhưng một tháng trôi qua, vẫn chưa chọn được trâu thì làm thế nào bây giờ?

Lái Quẫy đành hẹn với cha con Khóa Mạc trong mười ngày sẽ đi kiếm được con trâu vừa ý.

Nhận sáu mươi quan tiền đồng để một mình đi tậu trâu, Lái Quẫy phải thân hành đi cầu cứu một bạn đồng nghiệp ở hạt Đại Bái, phủ Thiệu Hòa.

Đại Bái là đất đồng sâu, thường có nhiều trâu tốt, cho nên sau năm ngày được bạn đồng nghiệp hướng dẫn đi quan sát những trâu thả ăn cỏ ở các cánh đồng Đại Bái, Lái Quẫy đã tìm thấy một "trâu chiến" đang tơ, có nhiều "điểm hùng". Nhờ sự mối lái của bạn đồng nghiệp, Lái Quẫy mua được con trâu này rất lấy làm sung sướng, mặc dù phải trả tới giá năm mươi bảy quan tiền đồng, đắt gần gấp đôi một "trâu cày loại lực điền".

*

Khi Lái Quẫy dắt trâu về đến thôn Dương Trung, mọi người trong thôn đổ ra xem như hội. Những tay sành trâu đều công nhận là một "chiến ngưu" hiếm có. Thực vậy, trên bãi Giang Đình ở đầu thôn, trong mười hai con trâu chọi vừa tậu về của mười hai nhà được vinh dự sắm trâu chọi, như nhà ông Khóa Mạc, trâu của cậu Sóc nổi lên vượt mức.

Cha con Khóa Mạc hết sức cảm ơn Lái Quẫy. Và bắt đầu từ hôm ấy lại càng chiều chuộng Lái Quẫy hơn, vì cậu Sóc còn phải nhờ Lái Quẫy chỉ vẽ cho cách thức nuôi trâu chọi.

Bác lái không từ chối mọi sự nhờ cậy của Khóa Mạc, nhưng có một điều làm cho bác vô cùng thắc mắc: cậu Sóc không đủ tài điều khiển con trâu bất kham này.

Ngay từ hôm bắt đầu làm chủ con trâu, Sóc đã bị nó giụt thừng, bất phục, xông ra chạy khắp các cánh đồng trong xã. Sóc không thể nào đuổi kịp để bắt về, phải nhờ năm bảy người khác phụ lực với Quẫy dùng mẹo mới tóm được dây thừng cột mũi trâu.

Hôm sau trâu lại dở chứng nữa và lần này nó xông đến "đọ sừng" với bất cứ trâu nào khác mà nó gặp trong cánh đồng. Hơn nữa, nó quần phá nhiều đám ruộng mạ của dân làng làm cho ông Khóa bị phiền hết sức.

Cha con Khóa Mạc đâm lo vì con trâu quái ác. Chính Lái Quẫy cũng hết sức thắc mắc. Họ lo nhất là rồi đây mỗi tháng, bắt đầu từ tháng tám cho đến tháng chạp, sẽ có cuộc "chọi thử" giữa sáu cặp trâu chọi trong thôn, Sóc làm thế nào để điều khiển trâu cho thuần thục? Không chỉ huy nó thì tập dượt làm sao được?

Lái Quẫy bàn tính với Khóa Mạc:

– Nếu ông không quản tốn kém, chúng ta mời luôn chủ cũ của con trâu đến ở đây trong ít tháng giúp cho cậu Sóc điều khiển và tập dượt cho trâu vào khuôn phép. Ông nghĩ thế nào?

– Đối với việc thần thánh, tôi không hề quản tốn kém. Nhưng chúng ta làm thế nào mời được người ta đến ở đây hàng mấy tháng?

– Nếu ông vui lòng, tôi sẽ cất công đi thỉnh về đây và tôi chắc chắn là thỉnh được.

– Vậy thì còn gì quý hóa bằng. Tôi sẵn sàng nhờ cậy bác tất cả công việc này.

Nhưng dù sao đi nữa đối với một việc có liên quan đến vấn đề nội trợ, ông Khóa cũng phải bàn qua với bà Khóa. Bà chất phác hỏi ông:

– Nuôi thầy dạy trâu có phải hầu hạ như thầy dạy học không?

Lái Quẫy cười ngặt nghẽo:

– Nào có phải thầy bà gì đâu! Đây là anh Khoát, con trai ông cựu Hương ở Đại Bái. Anh Khoát chính là người đã tậu con trâu này ở Nông Cống về từ năm ngoái. Chính anh ta đã nuôi nó và điều khiển nó trong việc cày bừa cũng như trong các cuộc chọi ở vùng Phủ Thiệu. Anh ấy cũng là trai tân như cậu Sóc, có lẽ hơn Sóc đến sáu, bảy tuổi. Nhà ta mời anh ấy đến để làm bạn với cậu Sóc trong

vài tháng giúp cậu Sóc tập dượt trâu cho quen nết, chứ đâu phải là chuyện nuôi thầy, nuôi bà gì, mà bà Khóa lo ngại?

Bà Khóa tỏ vẻ ngại ngùng:

– Tôi thường nghe người ta nói "Trai Đại Bái, gái Kẻ Bôn"...

– Ý bà Khóa sợ trai Đại Bái hung tợn chứ gì? Không dâu, bà đừng sợ, câu "Trai Đại Bái, gái Kẻ Bôn" chỉ tỏ rằng trai Đại Bái khỏe mạnh, can đảm và tài giỏi cũng như gái Kẻ Bôn bạo dạn, đảm đang. Ai thì tôi không biết, chứ anh Khoát tôi cam đoan là rất nết na đứng đắn...

Ông Khóa Mạc sốt ruột, ngắt lời Lái Quẫy:

– Nào phải chuyện mối lái vợ chồng, mà bảo phải nhiều lời với bà nhà tôi. Thôi trong công việc hệ trọng này, chẳng qua tôi cũng bàn sơ với bà cho phải phép vậy thôi. Bà để mặc chúng tôi lo tính. Tôi nhất định nhờ bác Lái Quẫy đi mời anh Khoát về đây chỉ dẫn cho thằng Sóc.

Bà Khóa cười gượng, quay ra sân để phơi nốt mấy thùng thóc với cô Vang.

*

Cô Vang là chị Sóc, hơn Sóc hai tuổi. Cô đẹp vào loại nhất nhì trong xã, mà muộn chồng nhất trong đám con gái nhà khá giả trong thôn.

Người ta bảo là cô cao số. Từ năm cô mười ba đến năm ấy là mười chín, ông bà Khóa đã có tới ba chàng rể hụt: Một là cậu Đông con ông Chánh Quỳnh ở thôn Thượng, hai là cậu Bái con bà Cửu Lan ở thôn Hạ, và ba là cậu Đạm con ông Đồ Loát ở cùng thôn.

Cậu Đông bị bịnh thương hàn chết hai tháng trước khi cậu định làm lễ cưới với cô Vang. Cậu Bái thì bị bắt đi lính khố đỏ sang Pháp đánh giặc "Đức" rồi biệt tích. Còn cậu Đạm thì bị ông bà Khóa từ hôn, trả lễ vì một vụ kiện tụng giữa hai họ thông gia. Sau đó ít lâu cậu Đạm lấy vợ, còn cô Vang vẫn là gái chưa chồng. Và cũng chưa có một người thứ tư nào dạm hỏi.

Dương Sơn là một làng giàu có, chuyên nghiệp nông trang, gồm có ba thôn, thôn nào cũng nhiều ruộng tốt: Dương Thượng, Dương Trung, Dương Hạ.

Trai Dương Sơn nổi tiếng là lực điền và giỏi nghề cày bừa. Gái Dương Sơn nổi tiếng là hát hay, cày giỏi, và xinh, nhất là các cô gái Dương Trung. Mà cô Vang lại là cô đẹp nhất thôn Trung nữa! Trai gái Dương Sơn thường kết duyên với nhau, trai thôn Thượng lấy vợ thôn Trung, gái thôn Hạ lấy chồng thôn Thượng. Các họ trong xã thường thông gia với nhau. Họa hoằn lắm mới có cậu trai Dương Sơn lấy vợ ngoại xã, hoặc một cô gái Dương Sơn lấy chồng ngoại xã.

Đó là một thủ tục đặc biệt của xã Dương Sơn. Tuy thủ tục đó không bắt buộc nhưng nhà nào không theo thủ tục đó thì dân làng mỉa mai chê cười.

Chính ra cậu Khoát cũng không muốn sang thôn Trung chơi làm gì, nhưng vì nể Lái Quẫy, cậu phải nhận lời với một điều kiện là chỉ ở chơi nhà ông Khóa Mạc năm bảy ngày để chỉ vẽ cho cậu Sóc chăn nuôi và điều khiển con trâu, chớ không chịu ở lâu.

Hàng ngày, Khoát đưa cậu Sóc và trâu ra bãi Giang Đình để chỉ bảo cho Sóc biết những cách thức, mẹo mực khuất phục một con trâu bất kham; cách nắm mũi trâu như thế nào để trâu đứng yên; cách luồn yếm trâu để bắt dây thừng cột mũi, khi nào trâu sổng thừng, cách hô tiếng "họ" vừa ngọt ngào vừa oai nghiêm cho trâu vừa mến vừa sợ và phục tòng; cách đuổi theo và chặn đầu trâu như thế nào cho trâu khỏi lồng chạy...

Đó mới chỉ là phương pháp sơ đẳng để điều khiển một con trâu "khó dạy". Phương pháp này chỉ trong một tuần, Khoát đã dạy cho Sóc thực hành với kết quả hiển nhiên.

Đến nghệ thuật tập dượt một con trâu chọi thì quả là cả một công trình đòi hỏi nhiều thì giờ hơn. Nhưng theo lời đã hứa, Khoát không thể ở lâu tại nhà Khóa Mạc. Vợ chồng ông Khóa yêu cầu chàng ở lại dạy thêm, cậu nằng nặc không; mãi sau cô Vang khẩn khoản mãi, chàng mới hứa sẽ trở lại giúp Sóc trong một tháng sau khi thanh toán xong việc nhà.

*

Từ hôm đó, dân làng, nhất là giới tráng đinh, thường kháo nhau về chuyện Khoát. Cậu trai làng "Đại Bái" được người ta nhắc đến luôn trong những lúc trà dư tửu hậu. Phần đông khen ngợi Khoát lanh lẹn, khỏe mạnh và dễ thương. Có lẽ những người khen ngợi Khoát hơn cả chính lại là cha con Khóa Mạc. Được thể, Lái Quẫy lại càng đề cao đức tính và tài năng của Khoát, nào là anh ta rất thạo nghề làm ruộng, cày cấy khỏe gấp hai những lực điền khác, tính nết khảng khái và "hùng" vào bậc nhất trong đám trai Đại Bái.

Khoát lại còn giỏi võ, giỏi vật và còn ăn cuộc nhiều vụ đấu võ, đánh vật tại suốt vùng Phủ Thiệu. Lái Quẫy tỏ ý muốn nhờ Khoát dạy võ cho các tráng đinh Dương Trung, ý kiến đó được cha con Khóa Mạc nhiệt tình tán thành. Ông Khóa Mạc tuyên bố sẵn lòng để cho Khoát mở lớp dạy võ tại nhà ông. Ý định của ông Khoát và bác Lái Quẫy được Sóc khoe với các bạn tráng đinh trong thôn, mọi người đều tỏ vẻ hoan hỉ, đợi chờ Khoát trở lại để dạy võ cho họ. Bởi thế, khi Khoát trở lại Dương Trung lần thứ hai để giữ lời hứa với ông bà Khóa Mạc và cô Vang, anh ta đã có thêm cảm tình trong dân làng, nhất là trong giới tráng đinh. Và lần này, Khoát chỉ vẽ cách tập dượt trâu chọi không những cho Sóc mà còn cho tất cả những cậu trai có trâu dự cuộc chọi năm tới. Tuy nhiên, Khoát vẫn dành những mánh lới đặc biệt về môn chọi trâu để chỉ vẽ riêng cho Sóc.

Chỉ trong một tháng sự huấn luyện của Khoát cho giới tráng đinh thôn Dương Trung và nhất là cho Sóc đã đem lại nhiều kết quả khả quan. Tiếp đó, các "môn đệ" của Khoát yêu cầu chàng dạy võ. Đáp lại tấm thịnh tình của Lái Quẫy cùng toàn gia Khóa Mạc, và cũng nhân dịp muốn lấy tiếng cho trai "Đại Bái", Khoát nhận lời ngay.

Mỗi đêm, bắt đầu từ giờ Dậu, một số đông tráng đinh trong thôn đến nhà ông Khóa Mạc để học nghề võ của Khoát. Cả ông Khóa lẫn bà Khóa đều lấy làm hãnh diện. Còn cô Vang thì tươi hơn hớn, lúc nào mái tóc cũng như đầy sao rụng và môi lúc nào cũng nở hoa.

Tuy không có bổn phận phải phục dịch lớp dạy võ, cô cũng vui vẻ chu tất trầu nước cho mọi người đến học võ hay đến xem thầy trò anh Khoát luyện võ.

Riêng đối với Khoát, cô vừa quý mến vừa khâm phục. Quý mến vì Khoát có nhiều đức tính của một nam nhi, khâm phục vì Khoát giỏi võ và giỏi quá.

Từ ngày Khoát đến ở nhà cô, cô cảm thấy trong nhà tươi sáng hơn, sống động hơn và trong lòng cô rào rạt một niềm vui lạ vui lùng như tâm hồn hoan lạc, tưng bừng của đứa trẻ trong ngày đình đám.

Cả nhà yêu quý Khoát, vì ngoài công việc tập luyện cho Sóc, Khoát còn giúp đỡ ông bà Khóa Mạc trong những công việc nặng nhọc như chuyển thóc ra phơi ngoài sân, hoặc chuyển thóc từ sân vào bục mỗi khi thóc phơi bị mưa bất thần. Đứng trông Khoát chuyển thóc, cô Vang cảm thấy lòng rào rạt thương yêu. Và cô thẹn với lòng. Sực nhớ lại mấy cậu Đông, Bái, Đạm là những cậu trai trước kia đi dạm hỏi cô, nhưng không thành, cô so sánh họ với Khoát rồi cô thấy bâng khuâng mơ ước một đám cưới sang sông... mà chú rể là một chàng trai Đại Bái.

Thế rồi có một hôm...

Hôm ấy là phiên chợ tỉnh, hăm hai tháng Chạp, ông bà Khóa đi chợ sắm Tết và mua các thức ăn để làm cỗ tiễn ông Công và nhân dịp để thết đãi Khoát, Lái Quẩy và giới tráng đinh đồng tuế với Sóc, sắp dự cuộc chọi trâu vào đầu năm.

Sau khi tập dượt lần cuối cùng cho Sóc điều khiển trâu chọi ở bãi Giang Đình, Khoát trở về nhà ông Khóa giữa lúc cô Vang đang đuổi theo một con lợn sổng chuồng. Hai má cô đỏ thắm, áo đẫm mồ hôi, mà cô vẫn không đuổi được lợn vào chuồng.

Khoát vội vàng tiếp tay với Vang chỉ đuổi vài vòng chung quanh mấy luống cải, Khoát đã tóm được một cẳng sau của con lợn, xách bổng nó lên, đem thả vào chuồng. Trong khi quá vội vàng, anh bị một cái cọc chuồng heo đâm vào cổ tay, chảy máu. Quên cả e lệ, Vang cầm tay Khoát hỏi:

– Đau không anh? Để tôi đi lấy thuốc lào rịt cho anh.

Rồi nàng chạy vội vào trong nhà tìm ống thuốc lào của ông Khóa, rịt thuốc và buộc vải vào chỗ đau. Ngửng mặt lên, cô vừa gặp lúc Khoát đang nhìn cô đắm đuối. Hai má cô ửng đỏ, đôi hàng mi rung động như những con bươm bướm bé con.

Khoát nói một câu để phá tan bầu không khí ngượng ngùng:

– Tôi không đau đâu, cô Vang ạ! Tập võ có nhiều khi bị đau hơn nữa...

Vang ngửng nhìn Khoát rồi vội nhìn ra cổng. Vang hỏi:

– Cậu Sóc đi đâu?

– Cậu ấy đi tắm trâu ở ngoài sông.

Hai người lại ngượng ngùng, im lặng. Vang đi lại bể nước rửa chân. Khoát nhìn theo, băn khoăn giây lát rồi bạo dạn bước lại gần bể nước, bắt chuyện:

– Hôm nay, cô không theo ông bà đi chợ Tết?

Vang thẹn thùng trả lời:

– Tôi phải ở nhà, sửa soạn để ngày mai tiễn ông Táo và...

– Và tiễn chân tôi về Đại Bái...

Khoát bạo dạn hơn:

– Không hiểu sao, lần này trở về Đại Bái, tôi thấy buồn buồn...

Mắt Vang sáng hẳn lên. Tim nàng đập rộn ràng. Vang muốn nói với Khoát, nhưng không thể nói nên lời.

Một phút qua đi, Khoát hỏi Vang về công việc trong thôn, việc đình đám năm sau và chuyện chọi trâu. Rồi sau cùng anh thành thật hỏi Vang về vấn đề tình duyên. Vang không giấu một tý gì.

Khoát thú thật với Vang là anh yêu Vang từ lúc nào "cũng không biết nữa", nhưng quả là yêu thật. Anh hy vọng được làm chồng Vang. Cô đỏ mặt, không trả lời, nhưng Khoát cảm thấy tim cô cũng đập một nhịp chung tình.

*

Ngày hôm sau, Khoát từ biệt ông bà Khóa, bác Lái Quẫy, cô Vang, cậu Sóc và các "học trò" của mình trở về Đại Bái.

Lòng chàng bâng khuâng như đánh mất một vật gì ở Dương Trung. Rồi sau đó năm hôm, nhân dịp cậu Sóc lên Đại Bái "tết thầy", Khoát theo về Dương Trung để đáp lễ ông bà Khóa và viếng thăm Lái Quẫy cùng bà con quen biết ở Dương Trung, nhân tiện chào mừng tất niên.

Hôm ấy, cô Vang thừa dịp đi chợ Tào sắm Tết đã gặp Khoát ở bến đò Đức Giáo. Khoát cho Vang biết rằng cậu đã nói cha mẹ, sẽ nhờ Lái Quẫy ngỏ lời với ông bà Khóa dạm hỏi cô.

Cậu cũng vừa đem chuyện này bàn tính với Lái Quẫy. Khoát khuyên Vang nên chiều chuộng Sóc để cậu ấy tán thành cuộc hôn nhân.

Vang lặng thinh nghe, tay mân mê một bông hoa dâm bụt. Nước sông lững lờ chảy giữa đôi bờ xanh xanh.

*

Thấm thoát đã đến ngày đại hội chọi trâu. Thôn Dương Trung rộn rịp từ tinh mơ. Hầu hết mọi nhà trong thôn đều chật ních những khách khứa từ các xã lân cận đến xem hội. Khách nhà ông bà Khóa đông hơn hết.

Khoát đã có mặt tại đó từ hôm trước. Cuộc chọi trâu này có tính cách vô cùng quan trọng, vì kết quả có thể định đoạt cuộc tình duyên của cậu và Vang. Bác Lái Quẫy có hứa với Khoát rằng sau cuộc chọi trâu, nếu Sóc thắng giải, bác sẽ thừa dịp vui mừng của ông bà Khóa Mạc mà ngỏ lời dạm hỏi Vang. Nếu Sóc thất bại, việc dạm hỏi phải chờ một dịp khác, dịp đó chưa biết đến ngày nào mới có. Bởi thế, Khoát còn sốt ruột hơn cả những cậu trai Dương Sơn được vinh dự tranh giải chọi trâu.

Ngày mười bốn tháng Giêng, bãi Giang Đình ở đầu thôn Dương Trung được tổ chức thành một đấu trường chính thức, rộng ước năm sào, thiết lập giữa bãi, chung quanh có đóng cọc và cắm tre để phòng ngừa những con trâu hăng tiết lồng chạy ra bên ngoài.

Trước cuộc đấu, các trâu chọi được trình diện trước sân đình trong khi các tráng đinh dự cuộc phải làm lễ tế thần ở trong đình.

Sau đó cuộc gieo âm dương để cầu xin Thành Hoàng chứng giám cho sự trong sạch, chính đính của các tráng đinh và trâu chọi.

Rồi đến cuộc rút thăm do ông Tiên chỉ đích thân điều khiển và kiểm soát để chỉ định từng cặp trâu chọi, tất cả có mười sáu con, chia ra làm tám cặp chọi sơ kết.

Những trâu nào thắng sơ kết sẽ được bắt thăm lần thứ hai để đấu bán kết, rồi chung kết.

Thường thường, ít có sự bốc thăm chung kết vì tất cả trâu chọi đã chết hoặc què trong vòng sơ đấu hoặc bán đấu. Chỉ những trâu nào không bị què sau các cuộc đấu mới được giật giải thưởng danh dự, còn những trâu dù thắng đối thủ nhưng bị què chỉ nhận được giải thưởng ủy lạo.

Từ xưa đến nay, trong các cuộc đấu trâu ở xã Dương Sơn, chưa hề có trâu nào giật được giải danh dự, vì chưa có một con trâu nào sau cuộc đấu mà không trở thành phế ngưu. Các phế ngưu đó sẽ bị sẻ thịt tế thần và khao thết quan khách cùng làng. Những cuộc chọi trâu ở Dương Sơn sở dĩ hấp dẫn rất đông khán giả, có lẽ một phần cũng vì chung cục đã biến thành một cuộc đánh chén thịt trâu? Không khí vô cùng náo nhiệt.

Một hồi trống và một hồi cồng nổi lên vang động cả cánh đồng. Khán giả hồi hộp chăm chú nhìn từng cặp trâu nhìn nhau, húc nhau, chém nhau bằng sừng một cách ghê rợn, hoặc đuổi nhau chung quanh bãi chiến. Tiếng cẳng trâu kêu huỳnh huych. Bụi cát bay mù mù. Tráng đinh trong làng đứng bao quanh bãi chiến, cầm roi hèo hoặc đòn xóc giữ cho trâu không chạy ra được ngoài bãi chiến.

Có cuộc chọi không đầy năm phút đã kết liễu vì một "địch thủ", bị một "đòn đau" vội vã bỏ cuộc chạy trốn, nhất định không quay đầu lại.

Có cặp trâu ngang sức chọi nhau hăng nửa tiếng đồng hồ mà không hề thấm mệt. Gặp các cuộc đấu hào hứng như thế, những tiếng trống tiếng cồng lại càng nổi lên om sòm để khích thích hai đối thủ. Mặc dù biết trước rằng trong trường hợp kịch chiến ngang sức như vậy, hai con trâu thế nào cũng bị thương nặng có thể cùng lăn ra chết, hai chủ trâu đều khoái chí và rất lấy làm kiêu hãnh. Trong khi ấy, các khán giả hò hét, reo mừng cổ vũ cho cặp trâu tử chiến, rồi họ lại thét lên những tiếng thương tiếc khi cả hai con trâu

lăn ra chết, hoặc khi một trong hai con bị chém đến lòi mắt, gẫy sừng, què cẳng.

Năm ấy, con trâu của Sóc đã toàn thắng và chiếm giải thưởng danh dự.

Nó đã đấu hai trận hết sức oanh liệt. Trong cuộc đấu thứ nhất, nó đã thắng đối phương rất mau chóng, còn trong cuộc đấu chung kết, nó đã mất non nửa tiếng đồng hồ mới hạ được địch thủ bằng một "ngón sừng" ác liệt đâm sâu vào mắt bên phải của đối phương, khiến cho đối phương vỡ trán, lòi con ngươi và lăn ra chết.

Tiếng reo hò, ca ngợi vang dậy bãi chiến, trong khi Sóc và Khoát vui mừng chạy ra dắt con trâu chiến thắng đến trước Hội đồng Giám cuộc, để nhận giải thưởng danh dự: một trăm quan tiền và mười thước nhiễu điều.

*

Hôm sau ông Khóa Mạc lập tức mở cuộc ăn mừng sự thắng cuộc chọi trâu của Sóc cùng một lúc với cuộc mổ thịt các trâu tử chiến ở sân đình để Hội đồng Giám cuộc làm lễ tế Thành Hoàng.

Vui sướng nhất hôm đó là Khoát và Vang, rồi mới đến cậu Sóc và ông bà Khóa Mạc. Vang và Khoát đều chứa chan hy vọng. Nhờ vinh quang này của gia đình, cuộc tình duyên của hai người chắc chắn sẽ thành.

Ngày hôm sau, đợi cho khách khứa về hết, Khoát mới thúc giục Lái Quẫy ngỏ lời với ông bà Khóa Mạc về việc dạm hỏi Vang. Tự nhiên, Khóa Mạc buồn rầu buồn rĩ: Ông rất tiếc không thể gả Vang cho Khoát.

Lái Quẫy nói hết lời, nhưng ông Khóa tiếc không thể làm khác được, vì đối với ông, thủ tục "trai làng lấy vợ làng" là một điều tối thiêng liêng. Ông không thể vi phạm, để làm tổn thương đến danh dự của gia đình họ mạc.

Ông rất yêu quý Khoát và luôn luôn nhớ rằng Khoát đã dự một phần công lao rất lớn trong việc đem lại cho gia đình ông sự vinh quang sau cuộc chọi trâu. Để trả ơn Khoát, ông có thể chiều ý cậu về bất cứ sự việc gì trừ việc gả Vang cho cậu.

Trước sự từ chối quyết liệt nhưng chân thật của ông Khóa, Vang và Khoát đành ôm thất vọng.

Ngay chiều hôm ấy, Khoát từ biệt gia đình ông Khóa để trở về Đại Bái.

Ra đến bến đò Đức Giáo, chàng ngồi trên bờ đê, quay nhìn lại phía thôn Dương Trung. Gió buồn lê thê. Mây sầu chia ly. Chàng không muốn bước xuống đò sang sông, vì cảm thấy sang sông lần này chẳng bao giờ lại có cơ hội gặp Vang lần nữa. Những lời gắn bó với Vang trong năm, cũng trên bờ đê này, đồng vọng trong tiếng thổn thức của con tim se sắt.

Giữa khi đó, Vang hớt hải chạy đến. Cô không nói nên lời, phần vì chạy vội, phần vì quá cảm động vì Khoát chưa sang sông.

Nhưng giây phút sung sướng chỉ thoảng qua, vì sau đó cả hai người lại càng thấm thía nỗi niềm tuyệt vọng. Mà cuộc gặp gỡ lần này chỉ là một cuộc vĩnh biệt mà thôi.

Khoát nghẹn ngào nói cho Vang biết rằng chẳng bao giờ chàng trở lại Dương Trung nữa.

Vang khóc hết nước mắt.

Tiếng sóng vỗ dưới chân đê, nghe như tiếng hát ru buồn của một người mẹ thương con.

Bèo ơi, nước ơi, nước chảy bèo cứ trôi và mãi mãi người ta ở trên thế giới này vẫn khổ.

Chuyến đò cuối cùng giục giã chia ly. Khoát sang sông, lòng đau như cắt. Vang chảy nước mắt, trở về Dương thôn, hồn nặng thê lương.

*

... Ba tháng sau, Lái Quẩy cho gia đình ông Khóa Mạc biết tin Khoát đã tình nguyện sang Pháp để đánh giặc Đức. Vang được tin, lâm bịnh gần hai tháng. Đến khi khỏi sinh ngơ ngẩn. Rồi một hôm kia nàng biệt tích.

Ông bà Khóa và Sóc chia nhau đi tìm Vang khắp mọi nơi, nhưng vẫn chẳng thấy Vang đâu.

Tháng giêng năm sau, có người đem tin Vang tu tại chùa Trương Các ở huyện Hà Trung. Ông bà Khóa đi bộ hai ngày, qua bảy con đê mới đến được chùa và ôm lấy con gái khóc như mưa như gió. Ai cũng tiếc cho nhan sắc của Vang và thương cô cao số.

...

Riêng Khoát hình như từ khi đi lính cho Pháp, không hay tin tức gì của Vang.

Hàng năm, cứ đến ngày mười bốn tháng Giêng Khoát lại trông ra hoa tuyết trên trời, tưởng nhớ một ngày hội chọi trâu ở quê hương và tự nhủ:

"Chắc bây giờ chọi trâu ở Dương Sơn không còn tưng bừng, náo nhiệt như trước nữa!".

BÌNH NGUYÊN LỘC
(1914–1987)

Tên thật là Tô Văn Tuấn, sinh ngày 7-3-1914, ở Biên Hòa. Từ năm 1928 đến năm 1934 ông học ở trường Pétrus Ký – Sài Gòn. Bắt đầu sự nghiệp của Bình Nguyên Lộc là báo chí. Ông tham gia tờ báo Thanh Niên do Huỳnh Tấn Phát làm chủ bút. Sau Cách mạng Tháng Tám ông bước hẳn sang nghề văn.

Ông làm thơ, sưu tầm, biên khảo và sáng tác nhiều nhất của ông là truyện, truyện ngắn, tùy bút, bút ký.

Văn ông tinh tế, giàu hình ảnh, ngôn ngữ trong sáng, lối hành văn uyển chuyển. Là người Nam Bộ, ngôn ngữ văn học của ông cũng in đậm dấu ấn của ngôn ngữ phương Nam, gần đời sống dân thường, giàu chất liệu của vùng đất, châu thổ sông Cửu Long.

Nhà văn Bình Nguyên Lộc mất ngày 7-3-1987.

Ở đây chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc 2 truyện của ông. Đó là ***Rừng mắm*** *và* ***Đò dọc.***

*

RỪNG MẮM

(truyện ngắn)

Chim đang bay lượn bỗng đứng khựng lại, khiến thằng Cộc thích chí hết sức. Nó theo dõi con chim thầy bói ấy từ nãy đến giờ, chờ đợi cái phút nầy đây.

Thật là huyền diệu, sự đứng yên được một chỗ trên không trung, trông như là chim ai treo phơi khô ngoài sân nhà.

Chim thầy bói nghiêng đầu dòm xuống mặt rạch giây lát rồi như bị đứt dây treo, nó rơi xuống nước mau lẹ như một hòn đá nặng. Vừa đụng nước, nó lại bị bắn tung trở lên như một cục cao su bị tưng, mỏ ngậm một con cá nhỏ.

Cộc ngửa mặt lên trời để theo dõi ông câu kỳ dị và tài tình ấy nữa, nhưng mắt nó bị ngọn dừa nước bên kia bờ rạch níu lại.

Trên một tàu dừa nước, một con chim thằng chài xanh[1] như da trời trưa tháng giêng, đang yên lặng và bền chí rình cá.

Trong thế giới bùn lầy mà thằng Cộc đang sống, ai cũng là ông câu cả, từ ông nội nó cho đến những con sinh vật nhỏ mọn qui tụ quanh các ngọn nước.

Màu xanh của chim thằng chài đẹp không có màu xanh nào sánh kịp. Sự bền chí của nó cũng chỉ có sự bền chí của các lão cò sầu não là ngang vai thôi, cái bền chí nhìn rất dễ mê, nhưng mê nhứt là mũi tên xanh bắn xuống nước nhanh như chớp, mỗi khi thằng chài trông thấy con mồi.

Thằng Cộc là một đứa bé bạc tình. Một đàn cò lông bông bay qua đó, đủ làm cho nó quên thằng chài ngay. Là vì đầu cò chởm chởm những cọng lông bông, nhắc nhở nó những kép võ hát bội gắn lông trĩ trên mão kim khôi mà nó đã mê, cách đây mấy năm, hồi gia quyến nó còn ở trên làng.

Hồi ấy nó sướng lắm. Quanh nhà nó, có hàng trăm nhà khác, có vườn cây trái, có nước ngọt quanh năm, có trẻ con để nó làm bạn, để nó đùa giỡn với.

Nhưng không hiểu sao một hôm tía[2] nó bán chiếc chòi lá đi, rồi ông nội nó, tía nó, má nó và nó, một đứa bé mười tuổi, kéo nhau xuống một chiếc xuồng cui, một thứ xuồng to mà người ta gọi là xuồng mẹ, ghe con. Rồi họ đi lang thang từ rạch hoang vắng nầy đến kinh hiu quạnh nọ, và rốt cuộc dừng bước nơi cái xó không người nầy mà ông nội nó đặt tên là xóm Ô Heo.

---

1. Tác giả thấy rằng màu lông của loại chim nầy là *màu lục*. Nhưng người miền Nam cứ cho đó là màu xanh, nên tác giả viết theo đa số, để được hiểu. Vả lại, đôi khi trời trưa thì cũng có thể thấy chim ấy mang màu xanh.

2. Tía *là danh từ của người Mã Lai có nghĩa là* Cha, *nhưng miền Nam vay mượn của người Hoa Nam (Phúc Kiến và Triều Châu) vì người Hoa Nam gốc Mã Lai, còn dùng đến mấy trăm danh từ Mã Lai trong cái Hoa ngữ của riêng Hoa Nam, chớ không phải là vay mượn của người Mã Lai đâu. Vả lại danh từ* Cha *cũng do Giao Chỉ vay mượn của Hoa Nam hồi cổ thời và cũng cứ là vay mượn danh từ* Tia *(không có dấu sắc). Khi* Tia *được đọc thật nhanh thì nó hóa ra là* Cha, *như trong tiếng Pháp* Tiare. *Hai câu chú thích nầy để dành riêng cho bạn đọc gốc miền Bắc và Trung.*

Nghĩ đến những năm cũ, thằng Cộc bỗng nghe thèm người vô cùng, thèm còn hơn là thèm một trái xoài ngọt, một trái khế chua mà từ năm năm nay nó không được nếm.

Những người di cư năm nọ trên chiếc xuồng cui vẫn còn sống đủ cả. Những chiều nghi ngút sương mù từ đất lầy bốc lên, và những đêm mưa gào gió hú, những người ấy kể chuyện cho Cộc nghe, những chuyện ma, rõn óc như ăn phải trái bần chua. Nhưng dầu sao, Cộc cũng thích người khác hơn, cũng như nó thích vườn tược sầm uất hơn cảnh rừng tràm tối mịt hoặc cảnh đồng không bát ngát ở đây. Ở đây, cho đến tiếng chó sủa, tiếng gà gáy nó cũng không nghe từ lâu. Con chó săn và mấy con gà giống mang theo, đã ngã lăn đùng ra mà chết ngay trong tháng mới tới. Thằng Cộc ngạc nhiên mà thấy sao người vẫn không chết trong khí hậu tàn ác nầy: nóng, ẩm, còn muỗi mòng thì quơ tay một cái là nắm được cả một nắm đầy.

Chưa bao giờ mong mỏi của Cộc được thỏa mãn mau lẹ như hôm nay. Nó vừa thèm người thì tiếng hò của ai bỗng vẳng lên trong rừng tràm, rồi tiếp theo đó là tiếng chèo khua nước:

Hò ơ... tháng ba cơm gói ra hòn,
Muốn ăn trứng nhạn phải lòn hang mai.

Mũi xuồng cui ló ra khỏi khúc quanh của con rạch, và trên xuồng, chồng chèo lái, vợ ngồi không trước mũi mà hò. Cặp vợ chồng nầy, Cộc quen mặt mấy năm nay, nhưng không biết họ từ đâu đến. Nó chỉ biết họ ra biển để bắt cua và bắt ba-khía, một năm mấy kỳ. Nghe tiếng người lạ nói, nhứt là tiếng hát. Cộc sướng như có lần tía nó cho nó ăn một cục đường từ nơi xa mang về.

Thà là không được ăn, chớ còn ăn một chút xíu thì cái vị của món ăn còn chọc thèm hơn bao giờ cả. Nên chi Cộc nhìn xuồng chèo khuất dạng rồi thì xây lưng tức khắc để chạy lên Ô Heo.

Trọn vùng nầy, ông nội nó đặt tên là Ô Heo. Nhưng riêng trong gia quyến nó thì Ô Heo chánh hiệu là một cái gò xa ở trên kia, cách mé rạch đến hai dặm hú. Số là hồi trước, ngày đầu tới đây, ông nội nó với tía nó đi kiếm đồ ăn trong rừng, đã gặp nơi đó một ổ heo rừng. Cả ổ heo đều bị sát hại hôm đó và việc canh tác của gia quyến nó về sau nầy đã đuổi thú dữ đi xa.

Tuy nhiên, đề phòng chúng trở lại, ông nội nó đã cấm nó lên Ô Heo một mình. Thằng Cộc lại thích lên đó, ban đầu chỉ vì Ô Heo có sức quyến rũ của một trái cấm, nhưng về sau, nó gặp người nơi đó.

Đó là vài người đàn ông và đàn bà, nói là ở xa lắm, cách đó một ngày đường sông. Đàn ông thì đến để gác[1] quốc, gác nhan sen, còn đàn bà thì để nhổ bồn-bồn về làm dưa bán.

Đó là những người bạn bí mật của nó, nó giữ kín không cho nhà nó biết. Họ hay kể chuyện xóm làng, chuyện đám cưới, đám ma, đám hát, đám cúng đình, tóm lại tất cả sanh hoạt của làng mạc mà từ lâu Cộc không thấy và ngậm-ngùi tưởng đến như nhớ những kỷ niệm xa xôi.

Cộc chạy qua khỏi ruộng nhà và đứng lại nghỉ mệt. Nó mệt lắm, vì nó chạy dưới nước và dưới bùn mặc dầu lúa đã đến mùa gặt.

Năm xưa, gia quyến nó đến đây vào cuối tháng giêng, sau khi cúng ông vải xong ở quê cũ. Ông nội nó với tía nó đốt rừng tràm từ ngoài bờ rạch. Gió thổi vô rừng, và lửa, như con vật khổng lồ, đã táp một cái vào khối thịt xanh um của biển rừng tràm nầy. Thành ra ruộng nhà nó mang một hình tròn kỳ dị, không tròn đều đặn vì không ai chỉ huy được sự cháy rất là rắn mắt của ngọn lửa.

Cộc nhìn ruộng mình một hồi rồi cười khan lên. Đám rừng bị khoét một lỗ để làm ruộng, trông như đám tóc trẻ con được mẹ cạo, nhưng mới cạo có một mảng thì có chuyện gấp, bỏ dở công việc; đứa bé bị chúng bạn chế nhạo là đầu chó táp.

Lúa ruộng chín, cây lúa cao quá, ngã rạp xuống để lòi trăm ngàn gốc tràm lên, trông như ai đóng cọc để cất nhà sàn; năm xưa đốt rừng nhưng không đủ sức đánh những gốc tràm tươi rói không cháy được nầy, tía thằng Cộc đành cấy lúa giữa những gốc ấy, mãi cho đến ngày nay mà gốc vẫn chưa mục. Tía nó nói mười năm nữa, tràm chết cũng vẫn còn đưa cẳng lên như vầy.

Sau lưng Cộc là những rặng tràm bị cháy sém dưới trận lửa khai hoang, không chết ngay, nhưng "chết nhát", cứ mỗi năm chết lần mòn thêm vài mươi cây. Mấy hàng tràm đầu nám đen và trụi

---

1. Gác: *đánh bẫy.*

nhánh như cột nhà cháy, căm hận nhìn chiếc chòi lá xa tít mù dưới mé rạch đang chứa chấp kẻ thù đã lấn đất của chúng, đã sát hại chúng.

Sau đó, rừng dày mịt, chằn chịt những dây bòng bong, dây choại, bò từ thân cây nầy qua thân cây khác.

Thằng Cộc lắng tai nhưng không nghe tiếng động nào cả. Nó đánh bạo chen qua những cây bình-bát, cây ráng, mọc xen với tràm, để đi tới đích.

Một ổ chồn cộc bỗng chạy qua trước mặt nó, khua lên một cái roạch, làm nó giựt mình, nhưng tiếng người trên Ô Heo cách đó chừng hai hàng cây, giúp cho nó vững dạ.

Tiếng đàn bà hỏi:

– Anh hổng sợ thằng Mùi hay sao?

Tiếng đàn ông đáp:

– Thằng Mùi thì qua cho một loi là nhào hớt.

Cộc vẹt cỏ, lá, đi mau đến đó và khi nó chun ra khỏi khối xanh thì hai người có mặt trên gò Ô Heo sợ hãi ngồi dang ra. Người đàn ông gác quốc là người quen, người đàn bà nhổ bồn-bồn thì lạ hoắc. Chị nầy trẻ đẹp hơn tất cả những chị mà nó quen biết từ lâu.

Người đàn ông tự trấn tĩnh lại ngay, ngoắt nó lại mà hỏi:

– Muốn về trển hay không Cộc? Muốn thì đi theo chị hai mầy đây, chỉ có một đứa em gái ngộ lắm.

Trong khi thằng Cộc mắc cỡ tía tai thì chị đàn bà hỏi anh kia:

– Ở miệt nầy có người sao anh?

– Chỉ có một nhà thôi. Mới tới đây chừng năm năm.

– Quen hay lạ?

– Lạ. Họ ở trên Sa Đéc lận.

Chị đàn bà an lòng, vui lại được và nói với Cộc để mua lòng kẻ đã bắt chợt việc thầm lén của chị:

– Em của chị không bao giờ chịu về làm dâu ở một chỗ như vầy. Em có muốn thì phải ở rể thôi.

Rồi hai người lớn cười ngặt nghẹo với nhau.

Thằng Cộc mới mười lăm, nhưng cao lớn gần bằng người đàn ông kia. Mình trần của nó nổi u, nổi nần những bắp thịt rắn như nắn bằng đất sét gắn vào đó rồi nung cho đen và cứng.

Sự nẩy nở của thân thể nó đi song đôi với sự trưởng thành của đời sống sinh lý bên trong của nó. Năm nay nó đã bắt đầu bâng-khuâng mỗi khi chiều xuống, mặt trời đốt cháy đỏ đầu rừng tràm trầm-thủy trước nhà. Nhưng sống cô đơn ở đây, nó không biết chuyện trai gái như vầy là xấu đến mức nào và nó phải có thái độ làm sao nên bối rối lắm.

Chị đàn bà nắm tay nó, rị nó ngồi xuống bên cạnh chị, vỗ lên đầu nó rồi dỗ ngọt:

– Chị không ăn thịt em rể chị đâu mà sợ. Mầy mà về trển làm ruộng thì ai cũng ưa. Làm rể có công, ba năm thì má chị gả con Thôi cho mầy liền. Nói thiệt đó mà.

– Nó muốn trốn theo qua dữ lắm, người đàn ông nói, nhưng nó còn ngại.

– Ngại gì?

– Thì lo sợ cái việc xa xôi đất lạ đó mà.

– Em nè, chị đàn bà lại hỏi, nhà có mấy người?

– Bốn người.

– Ai với ai?

– Ông nội tui, tía tui, má tui với tui.

– Làm mấy công đất?

– Hồi đó bốn công, bây giờ mười công.

– Gặt được bao nhiêu giạ mỗi mùa?

– Tám giạ.

Chị đàn bà cười ngất một hồi rồi day lại hỏi nhơn tình:

– Trời ơi, ruộng gì mà mười công đất, chỉ gặt được có tám giạ thôi?

Người đàn ông không cười, đáp:

– Đất nước mặn nào mới khai hoang cũng như vậy hết.

– Rồi lấy gì mà ăn, em nhỏ?

– Tía tôi đi đổi lúa thêm, ở đâu không biết, xa lắm.

– Đổi bằng gì?

– Bằng cá khô. Với lại cũng chẳng cần ăn cơm. Nhiều khi ăn rùa, ăn rắn trừ cơm. Ở đây, rùa nhiều như kiến. Đốt rừng rồi đón trên đầu gió một lát là chúng nó lạch cạch chạy trốn lửa, bắt không kịp lận.

Chị đàn bà tỏ vẻ ái-ngại một hồi rồi nói:

– Nãy giờ chị nói chơi đó. Nhưng biết được tình cảnh của em, chị thật bụng thấy là em cần đi theo chị hoặc là anh đây cũng được.

Chị ta vói tay sau lưng, lấy bầu nước ngọt, mở nút ra rồi ngước mặt lên trời, rót nước vào miệng. Chị uống ừng ực vài cái rồi lại nói:

– Em có được ăn chè lần nào không?

– Không, từ năm năm nay rồi. Cách đây một ngày đường nước, không có nhà cửa ai cả, không có quán tiệm gì hết. Với lại cũng không có tiền.

– Ở Sa Đéc sao lại không vô Tháp Mười mà nhè xuống U Minh nầy?

– Tui cũng không biết tại sao. Nhưng ở Tháp Mười dễ chịu hơn hả?

– Chị cũng không biết. Chỉ biết đất hoang ở Tháp Mười gần quê cũ của em hơn. Quê em ở gần Cao Lãnh phải không?

– Gần.

– Em có nhớ xoài Cao Lãnh hôn?

– Tui lạy chị, đừng có nhắc chè, nhắc xoài nữa, tui thèm muốn chết đi. Năm năm nay, tui không có biết món ngọt là gì. Mấy cây chuối trồng sau nhà cũng chết queo vì đất còn mặn quá. Năm nay một cây trổ buồng, chắc tôi được ăn ngọt đây. Ứi chà! Trưa rồi, chắc tới bữa cơm, thôi tui về nha, anh, chị?

– Ừ, về, mai mốt lại lên đây nữa nha?

– Xuống anh chị ở đâu?

– Dưới kia. Nhổ bồn-bồn ở dưới ấy, nhưng lên đây cho khô ráo để ăn cơm trưa é mà. Em Cộc nè, em của chị ngộ lắm, trắng lắm nghe không?

Chuỗi cười của hai người nhơn tình ấy đuổi theo sau lưng Cộc khiến cho nó, trong giây phút, không muốn về nhà nữa.

Ra khỏi rừng tràm râm mát, mắt Cộc bỗng dưng như đổ hào quang trước ánh nắng tháng mười. Không khí bị đốt cháy, đang rung rinh như nước xao, và nó tưởng chừng như mái lá nhà nó, đen thui dưới kia, sắp cháy đến nơi.

Thằng Cộc về tới nhà thì cơm trưa đã dọn xong.

– Mầy đi đâu mà tới đứng bóng mới về? Má cộc hỏi.

– Tui đi lượm lông chim Long ô.

– Lông đâu?

– Mà kiếm hoài hổng có.

– Mồ tổ cha mầy, nhiều chuyện. Chim Long ô đời xưa mới có chớ đời nay đâu còn nữa. Mai gặt nghe không? Ăn cơm khuya rồi xuống đồng cho sớm, đừng đi đâu hết.

Cả nhà lặng lẽ ngồi quanh mâm cơm, không ai nói với ai lời nào. Những người nầy, sống biệt tịch ở đây lâu ngày rồi, đã gần biến thành á khẩu vì thói quen.

Riêng thằng Cộc, sự cần nói của tuổi thơ đang lên mạnh lắm như cần chạy nhảy, cần ăn uống vậy. Câu chuyện hồi nãy trên gò Ô Heo khiến nó càng bắt mùi nói thêm, nên nín không được, nó hỏi ông nội nó:

– Nội nè, hồi mới tới, giữa mùa nắng, mình uống nước gì, tui quên rồi?

Nó hỏi như vậy vì nó vừa nhìn ra cái giếng bên hè và nhớ ra là giếng đã ngọt nước hôm mùa nắng trước, mặc dầu đã được đào từ năm năm rồi.

– Uống nước đọng trên lung, trên rừng, chớ uống nước gì.

– Sao mình tới đây ông nội?

– Đã nói cho mầy biết rồi. Trên xứ, mình không có ruộng, làm công khổ cả đời.

– Ở đây, mình có ruộng, nhưng cũng khổ cả đời.

Ông nội thằng Cộc lặng thinh. Nó nhìn ông nội nó rồi chợt nhận ra rằng năm nay ông cụ già quá. Tóc râu của ông cụ đã trắng

bông. Nhớ ra ông cụ thường than mình nhớ mồ, nhớ mả ông bà quá, nó bùi ngùi thương ông nên dồm ra sân để quên.

Bấy giờ bóng của bốn cái nồi rau đã tròn vành, chỉ rằng thật đúng ngọ. Bốn cái nồi bể ấy, hèn là thế mà rất nhiều công dụng đối với nhà nó.

Để tránh nước mặn tràn bờ ngập sân, tía nó đã đóng mười hai cây cọc, làm thành bốn cái giá ba chơn tréo như giá trống của bọn đờn thổi đám ma. Trên mỗi giá, đặt một cái nồi lủng đít, và trong nồi để đầy đất mà tía nó mang từ xa về. Đất ở đây mặn chát dùng không được. Hành, ớt, rau râm, rau mồ om, được trồng trong mấy cái vườn cao cẳng đó. Đó là bốn thứ tối cần, đất mặn bao nhiêu cũng phải lập thế mà trồng cho được, không thôi không có món gia vị nào để ăn cá nữa.

Bốn miếng vườn cao cẳng và tí hon lại là chiếc đồng hồ của nhà nầy vào mùa khô. Cứ bằng vào bề dài của bóng giá là tính giờ được ngay, và khi bóng nồi tròn vụm che mất bóng giá là đúng ngọ ngay bon.

Nhìn ra sân một hơi, nhai nuốt hết cơm, nó day vô và hỏi tía nó:

– Năm nay mình gặt cỡ được bao nhiêu tía?

– Nhờ ông bà, đất nước, ít lắm cũng được hăm lăm giạ.

– Cũng chưa đủ ăn.

– Đủ gì mà đủ, má nó nói, nhà mình phải ăn trăm rưỡi là số chót.

– Với lại, tía thằng Cộc trở vào câu chuyện, tại lúa nàng Cụm thất gạo lắm. Năm tới ta gieo giống Tầm Vuột chắc được gạo hơn nhiều. Năm nay hễ chuối trổ buồng thì năm tới tao trồng sả, trồng ổi được rồi đó.

Cả nhà đều hớn hở trước dự định tương lai tốt đẹp kia. Nhưng thằng Cộc chưa thấy gì là xán lạn cả. Trồng ổi thì cũng phải khá lâu mới có trái, trong khi đó nó tiếp tục thèm chè, thèm xưng xa, nhớ đám cúng đình, nhớ hát bội và bị một hình ảnh mới quyến rũ, hình ảnh của con Thôi, chắc là giống hệt chị nhổ bồn-bồn, tức là có duyên lắm.

Con trai làng thấy con gái rất thường, thế mà họ còn thầm lén rủ nhau đi một ngày đường nước để ra đây gặp nhau, huống hồ gì nó chưa được nói chuyện với con gái lớn lần nào hết. Những đứa con gái bạn của nó cách đây năm năm, nó nhớ lại thì không có gì quyến rũ cả. Đứa nào cũng cạo trọc chừa bánh bèo phía sau và giữa chiếc bánh bèo, mọc ra một chòm đuôi dài trông đến buồn cười.

Nhưng mà con gái lớn phải khác. Cộc chưa thấy con gái lớn, nhưng tin chắc như vậy. Có một linh cảm gì, ở đâu từ kiếp tiền thân của nó bay lại và giúp cho nó biết như vậy. Những cô con gái lớn chưa thấy hình ấy, mà đã có tiêng kêu được, chúng âm thầm gọi Cộc, tiếng gọi như vẳng vẳng đâu trong không trung.

Thẫn thờ, thằng Cộc nói lại câu hồi nãy, và giận giỗi, thêm một đoạn khiến ông nội nó giựt mình, chống đũa mà nhìn nó trừng trừng:

– Ở đây mình có ruộng nhưng cũng khổ cả đời. Tui muốn đi quá, đi đâu cũng được, miễn ở đó có làng xóm, có người ta.

Thằng Cộc thích mấy cây nọc nạng lắm. Bó lúa nào gác lên đó cũng nằm yên cả chớ không chực rớt xuống nước ruộng như những bó lúa gác lên đầu nọc thường.

Đó là những gốc tràm mà cháng hai chẻ ra rất thấp. Khi đốn tràm cháy, tía thằng Cộc đã trù xa, đốn ở trên cháng hai ấy độ một gang ruỡi nên bây giờ họ mới có nọc nạng rất tiện mà dùng gác lúa.

Ông nội thằng Cộc chống xuồng trên ruộng, len lỏi qua mấy gốc tràm. Ông ghé từng gốc để cho lúa xuống xuồng.

Đủ thứ là cò, cò ma, cò lông bông, cò quắm, cò hương, thân mật nhìn gia đình bốn người gặt lúa nhà. Đây là bốn người độc nhứt mà chúng thấy mỗi ngày ở vùng hoang vắng nầy; ban đầu chúng sợ hãi họ, nhưng về sau, thấy họ hiền từ quá, chúng làm quen với họ đã được bốn thế hệ cò rồi.

Má thằng Cộc lội sình tới đầu gối, và lội nước gần tới háng nhưng vui vẻ hơn ngày nào hết. Bà ta tằng hắng rồi cất tiếng hò:

Hò... ơ... tiếng anh ăn học lãu thông,
Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường?

Hò xong câu đố ấy, bà lắng đợi chồng bà hò đáp. Nhưng tía thằng Cộc cứ làm thinh mà gặt, khiến bà đâm ngượng nên cười rồi cự chồng cho đỡ mắc cỡ:

– Tía nó sao câm cái miệng lại, không bắt vậy?

– Hứ, nhiều chuyện nà! Già rồi mà còn hò với hát, bắt với ghẹo. Bộ còn trai gái gì đó sao?

Vì vui kết quả của cần cù nên má thằng Cộc quên rằng bà ta đã quá mùa hò rồi. Tía nó nhắc lại bà ta mới chợt nhận ra. Tuy nhiên bà vẫn ngậm ngùi nhớ cái thú vui thuở bà còn con gái và ngay bây giờ đây, tóc đã nhuốm hoa râm rồi, bà cũng hưởng được nếu còn ở làng, hưởng bằng cách khuyến khích bọn trai trẻ hò đối đáp với nhau.

Thằng Cộc thì xôn xao trong lòng, nhớ lại lời chị nhổ bồn-bồn bảo rằng nó mà về làng làm ruộng thì ai cũng ưa. Ừ, nó sẽ hò đối đáp với con Thôi. Chậc! Mà nó phải nhờ má nó dạy hò mới được. Nó có nghe hò lần nào đâu để mà thuộc giọng và biết câu.

Đến chiều thì xong xuôi cả. Ông nội thằng cộc chống xuồng lúa để ra bờ rạch, còn tía nó, má nó và nó thì lội nước sình mà về bộ.

Đập lúa và phơi phong mất hết mười ngày. Trong những ngày buồn tẻ, phẳng lì giữa cảnh bùn lầy nước đọng ấy, thằng Cộc càng nao nước muốn về làng.

Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường.

Câu hò của má nó ám ảnh nó từ hôm gặt đến nay. Nếu con Thôi mà hỏi đố nó câu ấy chắc nó phải ngậm câm, cho dẫu được phép trả lời bằng văn xuôi.

Khăn lông là vật dụng mà nó đã quên rồi thì còn biết là mấy đường để mà đáp cho thông. Từ lâu, nó chỉ có một chiếc quần xà lỏn trên người, mùa nắng cháy như mùa mưa lạnh. Đêm khuya nó nhờ nóp che thân cho đỡ bị muỗi đốt và gió cắt da.

Những món đồ cần dùng của thế giới văn minh ấy cũng thuộc vào những thứ gợi thèm như bánh trôi nước, bánh ít trần và mái tóc của con Thôi.

Hôm ấy, dùng bồ cho con cháu đổ lúa vào, ông nội thằng Cộc long trọng nói:

– Ngày mai ra biển.

Không ai hỏi ra biển để làm gì hết. Thằng Cộc cũng làm thinh, trái với mọi ngày mà nó hỏi không kịp đáp.

Con rạch Ô Heo trước nhà, nếu có đi trên ấy thì phải về ngọn, nó nghĩ như vậy, đi về ngọn để rẽ qua những kinh rạch khác mà tìm làng mạc sầm uất, chớ xuôi giòng ra biển thì còn nghĩa lý gì nữa chớ?

Nó chưa được ra biển lần nào cả và mấy năm trước đây nó muốn theo ghe của bọn bắt cua để đi một chuyến lắm, mà không được phép đi.

Chuyến đi đầu đến một chơn trời xa lạ mà ông nội nó vừa cho biết, không làm cho nó phấn khởi chút nào cả.

Ông nội nói tiếp, dặn mẹ nó:

– Con mẹ Trùm, ngày mai phải dậy khuya nấu cơm. Tao đi với thằng Trùm và thằng Cộc, đi thật sớm để gặp con nước lớn ngay tại cửa mà về cho tiện.

Rạch Ô Heo nhỏ xíu cho nên tràm mọc ở hai bên bờ giao nhành với nhau được và phủ kín cả mặt nước.

Rạch tối om, đi như đi trong hang. Bây giờ thằng Cộc mới thấu nghĩa hai tiếng *"Hang mai"* trong câu hát của bọn đi bắt ba-khía.

Những nơi ánh nắng lọt vào được thì hai bên bờ, ô-rô và cóc kèn mọc đầy.

Nước ròng chảy xiết, xuồng trôi bon bon. Tuy vậy, ông nội và tía cũng chèo cẩn thận để mau tới nơi, hầu về kịp nội buổi chiều ngày đó.

Gần tới trưa, xuồng không đi mau nữa.

– Nước đứng rồi, ông nội nói, tức ta gần tới cửa rồi.

Họ thôi chèo, để cho xuồng trôi linh đinh, không tiến cũng không lùi, rồi lấy cơm dỡ trong mo nang ra mà ăn.

Không đi thì thôi, đã trót đi, và lúc gần tới đích, thằng Cộc nghe thích thấy biển coi ra sao. Nó và cơm hối hả rồi hỏi:

– Ra đó làm gì ông nội?

– Rồi mầy sẽ biết.

Họ ăn cơm xong thì nước bắt đầu lớn. Họ chèo ngược nước cho đến quá đứng bóng thì đến một nơi kia mà ông nội tuyên bố rằng đó là biển.

Thằng Cộc ngạc nhiên lắm mà chẳng thấy biển đâu cả. Con Rạch tiếp tục đi xa ra ngoài kia, hai hàng rào cây như đứt khúc, đâm vào một vách tường xanh như da trời.

– Biển ở đâu, ông nội? Cộc hỏi.

– Đàng xa kia, xanh xanh đó.

– Sao không ra ngoài, ông nội?

– Không cần.

Tía thằng Cộc chèo mũi, rút sào cặm xuống bùn, theo lịnh của ông nội nó.

Ông nội gọi Cộc hỏi:

– Con có thấy gì khác lạ không?

– Không, ông nội à.

– Không thấy? Cây ở đây không khác cây sau lưng mình à?

– À... phải rồi.

Cộc nhìn lại thì quả như lời ông nội nó nói. Nơi đây, đất đã hết, mà chỉ còn bùn. Tràm mọc tới mé đất cuối cùng thì dừng lại, như là dân ở biên giới một nước kia dừng lại nơi bìa lãnh thổ mình.

Hết tràm thì có một khoảng trống, nửa bùn, nửa đất, trên ấy cỏ ống rậm ri và chim cao cẳng đủ loại đáp đầy trong cỏ.

Tràm đứng trước bãi cỏ mà nhìn dân láng giềng mọc trên bùn đen. Đó là những cây ốm nhom chen nhau mà vượt cao lên, cây nầy cách cây kia không đầy bốn gang tay.

Bờ biển thoai thoải dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một đạo binh xuống núi, tuôn hãm thành hầu lập công.

– Nhìn xuống gốc cây, ông nội bảo.

Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đen trắng đối chọi nhau trông rất đẹp.

– Cây gì mà lạ vậy ông nội? Trổ bông ngay dưới gốc?

– Bông trổ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là Rễ gió. Cây nầy là cây mắm. Đây là rừng mắm đây.

– Cây mắm? Sao tui không nghe nói đến cây mắm bao giờ?

– Con không nghe nói vì cây mắm không dùng được để làm gì hết, cho đến làm củi chụm cũng không được.

– Vậy chớ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hằng hà sa số như là cỏ ấy?

– Bờ biển nầy mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hàng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lủn và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia cây mắm sẽ ngã rạp. Giống tràm lại nối ngôi mắm. Rồi sau mấy đời tràm, đất sẽ thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Thấy thằng cháu nội ngơ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

– Ông với lại tía của con là cây mắm, chơn giẫm trong bùn. Đời con là tràm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau.

Đồi cây mắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu của họ hưởng.

Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi? Vả lại con không thích hi-sinh chút ít cho con cháu của con hưởng hay sao?

Thằng Cộc nhìn lại ông nội nó và nghe thương không biết bao nhiêu ông già đã bỏ mồ bỏ mả ông cha để hì-hục năm năm trong đồng chua, nước mặn ở Ô Heo.

Phải, cứ theo dự đoán của gia đình thì nó sắp được hưởng, tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều. Nó nắm chặt tay ông nội nó và nó thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ nho kia mà.

– Ông ơi, nó than, nhưng tràm buồn quá.

– Tràm sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới, đất thuần rồi thì ta làm ba mươi công và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới phụ lực. Rồi tía con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chước ta, tràn tới đây mà phá rừng, vùng Ô Heo sẽ sầm uất, vui biết bao nhiêu. Tràm hết buồn vì sẽ đẻ ra cau, dừa, xoài, quít, đầy nhà, nước sẽ ngọt một khi đất thuần...

– Và sẽ có chè ăn?

Ông nội cười ha hả mà rằng:

– Gì chớ chè thì sẽ có lu bù.

– Mà ông nội nè, cưới vợ làm sao được, ai thèm tới Ô Heo?

– Hai năm nữa người ta sẽ đồn rằng đất Ô Heo thuần. Những kẻ nghèo khó như ta chỉ mong được tới đây. Ông nói điều nầy, không biết con hiểu được hay không. Là tổ tiên ta ngày xưa từ Bắc, Trung tràn vào đây đều chịu số phận làm cây mắm hết, từ xứ Đồng Nai nước ngọt cho tới đây, ở đâu cũng hoang vu cả.

Họ đã ngã rạp trong chốn ma thiêng nước độc nầy để lót đường cho con cháu họ đi tới, y như là đàn kiến xung phong, tốp đầu liều chết đuối, lội qua tô nước rọng hũ đường để làm cầu cho bọn đi sau vào đến nơi có chất ngọt. Nhiều lớp tiên phuông đã ngã gục như rừng mắm. Rồi thì ông sơ, ông cố con, ông nội đây là tràm mới kiếm được miếng ăn...

– Tía.

Thằng Cộc lo lắng không biết tía nó sẽ làm tràm như nó được hay không nên kêu tía nó bằng một giọng thương yêu trìu mến hết sức.

– Thôi, nhổ sào để đi về cho kịp con nước, ông nội ra lịnh.

Ông nội vui vẻ quá, vì ông bỗng sực nhớ lại những câu hò của thế hệ người tiên phuông đi khai thác đất hoang ở miền Ham, mà ngày nay thế hệ tràm không hát nữa. Ông cất giọng khàn khàn lên:

Hò... ơ... Rồng chầu ngoài Huế,
Ngựa tế Đồng Nai.
Nước sông trong sao cứ chảy hoài,
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

Năm 1957

ĐÒ DỌC

(truyện)

Cả nhà bỗng giụt mình thức dậy giữa loạt súng đầu. Ông Nam Thành nói: "Rồi, rồi!" rồi nhào đại xuống đất và hét thêm: "Xuống bà, mau mau! Bây ơi, xuống đất mau mau!".

Bà Nam Thành mập tù lu, ột ệt ngồi dậy, bới đầu, bộ chẫm rãi như không việc gì, khiến ông sốt ruột nạt:

– Biểu xuống, còn ngồi đó, chết bây giờ!

– Làm gì mà chết!

"Ầm...!"

Cả dãy phố như rùng mình lên một cái, đất cát đâu trên ngói rớt xuống trần kêu lộp độp, trần *xi-măng* lại đổ xuống gạch kêu lạch cạch như ma ném đá.

Bà Nam Thành ngã lăn trên nệm rồi la bài hãi:

– Chết rồi ông ơi!

– Ừ, nói không chết mà! Thây kệ, cứ ở trển mà la, rồi đạn nó ăn, đừng than.

Bà Nam Thành cứ vừa la, vừa kéo mềm trùm lại kín mít, làm như trùm mền là chắc ăn lắm.

Nơi buồng trong, nghe chào rào chộn rộn, nghe lụi đụi dữ lắm rồi có tiếng cười, lại có tiếng khóc, cười và khóc đều do con gái cả.

Ông Nam Thành lại kêu:

– Con ơi, xuống đất nghen con!

– Dạ!

– Dạ!

– Dạ!

Có đến bốn, năm tiếng dạ, mà toàn là giọng con gái.

Nhà có ba buồng. Buồng ngoài là một cái thảo bạt, cất thêm mái hiên và cửa, vách, dùng tiếp khách. Ông bà Nam Thành ngủ ở

buồng chánh, bây giờ biến thành buồng giữa, bốn cô con gái ngủ ở buồng trong cùng.

Bóng chong ba nến ở thảo bạt đục và nhỏ y như cái trứng gà, đang soi mờ cái cảnh dị kỳ đó: một ông cụ nằm co dưới đất, một bà cụ trùm mền trên giường, và bên trong, bốn cô con gái ôm nhau cười và khóc.

Liên thinh vẫn nổ không dứt, từng chập điểm những tiếng nổ "ầm" của tạc đạn, của bách kích đạn, giống như pháo tràng ngày Tết điểm pháo đại giữa dòng.

Quả đạn bách kích nổ to hồi nãy, gần nhà, là một quả đạn lẻ loi, còn thì nổ tương đối hơi xa cả.

Ông Nam Thành bò lẹ vào buồng trong, nhìn một đống con người lu bù tay chơn và đầu, rồi hỏi:

– Có đứa nào làm sao không?

– Dạ không.

– Dạ có, ba à, con Quá nó khóc ba à!

Có tiếng cười rúc rích của hai, ba cô gì đó, rồi nghe một cái đụi.

– Ui cha! Con dịch! Ba ơi, nó đạp con té cái bịch đây nèr!

– Đừng có giỡn mà các con! Tao rầu chín ruột mà tụi bây còn giỡn được!

Cái cô gái nói tiếng "nè" với chữ *r* ngoài sau, hỏi to:

– Má làm sao mà la dữ vậy, ba?

– Thì cái tật của má mầy, không biết hay sao mà còn hỏi. Nó nằm đó mà la, chớ không làm gì hết, có thèm hạ thổ như mình đâu! Thôi, rán chịu đừng có lên giường nghe các con!

Rồi ông bò trở ra. Bây giờ tiếng súng hơi lơi, bà Nam Thành hé mền, thấy không có gì ghê sợ cả, nên đánh bạo tung hết mền rồi lết xuống gạch.

Ông Nam Thành bò tới nơi, hỏi đùa:

– Sao không nằm luôn ở trển?

– Mấy đứa nhỏ có sao không ông? Bà không đáp mà hỏi như vậy.

– Chúng nó đánh lộn trong đó, chớ không sao cả!

– Chồng ngồng cái đầu mà sao như là con nít é! Ông à, gì đó vậy ông?

– Họ đánh giặc chớ gì?

– Ai đánh với ai? À, mà hồi nãy, ông nói gì mà "Rồi, rồi!"?

– Bà quên rằng hổm nay nó căng thẳng như giây đờn hay sao. Người ta nín hơi lo cho dây đứt. Nay nó đứt là "rồi" chớ gì?

Bỗng liên thinh lại đổ hồi dữ dội, đạn bách kích pháo lại nổ ầm ầm, hai ba quả nổ rất gần và trần lại đổ.

– Đâu như là bên bót Hoàng Hùng! Bà Nam Thành nói.

– Không, độ rε thì là đằng trường Đức Trí.

– Ai đánh với ai vậy ông? Liệu ta đánh Tây hay không?

– Ai biết! Mà bà hỏi điều đó làm chi?

– Vì đó là việc chết sống của mình. Ông giỏi quá mà sao không thấy?

– Tôi thật không thấy. Bà nói nghe thử.

– Nầy nhé! Nếu ta đánh Tây thì cái thành *Ô Ma* trước nhà mình sẽ hóa ra bãi chiến trường, và xóm nầy sẽ nát cả.

– Ờ, trời ơi!

Ông Nam Thành kêu lên thế, rồi tái mặt đi. Vừa lúc ấy có tiếng động người chạy rần rần ngoài đường cái, tiếng la khóc om trời.

– Trời ơi! ta xung kích thành *Ô Ma!* Ông Nam Thành kêu lên và điếng cả người.

– Xí, vậy mà làm bộ giỏi, làm bộ gan! Lính gì mà xung kích người ta, lại khóc. Cho bằng đó là họ đi coi hát về khuya, bị trận đánh bắt chợt giữa đường. Không nghe giọng đàn bà la đó à?

"Ầm...!"

Đến thật khuya, súng mới thôi nổ. Vài căn nhà gan dạ, mở cửa ra gọi nhau, hỏi chuyện nhau. Phần đông nín khe. Nhà ông Nam Thành cũng im thin thít. Nhưng họ thức mà bàn tán chớ không ngủ.

– Con đố ba, họ đánh ở đâu?

– Nghe ở hướng trong, hình như đâu trong ngã tư *Năng Xi.*

– Khổ quá, bà Nam Thành than. Thật là chạy ô mồ mắc ô mả. Ngỡ lên đây bình yên được, nào dè...

– Chớ mười năm nay lại không bình yên à? Phải ta còn ở dưới thì liệu còn đầy đủ cả nhà như vầy hay không?

– Lâu rồi không nghe tiếng súng, quên nó mất, nay nghe lại thì sợ y như hồi 45, má hớ, cô Hương nói.

– Em nhớ lại cái đêm họ đánh nhau ngoài vàm, em ghê quá, cô Quá nói và bị một cái tấm tức muộn ngắt đôi câu nói của cô.

– Nói dóc, cô Hoa mắng em. Hồi đó mầy mới có mười một tuổi, biết gì?

– Chớ chị lại lớn hơn ai. Chị mười ba tuổi, chớ bao nhiêu.

– Mà tao có dóc, có nói nhớ cái gì đâu.

– Tôi đố ông, ai ăn ai thua?

– Chưa có ăn, thua gì đâu. Lực lượng của đôi bên, lẽ nào chỉ đánh vài giờ mà tiêu hết một bên được. Họ ngưng đó chớ.

– Vậy còn đánh nữa? Ghê quá?

– Ghê cũng phải chịu, chớ biết sao. Mà mình dại quá, sợ hãi vô ích. Vách tường mấy mươi lớp chung quanh, đạn làm sao tới mình cho được.

– Sợ *mọt-chê* ấy chớ.

– Có trần thì đỡ lo.

– Trái phá thứ lớn, nổ bể nhà hay không ba?

– Sao lại không. Nhưng nhà mình là nhà dân, chớ có phải là pháo đài đâu mà họ dùng trái phá thứ lớn để bắn sập nhà mình.

Cả nhà mòn mỏi rồi ngủ quên luôn cho đến trưa trờ trưa trật mới dậy.

Nhà ông Nam Thanh ở trong ngõ hẻm ba mươi căn đường Võ Tánh, ngang hông thành *Ô Ma.* Ông ở căn bìa hết và chuyên bán rương và *va-ly* da cho quân nhân Pháp.

Trước kia, ông là thầy giáo Hải, giáo làng, ở một xó hẻo lánh trong tỉnh Bắc Liêu. Hai vợ chồng trôi giạt lên Sài Gòn với bốn đứa con gái, một gói áo quần cũ và hai bàn tay không.

Gia đình ở đậu nhà người bà con, tại căn nhà bây giờ. Nhờ cần cù và may mắn, nhứt là may mắn, hai vợ chồng dành dụm được chút ít, trong khi người bà con nướng sạch cả của cải trong Kim Chung.

Thành ra không bao lâu, người bà con ấy nhường đứt luôn căn nhà lại cho ông giáo Hải.

Người trong xóm phần lớn là me Tây, thứ me hơi sang sang, nên mới được các đức phu quân mướn phố gạch cho mà ở.

Ông giáo Hải nhận ra điều nầy, là những cô me Tây ấy thường đổi chủ tùy theo sự thuyên chuyển của các đức phu quân.

Họ được giao tận tay lại cho người thừa kế, bên đi và bên lại, *rua* nhau rất thân mật, gởi gắm cô nàng rất ân cần.

Vì vậy ông giáo nẩy ra sáng kiến bán rương da. Ông đếm rương của xưởng thợ người miền Bắc, rồi bán lẻ tại đây mà ăn lời.

Môi giới là những cô me Tây ấy; họ ăn chia với nhau và đồng lòng cùng nhau mà đập các quân nhân dễ tính trong công việc mua sắm kia.

Những ngày khói lửa sau cái đêm hãi hùng ấy trải qua như một cơn ác mộng. Rồi câu tục ngữ Pháp "Sau mưa thì nắng" sao mà nghe đúng ngay bon.

Quả thế, trong mấy tháng sau đó, vợ chồng ông Nam Thành phát tài lạ. Tây nó mua rương nhiều gấp ba mọi khi, mà không cần trả giá cho lắm.

Ông Nam Thành nhận thấy điều nầy nữa là bà me Tây nào tiễn chồng là trở về với chăn đơn gối chiếc, chớ không có người hứng hoa rơi như trước nữa.

Ông không quen nghĩ xa, nên cứ làm ăn được ngày nào là mừng ngày nấy thôi.

Vào tháng thứ ba, ông bán thôi không hở tay. Ông không ngạc nhiên, vì có tin chánh thức là quân đội Pháp sẽ rút toàn diện.

Tuy chỉ tham gia kháng chiến có một năm thôi, ông Nam Thành vẫn ao ước độc lập và mong đợi sự triệt thối ấy từ hơn mười năm nay.

Bây giờ mộng ông đã thành sự thật thì còn gì thích bằng. Thích hơn nữa là Tây ra mà tiền lại vô. Vô rất nhiều. Vui lắm! Những trò xảy ra chung quanh ông cũng rất khôi hài để tăng thơ thới nơi lòng ông. Các cô me Tây làm mối ăn tiền đầu, mà mỗi lần đưa tay lấy tiền là khóc bù lu bù loa. Nào là "Thằng chả đi luôn thì tụi em đây khổ bỏ mẹ". Nào là "Tiền nầy là tiền vớt, tiền vát, nuốt thì nó nghẹn vì thương ai, mà không nuốt thì sẽ không có mà nuốt nữa".

Một cô nói: "Mình đi chung một xuồng, ông Nam Thành hớ. Hễ tụi em mà chìm, thì ông cùng chìm tuốt theo".

Nghe câu nầy ông Nam Thành giựt mình. Nhưng cái nguy xa lấn sao được cái đắc thắng gần. Và qua cái tháng làm ăn rần rộ đó, ông mới thấy lời ấy là đúng.

Me Tây lần lượt kêu người sang phố, bán cả đồ đạc để trôi giạt về đâu không rõ.

Hai vợ chồng ông Nam Thành ở lại ăn lần tiền lời kiếm được một cách vội vàng kia.

Một năm qua...

– Vỡ nợ rồi!

– Ai vỡ nợ?

– Ông Đỗ Mạnh Tánh chớ ai.

– Tánh nào?

– Bán thực phẩm cho nhà binh Pháp, đường Yersin đó mà.

– À, nhớ rồi, có bà vợ còn trẻ ấy à?

– Ừ.

– Trời, sao mà mới có một năm...

– Thì ăn xài to, lại đổi nghề trong khi chưa sành trong ngành hoạt động mới.

– Chỉ có mình là khôn. Ở không, nghĩ lẫm rẫm mà hay.

– Hay gì. Thì cũng chết như nhau. Người ta loi nhoi thì phải lăn đùng ra mà chết. Còn mình nằm yên không cục cựa thì sẽ chết lần, chết mòn, đằng nào cũng chết cả.

– Lạ quá, ngày xưa, không có quân đội Pháp, sao không ai chết. Bây giờ có, mà hễ nó đi là áp nhau mà la làng.

– Có gì lạ đâu. Là tại mình ăn bám nó. Đứa nào không ăn bám nó, vẫn sống nhăn. Hội đồng Thời bên Rạch Giá, bây giờ chạy xe đò Sài Gòn – Bình Dương đó có chết đâu, tuy cũng mệt chút ít thôi.

– Không chết mà cũng mệt. Tại sao lạ vậy?

– Là tại đời bây giờ cái gì cũng dính liền với nhau không thể tách riêng được. Nầy nhé: Tây nó đi, thì các quán rượu đóng cửa. Nhân viên các quán rượu ấy không có tiền ăn phở nữa. Anh hàng phở, vì thế hết xu để đi xe. Các me tây không may áo, không bỏ giặt ủi nữa thì hiệu may, hiệu giặt ngưng hoạt động; thợ may, thợ giặt không đi coi cải lương, cải lương sụt *rò-sết*, đào kép bớt mua báo, báo ế, vân vân...

Thảm lắm! Mấy năm trước hễ mình đón *tắc-xi* là y như bên cạnh mình cũng có người đang đón. Xe ngừng sau khi mình đứng dang nắng muốn rục giò là mình và họ tranh nhau mà lên xe, cãi lộn om trời. Ngày nay thì khác xa: bà đưa tay ngoắt một cái là ba bốn chiếc *tắc-xi* xề lại, bác tài nào cũng quả quyết là mình kêu họ trước. Thật là:

Thân nầy nếu xẻ làm tư được.

– Sao hồi đó ông cứ vái cho nó đi. Phải nó không đi có phải là...

– Bà đừng nói bậy. Nó phải đi thì dân ta mới ngóc đầu lên nổi. Còn tụi ăn bám như mình, muốn khỏi chết thì đổi nghề, chớ có gì đâu. Khi một số đông không ăn bám vào một chỗ nào được nữa, thì cố nhiên có rối loạn. Trật tự cũ bị xáo trộn cả. Những phần tử bị hất ra đó, vì bản năng tự tồn sẽ cố tìm nẻo mà chui rồi lần lần trở về lối sống cũ trước ngày ăn bám, và tình trạng sẽ ổn định lại như xưa. Có điều là phải bỡ ngỡ khổ sở, khó khăn lúc mới bị xô ra,

nhưng phải cắn răng mà chịu chớ kêu ca với ai, ai biểu mình ỷ lại làm chi.

– Ông nói nghe dễ ợt. Sao không giỏi đổi nghề thử coi!

– Thì đổi. Bà tưởng trong một năm nay, tôi yên phận nằm ỳ ở đây sao. Tôi tính nát trí mà chưa ra đó chớ.

– Một năm mà vẫn không ra, thì ba năm nữa, chắc cũng chẳng ra!

– Bà đừng có vội. Người ta nói bôn ba không qua thời vận. Bà thấy không, tụi Tư Minh, sáu Chẩn, chạy theo Tây ra *Cấp* bây giờ cũng triệt thối về Sài Gòn, mà còn méo mặt nữa chớ.

À, nói *Cấp*, tôi mới nhớ ra. Anh phán Tân ảnh rủ mình đi *Cấp*, đi hết nội nhà, đi xe của ảnh.

– Ở ngoải mấy bữa?

– Thì đi chiều thứ bảy, chiều chúa nhựt về. Ảnh phải đi làm sáng thứ hai.

– Thôi đi ông. Cái đó là đi dang nắng chớ có phải đi nghỉ mát đâu. Tối thứ bảy ra tới ngoải rồi chịu cái nhức đầu đi nắng suốt đêm đó. Sáng ra vừa hết là phải chịu cơn nhức đầu bận về nữa. Mẹ con tôi ở nhà còn sướng hơn.

– Nhưng tôi đã hứa lỡ rồi.

– Thì ông đi một mình.

Ba ngày sau, ông Nam Thành *cọp* xe đi Vũng Tàu; đến mười giờ đêm sau mới về tới nhà. Sáng ông ngủ dậy rất trưa, rồi loay hoay một hơi là tới bữa ăn.

Chiếc bàn tròn xếp, kiểu cắc-chú, được mở ra và đặt ngay giữa nhà bếp, cạnh cái lò. Khói nấu cơm vì thiếu lối thoát, còn un nghẹt nơi đó.

Cả nhà đều ngồi quanh bàn, trừ cô Hương, con gái lớn của ông bà, còn bận chiên cá bống lăn bột, món ấy cô làm sau hết cho được nóng hổi lúc ăn.

Mặt đỏ ửng, nước mắt sống chảy ròng ròng vì cay khói, cô Hương vừa vén tóc trán bằng cánh tay, vừa cười nói với mấy cô em:

– Bữa nay tao mới hiểu tại sao bánh xèo mà người Huế họ lại kêu là bánh khói.

– Vậy hà, cô Quá ngạc nhiên hỏi, họ kêu là bánh khói à?

– Chớ sao.

– Tại sao vậy chị? Cô Hoa hỏi.

– Tại bánh xèo phải ăn ngay lúc vừa mới lấy ra khỏi chảo mới ngon. Mà muốn ăn ngay, phải ngồi gần chảo, tức là phải ngồi gần khói. Ăn bánh khói, tức là ăn bánh trong đám khói.

Ông Nam Thành cười ha hả:

– Con Hương nó bói ra ma. Tao thì nghĩ khác. Tao tưởng *khói* là tiếng *khoái*, nói ngọng theo lối miền Trung. Bánh khói là bánh khoái, ăn khoái miệng lắm.

– Thôi, coi rồi thì đem lại ăn luôn con!

Bà Nam Thành sốt ruột con gái lớn của bà bao giờ cũng thiệt thòi, nên thúc giục như vậy.

Cô Hương xúc cá bằng vá dẫy rồi vội vàng đem lại đặt lên trên nệm *xà-lách-xon* trong dĩa.

– Chế nước *xốt* vô, Hồng! Cô bảo em gái kế như vậy rồi đi rửa tay dính mỡ để ngồi vào bàn ăn.

Người miền Nam ta có nhiều lối đặt tên con rất ngộ nghĩnh. Có lối đặt liền với tên cha, hễ cha tên Sang thì con phải tên Trọng, cha tên Phú thì con phải tên Quí, cha tên Sâm thì con phải tên Nhung.

Có lối đặt liền với nhau. Thí dụ bốn đứa thì đặt: Nết, Na, Đằm, Thắm; năm đứa thì đặt: Cửu, Hạn, Phùng, Cam, Võ.

Ông Nam Thành đặt tên con một cách đặc biệt hơn ai cả, ông dựa theo năm chữ nhạc đầu trong điệu Bình-bán vắn mà quyết định giọng của chữ tên của con ông:

Hương, Hồng, Hoa, Quá, Thơm.

Ý ông muốn nói: cái hương của Hoa Hồng thơm quá! Mà nói bằng điệu ca Bình-bán vắn, câu đầu.

Cứ theo ý chí đó thì ông mà có đặt như vầy cũng vẫn ổn.

Con, Cò, Ma, Ốm, Thay!

Hoặc:

Tao, Mầy, Đi, Tắm, Chơi!

Vì bất kể như vậy, hay nói cho đúng ra, vì chỉ kể có giọng bằng, trắc thôi, nên đứa nào xui nấy chịu. Đứa đó là cô con gái thứ năm, cô Quá.

Con gái mà tên Quá, trong khi con nhà khác tên là Lệ Chi, Bích Vân thì có tức hay không? Cái cô Quá nầy khóc mãi vì cái tên kỳ cục của cô.

Được cái là em cô, con Thơm, chết ngay hồi ba tuổi, cô Quá thành con gái út, được cưng dữ lắm nên cô cũng tự an ủi phần nào.

Là con gái lớn, quán xuyến cả việc nhà, nên Hương ngồi gần bếp để bới cơm và rội thức ăn.

Con cả trong gia đình nào cũng thế, không đẹp lắm, lại hơi thật thà, nếu không đần, tương đối với mấy đứa sau.

Cô Hương năm nay hăm tám, trông hiền hậu quá sức, lù đù như gái quê, và an phận như bất kỳ cô gái luống tuổi nào.

Gương mặt cô chỉ dễ thương thôi. Còn thân mình cô thì hơi đẫy đà. Người ta nói con gái lỡ thời hay phát phì thình lình hoặc đột ngột gầy khô đét khi qua khỏi mức tuổi nào đó. Họ cắt nghĩa sự dư, thiếu thịt ấy như vầy: trong cơ thể, sự mất thăng bằng do nội hạch (nhứt là hạch sanh dục) bạo động hoặc quá lười. Có lẽ đúng chăng?

Kế Hương là cô Hồng, hăm sáu tuổi. Hồng đẹp nhứt nhà, nhứt xóm, và có lẽ có hạng giữa gái Sài Gòn.

Người con gái hăm bốn là cô Hoa đã bước gần tới lằn mức cuối cùng của sự trổ mã. Cô nầy cũng đẹp, nhưng không quyến rũ bằng cô Hồng kia. Cô Hồng đã nở toàn diện trong sự bừng dậy của nhan sắc một thiếu phụ. Phải, đàn bà còn trẻ bao giờ cũng đẹp hơn con gái đương thì. Có ai mê con gái mà tan nhà nát cửa không? Không, chỉ có đàn bà mới làm hại đàn ông được.

Hồng, Hoa rồi đến Quá. Nơi cô Quá, sắc đẹp còn ngập ngừng, những đường cong còn dò dẫm chưa quyết dừng lại nơi đâu cả.

Có thể là cô ta sẽ đẹp, mà cũng có thể không đẹp bao nhiêu. Sự trổ mã của cô chưa nói lên cái tiếng cuối cùng của nó. Tuy đã hăm hai, cô còn trẻ con cả tính tình lẫn thể chất.

Ba chị em kia đều là gái tân, còn cô Hồng đã viễn du một chuyến trong một cuộc phiêu lưu mạo hiểm trên trường tình.

Một sự so le nổi bật lên giữa vợ chồng ông Nam Thành. Bà thì cao trộm, và phục phịch như bao gạo chỉ xanh. Ông lại len lén thấp, và ốm như người ghiền á-phiện. Phải chăng sự lấn lướt của bà vợ là nguyên nhơn của việc đẻ toàn con gái?

– Sớm mai, con đi trên đường Tự Do, thấy buồn quá, cô Quá bắn phát súng đầu tiên như thường lệ. Nội nhà chỉ có cô là nói nhiều hơn cả.

– Đường đó là đường Tây buôn bán. Tây nó cuốn gói hết thì tự nhiên là đường phải buồn. Tiếng vang đầu tiên phát ra từ miệng cô Hoa, một cái miệng ba hoa thứ nhì trong gia đình.

– Mà ba má à, con thấy anh Viết đứng chụp hình dạo trên đó, trước nhà hát Tây[1].

– Thiệt vậy hả? Bà Nam Thành ngạc nhiên hỏi. Trời ơi, sao xuống lẹ dữ vậy? Mà ai lại đường đường một anh thầu khoán mà...

– Bà lầm, cuộc đời giống hệt như đi xe *ô-tô-buýt*. Đi *ô-tô-buýt* mà đeo được bàn đạp để đến nơi là chúa lắm rồi. Còn biết bao nhiêu người đeo không được phải ở lại vỉa hè, dưới trận mưa! Kiếm được một nghề, dẫu nhỏ mọn, để mà sống, là giỏi lắm đó, đừng có chê.

Cô Hoa cười dòn mà rằng:

– Nhà mình mấy năm trước đi *ô-tô-buýt* đời, ngồi ghế có nệm. Bây giờ đứng bàn đạp, mà chỉ đứng một chơn thôi.

– Ba so sánh hay lắm, cô Quá khen. Cuộc sống giống hệt đi *ô-tô-buýt* về mọi mặt. Lên tại bến thì lấn nhau không còn biết xấu hổ gì cả, miễn tìm được một ghế! Phần đông đi tới đích, mà có người cũng xuống dọc đường, đó là những kẻ suy sụp hay bị tử thần rước sớm.

---

1. Lúc xảy ra câu chuyện, chưa có Quốc-hội.

"Trên xe cũng có những may mắn, hên xui. Có lần con đứng gần một bà cụ. Chỉ đứng bậy vậy thôi, không mong mỏi gì. Thế mà qua hai trạm bà cụ xuống xe, con được ghế, thích quá, thích như ông ba Công nhờ có người trước chết mà được bầu thủ quỹ hội ái hữu Bắc Liêu, mặc sức lấy tiền quỹ mà chơi hụi.

Cô Hồng nãy giờ làm thinh, xem vào một nhận xét:

– Nhưng có khác là trên xe *ô-tô-buýt*, có đơn ông nịnh đầm, còn trên cuộc tranh sống thì không.

– Nịnh gì? Bây giờ có ai thèm nịnh đầm nữa đâu. Họ nói mình đòi nữ quyền tức là tự xét bằng họ rồi, nên họ không thèm nịnh mình nữa.

Cả bốn cô gái đều cười xòa.

Trận cười chấm dứt chuyện đời, nên ông Nam Thành khởi đầu câu chuyện khác.

– Hôm qua đi trên đường Biên Hòa tôi thấy việc nầy đáng chú ý lắm, là ở làng Xuân Trường, dựa hai bên đường, nhà mới, cất lên rất nhiều, trông vui hết sức.

– Yên giặc rồi dân trở về xứ cũ à?

– Không, chỗ đó ngày xưa, hồi tiền chiến, không có nhà. Hỏi ra thì mới hay dân mới là những kẻ suy sụp như mình, lùi về vườn để thủ.

– Sao họ không về làng họ, lại chọn chỗ đó?

– Chắc làng họ đang bị nạn cướp bóc như làng mình. Còn tại sao họ chọn làng đó mà không chọn làng khác thì tôi thật bí. Có lẽ ở các làng khác cũng có, mà mình ít đi đâu nên không thấy. Nhưng luôn luôn, họ chọn gần đường cho được an ninh. Trông ngộ quá. Một nếp nhà con con, xinh xắn, vén khéo, giữa một miếng vườn mới lập, cây còn non như cuộc đời chớm nở. Nó trẻ và mạnh làm sao!

– Nhưng chủ nhà lại vào tuổi xế chiều. Cô Hoa nói.

– Ừ đúng! Luôn luôn như vậy. Chỉ có mấy ông già bà cả mới trồng cây; thanh niên, thiếu nữ nóng tánh lắm, hưởng thì thích mà trồng thì không đủ chí bền.

– Chưa chắc thích hưởng đâu ba. Quá cãi. Con tưởng tượng về vườn chắc buồn lắm.

– Nên thơ lắm chớ buồn gì, cô Hồng đa cảm và hay mơ mộng cãi như vậy.

– Nên thơ đối với bọn về chơi vài bữa. Còn về ở luôn để cuốc đất thì nên... thở là đúng hơn. Cô Hoa thông minh một cách thực tế, thấy rất đúng, và ranh mãnh nói câu đó.

– Chết chưa, ông Nam Thành than, tao định lui về vườn mà tụi bây nghĩ như vậy cả thì làm sao.

Bây giờ cô gái lớn mới xen vô:

– Đâu có nghĩ như vậy cả, ba! Con với con Hồng thì tán thành. Cộng thêm vào ba, má là mình được đa số rồi. Cho con Hoa và con Quá hỏng giò!

– Ờ, tán thành! nữa rồi chị đào mương nghen! tụi em chỉ làm thơ thôi.

– Thôi không cà rỡn nữa. Bác Phán Tân, lúc đi xe qua vùng đó, có mách ba một cuộc đất hai mẫu, cách Thủ Đức bốn cây số ngàn...

Bà Nam Thành chận hỏi:

– Tính đi từ Sài Gòn lên thì khỏi Thủ Đức hay chưa tới Thủ Đức?

– Khỏi.

– Cũng được. Nếu chưa tới thì khổ, vì đất phía dưới ngập nước, mà lại nước mặn nữa chớ, y như dưới xứ của mình.

– Nghe đâu họ bán có bảy chục ngàn.

– Đất không, mà mắc dữ vậy sao?

– Đất bây giờ có giá. Vả lại đó là đất tốt.

– Tôi không hiểu sao ông chẳng tính chuyện về xứ.

– Dưới mình còn cướp bóc nhiều lắm.

– Còn ở đó cũng là chỗ khỉ ho cò gáy chớ hơn gì.

– Không, miền Đông khác dưới ta nhiều. Ở miền Đông, không có xó kẹt nào mà xe đò không vô tới. Việc tiếp tế dễ dàng hơn, dân ít quê hơn, và nhất là tương đối an ninh hơn.

– Vả lại ta sẽ ở dựa con đường thiên lý, con đường quan trọng nhứt Việt Nam thì bà biết ta sẽ được yên ổn đến bực nào.

Cô Quá gõ đũa vào chén, đánh nhịp mà hát:

Ai đi lên trên con đường thiên lý sương sa mờ[1]

– Im cái mồm! Bà Nam Thành mắng con bằng giọng và lối nói miền Bắc. Gần đi lấy chồng rồi mà còn trẻ con!

– Gần đâu mà gần, má. Chị Hai hăm tám rồi mà còn chưa lấy chồng, con mới có hăm hai hè!

Gia đình ông Nam Thành rất cởi mở về việc chồng con của con cái. Bà mẹ ưa nói đùa về vụ đó nên mấy cô con gái quen tai không mắc cỡ nữa và lấy đó làm đầu đề câu chuyện nhiều khi.

Hương bị cô em út nói mỉa mà không mích lòng, vì cô thấy nó không ác ý. Cô cũng rập nhau mà cười với các em cô.

Cô điểm mặt Quá mà nói:

– Về trển, bắt mầy nhìn *xi-nê* cho mầy ngáp chơi.

Cô Quá chụp cô Hoa mà trả thù:

– Chị Hoa mới là ngáp chớ, em có ghiền ngồi tiệm kem như chỉ đâu.

Ông Nam Thành làm thinh mà ăn, để cho con pha trò giây lâu mới hỏi vợ:

– Bà nghĩ làm sao?

– Thì quyền ở ông.

– Nhưng bà thích theo tôi hay không chớ?

– Ở đâu quen đó. Thích thì tôi không thích, mà theo thì tôi theo. Xóm đó đông hay không?

– Nhà lân cận ở cách đất ấy cỡ hú một tiếng dài mới nghe.

– Úy trời! Vậy thì sợ chết!

– Có tôi mà còn sợ cái gì. Tôi chỉ e bà nhớ tay xệp ở đây rồi buồn mà thôi.

---

1. Điệu hát thạnh hành hồi tiền chiến.

– Ông nói như tôi là tay cờ bạc. Buồn, đánh chơi chút ít, chớ hồi ở dưới Bắc Liêu tôi lại không chăn vịt, không làm lụng sao!

– Tôi tính như vầy. Mình sang căn nhà nầy, ít lắm cũng được bốn mươi ngàn. Lại hốt mấy đầu hụi chót. Mua đất xong, còn tiền đủ ăn trong năm đầu.

Năm đó ta trồng cây. Nhưng lại trồng xen hàng bông và nuôi gà để kiếm tiền xắp thời đặng ăn năm sau.

– Không cất nhà sao?

– Cất chớ! Tôi quên nói rõ: Mua đất và cất nhà, cất nhà chỉ tốn độ hai mươi ngàn là nhà rộng chán.

– Sao rẻ dữ vậy?

– Ở nhà quê vật liệu và nhơn công nới hơn ở đây. Vả lại mình biết thu xếp.

– Té ra ba nói thật à? Cô Hoa hỏi.

– Chớ nãy giờ con ngỡ ba, má nói cà rỡn hay sao? Sách có chữ: Tọa thực sơn băng...

Cô Quá cười khúc khích, liếc các chị cô mà phê nho nhỏ:

– Ổng xổ nho rồi đó!

Cô Hương nối lời cha bằng một vế chữ nôm:

– ... Ngồi ăn núi cũng lở.

Rồi cả nhà cùng cười. Được trớn, cô tiếp:

– Vì vậy ba mới đem mình về gần núi Châu Thới cho nó mau lở thêm chơi.

– Gần núi thật hả ba?

– Cũng còn xa. Mà đi bộ tới đó chưa mỏi chơn lắm.

– Sướng a, tụi mình sẽ đi suối Lồ Ồ mỗi ngày.

– Cô nào cũng có phận sự cả. Ông Nam Thành chận phắn khởi của con lại. Chúa nhựt mới đi chơi.

– Về nhà quê rồi mà còn theo thời dụng biểu phiền phức như ở đây sao ba?

– Tại sao lại bỏ, nếu thời dụng biểu là cần?

Hốt chót ba đầu hụi lớn xong là ông Nam thành đi vắng nhà luôn. Ban đầu thỉnh thoảng bỏ cơm, sau rồi hai ba hôm ông mới về: ông lo cất nhà để đưa gia quyến lên.

Trong khi đó bà Nam Thành tìm người sang nhà, dứt khoát những dính líu về tiền bạc nho nhỏ và bán bớt những vật dụng mà ở nhà quê không dùng.

Cả nhà gom y phục trắng và màu để nhuộm đen. Bà Nam Thành nói:

– Làm lụng thì phải ăn mặc đồ đen cho nó đỡ tốn *sà-bông*. Với lại mình phải làm cho giống người chung quanh. Nếu không, khó mà giao thiệp, lại nữa trộm cướp nó thấy mình sang trọng thì nguy.

– Mình mà sang trọng với ai?

– Ậy, ở đây mình chỉ xoàng thôi. Nhưng về quê thì các cô sẽ thấy. Các cô nổi rõ lên như công chúa ấy!

Phe phụ nữ không ai háo hức lui về vườn cả, nhưng ai cũng chuẩn bị ráo riết, nhẫn nại chịu số phận và cố làm tròn phận sự. Cảm động thay người đàn bà!

Thỉnh thoảng ông Nam Thành về qua nhà, thấy vợ con buồn buồn, ông an ủi:

– Người ta nói: "Tấn về nội, thối về ngoại". Đồng quê là quê ngoại đó. Đó là nơi ẩn náu tuyệt diệu khi ta thất vận. Có làm là có ăn, không sợ đói bao giờ.

– Chớ ở đây mình làm cũng được vậy ba, cô Quá cãi.

– Mình làm cái gì? Không lẽ ba đi làm phu cho các xưởng xây cất, hay làm *lon-ton*. Về trển thì ba cuốc đất đó, mà coi nó được hơn: sĩ, nông, công, thương, nông đứng đến hàng thứ nhì.

Còn các con, đi bán thuốc điếu không được, bán chè đậu cũng không. Thì về nuôi heo là phải. Trong nhà, làm cực nhọc lem luốc gì cũng chẳng ai biết.

Tình thế bốn chị em quả khó xoay xở. Cả bốn cô đều có học nửa chừng trung học và đã sống theo lối khá giả từ thuở giờ. Bây giờ dễ gì mà dám đẩy một chiếc xe nước mía! Đi làm vẫn được đó, nhưng ông Nam Thành nhắm sức học của con mình cỡ đi làm thì

lương chỉ đủ tiền son phấn và áo dài thôi, nên nhứt quyết không cho bốn cô tìm việc.

Ông ít băn khoăn về gánh nặng bốn cái thúng giạ nầy vì ông tưởng rồi chồng nó sẽ rước con ông đi. Nhưng mãi không thấy ai gắm ghé gì cả, cho đến bây giờ thì vợ chồng con cái phải lo cho bổn thân về sau vậy.

Quá cứ chui đầu vào các rạp chiếu bóng. Xem cho ngấy ra để nhịn thèm về sau. Còn Hoa thì lẽ cố nhiên, ăn *kem* hết hiệu này đến hiệu khác. Cô Hồng chỉ ngồi đó mà buồn, hay đi thơ thẩn ở các ngả đường vắng. Người chị cả tự nhiên như không tình cảm, lo thu xếp không ngớt tay.

Nhưng cả bốn chị em đều thích Bằng đến chơi. Bằng là người anh họ của bốn chị em nhà nầy. Hắn nhỏ hơn Hương một tuổi, nhưng trông già giặn, đáng mặt người anh lắm.

Gia đình nào chỉ có toàn con gái không mà thôi, thì rất cần một đứa cháu trai như vậy. Nó sẽ đưa em nó đi chỗ này chỗ nọ, những nơi tuổi trẻ giải trí mà người lớn không hạp, không muốn bước chơn tới, cha mẹ, vì thế không đưa con mình đi được.

Hồi mấy chị em mới lên Sài Gòn, còn nhà quê đặc, đã nhờ anh Bằng nầy rửa sạch mùi ruộng bùn lầy cho. Cho mãi đến ngày nay họ cũng còn nhờ cậy Bằng đưa vào những nơi họ không dám đến. Nói họ là nói Hương với Hồng ấy, chớ còn Hoa và Quá thì nơi đâu hai cô cũng dám lăn vào. Hai cô đã tổ chức đánh lộn với học sinh con trai tại vườn Tao Đàn, hồi còn đi học, đã dám vác ve chai chọi lính Lê Dương thì có gì mà hai cô lại không dám. Còn điều nầy nữa, tuy cả nhà không ai nói ra, là họ hy vọng nơi một cuộc mai mối của người cháu, người anh họ ấy.

Bằng có rất nhiều bạn trai, thỉnh thoảng có rủ vài đứa đến chơi nhà. Thì một khi kia, lẽ nào lại không có một đứa si tình trong bốn cô?

Bằng cũng rất thích đưa bốn cô em họ đi dạo. Bốn cô nầy cũng khá đông bạn gái. Bằng thích gặp bạn của các cô. Cả đôi bên đều có lợi.

Nay lui về quê, họ càng hy vọng nơi người anh ấy, rất sợ gãy mất cây cầu liên lạc, nên càng niềm nở với Bằng, lúc anh nầy đến

nhà chơi, khẩn khoản nài nỉ anh ít ra mỗi tuần cũng lên trên ấy một chuyến.

Hôm Bằng hay tin họ sắp dọn nhà, chàng chưng hửng, rồi buồn buồn hỏi:

– Các cô đi đành à?

– Không đành cũng phải đành. Anh tính coi còn biết làm sao! Nè chúa nhựt nào anh cũng lên nghen! Tụi em cho ăn trái cây thì phải biết...

– Nói dóc. Cây chưa trồng, lấy đâu mà ăn?

Cả bọn cười xòa.

Bạn hữu của Hương và Hồng phần đông đã có chồng. Một vài cô đã góa chồng. Đôi cô lại thay chồng hai bận rồi. Cô nào cũng tay bồng tay dắt cả. Thế nên hai cô chỉ đi từ giã những bạn còn độc thân thôi. Những người nầy, tuy không nói ra, vẫn ái ngại cho hai cô lắm.

Còn Hoa và Quá thì trao đổi ảnh không ngớt tay. Có bao nhiêu tiền đi chụp ảnh cả, để rồi tặng bạn, rồi xin ảnh bạn dán vào tập. Họ làm thơ nữa, trong đó có lá thu, lá vàng rụng rất nhiều, mưa rơi cũng lắm, còn nói gì nước mắt thì đầm đìa.

Hôm ấy ông Nam Thành về lần chót rồi tuyên bố:

– Xong cả rồi, mốt ta đi!

– Vậy hả! Ba cô con gái sau, mặc dầu dư biết sẽ có ngày ấy, vẫn rụng rời khi nghe tin dọn nhà. Ba cô cứ mong ông cụ chuẩn bị chậm thật chậm, càng chậm càng hay. Họ lại mơ hão một chuyện bất ngờ xảy ra để ông cụ đổi ý.

Giây lâu, Quá hỏi:

– Nhà đẹp không ba?

– Đẹp... nghĩa là đẹp theo sằn dã ấy. Hễ qua khỏi Thủ Đức, tụi bây thấy nếp nhà nào xinh xắn, muốn vào đó mà ở thì đó là nhà của mình.

Ông cụ tuy vừa nói vừa cười, nhưng vẫn nghiêm trang chớ không cà rỡn. Cái cười đó là cái cười thích ý về công trình của mình.

– Thì xe ngừng ở đâu, là nhà ở đó, như vậy còn đoán trước sao được? Bà Nam Thành nói.

– Không, tôi sẽ cho xe chạy lố một đoạn đường, để mẹ con đoán chơi. Đoán được thì là tôi thành công, bằng không thì cũng mặc. Rồi tôi sẽ cho xe lui lại ngay nhà.

Ông Nam Thành đi mướn xe *cam-nhông*. Bà thì cho người sang nhà hay tin để mốt họ lại nhận nhà.

Ngày hôm đó và hôm sau, không ai đi đâu nữa cả. Họ muốn, trong hai ngày cuối cùng, khắng khít với căn nhà mà họ chiếm trong mười năm, căn nhà đã thấy bốn cô gái lớn lên, căn nhà mà trên vách còn những ngấn đo bề cao hàng năm của ba cô gái sau.

Chơn trời chung quanh thật không có gì quyến rủ, tuy nhiên nó quen mắt quá nên họ cũng nao nao buồn phải rời cảnh quen thuộc đó: trước mặt là một dãy phố tồi tàn. Ngõ hẻm ở giữa hai dãy nhà thì lổm chổm đá và loang lổ những ổ gà nước đọng, một hàng trụ, mấy sợi dây kẽm phơi đồ... Đầu đường hẻm phía trong là nghĩa địa nhà thờ Cầu Kho. Đầu ngoài là phố Võ Tánh và bên kia phố là hàng rào song sắt của thành *Ô Ma*.

Cô Hương lớn lên ở nhà quê, và như cha mẹ, xem chỗ ấy là nơi tạm trú. Lùi về quê cô chỉ thấy thích.

Ba cô sau đã quên mất nông thôn, xem ngõ hẻm là quê hương của họ, nhứt là cô Quá là kẻ lên đây lúc còn thơ ấu lắm. Quá và cả Hoa nữa, tuy nói tía lia vẫn héo hon lòng.

Sài Gòn là nơi cô để lại mối tình đầu, nên chi cô Hồng ngậm ngùi hơn ai cả. Mặc dầu mối tình đã tan vỡ mà người cô yêu vẫn còn ở đô thành, thì đô thành đối với cô là một chỗ thiêng liêng.

Để cho đỡ tốn, hôm ấy nội nhà theo *cam-nhông* chớ không mướn xe riêng.

Người Sài Gòn dọn nhà đi giữa sự thờ ơ của hàng xóm. Ở với nhau không bao lâu, tới lui nhau rất ít, thì đi đâu nào ai thiết tha đến mình!

Nhờ thế họ lên xe mà khỏi bận bịu người. Cảnh thì cứ ngậm câm, không nghẹn lời giã bạn được, nên họ chia tay với cảnh dễ dàng.

Qua khỏi chợ Thủ Đức, ông Nam Thành nói:

– Coi chừng, mẹ con rán mà dòm để đoán nhà.

– Bên trái hay bên mặt ông?

– Biết đâu, cứ xem cả hai bên.

– Hứ, làm bộ bí mật hoài. Nhà tranh chớ bộ lầu đài gì sao mà trịnh trọng dữ vậy.

Họ chia ra hai phe để nhìn hai bên lộ.

– Đây nè! Hoa reo lên.

Người ta xem lại thì đó chỉ là một ngôi nhà gạch cũ, Quá véo chị một cái đau điếng.

Bà Nam Thành than:

– Mỏi cổ lắm ông ơi, ông báo hại mẹ con tôi làm chi vầy nè.

Anh tài xế và hai anh phu khiêng đều cười ngất mà thấy ông chủ mà có ý giấu kỳ dị như vậy.

– Đây nè!

– Lần này, chính cô Hương ít nói kia la lên.

Họ day qua phía tả thì thấy một nếp nhà tranh có gác, kiến trúc rất kỳ lạ. Nhưng quả thật xinh lắm. Chung quanh nhà trồng được vài cây bông huỳnh, vài bụi cỏ huệ. Vì cuộc đất hơi to nên chỉ mới làm hàng rào ở mặt tiền thôi, mà đó là một hàng rào tượng trưng, dài độ bốn mươi thước, cố ý làm trước, để trổ cửa ngõ.

Rồi mấy mẹ con lại nhìn người gia trưởng thì thấy ông nầy cười chúm chím. Lúc bấy giờ xe đã chạy qua khỏi đó mấy trăm thước rồi.

Ông Nam Thành biểu xe ngừng và *de* lại.

, Nếu vợ con ông Nam Thành mà biết được những dự bị của ông thì họ sẽ cảm động biết bao nhiêu!

Ông Nam Thành tản cư lên Sài Gòn với hai bàn tay không như ta đã thấy. Nhưng ông lại ôm theo một chồng báo P. H. cũ. Báo ấy có dành riêng cho hội Ánh Sáng là hội bài trừ nhà hang chuột ở Hà Nội hồi tiền chiến, mỗi tuần một trang. Trong trang đó, mỗi tuần kiến trúc sư V.Đ.D. đều có vẽ một kiểu nhà tre lợp tranh, rất tiện và khá đẹp.

Ông Nam Thành yêu báo, hay yêu kiểu nhà? Có lẽ cả hai. Và có lẽ ông đã nưng niu cái mộng về quê cất nhà Ánh Sáng từ mười mấy năm nay.

Thấy rõ là ông đã làm công việc tạo lập nầy với cả tấm lòng ông.

Ông Nam Thành đã tự ý sửa đổi rất nhiều, và nếu nhà kiến trúc vẽ họa đồ trông thấy cái nhà lai căn nầy, chắc ổng bất bình lắm. Nhưng phần chánh vẫn còn được kính nể và ông Nam Thành có nhiều lý do để xúc phạm kiểu mẫu như vậy.

Trước hết là cái nóc. Ông không lợp mỏng như người mình thường làm hay như họa đồ chỉ vẽ, mà lợp thật dày theo lối Nhật Bổn, dày đến bốn tấc. Bạc ngàn tiền tranh nằm trên đó. Như thế mười lăm năm sau, nóc ấy dễ cũng chưa hề hấn gì.

Ban đầu ông Nam Thành định làm vách đất tô *xi-măng* rồi quét nước vôi để trông cho sáng sủa. Nhưng nghĩ lại vách đất hầm quá, phải tốn rất nhiều cửa sổ. Nên rốt cuộc ông làm vách trỉ long mốt, gần với kiểu mẫu hơn (họa đồ vẽ phên tre).

Nhà gỗ có gác, hai căn, một căn sâu tám thước, còn một căn chỉ sâu bốn thước thôi, thành ra nhà mang hình thước nách, cái phần hủng vô của cây thước nách ấy ngó về hướng đông. Vào buổi xế, chỗ ấy rợp bóng mát.

Theo hình thể đó thì nhà ngăn ra được sáu buồng, ba buồng dưới và ba buồng trên.

Ông bà Nam Thành chiếm buồng trên bên hướng tây, ông bà hy sinh, nhường hai buồng hướng đông cho bốn cô con gái; ba buồng dưới thì dùng một làm phòng tiếp khách, một làm phòng ăn, còn một để trống, phòng lúc có bạn hữu ở lại nhiều ngày.

Nhà bếp và nhà bắc cầu đều cất cột tre, lợp *tôn* ngừa hỏa hoạn. Ông Nam Thành có làm một việc châu đáo nầy mà ở nhà quê ta,

không mấy ai để tâm đến, là sau nhà bếp, ông thêm hai hai cái chòi con, một để tắm rửa, và một xa hơn, là cầu xí.

Phu khiêng bàn ghế vào nhà chỉ tốn có nửa giờ thôi. Nhưng gia đình phải mất trọn ngày để sắp đặt mọi thứ lặt vặt.

Không lần nào mà sáu người ấy đồng ý với nhau về vị trí một bức tranh hay một chiếc bàn con. Họ cãi nhau về mặt thẩm mỹ, mặt tiện lợi, mặt tình cảm, nhiều cuộc tranh luận sôi nổi quá, muốn chấm dứt phải mượn đến lối bỏ thăm đưa tay lên. Ngặt nhà có sáu người, số chẵn, khó lòng mà lấy được đa số khi ý khiến chia hai đều.

Ông Nam Thành không ưa sử dụng quyền gia trưởng trong các việc lặt vặt, thành ra nền dân chủ trong gia đình ông gây rối loạn liên miên.

Người ta cãi nhau, người ta giận hờn, nhưng vui lắm, vì sự dao động vô tội ấy giúp đỡ chán cái mặt nước phẳng của ngày quê.

Trong buổi dọn nhà nầy gia đình mới hiểu công dụng của những tấm bố nhà binh Pháp loại ra mà ông Nam Thành đã mua dưới chợ Dân Sanh hôm nọ.

Vách trỉ long mốt luôn luôn bị gió lò. Vào thu và bấc, mấy tấm bố này buông xuống sát vách bên trong, sẽ giúp cho nhà thêm ấm.

Và giỏ cần xé chai không kia là khí giới tối tân mà ông chủ nhà kỳ dị nầy đã nghĩ ra.

– Ở đây không khỏi có cướp, ông Nam Thành nói. Nhứt là bọn họ đồn mình ở chợ về thì cướp nó càng thèm hơn nữa. Mình nghèo mình biết, nhưng chúng nó ngỡ dân Sài Gòn nào cũng nứt đố đổ vách. Chai nầy ta sẽ đổ đầy nước vào rồi đem lên gác. Cướp nó đến, mỗi người năm bảy chai, chọi cho bể đầu chúng nó ra mới thôi.

– Ghê quá, cô Hồng nói, nó giận nó bắn chết còn gì ba?

– Nếu chúng lẹ tay, chỉ bắn chết một mạng trong nhà ta thôi. Rồi chúng sẽ bể đầu mà rút lui.

– Thành ra mình phải hy sinh một mạng!

– Chớ sao! Ở chỗ dữ tợn phải như thế mới sống còn cho.

– Thôi, ai chọi cướp trước thì chọi, con đợi chúng nó rút rồi mới chọi với theo. Quá cười và tỏ thái độ ấy. Nhưng chắc cô ta sẽ làm thật như vậy, khi có cướp đến.

Suốt ngày hôm đó, họ ăn bánh mì thịt quay mua dưới Sài Gòn vì họ đã tiên liệu sẽ bận, không làm bếp được. Mà quả như vậy.

Đến xế chiều, ông Nam Thành mới chịu dùng quyền chỉ huy để phân công cho mọi người:

– Công việc nhà, tôi sắp đặt một lần nầy thôi, rồi bà phải kiểm soát việc thi hành mỗi ngày, để tôi rảnh tay, rảnh trí mà lo vườn tược. Con Ba, con Tư, con Năm, ba đứa biết đi xe máy thì thay phiên nhau mà đi chợ. Đừng đi mỗi ngày mất công. Mình ăn khô, ăn mắm thì cứ hai bữa đi một lần.

Những thứ lặt vặt như tiêu, muối, hành, tỏi thì trữ cho kha khá, để muốn dùng lúc nào sẵn có trong nhà lúc nấy. Thí dụ nửa đêm thèm cháo gà, trưa trưa họ có bán ếch mập, thì ta đủ mọi thứ cần dùng.

– Ông thì lo món nhậu của ông trước.

– Ở nhà quê phải vậy. Có nhậu mới có tới lui với xóm giềng được. À, thay phiên nhau đi chợ, rồi về thay phiên nhau mà giặt giạ...

– Bàn ủi điện má bán rồi, còn đâu mà...

– Má mầy bán là phải, ở đây lấy đâu ra điện. Mà không cần mặc đồ ủi nữa. Có muốn làm dáng hãy ủi điện lấy...

– Ủi điện?

– Phải, ủi điện, mà là điện trời, nghĩa là vuốt cho thẳng, xếp cho tử tế rồi để dưới gối nằm đè lên đó, thì nó sẽ láng như là...

Cả nhà cười ngả nghiêng ngả ngửa.

Ông Nam Thành lại tiếp:

– Thay phiên nhau giặt giạ rồi áp nhau mà làm vườn...

– Đi chợ rồi nghỉ, giặt giạ rồi nghỉ, làm vườn rồi nghỉ, rửa chén rồi nghỉ, cho heo ăn rồi nghỉ, phải không ba? Cô Hoa ranh mãnh hỏi cha như vậy.

– Đúng!

– Ứ hự!

– Còn chị hai, ba?

– Con hai làm bếp. Nên nói rõ chi tiết. Làm vườn gồm có những việc sau đây; nhổ cỏ, kéo nước tưới cây, bắt sâu, cho heo, cho gà ăn, v.v...

– Ba trộn lộn chăn nuôi và trồng trọt. Đó là hai khoa khác nhau. Con học ở trường họ dạy như vậy.

– Hay là con ba biệt phái chăn nuôi. Hai đứa kia làm vườn, ông Nam Thành đề nghị sau lời cãi lý của Hoa.

– Không đâu, con muốn chăn nuôi hè!

– Con cũng vậy!

– Nữa nè, thôi thì bỏ thăm.

– Ừ, oẳn-tù-tì, đứa nào thắng là được chăn nuôi.

– Thôi đừng cà rỡn nữa. Phận sự của bốn đứa bây đã rõ rồi đó.

Còn bà, bà kiểm soát, nhắc nhở chúng nó, và xuất phát tiền bạc.

– Còn ông?

– Tôi ấy à? Tôi thì tôi làm tất cả các công việc còn lại chưa ai nhận lãnh.

– Đâu còn công việc gì ba, Hoa cãi.

– Ba ăn gian quá! Quá phàn nàn.

– Sao lại không còn? Tiếp khách nè, đi thăm xóm giềng nè...

– Nhậu nè, bà Nam Thành vừa xỉa thuốc sống, vừa tiếp lời chồng, và bốn cô con gái đều cười rộ lên.

– Nói chơi vậy chớ ba sẽ làm tất cả công việc nặng mà mẹ con bây không làm nổi. Nội hai việc sau đây, thử hỏi đứa nào dám đảm đương không? Đó là việc canh ăn trộm và coi chừng ma cho bây ngủ.

Cô Quá ý ạ một tiếng, rồi nhảy vô ngồi giữa gia quyến, mắt liếc ra vách. Qua trỉ long mốt, hoàng hôn xuống ngập đồng vắng. Đây là buổi chiều đầu tiên mà bốn cô con gái sống ở thôn quê. Lòng họ bỗng nghe buồn minh mông khi nhìn ra ngoài với cô em út. Nỗi buồn đến đột ngột quá, khiến họ kinh ngạc cho số phận họ, mới hồi

sáng còn ở chốn phồn hoa đô hội, rồi chớp mắt một cái thì bây giờ đã ngồi giữa cảnh đìu hiu, cô quạnh nầy, và không biết về sau sẽ ra sao.

Ông Nam Thành có sắm một cái đèn *măng-sông*, mua xăng, mua rượu đủ cả. Nhưng ông nói thắp đèn sáng quá sợ người ta để ý ngỡ gia đình giàu có dư dả lắm, rồi trộm cướp nó mò tới. Nên chi họ thắp đèn dầu hôi.

Cô Hương đã có ở nhà quê, nên không thấy mình lạc hướng bao nhiêu trong cảnh quạnh quẽ nầy. Nhưng ba cô khác vì rời thôn xóm lúc còn bé quá, nên nghe bỡ ngỡ lạ kỳ.

Cây đèn vặn ngọn lên cao thì un khói, còn hạ ngọn xuống thì mù mờ quá sức. Nhưng dù cao ngọn hay thấp ngọn, ánh sáng vàng vàng cũng phủ lên buồng khách một màu dơ dáy ủ rũ và bịnh hoạn.

Những con sâu con trùng gì không biết, ở đâu ngoài cỏ nội bay ùa vào đâm đầu vô ống khói rồi chết thiêu rơi xuống đầy mặt bàn. Có một mớ lại rơi ngay trong ống khói đèn và lớp xác sâu cứ càng lúc càng dày lên.

Ông Nam Thành lượm lên một xác sâu xanh rồi nói:

– Thứ nầy tên là con phù-du...

– Vậy hả ba? Té ra con phù-du có thật à?

– Sao lại không thật.

Rồi ông ngâm:

Đời người như kiếp phù-du,
Sớm còn tối mất công phu lỡ làng.

– Chà, ba thi sĩ quá!

Thêm hứng, ông Nam Thành hạ ngọn đèn xuống, đoạn lại ngâm:

Canh khuya thắp chút dầu dư,
Tim loan cháy lụn, sầu tư một mình.

Cô Quá vỗ tay khen:

– Hay quá! Ba dạy con câu hát nhà quê đi ba.

– Tụi bây ở chợ, không nghe ai hát ru con nên dốt về câu hát lắm. Về đây rán mà banh lỗ tai ra để nghe mà học.

– Học làm gì, bà Nam Thành cà rỡn, mấy đứa nầy nữa chúng nó ru con bằng âm nhạc hò lờ, lúa vàng, và hò dô ta ấy mà!

Cô Hồng cứ ngó ngoáy ra sau lưng mà nói:

– Vách hở như vầy, ghê quá!

– Cho nên ở nhà quê, ngủ phải tắt đèn, nếu chong đèn, ăn trộm nó thấy rõ bên trong hết.

– Nhưng không chong đèn thì tối hù, lại còn ghê hơn nữa, bà Nam Thành bàn rộng, sau lo sợ của Hồng.

– Kín cổng cao vách như vầy mà còn sợ thì ở đây sao được, ông Nam Thành nói.

– Ăn trộm nó dòm vô, nó thấy cái gì ba?

– Thì nó thấy mình nằm đâu, ngủ hay thức, tủ áo để chỗ nào, tủ tiền kê xó nào ấy mà. Ngày xưa, nghe bà nội bây nói lại, trộm còn giỏi hỏi nữa. Nó gắn một cây đèn cầy cháy lên lưng một con cua, rồi thả con cua vào nhà, qua hạ cửa. Con cua bò qua lại trong nhà, soi sáng cả mọi vật. Lắm khi không cần đèn, chúng vẫn thấy rõ trong bóng tối như giữa ban ngày. Đi đứng thì chúng dùng một que tre thật nhỏ và thật dài mà quơ trước mặt. Que đụng phải cột, báo chúng biết để tránh mà không khua động gì hết, cho chủ nhà đừng giựt mình thức dậy.

Chúng lại hốt gạo cất sẵn trong túi mà ném tứ tung ra. Gạo chạm phải đồ đồng, đồ thau, kêu leng keng nho nhỏ, dẫn dắt chúng lại chỗ cất đồ quý đó. Ấy ngày xưa, trong nhà dân, chỉ có đồ đồng, đồ thau, là quý giá thôi.

Ánh đèn dầu phóng đại lên vách trỉ sáu bóng người. Quá đưa cánh tay lên hươi thử và lấy làm thích mà thấy bóng cánh tay nàng giống đầu một con vịt quay mỏ lại để rỉa lông.

– Đừng giỡn với bóng, khuya ngủ, nó dồi chết bây giờ. Bà Nam Thành mắng con gái út.

– Bà khéo dị đoan hoài. Bóng sao lại dồi người?

Cô Hồng đứng lên đi lại *đi-văng* lấy chiếc gối dài, ôm gối vào mình như ẵm con, rồi ngắm thử bóng mình trên vách.

Như hội ý, cô Hoa hát:

Ai đời còn nhớ chăng?
Xóm Nam Xương có một nàng.
Lòng son muôn đời muôn kiếp mang xuống tuyền đài.
Căm uất ôi buồn ôi đến bao nguôi.

Ông cụ cũng cảm xúc về chuyện cổ tích mà lũ con ông vừa gợi lên, nên ngâm bài thơ Lê Thánh Tông:

Nghi ngút đầu gành tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương

Câu chuyện đã đến lúc nặng nề khó thở. Mà không khí cũng khó thở thật. Bầu trời giống như một nồi *xúp-de* bị nung nhiều giờ, áp lực mạnh vô cùng mà không ai xả *xúc-báp* cho xì bớt hơi.

Lúc ấy vào cuối tháng tư, tạo hóa chuyển mình một cách đau đớn để bước sang mùa khác, nhưng bước còn do dự ngập ngừng nên vạn vật dưới đây bị đè bẹp dí xuống.

Không bảo nhau, cả nhà đồng đứng lên, đi ra ngoài.

Mặc dầu nực, trời không mây. Sân sáng sao, trông mờ mờ như hừng đông. Vài con đom đóm nở trước mùa, xẹt qua lại trên không trung thành những lằn nhỏ dài như những mũi kim vàng. Đèn nhà ai le lói đằng xa và xa nữa, rừng mờ đen trên chơn trời trong hơn một tí.

Trên vòm trời, sao dày đặc như dề cơm cháy. Đó là muôn ngàn đầu cây đinh bằng vàng đóng trên một tấm trần đen.

Thỉnh thoảng một cây đinh long ra, rơi đi đâu không biết.

– Sao băng! Bà Nam Thành nắm tay chồng, hồi hộp nói bằng giọng run run.

– Không có gì đâu mà sợ. Mỗi đêm hàng trăm ngôi sao xẹt đi như vậy là thường.

Trong khi đó thì bốn cô gái đều ngó về hướng nam. Một vầng ánh sáng bừng lên ở chơn trời hướng đó, như mặt nhựt sắp lú lên vào buổi bình minh.

Đó là ánh sáng đô thành mà mới hôm qua đây họ còn sống lộn trong đó. Mới hôm qua nầy? Ừ! Nhưng sao mà nghe như lâu

quá rồi, nghe như xa lắm rồi. Nỗi nhớ xứ, nhớ nhà minh mông như là họ đã lìa khỏi quê cha đất tổ.

Quặn quẹo là khúc đường từ nhà đổ xuống chợ Thủ Đức và quặn quẹo là lòng của bốn ả nhớ nhà. Lòng quặn quẹo và ruột quặn đau niềm ly biệt cái nơi mà họ xem như nơi chôn nhau của họ.

Cô Quá không sao xóa được nơi trí cô hình ảnh các rạp chiếu bóng hực hỡ đèn màu. Nóng bức lại nhắc nhở cô Hoa các tiệm *kem* mà nơi đó, giờ nầy, bạn hữu cô đang ngồi chấm chút thứ tuyết ngọt kia.

Riêng cô Hồng thì ngậm ngùi hơn ai cả. Cô không chỉ để lại Sài Gòn một căn nhà không cá tánh, một lũ bạn ít tình cảm hay một cuộc sống quay cuồng, mà là một mối tình đầu, hơn thế, một mối tình đau thương không nguôi.

Như hiểu ý con, ông Nam Thành nói cho khuây dạ chúng nó:

– Các con biết! Ngày xưa không ai nhớ Sài Gòn cả, vì lúc đó không có dân Sài Gòn.

– Không có dân Sài Gòn, thưa ba? Cô Hương ngạc nhiên hỏi.

– Nghĩa là có, nhưng không phải dân Sài Gòn chánh hiệu. Sài gòn ngày xưa chỉ gồm có hai thứ dân: thương gia và công chức. Công chức toàn là người các tỉnh lên. Họ về tỉnh cưới vợ, khi muốn lập gia đình. Đẻ con ra, họ cho về tỉnh ở quê ngoại, quê nội. Cả Sài Gòn đều đổ xô nhau mà nhớ tỉnh. Hễ Tết một cái là Sài Gòn trống trơn. Về ông về bà hết kia mà!

Vẻ Sài Gòn lúc đó cũng chưa có đặc tính gì để họ lưu luyến. Cho đến đỗi ca dao về Sài Gòn cũng rất hiếm hoi, đếm được trên đầu mười ngón tay.

Số phận của các thành phố mới là như thế: Không có dân chánh gốc để làm cốt trụ, không có nhân cách riêng để quyến rũ người ta.

– Ba chưa nói đến hạng thứ hai là thương gia.

– Ờ, thương dân ấy à? Bọn nầy là ngoại nhân cả. Cũng có vài thương nhân Việt Nam, nhưng họ là hạng người ít tình cảm, đâu cũng là quê, là nhà được tuốt.

Phải qua nhiều thế hệ người, một thành phố mới trở thành được một quê cũ có người nhớ, có người thương. Có lẽ Sài Gòn ngày nay đã đến tuổi già giặn của một chốn định cư lâu đời rồi.

Bấy giờ đèn *pha* xe hơi từ Sài Gòn lên và từ Biên Hòa xuống soi thủng bóng đêm trên đường. Tia đèn bắt tréo nhau như những lưỡi gươm dài mà mấy tay hiệp sĩ dạ khách khổng lồ nào đang so kiếm giữa đêm trường.

Xa xa tiếng chó sủa dài. Lần nầy ông Nam Thành giựt nẩy mình, dáo dác nghe ngóng, rồi tần ngần rất lâu ông nói:

– Nghe chó sủa sao mà nhớ nhà quá!

– Tôi cũng vậy. Bà Nam Thành đồng tâm với chồng.

Nhưng hai ông bà lại nhớ một làng xa dưới Bắc Liêu chớ không phải nhớ Sài Gòn.

Suốt đêm ấy cả nhà không ai ngủ được hết.

Con chó con mà bà Nam Thành xin dưới *Ô Ma*, kêu cẳng cẳng từ đầu hôm tới sáng. Nó nhớ ổ, nhớ mẹ nó. Thỉnh thoảng từ trên gác, bà Nam Thành hét xuống:

– Chó nà! Nín đi hôn?

Nó im giây lát, rồi kêu cẳng cẳng trở lại như cũ.

Ông Nam Thành bỗng phát minh ra một điều nầy, nói to lên rồi cả nhà áp nhau trò chuyện từ giường của mỗi người.

Ông Nam Thành nói:

– Thấy rõ là nuôi chó ở nhà quê rất cần. Không có nó, lúc nào mình ngủ quên thì nguy. Và vì thế thấy rõ việc muôi chó ở các thành phố là xa xí. Món xa xí ấy lại có hại. Nó cắn người đi đường, báo hại người ta phải đi tiêm thuốc mất ngày giờ không biết bao nhiêu. Đó là nói trường hợp bắt được chủ nó đền bồi tổn phí. Mà khó bắt biết bao! Ai làm chứng cho mình là chó ông A, chó ông B cắn mình.

Tôi mà có quyền trong chánh phủ, tôi đánh thuế chó ở các thành phố cho thật nặng, nặng hơn cả hột xoàn và rượu *huýt-ky*, tôi cho kiểm tra chó kỹ lưỡng, mỗi năm nội Sài Gòn, thâu không dưới trăm triệu bạc.

Cô Hồng vốn đa cảm, bỗng nhớ lại bầy chó *bẹc giê* trong xóm mà các me Tây khi lui về vườn, bỏ rơi lại. Lũ chó nầy thành chó đói cả, và rất sung sướng được ăn cơm nguội người ta bố thí cho.

– Hồi trước thịt bò mà nó chê, bây giờ bữa nào mà có chút nước cá kho, lũ nó thích quá xá.

– Có một con, sáng nào cũng đi tiệm *cà phê* cả. Ở đó nó ăn vỏ bánh bao no nê. Mà họ cũng kỳ, tiền đâu mà vứt xuống đất cho mấy con chó vô ích đó ăn cho uổng?

Cô Quá sợ trộm, lại sợ ma, chạy qua giường cô Hoa mà nằm. Bực bội quá, Hoa thét lên rồi Quá gây lại, không ai chợp mắt được cả.

Người đi đường và những nhà lân cận rất ngạc nhiên mà thấy người "nhà lầu mới", tên họ dùng để gọi nhà ông Nam Thành, mãi đến lúc mặt trời mọc hai sào rồi mà chưa thức dậy.

Thói quen ở chợ, họ chưa bỏ được, và đêm thức sáng trắng vừa qua đã dìm họ vào một cuộc mỏn thiếp đi, vào lúc hừng đông.

Ông Nam Thành là người dậy đầu tiên. Ông lấy củi gõ vào cột tre nhà bếp ba hồi ba dùi theo lối đánh trống ở nhà quê.

Bà Nam Thành và các cô con gái đang mơ màng, nghe tiếng mõ tre, ngạc nhiên hết sức. Tỉnh dậy, họ vẫn còn ngơ ngác mà thấy mình nằm giữa một cái buồng mà nắng chui vào tứ phía. Giây lát sau họ mới tỉnh hẳn và buồn cười lắm. Họ nghe ông gia trưởng đứng dưới sân kêu với lên:

– Đàn bà hư, con gái hư, thức dậy mà làm ăn, chớ nằm hoài đó sao?

Bà Nam Thành vừa bới đầu vừa ra chiếc thang bắc tại góc hủng trước nách nhà, trong khi bốn cô con gái còn chần chờ ở lại: cô Hương lo xếp mền mùng cho cha mẹ và cho mình; cô Hồng, cô Hoa thì tập thể thao; còn cô Quá thì vật vựa và rên hì hì những tiếng rên sung sướng.

Thang gác bắc đứng sững, các bực thang lại nhỏ xíu, khiến bà Nam Thành sợ hãi, đứng đó mà ngó xuống, không biết làm sao.

Ông Nam Thành vào tới nơi, dòm lên rồi la:

– Bà xuống thang kiểu đó thì té gãy cổ. Phải quay mặt vô trong, đưa lưng ra ngoài, y như hồi leo lên. Vén ống quần cao một chút kẻo nó vướng. Như vậy, nhưng bước lui chớ không phải bước tới đâu! Coi chừng!

Bà Nam Thành làm y theo như lời chồng dặn. Bà mập quá khiến chiếc thang mỏng manh kêu lên răng rắc.

Mỗi lần thang kêu như vậy, bà kinh hãi dừng bước mà la.

Xuống tới đất, bà nói:

– Thôi đi ông, tối nay tôi ngủ dưới nầy.

– Rồi nó quen đi chớ.

– Sao ông làm thang gì mà quá là thang của đài *mô-tô* bay vậy?

Ông Nam Thành cười ha hả, nhớ lại lần đưa vợ đi xem *mô-tô* bay năm ngoái. Bà Nam Thành, leo lên đài được nửa thang thì không dám tiến nữa cũng chẳng dám lùi. Kịp chuyến xe phát chạy. Cả đài rung chuyển như con tàu say sóng, làm bà hoảng vía la mã-tà om trời.

Bốn cô con gái cũng lục thục leo xuống tới nơi.

Ông Nam Thành ra lịnh:

– Rửa mặt đi, rồi một đứa đi chợ, một đứa cho heo cho gà ăn, một đứa kéo nước, còn một đứa ra cửa ngõ treo tấm bảng nầy.

Tay ông Nam Thành cầm một cái quai dây kẽm, treo một tấm *tôn* hình chữ nhựt.

Cô Quá chạy lại giựt bảng trên tay cha, lật ngửa ra cho mọi người xem. Bảng nền đen, trên viết nét trắng ba chữ sau đây: THÁI HUYÊN TRANG.

– Huyên trang chớ không phải Huyền Trang.

– Mà sao ông lại họ Thái?

– Dốt ơi là dốt! Trang là cái trại trong đó có nếp nhà tranh. Trang ấy tên là trang Thái Huyên, hiểu chưa?

– Chưa, cô Hoa đáp hớt mẹ. Thái Huyên là gì ba?

– Thái là hái. Còn Huyên là thứ thảo mộc tượng trưng cho sự thanh nhàn, không lo nghĩ. Thái Huyên Trang là cái trại mà nơi đó ta hái được, hưởng được sự thanh nhàn.

– Ông già chữ nho quá sá ta! Cô Quá khen mỉa. Nhưng cây Huyên nói nôm na là cây gì, ba?

– Là cây kim-châm. Mẹ con bây xào lăn thịt gà mỗi bữa bằng bún tàu, nấm mèo, kim-châm, quên rồi sao?

– Ba bây sắp thành đồ gàn rồi đó, bà Nam Thành pha trò. Thấy không ai cười, cô Hoa nhắc đến công việc nhà:

– Tụi mình oẳn-tù-tì theo lời giao kết, đặng đi cho heo ăn chớ!

Nhưng Quá chưa chịu thôi về vụ tấm bảng kia. Cô chế nhạo cha:

– Bà làm như nhà mình là biệt thự ở Sài-gòn, có để nào là biệt thự Tố-Nga, biệt thư quỳnh-Hoa, villa Eldorado, v.v... Sao ba không treo bảng: attention chien méchant[1]?

Chó mình còn nhỏ xíu, ai sợ; vả lại ở nhà quê chẳng ai thèm sợ chó. Chó mà rượt họ là họ đá cho mà gãy mõm.

Cô Hương ít nói, lại đề nghị một câu khiến cả nhà cười lăn chiêng.

– Họ không sợ chó thì mình đề: attention trích méchant.

Quả thế, bà Nam Thành đã xin con chó con, lại còn mua thêm một con trích. Chó giữ ăn trộm, còn trích thì hăm dọa trẻ con cùng heo gà hàng xóm. Chim trích dữ lắm, thấy chó, heo, gà và con nít lạ là nó mổ chạy tét.

– Hè! oẳn-tù-tì hè! Cô Hoa lại nhắc.

– Nhỏ em dữ hôn!

Bà Nam Thành mắng yêu con, và cười hiền lành.

– Ra cái gì, ra cái nầy!

Cô Quá thắng nên được chăn nuôi.

---

1. Coi chừng chó dữ.

Chỉ mới đem về có một con heo hai tháng thôi, mà từ sớm đến giờ nó đã hét nghe điếc cả tai. Ba con gà vừa mặc áo lá còn nhốt trong giỏ được lôi ra buộc ở cột tre nhà bếp.

Quá vừa vãi gạo cho gà, vừa nói:

– Trưa nay em chọi nó gãy giò, làm thịt để bớt công nuôi.

Trong khi cô Hồng đem xe đạp ra để đi chợ bữa đầu thì cô Hoa gánh thùng đi lại giếng, Hương lót tót theo em vì chưa có công việc gì làm cả.

Bà Nam Thành đón bắp nấu trên đường mua đặng ăn sáng cho đỡ tốn tiền, chớ không nấu nướng gì.

Cuộc đất nầy nguyên trước kia có người ở, nên có đào giếng. Quanh miệng giếng, thành gạch đã đóng rêu xanh lơ. Ông Nam Thành, lúc cất nhà, có trồng trụ hai bên miệng giếng; một cây ví ngang, bằng gỗ căm-xe, lăn mình trên đầu trụ bằng hai cái bạt-đạn xe hơi cũ, *ma-ni-quen* cũng bằng sắt-cũ, ông lượm đâu đó, rồi mướn thợ rèn đập lại.

Bà Nam Thành mua bắp xong trở vào đó dòm xuống giếng rồi kinh hãi kêu lên:

– Trời ơi, nó sâu bắt ngán. Con coi chừng, rủi ro thì khốn!

Hai cô con gái cũng dòm theo. Cô Hoa tuy sợ nhưng ngỡ giếng là phải sâu như vậy, vì cô chưa thấy giếng lần nào. Cô Hồng có ở nhà quê Hậu-giang, quen thấy giếng cạn, nên nay cũng hoảng lắm.

Hoa lấy cái thùng trên miệng giếng rồi quăng đại xuống. Sợi dây dừa tháo ra mau lẹ vì sức trì của cái thùng, *ma-ni-quen* thì quay lia lịa.

Giây lâu thùng xuống đụng mặt nước, kêu lên một cái đùng. Bà Nam Thành nói:

– Mầy cầm dây mà thòng xuống lần lần, chớ làm như vậy, nội một ngày là thùng bể nát.

Vừa lúc ấy, ông Nam Thành đến. Bà Nam Thành hát điệu ru con:

Lấy chồng về miệt Tân-ninh.
Kéo dây giếng ba mươi sải, thất kinh ông bà.

Hai cô gái nghe câu hát kỳ lạ cười ngất lên.

– Tân-ninh là ở đâu, ông biết không ông? Bà hát xong hỏi chồng như vậy.

– Cách đây không xa lắm. Hôm cất nhà, người trong xóm có rủ tôi đi Tân-ninh ăn thịt nhím một bữa. Đó là một làng rừng, ở tại biên giới mấy tỉnh Biên-hòa, Gia-định, Bình-dương. Đất ở đó cao và khô ráo, các giếng nước đều sâu thăm thẳm thật đó.

– Gả con Quá về đó cho nó khóc thất kinh ông bà chơi.

Câu nói đùa không đâu của Hương bỗng, không hiểu sao, làm cho bà Nam Thành buồn vô hạn. Bà nhìn lại hai đứa con gái đang có mặt rồi lòng thương con của bà như lộ ra hết nơi hai mắt của bà bấy giờ như muốn ứa lệ.

Cô Hồng đạp xe máy về tới cửa ngõ, bóp chuông kêu om lên. Con chó mới nuôi mà đã biết chủ, chạy ra ngoắt đuôi một cách vụng dại, rồi nhảy bổ lên cào quần áo cô gái đi chợ về.

Cô Hồng cầm tờ nhựt báo TINH-SƯƠNG phất phất lên rồi nói lớn:

– Xe hơi đụng trước nhà mình ở *Ô-ma!*

Thấy báo, cả nhà mừng như gặp lại Sài-gòn. Hôm qua đến nay họ như bị cách biệt với thế gian bằng một bức tường khoảng không. Họ đón tin tức mọi nơi, nhứt là tin Sài-gòn, nhưng lại quên mất báo. Sáng kiến của Hồng đem tươi sáng và hy vọng trở lại lòng họ.

Ông Nam Thành giựt lấy tờ báo trên tay con, rồi banh ra đọc ngay giữa sân, trong nắng sớm.

Kháng chiến An-giê-ri tăng gia hoạt động vô cùng mãnh liệt. Hội nghị Cô-lom-bô sắp khai mạc.

– Thôi mà ông, xem có ai giựt hụi hay không mà! Bà Nam Thành van nài, vì chán tin thế giới.

Quá thì chạy ra trước mặt cha để đọc trang tư, đọc các quảng cáo của các rạp chiếu bóng.

Cô Hồng nói:

– Hôm nay khởi đăng "DƯỚI BÓNG TRĂNG THU" tiểu thuyết tình cảm của Bích Sơn, mùi tuyệt diệu.

Nhưng ông Nam Thành nhứt định chiếm độc quyền số TINH-SƯƠNG ấy, đọc mê tin thế giới ở trang đầu, vừa đọc thầm vừa gật đầu như hài lòng lắm!

Chán nản, bà Nam Thành vói lấy giỏ đồ ăn rồi bốn mẹ con cùng ra sau nhà bếp, cô Hồng dắt xe đạp đi sau hết.

Ông Nam Thành khi đốn cây tạp để dọn đất, đã soạn được một đống củi to để ngoài sân sau. Củi đã chẻ nhỏ rồi, mấy mẹ con dùng rất tiện và thầm cám ơn ông gia trưởng châu đáo hết sức.

Bà Nam Thành phê bình giỏ thực phẩm:

– Đồ ăn ở đây nới hơn ở Sài-gòn nhiều lắm. Mà con bà cũng khéo mua. Chỉ phiền có một việc là chợ xa quá, qua mùa mưa sẽ khổ.

– Còn cái khác nữa chớ má: khúc đường gần chợ thì quanh co như ruột vịt. Mình đương đi bỗng đâu một chiếc xe *cam-nhông* lù lù hiện ra, thấy hết hồn. À, có hồ tắm tụi bây ơi, mặc sức mà lội, vì không có ma nào tắm hết.

– Xí! Đừng có mong tắm. Ba mầy có cho đâu. Về nhà quê, con gái mà đưa đùi, đưa ngực ra họ cười cho mà thúi cái đầu.

Cô Quá trề môi, ẹo cổ, nhõng nhẽo như lúc bé mẹ cấm ăn quà.

– Vậy chớ họ xây hồ tắm làm gì?

– Làm gì mặc họ. Họ xây cho đờn ông con trai chúng nó tắm, chớ có xây cho bây đâu.

Cái gì lần đầu và lần chót người ta cũng làm cho trịnh trọng ra cả. Mà nghĩ cũng phải: công việc làm ra trong hai lần đó mang tính cách kỷ niệm và vĩnh biệt.

Bữa ăn hôm nay là bữa ăn đầu tiên tại Thái-huyên trang. Hôm qua, họ chỉ ăn bánh mì thịt quay thôi.

Ông Nam Thành nói:

– Coi thì không có gì lạ. Nhưng mười năm sau, hai mươi năm sau, trong một lúc buồn vui nào đó, các con bỗng nhớ lại bữa cơm

đầu tiên nầy với tất cả mùi vị, màu sắc của các thức ăn, nhớ cả giọng nói của người thân yêu quanh bàn, thì các con sẽ bùi ngùi không biết bao nhiêu. Lầu đài ký ức là một lầu đài kiên cố nhứt, không thời gian hay mưa nắng nào tàn phá nổi. Mà nó lại xinh đẹp làm sao, càng cũ càng đẹp ra; qua lớp bụi thời gian, cái gì nó cũng sẽ hiện lên với muôn màu rực rỡ.

Chỉ có Hương và Hồng là chú ý đến bài diễn văn văn hoa của ông gia trưởng.

Cô Hoa cằn nhằn:

– Má bán làm gì cái *ra-đi-ô*. Phải đem lên đây thì giờ nầy mình nghe ca có phải là thú không?

– Trên nầy là gì có điện mà mầy trách tao bán máy.

– Không cần điện, sửa lại chạy *pin* cũng được, ông Nam Thành cắt nghĩa.

– Vậy hà, ai mà biết đâu.

– Từ sớm đến giờ, bà có đếm thử cây tôi trồng chưa?

– Có nhưng mà trồng mỗi thứ vài cây thì thất sách lắm.

– Sao vậy?

– Bạn hàng họ lên, không lẽ họ chỉ mua có vài thúng *sa-cô-chê* rồi về. Bạn hàng *sa-cô-chê* nào có mua bưởi, mua xoài đâu. Bưởi cũng có vài cây, xoài cũng vậy, mà bạn hàng của những thứ sau nầy lại không mua *sa-cô-chê*.

– Nhưng trồng độc một thứ, lại sợ tiêu thụ không kịp. Tôi chỉ tính bán ở chợ Thủ-đức thôi, không cần bạn hàng xa. Còn về phần hàng ròng, rau, cải để sống xắp thời bây giờ thì giao cho bà đó.

– Ba à, sao dưới mỗi gốc cây ba đào lỗ làm chi sâu dữ vậy?

– Bây quét nhà, quét sân, cỏ rác cứ đổ xuống đó. Đã tốt cây lại chắc gốc. Trồng như vậy trúng cách lắm đó.

Hương nói:

– Thích quá, có sẵn một cây mít thật sai, một cây me cũng sai và một cây chanh rất mỏng vỏ.

– Cây mít có lợi nhiều thứ. Rồi ba sẽ nuôi dê bằng lá mít. Dê đẻ nhiều, lại cho sữa tươi rất bổ.

– Ông tính rào miếng đất nầy lại hay không?

– Không rào sao được. Nhưng rào bằng gạch thì ta không đủ tiền. Rào bằng gỗ cũng mất đi hai vạn bạc. Để rồi tôi trồng xương-rồng. Rẻ nhứt mà lại cũng chắc nhứt, không con gì vô lọt hết. Phía trước mặt tiền, không sợ trâu bò tuông phá, mình sẽ trồng bông bụp, coi cho đẹp.

Phần con Hương thì phải vẽ họa đồ vườn hoa nhỏ. Nó có óc thẩm mỹ lắm. Rồi ngoài việc làm bếp, nó trồng bông hoa chưng dọn nhà cửa.

Trưa quê đã buồn mà trưa ở đây lại buồn gấp mấy lần ở xóm làng. Nhà hàng xóm ở xa quá. Tiếng gà gáy trưa, tiếng cối đá xay bột vẳng đưa lại, mơ mơ màng màng như là từ dĩ vãng xa xưa đưa tới.

Heo, gà, chó nhà cũng chưa đông đúc cho dân số Thái-huyên trang được sầm uất hầu đỡ tẻ lạnh.

Cây cối còn lùn bân, mặc sức cho nắng đổ xuống vườn, cái thứ nắng hè buồn một nỗi buồn tẻ và chết như nỗi buồn nơi sa mạc.

Cho đến cả xe cộ ngoài đường cũng a tùng để tăng thêm cái buồn trưa nắng. Bao nhiêu xe nhà, xe dụ lịch rộn rịp trên đường Thiên-lý khi sáng, bây giờ đã rút lui đi đâu mất hết. Chỉ còn chiếc *cam-nhông* tiền sử hổn hển kéo những *rò-mọt* gỗ, khúc gỗ nào cũng như một thây người vừa bị lột da, và những bành *cao-su* sống phết vôi trắng chói lòa lên dưới nắng hè.

Con đường nhựa không đen nữa, mà tím sẫm xuống như một băng lụa vắt ngang vòng hoa tang bằng cườm trong các đám phúng điếu.

Người trong trang Thái-huyên nghe là lạ trong người là mặc dầu trời nắng gay gắt và nóng hầm, họ vẫn không thấy buồn ngủ.

Giấc ngủ trưa của họ trong mười năm nay không sai chạy bữa nào, sau bữa ăn đúng ngọ, nhưng hôm qua bận dọn nhà quên buồn ngủ thì không nói gì, còn hôm nay đã rảnh rang rồi sao mà...

Không ai buồn lên gác cả. Gia đình tụ họp nơi buồng tiếp khách, ngồi lặng thinh nhìn *cam-nhông* mui lá dài nhằn, uể oải bò như con trâu già mệt nhọc kéo xe rơm khô, tuy chở nhẹ vẫn không muốn bước.

– Rồi phải bày ra công việc gì để làm vào giờ trưa mới được, ông Nam Thành nói: ngồi không như vầy mà nhơi những nỗi buồn xa ở đâu đâu ấy, hại lắm.

– Chừng cây lớn có trái, chắc làm không hở tay đâu ba.

– Hay là các con làm mứt? Bà Nam Thành thử đề nghị: Me, chanh, không thiếu gì. Làm mứt để dành ăn tráng miệng mỗi bữa, với lại để đãi khách, Vườn nhà chưa có món gì ăn được, có khách xa đến. lấy gì làm vui miệng người ta.

– Phải rồi, mình hứa đãi anh Bằng trái cây, không lẽ lại cho ảnh ăn me chua.

Tên Bằng bỗng làm cho cả nhà phấn khởi lên. Bằng sẽ đem hương vị Sài-gòn đến, mà nhứt là sẽ đưa bạn hữu anh ta tới chơi. Bằng mà cả nhà đều đặt hết hy vọng vào, Bằng ấy phải được săn sóc.

Không rủ nhau, cả bốn đều chạy túa ra vườn để thọc me và hái chanh.

Con chim manh-manh
Nó đậu cây chanh,
Tôi vác miểng sành,
Tôi chọi chết giãy;
Tôi làm bẩy mâm,
Tôi dưng ông ăn;
Ông hỏi chim gì,
Tôi nói manh-manh
Nó đậu cây chanh,
Tôi vác...

Ông Nam Thành bày ra tục ăn cơm tối thật sớm để tránh cho các con ông cái khổ rửa chén dưới ánh đèn lu mà ngọn đèn cứ xao xuyến trước gió, chục tắt lúc nào không biết chừng.

Sàn nước rửa chén đặt giữa trời, qua mùa mưa những trận đầu hôm sẽ làm cho khổ dịch rửa chén càng khổ thêm.

Tục nầy có lợi trông thấy là chiều chiều như, chiều nay chẳng hạn, cả nhà được rảnh rang ra ngồi hóng mát ngoài sân.

Cô Hương nhớ cảnh hái me, hái chanh rất vui hồi trưa nên hát lên bài hát nhà quê trên đây.

Hát dứt bài, cô đố các cô em gái:

– Tao đố tụi bây hát được một bài hát khác mà có tánh cách như vậy?

– Là tánh cách làm sao?

– Là câu chót nối trở lại câu đầu, liên hồi bất tận hát được hoài không bao giờ dứt cả.

– À, đó là cái vòng lẩn quẩn.

– Em hát được, Quá nói mà mắt ranh mãnh nhìn chị.

– Thì hát đi.

– Nè:

Bậu lỡ thời như ớt chín cây,
Ớt chín cây người ta còn hái;
Bậu lỡ thời như nhái lột da,
Nhái lột da người ta còn bắt;
Bậu lỡ thời như giặc Hà-tiên,
Giặc Hà-tiên người ta còn đánh;
Bậu lỡ thời như bánh trôi sông,
Bánh trôi sông người ta còn vớt;
Bậu lỡ thời như ớt chín cây,
Ớt chín cây người ta còn hái;
Bậu lỡ thời như...

Lần thứ nhì, Quá mỉa cảnh muộn chồng của các chị cô, bằng bài ám chỉ ấy.

– Cái cô út nầy, bà Nam Thành nói, cô đừng có kiêu ngạo người ta, lo thân cô thì hơn.

Người miền Nam ta thường dùng sai tĩnh từ kiêu ngạo. Ý bà Nam Thành muốn nói: chế nhạo hoặc nhạo báng.

Đã bào gia đình nầy rất cởi mở về việc chồng con. Bà Nam Thành vô ý thức nhưng hay lỡ lời, còn ông thì hiểu rõ sự cởi mở ấy

rất có lợi, ông ví nó như một cái *súc-báp* giúp con ông thoát khỏi bịnh đè nén, bịnh dồn ép cảm tình rất nguy hại, nên ông ngầm khuyến khích sự bộc lộ tâm tình.

Ba chị lớn là kẻ luống tuổi, không bao giờ hờn giận cô em út cả. Họ cũng chẳng thèm đếm xỉa đến những lời đùa cợt của cô ta.

Nhưng chiều hôm nay, trong cảnh hoang vu của Thái-huyên trang đứng lẻ loi trơ trọi giữa cánh đồng, họ bỗng bị ý nghĩ mà Quá vừa gợi ra làm họ khó chịu. Bâng khuâng mà họ cố dẹp được lúc ở thành náo nhiệt, ồn ào, bây giờ lại dâng tràn lên.

Trên con đường nhựa dài chạy ngang trước nhà, các loại xe hơi nối đuôi nhau mà bò, càng xa càng thấy chúng nó bò chậm như rùa. Để đổi vui không khí, ông Nam Thành chỉ dám xề xuống mà nói:

– Xe nầy ở Vũng-tàu về. Xe nầy từ Nha-trang vô. Chắc cũng có xe Huế chớ!

-Sao ông biết rõ như vậy? Bà hỏi.

– Không cần thầy bói cũng đoán được. Hỏi vậy chớ còn xe ở đâu mà xuống đây nữa, nếu không ở các chỗ đó? Ta ở dựa đường Thiên-lý mà!

Rồi ông lại chỉ đám xe lên:

– Bọn nầy là bọn Sài-gòn, chiều đi chơi mát, hoặc đi Biên-hòa ăn cháo cá cũng nên.

Bốn cô con gái đều làm thinh, cả cô út lắm lời cũng nín lặng.

Những cặp vợ chồng trẻ trên xe, xui họ nghĩ vẩn vơ về nhiều việc. Những tên nơi chốn mà người cha vừa thốt ra, gợi trong trí họ những cảnh nước non xa lạ mà tiếng gọi như văng vẳng đâu đây. Tiếng gọi ấy nghe mang máng giống giống một thứ tiếng gọi khác, réo rắt hơn, trong vọng than vãn của gió chiều, đó là tiếng gọi của tình yêu, không rõ rệt lắm, như bị gió loãng đi vì người gọi chưa biết là ai.

Con đường Thiên-lý nối lại nhiều nơi xa xôi, nối lại những tấm lòng từ chơn trời Hải-vân đến góc bể Cà-mau, con đường đưa lên đưa xuống những chàng thanh niên mà lòng còn bơ vơ chưa cặm sào nơi đâu cả, con đường thờ ơ ấy chỉ là một chuyến đò dọc thôi. Khách qua đò không bao giờ ghé bến hết. Không, không làm sao mà

một chàng trai nào bỗng dưng ghé lại xóm nầy, cả đến người yêu bạc nghĩa của Hồng cũng không dè người lý tưởng một lúc của anh ta nay lại lùi về đây để nhơi mãi sự tàn rụng không nguôi của một mối tình thơ mộng.

"Tháng năm chưa nằm đã sáng". Lời tục ấy muốn nói ngày của vụ cuối mùa nắng dài lắm. Tuy thế, đêm cũng đã xuống rồi.

Có bàn tay bí mật nào đã thắp cháy từng vì sao trên trời. Đầu rừng xa, trăng lưỡi liềm leo lét buồn soi.

Đèn *pha* xe hơi, như những sợi dây đõi to, cột dính chiếc xe trước với một dọc xe sau rồi cả đoàn như được độc một chiếc đầu kéo đi.

Ông Nam Thành vừa toan bảo vợ con vào nhà bỗng nghe Quá kêu lên một tiếng kinh dị, rồi tiếp theo đó những tiếng la oái oái của cô nàng và cô nàng nhảy lung tung như đạp phải ổ kiến lửa.

Chưa ai hiểu gì thì Hồng lại kêu la y như vậy và cũng nhảy lăng ba như bị chuột chun ống quần.

Việc khủng khiếp bây giờ lại chụp lấy Hoa. Hoa nhào càn dưới đất như bỗng bị phong xù, thân thể co quắp rồi quằn quại, rồi lăn lộn.

Ông bà Nam Thành đứng chết sững không kịp tìm xem cái gì, bởi vì ông bà quýnh quíu vì ba cô con gái khi không bỗng nổi cơn lên một lượt.

Bây giờ đến phiên cô con gái lớn la. Nhưng cô ta chỉ la có một tiếng "ý!" ngắn ngủi rồi cười ngất.

– Gì đó con, bà Nam Thành bớt sợ trước cái bình tĩnh ấy, nên mới hỏi được câu nầy. Vả ba cô con gái kia đã thôi kêu la, thôi nhảy múa rồi.

– Con hàng-hiu, má à!

– Vậy hà? Hú hồn hú vía. Tao với ba mầy thật quýnh quáng không biết đâu mà rờ.

– Trời ơi! Hoa kêu, nó nhảy lên cổ con, thình lình nghe lành lạnh, mềm mềm, ươn ướt, ai mà không hoảng.

– Tao mới thất kinh chớ! Tao thấy nó từ cổ con Quá nhảy qua cổ mầy. Nó ốm nhách, trắng dờ, mà hai con mắt trõm lơ như ma, tao vừa muốn chạy thì nó nhảy qua ôm cổ tao rồi.

– Hèn chi mà họ nói chàng-hiu hót cổ, bây giờ em mới hiểu. Chỉ có chị hai là gan. Chị ấy thì chàng-hiu hay chàng nào chỉ cũng không sợ hết. Chị sợ chàng rể không chị hai?

– Con mắc dịch nói bậy hoài!

– Ai mà khéo đặt tên cho con ấy. Đã con mà lại là chàng.

– Người miền Bắc thì kêu nó là con chẫu-chuộc, nghe ít ghê hơn tên của ta; tiếng chàng-hiu gợi hình dáng một con người mà là người ma, ghê quá!

– Mà tiếng miền nào hay hơn?

– Cũng như nhau hết. Nhưng thường thì danh từ miền Bắc hữu lý hơn. Thí dụ người con đầu thì kêu là con cả. Như tao, tụi bây phải kêu là chị cả mới hợp lý cho, chớ sao lại kêu là chị hai. Chị Hai? Vậy còn chị Một ở đâu?

Ông Nam Thành xen vô:

– Ta kêu đứa con đầu là thứ hai không phải ta không có lý. Ở miền nam, trong làng có những ông hương chức gọi là Hương Cả. Thử tưởng tượng một nông dân gọi con đầu của y trước mặt vị Hương Cả rằng: "Thằng cả ơi, mầy đi ví gà coi", thì có phải là mích lòng ông Hương Cả hay không?

– Nhưng thưa ba, ở trường hợp khác, miền Bắc lại vô lý. Thí đụ ngày đầu trong tuần, tại sao họ không kêu đó là ngày thứ cả, lại kêu là ngày thứ hai?

Ông Nam Thành bí lối nên hối:

– Thôi vô nhà!

Cả Thái-huyên trang đều vâng lời vị thủ lãnh của họ.

Kề điếu thuốc vô đầu trên của chiếc ống khói đèn, ông Nam Thành bập, bập đoạn lấy thuốc ra rồi ngâm:

Canh khuya thắp dĩa dầu đầy.
Dĩa dầu voi hết, nước mắt nầy không voi.

– Cây đèn sao lại kêu bằng dĩa, ba? Quá hỏi.

Ông Nam Thành không đáp liền câu hỏi ấy, mà nói:

– Ở nhà quê mà nhát như thỏ đế vậy không được đâu. Các con phải tập tánh lại. Cái gì mà mới bị con chàng-hiu đeo cổ một cái là la bài hãi như bị cướp bẻ họng.

Thuở ba với má con mới cưới nhau, còn ở nhà thờ dưới làng. Tối lại thắp một dĩa dầu mù u. Cọng bấc ngâm trong dầu để lòi một dầu ra làm tim. Đèn lù mù mà nhà chỉ có hai vợ chồng trẻ, hiu quạnh quá.

Hôm nào bên cạnh có đám ma là má bây nạnh ba vô nhà trước để lên nhang đèn. Rồi ba lại nạnh má, gai cũng ỉa làm biếng chớ không chịu thú nhận là mình không dám vào đó, vào cái nhà thấp chũm và tối om ấy, trong khi bên hàng xóm vừa có người chết.

– Thành ra ba cũng nhát...

– Ừ, ba nhát mà ba cố làm gan, mới ở được nơi đó cho đến khi nhà thờ sập.

Những lúc rỗi việc, Hoa và Quá thích đi thám hiểm vùng quanh nhà. Lập vườn mới, ngoài việc kéo nước tưới cây, chưa có công việc nhiều. Heo gà cũng chỉ mới lưa thưa vài mươi con thôi, nên họ có rất nhiều giờ rảnh rang.

Xóm trên đông được bốn nhà tranh và hai nhà ngói, trừ bác lò rèn ra, còn là nông dân cả. Xóm dưới toàn là ngói không thôi. Nhà chỉ nho nhỏ thôi, bên trong chưng dọn rất đơn sơ, trống trải. Xóm trong rất sầm uất, đâu trên hai mươi nhà, tranh ngói lẫn lộn.

Họ đọc tiểu thuyết thì thấy tả nhà quê rất nên thơ. Nhưng có lẽ đay là vùng khô khan hay sao không biết mà hai chị em tìm mãi không gặp hồn thơ đâu cả.

Nhà phần đông không thèm rào lại, ranh giới vườn không có, nên khó phân biệt đâu là đâu.

Các chủ nhà không thích hoa kiểng nên sân nào cũng trống trơn phơi bày một bãi cát trắng, vào lúc nắng trưa, trông mệt mắt như đứng trong sa mạc.

Họ có trồng chút ít cây mà toàn là thứ cây buồn: mít, mãng cầu và ổi. Các loại cây ấy không buồn được một cách thơ mộng như liễu rũ bên hồ mà buồn một nỗi buồn cằn cỗi, nghèo nàn. Ba loại cây ấy ưa đất khô, nên hình dáng nó cũng khô khan.

Gà, heo không có chuồng. Chúng đào ao khắp nơi, bươi tung lên tất cả những đống rác, những vựa phân bò.

Người ta, trai thì thân thể không nở nang như lực sĩ điền kinh, gái thì cũng rất khác xa hình ảnh các cô thôn nữ yêu kiều trong tiểu thuyết.

Thật ra, tất cả những cái ấy đều mang thơ, nhưng đó là những bài thơ vận trắc, khổ độc, những bài thơ tả thực không cần thi vị hóa cái gì hết.

Những bài thơ ấy có vẻ đẹp riêng của nó, cả đến những dơ bẩn, những cảnh xơ rơ, héo xào cũng đẹp được.

Nhưng lạc hướng biết bao, tưởng tượng một đàng mà thực tế lại một ngả!

Bữa nào có Hương đi theo thì cô ta giảng giải:

– Đồng quê ở đây khác xa đồng quê tiền giang và hậu giang. Hai nơi đó cũng khác nhau khá bộn.

Ở đây đồng bằng, nhưng lại là đồng khô cỏ cháy, nên không đẹp hùng mạnh, huyền bí và man rợ như núi rừng, cũng chẳng đẹp vẻ đẹp tối lạc sinh của đất phì nhiêu dưới kia.

Nhưng nếu biết tìm tòi, có mắt thẩm mỹ, chắc cũng sẽ gặp nét thơ riêng của nó; người ở đây định cư trước dưới ta hằng trăm năm, phong tục và lòng người dễ thường đã thuần hơn, giàu truyền thống hơn.

Chị có vào ở vài ngày trong một làng dựa sông Đồng-nai trên Biên-hòa. Cảnh đẹp hơn dưới mình người rất văn vật, và nhứt là lòng người, chí người rất Việt-nam chớ không phải là tao loạn tâm hồn, Cao-miên, Ấn-độ, Trung-hoa như ở vài làng dưới ta là cái ngã ba văn-hóa Hoa – Ấn.

Không hưởng thơ mộng được, mấy chị em đành thưởng thức đỡ những cảnh tuy vậy cũng hay hay đối với mắt chợ của họ. Thí dụ cảnh mất gà ở nhà thím tư Phạn.

Chiều nào thím tư cũng đứng chận ở cửa ngõ sau nhà để đón gà về.

Thím ta, trong lúc ấy, trông giống như một ông tướng điểm bình, còn đàn gà là một đạo binh hùng mạnh điều động đi qua.

Dẫn đầu là một tướng quân trống tơ, mặt còn khờ khạo nhưng ra vẻ ta đây lắm. Trống tơ nịnh đầm số dách, gà mái nào cũng đầy ứ bầu dều rồi mà anh ta vẫn cứ đi vài bước, mổ vài cái rồi kêu mời đám phi tần cung nữ theo sau anh ta.

Đám phi tần gồm toàn gái tơ son trẻ, xem rất ỷ lại vào ông chúa dẫn đầu kia.

Kế đến là những mẹ gà bận bịu đàn con dại, bước từng bước một, e dè nghe ngóng. Thỉnh thoảng các từ mẫu ấy báo động lên bằng một tiếng còi: *có-ót-ót.* Thế là đám trẻ thơ lẹ như chớp chui vào những nơi trú ẩn thiên nhiên gần đó: bụi tre, chòm cỏ, gốc xương rồng.

Sau đàn hàng không... gà hạm ấy, đến những chú gà tơ mới mặc áo lá, chưa thỏa mãn một ngày nô đùa nên chần chờ lọt lại đàng sau, vừa về ổ vừa rượt đánh nhau túi bụi.

Đi hậu tập là một lão tướng trống già oai phuông lẫm liệt, dũng khí đằng đằng, đuôi dài chấm đất, mồng đỏ như hoa bản-hạ.

Y giáp lão tướng là một cuộc múa rối màu sắc, và lão ta vỗ cánh thì thú vật trong cả sân nhà đều khiếp vía.

Lão đi chầm chậm, mỗi lần dở chơn lên là y như Quan Vân Trường đá giáp bằng hia, cái cựa dài và bén của lão trông ghê rợn như thanh long đao của Quan Vũ.

Thím tư đếm từng con gà một. Thím thuộc lòng hình dáng, chi tiết trong thân thể và đặc tánh của mỗi con.

Chiều hôm ấy, thím lo lắng mà thấy con gà trống tơ màu bắp chuối không về. Thím bền chí đứng đợi một hồi rất lâu, đến chạng vạng mới chịu đóng cửa sau lại.

Thím đi uống nước xong, ra sân tằng hắng vài tiếng, rồi người ta nghe như là ai mở *ra-đi-ô,* thao thao bất tuyệt:

"Xóm trên, xóm dưới, xóm ngoài, xóm trong, mở lỗ tai mà nghe đây nè: Gà của tao còn ràng ràng hồi trưa, mà quân nào đã ăn tươi nuốt sống rồi...

... Mẹ! Giường thờ chiếu trải tiên nhơn cha bây, bây có thèm thịt thèm cá thì nuôi lấy mà ăn, chớ làm chi như vầy, ông bà ông vãi bây ngồi trên giường thờ sao cho yên nè!

... Mẹ! Cao tằng cố tổ tiên nhơn cha bậy, cả kiếng họ mẹ bây, rán mà ngoáy lỗ tai để nghe tao chửi...

... Quân tham lam bây ăn thịt gà mắc xương nghẹt họng bây, bây ăn rồi bây ngã ra giãy tê tê rồi chết toi, chết dịch.

Vân... vân... và vân... vân...

Mấy chị em ngạc nhiên hết sức mà nhận ra tự vưng chửi của ta rất giàu. Và âm nhạc chửi rất phong phú nhạc điệu.

Quả thế, thím Tư chửi bằng giọng khi bổng khi trầm, khi bổng thì như diều lên; khi trầm thì như tiếng xe lửa Biên-hòa mà họ nghe xa xa về đêm. Thím chửi có nhịp có nhàng, có tiếng ngân dài, có tiếng dừng tức.

Sự can thiệp của chú Tư mới ngộ nghĩnh hơn nữa:

– Thôi mà, rầy tai quá mà! Biểu nín cho nó mọc lông nó chết cho rồi.

– Nó nào mà mọc lông? Thím Tư hỏi.

– Thì quân ăn cắp gà chó ai. Hễ mình không chửi thì chúng nó ăn thịt gà xong là mọc lông lá cùng mình. Gặp trường hợp như vậy chúng nó sẽ tìm đến lạy xin mình chửi giùm cho một tiếng, chỉ có một tiếng nhỏ thôi, cho lông nó rụng đi.

Cả mấy chị em đều cắm đầu chạy để giấu trận cười có thể mích lòng người ta, chó trong xóm sủa theo mấy chị em inh ỏi.

Bốn chị em đều vỏn vẹn chỉ có một người bạn. Đó là người bạn trai ở xóm trong, tên là anh Xòn.

Xòn ở mướn cho một nhà trồng thuốc hút, anh ta tướng tá vặm vỡ, mình mẩy tay chơn đầy những u nần. Đó là những bắp thịt nở theo hướng của lao lực chớ không phải theo chiều của sự luyện tập có nghiên cứu.

Ban đầu, Hoa để ý đến Xon trước nhứt. Hoa tinh nghịch nhứt nhà, và luôn luôn tìm thấy ngay mọi khía cạnh hài hước của bất kỳ việc gì.

Bốn chị em vào xóm chơi. Người lớn em các cô như thường. Trẻ con thì chạy theo sau gót họ vì màu áo đẹp của họ và cũng vì kẹo mà thỉnh thoảng họ mang theo phát cho chúng.

Anh Xon khác thường hơn cả, núp sau gốc me mà dòm.

Hoa làm bộ như không thấy, đi lần lại chỗ núp rồi hù một tiếng, cô chụp lấy đầu gian nhơn mà hô:

– Nó đây rồi! Nó đây rồi!

Thiên hạ nghe la, ngỡ anh Xon đã ăn cắp gì đằng Thái-huyên trang, bu tới hỏi thăm.

Xon tái xanh mặt, chối leo lẻo:

– Tôi không có, tôi oan mà!

– Anh không có gì? Hoa hỏi.

– Tôi không làm gì hết.

– Không có, sao tôi lại chụp anh?

Lý luận kỳ cục của Hoa thế mà làm cho Xon đuối lý. Cả người chung quanh cũng nghe là cô hỏi vặn hữu lý lắm.

Thấy mình không thể thoát, anh Xon òa lên khóc như trẻ con.

– Thôi đi mầy, Hương mắng em, mầy ác làm chi tội nghiệp người ta.

Quá bước lại kéo tay anh thợ tưới thuốc mà rằng:

– Thôi tha anh lần nầy đó.

Xon đột ngột cười khan, nước mắt nước mũi còn chàm ngoàm.

Cả xóm không ai hiểu sao cả, đoán rằng Xon quả có gian thật.

Từ đó ngày nào họ cũng đi thăm anh Xon. Đi thường nhứt là cô Hoa.

Hoa theo Xon ra mấy đám thuốc, xem anh ta kéo cần vọt. Vùng đó, cánh đồng sau xóm, ở xa trông mường tượng như một hải cảng chi chít cột buồm. Cần vọt giống cột buồm mà chiếc buồm xếp xong, máng nghiêng trên đầu cột.

Xòn kéo nước giếng, nhưng kéo xuống chớ không kéo lên. Cần vọt là một hệ thống đòn bẫy mà điểm tựa là đầu cột, sức mạnh là sợi dây treo thùng và đối lực là phiến đá treo ở sau đuôi đòn.

Sức mạnh trong cần vọt có được là nhờ sự trì sợi dây xuống cho thùng múc nước. Công việc chỉ có thế, rồi người kéo cứ để cho phiến đá làm công việc còn lại.

Hoa rắn mắt đeo vào phiến đá. Cỡ Xòn rán sức một chút là trì dây xuống được ngay và Hoa sẽ bị dở hỏng lên trời. Chính nàng muốn được như thế, để nghe như là đi máy bay.

Nhưng Xòn không bao giờ dám cố sức mà trì cả. Hoa biểu thế nào anh cũng chẳng nghe.

Hoa hỏi:

– Anh, Xòn tại sao anh sợ tôi dữ vậy?

Xòn chỉ cười hì hì như bao giờ. Anh ta không hề cắt nghĩa được cái gì cả, phương chi cái đó lại là câu hỏi khó của một người con gái mà anh thấy đẹp như tiên.

Hương thường mắng em:

– Mầy nhiễm *Trống mái*[1] rồi hả? Con gái dầu sao cũng phải nết na một chút chớ!

Thật ra thì không phải vậy. Cô Hiền trong nước Việt-nam có lẽ chỉ có một, hay không bao giờ có cả. Hoa thấy anh Xòn lù khù, theo phá chơi vậy thôi, chưa bao giờ cô nghĩ đến cái đẹp về thân thể của Xòn.

Cái nghề con gái không chồng thì nó trẻ rất lâu, và cũng trẻ con rất lâu.

Quá nhảy lên cỏ một cái thật lẹ, rồi day mặt ra đường sừng sộ hét:

– Người ta đã nhảy lên lề rồi mà còn muốn cán người ta à?

---

1. Tiểu thuyết của Khái Hưng.

Người tài xế như nghe lời phản đối ấy, cúi đầu chào bốn chị em một cái, vừa chào vừa mỉm cười như nói:

– Biết rồi, các cô là gái Sài-gòn mà! Bảnh lắm mà, lỡ một chút cũng làm dữ.

Thỉnh thoảng chiều chiều bốn chị em lại dắt nhau đi trên đường nhựa, khi thì xuôi về hướng Thủ-đức, lúc lại ngược lên hướng Biên-hòa.

Trên các xe qua lại ai cũng lấy làm kỳ, sao ở xó quê lại có gái xem ra người tỉnh thành. Họ mặc bà ba thì tức là người trong xóm, chớ nào phải người Thủ-đức lên.

Họ đi dạo mát, nhưng riêng Hoa, cô lại có mục đích thứ nhì nữa là gặp Quờn, con của Hương cả Quan.

Quờn là một công tử nhà quê, hạng người mẫu.

Vì ở gần thành phố quá, mặc dầu thành phố ấy chỉ là một quận ly, công tử Quờn lại mang thêm một cố tật dĩ nhiên là muốn thành người thành thị.

Thành không được, Quờn lai căn một cách dị hợm với những bộ *bi-da-ma* màu hường, màu xanh lá cây mà cậu mặc mãi từ sáng đến tối, từ trong buồng ra đến quận ly.

Nếu anh Xồn nhìn các cô Thái-huyên trang như một con trùng si tình một ngôi sao trên trời thì công tử Quờn có thái độ của một con gà lôi trống tò vè mấy con công mái trong sân nhà.

Từ ngày xóm tiếp nhận nữ khách mới thì cậu xức nước hoa chế tạo ở Chợ-lớn và nhét *mù-xoa* nhỏ có thêu chéo xanh xanh đỏ đỏ trên miệng túi *bi-da-ma*.

Cậu diện thêm một cây đàn băng-cầm, cứ chiều chiều xách nó ra đường, không khảy vì chưa biết chơi, nhưng cắt nghĩa lu bù về nhạc cụ ấy, với đám trẻ con bu quanh cậu.

Lần đầu chạm mặt, cô Hoa rắn mắt của chúng ta nghĩ ngay đến việc biến công tử thành nạn nhơn của tánh nghịch ngợm của cô.

Anh Xồn là người cô mến nên cô đùa anh ta, cô cũng chỉ đùa hiền hiền chơi vậy thôi. Đến như gã *bi-da-ma* hường nầy thì cô quyết không tha.

Trong cái lần đầu ấy, thấy Quờn liếc lén mấy chị em, Hoa tấn công ngay.

– Chào cậu Hai. Đi dạo mát với chị em tôi chơi, cậu.

Họ thấy nhau lâu rồi, nhưng mới trao lời đây là lần thứ nhứt.

Được nói chuyện với các cô có lẽ là cái mộng to thứ nhì trong đời cậu Quờn. (Cái mộng to thứ nhứt là được yêu một trong bốn cô) nhưng mộng ấy không bao giờ Quờn dám biến nó thành sự thật. Nay Hoa nổ súng thình lình, cậu chưa kịp chuẩn bị gì cả thì biết có thái độ và lời lẽ nào. Vả lại cậu xửng vửng vì lời mời mọc nầy mà cậu nghe ngược ngạo quá.

Quờn đứng chết sững và ngậm câm, còn hai cô Hoa và Quá thì rũ ra cười; cô Quá cười no rồi nói:

– Hay là cậu mặc áo hường rồi chê áo đen của chị em tôi mà không muốn đi chăng?

Hương véo em rồi kéo cả bọn đi thẳng. Qua khỏi đó một đỗi, người chị cả nói:

– Mình tới xứ lạ, không nên mích lòng người địa phương.

– Đáo xứ tùy dân, nếu có ba ở đây, ba sẽ đọc câu chữ nho đó.

– Không nên mích lòng bất kỳ ai, huống chi người ta là QUAN QUỜN chớ phải dân dã chi đâu. Quá lại tiếp lời răn của chị cả... nhưng lại chơi chữ ở đoạn sau.

Hồng nói:

– Làng Linh-chiểu nầy ngày xưa chắc có một vị hương chức hay một ông cai tổng gì đó tên là Quyền.

– Sao chị biết?

– Nếu không, ông cả Quan ổng đâu có kiêng cữ chữ Quyền mà đặt tên cậu ấy trại ra là Quờn.

Bốn chị em đã đi gần tới nhà ông cả Quan.

Mọi khi, sau ngày sượng trân lần đầu, Quờn bỏ chạy khi thoáng thấy mấy chị em đàng xa. Lần nầy cậu ta bận gỡ chiếc gai dính vào dép Nhựt-bổn mới mua nên không thấy bọn Thái-huyên trang đến.

Chừng nghe động, day lại đã trễ quá rồi, không cút kịp nữa.

Quờn mặc *bi-da-ma* bằng vải ú màu xanh lá cây, đầu chảy brillantine Chợ-lớn sực nức mùi chanh, cổ đeo dây chuyền vàng khè, tay nặng trịu nào *lắc* vàng, cà rá vàng và đồng hồ cũng bằng vàng.

Anh công tử vườn chào bốn cô theo lối kẻ dốt, nghĩa là hất hàm lên như muốn hỏi:

– Ê, đi đâu đó?

Cô Hoa nói:

– Lạ quá, cậu hai! Cũng thời một nước một non, mà chúng tôi thì cúi đầu xuống để chào, còn cậu thì lại hất đầu lên. Không biết lối chào nào trúng cách đó cậu?

Quờn không thấy là bị hỏi vặn, tự nhiên đáp:

– Dân chào quan, nữ chào nam thì cúi đầu là phải, còn ngoài ra...

– Vậy chị em tôi phải cúi đầu đến hai lần vì cậu vừa là nam vừa là quan, hay con quan cũng thế.

– Tía tôi đã từ chức rồi.

– Từ thì từ, cái giốc quan vẫn còn chớ.

Cậu Quờn sung sướng quá khi nghe cô gái còn nhận mình là con... quan, mặc dầu cha cậu chỉ là quan trong xóm thôi.

– Độ rày cậu làm gì, cậu hai? Hoa lại hỏi.

– Cũng hổng cần làm gì. À, tôi có tự túc một bầy gà Huê-kỳ, coi bộ tương lai "quá khứ"?

Cả bốn chị em đều ngạc nhiên, không hiểu cậu ta nói cái gì mà lại tự túc gà và có tương lai "quá khứ"?

– Tự túc là gì cậu? Hương hỏi thật tình.

– Tự túc là nuôi, chớ là gì.

– Vậy hà, còn tương lai "quá khứ?"

– Tương lai là tương lai, còn quá khứ là "quá sá". Tiếng mới mà. Tôi nghe họ nói hay quá, nên tôi bắt chước dùng theo. Đời bây giờ họ bày ra nhiều tiếng mới hay lắm. Thí dụ phạm tội, họ nói "phạm vi". Thù vặt họ nói "cá nhân", nghe hay "quá khứ".

Hoa và Quá núp sau lưng hai chị mà cười đến chảy nước mắt. Có Quá, mặt mày còn đỏ rần, bước ra khỏi chỗ núp nói:

– Hôm nay cậu mặc đồ xanh, trông đẹp trai "quá khứ" nhưng cậu lại "phạm vi" về đôi dép. Dép phải quai đỏ nó mới ăn với màu xanh nầy. Tôi tình thiệt nói ngay, cậu đừng có "cá nhân" tôi nhé!

– Tôi người quân tử mà, ai lại "cá nhân" cô.

Cả bọn Thái-huyên trang thấy trò đùa đã kéo dài quá rồi, nên chào cậu công tử để đi nữa.

– Hôm nào rảnh, mời cậu lại nhà chơi, nếu cậu không "cà nân" thì chắc cậu sẽ lại.

Con gái Xóm Thuốc làng Linh-chiểu là những chị phụ nữ an phận. Họ không dám muốn được như mấy cô Thái-huyên trang, nên không cô nào đua đòi bắt chước ăn mặc từ ngày các cô lên đây.

Họ cũng chẳng lân la để học ăn học nói, học những điệu bộ thị thành. Đó là những người bằng lòng số mạng và không mơ một cuộc đời khác hơn là cuộc đời họ thấy từ lúc lọt lòng.

Phụ nữ ở những làng khô cháy, nghèo khổ vẫn thế đấy. Họ cằn cỗi cả ngoài mặt lẫn trong lòng và sống co lại trong gia đình, ít dám giao thiệp.

Thành thử bốn cô Thái-huyên trang không thể có bạn gái được. Các cô tìm đến họ. Họ vẫn vui vẻ đón tiếp các cô, nhưng rồi thôi, cảm tình của họ đối với các cô không dài hơn cuộc gặp gỡ ngoài mương thuốc, trên bờ tre.

Cảnh đồng khô cỏ cháy nầy lại bị tiết cuối mùa nực cộng với lòng người hàng xóm thờ ơ làm cho nó trở nên buồn một cách tuyệt vọng.

Trò vui độc nhứt của các cô là xem lửa kên-kên vào lúc chạng vạng.

Thỉnh thoảng trong làng có một con trâu chết và chủ nó len lén vứt xác nó ra đồng. Kên-kên đáp xuống xơi thịt thúi ấy, rồi say mồi, không buồn bay lên nữa.

Vài anh dân làng rắn mắt, đợi quá chiều, lấy nùi giẻ cột vào chơn của mấy chú ăn thây ma nầy, rồi tẩm dầu hôi mấy nùi giẻ ấy. Xong đâu đấy họ đánh diêm lên mà đốt giẻ.

Kên-kên bị lửa đốt, kinh hoảng bay cuồng loạn, mang theo mỗi chú một cục lửa đỏ lòm trong bầu trời đen của đêm vừa xuống.

Dân làng Linh-chiểu cứ lặng lẽ làm nghề thuốc, xe hơi cứ lướt qua trên đường Thiên-lý mà không bao giờ ghé lại và bốn cô gái Thái-huyên trang cứ lặng lẽ đợi chờ một việc gì nó không bao giờ xảy ra cả.

– Hôm ấy là chúa nhựt thứ ba từ ngày dọn nhà lên đây.

– Cũng như hai chúa nhựt trước, Hương, Hồng, Hoa, Quá nhìn mãi đám xe đạp, xe gắn máy, xe *xì-cút-tơ* của những thanh niên thiếu nữ trốn thị thành đi tìm mãi, lũ lượt nối đuôi nhau qua trước nhà. Họ như mang theo hương vị Sài-gòn mà các cô vẫn nhớ chưa nguôi. Tuổi trẻ lại gợi nhớ tình yêu mà các cô thấy mình đang thiếu thốn. Nhìn xe, các cô bồn chồn mong ngóng một người, một người có thể đưa đến vài tia nắng ấm trong cảnh lạnh lẽo nầy. Người đó là Bằng.

Sao đã ba tuần rồi mà không thấy Bằng lên chơi? Thì ra, người ta quên kẻ đi vắng mau lẹ quá. Nếu kẻ ấy qua thế giới bên kia, không mong trở lại nữa, thì người ta sẽ quên họ chóng đến bực nào?

Bốn cô tủi thân quá, nghe như mình bị cả thế gian bỏ quên. Thế gian cứ vui chơi, thương yêu, không biết rằng nơi một xó quê kia có những người còn trẻ, còn ham vui, đang vào tuổi thương yêu bỗng vì gia thế phải lùi về ở ẩn như một công chức mãn kỳ phục vụ, và không biết bao giờ ra khỏi chốn nầy.

Bằng đi *mô-bi-lết,* nên hễ mỗi lần nghe tiếng động cơ nhỏ nào nổ là bốn cô ngóng cổ lên mà dòm ra đường.

Họ mừng hụt đến sáu lần, và có một bận họ xuýt chạy ra cửa ngõ vì người cỡi *mô-bi-lết* ấy sao mà giống Bằng quá.

– Hay là anh Bằng tìm nhà không được, rồi chạy luôn lên Biên-hòa, hoặc lên Lồ-ồ, Châu-thới, cô Quá đặt nghi vấn như vậy.

– Ừ, Hoa họa theo, có thể lắm.

– Không đâu, cái anh đó thì xó nào ảnh tìm cũng ra hết, Hương cãi thế vì cô bình tĩnh được hơn ba em của cô. Chắc ảnh bận việc gì.

– Anh đó mà bận việc gì! Ảnh bận với các cô em của ảnh. Nhưng nếu thế, ảnh lại phải đưa họ đi ra đồng ngày chúa nhựt, mà đi đâu cho hơn lên đây?

Bỗng Hoa kêu rú lên, rồi nhảy xuống đất một cái đụi, bỏ chơn không mà chạy ra sân.

Họ mảng bàn cãi mà quên để ý lắng nghe tiếng xe, quên dòm khách ra đồng quê ngày chúa nhựt nên Bằng lên tới cửa mà chỉ có một cô thấy thôi.

Ba cô kia cũng chạy theo cô Hoa, kêu la như em nhỏ:

– Anh Bằng lên ê, anh Bằng lên!

– Hoan hô anh Bằng!

– Đả đảo anh Bằng lên trễ!

Bằng đẩy xe vào sân và ứng khẩu hai câu thơ lục bát:

Nghìn trùng thiên-lý bên đường
Thái-huyên trang ấy dễ thương quá trời!

– Hay!

– Để em chép.

– Đọc tiếp đi anh.

– Muốn có thơ ra thì phải có rượu vào. Có nước dừa không?

– Nhà không có trồng dừa. Nhưng chị Hồng có mua trữ sẵn, buổi đi chợ hôm qua.

– Vậy có nước dừa vào, thơ mới ra tiếp được.

Quá giựt xe người anh rồi thót ên cho chạy vòng vòng trong sân, len lỏi qua mấy cây bưởi, mấy cây vú sữa mới đặt xuống đất vài tuần.

Con trích đang đi thơ thẩn, thấy khách lạ, làm thinh, chạy bay tới mổ vào ống quyển khách. Bằng không để ý dưới chơn, bị mổ đau, la oái oái rồi nhảy trèo một bên. Ba chị em cười ngất. Bằng phản đối:

– Sao không để bản: "Attention trích méchant" ngoài cửa?

Ba chị em lại cười lấy làm ngộ nghĩnh vì ý nghĩ của họ hôm trước, nay được Bằng lặp lại y hệt.

Bằng vào nhà chào dì dượng rồi thoát ra ngoài ngay để xem cảnh nhà. Cả bốn chị em đều theo chàng như một đoàn hộ tống đắc lực.

Thấy cảnh khô cháy, không có lấy một bóng cây nhỏ cho con mắt nghỉ ngơi, người con trai đi tìm mát nầy hơi thất vọng than rằng:

– Còn lâu lắm ở đây mới được. Hiện giờ, chỉ có đá banh, hoặc rượt bắt nhau mới hợp. À, còn trái cây đâu, các cô?

– Khách chỉ có một người thì trái cây mua ở chợ ăn cũng đủ no nê rồi, cần gì trái vườn.

Hoa biết Bằng hỏi mỉa mấy chị em, ám chỉ lời hứa đãi trái cây của các cô hôm tháng trước, nên đáp thế. Lối đáp của cô lại sẽ giúp cô biết được vì sao Bằng chỉ đi chơi có một mình thôi, trái với thói quen của anh ta là hay tùng tam tụ ngũ.

Quả thế, Bằng cắt nghĩa:

– Cũng may là hai thằng ấy gãy giò hết, không thôi phải trơ mặt ra mà ngó bọn đó. Chúng tôi đi ba mạng, qua khỏi cầu Băng – ky, xuống dốc, lại đường quanh mà thằng Kỳ với lại với thằng Hưng nó cho chạy thả máy. Chúng nó văng vô một cái trại cưa ở giữa dốc, chắc phải hai tháng nhà thương mới lành xương được. Tôi gởi chúng nó theo xe quen về nhà thương Bà-chiểu rồi lên đây một mình. Bị vậy mà tới hơi trễ.

Hai cô gái nhỏ thất vọng ngay khi thấy Bằng đến một mình. Giờ nghe Bằng kể câu chuyện tai nạn xe, họ càng tủi thân thêm.

Lùi về xó quê nầy, họ chỉ mong có khách đến chơi, bất kỳ là ai, để không khí đỡ phẳng lì. Nhưng mỗi một lần khách đến, họ lại bị gãy cẳng dọc đường.

– Sài-gòn có gì lạ, anh? Quá hỏi.

– Thì cũng đại nhạc hội, đại siêu phẩm xanh xanh đỏ đỏ, chớ có gì đâu. Còn ở đây, có lạ hơn không?

– Có cậu hai Quờn mặc *bi-da-ma* hường, ôm đờn băng-cầm suốt ngày, và có anh Xon, lần nào thấy em là cố chui trốn bất kỳ ở kẽ rào nào.

– Thành ra không ở đâu có gì giựt gân cả. Thế nầy thì còn biết chạy đi đâu cho đỡ buồn nè?

– Anh buồn lắm hả? Anh bạn gái nhiều lắm mà.

– Bạn gái chán bỏ mẹ. Mà bạn trai lại càng chán hơn.

Đó là luận điệu của kẻ giàu sang, đâm chán tiền bạc. Riêng các cô, các cô thấy bạn gái rất dễ thương, mà bạn trai lại càng thích hơn.

Cô Hồng bỗng nhớ sực ra mình chưa kéo nước tưới cây nên hốt hoảng nói: "Ý chết!" rồi bỏ chạy mất.

Cô Hương cũng đứng lên nói là đi lo cơm nước.

Bằng và hai cô còn lại, thấy hơi buồn nên đi lần ra giếng là nơi họ thấy Hồng xách thùng tới đó.

Bằng hỏi:

– Các cô làm lụng túi bụi như vầy sao còn kêu buồn?

– Ấy, nhờ có công việc suốt ngày nên chỉ buồn vừa thôi. Nếu bị ở không, chắc tụi em trốn mà trở về dưới hết.

– Sao hồi ở dưới, cũng ở không mà không buồn?

– Dưới ấy ồn quá, còn buồn sao được. Cảnh vật chung quanh ta thật là ảnh hưởng mạnh đến tâm trí ta, anh à. Ở đây dầu mỗi ngày mỗi có án mạng, mỗi đêm mỗi có *xi-nê* cũng vẫn buồn như thường.

– Lạ quá!

– Lạ gì mà lạ. Chính anh, anh cũng kêu buồn kia mà.

– Tôi thì khác, tôi buồn vì tôi sầu tình.

Quá cười dòn như nhạc ngựa:

– Còn em, em buồn vì không có tình để mà sầu.

Quá nói nửa đùa, nửa thật, nhưng nếu ai biết tâm sự của mấy chị em của cô thì đó là một thú nhận chua chát.

Bằng cũng cười rồi kết luận:

– Thành ra mối sầu của tôi là niềm vui...

– Không phải vậy. Nhưng thà là sầu như chị Hồng, chớ còn trống không như chị Hương thì chết được chớ không phải chơi đâu.

– Nhưng sao tôi thấy cô Hương rất bình thản. Chỉ có hai cô là kêu buồn liền miệng.

– Bình thản à? Có lẽ buồn quá hóa chai chăng? Còn em kêu là kêu giùm chị ấy. Không biết chị Hoa thì kêu giùm ai.

– Tao kêu giùm mầy đó, con bé nhiều chuyện.

Bằng lên chơi không mang theo gì mới lạ cả. Nhưng chiều lại anh ra về, cả nhà buồn hiu. Cả đến thức ăn trong trã, tiên liệu cho ba bốn người khách ăn bữa cơm trưa, cũng buồn vì chỉ được có mỗi một ông khách rớ đến.

Sáu người tiễn Bằng một đỗi xa trên đường nhựa rồi bốn cô gái nhìn mãi theo chiếc *mô-bi-lết* nó đem người anh họ của các cô về một nơi mà các cô nhớ đến đỗi héo hon gan ruột.

Ánh trăng sáng ngà,
Có cây da to,
Có thằng Cuội già
Ôm một mối mơ.

Gần hai mươi đứa trẻ vừa trai vừa gái, đứa nào cũng rất hôi mùi mồ hôi và khét nắng, rập nhau mà hát giữa sân bài hát do bốn cô Thái-huyên trang dạy chúng từ một tuần lễ nay.

Vì bà thầy nhạc cũng không giỏi lắm, nên chúng hát sai bét. Tuy thế, mẹ chúng và chị chúng, đang ngồi với các cô tại thềm nhà cũng lấy làm hay vô cùng.

Phụ nữ ở đây nghèo khổ quá, bận tay bận chơn suốt ngày nên không hề vui chơi việc gì cả. Ngồi lê đôi mách là tật cổ truyền của đờn bà mà họ cũng từ bỏ được thì biết đời họ khô khan đến bực nào.

Bốn chị em thương lượng với các người nghèo nhứt xóm để họ cho con em đến học chữ với các cô một tuần năm buổi, trừ thứ bảy và chúa nhựt.

Thật ra làm việc đó, các cô chỉ vụ lợi thôi, để cho công việc chiếm hết thì giờ cho khỏi buồn ấy mà! Chớ các cô không có lý tưởng gì ráo, không có một băn khoan xã hội nào cả.

Nhưng dạy được mười hai đứa khá thông minh các cô lần lần thấy thú vị thật tình trong việc phá ngu mười hai bộ óc, chớ không phải vừa dạy, vừa nghĩ vơ vẩn đâu đâu như những hôm đầu nữa.

Thứ nhứt là biến đổi những đứa con gái đầu bù và ăn nói thô lỗ ra những em bé gái biết chải gỡ vén khéo và thuộc một nhúm lễ phép sơ đẳng.

Thỉnh thoảng, các cô nài nỉ một số đờn bà và con gái lớn đến chơi nhà vào những đêm trăng như đêm nay cũng chỉ cốt đỡ buồn. Cái trò hợp ca là để quyến rũ họ đến cho thường và cho đông.

Ánh trăng sáng ngà thật. Trời trong và sâu thăm thẳm khiến cảnh ở đây lại càng trống trải trơ trọi thêm. Nếu trăng núp sau tàu dừa, hoặc rớt dưới sông rồi tan vỡ ra từng mành thì còn ngắm được, còn thưởng thức được vẻ thơ mộng của nó. Đoằng nầy đến không có lấy một sợi mây mỏng vắt ngang qua cái mặt tròn vo kia thì trông bầu trời và cảnh đất trơ trẽn đến bực nào.

Cuội ơi, ta bảo cho cuội nghe.
Ở trên cũng mãi làm chi?
...
Có con dế mèn,
Suốt đêm canh thâu,
Hát xẩm không tiền,
Nên nghèo xác xơ.

Thím hai Nếp ngẫm nghĩ nói to:

– Ngày xưa, hồi còn nhỏ dại, chúng tôi đêm trăng thì chơi nhảy chán chậu, chơi u bắt mọi, vui lắm. Không hiểu sao từ hơn hai mươi năm nay, trẻ con không chơi các trò chơi ấy nữa. Thành ra tối tối trong xóm buồn hết sức.

– Trò chơi nào lâu đời quá cũng dễ chán, cho nên...

– ... Cho nên trẻ con nó bỏ, Hoa nói hớt câu nói của người chị cả của cô. Nhưng nàng tiếp: bỏ cái nầy, phải tìm cái khác thay vào chớ.

– Thì mầy giỏi tìm đi. Trẻ con nó đang buồn đó, không riêng gì trẻ con ở đây, mà cả khắp nước kia.

– Thách hả? Được, em sẽ tìm, và sẽ tìm ra.

Cô Hoa quả quyết điều đó rồi bỗng thấy cái rỗng không của những ngày quê của cô hết đáng sợ nữa. Cô thoáng thấy sẽ có một cái gì để đeo đuổi theo.

Ba cô khác thì chưa gặp may mắn đó.

Sau ba bốn ngày nóng bức, gió nồm thổi dữ. Trái sao, trái dầu có cánh ở đâu bay tới như mưa, quay tròn như con vụ trên không trung rồi rơi xuống đầy sân.

Không khí buồn tẻ ở Thái-huyên trang nhờ thế, đỡ lạt phần nào.

Chiều chiều, bốn cô con gái đợi gió. Hễ gió nổi lên là họ vui như các thứ quả có cánh ấy là những bức tâm thơ của người xứ xa gởi đến.

Trái sao, trái dầu bay đẹp mà rơi cũng đẹp. Nhưng trái trắc bay trông lại buồn cười. Cánh của thứ trái ấy không chia ra hai nhánh, hoặc bốn nhánh mà lại bao quanh tròn cả trái. Trái trắc, nếu gió to thì bay cuồng loạn lộn nhào, còn nếu gió nhẹ thì bay như dĩa bay mà các cô thấy trong chiếu bóng.

Thú nhứt là rượt bông lồng – mức. Bên kia đường, một cây lồng-mức già trụi lá đứng đó bồi thêm vài vệt buồn vào cảnh khô hạn ở Xóm Thuốc nầy.

Trái lồng-mức tròn mà dài như trái đậu bắp. Chiều chiều, vỏ cứng như vỏ sò của trái ấy nổ tách ra làm hai rồi thả ra muôn ngàn cái bông trắng, bay như tuyết đổ.

Bông gồm một hột vàng nhỏ như hột lúa, trên đầu hột, lòng trắng mọc tua tủa ra, lông mịn như tơ, mà cong như lông mi, dùng làm cánh đưa hột vàng về những nơi xa lạ.

Nhiều bông quá nặng, cánh chở không nổi, sa xuống trên sân, nhưng vẫn bay là là ngang đầu người chớ không chịu rơi xuống đất.

Các cô rượt bắt mớ bông ấy, ai bắt được một chiếc thì sung sướng vô cùng. Chỉ vò mớ lòng trắng mịn giữa hai ngón tay cũng đủ vui cả một buổi chiều trống rỗng.

Cái thú thứ nhì là xem trẻ trong xóm giành nhau mà lượm xoài non, trái nhỏ bằng ngón tay cái. Ở nhà quê ít bánh hàng nên thứ gì trẻ nhỏ cũng thích ăn: me non, dái mít, xoài non, và những trận lượm xoài thì hào hứng như cuộc tranh sống thật sự.

Người gia trưởng Thái-huyên trang thấy con vui thì mừng, nhưng không vui được với con.

Trong bữa cơm chiều nào ông cũng nói:

– Cảnh ở đây khác dưới mình nhiều quá. Mỗi mùa có màu sắc, có mùi vị riêng của nó. Nhưng màu sắc, mùi vị nầy không giống màu sắc, mùi vị ở quê ta. Nhớ nhà quá đi thôi.

Ông Nam Thành dùng tiếng mình[1], nhưng ông quên rằng chỉ có ông là nhớ nhà. Con ông lớn lên ở Sài-gòn, nếu có nhớ thì nhớ đô thành.

Nếu chúng không bận bịu với đô thành vì ở đó thiếu cảnh đẹp thì chúng vui với cảnh ở đây là hợp lý, không thể kéo chúng vào phe nhớ quê hậu giang được.

Cả nhà nghe như có một cái nắp đậy lên đầu họ trong những ngày đầu mùa. Nắp ấy ban đầu vô hình, sau rồi hiện ra thành một tốp mây đen.

Những trận mưa đầu mùa ồ ạt như bão tố, đã đánh vỡ được cái nắp kia, khiến họ nghe giải thoát.

Cô Hồng nghe nhẹ người hơn ai cả vì khổ dịch kéo nước tưới cây khỏi phải làm nữa.

Ông Nam Thành thì bận túi bụi sửa lại chuồng heo, chuồng gà dựng sơ sịa hôm còn nắng.

Hai cô con gái sau lo ngại nhiệm vụ của hai cô từ đây biến thành khổ dịch; nuôi heo, nuôi gà trong mùa mưa là một công việc cực nhọc:cho heo ăn phải bị ướt át, gà lăn ra chết toi vào lúc đầu mùa mưa nầy thì nội cái việc đào lỗ chôn xác để tránh sự truyền nhiễm cũng đủ hụt hơi rồi.

---

1. Tiếng địa phương miền Nam, mình có nghĩa là chúng ta.

Trời mưa liên tiếp mỗi ngày cho đến suốt tuần lễ mà chưa thôi, làm như là nước đọng cả nửa năm nhiều quá, bây giờ đổ xuống được là nó cứ đổ tràn trề.

Thôi, từ giã rượt bông lồng-mức, từ giã đi thăm anh Xon, thăm cậu hai Quờn, và đi dạo mỗi chiều trên đường nhựa.

Bốn chị em ngồi đó mà nhìn mưa xa chạy về như ai kéo màn trắng đến. Mưa trắng xóa, xóa mờ cả chơn trời, cả cánh đồng trống trước nhà, cả những đoàn xe hơi cứ nối đuôi nhau mà chạy.

Mùa mưa buồn nhưng lại giúp bốn chị em tìm được thêm bạn mới.

Chiều hôm ấy cô Hồng mắc mưa ở xóm trên. Không muốn làm rộn ai, cô chạy vào lò rèn của thợ Hổ là nơi gần như là công cộng: người đi lờ đường ghé lại đó nghỉ chơn, những ông già rỗi rãi trong xóm, đến đó để đánh cờ tướng, trẻ nhỏ bán quà vặt cũng hay lân la nơi đó để tìm khách hàng.

Cô Hồng chạy vào tới lò thì giọt tranh đã to bằng ngón tay út rồi. Để tránh tạt, cô vào đứng giữa lò, gần bếp lửa.

Ông thợ Hổ không thể dừng tay vì sắt đang đỏ, vừa tiếp tục đập vừa nói:

– Coi vậy mà không sao, cô ba cứ đứng yên đó.

Nhưng những đóm lửa bay tua tủa ra khiến Hồng sợ hãi, nhảy lui ra ngoài, bị tạt ướt cả ống quần.

– Hay là cô lên ghế ống thụt mà ngồi, ông tư Hổ đề nghị.

– Sau bếp lửa đứng lên hai ống bễ to tướng. Một thằng bé con ngồi trên một con ngựa cao đặt sau đó, thụt mãi không thôi.

Ống bễ thở khò khè như mệt hổn hển, mỗi lần nó thở ra một cái là than trong bếp lại đỏ tươi lên.

Mừng được nơi ngồi yên chỗ, Hồng chạy ra sau bếp rồi trèo lên ngựa mà ngồi chung với thằng bé. Mặt ngựa khá dài để hai người ngồi mà người nầy không ngăn trở công việc làm của người kia.

Bây giờ thoát khỏi lửa, Hồng sung sướng mà nhìn nó, nhận thấy nó đẹp lắm! Thằng bé mỏi tay lơi thụt, than lu mờ, tư Hổ nạt nó, nó vội thụt lia lịa, than hồng lên, xem trong trẻo lạ. Những thanh sắt đã nướng, đỏ lần lần như lửa đã rửa được cái đen đúa dơ dáy của nó. Đẹp nhứt cố nhiên là mưa lửa bắn ra mỗi lần búa nện xuống đe. Giò ông tư Hổ bộ bằng sắt sao ấy, mà lửa văng vào đó tới tấp, ông vẫn đứng yên mà đập sắt.

Ở đây có cái mùi ngồ ngộ như mùi hơi đất xông lên sau trận mưa đầu mùa. Đó là mùi sắt đỏ trui trong nước lạnh, nghe khen khét một cách thật dễ chịu.

Ấm lạ! Mặc dầu gió lùa vào tứ phía, bụi mưa bay khắp nhà, Hồng cũng nghe thấy ấm, nhứt là ấm trong lòng cô, giữa sự xúm xít nầy, ông chủ lò rèn, hai ông lão đánh cờ, ba nông dân trai tráng, và hai đứa con gái bán bánh ít trần, bánh cam.

Bỗng trời chớp một cái rồi tiếp liền theo một tiếng sét nổ long trời.

Thằng bé thụt ống bễ, giựt mình ngừng tay lại. Ông tư Hổ không mắng nó như mấy lần trước, mà trái lại, chính ông cũng thôi đập.

Ông gỡ kiếng ra, ngó ra cánh đồng trước nhà rồi nói:

– Có quỉ núp đâu gần đây...

Hai ông lão đánh cờ cũng vừa xong một ván, ngửng mặt lên và một ông bắt chuyện:

– Nói quỉ, tôi mới nhớ lại một lần đi ghe. Ghe chúng tôi mắc mưa từ lúc mới chun vào kinh tắt để băng qua sông Sài-gòn. Khi tới Vàm Nông sắp sửa đổ ra sông lớn thì...

Rồi mỗi người có mặt ở đó, người nào cũng sẵn một câu chuyện yêu, tinh, ma, quỉ, một câu chuyện lưỡi tầm sét để mà kể lại.

Ông tư Hổ kể chuyện linh động hơn hết, có cả đối thoại của nhân vật trong truyện mà ông nhái giọng nghe rất là sống.

Ông lại nhớ cả chuyện xưa tích cũ trong làng, chuyện đắp con đường Thiên-lý trước nhà và lịch sử phát triển của chợ Thủ-đức.

Trời bớt hột lần lần, khách lần lượt rút đi.

– Thôi, thụt mầy!

Tư Hổ vừa đeo kiếng trở vào, vừa ra lịnh cho thằng bé tiếp việc. Nhưng Hồng đã giành lấy hai cây thụt, ngồi xích vào giữa rồi ra tay thử.

Lạ quá, thằng bé còn nhỏ thế, mà nó thụt coi nhẹ hểu, còn cô, sao cô rán hết sức mà nhấn không nổi.

Ống bễ dưới tay cô giống như người nghẹt mũi, ống nầy kêu một cái khè khó khăn mệt nhọc thì ống kia còn hịt hịt như bị bít hơi.

Cô gái Thái-huyên trang cười ngất rồi giao cây thụt lại cho thằng bé nó cũng đang bành miệng ra mà cười. Cô từ giã ông tư, ra về dưới mưa thưa, đinh ninh sẽ trở lại đó lúc nào trời chuyển mưa. Ông tư là cái kho tàng trữ tích hay chuyện lạ, không tới lui với ông, lấy gì giải trí trong mùa mưa nầy?

Từ đó, xế trưa nào, không chị thì em, các cô Thái-huyên trang đều có mặt ở lò rèn để hưởng một buổi đụt mưa ấm cúng.

Cuộc đời phẳng lặng của mấy chị em thêm được những buổi vui ngắn ngủi và phù du như đốm lửa ở mặt đe văng ra, bừng cháy trông rất xôm, mà chết đi cũng mau lẹ vô cùng.

Như vào mùa đông ở các xứ miền Bắc, ở xứ ta người trong gia đình xúm xít lại gần nhau trong mùa mưa.

Nhứt là và những buổi đầu hôm, dưới ngọn đèn un khói, họ quây quần quanh người gia trưởng để bàn chuyện tương lai, để nhắc kỷ niệm cũ, để nghe kể chuyện đời xửa đời xưa.

Hồn muôn thế hệ qua như phảng phất hiện về đâu đó, rồi truyền thống của gia đình, của dân tộc được hồn ma xưa bí mật thoi nó vào tâm hồn người đời nay đang có mặt bên đèn.

ngoài kia, mưa rơi trên tàu chuối, mưa tạt vào phên tre, mưa rao điệu *ai* cho ãnh-ương hòa tấu bản nhạc buồn...

Bà Nam Thành nhìn từng đứa con của bà rồi thoáng ái ngại nhận thấy rằng ở đây không phải chỗ của chúng nó. Chỗ của chúng phải vui tươi trẻ trung, sinh động hơn cái không khí ủ rũ nầy.

– Ông à, tôi có chuyện muốn bàn với ông.

– ỪI, thì cứ nói đi.

– Lên gác hãy nói.

– Như vậy gọi tôi bây giờ làm gì.

– Để ông lên gác.

– Bà có buồn ngủ mà sợ ma không dám lên một mình thì cứ thú thật để tôi đưa lên, đừng có kiếm chuyện.

Bà Nam Thành cười hơi rung rinh cái nây. Bà cố cười cái cười thú tội, làm bộ như mặc nhận lời đoán của chồng là đúng, hầu lên gác tự nhiên cho con khỏi băn khoăn về câu chuyện mà bà muốn giữ kín.

Bà nhả trầu, súc miệng, đoạn pha trò với mỗi đứa con một câu rồi mới theo ông mà lên lầu.

– Chuyện gì mà bí mật dữ vậy, ông Nam Thành hỏi, khi lên đến nơi.

– Bữa nay yên xong mọi việc tôi mới rảnh trí để nhớ lại chuyện nhà...

Bà nín một lát lâu, dường như không biết bắt đầu nơi đâu câu chuyện của bà. Rồi đột ngột, bà hỏi chồng:

– Ông có bao giờ nghĩ đến việc chồng con của con mình hay không?

Ông Nam Thành ngạc nhiên quá, ông đã đoán nhiều chuyện mà bà Nam Thành sắp nói, trừ chuyện nầy. Giây lâu, ông mới đáp:

– Không, à... ơ... nghĩa là có... mà ít khi lắm. Mấy năm trước bận buôn bán, rồi bận lo nghĩ về túng thiếu, bây giờ thì say thú làm vườn. Sao, có gì lạ?

– Không có gì lạ tôi mới lo. Ông thử tưởng tượng thử coi làm sao con mình lấy chồng được.

– Thì sớm muộn gì cũng có người đến hỏi chúng nó chớ.

– Nếu mình còn ở Sài-gòn thì như vậy. Nhưng tại đây là khác rồi.

– Khác làm sao?

– Muốn gả lấy chồng, phải giao thiệp. Các mối giao thiệp ấy lại phải lâu ngày chầy tháng. Mình rời quê, mất cả quen lớn ở dưới. Lên Sài-gòn, vì là thành phố lớn lại vì thiên hạ đang chạy loạn nên

các mối giao thiệp mới của mình chưa vững. Vì vậy cô Hương phải chịu lỡ thời. Nó rủi là phải rời quê giữa lúc đương thì, rồi sống trong chỗ thờ ơ cho đến ngày nay nên đã hăm tám rồi mà còn cô độc một thân.

– Cũng tội nghiệp cho cô Hương thật đó. Nhưng ba đứa sau thì khỏi lo. Rồi giao thiệp ở đây.

– Ông nói niếc sao chớ! Giao thiệp ở đây? Ông định gả con ông cho ai?

– Thì gả cho con nhà nào đồng địa vị với mình.

– Thí dụ ông cụ Hương cả Quan? Xứng hay không?

– Ừ, thí đụ ông ấy. Xứng sui gia lắm.

– Nhưng liệu con mình chịu ưng cậu công tử nhà quê ấy hay không?

– Sao lại không. Nó cũng khá trai, lại có học đến lớp nhất, và là con một của một nhà giàu có nữa, thì tại sao con mình lại không ưng nó?

– Ông lầm. Tôi thấy giai cấp nào lấy giai cấp nào cũng có thể tốt đôi cả. Thí dụ con ông chủ hãng cưới con gái bác thợ trong xưởng của cha anh ta. Mà đến con gái ông *đốc-to* ưng thầy *phạm-nhe* cũng đã xảy ra rồi, mà họ đều ăn ở hòa thuận với nhau được. Nói giai cấp nầy không thể lấy giai cấp kia, là xúi dại người ta.

Nhưng có hai giai cấp không thể lấy nhau được mà không ai ngờ: giai cấp chợ và giai cấp quê.

– Chợ và quê là hai giai cấp à?

– Không đúng lắm. Nhưng tôi nói như vậy cho dễ phân biệt.

– Hừ, tại sao có chuyện lạ như vậy? Ông huyện Bỉ không cưới con gái Hương-sư Sen đó à? Ngày xưa, người ta lại chỉ cưới gái quê thôi, còn gái chợ thì *a-lê*...

– Phải, ngày xưa thì như vậy. Ông Huyện Bỉ cũng là người ngày xưa. Bây giờ ông ta đã Đốc-phủ rồi kia mà. Ngày xưa, không có đời sống đô thị, người ở chợ chẳng khác người ở đồng áng bao nhiêu. Nay thì khác. Tôi đã nghe từ lâu chúng nó nói chuyện nhiều lắm rồi về vấn đề chợ và quê đó.

Vả lại, ông chỉ nêu ra thí dụ một chiều thôi: trai chợ cưới gái quê, mà không chỉ được gái chợ nào lại ưng trai quê. Gái quê khác trai quê nhiều, như xưa khác nay.

Con gái không có đời sống bên ngoài, ở nhà mà lo nội trợ thì quê hay chợ cũng như nhau. Ông nghĩ thử một anh chồng con Hoa hay con Quá mà mặc *bi-da-ma* hường đi ngoài đường, không biết nghiêng mình thi lễ thì coi được hay không?

Ông Nam Thành nín lặng, trầm ngâm rất lâu. Những điều vợ ông vừa nói ra, thật chưa bao giờ ông nghĩ đến. Lý lẽ mới lạ của bà, ông nghe lại đúng, thế mới chết. Định bụng là vợ ông sắp kết luận để buộc ông cái tội đày con về quê, ông đùa cho khỏa lấp:

– Thành ra có con gái đến tuổi lấy chồng, không nên lui về vườn.

– Lui thì lui, nhưng phải để chúng nó ở lại thành phố.

– Để chúng nó một mình vậy hè?

– Có mẹ chúng nó lo.

– Ha ha... Té ra bà muốn về dưới. Nhớ tay bài rồi hả?

Bà Nam Thành cũng cười, nhưng bà lại lập nghiêm mà rằng:

– Tôi nói là nói thật chớ không phải giỡn đâu. Cũng chẳng nhớ tay bài tay hụi gì hết. Tôi thề theo ông trọn đời, ông đâu tôi đó. Nhưng bài toán gả con nan giải kia, ông nên liệu, kẻo tội nghiệp con.

Ông Nam Thành thở dài mà làm thinh.

Ệch... ệch... ệch...

– Đó, thằng cha đút đầu vô lu mà la đó! Quá nói dứt câu thì cả nhà cười rộ lên.

Gốc me sau nhà có cái lỗ hẻ. Một con ãnh-ương, không biết vì sao lại bỏ ao vũng chui vào đó mà ở. Nó ở đó không biết được mấy năm rồi mà bây giờ cây lớn thêm một chút, lỗ hẻ khép lại hẹp miệng hơn năm xưa, thành thử nó ra không được nữa.

Tối tối, sau một trận mưa, nó kêu lẻ loi, giọng ồ ề như một người đút đầu vào cái thùng hay cái lu, quả như lời cô Quá nói.

Ãnh ương sống lẻ, kêu nghe buồn thảm như tuyệt vọng trước bản hợp ca của đồng loại nó ở ngoài ao xa kia.

Ệch... ệch... ệch... Con vật ở tù, cứ kêu đều đều như vậy.

Cô Hồng lấy hai tiếng kêu của lũ ãnh-ương xa mà làm lời để hát theo điện **Hòn vọng phu:**

Uềnh oang, Uềnh oang, Uếnh... Uênh oàng...

– Thôi mầy, buồn quá rồi, mầy còn hát điệu đó làm chi?

Trận mưa đầu hôm ngớt đã lâu, nhưng không dứt hẳn. Đám mưa dầm nầy nghe chừng sẽ dai dẳng suốt đêm.

Trên đường, xe thưa như trên một thôn lộ. Cả nhà nhìn qua khe trỉ long mốt tìm những tia đèn *pha* hiếm hoi đêm nay, vì hiếm hoi nên họ nghe nhơ nhớ cái ánh sáng mà những ngày khác họ xem là thường.

Bỗng một ngọn đèn rọi chĩa thẳng vào nhà. Bấy giờ họ mới để ý rằng tiếng xe chạy mau lắm. Rồi thình lình nghe đánh rầm một tiếng như có mấy mươi chiếc thùng không đổ ngã một lượt.

Lưỡi kiếm đèn *pha* đang thọc qua khe vách bỗng quật lên trời, rồi thôi, không còn nghe, không còn thấy gì nữa.

– Ngay ngoài sân mình! Bà Nam Thành kêu lên, giọng run run.

Ông Nam Thành làm thinh, kéo hộc tủ lấy ra cây đèn *pin* rồi sắp sửa chạy ra ngoài. Bốn cô con gái cũng bỏ guốc định chạy theo ông.

Bà Nam Thành mếu máo nói:

– Đừng có đi, tôi sợ lắm ông ơi!

Vừa nói bà vứa níu áo ông lại. Ông Nam Thành gạt tay bà, nhảy phóc ra cửa. Bốn cô con gái chạy theo cha bén gót.

Từ thềm nhà ra tới đường, xa độ một trăm thước. Tia đèn *pin* ngắn quá soi không tới ngoài ấy. Tuy vậy, họ cũng thoáng thấy một đống đen ngòm nằm trên sân, cách lề đường đâu lối năm sáu thước.

Những hột mưa thưa rơi trong ánh đèn, bắt đầu trở nhặt như hối thúc họ ra đường cho mau. Cả năm người đều có cảm giác đó, Ông Nam Thành chạy chớ không đi nữa, bốn cô gái cũng làm y theo cha. Còn lối năm sáu thước nữa là đến nơi, ông Nam Thành rọi đèn xuống đất, quanh xe, nhưng ông không thấy người văng ra ngoài. Ông chạy vòng qua hông xe bên kia và cũng rọi dưới đất như vậy: không có ai cả.

Bây giờ họ đã đến sát chiếc xe lật ấy rồi.

– Còn kẹt trong xe, cô Quá la lên khi đèn rọi vào trong đó.

ọ cúi dòm qua cửa kiếng thì thấy một người đàn ông nằm co lại như kẻ ăn xin ngủ ở vỉa hè một đêm lạnh.

Ông Nam Thành mở cửa xe, nhưng không mở được. Ông thử cả bốn cửa, nhưng đều thất bại.

– Nó kẹt thế nào không biết mà mở không ra. Bây giờ làm sao?!

Ông hỏi bông lông và chỉ có sự im lặng đáp lời ông thôi. Họ sốt ruột mà đứng nhìn, bất lực trước mấy cánh cửa cứ khư khư đóng giữ nạn nhân.

Bỗng cô Hoa la lên:

– Phải rồi, chạy kêu bác thợ rèn.

– Thợ rèn để làm gì? Ông Nam Thành hỏi.

– Bác ta có búa lớn, phá cửa, đập kiếng được.

– Ừ phải, đứa nào chạy đi kêu. Nhưng không, đừng đi một đứa. Phải chạy đi ba đứa cho có bạn, còn một đứa thì ra đường đón xe, bất kỳ xe nào cũng bắt lại cả.

Ba cô Hồng, Hoa, Quá chạy lên lò rèn, còn cô Hương thì chạy ra đường. Ông Nam Thành ở lại một mình, đứng suy nghĩ về việc phải làm: đưa ngay nạn nhân xuống Thủ-đức xin cứu cấp tạm, một mặt cho cảnh sát dưới đó hay, đoạn về nhà thay quần áo khô, trùm lại cho ấm, và uống một viên thuốc ngừa cảm.

Ông đã ướt như chuột té mương và bắt đầu lập cập dưới gió từng cơn thổi đến.

Rồi ông bận nhìn đám đi lò rèn về, nên không để tâm đến việc đón xe nữa. Ông soi đèn cho họ dễ đi và kêu hỏi với:

– Có hay không?

– Dạ có, ba à.

Bọn nầy chạy chớ không đi. Ông Tư Hổ vác búa đập đe đi trước, theo sau ông là ba cô gái và một người đàn ông ở xóm trên.

Ông Nam Thành nói:

– Nó kẹt chốt hay kẹt gì đó tôi không biết. Đâu anh đập bậy thử vài vố xem sao.

Tư Hổ không nói không rằng, giương hết thần lực mà đập búa vào cửa xe. Tiếng búa sắt chạm vào thùng xe kêu ầm ầm, ông thợ thử đập cả nơi bốn tay vặn ở bốn cửa mà vẫn vô hiệu quả.

– Thôi, đập cửa kiếng, đập bể nát bỏ. Ông Nam Thành bảo như vậy.

– Nó văng miểng trúng người ở trỏng làm sao? Bác thợ rèn cãi.

– Không, đó là thứ kiếng riêng, miểng không bén đâu.

Bác thợ đập một vố là tấm kiếng cửa trước bể nát ra. Miểng kiếng rơi đầy trên mình nạn nhơn, khiến bác ta hoảng, nhưng nghe ông Nam Thành quả quyết là không sao, nên bác ta cũng đỡ sợ đôi phần.

Ông Nam Thành xem kỹ lại thì thất vọng lắm. Khung cửa kiếng hẹp quá không thể lôi ra ngoài người đang nằm co trong đó.

Ông thò tay vào trong, thử mở cửa thì may quá, mở được.

Nạn nhơn không bị thương tích chỗ nào hết. Hắn nằm chèo queo bên trong chiếc mui lật ngửa, nệm xe rơi xuống đùi hắn.

Vừa lúc đó, cô Hương trở lại nói:

– Khổ quá ba à, con đón sáu chiếc xe mà chiếc nào cũng không chịu ngừng hết.

Bác thợ rèn cắt nghĩa thái độ của những chiếc xe xấu bụng ấy:

– Đường vắng quá, trời lại mưa, nên họ sợ.

Ông Nam Thành làm thinh, khom xuống rồi nắm vai nạn nhơn mà kéo. Nhưng ông kéo không nổi, nên đứng thẳng lên rồi day lại nhìn ông Tư Hổ.

– Đâu anh kéo thử coi.

Tư Hổ làm thinh mà thi hành lời yêu cầu của ông chủ Thái-huyên trang. Bác thợ rèn, tuy đã già mà còn mạnh lắm. Bác ta kéo trông như người ta kéo cái gối dài ra khỏi áo gối.

Khi đầu và vai của nạn nhơn ra khỏi cửa xe, ông Nam Thành đỡ lấy, để ông Tư Hổ kéo tiếp phần còn ở trong ra. Bốn cô gái ở Thái-huyên trang và cái anh đến với ông Tư ở xóm trên cũng áp lại mà phụ đỡ khúc giữa, từ từ lôi nó ra ngoài.

Chiếc đèn *pin* được chận cái bấm, nằm một mình dưới đất ướt mà soi cái cảnh kỳ dị nầy: bảy người khiêng một người dưới mưa đã nặng hột.

– Khổ, đón xe không được, bây giờ mới biết làm sao đây?

Ông Nam Thành lại hỏi bông lông như vậy.

– Hay là đem người ta vào đỡ trong nhà mình, ba; cô Quá nói. Bắt người bịnh dầm mưa không tốt đâu.

– Ừ, đem thì đem.

Rồi họ khiêng luôn người lạ mặt vào nhà.

Bà Nam Thành thấy hai chiếc giày của người được khiêng ló vào trước thì khiếp đảm, kêu rú lên.

– Đừng có la! Ông Nam Thành quát. Xe lật cũng sợ, bây giờ thấy người ta, cũng sợ nữa. Sao mà dạn quá như vậy không biết!

Họ khiêng người bịnh đã ướt mem vào tuốt trong phòng để dành cho khách xa ngủ lại đó, và đặt y nằm trên chiếc *đi-văng* giữa buồng.

Ông Nam Thành hối Hương lấy đèn *măng-sông* thắp lên cho sáng. Nhờ đèn giản dị khỏi phải bôm nên không mấy chốc mà ánh

sáng vàng mét của cây đèn dầu bị ánh sáng xanh của đèn *măng-sông* đuổi mất.

Nạn nhơn là một thanh niên độ hăm sáu hăm bảy tuổi, mặc *so-mi* trắng banh ngực, xăn tay, quần *sì-bíc-kin* cũng trắng, cả đôi giày da cũng trắng tuốt, đế *cò-rôm-mê*.

Mặt mũi y khá khôi ngô, mặc dầu đang trắng bạch chảng. Nhưng không biết y có khỏe mạnh, đẹp trai hay không vì y nằm, khó lòng mà biết được.

Thật y không bị vết thương nào trên người của y cả. Nếu không thấy da mặt khác thường của y thì ngỡ y ngủ.

– Còn nóng hổi, ông Nam Thành nói, nên tôi mới dám nghe lời con Quá đem va vào đây. À, anh kia, anh có biết cỡi xe máy hay không? Ông Nam Thành hỏi người đờn ông xóm trên như vậy.

– Tôi thật không thạo thứ đó đa, người ấy đáp.

Ông Nam Thành chắc lưỡi, mặt có vẻ thất vọng.

– Chi vậy ba? Cô Hoa hỏi. Con đi có được không?

– Con gái đi đêm làm chi.

– Đi đâu đó ba? Hương hỏi.

– Đi Thủ-đức chớ đi đâu. Đặng cho cảnh sát hay, rồi giao của nợ nầy cho họ. Để va chết ở đây đêm nay thì khổ cho mình. Va mà chết thì chắc chắn má bây sẽ bỏ nhà nầy mà đi.

Bỗng cả nhà nín lặng, nhìn trừng trừng vào nạn nhơn. Hắn cục cựa cái đầu, rồi giây lâu, rên hừ hừ.

Họ hồi hộp đợi xem sự thể ra sao. Hắn sẽ hấp hối, hay tỉnh lại? Ông Nam Thành lo lắng lắm, chỉ sợ hắn hấp hối trước khi cảnh sát đến.

Nhưng kìa, hắn đã mở mắt ra, ngơ ngác nhìn chung quanh hắn. Đôi mắt tuy mệt đừ nhưng đầy vẻ thông minh và lanh lợi. Đôi mắt ấy thầm lặng hỏi thăm về sự có mặt của hắn ở một chỗ lạ hoắc nầy đối với hắn.

Bây giờ, mắt hắn bớt trắng dờ lần lần, và càng lúc càng ửng lên màu hồng hào của tuổi thanh xuân.

– Tôi sao lại ở đây bà con? Hắn hỏi ra tiếng.

– Thầy nên yên mà nghỉ, đừng hỏi lôi thôi, đừng cử động gì hết, có khát nước hay không?

– Khát lắm!

Ông Nam Thành mừng quýnh lên. Không bị chảy máu mà khát nước là dấu hiệu tốt, ông nghĩ thế.

Thanh niên uống xong nửa tách nước trà nóng do ông Nam Thành đổ cho, rồi toan ngồi dậy.

– Ý đừng! Ý đừng!...

Tất cả những người có mặt đều kêu lên như vậy. Nhưng vô ích, hắn có ngồi được đâu. Hắn nằm trở xuống rồi rên siết, mặt nhăn nhó dữ dội.

– Cái cẳng, hắn nói.

– Chắc gãy. Phải mà, xe lật đến mấy tua...

– Vậy hà, thưa ông? Té ra tôi bị tai nạn xe hơi? Phải rồi, tôi nhớ ra rồi.

– Nhưng thầy nên yên mà nghỉ.

– Té ra ông và bà con đây đã cứu tôi? Nhà của ai đây, thưa ông?

– Không cần gì cái vặt ấy. Thầy tạm nằm đây, rồi sáng chúng tôi đưa thầy đi nhà thương. Thầy còn nghe gì khác trong người hay không?

– Thưa không. Bây giờ tôi khỏe nhiều, chỉ trừ đau đớn lắm ở cẳng.

– Cho dẫu gãy cả hai chân cũng không hề gì, miễn là đầu, ngực, bụng, của thầy êm là tốt. Thầy nghe ba chỗ đó không sao chớ?

– Thưa không.

– Tôi thì không đủ sức dầm mưa thêm. Hai người nầy lại không biết đi xe đạp. Mấy đứa con gái tôi, tôi ngại sai chúng đi lúc tối tăm và mưa gió như vầy. Vả lại, thấy thầy cũng không việc gì lắm nên thôi, để sáng hãy hay.

Bây giờ các con thay phiên nhau mà canh chừng thầy đây cho đến hừng đông, nghe chưa.

Ông Nam Thành day qua nói với mấy cô con gái của ông như vậy, đoạn dặn dò người bịnh vài tiếng nữa rồi lui ra.

Bà Nam Thành rút vào ngồi bó gối trong góc buồng tiếp khách. Thấy mặt ông, bà hỏi:

– Làm sao đó ông? Chết hay sống?

– Chết đâu mà chết, tôi dại gì khiêng thây ma vào đây.

– Tôi sợ quá!

– Bây giờ nó đã tỉnh rồi, coi bộ không sao.

– Sao ông không gởi người ta đi?

– Bắt xe không được.

Ông Nam Thành đi thay quần áo khô rồi trở lại phòng bịnh ứng lập. Con ông cũng đã thay y phục xong và có mặt đông đủ nơi đó, đang đứng nhìn người khách dị kỳ của họ, hắn hỏi lăng xăng mà không ai đáp cả.

– Thầy nên nghỉ? Ông Nam Thành xẵng giọng khi bước vào nghe khách hỏi chuyện.

Người thanh niên sợ hãi nín khe. Trong những lúc nguy biến hay bối rối, thì ông Nam Thành tỏ ra quyết định lẹ làng và cương quyết chớ không phải nhu nhược như ngày thường. Ông ra lịnh:

– Bây giờ đã hơn mười giờ rồi. Mỗi đứa gác non hai tiếng đồng hồ cho đến hừng đông. Con Quá gác trước, rồi cứ theo thứ tự chị em mà đổi phiên gác với nhau. Có gì lạ thì kêu ba.

Đoạn nhìn người bịnh giây lâu, và an lòng vì màu hồng trên da mặt hắn đã tươi lắm rồi, ông mỉm cười mà rằng:

– Chúc thầy qua một đêm khó khăn được bình yên.

Rồi ông trở bước, ba cô con gái lớn cũng lặng lẽ theo cha. Hai người ở lại trong phòng, nghe ông Nam Thành hỏi:

– Bình xăng đầy hay không?

– Dạ thưa đầy.

– Tốt, đèn cháy được suốt đêm nay.

Liền sau khi cha và mấy chị đi ra, cô Quá nghe khó chịu ngay. Cô không nhát trai, cũng chẳng sợ ma, sợ xác chết. Nhưng kẻ nầy

đến đây đột ngột quá, cô chưa quen cũng không lạ, mà muốn làm quen cũng khó khăn, vì cần phải để cho người ta nghỉ kia mà.

Cô Quá bưng chiếc ghế – một, đặt trên đầu *di-văng,* cách xa người bịnh độ một thước năm, rồi ngồi xuống để tránh thấy nhau trong cái im lặng quá bỡ ngỡ kia.

Người bịnh chắc cũng đang cùng tâm trạng nên cũng nín thinh.

Một lát lâu, hắn gọi nho nhỏ:

– Cô ơi!

– Gì đó ông?

– Cô còn ở đó à?

– Phải, tôi vẫn ở đây, theo lời ba tôi căn dặn, ông có cần gì hay không?

– Thưa không. À, tôi có cần một việc... tôi càn nói với cô vài điều.

– Tốt hơn là ông nên nghỉ yên. Có gì, sau sẽ nói.

– Nhưng nếu tôi chết nội đêm nay thì biết bao giờ mới nói được, thưa cô?

Quá hoảng hốt trước lời nầy, nên hỏi lăng xăng:

– Làm sao, ông nghe trong mình thế nào mà nói những điều không hay đó?

Thanh niên cười ra tiếng:

– Thưa cô, tôi không nghe làm sao cả. Trái lại, tôi nghe khỏe khoắn như vừa ngủ dậy. Nhưng biết đâu đó không phải là sự bừng dậy của ngọn đèn sắp tàn.

Quá lo lắng hết sức, bước mau lại trước mặt người bịnh mà nhìn chàng ta. Không, nàng không tìm ra sự thay đổi nào trên gương mặt tươi tỉnh ấy cả.

Hai người nhìn nhau rất lâu, không biết họ nghĩ gì trong bụng họ. Rốt cuộc, để đánh tan cái nín lặng khó thoát ấy, bịnh nhơn nói:

– Thưa cô, tối là Long, họa sĩ, gia đình nào đã cứu tôi, tôi rất mong được biết.

– Gia đình Thái-huyên trang, nhưng không quan hệ gì điều đó, ông cứ nghỉ yên.

Có tiếng đồng hồ reo trên gác, rồi tiếng chơn người bước xuống thang lầu. Cô Quá nói:

– Chị tôi xuống thay phiên cho tôi.

– Vậy à? Làm phiền cả nhà không biết bao nhiêu.

Cô Hoa đã vào phòng. Bịnh nhơn nói:

– Tôi không sao cả, quí cô cứ nghỉ đi. Đã dầm mưa cứu tôi, bây giờ lại...

– Không hề gì, ông cứ nghỉ yên là hơn.

Bịnh nhơn và cô Quá đều buồn cười vì họ nghe lại những lời đã nói rồi hồi nãy.

– Thôi, cào ông tôi đi nghỉ đây. Cô Quá nói rồi xây lưng thật lẹ để giấu cái cười mà cô không giữ được bởi ai cũng lặp lại mãi mãi một tiếng "nghỉ" ấy.

Đến phiên cô Hoa khó chịu. Thấy chiếc ghế mà em cô đặt trên đầu giường, cô đi lại đó mà ngồi liều, trong bụng cười thầm khi nghĩ rằng chắc em cô cũng đã khó chịu như cô nên mới tìm chỗ kín mà ngồi.

Giây lâu, người bịnh kêu:

– Cô ơi!

– Có tôi đây. Ông cần uống nước hay không?

– Cám ơn cô, tôi không khát. Tôi tưởng cô nên nghỉ là hơn; tôi không sao cả mà!

– Không hề gì, ông cứ an lòng mà nghỉ.

– Cô à!

– Dạ.

– Thái-huyên trang là tên của ông cụ phải không, cô?

– Té ra em tôi đã cho ông biết về nhà nầy rồi. Bậy quá, nó nên để ông tĩnh dưỡng. Không, Thái-huyên trang là trên trại nầy, ba tôi đặt ra hồi dọn về đây.

– Vậy à. Trên trại đẹp quá! Tôi đoán là trước kia ông cụ bà cụ và quí cô ở Sài-gòn, có phải không?

– Đúng, ông đoán đúng. Ông bằng theo dấu vết gì mà đoán như vậy?

– Người Sài-gòn có vẻ gì riêng biệt khác hẳn người mọi nơi, tôi không nói ra được cái biệt sắc ấy mà vẫn cảm thấy là như vậy.

– Thưa, ông nín mà nghỉ, nói nhiều có hại cho sức khỏe của ông.

– Tôi không sao cả, thưa cô. Tôi nghe kỹ trong người của tôi, nên mới dám quả quyết như vậy. Thưa cô, còn bà cụ đâu?

Má tôi xuýt ngất đi lúc khiêng ông vào, mà lúc ấy thì ông cũng đang bất tỉnh, nên ông không thấy má tôi.

– Vậy hà. Trời, tôi làm khổ cả nhà.

– Không hề gì.

Anh bịnh nhơn lắm lời, không còn gì để hỏi, nên đành làm thinh giây lát. Anh ta muốn thấy mặt cô nữ-khán-hộ ứng dụng nầy lắm, nên tìm cớ và mừng rỡ mà tìm được.

– Thưa cô, phiền cô cho tôi miếng nước.

Hoa vội vã đi rót nước và lấy muỗng *cà-phê* thọc vào đó, để đem lại cho người bịnh. Nhưng anh ta nói:

– Không cần, thưa cô, tôi bưng lấy mà uống được. Tôi ngóc đầu lên rất dễ dàng, đây cô coi.

Anh ta ngóc đầu dậy, đưa tay đỡ lấy tách nước, vừa hớp chầm chậm vừa nhìn cô nữ-khán-hộ.

Bốn mắt gặp nhau, nhưng đôi mắt của người đứng bên giường chạy trốn liền, không hiểu vì lẽ gì.

– Thưa cô, tôi là Long, họa sĩ.

– Hân hạnh được biết quí danh.

Long nghe tâm trí mình lạ quá. Hồi nãy nhìn Quá, chàng thấy cô ta khá đẹp, và bóng sắc của cô ấy tăng thêm cảm tình của chàng đối với người nghĩa.

Nhưng bay giờ nhìn Hoa, chàng thấy Hoa mới là đẹp, còn Quá thì còn trẻ con lắm, thân thể nở nang chưa đầy đủ.

"Con mắt họa sĩ của mình nhìn ai đến thế à?" Chàng nghĩ thầm.

Sự nẩy nở của dung nhan cô Hoa đã định cư lại một chỗ rồi. Nó đã rõ rệt hẳn, mà cái bước dừng lại ấy, lại nằm đúng chỗ mức đẹp.

Long không đến đỗi yêu vội vàng bất cứ người con gái nào chàng mới gặp. Nhưng dầu sao, cảm tình của chàng đối với cô Quá, vẫn có. Bây giờ chàng nghe như cảm tình ấy vừa giảm bớt đi nên khó chịu, mắc cỡ như mình vừa phản bội một người yêu.

Bị nhìn kỹ nên Hoa cũng khó chịu lắm. Nàng nói cho có chuyện, và rất mừng mà tìm được ra một câu cần phải nói:

– Còn tôi là Hoa, con gái thứ tư nhà nầy. tôi hồi nãy tên là Quá.

Hoa nói tên cô em ra, vì cô biết chắc chắn là nó đã giấu tên nó bằng sự không xưng ram, giấu cái tên mà nó không bằng lòng tí nào cả.

– Hân hạnh được biết cô và được biết trên cô. À, cô Quá thứ mấy, cô?

– Thứ năm, nó là út. Nhưng ông cứ gọi tên chúng tôi.

– Phải, nếu quí cô cho phép.

Lại có tiếng đồng hồ reo, và y như hồi nãy, có tiếng chơn người bước xuống thang gác, và Hoa cũng nói:

– Chị tôi xuống thay phiên cho tôi.

– Vậy hà, trời ơi, tôi làm phiền cả nhà.

Long ngượng miệng mà phải lặp lại lời đã nói rồi nhưng không thể không nói điều đó.

Hồng vào nhẹ như một cái bóng, và đi ngay lại chiếc ghế đầu giường, nên Long không hay. Chàng hơi buồn mà nghe Hoa nói:

– Thôi chào ông, tôi đi nghỉ đây, chúc ông ngủ yên.

Chàng nhìn theo cô nữ-khán-hộ và thưởng thức tướng đi khá uyển chuyển của cô, rồi cứ trông về hướng cửa mà đợi người thay thế đến. Nhưng sao lâu quá mà người ấy không thấy vào.

Long buồn cười cho mình. Đã bảo người ta nghỉ, đừng có canh gác nhọc thân, rồi bây giờ lại bứt rứt khi không thấy dáng người ta.

Mỏi quá, chàng nhắm mắt lại để tưởng tượng mặt mũi của cô chị thứ ba này. Chàng hình dung một cô gái rất xấu xí để khỏi phải thất vọng. Nhưng không thể được. Cô ấy cứ hiện ra, xinh đẹp trong trí tưởng của chàng. Nhưng xinh đẹp đến mức nào thì thật là không rõ rệt.

Bỗng chàng nghe thốn nơi chơn, thốn như có ai siết hai khớp xương của chàng lại bằng kẹp bàn. Long cắn răng rên lên một tiếng nhỏ.

Hồng đang ngồi nhìn sâu bọ đổ xô vào ngọn đèn *măng-sông,* nghe rên, đứng lên rồi đi lại trước giường người bịnh.

Nghe động, Long mở mắt ra và kinh ngạc hết sức. Chàng không dè giữa mấy chị em, nhan sắc lại quá chênh lệch như thế được.

Hồi nãy nhìn Nam Thành, chàng thấy cô Quá bớt đẹp. Nhưng bây giờ nhìn cô nầy, hai cô trước bỗng như không còn nữa.

Ngày trước Hồng là một cô gái đẹp. Cô ấy đã thành đờn bà. Sắc đẹp kia, nhờ thế được nâng lên đến quá mức chót. Con gái chỉ đẹp thôi, còn đẹp lộng lẫy,m đẹp mê hồn chính là đờn bà vậy.

Mặc dầu gần gũi phụ nữ rất nhiều, Long bỗng thấy bối rối trong lòng và ngoài mặt. Chàng chào cô nữ-khán-hộ thứ ba một cách vụng về và ấp úng, nói:

– Tôi làm phiền cả nhà... làm phiền cô quá!

– Không hề gì. Ông có sao không?

– Cám ơn cô, tôi nghe khỏe khoắn như không. Thưa cô, tôi là Long, họa sĩ, tôi...

– Hân hạnh, còn tôi là Hồng, con gái thứ ba nhà nầy.

– Thưa cô, cô có anh hay em trai nào không?

– Không, ba má tôi chỉ có mấy chị em tôi thôi.

Long rất lấy làm kỳ cho gia đình Thái-huyên trang nầy. Đẻ toàn con gái. Con gái đang đến tuổi gả chồng, lại kéo nhau về cái xó hẻo lánh nầy.

– Thưa cô, đây có phải là gần Thủ-đức không?

– Phải, còn năm cây số nữa tới chợ.

– Tôi nhớ lại ghê quá! Tôi chạy có mau đâu, chỉ năm mươi cây số một giờ thôi. Nhưng đường trơn như mỡ, tôi tránh một người chạy *sì-cút-to* rồi xe trợt bánh đâm luôn vào lề đường.

– Xe nó lật một bận hay mấy bận không biết, chỉ thấy nó nằm ngửa nơi sân chúng tôi. Nhưng ông nên nín mà nghỉ thì tốt hơn.

– Không hề gì. May quá phải không cô, là trên lề đường không có trồng cây. Nếu có, thì xe tôi chắc đã xếp lại như cây đờn -ắt-cọt-đê-ông, và tôi đã bị ép như mía ở các xe nước mía.

– Ông nói nghe ghê quá.

Hồng mỉm cười. Long thấy hai hàm răng của cô sao mà trắng và đều đặn lạ. Giọng của Hồng nhẹ và êm, không đả đớt như giọng đờn bà mình hạc xương mai, cũng không thô như giọng đàn bà thường.

– Mà đến hai lần may mắn đó, thưa cô. Nếu tôi đâm đầu vào một khu vườn khác thì có đâu được biết cô... biết gia đình Thái-huyên trang.

– Thôi, ông nín để nghỉ.

– Có những điều tôi cần nói đêm nay, không thôi không bao giờ có dịp nói nữa. Tôi đã được dịp nghĩ nhiều về sự tình cờ, và tôi tin là sự tình cờ nào cũng do trời xui ra cả.

Cô Hồng châu mày, bực mình vì ông khách đã bắt đầu khó chịu. Cô bước lại ghế ở đầu giường, vừa đi vừa nói:

– Tốt hơn là ông nín để nghỉ.

Thấy vẻ mặt bất bình của cô gái, Long giựt mình và hối hận đã nói nhiều quá.

Thế là hết! Nãy giờ được nói nhiều với người không đẹp, bây giờ gặp giai nhân, giai nhân lại giận mình thì có chết hay không?

Long lại nhắm mắt, chiếu lại trên màn ảnh tưởng tượng cảnh người con gái đẹp ngoe nguẩy bỏ đi. Trời, người đẹp thì làm gì cũng đẹp, khóc đẹp mà giận lại càng đẹp hơn!

– Cô ơi, Long kêu người nữ-khán-hộ thứ ba, sau khi nín im một lúc rất lâu.

– Có việc gì, ông?

– Nếu tôi chết đêm nay, phiền cô nói lại với má tôi rằng, tôi thương má tôi lắm.

Hồng cũng hoảng sợ như em cô hồi nãy, chạy lại hỏi:

– Làm sao, ông nghe trong mình thế nào?

– Tôi không nghe gì lạ cả, nhưng biết đâu...

– Để tôi mời ba tôi xuống.

– Xin cô tha cho. Làm phiền cụ mà chi. Ông cụ cũng chẳng cứu tôi sống lại được, nếu tôi phải chết. Cô à,...

Hồng không đáp tiếng gọi, nàng rối trí vì sự hăm dọa của bịnh nhơn.

– Cô à, má tôi, một người đàn bà hiền từ, chỉ có một mình tôi là con thôi. Chắc má tôi khổ lắm...

Long đã toại nguyện, gạt được người đẹp đến bên giường. Nhưng chàng không tìm ra được gì để nói cho hay.

– Tôi có món nầy, xin cô làm ơn trao lại giùm cho má tôi.

Long vừa nói vừa nhăn mặt thò tay ra túi quần sau để rút bóp. Chàng lấy trong một ngăn ra một chiếc *lắc* bằng bạch kim, trên mặt có khắc hai chữ H và L tréo nhau, đoạn trao của ấy cho Hồng mà rằng:

– Đây là món quà tôi tặng người yêu tôi. Nàng đã phụ tôi một cách công khai, và gọi tôi lên Biên-hòa để trao trả vật kỷ niệm nầy, chiều hôm nay...

... Cô ôi, tôi đau còn hơn là cái đau chơn bây giờ. Tôi muốn má tôi để chung món nầy với các di vật khác của tôi...

Long nghẹn ngào thật sự, mặc dầu chàng nói láo. Chàng biết chắc chàng không việc gì, nhưng kêu chết để thảm-kịch-hóa giây phút nầy hầu có thể đưa ra một câu chuyện cảm động. Chàng lại hết đau vì món quà bị trả lại. Vụ ấy xảy ra đã hơn một năm rồi.

Quá cô Hồng bị mắc bẫy. Trời ơi, một người bạn đồng cảnh ngộ với cô đây mà! Long chỉ muốn gây thương hại nơi lòng một cô gái mà chàng đoán là đa cảm. Chàng không dè mưu chàng có hiệu quả đến thế, vì chàng đánh trúng ngay tim của một người bị tình phụ như chàng.

Cô Hồng mủi lòng đến khóe mắt hơi ửng đỏ. Cô cầm chiếc *lắc* mà mân mê, nghĩ đến cái oái oăm của cuộc đời: một thiếu nữ bị tình phụ trong khi ấy thì một thiếu nữ khác lại phụ tình. Thì ra, trong cái trò tình ái, các tay chơi không ăn *ro* với nhau, nên mới sanh ra những cuộc lỏn chỏn mãi mãi.

Bỗng chuông đồng hồ báo thức lại reo lên.

– Chị tôi xuống thay cho tôi đó.

Long đã mệt quá vì từ đầu hôm đến giờ chàng không có ngủ phút nào hết. Chàng không buồn cười được trước cái cảnh cứ tái diễn lại mãi nầy.

Lúc Hồng từ giã ra đi và Hương đến, chàng đã thiếp rồi.

Số phận cô Hương là số phận bị bỏ quên, bất cứ ở đâu và lúc nào. Nãy giờ người ta nói chuyện với nhau không đủ thì giờ mà nói cho hết. Đến lượt cô thì kẻ đối thoại đã thiếp đi.

Nhưng cô thấy đó là tự nhiên, vì ít tình cảm, ít mơ mộng lăng nhăng, lại cũng vì không dè nãy giờ con bịnh đã có trò chuyện với mấy em của cô.

Tiếng còi xe lửa Biên-hòa hú lên sau xóm cùng một lượt với gà gáy hiệp sau.

Long choàng thức giấc và nhớ sực lại là có một cô nữ-khán-hộ thứ tư trong phòng nầy.

– Cô ơi, chàng gọi nho nhỏ, không chắc lắm rằng người ấy còn ở đây.

– Chi đó ông? Ông khỏe hay không?

– Cám ơn cô, đã sáng rồi phải không cô?

– Phải, và ba tôi vừa xuống Thủ-đức.

– Tôi làm phiền cả nhà, làm phiền ông cụ quá. Không bao giờ tôi quên ơn Thái-huyên trang nầy. Thưa cô, tôi là Long, Hồ Văn Long, họa sĩ.

– Hân hạnh, còn tôi là Hương, con gái lớn nhà nầy.

Hương vừa nói vừa đi lại bên giường người bịnh, rồi hỏi:

– Đã sáng rồi, ông ở một mình có được không?

– Thưa được. Cô cứ lo công việc nhà đi.

Long không thất vọng cũng không thấy Hương là xấu xí. Chàng không cần ai nữa cả, từ lúc gặp Hồng.

Cô Hương đi ra, thế là vãn hát. Cô chỉ diễn được có một cảnh gần như câm lặng, không có gì gay cấn hết. Đến khi cô vào hậu trường, diễn viên còn lại và cả khán giả nữa, không ai tiếc hết.

Các nhân viên cảnh sát đứng trước chiếc xe mà vẽ bản đồ. Người trong xóm cũng bu lại mà xem chiếc *ô-tô* giống như con bọ-rầy bị ai đá té nhào nằm ngửa đưa bốn cẳng lên trời.

Ông Tư Hổ rất kiêu hãnh và nhắc lại vai trò ông thủ đêm vừa qua. Đó là việc quan trọng nhứt trong đời ông, nên ông không quên, không kể sót một tiểu tiết nào cả.

Rồi cảnh sát vào nhà. Điều tra xong, họ hỏi Long:

– Bây giờ ông muốn nằm nhà thương nào? Chúng tôi chỉ có thể gởi ông xuống nhà thương Thủ-đức thôi. Ở đó người ta sẽ đưa đi nơi khác, tùy theo kết quả khám bịnh cho ông. Còn như ông thích nhà thương nào khác, thì ông tự đi lấy. Coi bộ không sao mà, phải không?

– Phải, tôi không việc gì cả. Thôi, chuyện đó xin để tôi tính với ông chủ nhà nầy.

– Tốt lắm. Thôi, chào ông. Cũng may, xe là xe của ông, lại chỉ có một mình ông là bị thương xoàng, nếu không, cuộc điều tra sẽ phải rắc rối, phiền phức hơn.

Cảnh sát ra nhưng cả nhà còn đông đủ. Long nhìn bà Nam Thành mà khi nãy chàng đã chào, rồi hỏi:

– Thưa bà, không biết bà có phải là bà chủ Thái-huyên trang?

– Phải, chính tôi đây.

– Kính chào bà...

Từ lúc tỉnh hẳn và được biết rằng chủ nhà có con tuổi bằng tuổi mình, Long thấy phải kêu ông bà Nam Thành bằng cụ. Nhưng

người am của thế hệ ông Nam Thành không hiểu tiếng cụ ấy, nên Long đành phải kêu họ bằng ông bà.

Im lặng giây lát, chàng nói:

– Tôi đã làm phiền ông bà với lại quí cô đây nhiều quá. Ơn cứu tôi, tôi không hề dám quên. Mà cái ơn săn sóc tôi đêm nay, tôi cũng sẽ nhớ mãi mãi. Bây giờ tôi...

– Hề gì, ông Nam Thành chận nói. Ai ở vào chỗ tôi cũng làm như vậy. "Ai" đó là kể cả thầy nữa.

– Ông dạy như vậy, chớ ông có bổn phận nào mà để tôi nằm lại đây đêm nay.

Ông Nam Thành cười ha hả rồi thật thà giải thích cử chỉ tử tế của ông.

– Thật ra là tại xe nó không chịu ngừng khi chúng tôi đón để đưa thầy đi. Lòng tốt của chúng tôi chỉ do đó mà phải có.

Long cũng cười:

– Nhưng ông có thể giao tôi cho làng xóm, nghĩa là nhà chức trách trong xóm nầy, rồi phủi tay.

– Nói rửa tay thì đúng hơn. Đêm qua mưa dầm lầy lội quá, rớ tới đâu là dính đất ướt tới đó.

Cả nhà đều cười xòa. Long xin tiếp câu bỏ dở hồi nãy.

– Bây giờ tôi xin phiền ông bà và quí cô thêm một việc nữa, là đón giùm tôi một chiếc xe không bao cỗ, bao nhiêu tiền cũng được, rồi cho người khiêng tôi ra xe để nó đưa tôi về nhà.

– Ý, rồi dọc đường thầy có việc gì, xe nó hoảng nó liệng thầy vô bụi thì sao. Vả lại, thầy gãy cẳng, gãy xương, về nhà rồi ai băng bó cho thầy?

– Thưa ông, tôi nghe trong người của tôi khỏe khoắn lắm. Còn gãy xương thì chưa chắc!

Cô Hương có theo học một khóa nữ y tá cứu cấp, bước lại gần giường của Long mà nói:

– Hễ gãy xương thì không khi nào giở chơn lên được hết. Ông đau nơi chơn nào?

– Chơn mặt, thưa cô.

– Vậy ông rán giở chơn mặt lên coi.

Long làm y theo lời của Hương. Nhưng chàng chưa nhúc nhích được chút nào mà đã nghe đau như bị cắt ruột. Chàng bậm môi lại, rồi cắn lấy môi, mặt nhăn như ruột của một trái *ba-lông* bị một đứa bé nghịch nắm mà vô lại.

Cẳng Long từ từ giở lên khỏi mặt chiếc *đi-văng* bằng gỗ, giở hỏng cao lên độ năm phân. Long kêu ư... ư.... ư..., chỉ nghe nho nhỏ thôi, nhưng đó là những tiếng kêu la to bị đè nén.

– Rán lên, Hương xẵng giọng mà giục. Rán lên nữa!

Tiếng ư... ư... của Long cứ kéo dài ra, người ta có cảm giác chàng chỉ rặn ra tiếng đó mà không dám thở.

Cả nhà nghe nằng nặng nơi ngực họ, y như là chính họ đang chịu đau đớn.

Cẳng chàng lại giở lên cao thêm được năm phân nữa.

– Để yên như vậy một lát thử xem. Hương nói như ra lịnh.

– Nhưng thầy ấy đau lắm rồi đó con! Bà Nam Thành sợ hãi nói.

Tiếng ư.... ư... vẫn còn kéo dài, nhưng mỏn lần và chơn của Long có mỏi muốn hạ xuống. Hương bất kể lời mẹ, và đau đớn của Long, quát:

– Bảo để yên mà!

Tiếng ư... ư... lại vang lên, lần nầy to hơn trước nhiều. Mọi người đều mồ hôi nhỏ giọt.

Thấy rõ là cô Hương lòng dạ sắt đá. Cá tánh của cô như thế, cô học nghề ấy là hợp lắm. Trông cô oai vệ như một ông tướng ngoài mặt trận, khiến cả cha mẹ cô cũng không còn dám mở miệng ra để phản đối nữa.

Long chịu cực hình ấy lâu gần một phút đồng hồ. Bấy giờ mặt Hương dịu hiền lại, và cô cười rồi nhỏ nhẹ nói:

– Ông để xuống được rồi.

Vừa nói cô vừa thò hai cánh tay vào mà đỡ chơn Long để tránh giùm chàng một sự buông rơi vì quá mừng rỡ và vì không còn sức để hạ chân từ từ nữa. Sự buông rơi nầy cũng sẽ đau đớn không thua gì sự cất lên hồi nãy.

Hương mỉm cười với long một cái để ngầm xin lỗi nạn nhân của cô, rồi day lại nói với cả nhà:

– Xương không thể nào gãy khi mà chơn giở lên được lâu như vậy. Cái nầy chỉ là trặc thôi, trặc xương hay trặc gân gì đó không rõ.

Nếu như vậy thì khỏi cần bó bột phải không con? Ông Nam Thành hỏi.

– Dạ thưa khỏi.

– Mằn chắc phải hết?

– Nhưng muốn mằn cho đúng cách, cũng phải nhờ thầy thuốc, Hương nói.

– Cái đó còn tùy! Ông Nam Thành không tin *đốc-to* lắm, nên cãi như vậy; danh từ thầy thuốc mà con ông vừa dùng, ông hiểu là *đốc-to* vì cả nhà đã quen dùng như vậy.

Bây giờ, chỉ còn đợi ông Nam Thành đáp lời yêu cầu của Long thôi, ngoài ra, không ai còn gì để nói nữa.

Nhưng ông Nam Thành vẫn đứng đó làm thinh. Lâu lắm ông mới hỏi khách:

– Ai trông đợi thầy ở nhà... hừ... hừ... nghĩa là tôi muốn hỏi những ai là người lo lắng về sức khỏe và số mạng của thầy?

– Thưa trên đời, hiện giờ tôi chỉ còn mẹ tôi thôi.

– Bà cụ ở đâu?

– Thưa ở Sài-gòn.

Ông Nam Thành lại làm thinh. Nhưng im lặng của ông lần nầy không kéo dài.

– Hay là thầy ở luôn đây có được không, ở đến khi nào đi được hãy về, tôi sẽ tin cho bà cụ biết tai nạn đêm rồi, và nơi tĩnh dưỡng của thầy?

Tất cả những người có mặt đều ngạc nhiên. Long thì không bao giờ nghĩ đến một sự tốt bụng quá như vậy. Bốn cô gái vốn biết ý cha không thích bị quấy rầy, nên không hiểu được thái độ của cha hôm nay. Bà Nam Thành ban đầu chẳng những lấy làm lạ mà thôi, lại còn tức tràn hông khi nghe ông Nam Thành đưa vai mà gánh một gánh giữa đàng.

Nhưng bà nghe như là hiểu thấu thâm ý của chồng, nên dịu giận được. "Để rồi xem sao", bà tự bảo như vậy.

Long ngạc nhiên và hốt hoảng nói:

– Ý chết, thưa ông, tôi còn làm sao dám làm phiền ông bà với lại quí cô đây lâu thêm nữa. Bấy nhiêu đây đã là lạm dụng lòng tốt của Thái-huyên trang lắm rồi...

– Cái đó tùy ý thầy thích ở hay không thích ở. Còn phiền cho tôi thì thầy đừng lo. Có ai bắt buộc tôi đâu. Nếu tôi khi không mà đeo phiền, là tôi có lợi chớ không phải làm ơn cho thầy đâu.

– Phiền gì mà phiền. Bà Nam Thành nói. Chúng tôi chỉ lo thầy chết thôi. Nỗi lo lắng của chúng tôi đêm rồi có nặng thật đó. Mà đã qua rồi. Bây giờ thầy không chết nữa..., bà nói tới đoạn nầy thì tất cả mọi người có mặt đều cười xòa... không chết nữa thì tiếp thầy, như tiếp một người khách thường, có gì đâu.

– Tất cả cực khổ vì tôi, bốn cô đây phải gánh lấy hết, tôi rất....

Bốn cô gái thấy câu chuyện gần ngã ngũ hay hay như trong tiểu thuyết, cũng muốn nó ngã hẳn ra như vậy, nhưng ngại nên không đưa ý kiến ra. Bây giờ nghe khách sắp nói, cả bốn cô đều chận lời khách:

– Ông đừng ngại. Chị hai tôi cần thực hành những điều đã học được, còn tôi thì...

– Chúng tôi tới bốn chị em, chia sớt nhau công việc, sẽ không nhọc lắm đâu.

– Ông không chịu nằm nhà thương, về nhà làm khổ bà cụ biết bao.

– Ông không chịu cũng không được nữa. Hương nói. Ông bị thiểu số rồi đó.

Long chỉ cười, cái cười giống hệt như sự nín lặng của cô con gái kia khi cha mẹ cô ấy hỏi cô bằng lòng lấy chồng hay không.

– Ông chịu rồi chớ? Không, hẳn là ông chịu rồi. Quá nói lia nói lịa, không để cho khách kịp đáp. Rồi bốn cô vụt chạy biến mất như một đàn chim sẻ.

Long nằm đó, như vừa qua một giấc mộng. Câu chuyện thật là oái oăm. Đêm hôm qua, chàng đi một vòng Biên-hòa có chút việc, đã chạy ngang đây mà không thèm ngó vào. Đùng một cái – Ừ, thật là đùng một cái – chàng đâm đầu vào sân người ta, báo người ta thức suốt đêm, rồi bây giờ trở thành bạn của cả nhà.

Chuyện hơi giống giống câu chuyện của những tiểu thuyết tình lãng mạn, một cô gái cứu một cậu trai thọ nạn, rồi hai đứa yêu nhau, lấy nhau. Như ở đây có tới bốn cô gái, thì...

Lẽ cố nhiên là Hương gánh phần cực. Thường ngày, mỗi sáng nhà ăn khoai, ăn xôi, hoặc ăn cơm, cháo. Hôm nay có khách quí, Hương phải nhúm lửa sớm để nấu nước chế *cà-phê* đãi khách.

Cô nữ-khán-hộ chánh hiệu con nai ấy vì vậy không có mặt được trong buổi đại hội y học thảo luận về cách điều trị con bịnh.

Bà Nam Thành bảo Hồng vô xóm trong mời ông thầy Hai Sửu là ông thầy thuốc Nam biết giải ngải và mằn xương.

Ông Nam Thành ngăn:

– Đừng, đừng có báo hại người ta rồi mình mang khổ lây. Tôi thấy lang băm họ mằn, nhiều khi lọi xương người ta luôn suốt đời.

– Chớ làm sao bây giờ? Không lẽ để người ta...

– Xuyt! Nói nhỏ nhỏ, bà quên rằng ở đây không có vách gạch, ở buồng đầu mà nói chuyện thì ở buồng cuối nhà nghe không sót một tiếng.

Hồng nói:

– Loài người trước khi có bọn lang giết người, chắc họ để tự nhiên những bịnh tật nho nhỏ. Không nghe sách vở xưa nào nói ai trặc chơn mà mang tật luôn vì đã để tự nhiên, không săn sóc; con nghĩ, cứ để vậy, vài bữa ông ấy sẽ đi được.

Ông Nam Thành nhìn con mà ngạc nhiên trước lý luận sáng tỏ ấy.

– Ừ, ông nói, sau một hồi suy nghĩ, hay là cứ để vậy. Nhưng phải làm cái gì cho ông ta đỡ đau.

– Cái đó dễ ợt, chị hai con là bà lang Tây rất dốt. Nhưng ít ra chị cũng biết một vài toa thuốc thoa bóp cho dịu sự đau đớn chớ.

– Tốt lắm. Thôi thì tụi bây thỏa thuận với nhau mà phân công để săn sóc ông ấy. À, ba quên mất...

Nói chưa hết câu, ông vội vàng bước qua phòng bịnh.

Hương bưng *cà-phê* lên, cũng vừa bước vào buồng. Thấy vậy, ông Nam Thành kêu với ra ngoài:

– Quá ơi!

– Dạ!

– Đi lấy con vịt, mau nó con.

– Để ở đâu ba?

– Ai mà biết. Hôm dọn nhà mẹ con bây có bỏ quên dưới Sài-gòn hay không?

Nghe bà Nam Thành nói nho nhỏ:

– Thì cất chung với chén bát trong tủ đồ sứ ở buồng ăn, chớ ở đâu mà om sòm lên như vậy. Con gái hư, không sợ người ta cười cho.

Long nghe thì biết gia đình nầy dọn lên đây không lâu. Cô Hương đặt tách *cà-phê* lên một chiếc bàn con đã được ai kéo lại sát *đi-văng*.

– Mời ông uống *cà-phê* sáng. Nhà hết cả sữa, ông tạm dùng đỡ *cà-phê* đen vậy.

– Tôi chỉ dùng *cà-phê* đen thôi, Long nói, để hưởng trọn mùi *cà-phê*. Nếu tôi nói nữa thì thành ra khách sáo. Vả, tôi đã nhận ở đây, mà còn ngại thì hóa ra giả dối, nhưng quả thật tôi làm phiền cả nhà.

– Hãy khoan, ông Nam Thành không thèm chú ý đến thắc mắc của khách nữa, mà chỉ lo ngăn khách dùng bữa sáng thôi. Hãy khoan, đợi con vịt đã.

Ông nói vừa dứt lời thì Quá đã bước vào, tay cầm một con vịt bằng sứ trắng.

Long ngạc nhiên lắm, ít có gia đình Việt Nam nào biết dùng món đồ ấy. Chỉ có nhà thương to và vài họ được Âu-hóa mới sắm nó thôi.

Đít vịt khoét lỗ rộng để đổ nước vào, mỏ vịt khoét lỗ nhỏ để nước rịn vào miệng những bịnh nhân không ngồi dậy được.

Quá sang *cà-phê* qua con vịt sứ rồi trao cho Long.

– Cám ơn cô hai và cô

Nói xong chàng đưa vịt lên, mút mỏ nó như trẻ con mút nóm vú không mà chơi.

– Kỷ niệm của một me Tây đó. Ông Nam Thành vừa nói vừa cười. Ông Tây ấy ổng bị thương nặng, nằm nhà thương đến năm sáu tháng, rồi về Tây luôn. Nhưng thầy khỏi lo, tôi đã trụng nước sôi rồi mới dùng, không có vi trùng đâu.

– Cháu không sợ vi trùng lắm đâu.

Long giựt mình mà nghe mình xưng cháu. Tiếng cháu tự nhiên mà vọt ra, chàng không hề định trước, nói xong nghe dư âm nó, mới biết là mình đã lỡ lời.

Chàng thuộc vào một gia đình giàu có lâu đời, lịch sự quen rồi, nên nay nói lỡ một tiếng là sợ hãi lắm.

Nhưng những người có mặt hình như thấy điều ấy là thường nên chàng xét nét mà không bắt gặp phản động nhỏ nào trên gương mặt của ba người.

– *Cà-phê* ngon quá! Chàng khen để quên lo sợ của mình, chớ thật đó là *cà-phê* các-chú, khá hơn *cà-phê* các tiệm nước một chút xíu vì đây là tách đầu.

Ông Nam Thành nói:

– Tôi cần biết tên với lại địa chỉ của bà cụ để đi báo tin ngay.

– Thưa ông, không cần đi lắm. Tôi viết thơ ông gởi dùm tôi cũng được rồi.

– Nhưng thầy đi không về thì bà cụ lo lắng lắm.

– Thưa, má tôi quen rồi, tôi thì đi vắng luôn, và đi không có hẹn giờ nào, ngày nào về cả.

– Thôi cũng được. Nhưng như vầy thì thầy nên nghỉ cho khỏe cái đã, rồi viết thơ cũng chẳng muộn.

Trong khi đó thì cô Quá đã trở vào với hai bức tranh lộng kiếng không khuôn mà vì vách trị khó treo thứ đó nên từ lúc dọn nhà đến nay, họ cất luôn.

Hoa lại mang về một bó hoa mà cô hái ở xóm trên. Chỉ là hoa giấy tím thôi, nhưng căn buồng cũng tươi nét lên hơn trước nhiều.

Ông Nam Thành ra hiệu cho các con lui bước rồi chính ông cũng đi ra, giây lâu ông trở lại với một bộ đồ mát của ông. Đóng cửa cẩn thận, rồi ông nói:

– Bây giờ tôi giúp ông đây!

Hôm ấy cô Hồng đi chợ. Bà thầy lang khỏi phải làm bếp một bữa để rảnh tay mà khám bịnh kẻ bị nạn.

Long bị bầm thịt nơi sau ót, lòng bàn tay trái trầy rướm máu mà không ai thấy, chính chàng cũng không hay. Chơn trái của họa sĩ cũng trầy rướm máu nơi bắp chuối, chơn mặt thì bầm tím gần một chục nơi. Có chỗ lại sưng lên và đỏ như da trẻ sơ sanh.

Cô Hương có mang đến nhiều lọ thuốc, để trên bàn, cô chọn một lọ mà Long nhìn thấy chữ đề trên nhãn là "Baume adoucissant".

Chàng mỉm cười thầm: "ngỡ gì, thứ ấy để thoa cho em nhỏ thì được, người lớn thì cần quái gì".

Chàng nói với cô nữ-khán-hộ:

– Cô bảo đúng lắm. Xương tôi không gãy. Tôi nhớ có đọc sách về cứu cấp, trong đó người ta cũng dạy như vậy.

– Nhưng trặc cũng lắm khi có hại. Mà ba tôi lại muốn để tự nhiên cho ông khỏi. Thoa thuốc nầy cho êm vậy thôi. Ông có muốn mời *đốc-tơ* hay không?

– Tôi nghĩ không cần. Nếu không khỏi hãy mời, không chết chóc gì mà vội.

Cô Hương thoa bằng cục gôn tẩm thuốc, đoạn dùng cục gòn ấy mà đánh lên những nơi cô tưởng là cần.

Long méo miệng vì đau mà không dám nói gì cả. Cô Hương thoa đánh một lát mới dừng tay, và bấy giờ Long nghe như được giải thoát khỏi một khổ hình.

Chàng nhìn kỹ thiếu nữ thì thấy cô ta không xấu lắm như chàng đã in trí, lại có thể nói là dễ coi nữa. Người con gái đầu lòng nầy bị các em của cô lấn nước, nên phải chịu lép vế trước mặt họ. Nếu không có sự so sánh gần, thì người ta có thể cho cô là đẹp được.

– Thưa cô, cô biết bó bột hay không? Không tìm ra đầu đề câu chuyện, Long hỏi về nghề chuyên môn của nữ-khán-hộ tài tử nầy.

– Bó bột là công việc rất dễ. Khó là biết kéo làm sao cho hai khúc xương gãy nằm lại ngay đường nhau và ráp làm sao cho hai đầu gãy ăn khớp với nhau. Việc đó tôi chưa thử lần nào, nên không tự tin lắm.

– Cô chắc tôi không bị gãy xương chớ?

– Chắc một trăm phần trăm.

– Có lành nghề lắm. Việc nào biết chắc là dám quả quyết, còn việc nào còn ngờ là cô thú ngay. Cô học ngành nầy làm chi vậy cô?

Hương ngẩn người ra. Học nghề ấy làm chi, cô không thể cắt nghĩa với Long được. Đối với hạng người khác, cô bảo là để giúp ích khi nào người ta cần đến mình. Nhưng lý lẽ cao thượng ấy không thể đưa ra được trước câu hỏi của chàng thanh niên nầy mà nàng đoán là thông minh và sẽ tế nhị nhận được giả dối của nàng.

Thật mỉa mai quá, rõ ràng nàng đang giúp ích khi Long cần được săn sóc. Nhưng cái rõ ràng ấy lại không thật, không phải mục đích chánh nên không thể dùng nó mà đáp lời hỏi.

Giây lâu nàng đáp bừa, còn giả dối hơn nữa, nhưng nghe ổn hơn.

– Tôi học để tìm chỗ làm. Nhưng không ai dùng, người ta chỉ tuyển xung mấy chị đỗ đầu học khóa thôi, thành ra...

Con gái ngày nay cũng vẫn đợi chồng như con gái ngày xưa. Nhưng họ không ngồi đó mà đợi. Những người nghèo thì buơn chải tìm phương sống. Những người khá giả thì làm một cái gì để khỏi nghe trống rỗng quanh mình, miễn là hành động được, đi ra ngoài được, có dịp phiêu lưu nho nhỏ cho đỡ buồn chán.

Long cũng biết rõ tâm trạng con gái thế hệ chàng, nhưng chàng thử hỏi vậy thôi.

Chàng hài lòng với câu đáp của Hương, vì xem ra gia đình nầy không khá giả bao nhiêu, con cái cần phải đi làm.

Bấy giờ, cô Hoa bước vào, mỉm cười với bịnh nhân và hỏi.

– Bà lang băm của nhà tôi có làm cho ông đau lắm không?

– Thưa không, tôi nghe đỡ nhiều.

– Không đau, nhưng chắc ông ấy nhăn mặt vì dễ chịu, Hương cười nói.

– Bà lang băm nầy lại là tay nhổ răng cừ khôi, Hoa đùa chị với khách, ngày sau ông có nhức răng thì cứ lên đây. Bà sẽ lấy chỉ cột răng ông vào một chiếc ghế, đoạn ý hà một tiếng, nói là có ma, hay có chó điên gì kia, thế là ông hoảng, nhảy một cái thì răng rụng ngay.

Cả ba đều cười xòa, đoạn Long nói:

– Cô Hoa ơi, cô làm ơn cho tôi một tờ giấy với lại một cây bút chì cũng được. Tôi muốn viết thơ cho má tôi.

– Kìa, trên đầu nằm ông đó.

Long quay đầu ngược lên thì quả thấy trên bàn con có giấy bút và sách báo mà cô nào đã đem vào lúc nào chàng không hay!

– Châu đáo quá! Các cô thật là...

– Thôi, chị em tôi ra, để ông yên mà viết.

Không quên ở nhà trống trải, Long thấy nắng bên ngoài chói lòa quá. Ánh sáng sớm lại chĩa xiên qua vách trĩ long mốt, đâm vào buồng ăn kế cận như là cuộc xâm nhập của khách không biết điều.

Không quen thì nghe khó chịu, chờ chàng vẫn biết trống trải như vậy là hạp vệ sanh; chàng lại nhận thấy cả vẻ đẹp của tấm vách trĩ lọc ánh nắng ấy nữa. Bức tranh nắng lò khe vách, là một bức tranh đẹp đang được thai nghén trong trí chàng kể từ phút nầy.

Long quan sát căn buồng, thấy nét đạm bạc của nó rồi thương gia đình nầy không biết bao nhiêu. Đó là những người hiền lành, không tham vọng lớn và nhờ vậy không ganh tị to với đời, tốt bụng và sẵn sàng.

Hai bức tranh lồng kiếng không khung là tranh Kiều, phụ bản của một biệt ấn ngoại quốc, có lần bán tràn đồng trên vỉa hè Sài-gòn.

Bàn ghế toàn là bàn ghế Ngã Bảy cả. Chiếc lọ dùng cắm hoa là lọ sành Lái-thiêu.

Tuy nhiên, nhà nầy có khiếu thẩm mỹ. Nếu không, họ đã treo tranh sơn mài xanh xanh đỏ đỏ có gắn chiếc thuyền bằng ngà vào đó, họ đã sắm lọ rẻ tiền của Nhựt-bổn rồi".

Long vói tay lấy báo xuống xem qua: vài tờ báo hằng ngày quen biết, một tờ tuần báo chánh trị. Chỉ có một quyển sách thôi: quyển "Trại Bồ Tùng Linh". Nhà nầy thật là biết điệu. Đọc "Trại Bồ Tùng Linh" ở đây phải chỗ vô cùng.

Long lật vài trang đầu và vài trang cuối sách để xem coi lần tái bản nầy có thêm bớt gì lạ không. Chàng nhớ lại cảm giác rờn rợn mà chàng đã có, khi đọc truyện nầy lần đầu cách đây hơn mười mấy năm. Đó là một nỗi ghê rợn dễ ưa hơn là cái kinh sợ êm đềm nơi trẻ con khi chúng nghe kể chuyện ma.

Bỗng Long rợn người lên thật. Hay là mình lạc vào động hồ ly, chàng tự hỏi thầm. Câu chuyện kỳ quặc quá để có thể l;à một câu chuyện thật. Càng đáng sợ hãi hơn là ở đây có đến sáu con hồ ly...

Hoa bưng vào phòng bịnh một chiếc mâm gỗ mít tròn, mượn của hàng xóm. Các gia đình miền Nam ở chợ không dùng mâm nữa từ mấy mươi năm nay rồi, nên Thái-huyên trang có cần đến món đồ ấy là phải đi mượn.

Trên mâm, một tô gì lên hơi nghi ngút tỏa mùi thơm bắt đói bụng ra, mùi hành tây chiên. Long đánh hơi biết như vậy.

Hoa đặt mâm xuống bàn và nói:

– Chị Hồng tôi ngại ông còn yếu, ăn cơm không tiêu hóa nổi nên nấu cháo.

– Cô Hồng nghĩ đúng lắm. Mà tôi cũng thích cháo lắm. Nhưng mà ăn rắc rối như vầy, chỉ khổ cho nhà.

Có gì đâu mà rắc rối, ông.

– Thì phải lo thêm một món ăn, thêm bao nhiêu là công việc. Cứ cho tôi ăn cơm theo nhà, hẳn giản dị hơn.

– Không hề gì, bây giờ tội đút cho ông ăn nhé?

– Ý chết! Trời, phiền phức quá như vậy, tôi ngại lắm. Như thế nầy, cô để mâm lên ngực tôi, chêm mền cho nó đừng lúc lắc, rồi tôi múc mà ăn lấy.

– Tùy ý ông.

Khi chiếc mâm đã được kê vững vàng. Long cầm muỗng nhưng vẫn chưa khởi ăn.

– Cháo gan, cô Hoa nói, nếu ông không ăn ngay thì gan sẽ chín, hết ngon đi.

– Cháo gan chín thì hết ngon thật đó. Nhưng chín thêm một chút xíu trong cháu hết sôi sẽ không hỏng lắm đâu cô. Tôi có đọc sách thuốc về người Tàu, nên ngại ăn nóng lắm.

To mò, cô Hoa hỏi:

– Sách thuốc gì mà về người Tàu?

– Đó là một quyển hồi ký của một vị y sĩ Pháp đã ở bên Tàu trên hai mươi năm.

Ổ ấy bảo người Triều-châu ưa mắc chứng ung thư nơi cuống họng. Ông ta đã ra công nghiên cứu trên mười năm để tìm nguyên do coi tại sao bịnh ung thư thường phát nơi cuống họng trong xứ Triều-châu thì ông tìm ra được nguyên do như sau đây: Người Triều-châu thích ăn thật nóng, lắm khi họ múc cháo đang sôi trên bếp mà ăn ngay và bảo rằng sách thuốc của họ dạy rằng ăn nóng thì tốt. Cuống họng của họ vì thế mỗi ngày bị cháy một chút cho đến vào một tuổi kia thì họ bị ung thư.

Hoa cười dòn rồi nói:

– Nhưng lâu lắm ông mới ăn cháo gan một lần, làm gì đến cháy cuống họng được.

Long cũng cười xòa, khi chợt nhận ra mình đã lo sợ vô lối.

Chàng múc một muỗng cháo, cẩn thận giữ cho muỗng nằm ngửa một cách thật thăng bằng rồi từ từ hạ muỗng xuống ngang miệng. Muỗng đầu ấy chàng múc rất may mắn vì trong đó có đủ cả: thịt bằm, gan sống, hành ta, và hành tây chiên.

Tối hôm qua, Long chưa ăn gì. Đau đớn quá, nên quên đói. Tách *cà-phê* khi sáng dường như đánh thức sức đói của chàng nên giờ ăn cháo nghe ngon lạ. Mà cháo cũng nấu khéo thật, nên chàng khen:

– Cô Hồng quả là người nấu bếp tài tình.

– Chị hai tôi kìa mới là tài. Tụi tôi đứa nào cũng chỉ xoàng xoàng thôi.

– Không, tôi khen thật tình chớ không phải vì lịch sự. Nếu xoàng mà được khéo như vầy, thì nhà nầy là quán quân nấu cơm trong nước.

Long ép hai hàm răng lại, miếng gan chín sơ lớp bọc mỏng ở ngoài, bể ra, và nước gan ngọt rỉ trên lưỡi chàng khiến chàng không muốn nuốt mà cứ để yên đó đặng ngậm mà nghe cái vị gan sống tuyệt diệu kia.

Cô Hoa ra ngoài khi Long ăn gần xong. Cô trở vô với tách nước trà nóng.

– Ba tôi bày vẽ con vịt, nhưng ông đã tự ăn cháo được thì chắc ông cũng uống nước được và không cần con vịt phải không, ông? Dùng vịt xem ra có vẻ...

– Ừ, có vẻ bịnh hoạn quá, tôi thích nghiêng tách mà uống hơn.

Bấy giờ cô Quá vào, tay cầm một chiếc khăn lông nhỏ khổ.

– Để ông lau mồ hôi, cô nói. Ăn cháo nóng, thế nào cũng đổ mồ hôi.

Hai cô con gái chưa ra thì ông Nam Thành đã vô.

– Sao, thầy nghe đỡ hay chưa?

– Thưa ông, đỡ nhiều lắm.

– Thầy có gì thì gọi chúng tôi. Thầy lắc cái chuông nhỏ nầy thì có người tới.

Ông Nam Thành vừa nói vừa đưa ra một chiếc lục lạc chớ không phải chuông, và thêm:

– Thôi thầy nghỉ trưa.

Cả ba người đều lặng lẽ đi ra. Long thấy mình được săn sóc châu đáo quá, nên hơi khó chịu. Nếu người ở Thái-huyên trang lơ

là hơn, chắc chàng cũng sẽ khó chịu. Nhưng sự vừa chừng không thể có được, người ta tống cổ chàng đi ngay, hay người ta quấn quít quanh chàng để làm cho chàng dễ chịu, không thể khác hơn được.

Thái-huyên trang ăn cơm trưa bữa đó ở sau bếp chớ không phải tại buồng ăn như mọi ngày.

Ông Nam Thành tiên liệu rằng vợ con ông thế nào cũng nói đến khách, nên ông muốn họ ngồi xa khách, e câu chuyện thấu tại Long chăng.

hưng cả nhà không ai nói đến người bị tai nạn xe hơi cả. Họ đồng lòng tẩy chay ông ta, đồng lòng làm reo im lặng trong gần suốt bữa.

Ông Nam Thành thấy sáng kiến của mình làm khổ vợ con, nên không dám nhắc tới nó, sợ bà nổi xung lên bất tử. Bà Nam Thành không tha thiết tới khách nhiều nên chỉ bàn rộng về vụ giựt hụi mà bà thấy đăng trong báo khi sáng.

Bốn cô con gái thì cố nhiên là tránh đá động đến một thanh niên vào hạng Long, mặc dầu họ rất cởi mở về việc chồng con. Họ chỉ cởi mở khi bàn tổng quát về ái tình, về hôn nhơn thôi. Nói đến riêng một người, họ vẫn ngại như thường. Gã tình nhơn, người-vị-hôn phu tưởng tượng là kẻ vô hình, là của chung, không gợi nghi ngờ nào được. Một thanh niên bằng thịt có thể gây xuyên tạc, và ngộ nhận.

Lúc bữa ăn sắp tàn, ông Nam Thành hốt hoảng:

– Chết, không biết thầy ấy có đưa thơ cho ba chưa, nếu có, ba quên mất rồi.

Tất cả những gì bị đè nén, như được dở nắp cho bung lên.

– Quên thì thủng thẳng sẽ kiếm, làm gì mà sợ hãi dữ vậy, bà Nam Thành cằn rằn.

– Chưa ba à, con thấy ông ấy chưa viết thơ, Quá nói.

– Coi bộ thi sĩ dữ, Nam Thành bàn. Cầm bút đặt lên giấy, rồi lại nghĩ chuyện khác, quẹt bậy bạ lên đó.

– sao mầy biết là bậy bạ, Hương hỏi, người ta là họa sĩ, chắc người ta gặp hứng nên phải vẽ phác ra liền đó chớ.

– À, ông ấy thế nào?

Cả nhà cười rộ sau câu hỏi của Hồng. Cô bé hôm nay vùi đầu vào bếp mãi đến bữa ăn trưa, nên không rõ bịnh tình của khách ra sao.

– Khen chị dữ lắm đó, Quá vừa nói vừa cười. Nói chị nấu cháo khéo số dách, tặng chị chức vô địch về ngành hỏa-đầu-quân.

Câu nói đùa của Quá là vị cứu tinh của bốn chị em. Từ đây họ dám nói đến người đó, một người đã biến thành đối tượng của sự cười đùa của họ, và vì thế, hóa ra vô công phạt.

– Tao vái trời cho chúa nhựt nầy anh Bằng lên chơi, Hồng nói, để ảnh trả thù dùm tao. Mầy đừng có làm phách.

Gì chớ về môn đùa các cờ em họ về vụ đó, thì Bằng là tay có nanh vuốt. Cả bốn cô em đều sợ anh ta, nên Hồng mới dọa thế.

– Biệt cửa sợ đó, Quá thách.

– Ừ, để rồi xem.

Họ ăn cơm vừa xong là trời phủ mây đen ngòm. Quá vội vã đi lấy vải bố để che vách nơi buồng bịnh. Bấy giờ Long đã thiếp ngủ, nên nàng làm việc thật nhẹ rồi rút êm ra ngoài.

Trời mưa cho đến ba giờ trưa mới dứt hột. Quá cất đồ *len* đương đăn dở chừng vào bị, rồi bước qua phòng bịnh.

– Ông có lạnh lắm không? Nàng hỏi vì thấy Long đã thức.

– Thưa không, còn trái lại nữa. Mưa đầu mùa mà cô.

– Nhà cửa, vách, lôi thôi quá, tôi cứ lo gió vào nhiều.

– Tôi còn mong cho nó vào thường hơn nữa, cô à.

Cô Quá nói "Gió vào nhiều", ý cô muốn chỉ về lượng. Nhưng Long lại nói *"Nó vào thường"*. Tiếng *nó* và tiếng *thường* có thể hiểu về sự năng vào của ai đó. Không rõ Long có cố ý nói hai nghĩa hay không, nhưng Quá thì hiểu cả nghĩa đen lẫn nghĩa ngầm của tiếng "thường" ấy.

Nàng bối rối lên và bỗng dưng đâm ra hổ thẹn. Lần đầu tiên, cô gái rắn mắt và kỳ khôi ấy mắc cỡ trước một người con trai.

Đã sống nhiều, tuy năm nay chàng mới có hăm bảy tuổi thôi, Long thấy là hiểu ngay. Chàng hối hận lắm khi nhớ ra tiếng *thường* của mình quá mờ ớ, quá phân hai, nên cô gái thơ kia mới ngộ nhận như vậy.

Chàng không yêu Quá, cũng không xem được nàng là một cô gái thường: trong gia đình nầy, người nào, chàng thấy cũng đáng kính nể cả, nên chi chàng không thể để cô bé hiểu lầm mình như vậy mãi.

Chàng cố tìm một lời đính chánh khéo, nhưng tìm hoài mà không ra. Khi mà người ta quýnh lên, người ta vội vàng và rất dễ sai lầm tai hại. Long nóng nảy muốn phá tan ngộ nhận ngay mà vì bí quá nên nghĩ rằng chàng phải nhấn mạnh về chỗ bé bỏng của cô gái, cho cô ta bị tự ti mặc cảm không còn nghĩ mình được yêu nữa.

– Cô Út à, chàng hỏi, năm nay cô được bao nhiêu tuổi?

Không ai vô lễ đi hỏi tuổi một cô gái. Long nghĩ rằng Quá biết như vậy. Chàng lại kêu cô bằng cô Út để cho cô ta nghe mình còn bé lắm nên mới bị gọi và bị hỏi thế.

Nhưng Quá không hiểu và thấy đó là một bước tiến đến sự thân mật của Long, nên đáp:

– Dạ em hăm hai.

Cô xưng em, chớ không xưng tôi như trước và như các chị của cô nữa.

Long hoảng sợ hết sức. Vô tình chàng đã xui cho Quá hiểu lầm thêm, một sự hiểu lầm có thể gieo tai hại không biết đến đâu mà lường.

May sao, giữa lúc chàng đang khó nghĩ thì Hoa vào, tay cầm đèn tọa-đăng thắp dầu hôi. Nàng nói:

– Ba tôi nghĩ thắp đèn *măng-sông* như đêm rồi chắc ông chói mắt. Vả lại, ông cần đèn chong sáng đêm, mà *măng-sông* chong sáng đêm lại bất tiện. Vậy xin ông bằng lòng với cây đèn dầu nầy.

– Dạ được, đèn dầu hôi là quí lắm rồi. Tôi có ở nhà quê một dạo, họ không thắp đèn gì hết mới là khổ chớ.

– Nhưng như vầy ông không đọc sách ban đêm được nữa.

– Tôi không dám đọc sách ban đêm đâu cô.

– Sao vậy?

– "TRẠI BỒ TÙNG LINH" mà quí cô cho mượn, đọc ban ngày cũng đã rởn ốc rồi, đọc ban đêm, chắc tôi phải la làng.

Cả ba đều cười xòa, rồi hai cô gái lui ra.

Thế là một chiếc đò dọc đã ghé bến, trên dòng Thiên-lý.

Các cô Thái-huyên trang đã tuyệt vọng từ mấy tháng nay, lại càng tuyệt vọng hơn từ hôm xa lộ Sài-gòn – Biên-hòa được khởi công.

Xa lộ ấy sẽ xuyên tạc con đường Thiên-lý, đưa sự quan trọng qua hết bên kia, và khúc đường trước nhà sẽ cô quạnh như một con đường làng.

Nhưng người trai mong đợi đã đến trước ngày khúc đường của họ bị mồ côi, đến trong một trường hợp kỳ dị, gần như họ ước trong mơ.

Hôm đầu, các cô bị xúc động mạnh trước tai nạn nên chỉ nhớ đến sự ghê gớm của vụ lật xe thôi. Bây giờ ác mộng đã qua, các cô lắng nghe tình cảm mình xem nó thế nào khi giấc mơ hão hằng ngày đã được thực hiện.

Cô Hương vỡ mộng ngay từ lúc cô săn sóc lần đầu cho người khách trẻ tuổi. Không, cô không còn son trẻ nữa để có thể bị "được" lôi cuốn trong những cuộc phiêu lưu tình ái hay tình cảm nào. Người mong đợi còn trẻ, dường như là trẻ hơn cô, khó lòng mà hắn yêu cô được, cô biết thế.

Cô Hồng tuy mong gặp lại người tình cũ, chớ không phải mong hão một tao nhơn mặc khách nào, nhưng vậy, cô vẫn nghe lòng xao xuyến khi người nầy đến.

Y đến, rồi y lại thổ lộ niềm riêng, nào là bị tình phụ, v.v... khiến cho Hồng như bị y nắm con dao đang cặm trong tim cô mà lay động. Cô nghe niềm đau cũ đang tạm êm dịu bỗng thức dậy mà hành hạ cô.

Tuy nhiên, cô không ân hận đã đón tiếp người khách bất ngờ ấy. Đau khổ dầu sao cũng vẫn dễ chịu hơn là cái trống rỗng của những ngày bằng phẳng, không thấy tăm dạng hy vọng nào cả.

Cô Hoa thường được người ta khen là gái có bản lãnh, nên cô hay lập dị để tỏ ra ta đây quả thật có bản lãnh.

Vụ nầy là một đầu đề cho cô đùa. Cô bảo đó là một cuốn tiểu thuyết mà kết cuộc sẽ không hay ho gì đâu. Đứa nào dại, nhảy vô làm nhơn vật cho tiểu thuyết ấy, sẽ khổ cho mà xem.

Cô chế nhạo Long là một thanh niên nhiễm tiểu thuyết, làm bộ lãng mạn để thơ-mộng-hóa mọi việc, nói thì châu mày, làm thinh cũng châu mày, luôn luôn ra vẻ nghĩ ngợi đâu đâu.

Tóm lại, cô làm như ta đây không mảy may bị chuyện ấy làm xúc động, và ta sẽ mất uy tín đi, nếu ta để tâm đến một chàng thanh niên mới đến trong đời ta.

Cô Quá, trái lại nghe lòng xao xuyến lạ kỳ. Cô gái nầy, lúc còn ở thành, chưa biết yêu. Cô chỉ mới bắt đầu bâng khuâng từ khi dọn về Thái-huyên trang thôi, bâng khuâng trước những đám mây chiều, trước trận bay của trái sao, trái dầu, trước giọt tranh xoi cát bên thềm hay đánh nhạc lên một cái chén bể vứt ngoài sân.

Người khách đến giữa lúc tình yêu của cô mới ló dạng, còn đi bơ vơ như một con thuyền không bến. Có phải đây là bến trong hay không, con thuyền tự hỏi, rồi ngập ngừng muốn cặm sào.

Bà lang băm Hương nhờ tổ đãi hay sao không rõ mà qua ngày thứ nhì, con bịnh đã ngồi dậy được một mình.

Sáng hôm ấy, Long giựt mình thức dậy khi nghe con gà trống tơ ở nhà gáy lên. Chàng buồn cười lắm vì cái giọng bể như giọng con trai mười bảy của nó, muốn cố gắng cho thanh, cho oai, nhưng càng cố càng nghe khàn khàn và vụng về. Vui vẻ trong lòng, Long quên rằng mình đau ốm. Chàng ngồi dậy như không bị trặc chơn bao giờ cả, và lạ quá, ngồi được như thường, không còn nghe đau đớn nữa.

Ngồi xong, người họa sĩ trẻ tuổi nầy sực nhớ lại mọi việc và mừng rỡ vô cùng. Có trặc chưa gãy giò mới biết đi đứng được là

sướng. Suốt ngày hôm qua, Long nghe bực bội vô cùng. Chàng nghe quanh chàng người ta sống, và chàng thèm sống biết bao! Cái ánh nắng mà ngày thường chàng xem như không có, nay sao mà quyến rũ lạ thường. Ngoài kia có lá rụng, có chuồn chuồn bay, có chó chạy, thế mà chàng phải nằm ì ở đây, không cục cựa được mà cũng chẳng nhìn những con vật ấy cục cựa được thì có khổ hay không?

Bây giờ thì sướng rồi đấy nhé! Chàng thò chơn xuống đất để tìm guốc dép, nhưng chạm phải đất lạnh teo.

– À!

Long "à" một tiếng dài rồi nhớ thêm ra là mình đêm ấy đi giày. Chắc chủ nhà cất giày mình đâu đó, mà không cho mượn guốc dép gì cả, vì không ai tiên đoán được là hôm nay mình khỏi bịnh.

Long chấm những ngón chơn của chàng lên nền đất nện láng, cho nó làm quen với cái lạnh.

Giây lâu, liệu chừng cỡ bước xuống hẳn chắc không nghe ghê chơn nữa, chàng hạ hết hai bàn chơn xuống. Chàng vừa chống chơn để cất mình lên khỏi mặt *đi-văng* thì nghe đau như ai bẻ gãy xương chàng.

Long thả rơi mình trở xuống *đi-văng,* cắn răng mà chịu, giây lát mới nghe bớt đau. Chàng lẩm bẩm:

– Chưa được! Chưa được! Nhưng cũng đỡ khổ, có thể ngồi mà ăn uống.

Long cử động thử hai chơn thì không nghe gì nữa cả. Chàng đập hai bàn chơn lại với nhau để phủi bụi rồi rút chơn lên *đi-văng,* ngồi xếp bằng lại.

Phát động cử chỉ ấy, Long buồn cười hết sức nhớ lại từ ngữ "Rửa chơn cạn" của nông dân, và thấy lối nói của họ bóng bẩy một cách linh động.

Long ngồi nghe gà gáy rán những chập cuối cùng, nghe xe lửa hú đằng xa, và nghe tiếng xe bò lạch cạch, lụp cụp trên đường nhựa.

Một lát sau, những chuyến xe đò đầu tiên trong ngày chạy ngang qua, nhắc lại lần nữa tai nạn của chàng.

Long bắt đầu băn khoăn. Ngày hôm qua chàng phải nằm luôn, để cho người ta dâng cơm và nước thì còn coi được. Hôm nay đã

ngồi dậy được nhưng vì chưa thể đi đứng nên phải ngồi mà ngó họ phục dịch mình như săn sóc đứa bé ba tháng, nó sẽ khó chịu cho mình biết bao!

Nghĩ tới đó, Long nằm xuống và quyết định giả đò chưa đỡ bớt để khỏi chịu cái ái ngại vừa thoáng thấy.

Ngày hôm đó những gì xảy ra hôm trước vẫn diễn lại y hệt: *cà-phê* sáng, đánh dầu, thoa bóp, báo sáng cơm trưa, nói chuyện với vài người nhà, v.v...

Long ngạc nhiên lắm mà không thấy bóng cô Hồng. Chàng nghe nói rằng hôm qua tới phiên cô ấy làm bếp. Nghĩa là hôm nay tới phiên người khác. Cớ sao cô ta không vào đấy?

Hôm nay chỉ có hai người săn sóc chàng: bà lang băm, lẽ cố nhiên, vì không ai đủ khả năng thay thế cho bà, và cô Quá bưng cơm nước vào.

Cô Hoa có lẽ đã tới phiên làm bếp nên không thấy dạng.

Muốn gặp mặt lại người đã gây tiếng sét trong lòng chàng, Long định hỏi tin cô ấy mà không dám. Chàng sốt ruột lắm, không phải vì ngỡ cô ấy đau ốm hay bị tai nạn gì, mà vì chàng cho rằng cô ta thờ ơ với chàng nên không buồn đến. Chàng sốt ruột muốn gặp mặt cô ta, nói qua nói lại vài lời để đoán ý nghĩ của cô.

Ngoài cái nôn nao ấy, Long lại thất vọng như một đứa bé được nuông chiều, cha mẹ bận một tí, quên cậu một tí là cậu nũng nịu ngay. Hôm qua, người ta ra vào tấp nập, chàng ngại lắm. Hôm nay, người ta ra vào vừa phải, chàng lại nghe tủi thân. Một con bịnh thì hai người săn sóc là đủ lắm rồi, còn đòi hỏi gì thêm? Thế mà...

Mãi cho đến xế chiều, Hương vào thoa thuốc lần thứ nhì, Long mới dám đánh bạo hỏi:

– Thưa cô, hôm nay ai làm bếp?

– Em Hoa tôi.

– Hèn chi tôi ăn nghe khác.

– Khác làm sao được, Hương cười mà cãi lại như vậy. Hôm qua ông chỉ ăn cháo. Bữa cơm hôm nay, cho dẫu ai nấu, ông cũng không thể nghe khác.

Long giựt mình. Thì ra, khi con người ta giả dối thì con người ta ló đuôi cùng khắp thân thể, không giấu được, mặc đâu khéo léo bao nhiêu. Nhưng chàng cũng cãi bướng:

– Nghe thấy được chớ. Bằng cớ là tôi đã nghe thấy.

Hương tánh thật thà, không nghi kỵ nên bỏ qua, rồi hỏi:

– Thế em Hoa tôi nấu có khéo hay không, ông?

– Khéo lắm, mỗi người một vẻ, nhưng ai cũng có đặc điểm riêng. Tôi chỉ ăn được món ăn của mẹ tôi nấu thôi, chị bếp ở nhà tôi chỉ được lặt rau, rửa chén là cùng. Quí cô là những người thứ nhứt, ngoài mẹ tôi, nấu ăn tôi ăn thấy ngon.

– Ông có khen quá lời hay không?

– Không, thật đó... à cô Hồng hôm nay chắc rảnh?

– Dạ, nó rảnh... nghĩa là nó khỏi làm bếp một ngày, nhưng cũng phải làm công việc khác.

– Nhà nhiều công việc lắm sao cô?

– Không nhiều, cũng chẳng ít: cho heo, cho gà ăn, hái rau bán chợ, săn sóc cây trồng, v.v...

– Nhưng cô Út vẫn vào đây được?

Ý Long muốn hỏi: "Bận thì ai cũng bận cả, sao người lại vào được, người thì không".

Nhưng chàng không dám nói rõ quá, thành ra Hương không hiểu, nên đáp không vừa ý chàng:

– Ấy, nó vào để đem cơm, đem nước cho ông.

– Mai nầy chắc tới phiên cô Út làm bếp?

– Dạ mai tới phiên nó.

Long đoán ngày mai cô Hồng sẽ đảm nhiệm phận sự đem cơm nước vào, nên bỗng vui rộn lên. Chàng nói, để che lấp nỗi vui quá trớn có thể lộ ra trên gương mặt chàng:

– Nhà nầy thật là trật tự. Làm việc gì cũng theo thứ tự từ trên xuống, hay từ dưới lên.

– Ấy, như vậy cho dễ nhớ là tới phiên ai, khỏi phải ghi ra giấy. Tránh được cãi chối lôi thôi.

– Kỷ luật lắm!

– Ba tôi bày ra những kỷ luật đó đa. Mới xem thì thấy quá nề nếp, quá khô khan nhưng hay lắm.

– Phải, hay lắm.

Hôm sau, cô Quá đi chợ chưa về, heo vừa thôi hét vì vừa được cho ăn, thì nhà có khách.

Người khách lạ hoắc, thế mà cả Thái-huyên trang đều biết là ai ngay từ khi người ấy mới bước qua cửa ngõ.

Ông Nam Thành đã giao thơ cho một anh lơ xe *lô-ca-xông* nhờ đem tận nhà, nên bà ấy mới hay tin sớm thế.

Bà khách vào trạc tuổi bà Nam Thành, không mập quá như bà, ăn mặc sang hơn, dáng điệu cũng rất sang.

Bà dòm bảng, thấy ba chữ *Thái-huyên trang,* rồi mới vào sân.

Trong khi bà Nam Thành chạy ra đón khách, thì ông giữ con chó lại, cô Hồng thì bước ra sau ngăn con trích kẻo nó làm xằng.

Hai bà nhìn nhau, chào nhau, rồi bà Nam Thành tươi cười hỏi:

– Có phải bà là bà phủ...

Không để chủ nhà phải hỏi hết câu, bà Phủ Ngãi đáp:

– Thưa phải. Còn bà là bà chủ Thái-huyên trang?

– Thưa phải. Mời bà vô nhà.

Khách tướng mạo oai vệ nhưng hơi bối rối trong lời nói, vì bà ta muốn nói hết nhiều thứ một lượt:

– Trời ơi, được tin, tôi điếng hồn ra. Tôi đội ơn ông bà hết sức đã cứu con tôi.

– Hề gì chuyện nhỏ ấy, thưa bà...

– ... rồi lại chịu cực khổ mà săn sóc nó...

– Không nhọc lắm đâu, thưa bà!

– ... nó đã đỡ chưa, thưa bà?

– Đỡ nhiều lắm.

– Thương tích làm sao, bà?

– Không bị thương tích nào hết, chỉ trặc chơn thôi.

– Hú vía, đó là nhờ hồng phước ông bà để lại chớ xe lật như vậy mà chỉ trặc chơn thôi thì thế gian hi hữu rồi.

Họ đã tới trong nhà. Ông Nam Thành bước ra thềm chào khách rồi mời khách vào. Cô Hoa rút xuống bếp để lo trà nước.

Bà khách vừa ngồi, đã nói lại những gì vừa nói với bà chủ nhà khi nãy. Ông Nam Thành cũng cãi là không có gì, chuyện nhỏ mọn ấy. Thấy bà khách hơi sốt ruột, chủ nhơn Thái-huyên trang hiểu ý, nên nói:

– Chắc bà nóng biết bịnh tình thầy ấy lắm. Xin mời bà bước sang bên nầy.

Bà phủ mừng quýnh lên, nhưng cô Hoa đã bưng trà ra, và bà Nam Thành mời nước. Để được đúng phép lịch sự, bà phủ nén lòng ngồi nán lại mà dùng trà. Bà hỏi:

– Thưa ông bà, cô em đây là con của ông bà?

– Thưa phải, nó là đứa thứ tư. Còn ba đứa nữa.

Bà phủ hớp nước nóng vội vàng khiến ông Nam Thành cũng sốt ruột đứng lên nói với vợ:

– Tôi với bà đưa bà phủ qua bên ấy nào!

Cả ba đều đứng lên. Ông Nam Thành đi trước dẫn đường.

– Bà cụ đã lên đây, thầy!

Ông chủ nhà mới bước qua cửa là đã nói to lên như vậy.

– Thưa ông, tôi nghe biết rõ rồi, tôi mừng quá.

Bấy giờ cô Hương săn sóc người bịnh cũng vừa xong. Bà phủ bước đến và được nghe giới thiệu: con thứ hai của tôi đó, bà Nam Thành nói rồi nhìn con mà rằng: "Bà phủ, thân mẫu của thầy đây".

Hương chào bà phủ rồi rút lui. Bà nầy chạy lại con, ôm đầu nó như nó còn bé lắm, rồi hai mẹ con khóc với nhau một hơi. Đoạn bà hỏi:

– Bây giờ con nghe trong mình làm sao?

– Không có sao hết, má à?

– Thật hay không, con đừng có dại mà giấu. Ấy thưa ông bà, thuở bé nó đi học, bị đòn lằn ngang, lằn dọc mà nó giấu tôi. Ngày nào tôi cũng phải khám xét cả.

Ông bà Nam Thành bật cười khi thấy bà phủ xem con cứ còn bé như trẻ lên mười. Long cũng cười ngất.

Có tiếng người xôn xao ngoài trước, rồi cô Hoa bước vào thưa rằng người nhà bà phủ đã đem đồ từ ngoài xe vào. Bà phủ như sực nhớ, nói:

– Xin phép ông bà, cho nó bước vào đây một lát, tôi có đem lên vài thứ cần dùng.

– Được, xin bà cứ bảo người nhà tự tiện.

Bà phủ đứng nơi cửa, ra dấu cho chị người nhà mang vào nào *va-li,* nào mền gối, nào giỏ đựng những ve hũ gì lu bù thứ và một gói sách thật bự.

Để cho mẹ con nói chuyện với nhau tự do, ông bà Nam Thành kín đáo bước trở ra buồng khách. Nhưng bà phủ cũng lót tót theo họ.

Trên bàn giữa nhà đã đặt nhiều gói đồ khiến ông bà Nam Thành chưng hửng. Bà phủ bước lại bàn, nhìn vợ chồng chủ nhơn Thái-huyên trang, rồi trịnh trọng nói:

– Thưa ông bà, cái ơn của ông bà, chúng tôi chỉ biết ghi vào lòng chớ không dám tính đến chuyện đền đáp bằng thứ gì được hết.

Nhưng hôm nay tôi đến thăm ông bà lần đầu, xin có chút quà mọn ra mắt, gọi là làm quen, mong ông bà không từ chối để ông bà với tôi kết nghĩa quen thuộc lâu dài.

Bà phủ nói văn hoa, và dài dòng, nhưng bà nói trôi chảy như đã quen nói như thế thường rồi.

Bà Nam Thành lau qua mép trần, rồi đáp:

– Theo phép lịch sự thì vợ chồng tôi phải nhận quà quý báu của bà, không thể từ được. Nhưng phải chi bà mang lên ít ít, gọi là tượng trưng thôi, thì vợ chồng tôi đỡ ngại biết bao.

– Thì ít đó chớ, thưa bà: chỉ có vài hộp bánh thôi, với lại vài chai rượu.

Ông Nam Thành xin mở các gói ra liền. Gói đầu là sáu hộp bánh Pháp hiệu L.U., gói thứ nhì là bốn chai *sâm-banh* hiệu MUM, gói thứ ba là khô gộc, toàn là xa-xí-phẩm mắt tiền không mà thôi.

– Nhiều quá! Ông Nam Thành nói và cười hiền lành.

– Chỉ có chút đỉnh thôi, để ông bà dùng lấy thảo đó mà.

Bà phủ tặng quà xong, xin phép vào trong.

Vì không đề khách lên sớm như vậy nên bà Nam Thành không có chuẩn bị cơm khách. Cô Quá đi chợ về, bà soát giỏ lại thì chẳng có gì để dọn lên coi được. Bà hối các cô lập thế ví gà, bắt vịt để làm một bữa cơm thịnh soạn đãi khách.

Nãy giờ Long mừng quá, đã ngồi dậy, không giả đò nữa. Chàng bước xuống đất đi thử, vẫn còn nghe đau, nhưng rán chịu được.

Chàng lần vách mà ra ngoài, nhưng mới chập chững ra tới cửa thì bà phủ cũng vừa bước vô.

Bà mẹ nầy la hoảng lên khiến cả nhà sợ hãi, chạy tới đó cả. Cả Thái-huyên trang đều mừng rỡ, mạnh ai nấy nói.

Các cô con gái trở nên e dè từ khi có mặt bà phủ, cũng quên khép nép, nói tía lia; cô Quá, tay đầy vảy cá, chạy đi rút cây chữ T còn mới, cất ở góc phòng, rồi trao cho Long mà rằng:

– Ông trở đầu chữ T lên, để dưới nách mà đi thì khỏi vịn vách nữa.

– Như ăn mày xách bị ấy à? Long cười và cả nhà cùng cười họa theo.

Long cảm động nâng dụng cụ kỳ lạ ấy lên mà xem. Có lẽ đây là một cái cán dùng đẩy chiếc bao bố lau nhà, mà gia đình vừa mua xong thì phải dọn lên đây.

Ở đây nền nhà không có lót gạch, thành ra món ấy chưa được dùng lần nào, lại hóa vô dụng.

Chàng kẹo đầu chữ T vào nách và lần lần bước ra ngoài, cả nhà hồi hộp bước theo như để theo dõi nhưng bước đầu của một đứa con trong gia đình.

Hồi hộp hơn hết là bà phủ. Bà lo sợ nhìn con chập chững bước, cảm động hồi tưởng lại ngày xa xưa kia mà bà đã sung sướng kèm sát một bên cậu bé mới tập đi.

Họ đã ra tới ngoài. Ôi, đời đẹp làm sao! Long nghe như mình vừa sống lại, đứng nhìn hết căn phòng đến sân vườn, rồi con lộ trước nhà, rồi cánh đồng bên kia lộ.

Cả nhà như kính nể nỗi vui thầm lặng của con bịnh vừa hơi khỏi, nên cũng đứng sau đó mà làm thinh.

Long thấy chiếc xe của mình nằm ngửa thì buồn cười lắm, day qua nói với ông Nam Thành:

– Xe lật như vậy, mà tôi không chết thì chẳng hiểu tại sao.

– Đừng có nói dại không nên, bà phủ rầy con.

Ngoài đường, ngay cửa ngõ, đang đậu một chiếc xe *trắc-xông* giống hệt chiếc đang nằm ụ trong sân.

– Nhà sắm tới hai chiếc xe lận sao bà? Bà Nam Thành hỏi.

– Dạ không, xe tôi dùng lên đây bữa nay là xe của chú nó. Tôi không đi đâu cả, nên không sắm xe làm gì. Chiếc xe lật là xe riêng của nó.

Họ vừa nói tới đó thì xe hãng bảo kê lên tới. Long đã viết hai bức thơ, một cho mẹ và một cho hãng bảo hiểm.

Nhân viên hãng vào nhà chào mọi người, rồi hỏi thăm Long mọi trường hợp xảy ra tai nạn. Xong đâu đấy, họ ra để lật xe lại mà kéo về.

Các cô con gái đã tập hợp hết ở nhà dưới để làm cơm. Long xin phép ngồi trên chiếc ghế ở góc phòng.

Bà Nam Thành nói với bà phủ:

– Không mấy thuở bà lên, vợ chồng tôi mời quyết bà ở lại dùng với vợ chồng tôi một bữa cơm trưa lấy thảo, với lại để mừng cho thầy đây qua khỏi được cơn nguy.

– Phải, hôm nay là ngày vui mừng, xin bà đừng bỏ qua, ông Nam Thành nài nỉ thêm.

Bà phủ cười, nói:

– Đã chịu ơn nặng của ông bà, mà bây giờ còn làm rộn ông bà thêm thì là không biết điều lắm. Nhưng bà thật tình quá, tôi từ chối càng lỗi thêm. Vậy xin làm phiền ông bà bữa cơm khách nầy nữa.

– Không phiền rộn gì đâu, bà đừng ngại. Bà dùng cơm ở đây là làm danh dự cho vợ chồng tôi đó.

Họ làm thinh giây lát vì chủ nhà không biết nói gì thêm để nuôi nấng câu chuyện. Bà phủ nhìn con, rồi day qua vợ chồng ông Nam Thành mà rằng:

– Tôi xin ông bà một điều là đừng kêu thằng nhỏ bằng thầy nữa. Cháu nó chỉ đáng con cháu ông bà thôi. Huống chi, nay nó đã mang ơn cứu sống của ông bà thì ông bà càng có quyền xem nó như con cháu.

Tôi thì nghĩ như vậy, mà không biết sự xưng hô thân mật có làm ông bà khó chịu hay không. Cái đó xin tùy ở ông bà. Nhưng nếu ông bà dễ dãi cho thì cũng nên cho phép nó xưng hô khác đi, cho ra vẻ thân hơn.

Theo người miền Bắc, đâu ra đó, thì nó phải kêu ông bà bằng cụ mới đúng cho. Ta không quen dùng tiếng cụ, kêu ông bà thì kém lễ độ. Thôi thì kêu như người thân, nghĩ có hơn không?

Ông Nam Thành cười ra tiếng:

– Hổm nay tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng chưa có dịp nói ra, vả lại, không biết tánh ý của... của...

– Ông cứ kêu nó bằng cháu đi.

– ... của cháu đây ra làm sao. Nay bà dạy như vậy, vợ chồng tôi thấy rất hợp lý.

Long đứng lên thưa:

– Thưa hai bác, nếu hai bác cho phép cháu xưng hô thân mật, cháu đội ơn hai bác lắm.

– Ừ, thân mật thì tốt hơn.

Hai mâm cơm dọn ra trên chiếc bàn dài, mỗi mâm bốn người ăn.

Anh tài xế và chị người nhà nài nỉ xin phần đem ra xe ăn, nói là để giữ xe. Thật ra, họ tinh khôn, biết nhà không khá giả, ăn trong nầy báo người nhà phải dọn một chiếu dưới nữa thì khổ cho người ta.

Vợ chồng ông chú Thái-huyên trang, bà phủ và Long ngồi mâm đầu ngoài. Bốn cô gái ngồi mâm đầu trong.

Bà phủ có dịp quan sát từng cô gái một. Bà có cảm tình ngay đối với các cô vì bà thấy đó là những cô gái hiền lương con nhà có giáo dục. Chỉ có thế thôi, bà không nghe gì khác hơn nữa.

Bà hỏi bà Nam Thành:

– Thưa bà, các cô đây, đã cô nào có đôi bạn chưa bà?

– Xin bà cứ kêu chúng bằng cháu. Có qua có lại mà! Thưa chưa, đứa nào cũng còn ở với tôi hết.

Không hỏi, ra lẽ vô tình; mà hỏi lỡ rồi, biết được sự thật, bà phủ ngại quá. Bà lo chủ nhà khó chịu vì sự muộn chồng của con họ.

Nhưng ông bà Nam Thành vẫn tự nhiên như thường. Các cô gái Thái-huyên trang cũng vẫn bình thản ngồi ăn. Họ không hề bị tự ti mặc cảm vì tình trạng của họ.

– Món gà xào măng mạnh-tông nầy khéo quá, bà phủ khen.

Rồi bà thêm:

– Hễ khéo thì làm gì cũng khéo. Mà không cần làm gì rắc rối, nội cái món nước mắm tương ớt đủ tỏ tài các cháu rồi đó.

– Thưa má, Long nói, từ thuở giờ con chỉ ăn được có món ăn do má làm. Nay con lại ăn thấy ngon món ăn của bốn cô đây.

– Tài chúng nó xoàng thôi. (Bà Nam Thành đỡ cho con gái khỏi bối rối trước mấy lời khen tặng trên đây mà bà nhận rằng thật ra không phải là quá đáng). Chẳng qua là bà với cháu đây lạ miệng nên ăn nghe ngon đó thôi. Tôi cũng thế, ở nhà sao mà ăn khó khăn quá, mà hễ tới đâu là ăn quên thôi. Còn cậu Long đây thì ăn lại sức đó mà!

Trong khi người lớn nói chuyện khách sáo với nhau, Long duyệt lại bốn người bạn gái mới, so sánh dung nhan của họ và nhận rằng

những cảm giác buổi đầu của chàng không sai. Hồng đẹp nhứt, kế đến Hòa, Hương thì già rồi, còn Quá thì lại trẻ con quá.

– Nếu hôm nay tôi không ngồi dậy được thì cô nào cho tôi ăn cơm? Chàng cười, hỏi một cách cố thờ ơ nhưng rất nóng đợi câu trả lời, vì chàng muốn thử xem sự đoán của chàng có đúng hay không.

– Tôi đó, ông à, cô Hồng đáp.

Quả chàng đoán không sai. Bà Nam Thành nghe lối xưng hô của con, nói vói vào bàn trong:

– Các con kêu anh bằng anh, và xưng làm em. Ba má đã thỏa thuận với... với... bác đây rồi.

Long tiếc lắm. Chàng mong đợi phiên Hồng. Nhưng đến cái phiên ấy, chàng đã phải ngồi dậy. Từ đây đến ngày về, sẽ phải ăn cơm ở đây hoài, không còn nói chuyện tay đôi với Hồng được nữa.

Không tìm được gì thêm về vấn đề cho ăn cơm, Long bước đột ngột sang chuyện khác.

– Chắc các cô thích *xi-nê* lắm? Trên bàn tôi có đến hai tuần báo về chiếu bóng và ba tập san về chuyện *phim.*

Tôi có máy chiếu *phim* 16 ly, để rồi tôi cho mang lên đây, cả *phim* nữa, để chiếu cho các cô xem đỡ buồn, ở đây chắc là đi *xi-nê* bất tiện lắm.

– Nhưng lấy điện ở đâu ra, anh? Quá, cô gái ghiền *xi-nê,* lo lắng hỏi điều đó.

– Tôi làm ra điện được.

– Được thật hả anh?

– Nghĩa là phải có máy móc, nhưng chỉ giản tiện thôi.

Cô Hương nghĩ ngay đến đám học trò của các cô, nên nói:

– Trẻ xóm nầy sẽ mừng biết bao nhiêu. Phần đông chưa biết chiếu bóng là gì hết.

– Sẽ có *phim* tuồng tích cho các cô, *phim* diễu và *phim* tài liệu cho trẻ nhỏ.

Khi bữa ăn đã xong, bà phủ vừa uống trà vừa nói với con:

– Nay con đã rán dậy được, má tự hỏi con có nên tiếp tục lạm dụng lòng tốt của ông bà Thái-huyên trang và các cháu đây không? Con nghĩ sao?

Long chưa kịp đáp thì ông Nam Thành đã phản đối:

– Xin bà chớ vội vàng quá. Anh Long coi vậy mà còn yếu, tuy biết về cũng chẳng sao, nhưng chuyện đi đứng mệt nhọc quá sớm nầy sẽ làm chậm trễ sự bình phục của anh ấy.

Ông Nam Thành dùng tiếng "anh" lịch sự của miền Bắc để gọi Long, vì chính ông cũng chưa quen gọi anh họa sĩ mắc nạn nầy bằng cháu.

Bà Nam Thành cũng thêm:

– Ai cũng nói xương không gãy. Không gãy mà nó lọi. Nay nó vừa đỡ bớt, bắt nó làm việc sớm quá, biết nó lọi nữa hay không, thưa bà?

Long nãy giờ có dáng nghĩ suy nhiều, thưa:

– Con nghĩ, đã trót làm phiền hai bác và các cô đây, thì dẫu cho bây giờ có đi ngay thì cũng đã quấy rầy Thái-huyên trang nhiều lắm rồi.

Thôi thì đã mang ơn, cứ mang ơn, nếu hai bác đây còn tiếp tục chịu phiền bực nữa được. Mà con tin hai bác và các cô sẵn lòng giúp con thêm. Thưa má, chơn con đã đỡ nhiều, nhưng con cần nghỉ ngơi. Về dưới, nghỉ không bằng ở đây, mà đi nơi khác trong lúc còn yếu thì bất tiện lắm.

Bà phủ nói với chủ nhà:

– Riêng tôi, tôi thật ngại lắm. Tiếp một người khách thường trong một vài hôm, đã nhọc lắm rồi, còn tiếp một con bịnh trong một thời gian không nhứt định thì sẽ khổ cho ông bà biết bao.

– Vợ chồng tôi đã thật tình mà nói là không hề gì. Xin bà cứ tin như thế đi.

– Tôi xin tin như vậy. Thôi, tôi cũng chiều con mà để nó làm phiền ông bà thêm một lần nữa. Tôi không biết điều lắm đó. Nhưng...

– Bà dè dặt quá. Vợ chồng tôi không có bổn phận phải giữ anh ấy lại đây lâu thêm, mà chúng tôi vẫn giữ là vì thật tình muốn giữ đó, thưa bà.

Bà phủ về Sài-gòn hôm thứ sáu. Sáng chúa nhật thì Bằng lên chơi thật sớm với ba người bạn của anh, một gái hai trai.

Mỉa mai thật! Trước kia, người ta đợi khách mãi mà chẳng có ma nào đến. Bây giờ người ta đang có khách quý, đang bận rộn vì ông khách quý đó thì họ kéo nhau cả bầy, cả lũ lên đây.

Cả ba người bạn của Bằng hôm nay đều lạ hoắc đối với các cô. Bằng giới thiệu:

– Chị Thu Ba, anh Tế, anh Sang.

Ba cái tên ấy họ cũng chưa nghe bao giờ.

– Bạn anh là bạn tôi, bốn chị em Thái-huyên trang đồng nói và cũng tiếp đón niềm nở họ, đúng điệu bạn trẻ với nhau.

– Có gì lạ anh Bằng? Quá hỏi.

– Chỉ có mỗi một việc lạ thôi, là chị Xuyến được chọn đóng *phim.*

– Ồ, thích quá!

– Nhưng chị ấy lại không được đóng *phim.*

– Sao lạ vậy?

– Vì vị hôn phu của chị là anh Thịnh gởi tối-hậu-thơ cho chỉ, nói hễ chỉ mà đóng *phim* thì ảnh từ hôn ngay.

– Vậy rồi chỉ chịu thua? Chúa ngục!

– Nếu cô ở vào địa vị của chị Xuyến?

– Thì em chọn một cái một: Đóng *phim.*

Bằng cười chế nhạo Quá. Hai người bạn trai của anh cũng cười bằng giọng ấy. Nhưng cô Thu Ba lại về phe với các cô gái Thái-huyên trang, và hỏi:

– Tại sao các anh lại cười?

– Tại chúng tôi vui.

– Tại sao các anh lại vui?

– Vì thấy phụ nữ cương quyết lắm, say mê nghệ thuật lắm. Các cô bỏ hai món lên mân cân, rồi thì cái món "anh chồng" thấy nhẹ hểu như tim bấc.

– Đó là tại anh chồng ấy tồi.

– Nếu không cho vợ đóng *phim* là tồi thì trong xã hội Việt-nam có rất nhiều đấng nam nhi tồi lắm.

– Trong đó có cả anh, Hoa nói.

– Thôi chấm dứt chuyện Sài-gòn. Ở đây có gì lạ? Bằng hỏi.

Cả bốn chị em Thái-huyên trang đều nhìn nhau mà cười, khiến Bằng đoán được là có chuyện gì đây. Chàng nói:

– Tôi đọc thơ cô Hoa, nghe tên hai người: anh Xòn và cậu công tử *bi-da-ma* hường được nhắc đến luôn. Cậu công tử ấy đi coi mắt cô Quá chắc?

Hoa vỗ tay khen:

– Hay! Anh là thầy bói ở núi nào về vậy, mà đoán việc như thần?

Quá chỉ cười hăng hắt mà không chịu đính chánh, khiến ba người khách hiểu ngay đó là lời đùa, nên họ cũng cười theo.

Tế nói:

– Chúng tôi muốn xem cho biết cái cần-vọt thế nào, anh Bằng đưa chúng tôi đi ngay kẻo nắng.

– Nhỏ em dữ! muốn xem thì tự đi lấy. Lại phải dắt đi nữa? Đó, rừng cần-vọt mọc lên phía sau xóm trong đó.

Quá đề nghị sốt sắng:

– Chị và hai anh để tôi đưa đi cho.

Bằng phản đối:

– Ba đứa nầy thì cô khỏi đưa. Chúng nó tự xưng là thổ-công ở mọi nơi đó mà!

Ba người bạn Sài-gòn cười hì hì rồi dắt nhau đi vào xóm trong.

Khi họ đã đi xa, Hoa nói với Bằng:

– Có chuyện lạ nầy: một anh chàng lật xe trước sân rồi con Quá nó ra tay nghĩa hiệp đem vào nhà, biến nhà thành nhà thương, rồi chị Hương ra tay lang băm săn sóc hổm nay.

Bằng ngạc nhiên, hỏi:

– Thật à?

– Thì anh cứ vào mà xem. Hắn nằm trại số 1, buồng thượng hạng, giường cũng số 1.

– Xí, bộ chỉ có một mình em đem hắn vào nhà à? Cô Quá cãi.

– Nhưng chỉ có một mình mầy là rối lên, và tận tâm săn sóc hắn thôi.

– Chưa chắc!

Bằng trừng các cô em bằng đôi mắt trách cứ, rồi nói:

– Các cô lãng mạn vừa vừa chớ. Bây giờ đến lượm xác bất kỳ anh tài xế chạy ẩu nào để nuôi trong nhà thì...

– Không, hắn không phải là tài xế...

– Nhưng hắn lái xe, thì cũng thế...

– Hắn, người đàng hoàng lắm...

– Đâm xe vào lề đường không phải là một cái giấy chứng chỉ tốt đâu, các cô em à.

– Đứng đắn lắm mà, Hắn tên là Long, họa sĩ Long. Anh có quen hay không?

– Chưa biết, phải nhìn mặt mới rõ. Tôi quen đến cả lô người tên Long.

– Vậy anh vô đó xem.

– Ta đi nào! Ưng ai hắn không phải là họa sĩ giả cho tôi khỏi thất vọng.

– Xí, nếu muốn làm oai, người ta xưng sĩ quan, *đốc-tơ* chớ ai lại xưng là họa sĩ làm gì.

– Biết đâu? *Họa-sĩ nghe nên thơ hơn. Các cô gái lãng mạn như cô thì phục họa sĩ hơn là đốc-tơ.*

– Xuyt, đừng nói nữa, hắn nghe đa!

Họ vào tới nhà. Có Quá đi trước, rồi theo sau cô, Bằng và Hoa. Hương và Hồng đã ra sau bếp để lo bữa cơm khách.

Long đang đọc báo tuần, nghe động, ngước lên. Hai người đờn ông gặp nhau và cùng một lượt cả hai đều đưa tay ra, như quen biết đã từ lâu.

– Hai anh đã quen nhau rồi đó chớ? Hoa hỏi.

– Quen mặt. Bằng cười và đáp như vậy.

– Tôi cũng quen mặt anh bạn đây nhiều lắm. Ta đã gặp nhau ở đâu?

– Có lẽ khắp mọi nơi nào mà tuổi trẻ ưa tới lui. Tôi là Bằng, anh họ của các cô đây.

– Tôi là Long, và tiểu sử tôi, đoạn sau, chắc các cô đã kể cho anh nghe rồi.

– Đoạn trước chắc hay hơn nhiều? Bằng hỏi đùa.

Cả bốn đều cười xòa. Rồi Long cãi:

– Thường thường, các nhà văn hễ bí lắm thì mới cho nhân vật bị đụng xe. Bí tức là đoạn trước không lối thoát và, vì thế, không hay. Đụng xe xong mà không chết, thì câu chuyện sẽ kéo dài bằng nhiều động tác ngộ nghĩnh được, mới hay được.

Bằng vừa la lên, vừa vỗ trán mà hỏi:

– Có phải anh đã triển lãm tranh ở hẻm Eden năm kia đó không?

– Chính tôi đó.

– Thế thì đoạn trước hay lắm và cũng khá lành mạnh. Anh Long đã đưa tôi đi xem triển lãm và đã nói nhiều về anh. Thôi, anh nghỉ, ta sẽ nói chuyện nhiều hơn.

Bằng là người yên lòng nhứt. Anh cứ lo các cô em họ của anh nuôi phải một tên phiêu lưu.

Thế nào anh Bằng? cô Quá sốt ruột hỏi, khi ra tới ngoài.

– Người đàng hoàng, có thể làm bạn được.

– May quá.

– Sao lại may?

– Vì, nếu là người tầm bậy, anh sẽ cười cho mà chết.

Ba người khách xem cần-vọt vừa về tới nhà thì Long cũng đã vừa ra ngoài.

Sang nói:

– Ngỡ gì! Cái cần-vọt mình đã thấy rồi trong tự điển Larousse.

– Nông cụ xứ nào vậy? Trong đó có nói rõ hay không? Long hỏi.

– Có, đó là nông cụ của xứ cổ Ai-cập.

– Mình vẫn còn dùng thì xứ mình là cổ Việt-nam đó.

Quá mời họ vào phòng bịnh, rồi giới thiệu:

– Anh Long, họa sĩ, chị Thu Ba, anh Tế, anh Sang, bạn ở Sài-gòn lên chơi.

– Hận hạnh!

– Hận hạnh!

– Hận hạnh!

– Hận hạnh!

Long đùa:

– Cô Quá giới thiệu chưa hết lời, phải nói rõ là: "Long họa sĩ cà nhắc" mới đúng.

Trong báo thấy có *Nghệ sĩ mù, Nghệ sĩ cà lăm.* Bây giờ lại có *Họa sĩ cà nhắc* nữa.

Quá có dịp so sánh ba người khách bạn trai. Long không đẹp hơn hai người kia, có phần nào xấu hơn họ ở chỗ thân thể không được nở nang lắm. Nhưng toàn thể người họa sĩ nầy, thở ra một vẻ gì khác lạ nàng không nói được mà vẫn cảm thấy. Vẻ ấy cho chàng trai nghệ sĩ một biệt sắc dễ mến mà những người khác không có.

Đến chiều, Bằng và ba người bạn Sài-gòn về, bốn cô gái Thái-huyên trang đưa họ một đỗi đường. Nhưng bốn cô không nghe buồn buồn như bị họ mang đi mất cái không khí vui vẻ của những

ngày chủ nhựt trước. Bởi vì, không khí ấy còn nguyên ở đây với người khách ăn dầm nằm dề từ hổm rày.

Tối hôm ấy, cả mấy chị em đều bị bắt làm khổ dịch gói bánh tét bánh ít để cúng giỗ ngày mai, trừ cô Hồng ra, vì khi sáng cô làm cá bị đứt tay.

Chưa giao thiệp rộng với người trong vùng, và đám giỗ chỉ sẽ sơ sịa thôi, nhưng bà Nam Thành nhớ lệ cũ, cứ làm bánh làm trái lu bù. "Để cho con nó học". Bà nói với ông như vậy.

Mưa đầu mùa vài mươi đám liên tiếp, rồi ngưng lại rất lâu. Trời nóng bức như chưa mưa bao giờ cả.

Như có ai rắc những hạt vàng trên nền trời đen thẫm, những hạt vàng long lanh, tuy nhỏ li ti mà cũng soi sáng được cảnh bao la dưới nầy, cỡ ngồi gần nhau, hai người thấy mặt nhau được khá rõ như nhà thắp đèn dầu.

Long cà nhắc lôi từ nhà ra sân chiếc ghế bố dài kiểu tàu thủy, rồi mở ra để nằm mà ngắm đầu hôm.

Trời đêm nay khác hẳn trời của cái đêm mà chàng vỡ lòng yêu. Đêm ấy sáng trăng trên sông Đồng-nai, ngoại giới và nội tâm chàng thuở ấy đều vang lên điệu thơ tình ái.

Khác hẳn nhưng chàng lại nghĩ đến đêm đó là vì lòng chàng, sau nhiều thất vọng chua cay, mấy hôm nay lại bắt đầu bâng khuâng như lòng gã trai tơ.

Đêm sao không thơ mộng bằng đêm trăng, nên chi bâng khuâng của Long cũng xa huyền ảo hơn. Đây là một mối bâng khuâng mơ màng lắm, chàng không chỉ mơ yêu, mà yêu hẳn, không chỉ yêu hẳn thôi, mà lại quyết định kết nghĩa vợ chồng với người chàng yêu.

Không, đã qua rồi, tuổi phiêu lưu tình ái. Chàng không được phép yêu suông nữa, mặc dầu chàng là nghệ sĩ.

Gia đình nầy hiền lành quá, một là nên xa hẳn họ, hai là nên chánh-thức-hóa, hợp-pháp-hóa, tình cảm của mình. Không, không nên để cho người ta phải khổ.

Long còn đang nghĩ vẩn vơ thì có tiếng bước đạp lên sỏi, lên lá khô, khiến chàng day đầu ra sau mà ngó.

Bóng một người thiếu nữ lướt đến nhẹ nhàng. Chưa nhận được ai, mà sao chàng cảm giác rằng đó là Hồng, người chàng mong đợi đêm nay, mong đợi bâng quơ và không mảy may hy vọng gặp mặt được người mà mấy ngày rày chàng chưa hề có dịp trao lời, trừ cái đêm đầu vừa tính cơn ngất lịm.

Long ngồi dậy ngay ngắn thì thiếu nữ đã tới bên chàng và quả người đó là Hồng.

– Chào cô Hồng.

– Chào anh.

Hồng tay xách một chiếc ghế một, đặt ghế xuống sân và sắp ngồi. Long đứng lên nói:

– Cô ngồi ghế bố, dễ chịu hơn.

– Không, để anh nằm nghỉ. Em nói câu chuyện rồi đi ngay.

Lạ! Long băn khoăn tự hỏi. Nàng có câu chuyện gì mà xem ra trịnh trọng như thế? Chàng hồi hộp ngồi trở xuống, nín và đợi nghe câu chuyện có lẽ là dữ, nó bắt chàng lo lắng vô cùng.

– Mấy bữa rày anh nghe thật khỏe chớ? Hồng hỏi.

– Thưa cô, khỏe nhiều lắm. Cái chơn cũng đỡ. Chắc vài bữa nữa là tôi đi ngay ngắn được.

– Bữa nay anh có chắc là anh không chết hay không.

Long buồn cười quá. Thì ra, cô gái muốn chế anh đã kêu chết om trời hôm nọ. Anh sắp cười ra tiếng nhưng chợt nhìn kỹ thì thấy Hồng nghiêm trang hơn bao giờ cả, nên anh hoảng và nín im.

– Thưa cô, đêm đó tôi sợ hãi thái quá nên nói xàm vậy thôi!

– Nếu như vậy thì tôi trả anh món ấy được?

– Món gì, thưa cô?

– Lạ! Đêm ấy anh đã thiết tha, căn dặn về tấm *lắc* dữ lắm, mà sao...

À, Long đã nhớ ra rồi. Tấm *lắc* bằng bạch kim! Chàng đã nói láo về tấm *lắc* ấy, nên quên nó mất.

– Dạ, tôi ngỡ cô nói gì khác. Vâng, xin cô cho lại cũng tốt.

– Lẽ cố nhiên là em phải trả lại anh. Tấm *lắc* và câu chuyện ấy, em định là không muốn cho ai biết, nên hổm nay, em không có kể cho ai nghe cả và đợi dịp để giao lại anh. Dịp ấy là bây giờ đây.

Nói rồi Hồng lấy trong túi ra một gói giấy nhỏ trao cho Long.

– Cám ơn cô!

Sợ cô gái hết chuyện nói, đứng lên mà đi ngay, Long hấp tấp ca ngợi cảnh vật, không có câu bắc cầu giữa chuyện giao trả nữ trang và chuyện trời, chuyện đất.

– Đêm đẹp quá, phải không cô Hồng?

– Dạ, đẹp quá.

Long quýnh lên vì chàng không biết nói gì thêm để giữ cô gái lại, mà Hồng thì có thể đi bây giờ đây.

Lạ quá, chàng không nhát gái, mà hễ nói chuyện với phụ nữ thì thường chàng hoạt bát ra giỏi hơn cả nói chuyện với đàn ông. Dường như là đơn bà con gái đẹp, gợi hứng cho chàng nói giỏi. Nhưng sao giờ đây, hứng kéo về cả bầy, cả lũ, mà chàng tìm không ra một câu nói tầm thường. Rốt cuộc, chàng định khách sáo trở lại về công khó của Thái-huyên trang.

– Nếu đêm hôm đó mà được khô ráo, trong trời như thế nầy, chắc hai bác và quí cô đã đỡ khổ hơn nhiều.

– Nhưng nếu khô rào thì anh đã không trợt bánh, không bị tai nạn.

– À, đúng như vậy, và tôi không bao giờ được quen biết Thái-huyên trang cả. Thành ra rủi, mà may. Không nhớ xứ nào có câu tục ngữ "Cái họa cũng hữu ích cho việc gì". Nhưng tôi nói may là may cho tôi. Thật ra, đó là một tai nạn cho hai bác và quí cô.

– Không, vòng quen biết được nới rộng ra chừng nào thì hay chừng nấy, thưa anh.

– Nhưng nới rộng trong sự dễ dàng thì hay, chớ nới rộng bằng cách túi bụi săn sóc một con bịnh thì...

– Nói ra thì thiển cận quá. Nhưng chắc anh cũng dư biết rằng kẻ sung sướng là kẻ thi ơn chớ không phải kẻ chịu ơn, nếu có ơn gì.

– Điểm tâm lý đó, Âu-châu quá hay chăng?

– Em nghiệm ra thì thấy nó vẫn đúng với người Việt-nam. Đó là điểm tâm lý của con người chớ không phải của riêng dân tộc nào.

– Riêng phần tôi, tôi thấy đó là một may mắn lớn cho tôi. Nhờ vậy mà tôi được biết cô, và mới có buổi nói chuyện đêm nay, nó sẽ là kỷ niệm đẹp nhứt của đời tôi.

Hồng lo người khách lại bạo lời như đêm đó nữa, nên lảng sang chuyện khác.

– Thường thường anh vẽ gì và ký tên là gì mà em chưa hề thấy tranh của anh?

– Dạ, tôi chỉ vẽ tranh lớn, chớ không có minh họa bài báo, hay vẽ tranh nhỏ để bán, nên cô không thấy cũng phải. Tôi ký tên thật là Long.

– Tranh lớn sao khó hiểu quá vậy anh! Chắc phải có học qua nghệ thuật hội họa mới...

– Không cần phải học mới hiểu được. Có giáo dục về nghệ thuật là đủ rồi. Bằng không, chỉ cần thông minh cũng hiểu được. Như cô, tôi tin chắc cô hiểu ngay.

– Không, em có xem triển lãm mấy lần, mà cả mấy lần đều không hiểu.

– Cô nói ra không được đó thôi, chớ cô biết tranh nào đẹp hơn tranh nào. Nhứt khi so sánh hai bức tranh cùng một đầu đề do hai người vẽ, người thông minh và có óc thẩm mỹ đôi chút sẽ chỉ ngay được bức họa nào đẹp hơn.

Hồng thì muốn đưa câu chuyện sang những nẻo không nguy hiểm như thế, nhưng Long lại muốn hướng nó qua nẻo chàng định. Hai người giống hai nhơn viên gác nhíp đường rầy xe lửa, nhưng anh nhơn viên đực rựa, là một tay âm mưu phá hoại, định cho xe chạy vào một nơi có thể đụng chướng ngại một cái rầm, rồi đầu xe sẽ tan vỡ ra từng mảnh. Chàng liền chuyển hướng:

– Với lại vẽ đẹp còn tùy thuộc tâm trạng con người lúc nào đó. Thường thường, người ta bảo đêm trăng đẹp. Nhưng tôi, tôi lại thấy đêm sao đẹp hơn. Phải không cô?

– Dạ đẹp lắm!

– Đêm sao thì sâu thăm thẳm và huyền bí quá, như mắt của một người có tâm sự gì u ẩn, như mắt của... cô chẳng hạn.

Hồng giựt nẩy mình. Chiếc xe đã bị đưa qua nẻo khác trong một lúc nàng lơ đễnh để kẻ âm mưu giựt được cần nhíp. Lần nầy xe đã vào xa trên nẻo mới nên nàng không thể đột ngột kéo nó qua đường khác một cách êm dịu được. Đành là phải bằng lòng đi trên con đường ấy, rồi sẽ hay.

– Anh thi sĩ quá. Nhưng mắt em có gì là huyền bí đâu?

– Thi sĩ à? Tôi chỉ mong có cái tài thi sĩ để nói ngay ra được những gì nó đang sôi nổi trong lòng tôi. Vẽ vời thì chậm quá! Tôi ganh tị với những kẻ biết trang sức tình cảm của họ bằng những lời diễm ảo, chớ rung động rồi phải đợi lâu lắm mới ghi lại được như tôi thì cũng hoài.

Long thấy được là Hồng bị xúc động. Chàng sợ xúc động ấy chỉ phù du thôi, rồi cô gái sẽ giận chàng quá bạo lời, nên vội xin lỗi:

– Xin cô thứ lỗi cho. Tất cả những cảm nghĩ mà tôi vừa nói ra, đã đến thình lình, đến một cách kỳ dị mà tôi không còn tự chủ được.

Hồng vẫn làm thinh. Tim nàng bị lay động một cách dễ chịu, nàng như đang say cái say thần tiên mà năm nào nàng đã say qua rồi.

Bỗng như chợt tỉnh cơn mê, Hồng hoảng hốt đứng lên, tay xách ghế, miệng nói:

– Ý chết, em quên ngâm đậu xanh. Thôi anh nằm nghỉ mát nhé.

Rồi cô ta quày quã đi vô, hấp tấp như sợ bị ai rượt bắt.

Long ngả người trên ghế, nhìn cái đêm và tưởng đến cái người, cả hai đều sâu thẳm và huyền bí bao la.

Chàng yêu Hồng vì Hồng đẹp, cố nhiên, và vì Hồng thuộc vào một gia đình mà chàng mến. Nhưng lẽ chánh là vì Hồng yên lặng quá, kín đáo quá, khiến chàng ham khám phá một tâm hồn mà chàng đoán là đang ủ kín tâm sự gì, hoặc những ý tình gì hay lạ.

Cúng giỗ rồi qua ngày sau nữa, bà phủ lại lên, mang lên đủ thứ đồ cần thiết mà con bà đòi hỏi, với lại quà cho ông và bà Nam Thành và bốn cô gái.

Không lên, sợ người ta nói là bỏ phú con, mà lên mãi lại ngại làm phiền chủ nhà. Nên chi bà xin phép về ngay.

Suốt ngày hôm đó Long bận lắp cái máy điện nhỏ, hì hục mãi cho đến tối mới xong.

Cả nhà còn đang ăn cơm mà trẻ con lối xóm đã tề tựu đông đảo ngoài sân rồi, vì cô Quá khi sáng đã đi quảng cáo từ xóm lò rèn đến xóm công tử áo hường, khiến Long phải ăn hối hả để xong bữa cơm cho sớm đặng đi căng màn.

Họa sĩ cà nhắc bỗng biến thành anh chàng chiếu bóng dạo, tuy không càn *rờ-xết* mà rất lo lắng cho buổi chiếu bóng được suôn sẻ, nhứt là lo *phim* không vừa ý khách.

Phim đầu là một *phim* tài liệu về nghề trồng thuốc ở Havane, chàng chọn nó vì đề tài của cuốn *phim* dính líu đến đời sống trong xóm nầy.

Phim kế là một việc thời sự liên hệ đến *phim* đầu: cuộc thi hút *xì-gà* giữ nguyên tàn, cũng ở Havane. Ồ, những điếu thuốc *xì-gà* dài làu sao! Mà mấy người dự thi mới tài chớ! Họ hút mãi, tàn thuốc cứ mỗi lúc một dài thêm ra mà không hề bể, không hề rơi xuống.

Phim câm, nhưng vẫn nói. Người nói đó là Long. Chàng nói có duyên hơn bao giờ cả, phê bình trào phúng những nhơn vật dự thi, đùa cái mũi của ông nầy, cái trán của lão nọ; khiến cả sàn đều cười nôn ruột.

Phim thứ ba cũng là *phim* tài liệu: cảnh săn cá voi ở các biển Bắc. Lần đầu tiên trẻ con trong xóm thấy hình ảnh biển cả, có một ý niệm về đại dương và hàng hải, nên chúng mê thích lắm.

Phim cuối cùng cho trẻ con là một cuộn *phim* hoạt họa khôi hài chọc cho trẻ nhỏ cười lăn chiêng.

Long bật đèn sáng lên rồi tuyên bố hết, khiến đám nhi đồng nầy tiếc hùi hụi vì cuộc vui chóng tàn. Trong khi Long đi xem lại cái máy đèn, thì ông bà Nam Thành cũng ngỡ hết thật nên lo dọn ghế vô nhà một lượt với trẻ nhỏ đang giải tán.

Long ra hiệu bảo Quá lại gần chàng, rồi chàng bảo nhỏ với cô nên mời kín đáo ông bà ở lại. Khi trẻ nhỏ vào hết trong xóm, Long bắt đầu chiếu *phim* riêng cho Thái-huyên trang xem.

Đây cũng là *phim* đen và câm, cũ quá nhưng còn xem được. *Phim* tiểu-thuyết-hóa đời tình ái đau thương của thi sĩ Đức Henri Heine.

Henri Heine mồ côi, ở với chú, lại yêu trưởng nữ của chú là một cô gái trưởng giả không hiểu nổi tâm hồn cao đẹp của chàng mà chỉ thích lấy một người chồng sang cả thôi.

Cô gái ấy toại nguyện về sau, nhưng chàng thanh niên mồ côi lại phải đau khổ vì mối tình điên của chàng: yêu một người không hiểu mình, không được yêu lại mà vẫn hy vọng cho đến ngày người ấy lấy chồng.

Trong khi đó thì bóng một người thứ ba lởn vởn sau khung cảnh, cô thứ nữ của ông chú, một cô gái bé, hiểu thấu tâm hồn của Henri Heine, nhưng lại còn quá bé con, không được Heine để ý đến.

Cô bé nầy cũng là nạn nhân của mối tình cút bắt kia, cả hai đau khổ âm thầm, nhưng chàng trở thành vĩ đại nhờ niềm đau khổ ấy, còn nàng thì chỉ ôm hận trong cảnh tối tăm, không gây được tiếng vang nào lại với đời sau cả.

Không biết vô tình hay cố ý mà Long bảo mướn *phim* ấy. Nhưng cả hai chị em Hồng và Quá đều quả quyết thầm là Long cố ý.

Nhưng tuy cùng một nghi ngờ, mà hai người lại nghĩ khác nhau về điều nghi ngờ đó.

Hồng thì nghĩ rằng Long ngỡ nàng không hiểu anh ta, nên mới trách xéo bằng cuộn *phim* kia.

Còn Quá lại thấy đó là lời xác nhận ngầm của Long, xác nhận rằng anh ta hiểu cô gái bé kia là cô ta lắm và đã chú ý đến cô. Ừ, Heine không ý thức nên quên cô em bé họ. Nhưng Long đã biết câu chuyện ấy rồi, không thể không ý thức như vậy được, không thể quên như vậy được.

Và cả hai đều đinh ninh rằng Long nghĩ đến họ.

Cô Quá ơi, cô thích có một bức họa chơn dung cô hay không?

– Cái đó tùy. Nếu họa dở thì không. À, mà anh nè! Họ nói ảnh người lớn tuổi thì họa mới giống, còn ảnh người trẻ, khó lòng mà giống được, phải không anh?

– Đúng phần nào. Người lớn, nhứt là người già, nét mặt rõ rệt lắm, lại nhờ những chỗ hóp, những đường nhăn làm rõ ra thêm. Nơi người còn trẻ như cô chẳng hạn, trên mặt chỗ nào cũng đầy... Nhưng tôi không họa phóng đại ảnh của cô ra đâu. Tôi vẽ truyền thần mà.

– Vẽ truyền thần thì có khác gì họa phóng đại ảnh?

– Khác lắm, tôi thí dụ: mặt cô có nét gì riêng biệt khác thường, thì ống ảnh không thể làm lộ ra được, và người họa phóng đại theo ảnh cũng không thể thành công hơn. Nhưng người vẽ truyền thần, khi quan sát được nét ấy, sẽ vẽ nó hơi quá lố hơn một chút. Vì nét ấy là điểm chánh của biệt sắc trên gương mặt của mỗi người, nên chỉ vẽ nét ấy được là vẽ giống được người đó, tất cả những nét khác đều phụ thuộc thôi.

– Ý ẹ, như vậy nếu cái mũi em hơi lớn một tí, thì anh sẽ vẽ cho nó chù vù ra à?

– Chớ sao! Tôi sẽ vẹ cái mũi cô to như trái cam. Long nhát cô Quá, rồi cười ngất.

Quá thấy người nhà Long mang lên cho chàng đến sáu tấm bố căng nên đoán biết là Long định vẽ truyền thần cho cả nhà. Nhưng sao lại bắt nàng mà vẽ trước? Nàng băn khoăn về chỗ đó lắm. Phải chăng đó là vì tình cảm riêng?

Thật ra, đó chỉ là sự tình cờ. Nhưng Long rủi ro cứ vô tình hành động cho Quá ngộ nhận mãi.

Sau buổi đầu ngồi cho Long vẽ. Quá xem lại các nét phác thì rất là không bằng lòng. Tuy chưa có gì, mà nàng đoán là về sau cũng sẽ không có gì lỗi lạc lắm.

Quả nhiên, không có gì thật. Quá mong đợi bức chơn dung trình bày nàng tươi cười như một đóa hoa chớm nở. Nhưng Long chỉ vẽ được một cô gái hết sức ngây thơ, ngây thơ hơn người thật, nhiều lắm.

Long giải thích:

– Ngây thơ là điểm chánh trên gương mặt của cô. Tôi trình bày lố cái điểm ấy ra, thế mới làm lộ biệt sắc của cô được.

Nhưng Quá không chịu hiểu như vậy và hờn mát họa sĩ không biết ý của người mẫu.

Long buồn cười lắm cho cái tánh trẻ con của Quá. Nhưng chàng làm lành, theo năn nỉ cô như dỗ em bé:

– Hay là để tôi vẽ bức khác bắt đền cho cô?

Quá tức mình, ứa nước mắt, rồi khóc òa lên. Long lo lắng bước đến gần cô, rồi cố dịu giọng mà rằng:

– Em Quá, đừng trẻ con nữa, anh vẽ bức khác cho mà.

Rồi chàng đưa tay vò đầu cô gái út Thái-huyên trang. Quá bỗng nghe như một luồng điện chạy khắp thân nàng. Nàng cúi mặt lặng thinh, lắng nghe cái tái tê kỳ lạ lần đầu tiên lay động người nàng và cả lòng nàng.

Thật ra, đó chỉ là một cử chỉ vô tội của Long thôi. Từ ngày chàng yêu trộm Hồng, và định cưới cô ấy thì chàng xem Quá như là một đứa em vợ còn bé con. Đứa em gái ấy hôm nay nũng nịu thì chàng vỗ về nó, chỉ có thế thôi.

Bao nhiêu là rủi ro đều qui tụ lại để làm cô Quá ngộ nhận. Long vô tình nói và làm cái gì với Quá cũng hớ hênh cả.

Quá lau nước mắt rồi mỉm cười nhìn lên, nàng nhìn Long một cách say dại như đứa con nhìn mẹ đánh phấn, thấy mẹ đẹp vô cùng, nhớ lại cái gõ đầu khi nãy mà mẹ ban cho và đinh ninh mẹ tỏ bụng yêu mình bằng cái gõ đầu ấy.

Long bắt chợt cái nhìn đó, bỗng hiểu, rồi sợ hãi hết sức.

Vẽ chơn dung cho Quá xong là Long đi được gần ngay ngắn. chàng rất lo bịnh sẽ khỏi và chàng không biết lấy lẽ gì để nấn ná lại đây lâu thêm nữa.

Chàng tiếc sao hôm đó chàng không bị gãy xương. Nếu gãy xương, chàng sẽ nằm tại nhà nầy hai tháng là ít.

– Ý mà, chàng chợt tỉnh và bảo thầm, nếu gãy xương, người ta đã đưa mình đi nhà thương rồi còn đâu!

Long mong hão một chứng bịnh gì thình lình xảy đến cho chàng, bịnh không nguy hiểm lắm, nhưng phải được săn sóc lâu, như bịnh sốt rét rừng chẳng hạn.

Chàng bỗng thấy vẽ chơn dung cho cô Quá trước là hay. Bây giờ chàng sẽ vẽ Hương, rồi Hoa, rồi đến Hồng và ông cụ bà cụ.

Chàng sẽ khỏi hẳn bịnh lúc đang vẽ cho ông Nam Thành. Vẽ cho ông xong sứ mạng. Ba bức tranh chót, chơn dung ông, bà, cô Hồng, sẽ giúp chàng nấn ná thêm hai mươi ngày là ít.

Thật là cố lì, nhưng yêu thì không thể lịch sự được. Kẻ yêu luôn luôn điên, gàn và nhứt là không biết điều. Tránh được những cái tệ đó là yêu ít, yêu có chừng mực rồi vậy.

Hôm Long vẽ chơn dung cho Hương thì Bằng lên chơi.

– Thế nào? Anh ta hỏi ba cô em kia. Đoạn sau của cuốn tiểu thuyết có gì hấp dẫn chăng?

Hoa đáp:

– Gay cấn lắm, họa sĩ vẽ truyền thần cho con Quá bị nó trề môi dài hai thước năm mà chê. Nó nhõng nhẽo é mà!

– Coi chừng đa, cô bé. Thứ tiểu thuyết đó hay lắm, mà do óc lãng mạn của cô viết thêm ra nó càng hay hơn. Chà, trí cô làm việc dữ để bịa ra cốt truyện. Loại truyện nầy họ đã viết hằng trăm lần rồi mà lần nào cũng được hoan nghinh cả. Nhưng coi chừng lúc tỉnh mộng, đau lắm.

Bằng ưa và rõn và mấy chị em không lấy đó làm phiền. Nhưng lần nầy Quá giận anh thật sự. Cà rỡn sao mà đúng y vào tâm trạng của cô, mà cậu hăm dọa dễ sợ kia thật đáng ghét làm sao!

Hình như là Bằng có chuyện gì quan trọng để nói với ông bà Nam Thành. Họ rù rì nhỏ to lâu lắm, rồi Bằng ra về ngay chớ không đợi chiều như mọi lần.

Ông Bà Nam Thành, sau khi Bằng đi rồi, lo dọn dẹp nhà cửa ngay nội ngày hôm đó. Ông phân công cho các con, đứa nhổ cỏ ngoài sân, đứa dọn quét dưới bếp, đứa chùi lại ly, tách, đứa lo những món ăn hàng nằm như dưa kiệu, tương ớt, vân... vân...

Hai ngày sau, nhà có khách lạ. Khách lên hồi tám giờ sáng, mười phút sau khi Hương đi chợ về.

Một ông cụ đầu râu bạc trắng, một cụ nữa cao niên hơn ông Nam Thành lối năm bảy tuổi, và một bà cụ trạc tuổi bà Nam Thành.

Long thơ thẩn quanh các gốc me, gốc mít ngoài sau, còn các cô gái thì rút vào nhà bếp.

Bà Nam Thành kêu rót nước, nhưng không kêu "các con" như mọi bận có khác khách, mà lại kêu quyết:

– Năm ơi, đem nước uống, con!

Cô Quá bưng mâm trà lên và có cảm giác là khách xét nét cô, tuy không hỏi gì về cô cả.

Chỉ có ông cụ đầu bạc là nói chuyện nhiều, còn hai ông bà kia chỉ nghe thôi. Ông cụ râu bạc nói gì mà nghe như là chữ Nho, khó hiểu quá.

Cô Quá trở gót ra sau được nửa chừng đường thì bà Nam Thành lại gọi lại:

– Con, lấy thêm vôi, con.

Lạ quá! Vôi đang đầy bình, sao mẹ nàng lại bảo lấy thêm? Quá lấy thêm vôi lên tới thì mẹ lại hỏi:

– Con à, gà mình nuôi cỡ độ mấy con, má quên mất, con có nhớ hay không?

Quá cũng chẳng nhớ gì hơn mẹ. Gà đã đẻ ra nhiều lắm rồi, đến tám chín mái, gà lại nhiều lứa, lứa già, lứa trẻ, lứa mặc áo lá, lứa mới đủ lông, còn làm sao nhớ được.

Tuy vậy, nàng cũng đáp liều:

– Thưa má, lối hai trăm con.

Khách ở lại ăn cơm. Bà Nam Thành ra sau, dặn quyết chỉ một mình Quá bưng các thức ăn lên thôi. Đó là bữa ăn đầu tiên trong gia đình mà không có mặt bốn người con, mà cũng không có mặt người khách quý trong nhà.

Khách ăn lâu quá, nhưng chừng xong bữa, dọn xuống thì mâm cơm như còn nguyên, có đĩa chỉ được động đũa sơ đến thôi.

Cô Hương từ sáng tới giờ, cứ cười mãi mà nhìn cô em út. Cơm dọn ra mâm thứ nhì ngay trong nhà bếp, mà chỉ có bốn người ăn

thôi: ba chị em và Long, còn Quá thì bận bưng mâm, chưa dùng bữa được.

Ông bà Nam Thành đã xin lỗi Long và yêu cầu chàng ăn riêng nơi mâm thứ nhì ấy, vì một lẽ riêng mà ông bà đã cho chàng biết.

Long đã hỏi các cô gái:

– Cô Quá năm nay bao nhiêu tuổi, các cô?

– Hăm hai, Hoa đáp. Nhưng theo tánh tình và gương mặt thì người ta đoán lối mười tám thôi.

– Cô Hương chắc biết chuyện nên tôi thấy cô cứ cười mãi.

– Dạ hôm nay các chú lái đi coi heo ấy mà?

Cả bốn đều cười xòa! Hoa reo:

– Hay! Hèn chi mà trông trịnh trọng và bí mật dữ. Để anh Bằng lên đây...

Nhà có gì buồn cười, bốn cô đều nhớ đến cái người anh họ hay bông đùa ấy.

Họ vốn cởi mở về việc chồng con. Nay nhơn Long đã thành thân trong nhà và biết câu chuyện quan trọng đó, nên họ cởi mở cả trước mặt anh ta nữa.

– Chị biết mà không dám nói ra, Hương cắt nghĩa, là vì sợ con Quá nó quýnh rồi nó bưng mâm vấp té mà khổ.

– Em thì có ai đi coi mắt em, em biết ngay, và sẽ hát *xiếc* cho họ xem. Em sẽ cho chén, dĩa bay lên cho họ thất kinh không dám tới nữa.

Cô Hoa vô tình dùng tiếng "sẽ" thành ra Long biết được rằng cô chưa được ai đi xem mặt lần nào cả.

Chàng bỗng thương biết bao bốn cô gái nhà nầy, về tình trạng khó lấy chồng của họ. Giàu, người ta không trông xuống; nghèo, người ta không dám vói lên; ở chợ chưa đủ lâu đời, mà về quê, lại là quê lạ, và chung quanh toàn là những anh trai kém cỏi hơn bốn chị em nhiều.

Long đoán biết phản ứng ngầm của các cô, bằng theo lời lẽ bông lơn của các cô về vụ nầy và bằng theo trình độ hiểu biết, trí thông minh của các cô mà chàng quan sát được hổm nay.

Phản ứng ấy là sự công phẫn của họ đối với trò xem mắt. *"Các chú lái đi coi heo"*. Lời của Hương dùng, bóng bẩy và chua cay biết bao!

Thân người con gái sao mà như món hàng để bán. Mỗi lần có khách muốn mua, món hàng được bày ra dưới đủ khía cạnh. Người ta xem phía trước, người ta ngắm phía sau, người ta xét tướng đi, người ta thử nghe giọng nói.

Chắc hẳn người ta chê khen trong bụng, có người lại nghĩ thầm: "Hàng chỉ xoàng thôi, nhưng nếu được giá hời thì cũng mua".

Chắc chắn là các cô công phẫn như vậy, nhưng chỉ công phẫn ngầm chớ không dám phản đối ra mặt, không phải vì sợ cha mẹ mắng, mà vì chính món hàng cũng thích được mua. Chua cay là ở chỗ đó. Đó là một sự hy sinh lớn, hy sinh lòng tự ái, hy sinh nhơn phẩm mà các cô phải chịu để đi lấy chồng.

Xã hội Việt-nam đang ở vào giai đoạn giao thời, sự tiến bộ tinh thần còn chênh lệch giữa nhiều hạng người. Một mớ thì quan niệm rằng "đi coi heo" như vậy phạm đến nhơn phẩm con gái, mớ khác lại xem đó là sự thường, là phải lẽ, vì từ nghìn xưa người ta vẫn làm thế.

Vậy các cô, vốn biết điều, biết lẽ phải thì phải rán ôm bụng chịu chớ phản đối ai mà nghe cho.

Chắc chắn là Quá đoán hiểu khách muốn gì sau khi cô bị kêu lên xuống một cách vô lý, và cũng chắc chắn là cô giả đò không biết. Biết mà vẫn im lặng chịu khổ hình thì khó chịu với mình biết bao, và nhứt là mắc cỡ với các chị của mình biết bao! Họ sẽ chế nhạo cho mà khóc.

Khách ra về thì đồng hồ điểm mười hai giờ trưa. Ớn chưa cho sự kéo dài của cuộc thăm viếng đầu! Hèn chi lời tục bảo "cà kê, dê ngỗng, như nói chuyện làm sui".

Hoa hỏi em, lúc Quá ăn bữa cơm trễ:

– Có vừa mắt hay không?

Quá làm bộ chưng hửng:

– Gì mà vừa mắt?

– Tao hỏi mầy, mầy xem mắt chú lái heo có vừa bụng hay không, có xứng đáng cho mầy gọi là "bố" chồng hay không?

– Vậy hà! Té ra...

– Thôi, để cho nó ăn. Coi bộ nó đói gần luỗi rồi kia.

– Đừng buồn mà em, Hoa lại đùa. Nữa rồi mình sẽ trả thù cái bữa đói nầy. Mình bắt ổng bả ăn cơm khô, và bữa nào cũng ăn trễ độ nửa tiếng đồng hồ cho bõ ghét.

Quá chỉ làm bộ suông vậy thôi cho các chị của cô bớt chế nhạo. Cô không hề cố ngoan ngoãn để được chồng. Cô chưa lỡ thời như các chị của cô, nên không cần hoảng hốt. Vả cô đã bắt đầu yêu một người, thì cô chỉ biết có người đó thôi.

Các cô chị thì thấy tình cảnh mỉa mai đến không biết phải nên cười hay nên khóc.

Chàng trai mong đợi, bắt các cô chờ mãi không biết từ bao năm rồi. Nay hắn vừa đến, xem chừng đã yêu một người trong mấy chị em, chưa biết rõ người nào, thì chàng trai khác lại đến nữa. Khi bất cập, lúc thái quá như vậy, không rối lòng ta sao được.

Mà cái chàng trai thứ nhì nầy đến lại để xem quyết mắt, cô em út là cô gái chưa cần lấy chồng lắm. Kẻ cóc cần lại được, người tha thiết lại không.

Nhưng dầu sao, ba chị em lớn cũng thầm cám ơn cha mẹ hết sức. Trong nhiều gia đình có lu bù con gái chưa chồng như vậy, các bậc cha mẹ thường hay nói câu nầy "Đó, ba bốn đứa đó, muốn chọn đứa nào tùy ý thích", mặc dầu bên đàng trai chỉ coi một cô thôi.

Sự dễ dãi của các bậc cha mẹ ấy đã hạ phẩm giá của con họ ngang hàng con vật trong chuồng.

Ông bà Nam Thành chỉ trình món hàng người ta đòi xem thôi, nhờ thế nhơn phẩm các cô được cứu vãn phần nào.

Phần ông bà Nam Thành thì xem ra ông bà vui vẻ lắm.

Ông Bà cứ nhìn con gái út mà cười chúm chím mải. Chắc bụng ông bà thầm khen con bé có duyên đắt chồng sớm chớ không hẩm hiu như các chị của nó.

Cái duyên ấy nếu có, thì chỉ là của trời ban cho thôi. Nhưng nó bớt cho ông bà một gánh nặng nên ông bà mừng rồi muốn xem là Quá đã giỏi giắn tạo ra được cái đuyên kia.

Ông Bà thấy thương yêu đứa con gái út hơn lên, và nuông chiều, binh vực nó hơn, không phải vì nó út mà vì nó xứng đáng hơn.

– Em đã biết lối vẽ của anh rồi. Con Quá là cả sự ngây thơ được cụ-thể-hóa bằng sơn màu. Còn em?

– Cô ấy à? Cô sẽ là hiện thân của cả một trời huyền bí.

Hồng cười dòn:

– Như vậy, anh chỉ bệt vào vải một vệt sơn đen là xong chớ gì. Anh có biết câu chuyện hai bức tranh danh họa bí hiểm hay không?

– Không.

– Trời, họa sĩ mà lại không biết chuyện đó. Nầy, ở Ba-lê, người ta tổ chức một phòng triển lãm cho các họa sĩ mầm non. Một ủy ban đặt ra để tìm tòi nhân tài mới. Ủy ban gồm có nhiều họa sĩ trứ danh và nhiều nhà phê bình tranh đanh thép. Thế mà cả bọn các tay cừ khôi ấy đều ngẩn ngơ trước hai bức tranh kỳ lạ: một, vẽ một khuôn vuông đen thui, và một, vẽ mặt nước biển phẳng lặng, không thấy bờ bến, chim chóc gì cả.

Rốt cuộc ủy ban phải cho mời hai tác giả ấy đến để nhờ họ giải thích ý nghĩa tranh của họ. Người thứ nhứt cắt nghĩa: "Tranh nầy tả một cuộc đánh nhau giữa hai người da đen, trong một đường hầm xe lửa, vào một đêm trời không trăng sao". Người thứ nhì giải thích: "Tranh của tôi tả một chiếc tàu chìm lỉm dưới đáy biển".

Long cười ngất một hơi, rồi nói:

– Tranh của phái lập thể cũng bí hiểm đến như thế thôi.

Trái với dự định, Long vẽ chơn dung cho Hồng trước chị của cô và ông bà Nam Thành. Lần lựa ở lại để vẽ cho người khác, chàng sẽ dễ ăn nói hơn là để vẻ cho người chàng yêu.

Chàng yêu ai, nào ai biết. Vả biết cũng chẳng nên tội lỗi gì. Nhưng chàng chắc chắn là sẽ ngượng miệng khi đòi ở lại để vẽ chơn dung cho Hồng.

Long dừng tay lại. Nỗi vui do câu chuyện tranh bí hiểm gây ra, vẫn còn đọng lại nơi mặt Hồng. Hồng bỗng khác đi, không còn là Hồng u buồn mà chàng yêu.

Hồng vui vẻ thì vẫn đẹp như thường, có phần còn đẹp hơn lúc nào cả. Nhưng mỗi người đều mang một vẻ riêng, vẻ ấy hợp với người đó mà không hợp với người khác, mà người đó mang vẻ của người khác cũng không xong.

Không phải vì Long ích kỷ muốn cho Hồng buồn mãi để hạp nhãn của chàng, cũng không phải vì Hồng buồn thì gương mặt mới đẹp được, nhưng chàng thấy nét buồn hợp với vẻ mặt của Hồng lắm, không thể khác được.

– Cô buồn xuống đi chớ! Long bảo.

Nghe lời khuyên kỳ cục, Hồng lại càng vui tươi hơn lên.

– Thợ nhiếp ảnh thì bảo nên vui lên, anh lại khác, sao mà rắc rối dữ vậy, ai biết phải làm sao!

– Không cần biết phải làm sao. Cô cứ tự nhiên đi cho là tốt.

– Thì em tự nhiên đây chớ có làm bộ làm tịch gì đâu.

Hồng nói đúng. Nàng tự nhiên mà vui, vui từ hổm nay. Giá không có câu chuyện pha trò, nàng củng vui tươi. Nỗi vui ấy đột ngột đến trong lòng nàng, sau buổi đầu hôm giao trả nữ trang lại cho Long.

Nó đến rồi mọc gốc mọc rễ nơi đó, càng ngày càng dâm chồi nẩy lộc sum sê.

Tình cảm tuy vô hình nhưng lại gây được những biến đổi nơi thể chất con người.

Nó dường như bấm vào nút điện bí mật nào để cho bộ máy hóa học trong con người phát chạy. Những phản ứng, những trao đổi phức tạp của hóa chất trong thân thể con người nhờ thế, diễn ra rồi ảnh hưởng bên ngoài mà gương mặt là cái đồng hồ kiểm soát các phản ứng kia. Không một cây kim, đồng hồ ấy vẫn chỉ được rõ ràng những biến chuyển bí mật bên trong. Bên ngoài việc gì xảy ra chỉ thay đổi mặt đồng hồ một chút xíu thôi, tất cả đều do bên trong điều khiển, chi phối.

Bản chất của con người là quên, mặc dầu ta đã thề với ta là sẽ nhớ mãi mãi. Biết vậy nên ông Câu Tiễn mới phải nằm gai nếm mật để nhắc mối thù cho mình.

Cô Hồng không có hành hạ thân thể có lần nào, nên cô hầu gần quên được. Niềm đau cũ vừa dịu thì chàng trai nầy đến trong một trường hợp rất là... tiểu thuyết!

Hắn đẹp người và nghe câu chuyện của hắn, xem nghề nghiệp của anh, Hồng thấy là hắn đẹp cả ở tâm hồn nữa. Hắn lại đồng tâm với nàng là đã bị tình nhơn phụ rãy.

Hơn thế, hắn đã tỏ tình, tuy chưa bao giờ dám nói ra điều gì, nhưng Hồng đã hiểu giữa lời được rằng, hắn yêu cô.

Hồng còn trẻ. Vết thương cũ đã kéo da non và đi lần đến chỗ mất dấu vết. Nên chi mối tình thứ nhì nầy vẫn êm đẹp y như mối tình đầu.

Lòng nàng như sợi tơ căng thẳng rung vang lên trước mỗi làn gió thật nhẹ của tình yêu. Long đã dám nói gì đâu, thế mà dây đàn rất nhạy ấy đã thánh thót những tiếng nhạc du dương rồi:

Tuy chưa nên khúc tình đà thoáng bay.

Họa-sĩ và người mẫu đang ở dưới bóng cây me sau nhà. Một ngọn gió thổi qua, lá me rơi lác đác. Long chờ đợi giây phút đó thử xem cảnh lá rụng có làm cho Hồng buồn lại được hay không.

Quả nhiên, mặt cô gái bỗng trở nên âu sầu. Hồng nhiều tình cảm quá, mưa rơi cũng buồn, mà lá rụng cũng buồn được.

Vài chiếc lá tươi và khô rơi trên tóc nàng. Hồng toan đưa tay lên lượm nhưng Long vội ngăn:

– Đừng, cô cứ để y như vậy, đẹp lắm, rồi cô sẽ thấy.

Nhìn những lọn tóc lộn với lá me, giây lâu chàng họa sĩ trẻ tuổi nói:

– Cô Hồng ơi, tôi đang sáng tác giai phẩm đời họa sĩ của tôi đây cô.

– Tài anh đã lên tới mức tột cùng rồi à? Sớm dữ vậy?

– Không, tại tôi gặp đề. Hứng nhiều lắm.

Chàng nín lặng, rồi giây lâu lại nói:

– Cô Hồng ơi, mắt cô sâu.

Hồng hốt hoảng:

– Sâu thật à? Em vẫn ăn ngủ như thường kia mà?

– Không, mắt sâu chớ không phải quầng mắt sâu. Xem như là cô trông xa lắm, như là trong đó ẩn kín nỗi niềm gì không diễn được... Mắt cô sâu lắm, làm tôi nhớ lại vòm trời đêm nọ, nhớ lại các vì sao... Cô Hồng ơi, đêm đó tôi đã nhìn sao Hôm, sao tôi lại quên yêu cầu cô cũng nhìn sao đó.

– Có, đêm đó em cũng nhìn sao Hôm.

– À, nếu vậy thì đó là một sự tình cờ kỳ lạ, mà như tôi đã nói đêm đầu, lúc tôi vừa tỉnh và cô đang canh gác tôi, thì sự tình cờ nào cũng do trời xui nên cả.

Cô Hồng à, người Âu-châu có cái tục, khi mến nhau thì cả hai người bạn cùng chọn một vì sao. Vì sao ấy sẽ là nơi hẹn hò của họ những lúc họ xa nhau. Như vậy, dầu cách nhau muôn trùng, họ vẫn có cách để thông cảm với nhau được.

Cô Hồng ơi, cô có muốn dự vào trò chơi ngây dại ấy của người Âu-châu không?

Hồng bối rối hết sức, nàng nghe như ngộp thở. Nàng chưa kịp lấy hơi lại được, Long đã thổi tới thêm một trận gió mạnh nó lay cả người nàng, cả tâm hồn nàng.

– Nếu cô muốn, tôi xin kính cẩn tặng cô vì sao ấy. Món quà đế vương đó cô à, vì nó là một hột kim cương muôn thuở không lạc mất, không xuống nước được. Nó vừa to tát lắm như mối tình của tôi đối với cô, lại vừa nhỏ xíu thôi, như hạnh phúc mà tôi mong mỏi, nhỏ vừa cho tôi càm chắc nơi tay, kẻo mà rơi mất.

Hồng nghe choáng váng, rụng rời cả tay chơn. Không, nàng cố nhớ lại, chưa hề có ai nói với nàng những lời kỳ lạ như vậy bao giờ cả.

Hồng ứa nước mắt, vụt đứng lên rồi chạy bay ra giếng.

Chiếc *ma-ni-quên* đã được ai gài lại. Chiếc thùng mới kéo nước vừa xong, còn treo ở đầu dây, đánh rơi xuống nước những giọt lệ to, kêu thánh thót lên như dư âm của khúc nhạc cô vừa nghe.

Hồng vịn cây trụ trồng ở bờ giếng, cúi nhìn xuống đáy nước. Giếng sâu thăm thẳm rợn rùng, khiến nàng lại sợ hãi thêm.

Mối tình, mối tình nầy đây! Tương lai sao mà nghe cũng thăm thẳm như đáy giếng nầy. Rồi sau sẽ ra sao? Mộng đẹp lắm nhưng tỉnh mộng sẽ đau lắm hay không, như Bằng đã dọa?

Gió sớm thổi mát làm dịu lại được những tình cảm đang sôi trong tim Hồng. Nàng bình tĩnh lại rồi thơ thẩn đi quanh đó.

Giây lát sau, Hồng tới nhà bếp, rút ống tre treo trên vách xuống và một chiếc dùi nhỏ. Nàng gõ vào mõ tre một hồi thì gà, vịt, và cả con trích nữa đều tựu đến đông đủ.

Vua trong sân Thái-huyên trang không phải là những con gà trống oai hùng, mà là chú trích du còn. Chưa chi nó đã mổ đòng, mổ tây để chiếm trọn một mình nó một khoảng trống lớn giữa bầy. Hạt có rơi, sẽ rơi vào chỗ giữa ấy và nó sẽ được địa vị đế vương.

Hồng buồn cười quá, cười lên tiếng một chuỗi dài. Nàng đưa tay áo lên quẹt cho ráo lệ, và mặt nàng tự nhiên trở lại bình thường.

– Cô thích được tặng gì, cô Quá? Long hỏi cô gái út Thái-huyên trang khi thấy cô nàng đang thêu khăn tay một mình nơi buồng ăn.

Quá ngước lên mỉm cười, đáp:

– Tùy dịp. Nếu như là lễ sanh nhựt của em thì em thích được tặng một bức chơn dung của em, mà vẽ phải cho khéo kìa.

– À, cô nhắc xéo khéo quá. Được, tôi sẽ vẽ lại cho vừa ý cô, chắc như vậy mà! Nhưng tôi muốn hỏi thăm về quà cưới kìa.

– Anh đừng đùa, Em không lấy chồng đâu.

– Sao lạ vậy cô. Cô nói không yêu người ta thì còn nghe được, chớ không lấy chồng thì vô lý quá.

– Chớ anh chưa cưới vợ, lại có lý hơn ai.

– Tôi thì khác. Tôi chưa cưới vợ, nhưng chẳng phải là không cưới vợ.

– Em cũng vậy.

– Tiếc quá! Tôi vừa nghĩ ra một món quà bất ngờ, ý nghĩa nhiều, hay lắm.

– Té ra anh tặng quà chỉ để thỏa mãn cái tài chọn quà của anh?

– Em nhỏ bắt chẹt dữ quá. Hèn chi tên em là Quá cũng phải. Nói làm sao cũng bị em bẻ hết. Thôi thì anh chịu thua. Sao em nhỏ lại chưa chịu lấy chồng?

Quá giận dỗi:

– Vì em nhỏ quá mà! Đã hăm hai rồi đó mà người ta cứ coi em là nhỏ mãi.

– Coi em là em nhỏ là một hân hạnh đó chớ em.

– hân hạnh đối với gái già kia! Gái già thích làm gái tơ, con nít thì thích làm người lớn. Còn em, em không trẻ con... cũng không già nên em chỉ muốn người ta xem em vừa với cái tuổi của em thôi.

– Thì như thế, chớ có ai xem em trẻ hơn tuổi của em đâu.

– Anh không xem như vậy sao?

– Không.

– Em cứ ngỡ...

– Ngỡ anh như Henri Heine.

– Hắn là thi sĩ, còn anh là họa sĩ, con mắt hai người khác nhau.

– Vậy à! Khác, nhưng sao anh lại thích thấy em lấy chồng?

– Sao anh lại không thích em được hạnh phúc?

– Thật vậy à? Đâu anh ngó ngay em thử coi mắt anh nói dối hay không.

– Tôi sợ lắm.

– Anh sợ gì?

Long muốn nói là sợ Quá biết chàng nói thật. Nhưng chàng chợt thấy là lời ấy sẽ làm khổ Quá không biết đến đâu, cho nên chàng không dám nói ra.

Sự im lặng của chàng lại khiến Quá nghĩ rằng chàng sợ lời sự giả dối ra.

Ngộ nhận ấy giúp Quá yên lòng, và cứ đi sâu mãi trên nẻo hiểu lầm của cô.

Long không có can đảm làm mích lòng cô gái, mặc dầu cái mích lòng ấy chỉ nhỏ thôi. Như vậy, ngày kia chàng sẽ phạm phải mích lòng to.

Chàng biết thế mà vẫn không dám chấm dứt tình trạng không phân minh ấy, mà mỗi lần có chuyện úp mở là chàng hối hận đến hai ba hôm.

Thái-huyên trang lại rộn rịp dọn dẹp nhà cửa. Lần nầy thì ai cũng biết cuộc sắp đặt ấy có mục đích gì.

Cô Quá bực dọc trông thấy. Cô đánh vỡ ly chén thường lắm. Ông bà Nam Thành ngỡ thấy đó là phấn khởi của con gái sắp được chồng cưới, sự cảm xúc bên trong lộ ra ngoài bằng những cử động bấn loạn.

Cô Quá không buồn. Cô chỉ có vẻ lo nghĩ nhiều thôi. Trong khối óc ngây thơ vô tội và hơi kỳ khôi ấy, đang xây dựng mưu mẹo gì, chiến lược gì đây?

Trừ ông Nam Thành ra, còn thì cả nhà, kể cả Long, ai cũng đinh ninh anh chàng đi coi vợ là một cậu trai bé con như Quá vậy. Cậu ta hẳn khờ khạo lắm, không có tư cách riêng nên mới chịu để cha mẹ đi xem mắt cô gái giùm cho, và hôm nay, chính cậu ta đi, lại đi với cha mẹ.

Họ hình dung một công chức hay một tư chức nhỏ, mới nhận chức, rụt rè như con gái, sẽ ăn nói khuôn phép, ngồi đâu ngồi đó ngay ngắn và chỉ dám liếc cô dâu tương lai một cái thôi, lúc cô nầy bưng nước lên.

Hoa thấy trước là em cô sẽ vướng chân, nên cô buồn cười lắm, căn dặn:

– Mầy nhớ mặc quần ống cao nghen không? Vấp té thì xấu hổ lắm đa nghen?

– Xí, bộ ai nhút nhát như chi ba vậy sao mà lo.

– Ừ, để rồi xem.

– Nếu chị dám, chị nên núp, nên rình mà nghe.

Khách lên. Đó là một ủy ban chấm giải bò trong một cuộc đấu xảo nông mục. Con bò cái tơ cứ được trại chủ kêu lên kêu xuống để khoe hết phía nầy đến phía khác.

Bò lại bị bắt rống thử một lần cho ủy ban nghe. Tủi lắm!

Hôm ấy Quá mới chịu trang điểm theo ý muốn của ông Nam Thành. Con gái nào lại không làm đỏm làm dáng, cho dẫu trước những người rất thường, hay cho dẫu trước những người mà họ không ưa.

Đứng một mình, nàng vẫn xinh gái. Mặc chiếc áo vừa ý nhứt, cô Quá nghe dễ chịu lắm, đẹp hơn lên và dạn dĩ hơn lên. Nhưng mặc dầu cóc cần vừa con mắt ai, mặc dầu bạo dạn được, Quá vẫn bị cảm kích khi bưng mâm trà bước vào buồng khách.

Cũng cái buồng quen thuộc và thân mật mỗi ngày, nhưng hôm nay sao bỗng mang một bộ mặt long trọng khác thường.

– À, cô Út!

Bà khách đáp cái chào của Quá bằng câu trên đây, rồi gọi cô lại gần bà.

– Cháu có hay về Sài-gòn không?

– Thưa bà, không.

Bà khách nắm tay cô, rồi hỏi tới:

– Cháu không nhớ Sài-gòn hay sao?

– Thưa nhớ. Nhưng cháu bận việc luôn.

– Giỏi. Hồi đó cháu học tới đâu?

Trong khi lơ đãng đáp những câu hỏi vớ vẩn của bà khách, Quá kín đáo liếc nhìn anh chàng đi coi vợ.

Nàng ngạc nhiên hết sức mà thấy người ấy không giống như người mà mấy chị em đã tưởng tượng chút nào cả. Đó là một thanh niên có gương mặt sáng sủa và lanh lợi, có thân hình thể thao lắm, và ăn mặc rất hợp thời trang.

Quá ngây người ra rồi tự hỏi thầm:

– Lạ, sao hắn không tìm lên đây bao giờ cả. Chắc hẳn là anh Bằng chỉ mối cho. Như vậy, đi theo anh ấy lên đây nào có khó khăn gì? Người như thế mà chịu níu áo mẹ để đi coi vợ thì thật vô lý.

Bỗng ông Nam Thành nói:

– Thưa ông bà và ông cụ đây. Giờ còn mát trời nếu ông bà và ông cụ đây muốn xem vườn tôi mới gây dựng thì mời ông bà và ông cụ ra xem, kẻo nắng tới.

Quá bỗng giựt nẩy mình lên. Câu ấy nàng đã nghe rồi một lần, mà lần trước ông Nam Thành mời xem *va-li* da chớ không phải vườn cây.

Đó là lần họ đi xem mắt chị Hương cô cách đây lâu lắm rồi. Thuở ấy nàng mới mười bốn tuổi, ra vào được thong thả khi có khách nên mới nghe được câu đó.

Trong các gia đình lưng chừng, không dám Tây quá mà cũng không chịu cổ quá như gia đình của ông Nam Thành và của những người đồng địa vị với ông, người ta thường toa rập với nhau mà làm thế.

Không dám cho "hai trẻ" tự do giao thiệp với nhau, người ta không nỡ để chúng hoàn toàn không biết nhau. Vì vậy mới có cái trò xem *va-li,* xem vườn cây nầy.

Cả mấy người cao niên đồng đứng lên một lượt như ăn ý với nhau lắm. Bà Nam Thành nói với anh chàng đi coi vợ bằng một giọng bông đùa:

– Thanh niên chắc không thích trồng cây. Thôi thì cháu ngồi đó. Năm, con à, con đàm đạo với thầy đây thế giùm cho ba má giây lát.

Họ đã đi ra sân hết cả rồi. Người thanh niên vẫn ngồi làm thinh, không nói gì, cả mặt, cả mắt, cả môi hẳn đều lặng lẽ cười lên một cách thị đời, đáng ghét.

Quá tức giận lắm, muốn nhảy đến mà tát một cái thật mạnh vào bộ mặt khinh khỉnh ấy, nhưng nàng dằn được ngay.

Có lẽ anh chàng cũng đang bối rối và cố cười để cho đỡ ngượng. Và trong cái vụ đi coi vợ nầy, thật ra anh chàng không có lỗi gì cả.

Ừ, ai lại biết được rằng cô chưa muốn lấy chồng!

Đây là cái dịp không bao giờ ngờ có. Hổm nay, Quá toan tính tìm cách nói thẳng cho cậu con trai nghe, nhưng không biết nói vào lúc nào. Viết thơ cho người ta thì cô không biết địa chỉ.

Vì vậy cô quả quyết tấn công liền, kẻo bọn người lớn trở vô thì lỡ cả cơ hội.

Quá ngồi xuống ghế rồi mời:

– Mời anh uống nước.

– Cám ơn cô.

Chàng đưa tay rước lấy tách nước mà cô Quá trao cho, rồi hớp từng hớp mà vẫn làm thinh.

Tức mình, Quá hỏi đột ngột:

– Anh chỉ nói có được mỗi một câu ngắn ấy à?

Anh con trai ngạc nhiên lắm, nhưng không sợ hãi chút nào. Anh cười rồi nói:

– Tôi định nói nhiều, nhưng lại cụt hứng thình lình.

– Thôi được, để tôi nói. Ta nên thẳng thắn mà nhận rằng đây là một cuộc âm mưu của người lớn. Họ bỏ mình ở đây để cho mình có thì giờ nói chuyện với nhau. Nhưng thật buồn cười. Nói với nhau một lần mà biết được nhau à?

– Phải, buồn cười lắm.

– Họ muốn anh hoàn thành xong cuộc điều tra mà bà cụ của anh đã kín đáo mở ra hồm nay và đã công khai mở ra hồi nãy về tôi; điều tra và thẩm vấn nữa.

Rồi tối nay, bà cụ anh sẽ hỏi: "Thế nào, con đó được chớ?", và bà cụ của tôi cũng sẽ hỏi: "Thế nào, thằng đó được chớ?"

Nếu hai câu trả lời của anh và của tôi ăn với nhau thì các bà sẽ thích lắm, và chương trình tới sẽ được lập ra.

Vậy thế nào? Anh cứ dò hỏi tôi đi, rồi sẽ biết.

Anh con trai, phút đầu bị choáng váng vì những lời lẽ quá thẳng thắn đến gần như là mặt dày mày dạn ấy, nhưng rồi anh ta trấn tĩnh ngay, rất lấy làm thú mà nghe Quá nói, và nhìn nàng một cách thán phục.

Quá nói xong cũng hết hồn, không hiểu sao mình dạn miệng đến như thế.

– Tôi thích như vậy hơn, người con trai nói.

– Anh thích cái gì hơn?

– Tôi thích sự thành thật của cô hơn là cái trò giả dối kia.

– Vậy ra anh cũng chỉ là nạn nhân của cuộc âm mưu nầy chớ không phải là một tác giả.

– Phải, nạn nhân. Ba má tôi xưa lắm, chỉ cho phép tôi được tự do coi vợ đến như thế nầy thôi. Cũng cảm động thật đó, tuy xưa mà cũng còn cho một chút xíu tự do.

– Chắc anh thấy tôi là một con bé đáng ghét?

– Không, dễ thương chớ, đáng phục lắm.

– Như vậy chắc tối nay anh sẽ chứng với bà cụ rằng tôi được lắm. Tôi cho anh biết trước là anh cho tôi giấy chứng chỉ tốt là một chuyện, còn tôi có nhận chức hay không là một chuyện khác.

– Tôi hiểu. Nhưng cho giấy tốt là một chuyện, còn nhận người tốt cũng là một chuyện khác nữa.

Cả hai cười xòa, rồi Quá hỏi:

– Thế là anh không nhận? Hoan hô!

– Không phải là tôi không nhận. Nhưng tôi biết tôi không thích chức ấy nên tôi đã tính đến việc đăng lời rao nơi khác rồi.

– Sao anh lại đoán được ý tôi?

– Dễ đoán quá. Không có cô gái liều lĩnh nào mà dạn lời bằng cô hôm nay. Thế nghĩa là cô đã quyết tâm phá hoại mưu toan của người lớn nên mới can đảm thế.

– Anh có phiền hà gì tôi hay không?

– Kể ra thì cũng hơi phiền cho tôi. Mất công đi xuống đi lên.

Quá đọc, giọng gần như hát:

Tiếc công đi xuống đi lên,
Mòn đường, nát cỏ, chẳng nên...

Nàng bỏ dở câu hát ru mấy, rồi nói:

– Thật ra anh mới mất công chỉ có một lần, mà đã kêu rồi.

– Không, tôi có kêu đâu. Cô hỏi tôi phải nói thật chớ. Nhưng tôi không hối hận. Tôi có rất nhiều bạn gái, và rất nhiều có bạn dạn dĩ. Nhưng tôi phải nhìn nhận rằng không ai dạn dĩ bằng cô.

Tôi thích thể thao lắm và rất mến tinh thần thể thao, tôi thấy thái độ của cô hôm nay đầy tinh thần thể thao ấy: cả quyết, thẳng thắn và lương thiện.

Biết được một người như vậy là một cái may. Nếu có thấy không bất tiện, xin cô cho tôi cứ được quen biết với cô trong tình bạn hữu như vầy thì quý biết bao.

– Tôi rất vui lòng. Thấy mặt anh, tôi biết ngay anh cũng có tinh thần thể thao nên mới dạn miệng thế. Tôi kêu anh ngay bằng anh cũng vì vậy.

Cả hai đều nghe không khí dễ thở ra. Họ uống trà và đàm đạo tiếp. Người con trai hỏi:

– Từ nãy đến giờ mọi sáng kiến điều về cô. Vậy cô cứ dẫn đầu luôn đi. Tôi phải nói thế nào với cha mẹ tôi?

– Thì anh cứ chê tôi cho dữ thì xong.

– Không, tôi không thích nói láo.

– Hay anh cứ nói, để rồi xem.

– Cũng không được. Ông cụ bà cụ sẽ bắt tôi lên xuống nữa, sẽ hỏi vặn tôi mãi, khổ lắm. Cô bảo tôi nói láo, chắc phần cô, cô cũng thế, cô sẽ chê tôi dữ lắm?

– Tôi mà có chê láo cũng vô ích. Hình như là con gái không có quyền chê con trai, các ông cụ bà cụ quan niệm như vậy. Nếu chê được, tôi đã khỏi nói liều hôm nay.

– Thế thì cô tính sao?

– Tôi sẽ nói thật không phải là duyên nợ.

– Hoan hô!

Đôi bạn lại cười dòn. Kẻ khác sẽ thảm-kịch-hóa cuộc hội kiến kỳ dị của họ hôm đó. Nhưng riêng họ thì họ thấy ngộ nghĩnh lắm.

Những tay âm mưu đã xem xong vườn. Chắc phải đang nắng một lúc, họ khổ sở lắm, nên họ mới vội vàng trở vào nhà sớm thế. Nếu đôi bạn trẻ có gì để nói với nhau nhiều, chắc là nói không kịp.

Họ vào nhà lúc câu chuyện vừa dứt, cả hai gương mặt còn tươi cười.

Bà Nam Thành bằng lòng hết sức. Đó là triệu chứng hay – theo ý bà – tỏ rằng "hai trẻ" đã tâm đầu ý hiệp rồi vậy.

Khách ăn cơm vui vẻ hơn bận trước nhiều. Chú rể hụt thấy câu chuyện ngã ngũ một cách hay hay, ngộ nghĩnh nên ngồi càng lâu càng thấm, chúm chím cười mãi một mình, khiến cả bàn ăn đều lạc quan.

Quả nhiên, đêm ấy cái cảnh mà Quá tiên đoán, đã diễn ra tại Thái-huyên trang. Chắc chắn là một cảnh y hệt như vậy cũng đang diễn ra tại nhà chú rể hụt.

Long không tham dự buổi nói chuyện đầu hôm trong gia đình, và thoát ra sân để hóng mát.

Ấy thế, cứ vài bữa là chàng đào ngũ một lần cuộc họp mặt đầu hôm trong gia đình.

Gia đình nào cũng chỉ đông đủ có ba lần trong một ngày: hai bữa ăn chánh và đầu hôm. Cần nói gì với nhau, có gì để dạy con, để mách cha mẹ, họ nói vào ba dịp đó. Long thấy mình đã chiếm mất cảnh thân mật trong các bữa ăn của người ta rồi, nên tha cho họ sự hành tội lúc đầu hôm đó.

Bà Nam Thành xỉa qua cục thuốc, rồi hỏi con gái út:

– Làm sao con, con thấy thằng đó như thế nào?

– Dạ, thưa người cũng khá lịch sự.

– Hư, con gái hư! Ai lại khen như vậy.

Người miền Nam lớp già, thường hiểu lầm và dùng lầm tĩnh từ lịch sự. Tiếng ấy đối với họ, có nghĩa là đẹp người. Bà Nam Thành không bằng lòng con gái khen con trai đẹp vì bà thấy sự ngợi khen ấy trái đạo, nên bà mới mắng yêu Quá như thế.

Mấy chị em hiểu được mẹ nên cười rộ lên.

– Gì mà bây cười? Bây chê tao xưa hả? Nay cũng vậy chớ. Con gái chỉ nên để ý đến tài đức của con trai thôi.

– Làm sao mà con biết được tài đức của người ta sau khi mới trao đổi với người ta vài câu chuyện không đâu.

– Sao lại không? Người có đức, nói một lời thì biết ngay là có đức.

– Hồi xưa thì như vậy. Nhưng bây giờ họ không có đức mà vẫn biết cách tỏ ra ta đây có đức thì làm sao, thưa má?

– Như vậy là họ giả dối, họ giả dối là mình thấy ngay.

– Thôi được, con thấy người ta có tài, có đức lắm.

– Chớ lại không à? Mới hăm bốn tuổi mà tự sắm xe hơi được rồi. Ông Phán bà Phán ấy về hưu có giàu có gì đau, thế mà họ sống thong thả lắm, nhờ "thằng ấy" đó.

Bà nín lặng vài giây. Trong lúc đó thì Hoa thúc cùi chõ vào người chị cả, rồi cười hóm hỉnh bằng mắt như nói:

– Bà cụ đã chấm đậu rồi đó.

Bà Nam Thành ngọt giọng hết sức, rồi hỏi thêm con:

– Má hỏi thật con, con có bằng lòng ưng người ta hay không?

Quá từ thuở giờ được cưng hơn hết. Nàng không sợ mẹ giận, mẹ phiền, về mọi việc khác. Nhưng việc nầy!

Nàng biết là cha mẹ rất lo âu về việc chồng con của bốn chị em nàng. Chỉ có mỗi một mình nàng là còn dễ gả thôi, ba chị kia đã lỡ lứa rồi. Hy vọng cuối cùng của cha mẹ, nàng đã đánh tan đi mà không thấy là bậy. Bây giờ trước mặt người thân yêu nhứt đời nàng, nàng bỗng nhớ sực lại trách nhiệm của mình rồi hối hận vô cùng. Nàng không hối hận đã bỏ lỡ dịp, mà đã làm một việc mà cha mẹ nàng khi hay được sẽ tuyệt vọng biết bao!

Bà Nam Thành ngỡ sự im lặng của Quá là lời thú nhận theo thường tình con gái, nên bà đắc chí mỉm cười.

Biết sớm muộn gì cũng lòi ra, không nói thật bây giờ thì phải lo ngày nầy qua ngày khác, lo cơn bão tố bỗng nổ bùng ra, nên nàng thưa, thưa thật nhỏ như sợ mẹ nghe:

– Con đã nói thẳng với người ta là con chưa định lấy chồng.

Ông Bà Nam Thành rụng rời như cả ngôi nhà đang sụp đổ xuống vai ông bà. Ba người chị của Quá đều kinh ngạc.

Ông Nam Thành bỗng đứng lên như có *lò-so* bật, nhưng ông lại ngồi trở xuống ngay, nói đúng ra là ông thả rơi trở mình xuống ghế.

Bà Nam Thành ngừng nhai trầu, nhìn con như không tin lời con vừa nói.

– Thật à? Giây lâu bà hỏi như vậy.

– Dạ thưa thật.

– Trời, mầy giết tao!

Rồi bà ôm một đầu gối, ngó lên trần, nuốt lệ như từ đâu nơi cổ họng bà nó cứ muốn trào ra, nghe nghèn nghẹn khó thở vô cùng.

Ông Nam Thành chì chắt lưỡi một tiếng thôi rồi tì càm vào bàn tay chống, mắt nhìn vào khoảng không.

Cơn bão tố không bùng nổ lên như Quá đã dự liệu. Nhưng khỏi sợ hãi, nàng lại phải chịu đau xót vô ngần. Nàng đau nỗi đau thầm lặng của hai người thân yêu nhứt đời nàng.

"Rồi con cũng sẽ lấy chồng được kia mà!" Nàng kêu thầm lên những lời đó, muốn nói lớn lẽ ấy ra để an ủi cha mẹ, nhưng bỗng nàng giựt mình sợ hãi.

Ừ, lỡ không lấy chồng được? Người mà nàng yêu, biết có chắc là yêu nàng hay không? Và, yêu và cưới là hai việc khác nhau, không bắt buộc phải liên hệ đến nhau, theo quan niệm của nhiều anh con trai đời bây giờ!

"Trời ơi, nếu như thế thì cha mẹ đành ôm hận mà không gả được đứa con nào hết!".

Quá nghĩ tới đó rồi bỗng dưng khóc òa. Hương thương hại đứa em út, kéo xển nàng đi ra ngoài, một tay nắm cánh tay Quá một tay vuốt lên tóc em.

Đêm ấy cả nhà im tiếng sớm. Ai cũng lặng thinh và nằm êm trên giường mình, nhưng thật ra không ai nhắm mắt cả.

Ông bà Nam Thành không tiêu hóa nổi thái độ kỳ khôi một cách vô lý của con, nằm gác tay lên trán mà hậm hực với ai không biết.

Cô Hương thật thà, không hề ngờ em đã yêu, nên cứ ám ách cho con bé sanh chứng một cách dại dột.

"Tại sao nó lại có thái độ lạ lùng như vậy? Cô Hồng tự hỏi. Người ấy, đoán thì gàn dở lắm, nhưng chừng thấy mặt, xem ra cũng

người đàng hoàng, lại rất xứng đôi vừa lứa với nó lắm mà! Trời! nhà nầy có mả ế chồng sao mà? Mỗi một lần được một chỗ xứng đáng đến xem mắt thì lại sanh chuyện chẳng lành?"

– Chỉ có cô Hoa là hiểu được thái độ của Quá thôi. Không phải cô tinh ý hơn ai, nhưng vì cô để ý nên đã bắt chợt được vài tiếng không kín, vài cử chỉ quá hùng biện nơi cô em út.

Tại sao cô lại để ý? Ấy, có tịch mà. Tuy làm bộ ta đây là gái có bản lãnh, Hoa, thật ra, đã bối rối trước người thanh niên mà nàng thấy là đẹp tra, là có tài, có duyên.

Đối với chính nàng, nàng luôn luôn chối là đã cảm mến người thanh niên ấy. Nhưng tất cả hành động của nàng đều tố cáo tình yêu không dám thú của nàng.

Nên chi, Hoa hay rình xem có ai yêu chàng trai ấy hay không. Nàng đã tìm ra được thủ phạm, đến hai thủ phạm kia, nhờ tài trinh thám của kẻ đa nghi, đa nghi vì đã bắt đầu ghen.

Tuy nhiên, Hoa vẫn phục em về cái ngông của em nàng hồi sáng. Hoa với Quá là hai cô gái cứng đầu trong gia đình. Hai chị em trìu mến nhau vì đồng tật.

Kẻ có tội lớn trong nhà là cô gái út. Lẽ cố nhiên là cô ta đêm ấy lật qua lật lại mãi trong trí cái tội kia, thử xem coi nó hưởng được trường hợp giảm khinh hay không, cho nhẹ lương tâm cô một chút.

Luận điệu cũ cứ trồi lên mãi: "Rồi con cũng sẽ lấy chồng được kia mà! Con còn trẻ chớ đã lỡ thời đâu".

Và lo sợ cũ cứ lù lù tiến đến để dọa nạt cô: "Biết người ấy có thật dạ yêu mình hay không? Và nếu có, sẽ cưới mình hay không?"

Cứ như thế mà mãi cho đến khuya, Thái-huyên trang mới chợp mắt được.

Không khí gia đình Thái-huyên trang bỗng trở lại bình thường sau cái đêm bứt rứt đó.

Ông Bà Nam Thành định dịu ngọt với con, thương yêu nó hơn lên để dỗ dành nó. Câu chuyện đáng tiếc hôm qua, không phải là không còn cứu vãn được. Và may ra Quá sẽ đổi ý.

Con gái đang dậy thì, bị cơ thể biến chuyển đau đớn như trời trở tiết, hành hạ họ. Sự khó chịu ấy được cụ thể ra ngoài dưới hình

thức những chứng bịnh thường xuyên, không rõ rệt là chứng gì, đến mấy vị *đốc-to* già, đầy kinh nghiệm cũng phải chịu là bí, và dưới hình thức những lúc sanh chứng kỳ khôi, khó hiểu, những càu nhàu, những câu mâu đáng giận.

Ông Nam Thành biết rõ điều ấy nên khuyên bà hãy có thái độ như thường, nếu càng dịu hơn thường được, càng hay.

Hồng và Hoa thì công phẫn lối xem mắt vợ của người mình, đặt con gái ngang hàng với món đồ, với con vật, nên nghe thỏa mãn nhằn học của họ khi người con trai bị ra rìa. Họ nghe như Quá đã trả thù tập quán đáng giận kia giùm họ. Vì vậy họ thán phục cô em út và sự thương mến giúp họ vui vẻ với em hơn mọi ngày.

Duy chỉ có Hương là rầu buồn. Phận nàng, đã xong một đời như vậy. Nàng cam phận ở với cha mẹ đến khi cha mẹ qua đời. Nhưng thương em, nàng mong đứa nào cũng có đôi bạn để ra riêng mà hưởng hạnh phúc với người ta. Người sốt ruột hơn cả cho cảnh hẩm hiu của mấy chị em là nàng. Sự sốt ruột ấy không vì nàng mà vì các em của nàng vậy.

Mỗi lần có bạn trai đến chơi là nàng hy vọng giùm cho các cô em, hy vọng từ năm nầy đến năm khác và rất lo các cô em phải chịu chung số phận với mình.

Nay có một đám xem chừng xứng đáng, lại bước tới một cách quả quyết như thế, thì công chuyện lại đổ vỡ vì cái ngông của em.

Cô tức lắm cho nên khi sáng Quá đang cho gà ăn, cô đi lại níu áo em mà nói:

– Quá, mày ngược đãi những người đi coi mắt mầy như vậy thì biết bao giờ mầy lấy chồng được?

– Bộ trên đời nầy chỉ có một người đi coi vợ sao chị?

– Hẳn là có nhiều người. Nhưng họ lại phân chia ra rải rác mà đi coi vợ nhiều nơi, chớ có phải họ chú trọng đến độc một mình mầy sao.

– Đành là thế, nhưng cũng không phải sẽ chỉ có độc một người đi coi mắt em.

– Mà đám nầy tao xem được lắm...

– Không phải duyên nợ, chị tiếc làm gì.

– Mầy nói chuyện duyên nợ là mầy chỉ nghĩ đến một mình mầy. Nếu mầy mà thương ba má thì mầy chỉ được kén vừa vừa thôi.

– Em có kén chọn gì đâu. Em đã chẳng khen người ấy là lịch sự, là có tài có đức đó sao?

Hương rơm rớm nước mắt mà rằng:

– Em còn thơ dại, không hiểu được nỗi khổ của ba má. Nhà có con gái đông vầy mà không gả được đứa nào hết, thiên hạ cười chê ba má dữ lắm đó. Họ nói: "Đẻ làm chi cả bầy con gái cho chúng ế chồng lên, ế chồng xuống như vạy?

Mình không thấy đó là xấu hổ, nên mình bất kể được. Nhưng ba má lại nghĩ khác mình, nghĩ như họ nên ba má buồn phiền lắm".

Quá cảm động đến đỏ cả mắt và mũi:

– Khổ quá, em có muốn làm ba má buồn đâu. Tại lòng em như vậy đó chớ.

– Dẹp cái lòng mầy lại một nơi đi. Mầy tưởng tình yêu không đến được sau hôn nhơn à? Mầy tưởng má hồi đó si tình ba dữ lắm, lúc ba đi coi mắt má à? Nhưng rồi má có không yêu ba đâu? Đồ điên!

Vừa thoát khỏi tay chị, Quá lọt ngay ổ phục kích của Long.

Anh chàng họa sĩ đã được cô Hoa bép xép cho biết mọi việc, nên quyết gặp mặt Quá để phân vài lời cho cô biết lẽ phải ra.

Long hối hận lắm. Chàng đã không can đảm mích lòng cô bé, để cô ta hiểu lầm nên nay mới xảy ra việc đáng tiếc nầy.

Mà khổ! Sao từ thuở giờ không ai đi coi mắt họ? Biển tình cảm trong gia đình vừa mới bị ngọn sóng ngầm dao động sơ sơ vài bữa là có một đám thật khá muốn giao tình.

Xui xẻo cho gia đình nầy biết bao! Long càng nghĩ càng thương những người sống trong tối tăm nầy, không bao giờ dám có mộng to, chỉ mong hưởng được một cuộc đời bình thường của mọi người mà cũng không toại nguyện.

Vừa bị chị gợi cho mình khổ tâm, Quá thấy Long thì bỗng nổi giận lên. Nàng qui tội cho anh họa sĩ đã bước vào đời nàng một khi không phải lúc, cho nàng phải xót dạ như vầy.

"Ừ, tại nhà ngươi đó mà ta mới ngông như vậy, mà nhà ngươi thì xem chừng như chưa dứt khoát lắm đó. Liệu hồn nhà ngươi, bỏ rơi ta thì biết".

Mặt Quá hằm hằm khiến Long sợ hãi lắm. Nhưng cố làm bộ thản nhiên, chàng hỏi:

– Thế nào cô Út? Chưa muốn lấy chồng thật à? Bữa nay thì tôi tin cô rồi đó. Nhưng vẫn không hiểu tại sao...

– Đồ ngốc!

Quá như điên lên, mắng càn một tiếng. Tiếng mắng vừa vọt ra khỏi miệng nàng là nàng hả giận được ngay và tỉnh hồn lại rồi hoảng sợ vô cùng. Hoảng sợ lại làm cho nàng tức nghẹn lên nên Quá òa lên khóc.

Người kinh ngạc là Long. Tình cảm dữ dội của Quá vừa rồi cho chàng cảm thấy mãnh lực cuồng loạn của mối tình nàng. Mãnh lực ghê hồn ấy được tuổi thơ dại buông cương ra và nó sẽ tác hại không biết đến bờ bến nào mà lường trước được.

"Trời ơi! thế nầy thì chết mất! chàng than thầm, ta vào đây, mang ơn gia đình nầy rất nặng, đã chẳng làm gì được để đáp nghĩa họ, lại vô tình gây rối rắm trong nhà người ta!

Đành rằng họ yêu mình là tại họ, có ai bắt buộc họ đâu, có ai dụ dỗ họ đâu? Nhưng phải thú nhận với lương tâm rằng cũng chính vì mình không ngay ngắn lắm nên người ta mới hiểu lầm, rồi chính vì mình hèn nhát lắm, không dám đính chánh nên người ta tiếp tục hiểu lầm mãi".

Hoảng sợ quá nên tính xằng, Long tự hỏi: "Hay mình cưới quách con bé ấy cho xong? Ừ! Cưới nó thì êm chuyện. Khỏi sợ ai làm dữ nữa. Đành rằng mình đã tỏ tình với chị nó, nhưng chưa nói gì rõ ràng đích xác lắm, mà chị nó cũng chẳng hứa hẹn gì, thì nên dứt bên kia cũng không khó. Cô Hồng ấy lại hiền từ...".

Ý nghĩ ấy vừa thoáng qua trí chàng thì Long lại hoảng hơn bao giờ cả. Thì ra càng sợ, càng rối lên, rồi càng giải quyết bậy bạ tất cả mọi việc. Cũng may là chưa có gì ghê lắm mà chàng đã hốt hoảng tính xằng như vậy rồi, nói gì khi uất khí của cô gái bé cứng đầu kia nổ búng ra thì chàng sẽ hành động sai lạc đến đâu?

Thấy rõ là cần phải nguội trong đầu, bình tĩnh lại mới khỏi làm xằng, Long quyết đánh cù cưa cho dịu cơn tức của Quá để đợi sự lắng tình của nàng và lắng trí của mình.

Chàng dọn ra một bộ mặt rộng lượng và đám màu thương mến, tiến đến gần Quá mà rằng:

– Anh không ngốc đâu, em nhỏ à! Anh hiểu em lắm. Nhưng anh thấy là anh không gây hạnh phúc cho em được bằng người khác, bằng người thanh niên hôm qua.

Quá mừng rỡ hết sức vì cái liều lĩnh đến thô lỗ của nàng chẳng những không làm mích lòng Long, mà lại buộc Long nói rõ ra vài điều mà từ hổm nay chưa ai dám nói. Thế là đã rõ, như là nàng có tỏ tình với anh ta, và anh ta đã có ý kiến về mối tình ấy.

Tuy đó là một ý kiến thối thác, nhưng vẫn còn hy vọng nhiều, và dễ chịu cho thắc mắc của nàng hơn là trước kia không thể biết được người ta hiểu thấu mình hay không.

Một lần nữa, Long lại hèn nhát rồi dấn thân thêm vào con đường gai góc. Chàng không yêu Quá, mà nói như thế hóa ra yêu, yêu nhiều lắm, yêu đến vị tha, sợ không làm nàng sung sướng được nên hy sinh mối tình của mình, nhường nó lại cho người khác. Khổ ơi là tuổi trẻ! Thờ thần tình cảm quá rồi cứ dối người, dối mình, dối cả đến vị thần mà họ thờ phượng. Đến khi đức tin nơi vị thần ấy phai lợt được thì bao nhiêu là tang tóc, bao nhiêu là sụp đổ đã chồng chất lên đời họ rồi!

Ở thôn quê miền Đông, nhứt là ven các con lộ, không hiểu sao trong vòng mười lăm năm nay cỏ bù-xít mọc nhiều quá.

Các bạn biết thứ cỏ ấy chăng? Đó là thứ cỏ người ta hái ngọn để nuôi thỏ. Cỏ có thân cây và nhánh lá đủ cả như một cây to thu nhỏ lại. Nhưng thứ cỏ bù-xít mọc tràn đầy đồng nội nầy lại cao quá đầu người chớ không phải chỉ thấp độ hai tấc như cỏ bù-xít thường.

Có người biết chuyện quả quyết rằng chính quân đội Nhựt, muốn kháng chiến chống quân Đồng-minh nên đã mang hột cỏ ấy từ xứ họ qua đây mà rải để khi cỏ mọc lên, họ có chỗ núp mà đánh du kích ở khắp nơi.

Chỉ có cỏ ấy là đủ điều kiện thôi. Mọc mau, rậm ri dễ ẩn núp mà lại mềm, không gai góc, người núp trong đó day trở dễ dàng mà không sao cả.

Sáng hôm ấy Long vẽ chơn dung cho Hoa. Hoa nài nỉ đòi ngồi giữa đám cỏ bù-xít bên vuông đất trống cạnh vườn nhà, vì nàng bảo hay e lệ, ngồi ở ngoài vườn, thiên hạ trông thấy, nàng sẽ hết tự nhiên đi.

Mới ngồi xong, Hoa lo lắng hỏi:

– Anh vẽ em ngây thơ, hay quạu quọ, hay gì đó?

– Chơn dung của cô là chơn dung của "sắc đẹp".

– Nịnh đầm! Hoa mỉm cười và mắng khéo họa sĩ một tiếng.

Long mặc *so-mi* vẽ hình đủ thứ cá, quần *phó-la-nen,* ống chẹt, nhưng trông phọng nhã chớ không *cao-bồi.*

Chàng đã vẽ xong chơn dung cho mọi người nhà trừ Hoa và ông Nam Thành. Đã đi được ngay ngắn từ lâu, Long muốn về lắm, nhưng loạt truyền thần không lẽ bỏ dở chừng, nên rán vẽ cho xong để ra đi sớm chừng nào hay chừng nấy!

Long ngừng tay lại, đứng ngắm kỹ mặt người mẫu như để cố thu tất cả những đặc điểm của gương mặt ấy vào trí chàng.

Trong giây phút, mắt chàng gặp phải mắt Hoa, chàng bỗng sực nhớ lại rằng đêm đầu, mắt ấy đã trốn mắt chàng.

Lần nầy nó không lẩn tránh nữa, mà lại như muốn đương đầu với cái nhìn của chàng.

Long hơi bối rối, rồi chàng quyết định chịu thua. Nếu không chịu ơn nhà nầy, nếu không có chuyện rắc rối xảy ra hổm nay thì chàng đã cho hai cái nhìn quyện lấy nhau rồi.

Long là một thanh niên đa tình. Cô Hoa lại là một cô gái đẹp. Nghệ sĩ thường thường tham lam đến quên đạo đức, thì mặc dầu yêu cô chị, chàng cũng dám trầm trồ nhan sắc của cô em.

Nhưng cái nguy đã lố dạng, nên chàng để lý trí lên trên được.

Hoa hỏi:

– Tại sao lại "của sắc đẹp" như anh vừa nói?

– Là vì cái điểm trội hơn hết nơi cô là sắc đẹp. Cô Hồng thì đã có cái mơ buồn làm minh tinh cho dung nhan của cô ấy, mặc dầu cô ấy cũng rất đẹp. Cô Quá có cái ngây thơ là khả họa nhứt. Nơi cô, sắc đẹp là chủ điểm.

– Ừ, chị Hồng em buồn lắm. Nhưng vẻ buồn của chị rất nên thơ và khả ái.

– Đúng như vậy. Tại sao cô Hồng lại buồn như thế, cô?

Đây là câu hỏi mà Hoa cố ý khiêu gợi ra khi nói đến cái buồn của Hồng, khiêu gợi và mong mỏi nó đến.

Nhưng nàng vẫn làm bộ ngại lời, nên chỉ mỉm cười một cách bí mật thôi.

Long yêu Hồng vì nhiều lẽ, mà một là vì vẻ buồn như tàng ẩn nỗi niềm gì đau thương lắm. Riêng vẻ buồn ấy, riêng cái đau thương bí mật ấy, tự nó, cũng đã quyến rũ lắm rồi, chàng không cần biết thêm gì nữa cả. Nhưng tò mò là bản chất của con người, nên chàng nài nỉ một cách như không tha thiết lắm:

– Cô Hồng nhờ buồn mà đẹp hơn lên. Nhưng vẻ đẹp ấy sẽ còn mãi hay không là do duyên cớ buồn của cô. Nếu tự nhiên mà buồn thì cô sẽ đẹp mãi mãi nhờ nét buồn ám trợ. Bằng như buồn vì một cớ có thể nguôi được thì vĩnh biệt vẻ đẹp vậy.

Hoa ngứa ngái quá, chịu không thấu nữa, xác định:

– Chị em chỉ mới buồn về sau nầy thôi. Tội nghiệp cho chỉ lắm. Chỉ đã đau khổ không biết bao nhiêu...

– Vậy à? Tình duyên chắc? Xin lỗi cô, tôi quá tò mò...

– Chuyện riêng tư không lẽ nói với ai. Nhưng đã xem anh như là người nhà, như một người anh rồi thì...

Hồng làm quen với Thân nơi nhà một người bạn gái chung.

Thân là một sinh viên y khoa đại học, nhà nghèo, mồ côi cả cha lẫn mẹ. Có lẽ tình trạng đáng thương ấy khiến Hồng cảm tình với Thân ngay trong cuộc gặp gỡ đầu.

Họ ít gặp nhau lắm, vì Thân, ngoài các buổi nghe giảng ở phân khoa, còn phải đi thực hành ở các viện như viện cơ-thể-học, viện

hóa-học hữu-cơ, viện sinh-lý-học, v.v... và nhứt là dạy ở các trường tư để mưu sinh và mua thêm sách vở.

Ít gặp mà hễ gặp là đàm đạo mê, vì xem ra họ rất hạp tâm hạp ý với nhau lắm.

Sau một năm quen biết, họ yêu nhau. Hồng, con nhà nề nếp; Thân, đứng đắn, nên họ yêu nhau suông vậy thôi, được một năm nữa.

Thân dạy trường tư rất ít giờ, vì chàng sợ bỏ học thực hành rồi hỏng thi như không biết bao nhiêu sinh viên ở các phân khoa khác.

Vì vậy vấn đề cưới hỏi nhau chưa ai dám đặt ra cả.

Ông bà Nam Thành không khá giả bao nhiêu thì không thể bao cho một tiểu gia đình nữa được. Thân chỉ kiếm vừa đủ tiền ăn cơm tháng, tiền quần áo, sách vở và *xi-nê* thôi. Đến những bữa mời nhau đi ăn mà Hồng còn phải trả tiền *tắc-xi,* tiền hiệu ăn nữa là.

Hồng đã lãnh đan áo, lãnh xếp đèn giấy cho người ta, thức đêm thức hôm để kiếm thêm chút ít mà giúp bạn.

Mối tình vô tội của đôi bạn, vì phải đợi lâu ngày quá nên chuyển ra tội lỗi. Thân chỉ mới học đến năm thứ nhì, nếu kể cả năm dự bị là ba, còn đến bốn năm nữa mới cưới vợ được. Mà đời nay con trai con gái không đủ bền chí đợi nhau đến ba bốn năm như các cụ ngày xưa.

Hồng lo sợ Thân thối chí nên đã dễ dãi với người sinh viên ấy.

Năm đó Thân thi đỗ ngoại trú. Người ngoại trú mỗi ngày phải vào làm việc ở các nhà thương một buổi.

Công việc bắt buộc chàng chung đụng rất thường với bạn gái đồng nghề.

Thân vẫn yêu Hồng như thường, nhưng gần gũi cô Nghĩa, cô nữ đồng nghiệp ấy lâu ngày chầy tháng quá nên lửa phải bắt rơm.

Là một người vị hôn phu trung thành với người bạn đời chưa cưới, trung thành đến dại dột, Thân thú thật với Hồng sự phản bội của hắn.

Hồng đau đớn lắm nhưng sau những giải thích khoa học của Thân và những lời cam kết của anh, Hồng nguôi được.

Nhưng rủi ro cho cả ba người trong cuộc là cô Nghĩa mang thai với Thân.

Thân trước kia có giới thiệu hai người bạn gái với nhau, và Nghĩa với Hồng cũng mến nhau lắm.

Bây giờ cơ sự như thế nầy, Thân hoảng sợ quá, không giải quyết làm sao được cả.

Cô Nghĩa thì chỉ khóc, chớ cũng chẳng làm gì Thân.

Hồng đành chịu thiệt thòi, không phải để cứu một người bạn không thân bao nhiêu mà chính là để cứu một người đàn bà mà số kiếp thường chịu long đong do tạo hóa gây dựng thể chất của họ một cách bất lợi trong đường tình.

Hồng cố vui vẻ cho Thân cưới Nghĩa, nếu không, anh chàng nầy dám làm mặt lì bỏ rơi Nghĩa lắm, vì Nghĩa kém sắc hơn Hồng nhiều, lại vì chính Nghĩa đã thọ thai, tức là đã bớt quyến rũ về xác thịt.

Đau đớn là ở chỗ đó.

Khi nỗi đau khổ bị đè nén xuống, nó chạy dồn vào bên trong rồi con người cứ phải nhơi mãi thứ tình cảm không tiêu ấy, nó nằm trong đó mà gặm lần gặm mòn cả tâm hồn người ta.

Nghe câu chuyện, Long có cảm giác rằng Hoa cố ý tiêu diệt Hồng trong lòng chàng, Hoa đã đoán thấy mối tình chớm nở giữa hai người, và cũng yêu chàng nên mới nhẫn tâm tiết lộ bí mật của đời chị như thế.

Trời! "Núc ních trật chín, trật mười", lời tục nói không sai! Cái cô Hoa nầy hồm nay xem như là rất thờ ơ với mình, nhưng giờ mới thấy là cô ta quá sá.

Quá tuy thế mà thẳng thắn hơn, lương thiện hơn nhiều. Cô yêu là cứ yêu, không sợ ai cười chê gì cả. Và yêu thì yêu không cần gạt ai ra hết. Chim trời cá nước, ai bắt được nấy ăn chớ!

Cô Hoa đã lầm. Long yêu là yêu, không thèm biết đến dĩ vãng của người yêu, hay có biết cũng chẳng để nó ảnh hưởng đến tình yêu của chàng được.

Trái lại, chàng nghe ghê tởm quá cái con người nầy mà lòng vẩn đục những ác ý. Bỗng nhiên, chàng thấy Hoa bớt đẹp ra và hình

như là bắt chợt được vẻ hiểm ác kín đáo hiện trên gương mặt của nàng.

Hoa im lặng nhìn phản ứng trên mặt của Long, còn Long thì ngẩn người ra mà kinh ngạc cho nhơn dục đã làm loạn tâm con người đến thế.

Hai người không nghe được tiếng chân đạp lá, không thấy những cây cỏ bù-xít bị lay động gần đó.

Ăn cơm trưa xong, Long xin phép ông bà Nam Thành vô xóm trong để hầu chuyện vị sư già nơi am "Yên-Hà" là cái am riêng, thờ Quan-Âm, do một bà cụ lập ra từ mấy năm nay.

Hôm ấy tới phiên Hoa rửa chén. Cả nhà mặc dầu không ngủ trưa, vẫn nằm nghỉ trên nhà trên.

Hồng nằm chưa nóng lưng đã ngồi dậy để xuống bếp! Không ai chú ý nên không thấy được mặt nàng hằm hằm vì nỗi căm tức chưa tiêu hóa được sau khi bắt chợt trong đám cỏ bù-xít những tiết lộ ác hiểm của em khi sáng.

Hoa đang sắp chén dĩa đã rửa xong vào sóng thì Hồng chụp lấy vai cô, rồi cười gằn mà hỏi:

– Sao em ác với chị dữ vậy?

Hoa hết hồn, vị bị chụp thình lình, lại vì câu hỏi đến trong lúc cô đang có tịch, nên cô đứng ngậm câm vài giây rồi mới hỏi lại được:

– Em có ác gì đâu chị?

Hồng cười dài rất mỉa mai mà rằng:

– Em ác, em lại hèn, không có gan thú tội. Trời ơi! Trong gia đình mình lại có một đứa con, một đứa em như vậy à?

Bây giờ Hoa đã hiểu, và sợ hãi lắm, nhưng nàng vẫn còn hy vọng rằng không phải chuyện tiết lộ kia đã chọc giận chị nàng, nên nàng mới hỏi gặng cho chắc ý.

– Nhưng việc gì chị cũng phải nói ra chớ.

Việc gì thì em biết, cần gì phải nói ra. Chị chỉ hỏi em vì sao nỡ ác như vậy. Xấu xa quá, đến chị, chị còn mắc cỡ cho em, cho cả nhà ta, huống gì đối với người nghe chuyện em kể trong đám cỏ hôi.

Thế là đã rõ. Hồng đã rình mò (hay tình cờ không biết) nghe được câu chuyện bép xép vì ác ý của em nàng.

Không thể chối cãi được nữa, cũng chẳng có lý lẽ nào để đưa ra cho giảm tội được, Hoa làm mặt lì cự lại:

– Mắc cỡ cho em? Chị làm xấu mà em lại mắc cỡ? Có phải "tập tầm vông" của trẻ nhỏ đâu.

Rồi nàng mỉa mai hát:

Tập tầm vông,
Chị lấy chồng,
Em ở góa;
Chị ăn cá,
Em mút xương;
Chị nằm giường,
Em nằm đất;
Chị húp mật,
Em liếm ve;...

Tức lắm, Hồng sừng sộ hỏi:

– Chị làm gì mà em cho là làm xấu?

– Tốt lắm à? Con gái có mèo mà tốt lắm à?

Cơn giận ứ trong lòng nàng đã sôi bọt và trào lên. Hồng nhảy đến nắm đầu em, tát vào má nó một cái tóa hỏa, vừa tát vừa nói:

– Có phải là mèo chuột hay không, mầy đã dư biết, đừng vu khống thêm vô ích. Mà em thì không quyền xét đoán chị như vậy nghe chưa?

Hoa không chạy, một tay nắm lấy tay đánh của chị, còn tay khác thì đánh lại Hồng.

– À, con nầy dữ, Hồng nói rồi vả tiếp vào mặt Hoa.

Bị vả hai lần đau điếng, Hoa như điên lên, hai tay chụp đầu chị, quay những lọn tóc của Hồng trong những ngón tay của cô rồi vặn mạnh.

Hồng nghe như ai rứt da đầu của nàng ra, nàng vả lia vào mặt em để thoát, nhưng Hoa cứ chịu vả như vậy, và tiếp tục vặn tóc của Hồng.

Cùng thế, Hồng táp cánh tay em rồi cắn vào thịt em một cái mạnh.

Hoa la "oái" lên một tiếng rồi buông tóc Hồng ra. Nhưng tóc cứ vướng vào những ngón tay của cô mãi. Hồng tuy nghe hết đau đầu mà thấy tay em không rời tóc mình, ngỡ nó toan vặn tóc lọn nữa, nên ôm Hoa mà vật xuống như con trai đánh lộn.

Không đề phòng, Hoa bị vật ngã xuống đấu kêu cái ạch. Cô níu chị theo trong lúc té, vì thế Hồng cũng ngã nhưng nằm đè lên mình em.

Hoa vùng vẫy để hất cho chị té xuống đất. Nhưng Hồng thấy em mình dữ quá, lo nó mà ngồi dậy được thì khổ nên cố nín thở cho nặng thêm để đè xuống.

Vùng vẫy không hiệu quả, Hoa đánh lên túi bụi. Hồng đã ngồi dậy trên mình em và đánh trả lại một cách đắc thế hơn. Nhưng lần nầy, vị trí nàng lỏng lẻo hơn trước vì ngồi thì không vững bằng nằm. Vì thế Hoa lật té chị xuống được.

Hai chị em bây giờ ôm nhau mà vật lộn, không ai thắng ai cả, nên họ sàng quây với nhau và hai chị em lắm lúc quay tròn như cong trổng.

Cẳng hai người khi xây qua tới cái chõng cao cẳng dùng để sóng chén, chạm mạnh vào chõng ấy, làm cho sóng chén rơi xuống, chén dĩa bể kêu lổn rổn.

Hoa bỗng nảy ra một sáng kiến ác hiểm. Nàng cố quay cho đầu day lại đống miểng chén rồi vói tay lượm một cái miểng lớn, đập nó vào mặt chị Hồng, Hồng bị vỡ trán máu phun có vòi. Nhưng nàng không la. Cả hai đều lầm lì quyết câm miệng để sống chết với nhau.

Nàng cũng vói tay lượm miểng đập vào mặt em như vậy, nhưng Hoa biết trước, đưa cả hai bàn tay ra mà đỡ. Tuy bàn tay trái của cô rách và máu chảy dầm dề nhưng mặt cô còn nguyện vẹn được.

Nghe chén dĩa rơi cả sóng, ở nhà trên ai cũng hoảng không biết tai nạn gì đang xảy ra cho người rửa chén.

Hương và Quá nhảy xuống đất trước, ông bà Nam Thành chạy sau.

Khi họ xuống tới thì thấy Hồng và Hoa đánh vùi với nhau, máu me đầy cả mình mẩy và áo quần của họ.

Cả nhà kinh khủng hết sức, Hương và Quá vội vã mỗi người kéo một chiến sĩ đang hỗn chiến ấy ra. Ông bà Nam Thành thì cứ chạy vòng quanh đó mà hỏi:

– Cái gì? Cái gì vậy?

Bà Nam Thành ngồi bệt xuống đất rồi rống lên mà khóc.

Khi hai con gà mái tơ đã bị rứt rời ra xong, Hương giao cho Quá ngăn hai người tái chiến, còn cô thì chạy lấy gòn, băng và *tanh-tuya-dót* để trở lại nghề lang băm một lần nữa.

Hai nữ tướng thấy cha mẹ thì sợ hãi, cúi mặt xuống nhưng cả quyết lặng im, ông Nam Thành hỏi gì, họ cũng chẳng dỉ hơi.

Ông Nam Thành tức lắm, giậm chơn xuống đất mà kêu trời:

– Trời ơi, chị em bây hòa thuận với nhau thuở giờ như bát nước đầy, cả nhà đầm ấm mấy mươi năm nay. Rồi bây giờ lại sanh chứng ra như thế nầy thì có khổ hay không!

Bà Nam Thành khóc đã, rồi kể lể:

– Tại ông không nghe tôi, nên mới ra cơ sự như vầy! Ông giết con ông đó đa! Rồi ông sẽ thấy còn khổ bằng trăm ngàn lần bây giờ nữa.

– Tại tôi làm sao? Ông Nam Thành đổ quạu, hỏi bằng giọng sân si.

– Tôi biểu đừng có lui về quê, chưa phải lúc đâu.

Ông Nam Thành bỗng chợt hiểu, trong khi Hương và Quá vẫn cứ ngơ ngác ra.

Ông Bà không tinh hơn hai cô con, không biết rộng hơn, nhứt là về khoa học, nhưng ông bà vốn đã có bàn qua vấn đề ấy rồi, nên nay nhắc sơ lại là hiểu ngay.

Hương hối em đi rửa mặt mày và thay đổi y phục, còn Quá thì lo dẹp miếng chén và quét những giọt máu trên mặt đất.

Độ nửa tiếng đồng hồ sau, Long trở về nhà. Chàng có cảm giác như là một cuộc bể dâu vừa đi qua đó.

Cô Hồng bị băng đầu, còn cô Hoa thì băng tay trái, cả nhà lại im lìm chớ không nói cười như mọi ngày. Mặt ai cũng có dáng lo nghĩ buồn phiền.

Long lấm la lấm lét như kẻ có tội, vì chàng quan niệm rằng bắt chợt những thảm cảnh, những chi tiết trong đời sống thân mật của gia đình người ta là có tội.

Vì vậy, chàng thơ thẩn đi ngoài vườn, dưới nắng xế. Đi quanh được vài vòng, Long nghe khó chịu quá, nên chun vào đám cỏ bù-xít cạnh vườn để núp nắng và nhứt là để núp mắt người nhà.

Đến khoảng trống mà chàng dọn khi sáng để làm phòng vẽ, Long ngồi xuống rồi rút khăn ra lau mồ hôi đã thấm ướt cả áo *so-mi* của chàng.

Long có cảm giác là chàng không phải không liên hệ đến cơn bão tố đã nổi lên ở nhà lúc chàng vắng mặt. Nếu họ bị tai nạn hay là đánh nhau đi nữa, mà vì lẽ khác thì thế nào họ cũng bô lô ba la lúc chàng về để cắt nghĩa lăng xăng cho khỏa lấp việc ấy. Đàng này họ nhìn chàng từ xa mà như là mắc cỡ.

Sự im lặng của họ là sự im lặng hổ ngươi chớ không phải im lặng giận hờn. Nhưng sao lại hổ ngươi? Có phải chăng vì chàng...

Áy náy khó chịu, chàng đứng lên mà đi, không biết đích tới, đi cốt để quên sự cắn rứt vì mối hận đã gây sóng gió một cách vô tình trong một gia đình mà chàng chịu ơn và thương mến.

Long ra khỏi phòng vẽ lộ thiên ấy được đâu bảy tám bước thì ngạc nhiên thấy cỏ ngã thành một đường dài. Con đường nầy khác với con đường chàng và Hoa đã phá để vào khi sáng.

Chàng ngạc nhiên không phải vì sự hiện hữu của con đường. Ai cũng có thể và có lý do vào đó cả, nhưng con đường lại tuyệt đạo. Người vô danh nào đã đi đâu, sao không đi tới nữa, như chàng đã đi tới một nơi trống cỏ để vẽ vời, lại quay gót lúc nửa chừng như vậy?

Hơn thế, nơi đầu đường tuyệt đạo ấy, lá cỏ chung quanh bị hái sạch trơn, bị vò nát, vứt đầy trên mặt đất.

Bỗng chàng hiểu tất cả: Hồng đã theo dõi họ, có lẽ vì muốn xem vẽ thôi chớ không có ý xấu rình mò. Nhưng vừa tới đó, nàng bắt chợt câu chuyện do em kể. Đứng nghe một hồi, vừa sợ, vừa giận, vừa bối rối, nàng vò nát cỏ mà không hay.

Long thở dài lẩm bẩm: "Thì ra vậy! Rồi Hồng tìm Hoa để mắng em, rồi họ cãi vã với nhau, rồi đánh nhau đấy! Thì ra, cảm giác của mình đúng chớ không phải là đoán mò".

Bấy giờ Long lại hối hận và sợ hãi hơn hồi mới về nhiều. Tội chàng đã rõ rệt trong vụ nầy, không phải là tội bắt chợt chi tiết thân mật trong đời sống gia đình của người ta, mà tội gián tiếp làm xáo trộn cảnh êm ấm của mấy chị em đáng mến nầy.

Vì lẽ ấy, chàng lại càng không dám vô nhà. Nhưng còn chưa biết phải tính sao thì Long bỗng mừng rỡ mà thấy Bằng ngoài ngõ.

Chàng ngạc nhiên nhưng vẫn mừng. Sao Bằng lại lên ngày thường chớ không phải chúa nhựt, thứ bảy gì, lại lên vào buổi xế chiều, như là có chuyện gì quan trọng lắm? Mà mặc, miễn vào nhà được mà khỏi ngượng rồi hãy hay. Chàng sẽ tháp tùng theo Bằng, rồi thì xí xóa cả. Ăn thua cái phút đầu, mà cái phút đầu qua lọt được thì êm luôn.

Nghĩ vậy, Long đi riết ra cửa ngõ rồi reo lên:

– Ê! Bằng! Sài-gòn có gì lạ?

Bằng lạnh lùng bắt tay Long, mỉm cười một cách gượng gạo rồi đáp:

– Chuyện lạ là ở đây.

Long cụt hứng và sợ hãi không dám nói gì nữa. Hai người con trai lặng lẽ đi song song với nhau vào nhà.

Mấy cô con gái đang dọn cơm chiều, vì ở nhà quê ăn cơm tối thật sớm, vào lúc mặt trời chưa lặn hẳn.

– À, Bằng! Ông Nam Thành mừng cháu bằng cái câu cụt ngủn ấy.

Trừ Hương ra thì mấy cô con gái kia chỉ cúi đầu chào anh, như chào khách lạ.

Hương hỏi:

– Có việc gì mà anh lên một lúc bất thường vậy?

– Thôi để ăn rồi hãy hay, bà Nam Thành ngăn Bằng đáp lời con. Hay là ta nói chuyện trong bữa ăn cũng được, bà lại đề nghị như vậy.

Cơm đã dọn xong, cả nhà ngồi lại. Trong mấy phút đầu, bữa ăn lặng trang như bữa giỗ đầu của người thân yêu nào, kẻ sống ăn mà ngậm ngùi nhớ người chết như còn quanh quất đâu đây.

Ông bà Nam Thành e có chuyện gì kín chăng nên không muốn hỏi trước mặt khách. Hương bị anh không đáp một lần nên đâm chán, làm thinh mà ăn, Hồng và Hoa, hai nữ tướng bị thương, từ trưa đến giờ vẫn chưa bỏ quyết định làm reo ngậm miệng. Quá thì vì đã ngược đãi bồ của Bằng, nên lấm lét, sợ Bằng cự.

Lâu lắm, Bằng mới hỏi.

– Hai cô làm sao mà bể mặt rách tay như vậy?

– Hai đứa nó té, Hương nói dối hớt giùm hai em.

Nhưng Hồng đã chịu mở miệng và nói ngay sự thật ra, nói bằng một giọng pha trò, mong Long hiểu là cô nói cà rỡn.

– Không, hai đứa em đánh nhau đó a anh Bằng.

– Tôi cứ ngỡ là hai cô bị tai nạn xe hơi. Tôi bị ám ảnh vì tai nạn *ô-tô* nên nghĩ ngay ra thế.

Long khó chịu, không biết Bằng có muốn ám chỉ xiên xẹo gì mình hay không. Nhưng chàng vẫn không dám mở lời.

Bằng lại nín và cả nhà cứ ăn. Tiếng nhai dưa chuột, tiếng húp canh đều nghe rõ mồn một, bữa ăn lặng lẽ quá, khiến người ta có cảm giác đang nghe tiếng ăn rào rào của một nong tằm.

Khi gần xong bữa, Bằng nhìn dì dượng và nói:

– Cháu định chúa nhựt sẽ lên, nhưng bứt rứt quá chờ không được nữa nên mới đi hôm nay, vào giờ nầy. Cháu lên để cự cô Quá một mách cho hả giận. Thằng Côn nó về nó kể lại buổi đi xem mắt vợ của nó, cháu nghe, cháu tức muốn nghẹn.

Bà Nam Thành nghe cháu nói bỗng nghẹn ngang thật sự. Sợ cháu nó hối hận, bà vẫn tiếp tục nhai nhai mãi mà không nuốt, giây lâu mới qua được cơn tức. Bà nói:

– Đâu cháu hỏi nó trước mặt dì thử xem, coi nó trả lời làm sao vụ đó.

– Sao vậy cô Quá? Bằng hỏi em theo lời dì yêu cầu.

– Tại không phải duyên nợ, chớ có sao đâu anh.

– Cô điên lắm, về sau cô sẽ phải ăn năn... Nó là thằng bạn trẻ của tôi. Tôi mến nó lắm, và thấy nó đủ điều kiện nên mới dám điềm chỉ như vậy.

Không ưng là quyền của cô, đến dì dượng đây mà còn không ép được cô. Nhưng tôi thấy thái độ của cô không có lý do, hay nói cho đúng ra, không có lý do hợp lý nên tôi tức, lên đây mà nói cho hả hơi.

Ăn cơm xong thì Bằng xin về ngay. Ông bà Nam Thành cầm thế nào cũng không được.

Long vừa định đưa Bằng ra cửa ngõ thì người con trai nầy đã ngoắt chàng trước. Họ làm thinh mà đi, chừng cách xa nhà rồi, Bằng mới đột ngột hỏi và nhìn ngay vào mặt Long:

– Anh có lỗi gì hay không? Cứ nói thật đi. Mình là bạn trai với nhau, hiểu nhau nhiều, không còn gì giấu nhau nữa.

Long thẳng thắn đáp:

– Có, nhưng lỗi gián tiếp thôi. Mặc dầu vậy, tôi cũng hối hận hết sức.

Đáp xong chàng thở dài, mặt bí xị.

Ra tới đường, Bằng nói:

– Anh nên đi là tốt hơn.

– Phải, tôi đã quyết định từ hồi trưa. Tối nay tôi sẽ xin phép để mai lên đường. Tôi đã phác họa xong bức truyền thần cho ông cụ và ghi sâu vào trí đặc điểm của gương mặt ông. Đó là bức họa cuối cùng mà tôi sẽ hoàn thành ở Sài-gòn.

– Như vậy là biết điều.

– Anh không trách tôi lắm chớ?

– Không. Tôi chỉ tiếc thôi. Tôi thương mấy em tôi lắm.

Long đưa tay nắm tay Bằng siết chặt lại và nói:

– Tôi cũng vậy, tôi thề quyết chuộc tội bằng...

– Tốt hơn là đừng nói gì trước, kẻo lại phải hối hận nữa.

Một chiếc xe *lô* chạy ngang qua. Bằng đưa tay bắt lại. Đôi bạn siết tay nhau thật mạnh. Xe chạy đã xa rồi mà Long vẫn còn đứng trông theo cái người độc nhứt đã hiểu câu chuyện, hiểu anh và khoan hồng không trách móc anh.

Xe đã khuất nẻo. Trời tím sẩm xuống. Xóm trên đã khởi sự đỏ đèn.

Long định đêm nay không dự buổi họp mặt đầu hôm của gia đình. Chàng xin phép về, tỏ lòng biết ơn và từ giã nội nhà thì cũng tốn trót một tiếng đồng hồ rồi. Nếu ở lại họp mặt như mọi ngày thì buổi họp mặt của người ta sẽ phải kéo dài thêm. Vả lại, không khí ở đây không còn đầm ấm, vui vẻ nữa. Thái-huyên trang đã có thể sửa lại là Thái-huyên trang rồi.

"Trời ơi, Long than thầm, mới ngày nào mình còn hình dung ra một đêm giã từ vừa vui vẻ, vừa bận bịu những luyến tiếc, mà bây giờ thật trạng lại như thế nầy!"

Mới có mấy hôm, chỉ có mấy hôm thôi, mà bao nhiêu biến cố đã xảy ra trong nhà nầy. Những tình cảm bị dồn ép, những nhân dục bị đẩy lùi, tìm gặp chỗ yếu nơi thành của chiếc thùng nhốt chúng nó, phá chỗ yếu ấy mà xì ra.

Chàng thương biết bao những con người hiền lành kia: ông bà Nam Thành chỉ dám mong mỏi gả được con, rồi sống những ngày xế chiều trong một xó tối, mấy cô con gái chỉ ước mơ lấy được một tấm chồng, ước mơ nào có xấu xa gì cho cạm!

Họ đã yêu. Cũng không tội lỗi gì cả. Họ điên dại mà ngược đãi người coi mắt họ, càng đáng thương thêm. Họ đâm khùng phá hoại hạnh phúc của chị họ, mong cướp hạnh phúc ấy cho riêng mình, điều đó tuy bậy, nhưng những kẻ may mắn hơn, không có dịp làm thế, liệu có lương thiện được hay không, nếu đứng vào địa vị họ?

Long băn khoăn không biết làm thế nào để gặp mặt Hồng được đêm nay hầu giã từ riêng nàng, nói cho nàng khỏi lo, rằng chàng

vẫn yêu nàng và câu chuyện xưa hoàn toàn không lung lay được mối tình của chàng.

Nhà vỏn vẹn có ba buồng ở dưới, vách buồng trống trơn, vườn cũng trống lỗng, đêm nay nhà lại có việc buồn thì rất khó-mà trao lời với Hồng.

Long định đón Hồng nơi một xó nào đó trong nhà, nói mau cho nàng biết ý định của mình muốn gặp nàng. Khuya lại, chắc nàng xuống.

Nhưng chàng không dám. Sóng gió vừa qua hai cơn, nếu rủi ro, cơn thứ ba nổi lên thì phải ôm mặt mà chạy ra khỏi nhà nầy ngay, không còn dám ngó ai nữa hết.

Bỗng chàng hồi hộp mà thấy dáng ai đứng gần giếng. Đêm đã xuống hẳn. Trời chỉ có lưa thưa vài con sao, nên dưới nầy gần như tối mịt. Người ấy nhờ mặc áo trắng nên chàng mới trông thấy được.

Nếu như đó là Hồng thi thật may mắn bất ngờ. Nhưng lỡ không phải Hồng, thì nó sẽ rắc rối thêm biết bao nhiêu!

Người ấy chắc chắn không phải là Hương, vì chỉ có ba cô kia mới đang buồn, đang khổ, và mới thơ thẩn ngoài trời như vậy.

Hoa thì chàng đã ghê tởm rồi, còn Quá thì chàng thương lắm, không muốn cô có dịp hy vọng nào nữa. Mà cả hai đều yêu chàng và nhân dục họ mạnh và mù vô cùng, gặp họ thì nguy.

Nhưng nếu không đến gần thì còn làm sao biết đó là ai được. Long nhớ lại mình đang mặc *bi-da-ma* xám, đi trong đêm chắc không bị ai trông thấy. Chàng định đến cách khoảng vừa đủ trông thấy là ai thôi, rồi sẽ tiến nữa hay lùi tùy người đứng đó là ai.

Nhưng chàng đến càng lúc càng gần mà cũng trông không rõ được. Người ấy đứng nghiêng mình, có thể đoán là đang âu sầu nhìn xuống giếng.

Người ấy khóc hay chăng? Ừ, hình như là chàng vẳng nghe tiếng hít mũi.

Bỗng một ý nghĩ ghê gớm chạy xẹt qua trong trí chàng. Long hoảng sợ rồi đâm liều, chạy càn tới giếng.

Chưa thấy gì lạ cả, nhưng không hiểu sao chàng cứ sợ là không kịp. Chàng vừa đến nơi thì thì trời ơi, cái mình áo trắng đã ngã

xuống. Chàng chỉ nhắm chừng thôi, vì quần đen của người ấy không thấy được, nhắm chừng rồi chụp lấy hai cái chơn của người ấy lại.

May quá, chàng chụp trúng và nắm chặt lấy hai chơn ấy.

Thân trên kẻ quyên sinh đã ngã vào miệng giếng, nhưng hai bắp vế của y còn nằm trên bờ giếng bằng *xi-măng* xây khá cao. Vì chân được giữ lại nên thân dưới không bị lôi theo.

Long bối rối lắm. Nếu buông ra, toàn thân kẻ quyên sinh sẽ lọt xuống đáy giếng! Mà không buông thì tay đâu đỡ mình y lên?

Riêng y, một là y không chịu lên, hai là y không đủ sức ngóc lên nữa.

Long đành phải ôm hai cái chơn ấy bằng một tay rồi vừa kéo lui mình người ấy vừa với tay kia để níu lấy cái mình.

Người bị kéo như vậy, da thịt cọ vào bờ giếng, chắc đau đớn lắm, nhưng mặc! Chàng hì hục rất lâu mới kéo thân hình trên của người ấy ra khỏi miệng giếng được.

Lạ là y làm thinh, không kêu la gì cả, như một cái xác chết. Được biết tình cảm mãnh liệt của mấy chị em Thái-huyên trang. Long không ngạc nhiên trước can đảm của người nầy chút nào.

Chàng hỏi nho nhỏ:

– Ai đây?

– Anh Long!

Nhận ra được tiếng của Hồng, Long mừng hết sức và càng sợ nhiều hơn lên, nỗi sợ trễ tràng vì Hồng có thể đã rơi xuống đáy giếng trước khi chàng cứu kịp.

Hồng kêu lên hai tiếng "Anh Long" rồi òa lên khóc nức nở. Long không nói gì cả, để cho bạn tự do khóc cho hả hơi và lợi dụng thời gian ấy để đỡ Hồng dậy. Xong đâu đó, chàng nói:

– Bậy lắm! Sao cô lại làm thế? Tôi đang tìm cô để nói rõ cho cô biết là tôi vẫn yêu cô và không đếm xỉa đến những lời nói xấu nào cả.

Hồng nức nở lên mà khóc nữa. Lần đầu tiên Long đường đột chạm đến Hồng. Chàng nắm lấy tay Hồng, siết chặt lại rồi ngồi chờ cho trận khóc thứ nhì ấy dứt.

Khi những tiếng thổn thức thưa lần, Long gọi:

– Em!

– Dạ.

– Em có nghe anh nói hay không?

– Dạ nghe.

– Thì nín đi. Em cứ an lòng. Anh sẽ trở lại mà cưới em, nếu em còn yêu anh.

– Làm sao mà không còn được, hở anh.

– Con sao Hôm, hôm nay không ra mặt, con sao Hôm của chúng ta, sẽ nhắc nhở mối tình của chúng ta, sẽ nhắc nhở em chờ anh và sẽ nhắc nhở anh kíp trở lên đây cưới em.

Long đặt má chàng lên tóc bạn, Hồng còn tấm tức, tấm tưởi nên đầu nàng chốc chốc lại đẩy lên, đè áp lực vào má của Long.

– Thôi anh từ giã em nhé! Ở đây lâu không tiện, em vào ngay cho.

Hồng đứng lên rồi tấm tức tấm tưởi nói:

– Người ta hay nói: "Vật đổi sao dời". Anh có thể đổi ý, nhưng em cầu xin cho sao đừng dời để mỗi đêm em nhìn sao mà nhớ đến anh.

– Vật đổi sao dời, nhưng người không đổi, em đừng lo.

Hình như một bóng đen đang đi vào nhà. Đôi bạn sợ hãi buông nhau ra. Hồng bước mau, rời khỏi giếng, trong khi Long đi vòng để ra phía ngoài mà vào, như đi đâu ngoài đường mới về.

– Thôi mai nó về là xong! Ông Nam Thành nói nho nhỏ trong bóng đêm.

– Xong làm sao được! Con mình đã yêu nó rồi. Nếu việc không thành, thì tai hại không thể lường được. Lại cả hai ba đứa yêu nó! Chị em nó thương yêu nhau biết bao nhiêu, mà bây giờ lại đến cả đánh lộn với nhau. Cũng tại ông.

– Bà cứ đổ lỗi cho tôi hoài!

– Tôi đã nói có con gái lớn, lùi về quê không được.

– Không, tại mình rủi ro đó chớ. Tai nạn xe hơi trước nhà, chỉ có trời mà đoán trước được.

– Nhưng rủi ro ấy có phải là nguyên nhân chánh của biến động trong gia đình mình đâu.

– Sao không phải? Bà đã chẳng cho rằng vì về quê, sống xa xã hội riêng biệt của mình, nên bất kỳ người con trai nào hiện đến là con mình yêu ngay đó sao.

– Đúng. Nhưng nếu không có tai nạn xe hơi, không có khách, thì con mình vẫn khổ như thường.

Ông Nam Thành thở dài.

Trong khi hai ông bà băn khoăn cho số phận con cái thì cô Quá nước mắt ràn rụa ướt cả gối mền. Những lời cô rình nghe lóm được bên giếng không còn để nghi ngờ nào lại cả. Đã rõ ràng như hai với hai là bốn rằng chị cô và Long đã yêu nhau, và Long định cưới chị cô.

Quá không mảy may ganh với chị. Cô chỉ tủi cho cái không may mắn của cô thôi. Thất vọng chỗ nầy, cô lại ân hận đã bỏ lỡ cơ hội kia, khiến cha mẹ cô buồn phiền, và cơ hội ấy có thể không bao giờ đến nữa, y như đối với mấy chị của cô. Như vậy, cha mẹ cô sẽ mất luôn hy vọng cuối cùng được gả đứa con gái út.

Thật ra, Quá chưa đến quýnh lấy chồng thì cô nghĩ cho dẫu cơ hội không bao giờ đến cũng chẳng sao. Ý nghĩ ấy rồi vài năm nữa đây, một khi đã luống tuổi, cô có thay đổi hay không thì chưa rõ, nhưng hiện giờ cô tin chắc như vậy.

Nhưng con gái thơ thì yêu chỉ để đáp lại tiếng gọi của tình cảm đang thời tốt giọng của nó chớ không phải tha thiết lấy chồng, lắm khi cũng chẳng thèm nghĩ đến việc xác thịt.

Và con gái thơ, mà trai tơ cũng thế, yêu dại lắm, họ xem tình yêu là tất cả cuộc đời, mất đi là vũ trụ cũng đổ theo, đời không còn nghĩa gì nữa. Và mối tình đầu nào, cho dẫu không có gì cao đẹp lắm, cũng là mối tình có thể giết người.

Nằm chung buồng với em, cô Hương không hay biết gì cả, vì Quá chỉ lặng lẽ khóc, nằm yên không day trở. Đó là một kẻ cố chạy cho mút con đường, nhưng chừng đến nơi, y thấy trước mặt một cái

hố sâu, khó mong tiến thêm được nữa, y chán nản quá không còn biết mệt mà chỉ nghe oải tay oải chơn như quá đuối sức.

Cô Hương, một kẻ lương tâm bình yên, nằm một lát rồi ngủ khò. Quá rón rén ngồi dậy, thắp cây đèn trứng vịt lên, rồi che kín ngọn đèn, sợ lọt ánh sáng qua vách ngăn rồi ông bà Nam Thành sanh nghi.

Cô viết bốn bức thơ dài, thơ cho cha mẹ, cho Hồng, cho Long, và cho hai chị là Hương và Hoa.

Bây giờ có lẽ đã quá nửa đêm. Dưới kia người thanh niên ngủ ngáy đều đều, nhắc nhở Quá cái đêm đầu mà người ấy vừa tỉnh lại. Từ cái đêm ấy, mối tình của cô nẩy lộc đâm chồi, rồi bây giờ lại tàn rụng. Chỉ mới có non hai mươi ngày thôi, nhưng sao mà cô nghe như đã lâu lắm rồi.

Cô yêu nhiều quá, sống mãnh liệt quá với mối tình câm lặng ấy, nên thấy nó xưa lắm, như là yêu đã hai ba năm.

Tàn rụng! Ý nghĩ tàn rụng lại đẩy tràn nước mắt cô ra, Quá ngồi đó mà khóc, không biết bao lâu nữa đến chừng nào cạn lệ, cô đứng lên đem bốn bức thơ lại nhét dưới gối mình.

Đêm nào bốn chị em cũng có đem lên gác một chai nước chín phòng khi khát nước mà không dám xuống buồng ăn.

Quá rót một ly nước rồi thò tay vào túi lấy ra ống thuốc ngủ mà lúc đầu hôm cô đã tìm thấy trong tủ thuốc gia đình do Hương sắm.

Mặc dầu không thiết sống nữa, Quá vẫn nghe ghê rợn khi cầm xem vật giết người ấy! Những viên thuốc nhỏ xíu nầy, bỏ vào miệng cô dễ dàng như là những viên thuốc cảm sốt.

Thật là lạ kỳ, nó dữ tợn thế mà sao ngậm vào miệng không nghe gì lạ cả, cũng chẳng đắng cay gì. Thế rồi thần kinh cô được dỗ ngủ, thế rồi nó tê liệt hẳn, ngăn tim cô đập tiếp, thế là hết. Từ cái sống nóng hổi, say sưa nầy bước qua cái chết yên lặng kia sao mà phẳng lì, cái phẳng lì không xứng đáng chút nào đối với sự sống vĩ đại và cái chết thê thảm cả. Không, phải đau đớn quằn quại mới được, để nâng cao giá trị của sự sống đẹp và giá trị của cái hy sinh thê thảm sự sống ấy.

Nhưng Quá không có gan chết oanh liệt như vậy. Nàng nhớ có nghe ai kể chuyện một cô kia tự tử bằng pháo chà. Ghê quá! Họ nói chất lân nó cháy trong bụng cô ấy, nổ nghe lụp bụp (không biết nói thật hay nói quá) và cô ta lộn nhào kêu khóc rất thảm thương.

Cô không có gan chết oanh liệt, mà cả đến chết êm ơ, bằng thuốc ngủ, cô cũng do dự nãy giờ. Ai bảo quên sinh là hèn nhát? Riêng cô, cô thấy phải can đảm lắm mới tự tử được.

Mỗi lần Quá mở nắp hộp ra là cô rùng mình rồi vội vàng đậy lại. Nhưng rồi cứ muốn mở ra. Ma thuốc ngủ xúi giục chăng? Người ta nói vòng thắt cổ có ma. Đó là ma thần vòng. Người nào bị ma ấy bắt, cứ muốn thắt cổ mãi, chiến đấu với nó khổ sở hết sức mà cứ nghe thèm thắt cổ.

Mình bị ma thuốc ngủ bắt hay chăng? Mình không muốn chiến đấu với nó, chỉ sợ nó thôi, nhưng nó vẫn quyến rũ, kêu gọi mình.

Quá lẩn thẩn nghĩ đến tác động sinh-lý-hóa của chất thuốc ngủ để kéo lùi lại giây phút vĩnh biệt cuộc đời.

Thuốc ngủ sẽ bị tiêu hóa rồi thấm vào cơ thể, làm tê liệt thần kinh. Thần kinh không lay động trái tim nữa, thế là chết, chết trong lúc cơ thể còn nguyên vẹn, mọi cơ quan, mọi tạng phủ đều lành mạnh. Bộ máy còn tốt và chiếc dây thiều lại ngưng đẩy nó đi, chỉ có thế thôi.

Nhưng nếu vì một may mắn nào, dây thiều làm việc trở lại? Trời ơi! Ghê quá!

Quá nhớ lại vụ một thiếu nữ khác tự tử bằng á phiện. Sau năm năm chôn cất, người nhà lấy cốt cô. Khi bửa hòm ra, họ thấy bộ xương ngồi dậy. Người ta kết luận rằng động tác tê liệt thần kinh của chất ma túy, sau khi hết hiệu quả, người chết sống lại được trong một vài trường hợp.

Nhớ tới đó, Quá lại rùng mình, ghê rợn cho sự tỉnh dậy trong hòm, ngộp thở mà không phương gì thoát được.

Sợ nghĩ vẩn vơ mãi rồi không dám uống độc được nữa, Quá lôi kéo ý nghĩ của cô trở về mối sầu tuyệt vọng.

Cô nhăn mặt như thuở bé sốt rét bị uống *kí-ninh* rồi nhắm mắt lại, thảy một viên thuốc vào miệng, hớp một ngụm nước rồi nuốt đánh ực một cái.

Ống thuốc còn chẵn mười viên, Quá uống đến mười lần như thế mới hết.

Thế là xong cái khổ dịch uống thuốc và xong một đời. Bây giờ cô đã rơi xuống vực sâu, kêu cứu cũng khó lòng mà ai cứu được. Nhưng cô không sợ hãi lắm đến phải kêu cứu.

Không có gì khó chịu, không đau đớn chút nào. Chết sao mà dễ quá như thế nầy? Trời ơi, sự sống con người quý báu như thế kia, tốn công, tốn của thế kia mới gìn giữa được, vậy mà hủy diệt nó có khó khăn gì đâu! Trời ơi, quý báu, sự sống quý báu! Trời ơi, đời đẹp biết bao nhiêu!

Trời ơi, ngày mai, trời lại sáng! ánh thái dương lại soi tươi vạn vật, vạn vật lại reo vui lên! Ngày mai, có kẻ lên đường với hy vọng trở lại đây mà cưới một người, rồi cả hai cùng hưởng hạnh phúc.

Nước mắt Quá bỗng chảy đầm đìa, cô tủi phận không biết đâu mà nói.

Bỗng cô nghe mí mắt cô nằng nặng và tâm thần dã dượi. Thôi rồi, con ma ngủ đã đến. Quá nằm sải tay sải chơn, không buồn chống trả lại sự buồn ngủ nó tới mau lẹ quá chừng.

Long dậy một lượt với gia đình. Chàng định đi trước bữa ăn sáng cho khỏi làm rộn người nhà, nhưng khi mấy chiếc *va-li* đã gài lại vừa xong thì *cà-phê* nóng vừa bưng lên.

Cả nhà cùng dùng bữa ăn lót dạ một lượt. Hương bảo rằng Quá còn ngủ. Người biết chuyện đinh ninh rằng cô Quá muốn tránh gặp mặt Long, những người khác cũng không có gì phải ngạc nhiên, cô gái út ấy lười biếng như vậy đã nhiều khi lắm rồi.

Họ ăn bánh mì nguội hôm qua, hấp lại và thoa muối mỡ hành. Bữa ăn cũng khá vui, nhứt là ông bà Nam Thành, ông bà nghe nhẹ nhõm như đang trút gánh nặng.

Hoa lì lợm, tuy không có lý lẽ gì để vui cả, nhưng vẫn can đảm được như thường.

Ăn xong, Long xách *va-li* từng chiếc một ra đường. Vì về bất thình lình, nên chàng đón xe đò mà đi chớ không có mẹ lên rước.

Cả nhà đưa chàng tận cửa, và xe chạy khuất dạng rồi họ mới chịu vô.

Thái-huyên trang thở ra vì nghe nhẹ gánh mà cũng vì nghe nặng một ngậm ngùi gì khó tả. Non một tháng trời, người con trai ấy đã làm huyên náo không khí trầm lặng ở đây. Hắn đi, sự náo nhiệt đi theo hắn, và Thái-huyên trang trở lại quạnh quẽ đìu hiu.

Mãi đến tám giờ, bà Nam Thành mới nhớ lại cô Quá.

– Tư a, con lên coi em nó ngủ gì mà ngủ dữ quá như vậy. Coi nó có đau ốm gì chăng? Bà bảo Hoa như thế.

Hoa vừa cho gà ăn xong, phủi tay rồi vào nhà để lên gác. Cô không thấy gì lạ cả, nhưng lay em rất mạnh một hơi mà không nghe ừ hử gì, cô mới đâm nghi.

Hoa nhìn quanh quẩn trong buồng và mắt cô dừng lại trước cái ống nhôm cạnh ly nước. Cô bước tới cầm ống thuốc lên xem rồi, hoảng hốt, cô nhảy xuống thang từng hai ba nấc một, gỗ bực thang kêu lên rầm rầm khiến cả nhà thất kinh.

Ra tới sân, cô mếu máo nói:

– Ba má ơi! Hai chị ơi! Con Quá nó tự vận rồi, nó chết rồi!

– Trời ơi! Bốn người đang đứng nơi sân, kêu lên một lượt như vậy, rồi đâm sầm chạy vào nhà, trừ bà Nam Thành thì té xỉu trên cỏ.

Hoa đỡ mẹ lên, dìu mẹ vào nhà và hai mẹ con òa lên khóc. Ba người kia chạy lên tới buồng trên thì mặt mày không còn một chút máu.

Ông Nam Thành lặng lẽ cắn răng mà nhỏ lệ. Trong khi Hương chạy lại rờ em trong một cử chỉ, máy móc của nhà nghề.

– Chưa chết ba à, nó còn nóng hổi, chắc mới uống đây thôi. Hồng ra đón xe! Chị với ba khiêng em xuống.

Hồng tuột thang còn lẹ hơn Hoa hồi nãy nữa, trong khi ông Nam Thành chạy lăng xăng. Rốt cuộc ông nói:

– Thang đứng mà hẹp quá, khiêng không được đâu. Thôi để một mình ba cõng em con.

Ông Nam Thành đỡ xốc con lên. Hương giúp cha, xô áp em vào lưng ông. Cô lấy khăn tay cột tay em lại trước cổ ông Nam Thành, nếu không, Quá không ôm cổ được, sẽ ngã ngửa ra.

Ông Nam Thành run rẩy bước xuống thang, miệng lẩm bẩm:

– Vái trời cho kịp!

– Không sao đâu ba, Hương an ủi ông. Con nhớ lại thì đó là thứ viên nhỏ cho trẻ con. Viên nhỏ và trong hộp chỉ còn phân nửa thôi, thì chẳng đến đỗi gì.

Bà Nam Thành chạy lại ôm con khi ông xuống tới đất, rồi bà đi theo sau ông, vừa đi vừa khóc kể như đưa đám ma.

•

Ông Nam Thành và Hương đưa Quá xuống nhà thương Bà-chiểu. Bơm rửa, chọc cho nôn ọe, đổ *cà-phê,* tiêm chất kích thích, độ một tiếng đồng hồ Quá tỉnh dậy được.

Bác sĩ nhà thương xác nhận lời của Hương: uống thuốc độc không lâu, và liều thuốc khá nhẹ.

Ông Nam Thành kéo ghế lại sát giường con, rồi hai cha con nhìn nhau mà lặng lẽ khóc. Ông Nam Thành hiểu được tâm trạng của con, thương cho tình thế của con và hối hận đã quên nghĩ đến con lúc lui về vườn. Lui về vườn là việc tốt đối với ông. Nhưng con gái sắp lấy chồng mà cho đi an trí như vậy, ông mới nhận thấy là tội nghiệp.

Ngồi trong buồng nhà thương, ông mới nghĩ đến những việc về lòng người, trước kia không bao giờ thoáng qua óc ông: những cô gái quê thì ở thôn quê vẫn lấy chồng dễ dàng như thường, nhưng gái chợ đổi chỗ ở thình lình trong thời cưới gả thì không phải lúc. Giang sơn nào, xã hội nấy.

Mãi cho đến trưa, ông Nam Thành mới ra về, sau khi hôn lên trán con, như Quá còn nhỏ em lắm vậy. Ông đứng ở cửa phòng bịnh mà căn dặn mãi cô con gái lớn:

– Đừng quên cho em uống *cà-phê!*

Từ sáng đến giờ, nhà thương bắt người bịnh uống hết ly *cà-phê* nầy đến ly *cà-phê* khác, cốt lấy chất kích thích ấy chống lại với chất an thần quá mạnh là thuốc ngủ kia.

Thấy nhà có việc lộn xộn và nghe bà Thái-huyên (người ta gọi tắt hai ông bà như vậy) khóc kể, và cô Quá được chở đi cấp tốc, những người quen ở lối xóm chạy đến hỏi thăm lăng xăng.

Mặc dầu bứt rứt về số mạng con, bà Nam Thành vẫn phải rán trấn tĩnh bịa chuyện để cắt nghĩa cho trôi vụ đó.

– Nó ăn nhằm nấm độc. Nội nhà không ai ưa nấm hết nên ai cũng chỉ ăn vài tai thôi. Một mình nó ăn hết cả dĩa nên mới nặng như vậy. Nó bắt đầu đau bụng hồi mười một giờ khuya, mà phải đợi đến sáng mới chở đi nhà thương được.

Khách về hết, bỏ bà Nam Thành ở lại với nỗi lo lắng của bà. Bà ngồi ở phòng tiếp khách mà ngó mãi ra đường, mỗi lần thấy xe lên bà hồi hộp ngóng cổ dòm ra, xe qua mà không ngừng, bà lại thất vọng và lo rình chiếc khác.

Lúc đồng hồ gõ mười một tiếng, bà chịu không được nữa, định sai Hồng đi xem thử thì một chiếc xe đò ngừng lại trước trại.

Nội nhà ngó ra rồi mừng rỡ thấy ông Nam Thành bước xuống xe, thong thả đi vào nhà. Dáng điệu của ông là tin lành giúp họ an lòng được ngay.

Gần tới nhà, ông đã nói lớn từ ngoài sân:

– Không sao, sợ nhiều nhưng hại ít. Mai mốt là nó về được.

Bà Nam Thành thở ra nhẹ nhõm.

Bữa cơm trưa hôm đó, tuy thiếu hai người, nhà tuy vắng vẻ sau khi người khách đã đi, tuy vừa trải qua một thảm kịch, cũng vui vẻ được. Đó là cái mừng chết hụt nó đánh bẹp tất cả lo âu khác và khó khăn, khổ sở nào cũng bị đẩy lùi ra hàng sau cả.

– Chỉ hai ba ngày là nó khỏi, ông Nam Thành lặp lại, giọng bằng lòng lắm.

– Nhưng không biết bao giờ nó mới khỏi được việc khác, bà Nam Thành thấy cần tốp bớt lạc quan của ông nên nói thế.

Ông Nam Thành như không thèm để ý tới lời đó, nói với Hồng:

– Ngày mai, con xuống thay thế cho chị con để nuôi em, rồi mốt thì tới phiên con Hoa.

Mấy chị em lại một lần nữa, biến thành nữ khán hộ, nhưng lần nầy con bịnh là người nhà chớ không phải chàng thanh niên đẹp trai và sanh chuyện nữa.

Ba cô nuôi em vừa đủ mỗi người một phiên thì bác sĩ cho về.

– Thôi, con đừng buồn nữa. Vài bữa về Sài-gòn rồi ở luôn dưới ấy với má.

Bà Nam Thành dỗ ngọt Quá mà bà để trên gác cho cô nghỉ yên.

Cô Quá sau khi chết hụt, hết nghe muốn chết nữa. Sầu tình của cô cũng biến đổi khác lạ. Đây là một sự chán nản, một sự rỗng không. Cô chưa được yêu lần nào. Mối tình của cô là một ảo ảnh. Ảo ảnh tan là không còn gì cả trong lòng cô. Kỷ niệm không có thì ngậm ngùi cũng không.

Không khí Thái-huyên trang chẳng những trở lại với sự cô quạnh trước mà còn đượm hơi hám, bẽ bàng. Niềm riêng của người nầy người kia không rõ thấu được, tuy vẫn biết nó thuộc vào loại nào. Nhưng những cô gái thẳng thắn ấy không xấu hổ vì họ đã yêu. Họ chỉ mắc cỡ với nhau vì vô tình họ đã yêu trùng một người. Vô tình thì không tội lỗi gì cả, nhưng lại là cái tội chọn liều, vì người yêu quá hiếm hoi.

Tuy vậy, qua vài ngày thì sự thương mến len lén trở lại, ban đầu hơi bỡ ngỡ một chút, rồi dạn lần ra, rốt cuộc mấy chị em làm lành lại với nhau được và thương mến nhau như cũ.

Gia đình Thái-huyên trang là một gia đình nề nếp, là một gia đình hòa thuận, thì cơn sóng gió nào cũng chỉ là cơn sóng gió qua đường thôi. Lẽ phải ở đây luôn luôn vượt lên trên, và sự tranh giành chỉ là những phút điên phù du.

Vì vậy tuần sau, lên chơi đây, bà phủ không ngờ bão tố dữ dội đã qua đó.

Bà phủ lịch sự, không hề nói lên đó để tạ ơn tạ nghĩa gì. Bà chỉ viếng thăm thường thôi, mặc dầu có mang quà xứng đáng lên.

Bà không quên cho hay tin tức về Long, tin mà ai cũng nóng nghe, nhưng bà cho hay một cách kín đáo, cố tránh dài dòng và tìm nói về gia đình nầy hơn là nói đến con mình.

Người được bà phủ hỏi đến nhiều hơn hết là cô Hồng. Thấy rõ là Long có nói ý định của chàng cho mẹ nghe.

Nhưng bà phủ khéo quá, chia đều cảm tình của bà ra, thành thử không cô nào phải tủi thân hết, mặc dầu ai cũng thấy được là chuyến đi của bà hôm ấy là chuyến đi coi dâu, và cô nào được chọn thì cô đó là dâu hờ của bà.

*

Long ngồi trước tờ giấy trắng, viết một hơi, rồi buông viết đứng lên đi ra ngoài.

Từ hôm về Sài-gòn đến nay, không ngày nào chàng không sửa soạn để viết thơ cho Hồng. Nhưng muốn viết thơ cho Hồng mà khỏi ai nghi kỵ thì phải viết cho những người khác trong nhà. Đó là một khổ dịch mà chàng chưa tìm được can đảm để làm.

Đi qua đi lại một hồi, chàng buồn cười cho thái độ đà điểu của mình, nên quả quyết trở vô ngồi lại bàn giấy.

Bức thơ đầu chàng viết cho ông bà Nam Thành, nói chuyện nhớ ơn, nhớ Thái-huyên trang, hỏi thăm sức khỏe ông bà, hẹn sẽ lên thăm viếng ông bà và xin phép ông bà để gởi thơ riêng cho bốn cô con gái.

Thật là chán phèo, công việc viết một bức thơ xã giao như vậy. Long hì hục mãi mới viết xong, y như một cậu học trò lớp ba làm bài tác văn đầu tiên.

Chàng chọn lấy giấy thật dày, để viết thơ nầy và ba thơ khác. Bức thơ thứ năm sẽ viết trên giấy thật mỏng, để người ta ngỡ chàng viết lấy lệ cho người đó, không có gì để nói cho nhiều.

Thơ cho cô Hương cũng là một bức thơ xã giao, hơi dễ viết hơn cho ông bà Nam Thành, vì đùa cái tài lang băm của ân nhân cũng đã đầy nửa trang giấy rồi.

Hai bức thơ khó nhứt là thơ cho hai cô Hoa và Quá. Làm thế nào cho hai cô trở về với lẽ phải mà khỏi nói rõ ràng gì ra cả.

Hai bức thơ ấy, Long phải khổ sở tới tối mới viết xong. Đây là sự hy sinh cần thiết, không qua hai ải khó đó thì không đến Tràng-an được.

Tràng-an là một bức thơ tràng thiên, nói gì không ra gì mà chàng lại rất ham viết.

Em Hồng,

Anh đã liều mạng kêu em bằng em. Em không phản đối nên nay anh cũng xin kêu như thế trong thơ. Thơ nầy sẽ qua hai bác kiểm duyệt hay không, anh chưa biết. Nhưng dẫu nó có lọt vào tay hai bác, chắc cũng chẳng hề gì. Em không có thái độ nào trái đạo cả và anh sắp xin cưới em.

Có cần chi nói rằng ngày đêm gì anh cũng nghĩ đến em luôn hay không?

Ở đây nhiều đèn quá, chơn trời của anh lạ hẹp, ra sân ngó lên trời chỉ thấy một mảnh đen nhỏ xíu như đang ở dưới miệng giếng. Thành thử anh không tìm được con sao Hôm của chúng ta.

Nhưng không tìm được nó trên không, anh phải cố tìm nó mãi trong trí tưởng của anh và vì thế anh cứ nghĩ đến em...

Đại để như vậy từ đầu đến cuối thơ. Bọn trẻ yêu nhau, sao mà nói nhiều được những cái không có gì hết. Long viết mãi mà không dừng được vì đó không phải là những câu chuyện có đuôi.

Thơ đi rồi thì bà phủ về. Long nhìn mẹ cười ngỏn ngoẻn như trai mười tám ngày xưa mắc cỡ vì chuyện vợ con. Bà phủ cũng cười mà nói:

– Con chọn lựa cũng khéo đó. Nó dễ thương lắm mà cũng xinh đẹp, gia đình xem ra có đức, mấy chị em của nó cũng có nết. Nhứt là nấu ăn thì má vừa lòng lắm...

Trong bữa cơm tối, bà phủ lại trở lại chuyện đó.

– Nhứt gái hơn hai, nhì trai hơn một, con hăm bảy, nó hăm sáu là hợp lắm. Con muốn chừng nào má cậy mai lên trên ấy? Theo chỗ má biết, qua câu chuyện với ông bà Nam Thành thì mình với

nhà đó có người quen chung. Vậy thì tiện việc lắm, người quen chung đó là mai dong đắc lực đa.

– Ai đó vậy má?

Ông bà thông Tài, ngày trước có làm việc với ba con và cũng có làm cùng tỉnh với ông Nam Thành.

– Nhưng má có vui lòng hay không? Nhà đó nghèo lắm.

– Má dư biết. Mà mình có cần gì thông gia với nhà giàu đâu.

– Má thật ít có người bằng. Thôi, con an lòng rồi mà để thủng thỉnh rồi con tính.

– Mầy còn tính cái gì nữa, mầy già rồi đó, không lo, ế vợ chết.

Long cười hì hì:

– Nếu không lo, con đâu có xin má lên trên ấy. Đời bây giờ khác xưa má à, con trai ba mươi chưa già đâu.

– Tao cứ muốn lo cho xong. Tao chết ngày nào ai biết được...

– Má khỏi lo, để con tính xong chuyện khác, rồi sẽ tính đến chuyện đó liền.

Chuyện khác ấy là chuyện cô Hoa. Long muốn vào làm rể trong một gia đình hòa thuận để khỏi bực mình vì không khí ganh ghét do mâu thuẫn tình cảm gây ra.

Chàng nghĩ tới Đăng, một người bạn hiền lành của chàng, làm công chức, mà lý tưởng là cưới một cô vợ ở nhà quê, có học.

Chàng sẽ làm ông mai trước khi làm rể. Cô Hoa sẽ được hạnh phúc và không khí Thái-huyên trang sẽ an vui.

Còn cô Quá? Nhưng thế nào Bằng cũng lo cho cô em út nầy.

Cô Hương thì thủ phận lắm, không gây rắc rối cho ai cả.

Tối hôm ấy Long đi tìm Bằng mà chàng muốn làm quen lâu dài cho dẫu không có vụ mai mối kia. Chàng hỏi thăm Song, người đã đưa Bằng đi xem triển lãm năm nọ, và biết được Bằng ở trọ tại nhà một người Tàu, trên gác.

Khi Long đến nơi thì Bằng sắp sửa ra đi.

– À, anh Long, Bằng reo lên! Về hồi nào đó?

– Về hổm rày, cũng định cho anh hay tin nhưng mãi đến nay mới có dịp.

– Thế là anh đã giữ lời hứa. Đáng khen. Anh có việc gì kín cần nói ở đây không?

– Có việc cần nói, nhưng nói ở đâu cũng được.

– Tốt lắm. Ta đi uống nước vậy. Ở đây nóng bỏ xừ.

Đôi bạn dẫn nhau xuống một tiệm nước các-chú ở đầu phố. Tại đây khách chung quanh toàn là người Trung-hoa, họ khỏi lo ai lắng tai nghe câu chuyện của họ cả.

– Từ hôm anh về đây tới nay, có viết thơ lên trên ấy không?

Long không khó chịu vì sự quá tò mò đó. Hai người bạn trai biết điệu nầy đã ngầm hiểu nhau nhiều rồi, không có gì giấu nhau nữa hết, chàng đáp:

– Có. Nhưng...

– Tôi không cần biết anh có đứng đắn trong thơ hay không vì chắc chắn là anh đứng đắn. Tôi muốn rõ, anh viết cho ai?

– Cho cả nhà, người nào tôi cũng có thơ riêng thăm cả.

– Vậy thì tốt lắm. Nếu anh vụng tính, chỉ viết cho một người thôi thì khổ. Anh đi rồi, sóng gió vẫn còn. Anh nên dè dặt vậy.

– Tôi hiểu.

– Anh có gì muốn nói?

– Thăm anh để được quen biết với anh chơi...

– Hân hạnh.

– Với lại để hỏi ý kiến anh về một cuộc hôn nhơn.

– Nếu trang nghiêm thì tôi hoan nghinh.

– Không phải, hay nói cho đúng, chưa phải hôn nhơn của tôi với...

– Chớ của ai? Bằng ngạc nhiên và lo lắng hỏi.

– Của một người bạn của tôi với cô Hoa.

– Anh định nhờ tôi làm mai. Sẵn lòng, nhưng tôi phải biết người bạn của anh đã.

– Thì cố nhiên là anh phải biết. Nhưng miễn là anh sẵn lòng thì việc biết kia là việc phụ thuộc, chỉ là việc dễ thôi. Nầy nhé! Anh Đăng ấy là một công chức, nghĩa là một người dễ hiểu. Anh sẽ đi với tôi tới nhà ảnh chơi vài lần là biết ảnh như biết một người bạn lâu năm.

– Tốt lắm. Nhưng ít ra anh ấy cũng phải cậy tôi...

– Thì cố nhiên. Tôi sẽ bắt ảnh cậy anh.

Bằng vui vẻ trong lòng lắm, anh uống cạn ly nước cam, rồi nói:

– Nên lạc quan. Tôi cũng đang lo cho một đám mây. Anh cậy thêm thì tôi được ăn hai cái đầu heo.

– Đám nào? Có...

– Có, có ăn thua đến gia đình dì dượng tôi, cô Quá ấy mà.

Long nghe chuyện ấy cũng mừng rỡ hết sức.

– Trời ơi, sao mà tôi đoán giỏi quá như vậy. Tôi tin thế nào anh cũng lo cho cô Quá. Nếu hai cô mà có chồng xong, tôi có thể yên lòng xin vào làm rể ngay.

– Tôi hiểu thâm ý của anh. Riêng tôi thì tôi lo là vì lẽ nầy: Dượng tôi định bỏ vườn mà trở về Sài-gòn. Tôi không muốn cho những người lui về vườn phải thất bại, rồi nên thành tích không hay cho kẻ khác, nên quyết lo cho mấy em tôi có đôi bạn hết tôi mới an lòng.

Bằng trả tiền, đứng lên hỏi Long:

Có đi chơi không?

– Cần lắm, để được quen với anh nhiều hơn.

Ra khỏi hộp đêm, Long nói:

– Đói quá, đi ăn cái gì nghen anh.

– Đồng ý. Nhưng khuya lắm rồi, nên mãi dưới Chợ Cũ mới có đồ ăn, anh liệu đi bộ nổi hay không? Tôi thì vào giờ nầy tôi chỉ thích đi bộ thôi.

– Nghệ sĩ chắc cũng thích đi bộ ít lắm là bằng anh. Và đi nổi như thường.

Đôi bạn có cảm giác là đang sống vào lúc tận thế. Một thành phố không đèn là một thành phố ngủ. Một thành phố sáng trưng mà không người, giống một thành phố mà dân cư bỗng chết hết cả.

– Nếu tận thế mà anh còn sống sót một mình, anh có thích không? Long hỏi.

– Thuở bé, tôi cứ mong được như thế, để một mình vào các hiệu bánh tây mà ăn cho đã thèm. Bây giờ thì không mong nữa, nhưng vẫn thích được, nếu...

– ... nếu còn một người bạn gái.

– Ta là hai linh hồn to gặp nhau. Nhưng người bạn ấy phải như thế nào kia.

– Phải đẹp, chắc?

– Hẳn là phải đẹp, mà danh từ đẹp phải hiểu theo từng người. Có người đối với anh là đẹp, nhưng đối với tôi lại không. Thí dụ, cô vũ nữ mặc đen khi nãy có đẹp hay không, theo anh?

– Theo tôi thì không, cô ta dáng điệu hơi quê. Có những người phụ nữ lạ lắm. Nếu cứ lấy riêng từng món mà coi thì đẹp: tay cô ấy đẹp, mặt cô ấy đẹp, v.v... Nhưng những món đó ráp lại không khéo, thành ra toàn thể xem quê kịch.

Bằng nhìn Long giây lâu rồi hỏi, giọng lo lắng:

– Anh yêu một người như vậy được hay không?

– Được. Nhưng nhứt định không đi chung với người đó.

Bằng thở dài. Long hỏi:

– Ý kiến của tôi sao lại làm anh suy nghĩ?

Bằng cứ nhìn đường nhựa mà đi, mặt cúi gầm xuống. Long vịn vào vai bạn, rồi hỏi:

– Phản ứng gì lạ vậy?

Bằng cũng ôm vai bạn rồi thở dài, đáp:

– Tôi sợ lắm!

– Sợ gì?

– Chưa thể nói được.

Ba hôm sau, Long đưa Bằng đến nhà Đăng. Đăng khá đẹp trai, nhưng thật khác họ xa, từ cử chỉ đến lời nói. Trò chuyện một lát thì Bằng lại thấy thêm rằng cả tư tưởng lẫn tâm hồn của anh nầy cũng khác họ.

Đăng sẽ là một anh chồng tốt: có sức khỏe, có tiền, hiền lành, biết chiều bạn, lo hạnh phúc cho gia đình, Hoa còn đòi hỏi gì hơn? Nhưng con gái nó dại, nó hay đòi hỏi hơn.

Nếu không thấy cái hơn, nó không so sánh được và sẽ an phận dễ dàng. Đằng nầy nó yêu hụt người nghệ sĩ rồi, nó vẫn còn luyến tiếc loài nghệ sĩ thì khó mà bắt nó bằng lòng một anh chồng tốt.

Công việc của chàng sẽ khó khăn biết bao! Nó đã xem vân Thượng-hải, bây giờ bắt nó bận lụa Hà-đông, tuy có bền hơn, nhưng ít hào nháng, nó sẽ giẫy nẩy cho mà xem.

Người khách ngồi nhìn ông chủ nhà nói chuyện, có cảm tình với con người đứng đắn, đàng hoàng ấy lắm, nhưng bụng cứ nghe tội nghiệp anh ta hoài.

Dường như chàng hỏi thầm:

– Tại sao anh lại không là nghệ sĩ như người ta? Không nghệ sĩ thật thụ được thì cũng có tâm hồn nghệ sĩ cho nó oai. Con gái nó dại lắm, chỉ yêu nghệ sĩ thôi, mặc dầu chính hạng người như anh mới làm cho nó hạnh phúc.

Khi đã cạn đề, hai khách xin phép ra về. Bằng siết tay chủ nhà, bụng nghĩ:

– Tôi quyết tìm chỗ làm cho anh đó. Nhưng giấy chứng chỉ của anh tốt, mà tôi lại khó vận động. Anh có biết cái khổ của tôi không?

Tuy nói thế, Bằng không sợ bao nhiêu, Hoa nó có dại, thì anh nói mãi nó sẽ phải nghe.

Điều đáng sợ là làm sao cho Côn chịu lui tới Thái-huyên trang trở lại. Tự ái của anh nầy bị va chạm dữ. Anh ta tức và giận lẫy, mà cũng đâm nhát như con thú bị cắn một lần dữ dội nên anh ta sẽ trốn trong hang của anh ta, biết làm sao xúi anh ta ra khỏi đó được.

Từ hôm bị Côn mắng vốn đến nay, Bằng không có trở lại thăm người bạn trẻ tuổi đó. Chàng đã lên cự cô em họ, nhưng không tìm

ra được lý lẽ gì để nói cho trôi thái độ bất lịch sự của em mình, chàng trốn luôn.

Hôm nay ra tới đường, Bằng bắt tay Long rồi xem lại đồng hồ thì đã mười giờ sáng rồi. Giờ nầy không rõ Côn có ở nhà hay không. Nó thích đi *xi-nê* buổi chín giờ rưỡi sáng chúa nhựt lắm.

Sợ bạn đi vắng, Bằng lại đến đó với hy vọng Côn không có ở nhà. Lạ quá, chàng đâm ra sợ sự gặp mặt nầy. Ăn làm sao, nói làm sao với người ta? Tìm mãi sẽ ra lý lẽ để cắt nghĩa thái độ tầm phào của Quá. Nhưng đó là lý lẽ giả dối, mà Bằng lại rất không thích nói dối.

Bằng đến nơi thì thấy Côn đang tiễn khách ra ngõ. May quá!

Khách là một người bạn gái mà có lần Côn định cưới làm vợ. Không hiểu sao rồi chàng bỏ ý định ấy nhưng cô bạn vẫn còn yêu Côn và không hết hy vọng.

Bằng lo lắm. Cô gái vận động cho sợi dây đã đứt được nối lại hay chăng? Không chắc, và nếu có, chưa hẳn cuộc vận động ấy sẽ có kết quả. Tuy vậy nó cũng cản trở phần nào công việc của anh.

Côn thuộc hạng em út của Bằng. Anh ta vẫn cung kính tiếp người bạn vong niên chớ không có tỏ vẻ gì giận lẫy cả.

– Sao lâu quá không thấy anh tới chơi. Tôi thì tôi tìm anh mãi mà không gặp.

– Tìm làm gì? Bằng hy vọng hỏi.

– Tìm để thăm anh chớ có gì đâu.

– À, ra vậy. Bằng hy vọng hão trong giây phút nên phải thất vọng sau câu trả lời rất hợp lý của Côn.

Ngồi đó làm thinh giây lâu, Bằng lại hỏi:

– Anh còn giận tôi hay không?

– Sao tôi lại giận anh?

– Vì tôi làm ông mai, mách cho anh một chỗ kỳ cục.

Côn cười lớn:

– Anh nói quá! Không có gì là kỳ cục hết. Vậy tôi không có giận anh đâu.

Bằng thở dài mà rằng:

– Tôi nói ra, chắc anh cho tôi là một ông cụ già, chớ quả thật là như thế: con gái ở buổi giao thời nói ba-lăng-nhăng lắm, khôn không ra khôn, mà điên cũng chẳng ra điên...

Không giấu gì anh, con em tôi nó cũng là một cô gái điên nhưng tôi ngỡ nó khỏi rồi, nào dè chứng nào nó vẫn còn tật ấy. Nó trẻ lòng, non dạ ấy mà, rồi nhiễm những tư tưởng quá bạo, nên trông nó gàn gàn...

– Không, tôi thấy cô ấy thông minh lắm, và thành thật lắm.

– Để tôi nói hết anh nghe. Lúc dì dượng tôi định lui về vườn, có hỏi ý kiến của con cái. Vì nội nhà không ai đồng ý nhau cả, nên bày ra bỏ thăm. Con em út tôi nó bị thiểu số. Không biết làm sao để ngăn trở sự qui điền, nó mới hăm dọa không lấy chồng hoặc cắt tóc đi tu, nếu bắt ép nó về vườn. Nhưng rồi nó không bao giờ có gan cắt tóc cả. Thế nghĩa là nó quyết chọn sự không lấy chồng. Khi anh đến, nó nói như vậy, vì tự ái hão, muốn tỏ ra cho các chị nó thấy là nó hễ dám nói thì dám làm.

Anh thấy có phải là điên lắm hay không?

Côn làm thinh mà nghe, chừng Bằng nói xong, anh mới đưa ý kiến riêng ra.

– Cô ấy có điên như vậy, tôi cũng chẳng trách gì cô. Mỗi người một cá tánh, tại mình...

– Tại tôi, phải. Tôi nhận lỗi cả. Tại tôi không kiểm soát xem con bé ngông thuở bé ấy, đã hết ngông chưa và lời hăm dọa của nó, cà rỡn hay thật.

Tôi hối hận đã làm phiền anh, nhưng không biết lấy gì để chuộc lỗi. Con em tôi thì vì điên nên nó giải quyết hối hận của nó rất giản tiện.

– Cô ấy cũng hối hận nữa à?

– Phải. Nhưng tôi cần thú thật với anh là hối hận không phải vì đã làm phiền anh. Nó không tin là anh lấy thế làm nhục, vả nó cũng ích kỷ lắm, nghĩ đến nó nhiều hơn. Nó hối hận vì đã từ chối anh là một người nó thú nhận rất xứng đáng làm chồng của nó. Đó là sự hối hận đã bỏ trôi qua hạnh phúc.

Côn chú ý nghe rồi hỏi:

– Thế cô giải quyết hối hận của cô bằng cách nào?

– Bằng cách giản tiện hơn hết, giản tiện cho nó, là uống thuốc ngủ tự tử.

Côn nhảy dựng lên:

– Tự tử? Hồi nào?

– Sau ngày anh lên trên ấy.

Côn ngậm ngùi kêu than:

– Trời ơi! Tội nghiệp! Sao không thấy báo đăng tin, cũng chẳng nghe anh nói gì hết.

– Nhà đã giữ kín, không ai biết được cả.

Côn ngả người trên lưng dựa của chiếc ghế anh ngồi, rồi thở dài mà nói một mình:

– Vậy là xong một đời! Cô ấy làm xằng quá.

– Không, nó không chết đâu.

– Vậy hả?

Côn bị kích thích ngồi chồm tới mà hỏi như vậy. Bằng cố giấu sự vui mừng cứ chực trồi lên mặt chàng. Chàng đã dùng đúng chiến lược và đẩy người bạn trẻ tuổi từ chỗ giận lẫy, thờ ơ, đến chỗ chú tâm tới người con gái đã ngược đãi anh ta một cách tàn nhẫn.

Chàng cười ha hả, rồi nói:

– Đã bảo là nó điên, nó ngu, nên tự vận cũng điên và ngu lắm. Ai đời muốn chết mà ngồi đó khóc đến bốn giờ sáng mới uống thuốc ngủ. Cho nên sáng ra là người nhà hay kịp, bắt nó phải sống dậy. Nếu nó khôn, đừng thèm khóc, đừng thèm viết thơ để lại, uống ngay hồi đầu hôm thì có trời mà cứu.

Côn cũng cười rồi hỏi:

– Vậy bây giờ cô ấy ra làm sao?

Tôi lo ngày kia phải thật sự đưa nó đi Biên-hòa. Thây kệ, cho đáng kiếp!

Nói tới đó, Bằng đứng lên giã bạn.

Côn không nói gì nữa, không hỏi gì thêm đến cô Quá, nhưng anh hẹn:

– Tôi sẽ tìm thăm anh. Nhưng anh không có mặt ở đâu cả, làm sao mà tôi tìm được. Vậy xin vô phép mời anh trở lại chơi thường thường.

Bằng cố ý không đáp.

– Á, anh Bằng lên chơi!

Lạ quá, lần nầy chỉ có một mình cô Hương reo mừng người anh họ thôi. Hồng ít lời thì đã đành rồi, nhưng Hoa và Quá là kẻ mong đợi anh nầy hơn ai hết, lại chỉ mừng bà con một cách âm thầm và có chừng mực thôi.

Cả hai không còn mong mỏi nhiều nơi tài giúp đỡ của Bằng như trước nữa, vả Hoa đã yêu hụt một người, lòng còn bận bịu người đó. Quá thì đã chán nản lắm rồi, không thiết đến gì nữa cả.

Nhưng cả bốn chị em đều ngạc nhiên mà thấy Bằng vui vẻ như trước chớ không quạu quọ, càu nhàu như mấy chuyến lên chơi vừa rồi.

Bằng mới tới sân đã hét:

– Có dừa xiêm hôn, chặt mau mau lên. Nạo được thì nạo, bỏ thêm muối vô!

Sự thờ ơ, bẽ bàng, sự chán nản bỗng như hoảng sợ bay mất trước tiếng nổ dữ dội ấy.

Cô Quá già đi đến bốn năm tuổi, sau ngày chết hụt, nghe mình trẻ con lại như cũ được. Hôm nay mới thật là ngày Thái-huyên trang trở lại nguyên trạng trước biến cố.

Bằng pha trò trước mặt dì dượng:

– Chúa nhựt hôm nay tôi cần đi Mỹ-tho có việc mà phải dẹp chuyến đi ấy lại để lên đây vì tôi cần tìm danh sư cho người bịnh.

Cả nhà nghĩ ngay đến bà lang băm, và đều nhìn Hương mà cười. Bằng thêm:

– Con bịnh đang ốm nặng, đau tương tư ấy mà!

Vẫn chưa ai hiểu gì. Có người lo lo, băn khoăn không biết Bằng đem tin dữ gì tới đây. Người thanh niên vui tánh nầy liền chỉ vào Quá mà nói:

– Đây là danh sư. Chỉ có bà mới chữa khỏi bịnh người ấy thôi, bởi vì chính bà đã gây ra bịnh.

Thằng Côn bây giờ nó dở sống dở chết dưới ấy.

Ông bà Nam Thành bỗng nghe hy vọng nở lại chật lòng ông bà. Nhưng cố làm ra bình tĩnh, ông Nam Thành hỏi:

– Ừ, thế người ta còn giận hay không? Cháu xin lỗi giùm dì dượng, em cháu nó còn khờ dại lắm.

– Người ta nào dám giận, thưa dượng. Người ta chỉ đau khổ thôi.

– Tội nghiệp!

Cô Quá lảng đi nơi khác, trong khi ba chị em bu quanh Bằng mà hỏi thăm về anh chàng đi coi mắt vợ gặp rủi ro.

Thật là cảm động, mấy chị em thương yêu nhau lắm, và cô nào cũng rất thương yêu đứa em út nầy. Hạnh phúc của nó là mối lo nghĩ lớn của các cô, cho nên các cô cũng hy vọng không kém cha mẹ.

Hương hỏi:

– Anh nói giỡn hay nói thật anh Bằng? Cậu ấy nghĩ gì về gia quyến mình?

– Nếu không có, ai dám nói. Tôi chỉ cà rỡn đối với việc cà rỡn thôi. Việc nghiêm trang thì tôi nghiêm trang hơn ai cả.

– Đâu, anh tả chứng đau tương tư nghe coi, Hoa yêu cầu.

– Nè, đau tương tư là như thế này: tìm kẻ tương tư thì hoặc là khô lại hoặc tan thành nước. Nếu nó khô thì hễ kẻ đau tương tư mà đi đứng thì ta nghe tim hắn kêu lốc cốc, lộc cộc trong lồng ngực hắn, nếu tim tan thành nước thì hắn đi, ta nghe kêu ọc ạch như trái dừa khô mà nước đã cạn nửa chừng.

Hoa cười ngả nghiêng mà Bằng lại nói thêm cho cô cười đến sặc:

– Những tiếng lốc cốc ấy đánh nhịp cho sáu câu vọng cổ mà hắn ca suốt ngày.

– Sao hắn lại không ca trường tương tư?

– Vì đời nay người ta chỉ đau tương tư có vài tháng ngắn ngủi thôi rồi người ta tìm vợ khác, còn trường làm sao được mà trường.

Rồi anh kết luận:

– Bởi vậy, đừng có bắt người ta tương tư lâu. Họ sẽ chán rồi đi mất. Các cô nên cắt nghĩa cho cô Quá hiểu lẽ đó.

Hương thấy cần phải nghiêm trang, nên xuyt em một cái, rồi hỏi:

– Nhưng nó đã có thái độ dại dột như vậy, bây giờ tính sao?

– Thì có tính sao! Bắt nó phải thề đừng nói điên nói khùng nữa, tôi mới dám cho người ta trở lên đây. Nếu họ lên đây một lần nữa mà nó còn làm như vậy thì chết tôi.

– Thôi. Anh đi nói chuyện với má em đi, rồi ta tính chung.

– Phải, tôi phải để các cô lo món chả giò đặng đãi khách chớ. Nhưng còn một điều nữa, quan rọng lắm.

– Gì đó nữa? Lành hay dữ?

– Lành. Hỉ tính mà!

– Thì anh nói đại đi, em sốt ruột muốn chết đây.

– Cô Hoa có sốt ruột hay không?

– Nữa, sao lại không? Hoa đáp, cả hai đứa, bụng đang nóng như lò lửa đây.

– Để dành hai cái bụng đó lát nữa chiên chả giò. Nầy cô Hoa. Tôi báo trước cho cô biết. Tôi sẽ dẫn bạn tôi lên đây xem mắt cô. Nếu cô đâm khùng như cô Quá thì trọn đời tôi chẳng dám để chân tới đây nữa đâu.

– Ai mượn anh?

Hoa hỏi bằng giọng căm giận thật tình chớ chẳng phải làm bộ.

Không thể thú nhận được, cô quả đã tức cho tình thế oái oăm nầy. Hằng bao lâu, mong mỏi nơi người anh họ, mà không thấy tia hy vọng nhỏ xíu nào cả. Nay vừa yêu một người, thì anh ấy lại đưa ra một tin khiến cô rất khó nghĩ.

Nhưng Bằng không giận thái độ của em mà chỉ cười hề hề, rồi đáp:

– Tình thương mến bà con biểu tôi như vậy. Tôi có bổn phận gây hạnh phúc cho các cô, mặc dầu các cô nội điên mà phản đối. Các cô điên cả, điên hết nhà. Nhưng tôi còn tỉnh thì phải lo cho các cô.

Cô Hương, người ngồi lại bàn ăn sau hết hồi nãy, đang ăn tráng miệng, thì ông Nam Thành nói:

– Các con, đừng đứa nào đi hết cả. Ba má có việc quan trọng nói với các con.

Đoạn day lại bà, ông bảo:

– Tôi nhường lời lại cho bà đó.

Bà Nam Thành chưa chi đã rút khăn ra để hỉ mũi, rồi mếu máo kể lể:

– Ba má thương các con không biết bao nhiêu, muốn lo gây dựng cho các con sớm chừng nào hay chừng nấy, mà các con xem bộ không coi lo nghĩ của ba má vào đâu cả.

Nay anh Bằng các con lên đây để cố gắng lần chót giúp ba má lo cho con Hoa và con Quá trước. Ba má nói thật với hai đứa, nếu hai đứa mà lộn nài tháo ống nữa thì ba má chỉ còn có nước chết cho rồi.

Rồi bà khóc sụt sùi như là hai cô đã làm khổ bà rồi vậy.

Ông Nam Thành tiếp lời vợ:

– Các con có thể không thương người ta, điều đó cha mẹ không thể ép. Nhưng thương hay không, để người ta đến vài lần rồi sẽ hay. Chớ con cố ý đẩy người ta ra khi người ta mới bước vào nhà thì thật là không biết thương cha mẹ vậy.

– Thế là rõ. Bằng nhìn bốn cô em gái, nhứt là Hoa và Quá, mà nói như vậy. Dì dượng có ép các cô phải ưng quyết người nào đâu. Nhưng mà các cô phải lấy chồng cho dì dượng an lòng. Đó là một sự hy sinh nhỏ mà người con nào biết thương cha mẹ cũng phải làm.

Bằng giỏi lắm. Anh đã sắp đặt chiến lược một cách khéo léo, trình bày câu chuyện thì y như là các cô không thích lấy chồng mà phải hy sinh vì lời kêu gọi của anh.

Hoa và Quá nhờ thế thay đổi thái độ được mà khỏi phải mắc cỡ với ai cả.

Lần nầy hai cô không khoe bản lãnh nữa mà chỉ làm thinh theo điệu Việt-nam cổ. Bằng nói:

– Có chứng nội nhà. Tôi xem sự yên lặng của hai cô là sự nhẫn nại chịu số phận. Vậy tôi sẽ đưa người ta lên, không biết ngày nào...

Theo dị đoan của ta thì một nhà không nên gả hai đứa con trong vòng một năm. Ông Nam Thành thì bất kể tin tưởng ấy. Còn bà, tuy sợ hãi lắm, cũng phải liều mạng vượt tục vì để trễ ngày nào, bà lo ngày nấy.

Hai đám hỏi làm vào cuối tháng tám, định đầu tháng mười là cưới.

Long nhớ Hồng lắm mà thơ qua lại không đủ làm cho chàng khuây. Hay tin đám hỏi đã làm xong. Chàng định lên thăm bạn, vì không còn ai ganh với ai nữa mà phải lo.

Nhưng chàng vẫn chưa dám. Các ông cụ bà cụ nhờ thấy nhiều nên đã hay kể những vụ sanh chứng bất thình lình của những cô gái sắp lấy chồng. Những vụ sanh chứng ấy chỉ đột ngột phát lên vào tháng cuối cùng trước ngày đám cưới thôi.

Sự có mặt của chàng trong gia đình ấy có thể khơi ngòi nhơn đục rồi sanh ra lắm chuyện không hay.

Lạ quá, chàng không phải tay mơ về gái. Chàng đã gần nhiều đàn bà, hơn thế, đã yêu. Nhưng đây là lần đầu chàng sốt ruột vì một giai nhân.

Trước chàng muốn yêu ai, thì cứ đeo đuổi theo người ấy. Rồi được yêu, chàng khỏi phải nhớ nhung gì cả. Bây giờ thì người chàng yêu là một trái cấm, khiến chàng nghĩ đến người ấy không bao giờ thôi.

Long đi thơ thẩn trên vỉa hè, như một cậu học sinh mười tám mới bắt đầu bâng khuâng.

Bỗng chàng đi ai vỗ mạnh lên vai. Giựt mình, họa sĩ day lại, thì ra đó là Bằng.

– Hú hồn hú vía tôi!

– Sao lại sợ, có kẻ thù à?

– Không, nhưng đang lo ra, nên hết hồn.

– Băn khoăn về nghệ thuật hả?

Long không đáp lời bạn, mà nắm tay anh nầy rồi hỏi:

– Tôi có thể lên thăm Hồng được hay không?

– À, tôi ngạc nhiên mà thấy sao anh không lên đó. Chẳng những ngạc nhiên mà thôi, tôi lại còn hơi lo nữa.

– Nhưng tôi sợ có hại.

– Không, anh khỏi phải lo. Côn và Đăng, cả hai đều bảnh trai, đều khá về tâm tánh nên được hai em tôi nó yêu thật sự rồi, chỉ còn chờ ngày cưới nữa mà thôi.

– Vậy hả? Thế mà tôi cứ ngại, nên tôi không dám lên.

– Còn tôi, tôi lại cứ lo. Tôi có hỏi thăm em tôi về anh. Nó bảo là anh vẫn gởi thơ luôn. Nhưng như thế không phải là một bằng cớ chắc chắn của tình yêu mà tôi an lòng được. Tôi lại lo vì lẽ khác nữa.

– Lẽ gì?

– Thôi, khoan nói vội.

Long đi sắm quà tốn có một tiếng đồng hồ, nhưng phải suy tính đến một tuần lễ. Chàng đoán ý của mỗi người trong nhà, thế nào cho món quà nào cũng hạp ý người nhận cả.

Ông Nam Thành sẽ được một cái ống điếu bằng gốc cây bruyère, còn nguyên vỏ xù xì, rông đậm nét đồng áng.

Bà Nam Thành chắc rất thích một chiếc máy hát, một bộ dĩa vọng cổ về Phật Thích-Ca.

Cô Hương hằng ao ước một *va-li* nhỏ bằng da đựng dụng cụ và thuốc men cứu cấp: cô sẽ toại nguyện.

Cô Hoa thì sẽ được một bộ sách dạy nấu ăn, rất nhiều tranh ảnh, trong đó có dạy nhiều món *kem* lạ lắm.

Cô Quá sẽ được bốn bộ tạp chí chiếu bóng, đóng lại bằng bìa da.

Người cuối cùng làm chàng khổ sở đến mấy buổi suy tính. Món quà phải đượm tình yêu một cách kín đáo thế nào cho người trong cuộc hiểu ngay, mà người ngoài lại không thấy.

Rốt cuộc chàng mua một chiếc nhà tranh bằng đất nung từ Hương-cảng gởi sang để bán cho những tay chơi non bộ. Trong chiếc lều cỏ ấy, chàng đặt một quả tim vàng nhỏ xíu thôi. Tùy thích, cô Hồng cho người ta xem nhà có chứa tim vàng hay nhà trống vườn không, nếu cô sợ lậu mối tình.

Long hồi hộp ngay từ lúc mới bước lên xe, nửa mừng nửa lo. Chàng không lo bị người ta tống cổ ra ngoài, nhưng lo không khí tiếp đón không nồng hậu lắm, nó sẽ bắt chàng so sánh với cảm tình cũ rồi tủi thân.

Khi xe chạy tới Thái-huyên trang, chàng cho phóng luôn, vì chàng hơi sợ một phần, mà nhứt là vì muốn sống lại giây phút tai nạn ngày nào.

Lên tới trên kia xa, Long mới quẹo vào một con đường xe bò để quanh xe lại.

Chàng cố nhớ lại những ý nghĩ của chàng hôm chiều tai nạn. Không, hôm đó chàng không có ý nghĩ gì cả. Lòng đang nhẹ lâng lâng, bỗng không, hốt hoảng lên vì xe trợt bánh, rồi lại khủng khiếp thì chiếc xe leo lề, rồi thì u u minh minh, không còn biết gì nữa cả.

Thái-huyên trang đã lố dạng. Long xúc động lắm! Nơi chứng kiến một mối tình của ta bao giờ cũng gây bồi hồi, cho dẫu mối tình ấy toại nguyện hay đau thương, là vì mối tình nào cũng đẹp cả, mà cái đẹp đã qua lại hay gợi ngậm ngùi.

Long cho xe chạy thật chậm rồi ngừng êm ái trước nhà. Chắc trong ấy người ta đã thấy xe, đã nhận được chiếc xe lật ngày nào cũng nên, và người ta đang ngạc nhiên sao xe lại từ Biên-hòa xuống.

Long khệ nệ bưng các món quà ra, bộ dĩa hát nặng quá, phải để lại.

Trong nhà quả đã thấy chàng và chàng ngạc nhiên lắm mà thấy họ chạy ra đón mừng chàng.

Bốn cô con gái chạy đua, nhưng cô Quá còn trẻ nên ăn hạng nhất, rồi đến cô Hoa, cô Hương. Cô Hồng chỉ đứng nói thầm với cha mẹ thôi.

Lạ, chàng nghĩ, họ đã yên vui thật à?

– Quà gì đó, anh Long? Quá chưa tới nơi đã hỏi lớn,

– Đừng cho con Quá gì hết anh Long, chồng nó đã cho lu bù rồi, Hoa nói:

Cô Hương chỉ cười rồi lướt đến rước bớt đồ giùm cho người khách. Hai cô kia bắt chước, thành ra Long được rảnh tay, nên trở lại xe lấy bộ dĩa.

– Hổm nay có anh Bằng lên hay không các cô? Long hỏi.

– Lên ngày một, chỉ có anh là trốn luôn.

– Trốn cũng không thoát. À, bức họa của bác trai, bác trai có ưng ý không các cô?

– À, ổng cứ đi qua đi lại mà nhìn mãi, nhưng không nhận được đó là chơn dung của ai.

Cả bốn đều cười xòa...

Long vừa đi vừa nhìn vào nhà mà hỏi:

– Cô Hồng chắc không ưa tôi nên chẳng thèm ra đây.

– Xí, Quá vừa nói vừa nguýt Long một cái, thôi đi anh, bộ người ta không biết hay sao mà làm bộ, chị ấy cũng giả dối lắm, có gì xấu hổ đâu mà sợ dữ vậy?

– Cô biết cái gì?

– Biết anh sắp đi hỏi vợ chớ gì. Bác gái đã lên đây mấy lần rồi, tuy chưa nói gì, mà em thấy rõ quá.

– Vậy à?

Long ngạc nhiên thật tình trước tin nầy. Mẹ chàng đã lên đây mà không cho chàng hay. Cũng may là bà cụ chưa nói gì hết, theo lời cô Quá.

Long cảm động và nghe thương mẹ vô cùng. Bà cụ ham đâu quá sức và thèm ẵm cháu nội lắm. Tình thương mẹ lại khiến chàng yêu Hồng hơn bao giờ cả. Đây là một thứ tình giống như tình chồng

vợ, vì Long chợt thấy rằng Hồng, một cô gái được mẹ chàng thương mến, đã như là vợ của chàng rồi.

– Kính chào hai bác. Long chạy mau tới để ông bà Nam Thành khỏi phải nói gì trước chàng.

– à, cháu lên chơi.

Trong khi vợ chồng ông chủ Thái-huyên trang đắp lời thì Long nhìn Hồng mỉm cười, nói vắn tắt, như một kẻ cả nói với em nhỏ:

– Cô Hồng.

Hồng mắc cỡ nên cũng có thái độ em nhỏ. Nàng chỉ kêu khẽ một tiếng "anh!" rồi lui ra núp sau lưng mẹ.

Bà Nam Thành hỏi:

– Bà phủ vẫn mạnh chớ, cháu?

Bà hỏi cho có chuyện chớ thật ra bà phủ lên đây lần chót cách đó mới sáu hôm. Long cũng khách sáo lại:

– Dạ, nhờ trời...

Để được rảnh về sau, Long bày ngay quà biếu ra trên bàn. Nói lời tặng với ông bà Nam Thành là việc khó. Long đã sắp đặt trước lời lẽ, nhưng nói vẫn chẳng trôi.

– Quý hóa lắm! Ông bà Nam Thành đỡ lời khách cho y khỏi ngượng và rách lấy lệ thêm:

– Cháu mua quà nhiều tiền, không tốt. Chiếc ống điếu nầy dễ thường cũng đến ba trăm, nhưng mà cũng được, đến như máy hát thì bạc ngàn, tốn kém cho cháu quá, bác ngại lắm.

– Thưa bác, cháu có quen các nhà đại lý nên mua được theo giá vốn, thì cũng chẳng tốn bao nhiêu.

Sợ ông bà Nam Thành nói nữa, Long đưa một cái gói vuông trước mặt Hương, rồi nói:

– Nếu không có *ê-te* của cô thì tôi đã nguy lúc nọ. Nhưng *ê-te* mà không có đồ đựng, thì nó ngã rồi đổ hết. Vậy đây là món quà, tuy biếu cô, mà chỉ các nạn nhân chung quanh đây mới được hưởng.

Hương vội mở dây ra rồi đứng đó mà trầm trồ mãi cái hộp da, trong đó chia ra làm nhiều ngăn nắp rất tiện.

– Cám ơn anh lắm đó. Mà anh chọn quà sao tài dữ vậy? Nó trúng y ao ước của tôi.

– Cũng cầu may thôi cô Hương à. Nhưng cầu may mãi có khi gặp rủi. Tôi đố hai cô, cô Hoa và cô Quá, hai gói gì đây?

– Ai làm thầy bói bao giờ mà anh hỏi như vậy. Đứng ngay ngắn mà thưa cho đàng hoàng đi đặng người ta mở ra xem, sốt ruột lắm rồi.

Bà Nam Thành mắng Quá:

– Con cứ hỗn như vậy, lỗi với anh lắm đó.

Long cười, nói:

– Quà hai cô thì để đoán lắm. Nhưng chẳng biết trúng ý hai cô hay không? Cô Hoa thích *kem* nên...

– Té ra đây là *kem?*

– Không, cô mở ra xem thử.

Hoa vội vàng mở gói, rồi chưng hửng:

– Sao lại sách?

Long làm thinh, mở quyển sách to nhứt ra, to hơn cả quyển tự điển, rồi lật nơi trang mà anh đã làm giấu.

– Ồ!

Cả bốn cô con gái đều kêu lên.

Giấy sách dày và trắng mịn. Một cốc *kem* to bằng hai cốc thật ở ngoài, đang tràn trề khỏi miệng một thứ tuyết màu ngà, tất cả nổi lên trên một chiếc khăn trải bàn nhiều màu trông bắt thèm đến muốn bưng cốc lên ăn ngay.

– Trong đó có chỉ cách làm nhiều thứ *kem,* nghe chừng ngon lắm, Long nói.

– Còn quà cho em, mở ra nhá! Quá sốt ruột giục.

– Đã đem lên là thuộc của cô rồi, cô cứ mở ra.

Quá mở gói rồi cũng chưng hửng mà hỏi:

– Sao cũng sách?

– Cô xem trên gáy.

Quá lật gáy sách lên rồi đọc:

– Presse nouvelle – Les plus beaux films, Revue hebdomadaire. Trên một gáy khác thì: Cinéhebdo.

– Ồ! Thích lắm! thích lắm! Quá đọc xong rồi reo lên, kê mũi vào mấy bộ báo đỏ ngửi mùi giấy mới mà cô thích.

Long rất bằng lòng. Chàng lại thò tay vào túi trên mà lấy ra một cái gói nhỏ. Hồng nãy giờ đợi phiên mình, bây giờ thì hồi hộp lắm, nhìn lom lom cái gói nhỏ xíu ấy, không sao đoán được, món gì trong đó.

Long nói:

– Tôi đã bảo rằng cầu may lắm, có khi phải gặp rủi. Như trường hợp chọn quà cho cô Hồng đây. Tôi không dám nói là món gì, sợ cô Hồng xấu hổ với các cô. Vậy thôi, tôi để tùy ý cô Hồng muốn khoe hay giấu. Đây cô Hồng.

Chàng bước tới trao món quà tận tay bạn. Hồng run run bóp thử cái gói thì nghe cứng như đá. Khi mép giấy đã tung ra, Hồng ngạc nhiên hết sức. Một chiếc nhà tranh bằng đất nung? Sao lạ thế?

Nàng bỗng đổi sắc vì sung sướng lắm. Quả tim vàng thoáng thấy nằm trong buồng giữa, giúp nàng hiểu ngay ý nghĩa của món quà.

Quá nhảy tới hỏi lia lịa:

– Gì đó chị? Gì đó?

Hồng làm bộ vùng vằng rồi bỏ đi, vừa đi vừa nói:

– Sao quà của em kỳ vầy?

Ông bà Nam Thành lo sợ ác cảm sanh ra giữa Long và Hồng nên cũng nóng muốn biết là thứ gì đã làm cho Hồng không vui, để tìm cách mà an ủi con.

Hồng vừa đi vừa trút quả tim vàng ra, nên khi Quá giựt được món quà trên tay chị, thì chỉ có chiếc nhà tranh không mà thôi.

Quá cầm chiếc nhà non bộ giữa hai ngón tay rồi hô lên:

– *Búp-bê lô-canh,* không bằng nhựa mà bằng đất hầm.

Cả nhà đều chưng hửng trước món quà kỳ dị ấy.

Thái-huyên trang đã biết mối tình giữa Long và Hồng và đã mặc nhận mối tình đó. Cuộc thăm viếng siêng năng của bà phủ là một bảo đảm tinh thần, nên ông bà Nam Thành không cần bắt con phải giữ gìn cho lắm.

Long định lên đây ở vài ngày, nhưng từ lúc mới bước tới thềm, chàng đã tự hỏi nên ở lại hay không?

Sự niềm nở mà chàng mong mỏi, đã xảy ra. Chàng còn muốn gì hơn?

Nhưng trời ơi, một nỗi tuyệt vọng mênh mông đã xô đổ vỡ mộng to mà chàng xây đắp từ khi về Sài-gòn. Long nghe khó chịu vô cùng vì thứ tình cảm mâu thuẫn mà chàng đang có. Tình yêu Hồng vẫn còn nguyên vẹn nơi lòng chàng, thế mà chàng lại nghe không thể cưới Hồng được nữa.

Trời ơi, Hồng đã mất, mà mối tình lại còn! Long ngậm ngùi như khi trở lại chốn xưa, cảnh cũ còn y như trước mà người yêu của chàng đã hóa người thiên cổ rồi.

Từ xóm trên, vẳng đưa xuống tiếng hát ru con của ai:

Ghe lui khỏi bến, còn dằm,
Người thương đi mất, chỗ nằm còn đây.

Không lẽ lại ra về liền, Long phải ở nán lại đến chiều. Nhưng suốt thời gian ngắn ngủi mà chàng ở lại, họa sĩ cố tránh người yêu. Không tránh được, chàng trò chuyện với nàng mà không dám nhìn người nàng, chỉ ngó mặt mà nói thôi.

Suốt hai tiếng đồng hồ sau khi tới nơi, Long chỉ làm có mỗi một việc là ngắm Hồng từ đàng xa để kiểm điểm lại cảm giác đầu tiên của chàng khi mới lên tới đây.

Sau khi nhận thấy cảm giác ấy là đúng với sự thật, chàng không dám trông dáng người của Hồng nữa.

Trái với dự định của mọi người, mà cả của chàng nữa, Long chỉ trò chuyện nhiều với ba chị em kia. Nhưng không ai ngạc nhiên về chỗ lạ đó cả.

Họ đoán rằng Long sợ người ta thấy rõ quá mối tình của chàng đối với Hồng, nên cố làm bộ thờ ơ như vậy thôi. Cả Hồng cũng ngờ

như vậy, và chính nàng cũng muốn thế nên nàng vui vẻ được như thường.

Đến chiều, Long ra xe về, Thái-huyên trang đưa chàng ra tận cửa ngõ, thì Hồng mới chợt nhận thấy vẻ khác lạ nơi Long.

Long vừa buồn thiu, vừa sượng sùng như mắc cỡ với ai. Chàng đóng cửa xe và cho rồ máy chạy liền, không day lại lưu luyến nhìn đám người đưa đón.

Tuy nhiên, Hồng không lo lắm. Bao nhiêu lời nói chứa đựng trong món quà khi sáng không đủ bảo đảm cho mối tình của Long à?

Nhưng sau ngày ấy, nàng đợi thơ Long đến mười hôm mà không thấy người phu trạm làng ghé qua lần nào cả.

Thái-huyên trang bận rộn chuẩn bị hai cái đám cưới trong tháng tới, nên không ai thèm để tâm tới băn khoăn của nàng, băn khoăn biến thành lo sợ sau ngày thứ mười hai mà nàng được thơ của Long.

Thơ lạ lắm, chỉ hỏi thăm sức khỏe, và nói đến tình bạn giữa hai đàng. Mọi khi Long cũng chẳng dám bộc lộ tình yêu trong thơ, nhưng tình cảm của chàng không giấu được, đã phơi ra trên những chữ không đâu, ai sành lối đọc giữa dòng là hiểu ngay.

Hồng đọc đi đọc lại mãi bức thư, làm như hễ đọc kỹ là tìm được tình ý nồng nàn trong đó. Tìm tòi vô hiệu quả, nàng chán nản vô cùng.

Đây là cuộc phiêu lưu tình ái thứ nhì trong đời nàng. Lần thứ nhứt nàng tuyệt vọng rồi đau khổ. Nhưng lần nầy, lòng nàng như rắn lại vì nỗi ê chề.

Trong khi đó ông bà Nam Thành luôn luôn hân hoan trong sự bận rộn, thích chí gả được hai đứa con năm nay, còn một đứa nữa thì thế nào năm tới cũng gả trôi được.

Long về Sài-gòn chỉ ngắm đàn bà là đàn bà. Khi trước chàng ngắm họ để nghiên cứu cho khoa hội họa, ngắm để thỏa mãn sở thích ngắm vẻ đẹp bên nữ giới của một người con trai.

Nhưng bây giờ chàng ngắm để so sánh.

Có ai biết rằng Long khổ hay không? Chàng vẫn yêu Hồng như trước. Ý nghĩ không cưới Hồng sẽ làm cho chàng đau đớn mênh mông, ý nghĩ ấy giày vò Long mãi không thôi.

Cưới Hồng là khỏi ân hận gì cả về vụ đó. Nhưng lại sẽ phải ân hận về vụ khác.

Ân hận? Ừ, Long định viết bức thơ nữa, càng ngày càng lạt, càng thưa, rồi trốn luôn. Nhưng trốn người chớ nào có trốn được cái đau của người nó sẽ đeo đuổi theo chàng, giày vò lương tâm chàng đến bạc đầu.

Còn anh chàng Bằng nữa? Ăn làm sao, nói làm sao với anh ta đây?

Lụi đụi đã đến ngày cưới của Hoa và Quá. Ông bà Nam Thành thương lượng cho hai ngày cưới ấy cách xa nhau có năm hôm thôi. Mọi sắp đặt cho đám cưới trước sẽ dùng được cho đám cưới sau, đỡ tốn kém, lại đỡ thì giờ.

Long và mẹ đều có tiếp được hồng thiệp. Bức thơ riêng kèm theo đó, nói rõ là chàng sẽ ngồi họ ở bàn đờn ông, còn bà phủ thì được yêu cầu tăng danh dự cho lễ cưới bằng cách ngồi họ bên đàn bà.

Hôm về Sài-gòn, họa sĩ cằn nhằn mẹ:

– Sao má lên trên ấy mấy lần mà không cho con hay?

– Mầy hỏi lạ, tao là mẹ của mầy mà đi phải xin phép mầy nữa sao?

– Không phải xin phép. Nhưng việc má đi có dính líu đến việc của con, con cần thảo luận trước với má.

– Còn thảo luận, thảo liếc gì nữa, chừng nào con nhất định thì má cậy mai. Nhưng phải giữ liên lạc thân mật luôn từ giờ đến đó.

– Rủi con không bao giờ nhứt định cả thì có phải là hại hay không?

– Hại chỗ nào?

– Má lện làm thân, báo người ta hy vọng. Nếu về sau, việc không thành, họ sẽ thất vọng biết bao nhiêu.

– sao lại không thành được?

– Được lắm, vì con chưa thích cưới vợ.

– Mầy nói giỡn sao chớ. Họ hy vọng không phải vì tao làm thân đâu, mà vì mầy đã có tơ tình với con của người ta, như mầy đã thú nhận. Bây giờ mầy lại muốn thối thác thì người ta còn coi mình ra gì nữa.

Long đuối lý, nín luôn mãi đến hôm được thiệp mời, mới nói với bà phủ:

– Má đi, còn con xin kiếu. Con gởi quà cho má trao lại giùm hai cô ấy.

Bà phủ điếng người đi. Thì ra, Long nó nói thật. Ngày vui của gia đình người ta, mà nó không buồn dự vào là nó đã quyết tâm không nghĩ đến hôn nhơn rồi vậy. Giây lâu, bà hỏi con:

– Nó có lỗi gì không.

– Thưa không.

– Nó không vừa mắt con à?

Long làm thinh, bà phủ đoán hiểu phần nào, nên nổi tam bành lên:

– Mầy có phải là con trai mười chín đâu mà đi coi mắt vợ sơ hở được. Mầy đã hối thúc tao lên để xem có đồng ý với mầy hay không, thế nghĩa là mầy đã thích nó rồi, sao lại còn tráo trở gì nữa?

Lần thứ nhì Long lại đuối lý. Chàng rầu chín cả ruột gan vì nỗi lòng của chàng, càng bàn cãi, càng xét kỹ, càng rõ rệt ra.

Nhưng ích kỷ ngăn cấm chàng chuộc lỗi bằng cách cưới Hồng. Cưới Hồng, chàng sẽ ân hận suốt đời. Vì vậy chàng cố lì làm thinh luôn. Bà phủ thở dài, lo mua sắm tặng phẩm lễ vật để đi một mình.

Những ngày đám cưới rộn ràng khiến ai cũng quên Long trừ hai người: Hồng và Bằng.

Bằng kêu Hồng lại mà hỏi riêng:

– Hắn có gởi thơ cho cô nữa hay không?

Hồng nghẹn ngào, mắt ứa lệ, đáp không được.

Thấy vắng mặt Long, Bằng đã hỏi thăm ông dượng, và tin theo lời ông là Long bị cảm sốt. Nay thấy lời kể tâm sự câm lặng của em, Bằng bỗng hiểu cả và sợ hãi vô cùng. Anh hỏi gặng lại:

– Có hay không? Không à?

Hồng mếu máo nói:

– Có, độ nửa tháng, rồi hai mươi ngày, mới được một bức thơ... mà lạt lẽo chớ không phải như trước.

Bằng giậm chơn kêu trời, rồi quay đi, bỏ cô em lại với mớ nước mắt vừa tuôn trào...

Bằng lùng kiếm khắp nơi đến trót tháng mà không gặp Long đâu cả. Anh không muốn tìm Long nơi nhà Long, vì ở đó không đủ thân mật. Long chắc có tâm sự gì, mà tâm sự ấy chỉ trong không khí thuận tiện nào, anh mới lôi kéo nó ra được thôi.

Bằng lục khắp các chốn ăn chơi, khắp mọi nơi vắng vẻ như bến tàu, vườn thú là những chỗ Long có thể đến để nhờ sự ồn ào che lấp nỗi sầu của chàng, hay sự yên tĩnh xoa dịu niềm đau của chàng. Nhưng cuộc truy nã ấy hoàn toàn vô hiệu quả.

Đêm ấy, vào khoảng chín giờ, Bằng đi ngang qua một hiệu *cà-phê* Ấn-độ. Dãy nhà phố là một dãy nhà phố để ở. Cảnh vắng teo vì nhà nhà đóng kín cửa, trừ hiệu *cà-phê* nầy.

Người Ấn-độ sống về đêm: không rõ ở xứ khác thì sao, ở đây thì như thế, vì phần đông phải thức để canh gác nhà cho người ta. Những giờ nghỉ gác, họ không ngủ mà tụ họp nơi đây. Họ uống *cà-phê* rất nhiều, để thức được, và trong lúc thức, buồn quá, họ càng uống *cà-phê* nhiều hơn.

Bằng qua đó dòm thử vào trong, để xem họ họp mặt thân mật ra sao. Anh ngạc nhiên thấy một người Việt ngồi đưa lưng ra ngoài. À, mà lạ nầy! Sao người ấy hơi giống Long.

Bằng dừng chơn lại, đứng dòm một lát rồi bước vào tiệm, đi ngay lại bàn người khách Việt, rồi đưa tay ra:

– Buồn lắm à? Anh hỏi.

Long bắt tay người bạn mà anh trốn, không tỏ vẻ gì sợ sệt cả. Xa Bằng, chàng sợ anh ta, nhưng gặp bạn xong, chàng nghe nhẹ nhõm như sắp chết đuối mà vớ được tấm ván.

Bằng xem ra chững chạc và tỉnh trí lắm, trước mọi tình thế. Việc gì anh cũng giải quyết được cả, giải quyết rất hay, với tinh thần hiểu biết người trong cuộc.

Bằng dòm xuống bàn thì thấy trước mặt Long một ly *cà-phê* đậm đen và một ly sữa.

– Sao lại uống riêng ra? Anh hỏi:

– Uống chung, sữa nó làm mất mùi *cà-phê* đi.

– Thì đừng uống sữa.

– Ấy, người Ấn-độ họ bảo *cà-phê* nóng lắm phải uống thêm sữa dê vào cho nó mát bớt.

Uống đồ nóng, rồi uống đồ mát cho đỡ nóng. Như vậy đừng uống gì hết thì cũng thế thôi.

– Uống *cà-phê* có lợi. Nó làm cho mình hứng chí lên, hết uể oải, chán nản nữa.

– Anh chán nản lắm? Thất vọng vì tình?

– Không, tình thất vọng vì tôi.

– Sao anh bắt nó thất vọng như vậy?

– Không muốn bắt. Nhưng tôi bị bắt buộc phải làm như vậy.

– Cái gì, hay ai đã bắt buộc anh?

– Anh uống gì? Long không đáp mà chỉ hỏi Bằng như vậy thôi.

– Uống sữa dê cho mát, vì tôi nóng nghe tâm sự của anh lắm.

Đôi bạn nhìn mê anh *bồi* rót sữa cho nguội, một cách tài tình. Anh ta cầm ly sữa bằng thau, đưa lên cao rồi rót xuống một chiếc ly không ở dưới cũng bằng thau, ly dưới lại không hứng ngay ly trên, mà hứng trịch qua một bên. Thành ra giọt sữa cong như vồng cầu. Hai chiếc ly cách xa nhau gần một thước tây, thế mà giọt sữa bắn ngay vào chiếc ly hứng, không mất đi một hột bụi sữa nào hết.

Bằng ngạc nhiên hỏi:

– Họ nấu sữa chín thế nầy, thì uống còn bổ quái gì nữa?

– Chín chỉ làm chết sinh tố thôi, mấy chất kia vẫn còn.

Anh *bồi* đặt cốc sữa gần nguội xuống trước mặt Bằng rồi sớt sữa qua một cái ly bằng pha-lê.

Bằng bưng ly lên uống một hớp rồi nói:

– Trời đã bắt đầu lạnh vào tháng nầy. Anh vào đây là phải lắm. Uống sữa nóng nghe ấm quá.

– Nhứt là khi có tâm sự như anh đã nói.

Bằng bỏ giọng cà rỡn nãy giờ, lập nghiêm lại mà hỏi bạn:

– Mối tình của anh với Hồng đã đi tới đâu rồi?

– Đi tới chỗ bí.

– Tôi cũng thấy thế, nên tìm anh hổm nay để hỏi cho biết rõ nguyên nhân.

Long uống cạn ly *cà-phê* rồi nhìn Bằng trong mắt mà hỏi:

– Dầu sao anh vẫn không khinh tôi chớ?

– Cái đó tùy.

Long hơi sợ, nín lặng giây lâu mới đánh bạo mà tỏ niềm riêng:

– Đã ba lần anh sửa lưng tôi mà tôi không hiểu. Anh nhiều kinh nghiệm hơn tôi thật. Lần đầu tôi vừa mới nói sơ ý định về hôn nhơn của tôi, anh lại bảo chớ vội. Hai lần sau, anh định nói gì, hình như là nói cho tôi biết là quan niệm của tôi về sắc đẹp rất hại cho mối tình của tôi. Nhưng anh lại thôi. bây giờ nhớ lại tôi mới hiểu anh.

Anh nè, hôm nọ tôi có đi thăm một bác sĩ quen hỏi về tâm trạng của một kẻ bị tai nạn xe hơi. Vị lương y ấy bảo rằng đó là một vấn đề rất phức tạp. Nếu chỉ bị thương tích thôi, cho dẫu nặng, tâm thần cũng chẳng thay đổi gì. Nhưng nếu bị va chạm mạnh như tôi, mà không thương tích, thần kinh có thể bị lung lạc, và tâm thần có thể biến đổi vĩnh viễn hay tạm thời.

Thú thật với anh là lúc tôi bừng tỉnh dậy nơi Thái-huyên trang, sao tôi nghe tôi như là một cậu trai còn trẻ lắm. Bao nhiêu kinh nghiệm về cuộc đời của tôi như là tiêu đâu mất cả, vì thế tôi thấy Hồng đẹp lắm.

Tôi tiếp tục thấy như vậy cho đến khi tôi về Sài-gòn. Có lẽ về đây, tôi hết bịnh lần lần, nên khi trở lên thăm bạn thì tôi chợt thấy Hồng không đẹp.

– Không đẹp ở chỗ nào?

– Nói không được. Nhưng cỡ tôi dẫn Hồng đi chơi thì ai cũng thấy không xứng. Hồng không, không...

– Không élégante?

– Anh nói đúng lắm. Chữ đó thì phải dùng tiếng Pháp nói mới được.

– Thì anh cứ cưới Hồng rồi để ở nhà, tôi thấy vài gia đình như vậy.

Long trố mắt nhìn Bằng, thấy rằng anh chàng nầy kỳ dị lắm, giây lâu chàng hỏi:

– Anh sống đời sống như vậy được à?

Bằng phá lên cười, cười rất lâu, mới dứt cơn được. Bây giờ anh vỗ vai Long mà rằng:

– Hú hồn hú vía! Tôi ngỡ là gì. Không, tôi đùa anh chơi chớ tôi cưới vợ rồi nhốt vợ trong buồng cũng không được.

Vụ của anh là như thế nầy. Anh không có bị thần kinh lung lạc gì cả. Nhưng cảm tình đã khiến anh mờ mắt, thấy cả bốn chị em đều đẹp quá xá, nhứt là Hồng. Nhưng anh chỉ mờ sơ sơ thôi vì Hồng quả đẹp thật.

Tại làm sao mà về sau, anh lại thấy cô ấy không đẹp? Anh cũng nói sái chỗ đó. Cô ấy vẫn đẹp nhưng không élégante đó thôi. Anh chỉ mới thấy sau vì về Sài-gòn anh có dịp thấy và so sánh, mà cảm tình của anh cũng không còn thủ vai gì nữa cả.

Trong một đêm đi chơi với tôi, anh có nhớ không, anh có nói đến hạng phụ nữ, nếu lấy riêng ra cái mặt, cái tay thì đẹp, mà những thứ ấy *ráp lại thì không khéo.*

Nơi Hồng, những thứ ấy ráp lại vẫn khéo. Nhưng anh nên biết rằng cuộc sống lam lũ ở thôn quê đã biến Hồng ra như vậy. Hồng đã trở thành vụng về trong cử chỉ, quê kịch trong dáng đi điệu đứng từ mấy tháng nay.

Tôi đã lo sợ anh thấy điều đó, mà không khỏi. Anh là nghệ sĩ mà! Với người thường kia mà còn chưa thể che giấu được thay.

Ông dượng tôi ổng không hề biết việc đó, mà cỡ tôi có nói ra, ổng cũng không thấy gì đáng lo. Các cụ thì quan niệm cưới vợ có hạnh có nết và dễ coi là đủ.

Dung nhan một cô gái biến thành quê kịch rất có hại cho việc lấy chồng của cô ấy. Ông dượng tôi không thèm biết thế, cứ đem con về vườn lúc chúng nó sắp lấy chồng.

Tôi nói nãy giờ, anh có tin tôi hay không?

– Tin. Anh thấy khoa học lắm!

– Nếu tin, thì anh cũng nên tin luôn rằng dung nhan ấy sẽ tước bỏ sự quê kịch của nó khi về sống trở lại ở thành.

Long như chợt tỉnh, ngỏn ngoẻn cười với bạn:

– Té ra tôi tạo cái khổ cho tôi và cho người khác một cách vô ích quá, vì không có gì đổ vỡ cả.

– Cái gì cũng giải quyết được hết. Tôi lo lắng cho các em tôi như vậy, vì như đã nói, tôi không muốn có sự thất bại của dì dượng tôi làm cho người khác sợ hãi rồi không dám trở về quê nữa.

– Thành ra có con gái lớn, không nên lui về vườn.

– Tùy. Nếu không có tham vọng gả con cho dân thành thì cứ việc lui. Mà nếu có, thì nên để con ở lại đây.

– Sao má tôi nói ngày xưa, "mấy thầy" thích tìm vợ ở thôn quê lắm?

– Ngày nay đã khác hẳn rồi. Hồi xưa người ta nói con gái thành hư hết, nên sợ chúng nó lắm. Bây giờ họ biết lại là chúng không hư như ai cũng tưởng đâu. Còn trái lại nữa là khác, tôi dám chắc gái thành sành nuôi con hơn gái quê chẳng hạn.

Chú rể Long rước cô dâu Hồng đi xong, chiều lại ông bà Nam Thành ngồi nhơi cái hiu quạnh của mình.

Để cho vui nhà, ông Nam Thành nhìn bà, và cười tự đắc mà nói:

– Bà thấy hay không? Rồi cũng gả trôi hết ba đứa, có ế ẩm gì đâu mà bà cứ theo cằn nhằn tôi đến nhức xương.

– Xí, ông không biết khỉ khô gì hết, hỏi thằng Bằng nó nói cho mà nghe.

Gả trôi ba đứa là công lao vận động của thằng Bằng và của cả thằng Long nữa. Nếu ngồi đó mà đợi, thì con mình sẽ thành đá vọng phu hết trọi!

Ông nên biết rằng trường hợp của mình là trường hợp đặc biệt. Tai nạn xe hơi không bao giờ diễn lại lần thứ nhì ở gia đình khác mà cùng cảnh với mình. Ông nghe chưa?

– Nhưng việc chánh là gả được con, mà mình đã gả được.

Rồi ông cười ha hả để đánh trống lấp.

Năm 1949

*

HÀN THẾ DU
(Sinh 1916)

Tên thật là Hứa Văn Lãng, sinh ngày 1-11-1916 tại thôn Tam Sơn, xã Liên Sơn, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh. Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957), hội viên Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam.

Xuất thân nông dân nhưng sinh trưởng tại xứ Kinh Bắc có bề dày về truyền thống văn hóa và dân ca, ông yêu văn chương từ nhỏ, tập viết văn khá sớm. Năm 1935, cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông ***Bóng mây chiều*** *đoạt giải thưởng văn chương Tự lực văn đoàn.*

Từ 1945, ông tham gia Cách mạng, ông từng làm Trưởng ty Thông tin Lạng Sơn hồi đầu kháng chiến. Từ năm 1952 ông chuyển hẳn sang hoạt động trong bộ môn Sân khấu chèo.

Hàn Thế Du từng sưu tầm và chỉnh lý nhiều vở chèo cổ nổi tiếng: Xúy Vân, Lưu Bình – Dương Lễ, và là tác giả của các vở chèo: An Tiêm nàng Út, Yết Kiêu giữ thuyền, Tình ca non nước, Chị Đôi...

Trước khi nghỉ hưu, ông từng làm Trưởng đoàn Chèo Trung ương, Giám đốc Nhà hát Chèo Việt Nam.

*

BÓNG MÂY CHIỀU

(tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

1.

– Chị bảo em bài tính này với. Gớm! Khó quá, thầy giáo chưa giảng cho em.

Cô Chi đang ngồi trầm ngâm khâu áo, nghe em hỏi bỗng ngoảnh sang phía em ngồi.

– Đâu? Đưa chị xem!

"Một người mẹ chết đi, để lại cho hai con một cái gia tài..."

Một người mẹ chết đi! Câu ấy nhắc lại cái cảnh thương tâm vô hạn trong đời nàng.

Một buổi chiều về cuối thu năm trước – ngày cha nàng còn tòng sự ở Bắc Ninh – trên giường bên mẹ Chi hấp hối. Bà mắc bệnh đã hơn hai tháng nhưng vẫn cố gượng vì không muốn để phiền não cho chồng con. Mãi đến khi tự biết mình khó qua được nạn, bà mới bảo người nhà đánh giây thép gọi nàng. Lúc Chi về tới nhà thì mẹ nàng đã gần đuối sức, nhưng thấy con gái yêu, bà lại tươi ngay nét mặt rồi cầm tay nàng mà căn dặn:

"– Trời bắt mẹ con ta phân ly lúc này thực là nghịch cảnh... nhưng mẹ biết làm thế nào... Vậy con có thương mẹ thì phải thay mẹ mà trông nom em nó sao cho được nên người... Mẹ..."

Nói đến đây bà thương tâm quá nên òa ra khóc, không nói được hết câu. Một lúc sau hồn bà lìa khỏi xác.

– Chị nghĩ gì thế? Bao nhiêu hở chị?

Chị đang lẩn mẩn nghĩ đến cảnh đau lòng nghe em nhắc bỗng giật mình cúi xuống vờ đọc lại bài tính rồi bảo em cách làm. Làm xong, Quý gấp sách lại hớn hở nói:

– Phần của người con trưởng lại bằng hai người con thứ, vô lý quá! Phải đều chứ ly...

Chi mỉm cười:

– Sao em lại bảo là vô lý?

– Vì nếu mẹ có để cho chúng mình cái gia tài ấy thì chắc chị để cả cho em, chị nhỉ!

Câu nói ngây thơ của Quý khiến Chi cảm động đến rơm rớm nước mắt. Nhưng, muốn giấu em, nàng nói lảng:

– Thôi em học đi không thầy lại đánh cho. Mà mới hôm qua phải nhịn cơm mà em vẫn chứng nào tật ấy.

Quý vâng lời vừa mở sách ra học vừa phàn nàn:

– Chúng mình khổ quá chị nhỉ. Động một tý là thầy đánh, trước còn me, me yêu em lắm cơ. Sáng nào em cũng được ăn bánh tây sữa mà bây giờ thì phải nhịn đói đi học, thầy ác quá!

Chi thở dài:

– Độ ấy me đi dạy học được nhiều tiền mà lại. Bây giờ me mất thầy nghèo rồi, lấy tiền đâu mà ăn hoang?

– Nghèo ngay! Thầy ăn một tháng trăm ba chả nhẽ lại không cho em mỗi ngày được hai xu ăn quà hay sao? Hai nhân với 30 là... 2 lần 3 là sáu... là sáu hào. Có sáu hào thì vẳn vẽo gì mà bảo không có. Chẳng qua chỉ tại thầy ghét em đấy thôi. Em còn nhớ năm ngoái me mua cho em đôi giày tây mà thầy lườm mãi.

Nghe em nói liếng thoắng người thiếu nữ chỉ thở dài. Khuôn mặt xinh xắn lộ ra vẻ lo buồn vô hạn.

Bỗng ở ngoài có tiếng giày lẹp kẹp. Quý lắng nghe rồi hốt hoảng:

– Chết, thầy đã về!

Nói xong, cậu cất tiếng học bài, chị cũng bỏ chiếc áo đang khâu mà vội vàng xuống bếp để giúp thằng ở sắp cơm, vẻ mặt lo sợ như thấy ma hiện hình.

Mười lăm phút sau, cả nhà ngồi quây quần xung quanh chiếc bàn tròn trong buồng khách, ăn bữa cơm chiều. Trên mặt tủ chè, cây đèn búp măng lập lòe chiếu sáng vì cổ đèn đã hở. Ai nấy đều lặng thinh như những người xa lạ.

Khói cơm nghi ngút, mùi xào nấu thơm tho. Cũng đồ ăn ấy, cũng cha con ấy, mà xưa kia – ngày mẹ còn – cứ đến bữa cơm là Quý hớn hở như con chim há mỏ đón mồi. Thế mà nay, ngồi co ra trên chiếc ghế, cậu chẳng tươi cười, chẳng nói những câu: "Chị chan canh cho em... me cho con xin miếng cá!". Cậu ủ rủ ngẩn ngơ như con chim non mất mẹ.

– Thằng Quý không ăn đi? Ngồi đực cái mặt ra đấy à? Nghe dì nói, cậu vội vàng cầm bát đũa, ấp úng mời:

– Thầy xơi cơm, dì xơi cơm... chị...

Ông Bình vẫn giữ thái độ nghiêm trang bí mật. Ông ăn rất thong thả, chốc chốc lại buông bát ngồi im, cặp mắt đăm đăm như theo đuổi một ý tưởng gì thâm thúy.

Mà vẻ mặt ông thâm trầm thế nào thì bà lặng lẽ như thế. Bà ngồi cũng thanh cảnh, cầm đũa cũng thanh cảnh, nhai cũng nhỏ

nhẻ như sợ gãy răng. Khổ nhất là cặp mắt lim dim của bà lúc nào cũng đưa sang bên chỗ Quý ngồi:

– Quý! Tao đã bảo chỉ được gắp một ngọn rau thôi, mà phải chấm cho khéo, không được buông đánh tõm một cái như chuột ngã xuống ao như thế, nghe không!

Nói đoạn đưa mắt nhìn trộm cô Chi như có ý thù hằn. Quý đang gắp miếng rau nghe dì nói thì rụt đũa lại, thậm thịu:

– Thưa dì, bàn cao quá con làm thế nào mà chấm sẽ được. Trước me con vẫn gắp cho con kia (câu sau cậu nói rất sẽ).

– Thôi em ăn đi, dì bảo phải nghe!

Chi vừa nói vừa gắp miếng rau vào bát em. Ông Bình cau mặt:

– Lại con này nữa. Kiểu cách lắm!

Chi vẫn dịu dàng:

– Thưa thầy bàn cao quá.

Mà bàn cao thật. Quý phải nhấp nhổm vươn tay ra mới gắp được đồ ăn. Khổ chưa! Có đĩa thịt gà ngon nhất thì lại ở góc bàn bên dì! Thèm quá! Nhưng xa thế kia thì gắp làm sao được! Dì lại mắng cho thì chết. Nghĩ thế, cậu nhấc lên đặt xuống cái bát cơm đến ba bốn lần mà không dám chòi đũa, chỉ đành nhìn trộm cho đỡ thèm.

Nhưng đĩa thịt gà trắng bông kia cứ dần dần thôi miên cậu – Quên sợ, cậu nhè nhẹ đưa đũa sang rồi đưa mắt trông dì, trời ơi! Cái tia mắt của dì mới dữ dội làm sao! Nhanh như cắt, cậu Quý vội co tay lại như đứa ăn cắp bị người ta trông thấy. Miếng thịt gà rơi vào bát canh, vài giọt nước bắn ra ngoài. Sợ hãi cậu cúi gằm mặt xuống.

Chi vội vàng gắp miếng thịt vào bát em rồi sẽ bảo:

– Lần sau em gắp cho khéo, không dì lại quở cho!

Đoạn, nàng buông bát đũa xuống bàn rồi đứng dậy đi vào trong nhà để không ai biết là nàng khóc.

Sau bữa cơm, Quý theo lệ thường phải cất nồi cơm và lau bàn ghế, rồi lại vào buồng học ngay. Còn Chi, dọn dẹp mâm bát xong

cũng lên ngồi cạnh em mà khâu áo. Nhưng Chi buồn, buồn lắm. Trái tim nàng tê tái vì em.

Cảnh chua xót vừa qua đã nhắc nàng nhớ tới cuộc đời rực rỡ năm xưa: trong hồi khổ cực mà nghĩ đến sự sung sướng đã qua, ai là không ngao ngán...

Hồi đó, thầy mẹ nàng ở một căn nhà kiểu mới. Trước nhà có trồng bốn cây đào, trên ban công, bốn chậu hoa hồng cứ mỗi năm hễ xuân sang lại trổ bông phơi phới. Bề ngoài đã đẹp bên trong lại lộng lẫy hơn, đồ đạc tuy không xa hoa lắm nhưng cũng sang trọng và ngăn nắp; buồng ăn riêng, buồn ngủ riêng như nhà một người Âu vậy.

Chủ nhật nào cũng thế, hễ ở trong trường ra là Chi lại lên ngay Bờ Hồ mua một bó hoa nhỏ xíu độ năm sáu xu rồi nâng niu mang về Bắc thay cho bó hoa cũ đã tàn.

... Nàng đang đứng ngắm nghía, vuốt ve bó hoa xinh đẹp ở buồng khách thì cậu Quý đã chạy ra reo lên: "Chị đã về!" rồi nhảy chồm lên ôm cổ. Bà tham cũng êm ái cất tiếng gọi: "Chi vào đây con!". Chi lại hớn hở vào buồng ăn chìa má cho mẹ hôn.

Ngày ấy, Chi là một đóa ngọc lan rất được người nâng niu chiều chuộng. Sự sống của nàng thực đầy đủ tốt tươi.

Nào ngờ đâu cảnh nhà đang vui vẻ, bà tham bỗng chết đi. Cái không khí ấm êm trong gia đình cũng tiêu tán theo bà. Một tháng sau, tự nhiên ông Bình bắt con thôi học, Chi khóc lóc kêu van thế nào ông cũng không nghe. Kịp đến khi ông phải đổi về Hưng Yên thì những đồ xa hoa ông đem bán hết đi; trong nhà chỉ còn lại những đồ cần thiết.

Thấy cha bỗng nhiên sinh ra lạ lùng như thế; Chi cho là ông chán đời; có biết đâu sự chia lìa đau đớn đã làm cho ông nghĩ quẩn: "Người ta đang quen sống sung sướng mà trong gia đình bỗng xảy ra tai biến thì cuộc đời nó cay đắng biết là bao nhiêu! Chi bằng ta tập khổ cho quen để mai sau dù có gặp gia biến, ta còn có gan trống trọi."

Vì thế chị em Chi mới phải trăm chiều cực khổ. Hạnh phúc gia đình nàng đã mất mà cuộc đời mai hậu cũng bồng bềnh vô định như một cánh hoa trôi.

Chi tìm đâu cho thấy những giây phút cảm động bên mẹ hiền. Còn đâu những khi chiều tà bảng lảng, Chi đứng tựa cửa sổ, lặng nhìn mấy cây dương liễu ở dưới sân mà tưởng nhớ gia đình...

Đời tinh thần của Chi đã thảm đạm tiêu điều, sự sống của Chi mới lại càng tang thương lắm nữa. Trở mẹ cũng không có tiền may áo vải thâm; ốm đau cũng không có tiền thang thuốc. Tấm thân trước kia được người chiều chuộng mà nay sao bị vùi dập như một cánh hoa thừa? Này, thử nhìn xem quanh mình cô có cái gì ưng ý không? Cha ghét, dì khinh, chỗ ở thì bề bộn những thạp gạo, sanh nồi, quần áo. Mà chiếc hòm da bụi bám đầy kia phải chăng là chỗ áo quan đựng những mảnh di hài của cuộc đời tốt đẹp?

2.

Thầy Mãn tử hết đường hiếu nghĩa.
Xét nhà huyên quạnh quẽ đã lâu;
Thờ cha sớm viếng, khuya hầu,
Chẳng may gặp phải mẹ sau nồng nàn;
Trời đương tiết đông hàn lạnh lẽo,
Hai em thì kép áo mền bông;
Chẳng thương số phận long đong,
Hoa lan nở để lạnh lùng một thân.
Khi cha rạo theo chân xe đẩy,
Rét căm căm bỗng xẩy rời tay;
Cha nhìn ngẫm nghĩ mới hay
Nghiến răng rắp cắt đứt dây xướng tùy...

Cậu Quý đọc được đến đây thì không biết vì động lòng hay sao mà bà tham bỗng đứng dậy rồi lẳng lặng đi lên gác. Cậu cũng tủi thân, nước mắt nước mũi chảy ra ràn rụa.

Nghiến răng rắp cắt đứt dây xướng tùy ỳ ỳ...

Giọng cậu lè nhè nghe mới thảm làm sao! Nói là cậu học bài thì không đúng, vì miệng tuy ề à đấy nhưng tâm trí thì để cả vào những viên sỏi ly ty nó đang nghiến vào đầu gối. Khốn nạn! Chỉ vì chập tối cậu đánh vỡ cái bát hoa mà phải đánh một trận nên thân, lại phải quỳ, phải nhịn cơm.

Cậu mỏi mệt quá nhưng không dám kêu, chỉ đưa cặp mắt lờ đờ nhìn cha rồi nhìn đồng hồ trên mặt tủ: còn lâu, mới có hơn tám giờ! Thất vọng, cậu khẽ thở dài một cách thiểu não.

Sa nước mắt chân quỳ miệng gửi,
Lạy cha xin xét lại nguồn con...

Tiếng Quý học lẻ nhè vẳng đưa vào nhà trong, lọt vào tai Chi như những lời ai oán. Nàng ngồi đó đã lâu không nhúc nhích. Nàng thương em, nàng giận cha, nàng tủi phận. Em nàng khổ bao nhiêu thì nàng sầu não bấy nhiêu.

Trong khi ấy ông tham Bình vẫn ngồi trầm tư mặc tưởng, hai mắt đăm đăm nhìn xuống trang sách như làm phép thôi miên. Ông cứ ngồi như thế trong hai giờ đồng hồ. Hai giờ ấy đối với chị em Chi thực dài bằng hai thế kỷ. Chị mong cho cha đi ngủ, em cũng tâm tâm niệm niệm khấn thầm. Nhưng ông Bình vẫn thờ ơ lãnh đạm như không nghe tiếng rền rĩ của đứa con thơ.

Chuông đồng hồ thong thả buông 10 tiếng. Ông ngước mắt lên nhìn giờ rồi đứng dậy lặng thinh đi lên gác, chẳng thèm bảo tha tội cho con.

Nhưng, khi nghe chừng ông đã lên đến bậc thang thứ nhất, Chi thấy nhẹ hẳn người. Nàng cầm lên cây đèn ra ngoài thì Quý cũng lấy tay phủi lần cát đỏ bám vào quần. Nàng đặt cây đèn xuống bàn rồi vạch áo em ra xem thì thấy trên lưng đầy những vết lằn thâm tím.

– Em có đau không?

Động lòng vì câu hỏi của chị, Quý thổn thức nấc lên hình như bao sự đau đớn ứ trong tâm can bây giờ mới tràn ra cổ.

Có tiếng ông tham khạc ở trên gác. Chi giật mình bịt lấy mồm em không cho khóc:

– Nín đi em! Nín đi không thầy lại nghe tiếng. Giọng nàng ngọt ngào như mẹ dỗ con. Khi Quý đã nín, nàng mới sực nhớ là em chưa ăn cơm nên âu yếm bế cậu vào trong buồng, miệng nói sẽ:

– Chị lấy cơm cho em nhé!

Thì, như tỏ lòng uất ức vì sự tàn tệ của cha, cậu lại thổn thức nấc lên mấy cái. Hai hàng nước mắt đồng thời tràn ra hai má.

Bao nhiêu cảm tình đối với người đã thương yêu cậu lúc ấy đều như ẩn trong những tiếng thổn thức nghẹn ngào. Mà cái tình của Chi đối với em thực cũng thiêng liêng gần như tình mẫu tử. Nàng chỉ nghĩ đến em, chỉ mong sao cho em được sung sướng mà thôi.

Thấy em đã nín, nàng để cậu ngồi một mình rồi vội vàng xuống bếp lấy cơm trong lòng vui vẻ như người mẹ nghèo đi chợ về với dăm ba chiếc bánh. Nhưng khốn nạn, lúc nàng mở nắp vung nồi ra để xới cơm thì chẳng còn một hột.

Chi cực thân quá mà không dám khóc, sợ em biết. Nàng gượng cười nói với em:

– Cơm nguội lắm! Em hãy ngồi đây để chị đi thổi cơm cho em ăn.

Rồi nàng bưng nồi xuống bếp lấy rá lên đong gạo, nhưng dờ đến hòm thì nàng thấy ai đã khóa chặt từ bao giờ. Lần này Chi không thể nén được nỗi thương tâm hai dòng lệ bỗng từ từ chảy xuống hai gò má.

– Cái gì thế chị?

Chi vội vã lau nước mắt, ngoảnh lại bảo em:

– Không? Chị tìm bát để đong gạo... Em cứ nằm ngủ đi cho đỡ mệt, lúc nào cơm chín chị sẽ gọi.

Quý ngáp dài:

– Ăn cơm "mấy" gì được?

– Cá kho em ạ!

– Chả! Dì lại... Gói đường chị mua cho em hôm nọ, chị cho em ăn cũng được

– Ừ, em cứ ngủ đi, sau chị gọi.

Ngoan ngoãn, Quý chui vào trong chăn. Chi cũng vờ xuống bếp, ra đứng nấp ở bên ngoài.

Một lúc sau nghe tiếng em ngáy, nàng rón rén đi vào chong đèn ngồi bên cậu Quý. Cơn mỏi mệt vừa qua đã làm cho cậu ngủ thiếp đi, thỉnh thoảng cậu thổn thức thở dài.

Bấy giờ, Chi mới được tự do với nỗi cực lòng. Nàng ngồi bó gối bên em mà khóc... Khóc chán lại nín, nín rồi lại khóc. Nàng gọi mẹ không biết là bao nhiêu lần: "Me ơi! Me có biết là chúng con cực khổ thế này không me!".

Đem càng khuya sự đau khổ càng thấm thía. Nàng tức giận quá chỉ muốn ngồi suốt sáng để tỏ lòng phẫn uất. Nhưng nàng nhọc quá không sao gượng được, vừa ngã lưng xuống chiếu, nàng đã ngủ quên đi lúc nào không biết...

Lúc bừng mắt ra trông thì trời đã tảng sáng:

Chi vội vàng trở dậy mở cửa ra sân. Gió lạnh ùa vào buồng đưa theo mấy hạt mưa giá ngắt. Chi khép cửa lại tự nhủ thầm:

– Trời rét mướt thế này mà nhịn đói thì chịu làm sao được. Hay ta cho nó mấy xu...

Nghĩ tới tiền, Chi lại thở dài ngao ngán vì đã 5, 6 hôm nay nàng không có một đồng trinh nào trong túi; mà đi vay thì...

Cái ý nghĩ ấy vừa đến trong óc đã làm cho Chi hổ thẹn. Nhưng nàng nghĩ đến em hơn nên chỉ do dự một lúc, nàng đã vội vàng xuống dưới nhà lay thằng bếp:

– Anh Ba... Anh có tiền cho tôi vay.

Dở ngủ dở thức, bếp Ba càu nhàu:

– Khổ! Cô lại hỏi vay tôi thì còn trời đất nào nữa. Câu nói thật thà của anh ta đối với Chi có ngụ bao sự mỉa mai chua chát: "Ừ! Cô là con một ông tham mà sao lại phải đi vay một thằng nghèo xác!"

[1] Ở trên đời này con nhà quý phái mà phải như thế thì còn chút danh dự nào không? Nàng uất ức quá, muốn chạy ngay lên gác để nói cho cha cô rõ, nhưng nghĩ tới thái độ lạnh lùng khinh bỉ của ông, nàng lại nghẹn ngào nuốt lệ. Đang phân vân, nàng bỗng sực nghĩ đến Lan, một người bạn nàng mới quen biết. Không suy nghĩ gì nữa, nàng vội sửa khăn áo để lên phố vay tiền.

---

1. Bỏ 1 dòng.

Nàng không muốn cho em phải nhịn đói... Nhưng khốn nạn! nàng vừa về tới nơi thì Quý đã đi học rồi.

Ông Bình đang mặc áo thấy con về, cau mặt hỏi:

– Con này đi chơi đâu sớm thế? Chỉ hư thân! Chi uất ức quá đứng lặng giờ lâu mới nói được.

– Con lên phố vay mấy xu cho thằng Quý nó ăn quà vì hôm qua nó phải nhịn cơm.

Rồi Chi gục đầu vào tường mà khóc.

Một sự chẳng ngờ! Ông Bình tuy bắt con nhịn cơm nhưng ông chắc thế nào lúc ông đã đi ngủ, hai chị em nó cũng lấy cơm cho nhau ăn, nào ngờ đâu!

Ông ngạc nhiên muốn hỏi cho ra manh mối. Nhưng chợt nhớ tới cảnh cơ hàn mình thuở trước, ông lại lạnh lùng:

– Mày không có tiền à?

Rồi ông mở ví lấy một đồng bạc giấy ấn vào tay con, miệng nói sẵng:

– Đấy cho!

3.

Hình như qua một cơn tức giận thì con người ta lại trở nên hiền từ và đem lòng thương kẻ hành hạ, khác nào mặt bể sau cơn giông tố, mặt nước lại êm đềm phẳng lặng, gió lại đìu hiu.

Chiều hôm ấy vừa ở dinh Tuần phủ về, ông tham Bình đã gọi con gái ra, dịu dàng bảo:

– Mày cầm tiền nhà sang đưa cho cụ chủ hộ tao. Hôm nay tao không ăn cơm ở nhà, chị em mày cứ ăn trước đi.

Chi đón chục bạc cha đưa, trong lòng sung sướng. Là vì: đã lâu nay nàng mới được cha sai một cách thân yêu như thế. Người con đã bao lâu bị cha hất hủi mà bỗng được thương yêu, lẽ nào lại không cảm động.

Cảm động hơn nữa là nếu nàng sang bên ấy thì sẽ gặp một người... một người mà luôn mấy đêm nay nàng thường nghe tiếng hát, tiếng hát bi ai nhưng cảm động, như xót thương nàng...

Tuy trong lúc buồn thương nàng không chú ý đến, nhưng lòng nàng lắm khi cũng như được thấm nhuần điệu hát du dương như được ai chia sẻ nỗi lòng đau khổ. Mà người đó nào phải là ai còn lạ lùng bỡ ngỡ. Chàng đã bao lần viết thư cho Chi để van xin nàng một chút tình yêu.

Cả một quãng đời trẻ trung tinh nghịch của một nữ sinh hiện ra trong trí nhớ. Hồi đó nàng còn học ở trường nữ Sư phạm. Nàng là một nữ sinh đẹp nhất nhì trong trường nên biết bao chàng thanh niên mơ ước mà Tú là người trung thành nhất trong bọn. Chàng theo đuổi Chi đến một năm trời. Chi vẫn lãnh đạm, song chàng vẫn cố công đeo đẳng mối tình tha thiết, không bao giờ chán, không bao giờ thất vọng.

Có một buổi chiều chủ nhật. Tú quen lệ thường ra đón Chi ở ga rồi theo về trường học. Chi đã nhiều phen bực mình vì anh chàng si ngốc nên vẫn muốn tìm cách trêu ghẹo, nhưng lại sợ Tú cho là mình để ý nên lại thôi. Lần này, nàng mới quả quyết làm theo ý định. Nàng mở sách, xé một tờ giấy trắng, vừa đi vừa vẽ nguệch ngoạc một cậu học sinh quỳ xuống đất, tai bị thầy giáo béo dưới chua mấy lời chú thích: "Hừ! Khỏe theo gái, không thuộc bài".

Nhắc lại câu ấy. Chi bỗng bật cười. Cô nữ sinh hồi đó tinh khôn và nghịch ngợm lắm. Cô cho rằng họ chỉ là phường công tử bột, chỉ gạ gẫm láo, rồi hễ được thỏa tình rồi là bỏ rơi lúc nào không biết.

Trái lại, tuy bị "người yêu" tẩy ra mặt. Tú vẫn không chịu buông tha, vẫn cứ cố công theo đuổi khiến Chi lắm lúc phải động lòng. Nàng lại nhớ một câu trong bức thư Tú gửi cho nàng: "Anh vẫn biết rằng em ghét anh lắm nhưng đã chót yêu em mất rồi thì biết làm thế nào? Chiều nào anh không được đi theo em, nhìn dáng em đi thì suốt đêm anh không ngủ được"

Nàng mới chỉ quen biết Tú có thế thôi.

Rồi me nàng mất, nàng không được đi học nữa và bẵng đi từ ngày ấy đến nay, Chi mới lại nghĩ đến chuyện xưa. Nàng có cái cảm

tưởng rằng Tú yêu nàng thật. Tự nhiên nàng thấy trong lòng hồi hộp hết sức. Nàng băn khoăn mãi không dám sang trả tiền nhà vì nàng sẽ phải gặp Tú... Gặp Tú nàng sẽ ngượng đến thế nào? Nhưng chợt nghe thấy tiếng Tú hát, Chi như bị quyến rũ, nàng hồi hộp đi sang nhà Tú.

Nhà ngoài không có ai, nàng lê mạnh gót giày. Tú chạy ra, nhưng chàng bỗng đờ ra, chỉ khẽ gọi được một tiếng:

– Em!

Chi gần ứa nước mắt vì cảm động:

– Anh.

Rồi nghĩ đến chuyện xưa, nàng làm ra vẻ lãnh đạm nói luôn:

– Anh, ông có nhà không?... Thầy tôi cho tôi sang trả tiền nhà.

Tú cuống quít:

– Không. Thầy tôi đi vắng. Chỉ có...

Chàng vội ra khép cửa rồi không nén được nỗi lòng chàng vội nắm lấy tay Chi.

– Trời! Em! Em độc ác với anh lắm. Em đáng thương lắm.

Chi cảm động đến rợn người:

– Chết! Sao anh làm thế... Em không bằng lòng...

– Em không bằng lòng mặc... Anh biết, em không ghét anh đâu... Em không bằng lòng thì tiện đây Chi giết anh đi... giết bằng sự hất hủi, anh sẽ chết để giữ trọn lời thề.

– Lời thề?

– Phải, lời thề. Anh đã thề nếu không chiếm được trái tim em thì anh sẽ tự tử...

– Anh điên mất rồi.

– Phải anh điên, điên vì yêu, điên vì đau đớn. Em Chi! Nếu em còn lãnh đạm với anh ngày nào, giây phút nào, thì anh còn khổ sở. Cảnh đời em đang sống thực làm anh như xé ruột gan. Anh muốn cứu vớt em ra khỏi cảnh đời tối tăm em đang sống. Thực câu nói xưa bao giờ vẫn đúng... Thực mấy đời bánh đúc có xương...

Chi ứa nước mắt khóc. Nàng nghẹn lời thổn thức:

– Thôi anh đừng nói nữa, em khổ lắm rồi mà. Em xin cảm tạ lòng anh. Nhưng anh có nhớ rằng trước kia em đã hất hủi anh nhiều lắm không?

– Có! Nhưng càng hay chứ sao, em càng hiểu rõ lòng anh, anh yêu em là vì ái tình chân chính.

– Em chưa đủ tin.

Tú cười gượng.

– Em chưa đủ tin? Em đa nghi quá. Thời gian đã trả lời cho anh rồi đó.

– Thời buổi này học giỏi phải có bằng chứng thực, ái tình cũng cần phải có bằng cấp chứ.

– Em vào đây... Anh có đủ bằng cấp để khai cái mỏ vàng của lòng em.

– Đây nhé... cái hình em vẽ bằng than treo ở tường kia anh vẫn van mãi cô Bích mới cho để treo đấy. Bức tranh khôi hài em vẽ chế riễu anh vẫn còn đây.

Một phút yên lặng.

– Em... Nếu em còn nghi lời anh thì anh thề sẽ...

Chi ứa nước mắt ngả vào lòng Tú.

– Thôi em hiểu rồi...

Nàng ứa nước mắt nói theo:

– Nhưng em không thể... Anh làm thế nào mà cứu được em?

– Giản dị lắm, chúng ta sẽ lập gia đình.

– Không được, vì còn thằng em đó. Nếu em đi thì ở nhà dì em giết nó mất. Mà nhà anh thì gần, trong gia đình sẽ phải mãi mãi diễn ra cái cảnh dì ghẻ con chồng khốn nạn.

– Anh sẽ mang em đi Hà Nội, em mang Quý đi theo?

– Không được, chắc thầy em giữ tiếng không cho thế. Vả lại nếu chúng ta lập gia đình, em vẫn phải ở nhà anh, anh còn đi học kia mà...

Tú ngẩn người, chẳng biết tính sao nữa.

Chi nói tiếp:

– Ngày ấy còn xa lắm, em còn phải khổ. Em xin nói với anh rằng ái tình của em có thể hy sinh được, chứ em không thể hy sinh tình chị em để thỏa mãn ái tình. Lời me em dặn, em phải tuân theo chứ đâu dám sai lời me em được.

Tú ngẫm nghĩ rồi nắm chặt tay Chi:

– Được rồi, em cứ tin ở anh. Anh sẽ hết sức vì em để cậu em yêu quý của chúng ta thoát ly cảnh đời đang sống. Em Chi chúng ta đã yêu nhau, chúng ta sẽ thắng.

Chi không tìm lời từ tạ, chỉ gục đầu vào vai Tú nức nở khóc.

4.

Tết có ý nghĩa gì không? Tác giả không dám lạm bàn đến vì ở đời cảnh ngộ đã khác nhau thì lời bàn của một người cũng chỉ là điều tâm sự riêng mà thôi. Ta sướng nhưng người khổ, người nào có cảm tưởng như ta?

Nhưng ta thử tưởng tượng xem tâm sự của một người phải xa nhà, xa vợ xa con trong một năm trời đằng đẵng mà đến hôm ba mươi Tết được trở lại quê nhà...

... Người ấy đi trên con đường đất về làng trong lúc chiều tà bảng lảng... trông thấy cây đa cổ thụ, cái cổng gạch rêu phong và người đàn bà tay bế con thơ, người ấy dừng chân tự hỏi: "Vợ ta đang làm gì? Con ta có ngoan không? Mà cảnh quê hương vẫn còn y nguyên như cũ". Rồi người bộ hành tưởng tượng đến sự vui mừng, đến tiếng cười ròn rã của họ hàng, con cái, đến cái phút sướng điên của người vợ đã mỏi mắt ngóng trông...

Vậy thì ba mươi Tết là ngày vui mừng, cảm động nhất trong một năm.

Thế nhưng cũng ngày hôm ấy, cũng cái hơi xuân đầm ấm ấy sao cô Chi, cậu Quý lại ngồi nhìn nhau mà nhỏ lụy trong buồng vắng?... Cậu Quý khóc lóc đòi về thì ông đánh cho một trận rồi bắt quỳ một chỗ. Còn Chi, tuy không ân hận vì sự tàn tệ đó, nhưng thấy em khóc lóc nàng cũng động lòng thương hại vì nàng chỉ nghĩ đến em mà thôi.

Ông Bình đi làm trong một năm trời ròng rã mới về quê, chắc cũng có đôi chút cảm tình của người khách nọ, nhưng sao ông chẳng nghĩ đến tình cảm đáng thương của hai con? Giá được về quê ăn Tết thì cậu Quý sung sướng biết chừng nào! Khốn nạn: Hôm bà nội cậu xuống chơi đã dặn thế nào cháu cũng về cho bà khỏi nhớ, mà ông Bình lại không cho.

Chi đã cạn lời an ủi, mà cậu vẫn khóc. Mãi đến lúc nàng rủ lên phố sắm tết và mua cho một bánh pháo cậu mới nín khóc theo đi.

Suốt buổi chiều, hai chị em thơ thẩn trong phố khách và phố chợ. Qua những hiệu to thấy những bánh trái hoa quả bày la liệt, chị em chỉ lảng vảng xem qua vì nhân thân chỉ có mỗi đồng hai bạc, tiền đâu mà mua những thứ ăn đắt đỏ ấy. Chi mua cho em một bánh pháo rồi ra chợ mua nửa cân giò, một con vịt và mấy thứ bánh trái rẻ tiền. Lúc ra về, chị xách, em mang, trông thực rõ cái cảnh con côi mất mẹ. Tối đến, chị em lại cùng nhau lịch kịch xếp dọn nhà cửa, mãi đến khuya mới đi nằm. Quý tỉ tê nói chuyện với chị một lúc lâu rồi ngủ quên đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, lúc 5 giờ Quý đã dậy. Cậu nũng nịu nâng cô Chi miệng thỏ thẻ:

– Sáng rồi chị ạ! Dậy làm tết đi!

Chi ở mắt ra, thấy em nói, trong lòng vui sướng. Nàng ôm lấy cậu mà hôn một cái thực nồng nàn. Rồi hai chị em cùng nhau xuống bếp, bắt đầu làm tiệc nghinh xuân.

Trong khi Chi làm thịt vịt và xào nấu các món ăn thì cậu Quý chồm chỗm ngồi xem bên cạnh, thỉnh thoảng mới đứng dậy lấy hộ gáo nước hoặc những thứ cần dùng.

Hai giờ sau, các món ăn đã xong đâu đấy. Chi mở hòm lấy chiếc khăn trắng ra trải lên bàn xoay rồi bày các món ăn lên mặt.

Thức ăn tuy thanh đạm nhưng vì bày khéo nên trông cũng có vẻ tiệc lắm. Ở giữa, bát canh miến nấu với giò thái nhỏ li ti tỏa hơi lên nghi ngút. Xung quanh, bốn dĩa giò, cải hầm, thịt rang, thịt luộc đưa mùi thơm ngát. Ngoài những thứ ấy ra, lại còn một cái bánh chưng và hai trái cam là đồ nước.

Khi đã bày xong, Quý ngồi ngắm tự lấy làm thích trí, cậu ngây thơ bảo chị:

– Trông cũng đủ sướng rồi, không phải ăn nữa!

Chi nhìn em mỉm cười:

– Làm thế nào cho sang hơn một tí nữa, em nhỉ?

Quý lắc đầu, mủm mỉm đáp:

– Cơ nghiệp của mình chỉ có thế, giết ai ra hơn!

Câu nói của cậu làm cho Chi cảm động ứa nước mắt. Phải, ngày hôm nay cơ nghiệp của hai chị em chỉ có mấy đĩa đồ ăn đó và tấm lòng thương yêu mà thôi... Món tiền nhỏ kia đã mang đến cho nàng biết bao cảm giác vui buồn. Cái bàn xinh xinh có trải khăn lại nhắc nàng nhớ đến cảnh gia đình đầm ấm khi xưa, mà cái hơi đầm ấm đó, người quá khứ đã mang đi, nay lại phảng phất trong buồng...

– Thôi, ăn đi chị, không miến nguội mất.

Nhưng vừa cầm đũa toan gắp đồ ăn, Quý đặt xuống ngây thơ hỏi:

– Chị không cúng à?

Nghe em nói Chi cũng sực nhớ đến mẹ. Nàng cố cắn môi để ngăn hai hàng nước mắt vì nàng không muốn bữa tiệc đầu xuân phải pha giọt lệ sầu.

– Ừ phải, để chị cúng me rồi hãy ăn.

Nói đoạn, nàng lặng lẽ đứng dậy đến tủ chè lấy thẻ hương của dì ghẻ mua ngày trong năm. Nhưng chỉ còn có hai nén. Quý lau chau nói:

– Còn hai nén thì em cúng me một nén chứ sao!

Rồi cậu bảo chị đưa cho để xuống bếp châm. Một lúc sau, cắm hai nén hương lên cậu bỗng ngẩn ngơ vì thấy Chi ôm mặt khóc.

Cậu giương mắt nhìn chị, thẫn thờ:

– Chị sao thế, chị?

Chi lau nước mắt, kéo em vào lòng nói nựng:

– Em tôi ngoan quá! Đáng thương quá!

Rồi nàng nhách mép cười – cái cười ngụ bao nỗi thương tâm – Cầm hai nén hương đứng dậy định cắm vào bát nhang. Nhưng bỗng nghĩ ra một cách tỏ lòng thành kính có ý nghĩa hơn, nàng đem cắm vào lưng ghế mây rồi tháo cái "mê đay ông" có ảnh mẹ và quàng vào chân hương.

Quý ngơ ngác hỏi:

– Sao lại làm thế hở chị?

– Em không biết à? Tây họ thường bỏ một cái ghế trống trong buồng ăn để tỏ lòng nhớ thương người mới mất. Chị cũng bắt chước như thế mà.

Quý tuy chẳng hiểu lời chị nói, song cũng tin là một điều hay nên vui vẻ tán thành:

– Phải đấy chị ạ! Em lễ me nhé!

– Lễ à?

– Vâng, lễ me...

– Thôi đứng vái cũng được.

Thấy em vái trước hai nén hương, nét mặt nghiêm trang kính cẩn, Chi bồi hồi cảm động, ứa hai hàng nước mắt. Rồi như chịu ảnh hưởng của tinh thần tôn giáo, của lòng nhớ thương, nàng cũng đứng vái theo...

Trên lưng ghế hai tia khói quấn nhau dịu dàng, uốn khúc. Nhìn ảnh mẹ và hai tia khói ấy, Chi bỗng chạnh tưởng đến tình chị em quấn quít nhau bên hình ảnh người mẹ hiền đã khuất.

– Chị không ăn đi?

Nghe lời em, nàng gượng vui cầm đũa nhưng hai nén hương và chiếc ảnh vẫn âm thầm vẽ ra trước mặt nàng một bức tranh thảm đạm. Suốt bữa cơm nàng buồn bã, ít nói, ít cười làm cho Quý cũng phải băn khoăn khó chịu.

Mối buồn sâu xa lặng lẽ ấy mãi đến lúc nàng đứng ngắm em đốt pháo trên sân mới tan đi hết. Bánh pháo mua hôm qua, Quý đã đem tháo bỏ vào trong hộp giấy con để đốt từng quả, châm xong một quả, cậu tung lên trời, pháo nổ "tạch", cậu cất tiếng cười ròn

tan. Mà cứ mỗi lần Quý làm như thế, nàng lại mỉm cười cặp mắt có vẻ mơ màng suy nghĩ.

Đang lúc cùng em say sưa thưởng thức cái phong vị êm đềm của buổi đầu xuân tốt đẹp, bỗng Chi nghe tiếng chuông kêu, nàng xuống dưới nhà mở cửa ra xem ai gọi, thì người phu trạm đưa cho nàng bức điện tín, trong chỉ có mấy lời vắn tắt: "Sẽ về mừng em".

Lúc ấy vẻ mơ màng trên mặt Chi lại càng thêm rõ rệt, hai mắt nàng sáng hẳn lên, nước da, cặp mắt, cặp môi cũng hồng hào hơn trước.

Chi vui sướng vì Tú sẽ đến thăm nàng. Độc giả còn lạ gì, đã yêu nhau thì một cớ cỏn con cũng đủ làm cho nhau sung sướng.

Chi sung sướng như cô bé ngoan ngoãn được mẹ yêu. Nàng đi đi lại lại trong buồng, cất tiếng hát liên miên. Nàng cảm động quá đến nỗi hát chẳng thành bài, hết ca dao lại đến các điệu mới, chẳng đâu vào đâu.

Rồi đứng ngắm mình trong gương, Chi mỉm cười nghĩ thầm:

– Chẳng lẽ ta lại ăn mặc thế này mà tiếp anh ấy ru?

Thôi đành mang tội bất hiếu vậy, me cho phép con ngày hôm nay me nhé!

Tức thời, nàng cởi áo the ra rồi mở hòm lấy áo nhung quần trắng ra mặc và phấn son nước hoa ra trang điểm. Quý cũng bắt chước chị lấy bộ quần áo len ra thay cho bộ quần áo vải trắng lọ lem.

Trang điểm xong, Chi đã nghiễm nhiên thành một tân nhân vật, nhan sắc lộng lẫy vô cùng. Nàng sung sướng vì sẽ được cùng tình lang hưởng những giây phút nồng nàn.

Nửa đêm hôm ấy, trong phòng khách, nàng ngồi sánh vai với Tú trên ghế dài, tay ôm một bó hoa rất lớn, bó hoa Tú mới tặng nàng. Bên cạnh, cậu Quý đã ngủ say trong ghế bành.

Hai người ngồi yên lặng như thế đã lâu lắm, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn nhau mà lặng lẽ mỉm cười.

Bỗng Chi nâng bó hoa lên miệng mà hôn, se sẽ nói:

– Đời em mà còn được thấy hoa thơm cũng là nhờ anh mang lại đó. Anh có biết không?

Câu chuyện mỗi lúc một thân, tình càng thêm đậm.

Đêm đã khuya lắm. Quý đã ngủ say rồi...

Tú bế Chi vào lòng run run sẽ nói:

– Lạnh lắm em nhỉ?

– Vâng, lạnh lắm! Nhưng có anh ấp ủ cho em làm cho lòng em thấy ấm áp lạ.

– Em!

– Dạ.

– Em thật lòng yêu anh chứ?

– Không em ghét...

Tú ghì chặt tình nhân vào ngực mình....

..... [1]

5.

Nàng có ngờ đâu cái kết quả ái ân là một sự thiệt hại thảm thê, một mối hận nghìn thu.

Hai tháng sau...

Một buổi sáng, trước cửa trường Bảo Hộ, Chi đứng chờ Tú, ở trường ra. Trông nét mặt ủ ê của nàng, khách qua đường cũng biết là nàng có điều gì phiền muộn.

Từ hôm hiến thân cho Tú đến nay đã hơn ba tháng. Trong ba tháng đó nàng đã gửi cho bạn hai bức thư thúc giục. Nhưng than ôi! Một lá thư đi, lại là một lần mong mỏi... có lẽ con người tệ bạc ấy đã phụ nàng rồi, phụ nàng ngay cái đêm hôm ấy. Chi hối hận lắm. – Chi tự mắng nàng là nông nổi đáng thương... Nhưng muộn rồi! Chỉ bảy tháng nữa là nàng sẽ có một đứa con.

Không những thân đã mang nhơ, mà còn phải trăm chiều lo lắng. Giá ông Bình là người khoan từ, rộng lượng thì nàng cũng

---

1. Kiểm duyệt bỏ chín dòng.

đành thú tội cho xong. Nhưng khốn thay ông lại là người khắc khổ, đời nào ông lại tha thứ cho Chi.

Vì thế, nàng chỉ còn một kế là lên Hà Nội để hỏi Tú xem nếu thực chàng phụ bạc thì sẽ trốn đi ở nhờ một người bạn.

Nghĩ đến bước đường gai góc mai sau, nàng thở dài tự nhủ: "Trời! sao cuộc đời ta sống lại khó hiểu thế này. Yêu nhau mà lại để lụy cho nhau?"

Còn đang mơ màng suy tính, trống bỗng đổ hồi. Một lúc sau, học trò lũ lượt đi ra. Chi phải dứng nép vào ga xe điện mà lóng ngóng nhìn vào trong sân. Thấy có con gái đẹp, mấy cậu học sinh bấm nhau thì thầm bàn tán, nhưng Chi vẫn làm ngơ như không nghe tiếng. Mãi một lúc sau, nàng mới trông thấy Tú ra với bộ mặt tươi cười. Nhưng không biết vì cố ý hay vô tình, chàng cắm đầu đi thẳng như không nhìn thấy tình nhân. Chi cũng không dám len vào hỏi chỉ lặng lẽ đi theo.

Đến ngã ba con đường rẽ vào vườn bách thú, nàng mới tiến lên sẽ gọi:

– Anh Tú!

Tú quay lại, thấy Chi, mặt hơi tái nhưng cố làm ra vẻ tự nhiên, bảo người bạn đi bên cạnh bằng tiếng Pháp:

– Em tôi đây, nó ở Hưng Yên mới lên chơi.

Người bạn mỉm một nụ cười chế nhạo rồi đi rẽ về phố Carnot.

Tú thở dài, sẽ bảo Chi:

– Em vào trong này.

Thấy giọng nói của chàng có vẻ cảm động, Chi cũng không lo ngại mấy. Nàng đi theo Tú trong lòng hồi hộp. Đến một cái ghế xi măng. Tú kéo Chi ngồi xuống rồi dịu dàng hỏi:

– Em mới lên chơi?

Chi sẽ đáp:

– Vâng... em lên hỏi anh!

Tú ngẫm nghĩ một lát rồi thở dài:

– Nhưng em có chắc không?

Cảm động, nàng ứa nước mắt nhìn bạn nghẹn ngào:

– Đích rồi, khổ quá! Anh có làm thế nào thu xếp cho xong không em chết mất.

Nói đoạn, nàng gục đầu vào vai Tú mà thổn thức. Bao nhiêu sự lo lắng, sự hổ han, sự nghi ngờ đều như theo dòng lệ mà thoát ra ngoài.

Một lúc nàng mới thấy trong lòng dìu dịu.

Tú để lặng yên cho nàng khóc. Khi nàng ngẩng lên chàng mới cầm tay, sẽ hỏi:

– Vậy em định thế nào?

Chi nín khóc, dịu lời:

– Em đã nói rõ ý em trong thư: chỉ có một cách là anh cho người đến hỏi.

Thốt ra câu ấy nàng tưởng Tú vui lòng ưng thuận. Nào ngờ đâu Tú lại không nghĩ như nàng. Một lúc sau chàng mới nói:

– Em nên tha thứ cho anh... để anh phân trần cho em rõ. Bây giờ anh còn đang đi học mà lại vướng vào vợ con thì còn hy vọng gì tiến lên được. Vậy em nên vì tương lai anh.

Chàng nói mau như sợ Chi cướp lời. Nhưng Chi vì quá đau đớn nên điềm nhiên để chàng nói hết rồi cười nhạt:

– Anh mà cũng nghĩ thế, làm gì anh phải chối quanh, nếu quả thực anh muốn làm hại tôi, và chỉ muốn thỏa lòng trong chốc lát, nếu anh không yêu tôi nữa thì anh cứ nói ra tôi sẽ liệu... chứ làm gì anh phải viện những lẽ vu vơ. Anh nên biết: học trò có vợ hay không, việc ấy có can gì đến sự học. Hay tại mình, mà dở cũng tại mình chứ vợ con thì có làm gì nên tội.

Lời nói đầy vẻ xót xa, đầy vẻ cương quyết đó làm cho Tú luống cuống không biết phải trả lời sao. Chi thực không ngờ rằng người mà nàng yêu dấu lại là người như thế. Nàng tưởng tượng như giá nàng ở địa vị Tú thì không đời nào lại để cho một người mình yêu phải khổ sở như nàng.

Nhưng trong tâm hồn Chi không những chỉ có tính trầm nghị mà thôi. Nàng tự cao chừng nào thì cũng dịu dàng chừng ấy. Tuy

lời nàng nói đầy sự hờn giận, mà nàng có ghét Tú được đâu. Đưa mắt nhìn tình nhân thấy nét mặt chàng rầu rầu thương xót, nàng lại hối hận thở dài:

– Anh nên thương lấy em...

Xem như Tú cũng cảm động vì lời nói van lơn, nhưng không hiểu tại sao chàng vẫn không ưng thuận:

– Nhưng chắc thầy me anh không cho phép. Vì các cụ đã định... thực khổ cho anh quá!

Chi nóng ruột cố giữ vẻ ôn tồn:

– Em xin nói một lần nữa: Nếu anh thực sự yêu em thì không có điều gì ngăn được ý anh muốn. Anh lại không tự chủ được hay sao? Hay là anh chỉ định lừa dối?

– Thôi anh van... Em mà cũng còn nói thế thì còn trời đất nào.

– Vậy thế sao anh còn từ chối?

Tú năn nỉ:

– Nếu anh nghe em, anh sẽ là đứa con bất hiếu. Không đời nào thầy anh lại cho phép.

Chi cười lạt:

– Vì sao? Em không xứng đáng làm dâu các cụ hay sao?

Tú thở dài:

– Không phải thế... Khốn nỗi, hai bên đã ước hẹn với nhau rồi...

Chàng nói dối. Thực ra chàng cũng chưa hề ngỏ ý với cha mẹ bao giờ. Cái việc nó làm cho chàng lưỡng lự, sợ hãi, là đứa con sau này. Nhưng Chi vẫn tin lời Tú là thật nên nghẹn ngào nói:

– Anh đã có nơi ước hẹn... Trời! đã thế anh còn yêu tôi làm gì? Anh lừa dối tôi...

– Anh xin em đừng nói thế... chỉ tại thầy me anh chứ nào...

– Thì ta chẳng cưới xin gì nữa, em sẽ vui lòng cùng anh tự do kết hôn.

Ngừng một lát nàng dịu lời, năn nỉ:

– Anh nghĩ xem, cảnh ngộ nó đã xui như thế thì anh cũng nên thương em. Anh đắc tội với các cụ thì em cũng có lỗi với thầy me em. Em nào có được sung sướng gì?

– Khốn nhưng ta làm cách gì mà sống!

Chi vui vẻ đáp:

– Anh em ta sẽ thuê nhà riêng mà ở với nhau. Ngoài số tiền thầy me gửi cho, anh có thể đi dạy học thêm để kiếm tiền. Còn em, em cũng xin đi làm thư ký, dạy học như anh.

Rồi nàng nhìn tình nhân âu yếm nói:

– Đấy anh coi, dẫu việc khó đến đâu cũng có thể giải quyết được, nếu chúng ta yêu nhau.

Tú cũng gượng cười:

– Em nói dễ nghe quá. Đến lúc làm theo mình tưởng tượng mới biết rằng khó khăn. Anh lo lắm. Câu nói mơ hồ làm cho Chi ngơ ngác. Người ta lúc mới yêu nhau thường mơ ước đến cảnh xum vầy đầm ấm, cớ sao Tú lại tìm cách lánh xa, tuy vẫn yêu nàng? Vì cứ trông thấy nét mặt khổ sở tuyệt vọng của chàng lúc đó. Chi cũng biết là chàng vẫn thương hại Chi mà không thể nghe được lời. Nhưng Chi lại nghĩ trái lại, Tú đã phụ bạc mình nhưng còn vờ thương xót. Nàng không thể nén được sự bực mình dồn hỏi:

– Vậy anh định thế nào?

Giọng nói giận dữ làm cho Tú lo sợ luống cuống, chàng lặng yên một lúc rồi cất tiếng run run:

– Em, em có thể đến ở nhờ một người bạn được không?

Rồi chàng lặng im, nhìn người bạn gái để đợi câu giả lời. Một lúc thấy nàng vẫn thản nhiên, nét mặt có vẻ mơ màng suy nghĩ chàng lại ngọt ngào nói tiếp:

– Em nên nghe anh... để rồi anh sẽ liệu chứ bây giờ anh lại phải cáng đáng những công việc ấy thì nguy cho sự học của anh lắm.

Đoạn chàng moi chiếc ví da ở trong túi ra lấy một tập giấy bạc đưa cho nàng:

– Đây em cầm lấy món tiền này để rồi anh sẽ đưa sau.

Đến đây, Chi không thể nào nén được sự tức giận nữa. Nàng ứa nước mắt quay ra nhìn hòn đảo nổi giữa hồ. Rồi, đột nhiên, nàng vùng đứng dậy ngó vào mặt Tú mà cười nhạt:

– Anh là một đứa ích kỷ... Anh làm hại tôi, anh làm nên tội cho tôi mà không muốn chịu sự khó khăn nào. Anh chỉ sướng lấy thân anh...

Nàng thương tâm quá, lấy vạt áo lên lau nước mắt, giọng nói càng thêm nghẹn ngào:

– Trời ơi! Ta nhầm. Người ta cắp sách đi học đấy. Lương tâm người ta để đâu? Khốn nạn cho thân tôi. Bây giờ tôi mới biết lòng các ông là giáo giở.

Nàng lại buông vạt áo xuống mà nghiến răng nhìn Tú, hai mắt đỏ ngầu như con thú dữ. Thoáng trông thấy tập giấy bạc rơi trên ghế, nàng cúi nhặt rồi quẳng xuống đất mà cười gằn:

– Thôi được...

Nói xong nàng quay đi. Nhưng vừa đi được ba bốn bước, người con gái khốn khổ không nén được sự đau đớn, òa lên khóc như mưa...

PHẦN THỨ HAI

1.

Sang đến Bắc Ninh, trước khi tìm đến nhà bạn, Chi ngồi trên một cái ghế trong công viên. Một luồng gió mạnh chạy qua quét những lá khô trong vườn lạt sạt.

Tần ngần ngắm những chiếc lá khô, trong óc Chi bỗng nảy ra bao ý nghĩ chua chát. Thân Chi nào khác chiếc lá rơi, một chiếc lá còn xanh đã rụng vì cơn mưa gió tơi bời, mà nay bỏ quăng trong vườn vắng.

Trời đã về chiều.

Nghe tiếng kèn nhà binh thổi ở đàng xa, Chi giật mình tỉnh mộng. Nàng mỏi mệt quá nhưng cố gượng đứng dậy đi ra ngoài đường.

Một người cảnh sát cưỡi xe đạp qua trước mặt khiến nàng lo lắng, vì biết đâu ông Bình lại không trình báo lôi thôi, nhờ ty cảnh sát bắt nàng về. Nghĩ vậy, Chi thở dài, rảo bước đi mau.

Đến nhà Tâm ở phố Ninh Xa, quen như mọi khi, nàng điềm nhiên đẩy cửa bước vào, nhưng nàng bỗng kinh ngạc, sượng sùng, vì thoáng trông đồ trần thiết trong buồng khách cũng biết là nhà đã thay chủ. Thấy một bà cụ ở dưới bếp đi lên, nàng gượng hỏi:

– Thưa cụ, cháu hỏi chị Tâm.

Bà ta ngơ ngác:

– Không, ở đây không có ai tên Tâm.

Sau một tiếng "vâng", Chi lật đật chào bà cụ rồi trở ra, trong lòng chán nản, tuyệt vọng.

Rồi đứng bơ phờ ở một góc phố, nàng chạnh tưởng đến cuộc đời mai sau, đến cái ngày đứa con nhỏ lọt lòng... Ôi! Mai sau thân nàng còn điêu đứng đến đâu!

Bơ vơ trên đời không ai thân thích, tiền bạc cũng không, biết bao nhiêu người đàn bà khốn nạn phải sống trong cảnh khốn cùng với đứa con thơ. Rồi một hôm con ốm không có tiền mua thuốc, người mẹ đành phải bán thân cho người vì lòng thương con quá nặng...

Cảnh đời trụy lạc ấy thoáng qua trí não khiến Chi rùng mình.

Bùi ngùi, nàng nghĩ đến mẹ, đến em rồi ứa hai hàng lệ...

Đang lúc băn khoăn lo lắng, Chi bỗng thấy có một cô bạn học ngày xưa đi lại. Nàng thở dài tự nhủ: "Chị này không biết có lòng tốt chứa ta không? Thôi, ta cũng đánh liều".

Khi người bạn đã đến gần, nàng cất tiếng hỏi trước:

– Kìa chị Yến.

Cô bạn ngơ ngác nhìn.

– Chị quên tôi à?

Yến vẫn ngơ ngác:

– Vâng, tôi chẳng nhớ ra ai.

– Chi đây mà.

Nghe tiếng xưng tên, Yến bỗng reo lên:

– Ô kìa chị "Hoa khôi". Sao bây giờ chị khác hẳn đi thế... Lâu nay mới lại gặp nhau, chị vào chơi nhà tôi nhé!

Hai chữ "Hoa khôi" bỗng nhắc Chi nhớ lại những kỷ niệm ngây thơ ngày còn theo học ở trường con gái B. N. Vì khi đó nàng đẹp nhất trường, nên chị em bạn học vẫn tặng cho cái biệt hiệu ấy.

Yến hỏi:

– Bây giờ chị ở đâu?

– Hưng Yên.

– Chị lên đây chơi à? Thế tối nay chị ngủ nhà tôi nhé?

Chi thẫn thờ đáp:

– Vâng, cả tối mai, tối ngày kia nữa được không chị?

Thấy Yến ngơ ngác nhìn , nàng nói tiếp:

– Nghĩa là tôi không thể trở về nhà được nữa. Chị có bằng lòng cho tôi ở trọ cho đến khi...

Yến (thẫn thờ) ngắm bạn một lúc rồi bỗng chợt hiểu, Nàng thở dài bảo bạn:

– Được, chị về với tôi. Nhà tôi ở Niềm Thắng.

Hai chị em lặng lẽ đi bên nhau, thỉnh thoảng mới hỏi một câu vớ vẩn. Đến Vọng Cung, Yến đi trước, dắt bạn qua những khúc đường nhỏ hẹp. Một lúc đã tới nhà.

Thấy vườn tược tươi tốt, Chi nắm nghía quanh quẩn một lúc rồi khen:

– Đẹp nhỉ! Chị ở đây chắc tĩnh mịch, hẳn không có sự gì khó chịu nữa.

Yến cười:

– Ở chỗ này tu được.

– Nhưng chị có thể cho tôi...

– Được chị không lo. Khổ! Chị có thể nói... cho tôi nghe được không?

Chi ngần ngừ một lúc, rồi cất tiếng buồn rầu thuật lại chuyện thương tâm của mình cho bạn nghe. Lúc nói đến sự tàn tệ của Tú, nàng ứa nước mắt khóc:

Yến cũng ngậm ngùi:

– Thực, sinh ra con gái cũng khổ! Sao ở đời lại có hạng đàn ông hèn mạt như thế. Nhưng thôi, sự đã rồi, chị cũng đừng nghĩ gì nữa. Thà coi nó là đứa khốn nạn không đáng để chị bận lòng.

Nói đoạn, Yến vào trong nhà lấy thau và khăn mặt mang ra cạnh bể ở trước sân. Múc nước xong nàng mời Chi rửa mặt.

Thấy bạn ân cần săn sóc đến mình, Chi tự lấy làm hổ thẹn. Vì khi xưa lúc còn đi học, thấy Yến mập mạp to lớn, nàng vẫn cho là người tục tằn thô bỉ nên có ý khinh, ai ngờ người mà nàng đã tặng cho cái tên "du côn" cay độc lại có tấm lòng quý hóa như vậy.

Rửa mặt xong, Yến mời bạn vào trong nhà. Ngắm gian buồng sạch sẽ với bộ ghế tối tân, Chi đoán là còn người đàn ông nữa nên sượng sùng hỏi:

– Yến ở đây với ai thế?

– Anh Tuấn.

Chi sửng sốt!

– Thế à? Anh ấy thường vẫn đến chơi với me tôi. Ra chị là em anh Tuấn mà tôi không biết.

Nói xong Chi mỉm cười, vì nàng lại nhớ đến thói tinh nghịch của mình, khi còn là cô học trò nhí nhảnh.

– Đời học trò thật đáng tức cười, chị nhỉ! Ngày chúng ta còn học với nhau, tôi với chị thường kình địch nhau luôn thế mà...

Yến mỉm cười nói tiếp:

– Nay lại ngồi thân mật với nhau. Nhưng ngày ấy Chi cũng tệ lắm kia. Chi đẹp... Chi học giỏi, được cô giáo yêu. Tóm lại cái gì Chi cũng hơn Yến nên mới khinh.

Chi cười gượng:

– Chắc bây giờ chị hãy còn giận?

– Chi nhầm! Đời nào lại thế. Chi có thấy Yến giận và ghét ai bao giờ không?

Cảm động vì lời nói âu yếm của bạn, Chi bỗng rầu rầu nét mặt. Yến lại thở dài nói tiếp:

– Cuộc đời biến đổi thực chẳng ra sao. Mới cách đó ba năm nay chị đã...

Chi cướp lời:

– Đã già, xấu hơn trước nhiều rồi phải không chị?

Thấy bạn lặng im ra chiều ái ngại, nàng lại ngậm ngùi:

– Bây giờ Chi phải bơ vơ trên đời... Chi mới biết bụng Yến... Yến có tha thứ cho Chi không.

– Chị dạy quá lời. Tôi xin thề với chị rằng ở đây không có gì phiền cho chị. Hai anh em tôi ở đây trong "túp lều tranh" (nàng gạch ba chữ túp lều tranh bằng nụ cười) như hai người ở ẩn. Thú lắm chị ạ! Anh Tuấn sẽ coi chị như một người em vì từ ngày anh ấy...

Yến nói đến đây bỗng im bặt như không muốn đem chuyện riêng của anh ra nói với bạn. Nhưng Chi vốn thông minh nên hiểu ngay. Nàng mỉm cười trông ra ngoài vườn.

– Vâng, em xin cám ơn. Nhưng thưa chị, nhà này mà gọi là "túp lều tranh" thì cũng khí quá, vì mái ngói, tường gạch cửa lại có chấn song để phòng kẻ trộm.

Yến vui vẻ giảng nghĩa:

– Đấy là cái tên sáo của anh ấy đặt ra cho có vẻ mơ màng đấy chứ. Cũng như nhà văn sĩ kiết ở gian nhà lụp sụp mà viết thư cho ai tả những nhà lầu, đệm thêu, chăn gấm. Với lại cứ xem cái giá sáu đồng một tháng cũng đủ sợ cái "lều" của chúng tôi rồi.

Nghe những mẩu chuyện khôi hài của bạn, Chi cũng đoán được tính tình của Tuấn. Cái cảm giác nhẹ nhàng mà Yến vừa gieo vào tâm trí, khiến nàng ao ước cuộc đời khoáng đạt. Còn gì sung sướng hơn là cảnh một chị, một em sống trong chiếc nhà cô tịch như anh em Tuấn ở với nhau.

Lúc ấy Yến bỗng nghe tiếng thằng nhỏ gọi ở dưới bếp, nên bỏ bạn ngồi một mình, xuống bếp làm cơm. Chi cũng sực nghĩ đến cha nên vội vàng viết bức thư từ biệt. Xong, mỏi mệt quá nàng ngả lưng xuống chiếc ghế xích đu. Một lúc sau nàng thiu thiu ngủ.

Hai giờ sau Yến đánh thức nàng dậy ăn cơm. Bằng mắt ra trông thấy Tuấn ngồi đọc báo ở phòng ngoài, nàng bẽn lẽn đứng dậy, rồi rón rén đi sang, cố lấy giọng tự nhiên sẽ chào:

– Ông... Anh còn nhớ tôi không?

Tuấn tươi cười đáp:

– Tôi thì không bao giờ quên cô được. Từ ngày bà giáo mất đến nay tôi vẫn...

Chàng bỗng im bặt. Muốn che sự ngượng nghịu chàng quăng tờ báo xuống, lật đật sang buồng ăn.

Trước Chi còn e lệ dụt dè, nhưng tự biết ở địa vị mình mà do dự thì vô lý nên chỉ một lúc sau câu chuyện của chủ, khách đã có vẻ nồng nàn.

Ăn xong mọi người ngồi yên lặng trước những chén chè sen hơi bốc lên nghi ngút, Tuấn bỗng dứng dậy nhìn Chi se sẽ nói:

– Cô không ngại, chúng tôi là người xa lạ mà cô cho anh em chúng tôi biết chuyện riêng, đáp lại lòng tin của cô, tôi thề xin giữ kín. Từ nay cô ở đây với em tôi. Tôi rất vui lòng.

Chi cúi mặt xuống, ấp úng trả lời:

– Cảm ơn anh...

2.

Sau mấy hôm đầu, sự buồn bực ở đâu lại lặng lẽ kéo đến lấn áp tâm hồn Chi.

– Ta có thể nhờ một người đối với ta chỉ là bạn xoàng, một người đàn ông chưa vợ được không?

Chi tự hỏi như thế, trong lòng lại băn khoăn khó chịu. Sau nàng nghĩ: "Không thể được,. Ta thế này còn có thể lấy ai được nữa. Thân ta ô uế mất rồi. Vậy ta chịu ơn mà không trả được ơn thì chả hóa ra vô sỉ lắm sao."

Nhưng lúc Chi ngỏ ý muốn ra đi lập thân ở một nơi xa lạ, chàng bàn:

– Cô ở đây mà tìm kế sinh nhai cũng được chứ sao? Chả hạn, cô có thể buôn thư hàng gì đó; tôi sẽ vui lòng giúp cô. Bạn bè đối với nhau, cô cũng chả nên câu nệ, giữ gìn cho lắm!

Yến cũng tán thành ý kiến của anh nên cố nghĩ xem có thứ hàng gì buôn có lãi. Nhưng buôn bán nào phải là nghề dễ kiếm ăn, mà biết buôn bán thứ hàng gì cho hợp ý mình? Mở hiệu ư? Nàng làm gì có vốn.

Tuấn thấy bạn ngần ngừ, thì đoán là nàng không thuận nên lại bàn cách khác:

– Hay thế này. Cô thạo nghề thêu. Chi bằng làm tạm nghề ấy, tôi sẽ điều đình với ông chủ hiệu tôi quen để lĩnh đồ về làm. Nghề thêu xưa nay vẫn là gia tài của thành Bắc.

Yến can anh:

– Làm nghề ấy vất vả mà chẳng kiếm được là bao.

Nhưng Chi rất ưng lời bàn của Tuấn, vì cái lợi được ẩn trong nhà mà làm việc. Đối với nàng không còn gì khổ hơn là phải phơi mặt ra với công chúng.

Tuy vậy nàng cũng chưa quả quyết vì biết đâu làm ơn không phải vì lợi, vì ái tình.

Nhưng nếu Chi biết là từ ngày nàng ở đó đến nay. Tuấn đã phải chịu nhiều tiếng xấu thì cũng không nỡ nghi oan cho chàng; hết người hàng xóm cười chê lại đến các bạn đồng sự, các học trò nhạo báng. Song Tuấn chỉ lấy nụ cười ra đối phó.

Thế mà Chi vẫn nghi ngờ cho ân nhân. Hễ nói đến chuyện về đàn ông với bạn là thế nào nàng cũng len vào một câu: giả dối hết, họ nhỏ nhen hơn các sự nhỏ nhen trên đời.

Nhưng nửa tháng qua...

Lòng ngay thẳng của chàng đã thắng hẳn được tính đa nghi của người thiếu phụ... Thế là Chi bắt đầu làm việc.

Ở nhà đã có sẵn khung, có chỉ, vải và kiểu mẫu Tuấn lĩnh ở trên hiệu mang về cho, nên nàng chẳng phải bỏ một xu nào làm vốn.

Bức thêu đầu, nàng cặm cụi làm trong năm hôm mới xong. Chiều hôm ấy Tuấn ở trường về thấy Chi đứng tần ngần trước khung thêu thì cảm động đến gần ngắm nghía một lúc, chàng khen:

– Đẹp lắm, cô thêu khéo lắm.

Tuấn nói không ngoa. Bức tranh khóm chuối vờn gió bên bờ ao về lúc hoàng hôn của nhà mỹ thuật đã dịu dàng hoạt động thêm cái tài khéo léo của cô thợ thêu lột được hết tinh thần và màu chỉ óng ánh lại càng thêm lộng lẫy.

Thấy Tuấn khen, Chi bẽn lẽn gượng cười:

– Bây giờ anh lại đi giả hộ em nhé!

Tuấn yên lặng rồi nói:

– Thôi, không trả họ nữa. Bức thêu đẹp như thế này mà vào tay người khác thì phí mất, ta phải giữ làm kỷ niệm chơi.

Khi bức thêu thứ hai đã xong. Tuấn đem lên hiệu trả lại chủ và lĩnh được hai đồng công nhưng chàng nói dối Chi được bốn đồng.

Được lĩnh số tiền kiếm ra lần thư nhất, Chi cảm động nhìn ân nhân không nói.

Từ đó trở đi, nàng mới được an lòng. Thân thể nàng dần dần bình phục nhưng thấy bụng càng ngày càng to, nàng không sao quên được cái đêm khốn nạn, cái đêm mà Tú đã lừa gạt nàng. Nàng lại mong cho chóng đến ngày sinh nở để được tự do đi tìm Tú mà trả thù xưa.

Ngày nào cũng vậy, ngoài buổi giúp Yến làm cơm thì Chi lại cặm cụi ngồi thêu, chứ không bao giờ ra ngõ. Tuy vậy nàng làm việc rất điều độ vì nàng chỉ mong sao cho được no ấm thì thôi, chứ cũng chẳng mong gì suốt đời theo đuổi nghề thêu mướn. Mà giá không nhờ Tuấn lĩnh và trả đồ hộ thì nàng cũng không lấy độ hai hào hoặc kém hơn: Tuấn bao giờ cũng đưa gấp đôi số tiền công của chủ.

Thực là một cách giúp nhau kín đáo, âu yếm của một cặp tình nhân. Nhưng không, đối với Chi, Tuấn chỉ coi như một người bạn, bạn chơn mà Chi coi chàng như là một ân nhân đáng kính, đáng phục mà thôi.

Vì vậy "túp lều tranh" thêm một người đàn bà nữa lại trở nên vui vẻ hơn xưa.

Ngoài công việc hàng ngày, cả ba đều ham đọc sách. Chẳng có tờ báo nào hay mà Tuấn không mua, chẳng có một cuốn sách nào được nhà phê bình ca tụng là Yến không gửi tiền đặt trước. Cả ba đều là văn sĩ cả, nghĩa là cùng mắc một chứng bệnh: bệnh viết văn. Được cái, viết xong, các nhà văn sĩ chỉ xé đi hoặc để những hôm mưa dầm đem ra ngâm chơi, chứ không có can đảm gửi đăng báo.

3.

Đang lúc mọi người sống vui vẻ như những người vô tư lự thì bỗng một hôm có khách Hà Nội về chơi.

Hôm ấy, một buổi chiều giữa thu...

Trước khi vào nhà, khách còn dạo quanh vườn để ngắm những cây xanh tốt. Đứng bên gốc nhãn già, khách dang tay hút gió, bỗng chợt nom thấy Chi ngồi thêu bên cửa sổ.

Trong buồng tối, bên ngoài bóng râm, ở giữa khoảng tranh tối, tranh sáng ấy, khách thấy hình ảnh Chi như in trên một bức tranh lụa mầu đen cực mỏng. Mà bàn tay trắng nõn của nàng đưa lên đưa xuống, làm cho bức tranh mỹ nhân ngồi thêu đó thêm phần hoạt động. Người thiếu niên đang đăm đăm ngắm nghía, cố thu vào trong cặp mắt bức tranh tuyệt hảo, thì nàng bỗng chợt ngẩng lên. Bàng hoàng vì cái nhan sắc diễm lệ của người thiếu phụ, khách bẽn lẽn ngả mũ chào rồi đến gần cửa sổ:

– Thưa cô, anh Tuấn tôi có nhà không ạ?

– Dạ (Chi khẽ đáp) anh ấy đi chơi chưa về.

– Cô Yến?

– Chị tôi đi chợ.

Rồi lặng yên một lát. Chi dịu dàng hỏi:

– Có phải ông là ông đốc Lương ở Hà Nội không ạ.

Khách mỉm cười đáp:

– Vâng, sao cô biết?

Chi cúi mặt xuống khung thêu se sẽ trả lời:

– Anh Tuấn thường nhắc đến ông luôn!

Lương cười:

– Còn tôi, tôi cũng biết cô là cô Chi vì anh Tuấn cũng có viết thư nói chuyện.

Nhưng lạnh lùng Chi nói lảng:

– Mời ông vào nhà.

Sau một tiếng vâng, Lương vờ dạo quanh vườn, kỳ thực hai mắt không rời cái cửa sổ Chi ngồi thêu. Cái nhan sắc diễm lệ của nàng gợm nét buồn thương làm cho Lương say sưa ngắm cảnh u sầu, thanh tĩnh.

Chàng nghĩ thầm: "Đáng thương! Con người đẹp như thế mà bị quân độc ác nó lừa. Trời! Giá như ta... Sao ta chẳng được ở địa vị anh chàng họ Sở ấy mà nâng niu chiều chuộng đóa hoa này!"

Lời tự nhủ văn hoa ấy, Lương nghe thấm thía đến tận đáy lòng. Nhưng không biết tại sao chàng lại lắc đầu chán nản?

– Đây là cấm phòng, không được ngó vào, quan Đốc ạ!

Tiếng ai nói làm cho chàng thiếu niên tỉnh giấc mơ. Lương quay lại thấy Yến nhìn mình mà cười thì cũng gượng cười theo:

– Cô đi chợ về?

– Vâng, anh mới sang chơi? Anh ở đây ăn cơm với chúng em nhé. Anh vào trong nhà đi.

Lương lặng lẽ theo Yến vào phòng khách rồi táy máy đến chỗ Chi thêu, thì không biết cố ý hay vô tình, nàng bỗng vùng đứng dậy đi xuống bếp.

Cái cử chỉ khiếm nhã ấy làm cho Lương ngượng quá. Chàng thở dài nằm lăn xuống ghế xích đu nét mặt ngao ngán.

Một giờ sau, Tuấn đi chơi về. Đôi bạn thiết chào nhau bằng một nụ cười. Tuấn hỏi:

– Anh mới sang?

– Ừ, sang thăm bệnh một bà cụ ở bên này. Mấy tháng nay bận quá chẳng lúc nào qua thăm anh được, buồn quá!

Nghe giọng nói dịu dàng của bạn. Tuấn hơi lấy làm lạ, vì ít khi Lương lại đứng đắn như vậy. Chàng mỉm cười bảo bạn:

– Có một việc quan hệ phải nhờ đến tay quan Đốc mới xong đây!

Lương chừng mắt nhìn, sẽ hỏi:

– Việc gì mà bí mật thế?

– Thôi chả nói nữa!

Lương bĩu môi chế nhạo:

– Ê! Hay không.

Tuấn ngần ngừ một lúc rồi ấp úng:

– Việc... Chi ấy mà.

Lương bỗng vỗ tay cười rộ, nhưng lại im bặt, nhớn nhác nhìn ra sân như sợ có người nghe thấy tiếng cười mỉa mai của mình đối với người con gái khốn nạn.

Làm thầy thuốc, Lương còn lạ gì hộ sinh, nhưng không hiểu tại sao lúc này chàng thấy ngập ngừng e lệ.

– Thế nào? Quan Đốc có thuận không?

– Khỉ, đùa mãi, ở bên này cũng được chứ sao?

Lúc ấy, thằng nhỏ đã bưng cơm lên buồng ăn. Yến mời:

– Nào mời các anh các chị ra chén đi cho.

Lương cau mặt nói đùa:

– Ai khiến cô mời đấy? Thực rõ khéo vô duyên!

– Đã đành! Nhưng chị Chi em hẳn là người có duyên!

Nói xong nàng cười rộ khiến Lương lo lắng tưởng cô em ranh mãnh đã nghi ngờ rồi, sợ Yến tưởng mình mỉa mai, chàng nói chữa:

– Yến có duyên ngầm thôi.

Chàng lại toan pha trò nữa, nhưng đưa mắt nhìn Chi thấy nàng có ý lạnh lùng với những câu bông lơn nên bỗng sinh ngượng, ngồi im thin thít, Tuấn nói:

– Nào ăn đi! Trong khi ăn, cấm nói chuyện.

Khi đã rót rượu xong, Yến đứng dậy mời:

– Em xin nâng cốc uống mừng anh.

– Không dám.

Tiếc thay những lời bỡn cợt, chào mời kia lại chẳng ở miệng con người nhan sắc; Lương nghe thấy nhạt nhẽo vô cùng. Cho hay cái nết tốt của người đàn bà chỉ khiến cho ta kính nể mà thôi.

Tuy đồ ăn thanh đạm, nhưng Lương ăn rất ngon miệng. Ngồi bên Chi, chàng cảm thấy một mối vui nhẹ nhàng, man mác. Nhất là lúc nàng sới cơm cho, chàng cảm động bẽn lẽn, thẹn thùng.

Món tráng miệng là một đĩa đào mới hái ở trước sân. Táy máy nhìn hai cô chủ gọt vỏ, Lương mỉm cười: chàng so sánh má hồng hồng với má Chi, má xanh với má Yến: gương mặt hồng hào bên cạnh mầu da tai tái lại càng thêm tươi.

Nhưng đang cười nói vui vẻ, Chi bỗng đứng dậy sang buồng bên cạnh khiến Lương buồn thiu. Hồi lâu chợt nghĩ ra một kế để gần nàng, chàng đứng dậy ấp úng:

– Nóng quá! Ra ngồi gốc nhãn cho mát đi.

Rồi không đợi để bạn bằng lòng hay không, chàng đã hai tay xách hai cái ghế mang ra vườn.

Cây cối về chiều ủ rũ... Không một hơi gió mát. Không một tiếng chim kêu. Duy, trên mặt đất xám, mấy tia nắng vàng nhạt in hình lốm đốm.

Sự yên tĩnh trong vườn bỗng nhiên gieo vào tâm trí Lương những mối buồn u uất. Chàng lim dim cặp mắt nhìn theo khói thuốc nhè nhẹ bay trên không, rồi thở dài bảo bạn:

– Sống an nhàn ở một nơi tĩnh mịch như thế này thực sự là sung sướng.

Thấy bạn không đáp lời, chàng lại tiếp:

– Giá những đêm trăng trong gió mát mà được ngồi dưới gốc nhãn này mà tình tự thì sung sướng biết chừng nào!

Câu sau, chàng nói to cốt để Chi nghe tiếng. Nhưng – ôi mỉa mai. Lúc quay lại nhìn vào cửa sổ thì chàng nào thấy bóng ai đâu. Nàng, vì chếnh choáng hơi men, đã bỏ đi nằm từ lâu.

Tình cảnh ấy làm cho Lương chán nản tuyệt vọng. Chàng ngồi tựa lưng vào ghế, ngửa mặt lên trời mà ngáp dài, ngáp ngắn. Tính bỡn cợt của Yến, vẻ lạnh lùng của Chi và thái độ mô phạm của bạn

lúc nào cũng như trêu cợt chàng. Nghĩ đến, Lương càng thêm ngao ngán. Chàng ngậm ngùi:

– Tôi như anh, tôi chẳng để Chi phải làm lụng vất vả như thế.

Tuấn so vai đáp:

– Mình có lòng tốt với người ta thì dễ người ta không tự cao với mình! Phải chiều tính tự ái của người ta mới được chứ.

Một lúc sau, Tuấn vì mỏi mệt đã cáo đi nằm, mà Lương vẫn thẫn thờ trong vườn vắng. Chàng đi qua đi lại trước cửa sổ, Chi vẫn ngồi thêu, nhưng hai cánh sơn nâu vẫn khép chặt chẳng cho chàng nhìn giai nhân trong chốc lát.

Trời đã sâm sẩm tối...

Lương thấy mọi người đều như hững hờ lãnh đạm với mình thì tưởng như bị họ coi khinh. Tiếng còi xe hơi văng vẳng bỗng nhắc chàng nhớ giờ về Hà Nội. Ngậm ngùi, chàng thở ra một hơi thực mạnh rồi lẳng lặng đi ra ngoài ngõ.

Nhưng mười phút sau, không biết tại sao chàng lại quay về. Thì, lạ sao, ánh đèn ở trong nhà đã chiếu ra ngoài cửa sổ trước sân. Hồi hộp, Lương rón rén đến gần cửa sổ để ngó vào trong thì một cảnh sum họp dịu dàng bày ra trước mắt.

Trên cái giá đóng vào tường, chiếc đèn măng sông phủ rua xanh tỏa làn ánh sáng trong phơn phớt. Một bên Tuấn ngồi đăm đăm đọc sách, một bên, Chi lúi húi thêu. Còn Yến đang đứng vót tăm cạnh bàn.

Cảnh tầm thường ấy, Lương ngắm mãi không thôi... Chàng lắng tai nghe tiếng giun, tiếng dế rỉ rỉ dưới cỏ. Tiếng côn trùng như than vãn bỗng reo vào lòng người cô độc những cảm giác tê mê...

4.

Buổi chiều hôm ấy, không khí nặng nề như ngâm hơi nước. Trời tối sầm. Những đám mây đen trông gần ta hơn. Gió trước còn hiu hiu mát mẻ; sau bỗng ào ào kéo đến như tiếng thác chảy nghe tận đằng xa.

Đến nửa đêm, thì bốn phương trời đều như có gió nổi lên, họp thành những luồng mạnh gớm ghê, thỉnh thoảng luồn đông nam gặp luồng đông bắc, rập nhau, rồi quay cuồng vật lộn, như giận dữ, như hò reo. Một lúc lại bằng đi như trời đang mưa to bỗng tạnh.

Gió lại im như trốn đâu mất. Rồi đột nhiên lại ầm ầm kéo đến rất mau, chốc chốc lại rít lên những tiếng ghê sợ trên các ngọn cây. Nhờ cơ hội, những hạt mưa nặng trĩu cũng rào rào đạp vào mái ngói lá cây như sóng vỗ. Vạn vật đều như sụp đổ dưới cơn bão loạn cuồng vào.

Bỗng một luồng gió giật bóc mấy viên ngói ném xuống sân kêu loảng xoảng. Chi rùng mình ngồi nép cạnh Yến:

– Bão to lắm! Không khéo đổ nhà mất.

Yến cũng nơm nớp lo sợ, nhớn nhác nhìn anh. Nhưng lạnh lùng, Tuấn vẫn ngồi, lặng im hút thuốc lá hình như không thèm để ý đến cơn bão kinh thiên động địa. Khi điếu thuốc đã tàn, chàng mới bảo em:

– Trong lúc mưa gió thế này chẳng biết những người không nhà, không cửa họ trú ẩn ở đâu? Ta thử tưởng tượng xem cái cảnh người lỡ bước, tay bế con thơ đang lầm lội ở dọc đường tìm chỗ trú chân. Nước mắt lẫn nước mưa, khóc than đói rét.

Nhưng, cơn giông tố phũ phàng nào có nghĩ chi đến cảnh khổ của loài người. Gió vẫn ào ào thổi mạnh, mưa vẫn đập vào mái nhà như sóng vỗ. Nghe tiếng gió rít mưa rào mà rùng mình sởn óc, tưởng như trăm nghìn oan hồn đang thi nhau kêu khóc.

Mãi đến sáng hôm sau bão mới ngớt. Chi mở cửa trông ra sân thì một cảnh tang thương bầy ra trước mắt. Cây nào cây nấy, cành lá xác xơ; lá rụng đầy vườn. Gốc bưởi đào bên bể nước bật rễ lên nằm ngang trên mặt đất, quả lăn lóc khắp sân. Cây nhãn ở đầu hồi cũng bị tước làm hai mảnh.

Nhìn cảnh vườn tan nát, Chi ngậm ngùi:

– Đấy, mới chỉ có một đêm mưa bão.

Phải, chỉ có một đêm mưa bão mà thân Chi phải ngả nghiêng. Ngày nay mưa tạnh bão tan, đứng trước cảnh hoang tàn như thân

thế, nàng thấy mình không khác gì những cây kia gẫy nát rồi đến khi hồi phục lại phải chống với cơn giông tố phũ phàng.

Là vì, ngày nay lại có người yêu Chi!

Sau hôm ở chơi bạn. Lương thường luôn luôn sang Bắc, mà lần nào chàng cũng chỉ đứng sau bờ rậu để nhìn Chi ngồi thêu bên cửa sổ một lúc, rồi lại vui vẻ trở về.

Hôm nay, theo lệ thường, chàng cũng chịu khó sang thăm, nhưng lần này ra mặt chứ không thầm vụng như những hôm xưa.

Chi và Yến đang lúi húi nhặt bưởi rụng, thấy Lương vào thì đều quay lại, ngạc nhiên nói:

– Kìa quan Đốc!

Rồi dịu dàng, Chi tiếp:

– Mưa gió thế này mà ông cũng chịu khó sang.

Lương cười:

– Ấy chỉ vì có mưa bão tôi mới sang xem bên này có việc gì không. Ở Hà Nội có mấy nhà đổ chết người, tôi sợ quá!

Yến reo lên:

– May mà nhà ta không đổ. Nếu bây giờ chị em mình chết bẹp thì anh Lương khóc chán.

Nói xong nàng cười rộ khiến Chi cũng cười theo. Lương nghĩ thầm: "Ừ mà nếu em bị nạn thì ta đau đớn biết chừng nào. Em! Anh đã vì em mà lặn lội, chẳng quản gió mưa, chẳng hay em có hiểu cho nỗi khổ tâm này không, em?".

Ngẫm nghĩ, chàng tủm tỉm cười rồi lững thững đi vào phòng khách. Yến theo sau tò mò hỏi:

– Anh đắc trí gì mà cười thế?

– Tôi cười cô nhìn trộm tôi đấy! Xấu lắm.

– Sao anh biết là em nhìn anh?

– Hình như thế thì phải.

Thấy hai người đùa bỡn với nhau như trẻ con, Chi ngoảnh ra sân cắn môi nhịn cười. Nhưng nàng cũng như lây cái tính vui vẻ của Lương nên bỗng quay lại cười nụ, bảo chàng:

– Cái gì ông biết hẳn hãy nói có được không?

Nghe lời trách âu yếm, Lương sung sướng nhủ thầm: "Cứ mỗi ngày được nghe một lời của em, ta cũng đủ nghị lực mà làm việc rồi."

Nghĩ vậy, chàng lại đưa mắt nhìn Chi. Thấy nàng đang ghé vào tai bạn mà thì thầm có vẻ kín đáo lắm, chàng đỏ mặt, tưởng chế riễu mình. Nhưng không, hai chị em chỉ bàn nhau đãi khách một quả bưởi chua.

Chi nói:

– Chị xuống bếp lấy muối ớt để em bổ cho.

Ngồi tựa cằm vào lưng ghế, Lương táy máy nhìn bàn tay trắng muốt của nàng in trên vỏ bưởi xanh, trong lòng vui thích.

Chàng âu yếm nói:

– Ăn bưởi chua chấm muối ớt với các cô có lẽ thú hơn ăn tiệc.

Vừa nói buông miệng, Chi bỗng kêu lên vì con dao vấp phải tay. Nàng nhăn mặt bóp ngón tay bị đứt ra chiều đau đớn lắm. Lương vội vàng rút cuốn băng trong túi ra buộc cho nàng. Xưa nay mó vào da thịt đàn bà, Lương cũng dửng dưng như cầm một côn trùng để mổ xẻ. Thế mà không, lúc đụng vào tay Chi, toàn thân chàng rờn rợn, hình như cái hơi mát mẻ của mỹ nhân đã truyền vào cái dây thần kinh, mạch máu. Hơn nữa, thấy nàng để im cho buộc, chàng lại yên trí rằng nàng cũng một lòng, có biết đâu chỉ vì lâu nay sống trong cảnh đời lặng lẽ, nàng vẫn khao khát sự an ủi, vỗ về nên mới... Nhưng sực nhớ ra, nàng rụt tay lại rồi bẽn lẽn trách:

– Tại ông đấy nhé!

Lương cũng sượng sùng đáp:

– Vâng, thôi tôi xin lỗi.

Khi Yến đã mang muối ớt lên, Lương ăn luôn ba, bốn múi rất ngon lành. Còn thừa bao nhiêu chàng nhặt bỏ cả vào túi, nói khôi hài:

– Thày lang đi ăn cỗ chẳng lẽ lại không lấy phần! Thôi hai cô bằng lòng vậy, tôi về đây.

Yến nài:

– Anh hãy ngồi chơi thong thả, đi đâu mà vội!

– Khốn nhưng người ta còn chờ mình ở bệnh viện kia. Nếu ở chơi lâu được thì còn nói gì.

Chi cũng trông ra ngoài, tỏ ý thương hại:

– Trời mưa gió thế này mà phải về Hà Nội!

Lương cười:

– Nếu hôm nào sang chơi mà cũng được ăn bưởi như hôm nay thì đến bão đổ đình cũng chẳng ngại.

Chiều hôm sau giời đã quang, gió đã ngớt, Chi, Yến giúp thằng nhỏ, dọn vườn xong thì Tuấn cũng ở trường về. Nhưng khác hẳn với ngày thường, chàng có vẻ âu sầu mệt nhọc. Cất sách và cởi áo xong, chàng nằm lăn ngay xuống giường, chẳng tươi cười nói chuyện với hai em...

Từ ngày ở nhà bạn đến nay, lần này là lần đầu, Chi thấy Tuấn buồn. Vì đâu? Nàng nào có thể biết được. Nhưng tối hôm ấy, khi đã lên đèn, Tuấn bỗng lại vui vẻ như thường. Chi ngồi thêu được một lúc, thì chàng rút ở trong túi ra một tờ giấy gập tư rồi để lên trên bức lụa:

– Đây cô xem.

Chi hơi ngạc nhiên, lặng lẽ mở ra đọc:

Anh Tuấn,

Khổ lắm bạn ạ! Tôi thực không ngờ rằng ngày nay tôi lại phải sa chân vào vòng tình ái, tôi ngồi viết bức thư này cho anh mà trong lòng chứa chan hoài cảm. Đêm đã khuya rồi.

Từ ngày Lan chết đi tới nay thấm thoát đã năm năm. Trong năm năm bị sự hối hận dày vò, tôi đã hồ quên, nào ngờ đâu ngày nay Lan lại trở về dương thế, Lan tức là Chi đó bạn ạ.

Ôi! Ở đời sao lại có sự khắt khe nhường ấy. Không biết ai khéo nặn Chi mà giống Lan của tôi như thế! Cũng cặp mắt mơ màng, cũng đôi môi vạch thẳng.

Anh Tuấn ơi, chắc anh cũng biết rằng ngày xưa Lan đã vì tôi mà chết! Tôi đau đớn vì Lan bao nhiêu thì lại muốn chóng quên đi

bấy nhiêu. Vì kẻ âm, người dương tôi làm thế nào mà chuộc được sự lỗi lầm.

Mà có lẽ cũng bởi quá thương người vợ khuất, nên lần đầu tôi trông thấy Chi tôi mới bàng hoàng ngây ngất, tưởng như cuộc đời mình đang sống đều là mộng cả, phải chăng là Lan lại hồi dương để người chồng khốn khổ này được chuộc những tội lỗi xưa!

Vẫn biết rằng ông trời éo le sinh ra tôi chẳng phải để được may mắn về ái tình, cho đến gái giang hồ cũng vậy vì cái lẽ rất đau đớn: tôi xấu. Nhưng anh ơi! Người tôi xấu nhưng nết tôi tốt, tưởng một người như Chi cũng chẳng còn câu nệ. Nếu nàng ưng, tôi thề sẽ không nghĩ đến dĩ vãng của nàng...

Tiếng gọi của sự thương yêu đầy vẻ nồng nàn tha thiết ấy đã chẳng làm cho Chi mảy may cảm động, thẹn thùng mà lại khiến nàng căm tức. Xưa kia Tú chả từng nói với nàng những lời tha thiết như vậy đó ư? Nào ngờ...

Hồi tưởng lại cuộc ân ái chua cay, Chi nhếch mép cười, tự nhủ:

"Tôi còn lạ gì các ông nữa. Miệng thì nói toàn những câu đường mật, tưởng chân thật, sâu xa lắm, kỳ thực chẳng có mục đích gì hơn là sự ích kỷ: hưởng độc quyền trong chốc lát hoặc năm ba tháng rồi thôi."

Tuấn thấy nàng có vẻ suy nghĩ, vội hỏi:

– Thế nào, cô có...

Thì như căm tức nàng cười gằn:

– Được, để em nghĩ xem.

Rồi nàng cúi gầm mặt xuống lẩm bẩm một mình: "Hỡi bọn đàn ông bạc ác, ta thề sẽ làm cho mi điêu đứng mới trả được thù này!"

5.

Hai hôm sau, khi đã tiếp được thơ phúc đáp, – vì trong bức thư gửi cho Tuấn, chàng có dặn trả lời ngay cho biết thái độ của Chi, – Lương lại đến "túp lều tranh".

Vì năng qua lại nên chàng đã nhớ được những giờ mà Yến đi vắng. Chàng chủ ý muốn được gặp Chi trong trường hợp ấy vì muốn nói chuyện riêng với nàng.

Vào đến sân, thoáng thấy bóng nàng ngồi sau cửa cổ, lòng người thiếu niên bỗng rộn rã lạ thường. Chàng sượng sùng đứng nấp vào gốc cau để toan tránh mặt, nhưng thấy Chi đã ngẩng lên trông, chàng đành thờ thẫn bước vào như một cái máy.

Nhưng, chỉ qua cái giây phút hồi hộp đầu tiên là Lương lại trấn tĩnh ngay. Chàng lặng lẽ đến chỗ Chi ngồi, cố lấy giọng tự nhiên hỏi:

– Thưa cô ngồi chơi!

Chi mỉm cười sẽ nhắc:

– Ngồi thêu chứ ạ!

Rồi, không để cho Lương nói khơi mào nàng thong thả đáp:

– Thưa ông, chắc hôm nay ông sang bên này là định hỏi tôi về bức thư hôm nọ. Nếu thế, tôi xin vui lòng trả lời ông.

Câu nói đột ngột, sống sượng bỗng làm cho Lương phải bồi hồi. Chàng thực không ngờ rằng Chi lại tự nhiên như thế.

Mà giọng nói khô khan, lưu loát của Chi đủ tỏ là nàng đã rắp tâm làm cho Lương phải đày đọa để trả thù xưa. Nhưng khách ái tình nào biết được lòng nham hiểm của bạn nữ lưu. Chàng thấy Chi nói trúng ý thì cảm động, im thin thít.

Chi lại hỏi:

– Thưa ông, có phải như thế không ạ?

Lương gượng cười:

– Vâng quả thế! Cô thực là người cao đoán.

Rồi chàng bẽn lẽn tiếp:

– Lòng anh, em đã rõ, còn em, em nghĩ sao?

Chi dừng kim thêu, thỏ thẻ đáp:

– Thưa ông, em thực khó nghĩ quá. Hẳn ông cũng đã biết là em bị người ta lừa dối một cách đáng thương. Ấy cũng vì thế mà em sinh bụng nghi ngờ...

Thưa ông, như vậy em không thể nào tin lời ông được: khẩu thuyết vô bằng!

Lương sẽ cất tiếng dịu dàng:

– Thì cô thử thí nghiệm xem sao.

– Vâng, tôi cũng định... (Chi ngước mặt nhìn Lương, miệng tủm tỉm cười). Nhưng thử lòng nhau có nhiều cách, biết ông có ưng để em thí nghiệm như ý em không?

Lương đã hết thẹn nên quả quyết đáp:

– Anh rất vui lòng, mà dù em có thử bằng cách nào anh cũng thuận.

Chi cười:

– Vâng nếu thế thì... Xin lỗi ông, người ta đối với nhau mà lấy tình chân thật thì bao giờ vẫn hơn. Em nghi ngờ cho lòng tốt của ông thực cũng là sự bất đắc dĩ, xin ông lượng thứ cho. Người ta bao giờ cũng chỉ nhẹ dạ một lần thôi.

Nếu quả ông thực lòng, thì trước hết phải hứa với em. Điều thứ nhất: Sau ba năm thí nghiệm, nếu em hết nghi ngờ em sẽ vui lòng!... Điều thứ hai: Ông phải đem cả gia tài ra bảo đảm cho lời hứa đó!...

Nói đến đây Chi bỗng im bặt, vì nàng nhận thấy lời mình vừa thốt ra có vẻ tuồng. Nàng tưởng Lương sẽ cho mình là dở hơi, lố lĩnh, nhưng không, trái lại, chàng vẫn vui vẻ như thường.

– Có thế thôi, em? Nếu vậy, anh xin đem danh dự ra hứa với em như thế... dù phải xông pha vào chỗ hiểm nghèo để được lòng em, anh cũng chẳng ngại chút nào.

Nghe lời thiết tha, Chi mỉm cười chế riễu. Nàng cố lấy giọng âu yếm:

– Cám ơn ông, nếu được như vậy thì ông thực đáng cho em kính phục. Em sẽ vui lòng về ở...

Lương cảm động se sẽ nói:

– Thế bao giờ em sang?

Chi đứng dậy ngẫm nghĩ một lúc:

– Sáng mai, cũng giờ này anh mang xe hơi sang đón em. Bây giờ em còn phải làm xong bức thêu dở này và thu xếp công việc.

Đêm hôm ấy, khi mọi người đã ngủ yên, nàng rón rén trỗi dậy, đến bàn học của Tuấn viết vội cho chàng mấy lời từ biệt:

Thưa anh,

"Nhờ anh giúp đỡ cho trong mấy tháng giời, em đội ơn anh nhiều lắm. Em thực phục lòng anh cư xử.

"Nhưng nay em tự nghĩ nếu đời em cứ như thế này mãi thì vô nghĩa quá. Lẽ tất nhiên là em phải tìm lấy con đường có nghĩa hơn để mà đi,

"Em xin nói ngay rằng em đã bằng lòng về làm bạn với anh Lương, vì anh ấy quả thực là người quân tử.

"Như vậy có lẽ anh đã khinh em rồi. Nhưng anh ơi, anh khinh em cũng xin chịu, nếu anh rộng lòng tha thứ cho em, em rất cảm ơn."

Em anh
CHI

Viết xong mấy câu đó. Chi thở dài tự nhủ: "Chẳng biết anh có thấu cho nỗi khổ lòng của em không? Hay anh lại tin lời em là thật?"

Sáng hôm sau, Yến vừa đi chợ khỏi thì Lương đã vào đón tình nhân. Thấy nàng như có ý chờ đợi, chàng mỉm cười bẽn lẽn. Nhưng không do dự, Chi gọi thằng nhỏ lên coi nhà rồi tức khắc đi ngay. Lương tuy ngượng vì sự sỗ sàng ấy nhưng cũng lặng lẽ theo sau như một cái máy.

Mấy bác thợ thêu đứng nói chuyện với nhau trong sân đình thấy hai người đi qua thì chỉ trỏ, bàn tán, khiến Lương xấu hổ mặt đỏ bừng mà Chi vẫn điềm nhiên đi bên cạnh chàng như đối với người chồng chính thức.

Từ ngày vào ở trong làng Niềm đến nay, nàng ít ra khỏi ngõ nên họ giương mắt nhìn "vợ theo ông giáo". Lại thấy đi với người bạn vẫn năng qua lại nhà Tuấn, họ thì thào:

– Ấy chết! Họ dắt nhau đi đâu thế này! Kìa họ cùng ngồi ở đằng sau ô tô mày ạ!

Rồi họ vỗ tay cười vang.

Nhưng tiếng xe mở máy rầm rầm át hẳn tiếng cười chế riễu.

Một lúc sau, Chi đã đi xa "túp lều tranh", nơi nàng trú ẩn bấy nay, nàng đưa mắt nhìn Lương thấy chàng có dáng buồn bã thì mỉm cười sẽ hỏi:

– Anh sao thế?

Lương thở dài:

– Phiền quá em ạ, anh chưa kịp nói gì với anh Tuấn.

– Em đã nói với anh ấy rồi.

– Thực không? Em chỉ được cái hay chế riễu.

– Lại chẳng thực! Ai đời, mình bỏ nhà người ta để đi chỗ khác lại không có thư từ biệt bao giờ; anh cứ yên tâm.

Nghe Chi nói, Lương mới hết lo. Nhưng từ đó hai người ngồi lặng thinh bên cạnh nhau, trong lòng vẩn vương những nỗi lo buồn.

Một lúc sau chiếc xe hòm lịch sự của Lương đã đỗ ở trước nhà lầu. Chi giật mình nhớn nhác:

– Nhà anh đây à?

Bây giờ Lương mới thấy trong lòng vững chãi. Chàng vội vã bước xuống xe rồi tươi cười đưa tay cho người bạn gái. Không e lệ, nàng cầm tay Lương nhảy xuống xe một cách nhẹ nhàng. Vừa đi vừa ngắm tòa nhà đồ sộ, cây cối hoa cỏ tốt tươi, Chi tự lấy làm vui thích vì tưởng mình sẽ được phá phách hả lòng. Tươi cười nàng hỏi:

– Anh giàu lắm nhỉ? Người nào tốt phúc mới được làm vợ anh.

Lương cảm động nhìn nàng, âu yếm đáp:

– Đã đành rằng thế nhưng đem cả gia tài, tính mệnh ra đổi lấy em, anh cũng còn e không đủ...

Câu nói thiết tha chẳng làm cho Chi mảy may cảm động. Nàng cảm thấy một sự nịnh hót đáng khinh. Nhưng nàng cũng vờ hớn hở, cùng Lương dạo quanh nhà. Gặp vật gì đẹp nàng cũng lau chau hỏi, khiến Lương thích chí luôn luôn mỉm cười. Khi vào buồng khách, thấy hai chiếc ảnh lớn treo trên tường. Chi đoán là thầy me Lương nên dịu dàng hỏi:

– Thầy me đấy hả?

Cảm động, Lương đáp:

– Vâng, thầy me đấy.

– Các cụ bây giờ ở đâu?

– Mất rồi.

Biết vậy Chi lại mừng thầm: hẳn không ai ngăn trở công việc của mình nữa.

Suốt ngày hôm ấy Lương không lên bệnh viện chỉ ở nhà soắn xuýt bên nàng. Tối đến. Lương lại dắt nàng lên thăm bệnh viện rồi vào hiệu vải mua mấy thức hàng tơ lụa và phấn sáp, nước hoa. Muốn Lương phải tiêu một số tiền lớn nàng chọn những thứ thượng hạng.

Về nhà, Chi mới đem những đồ trang sức ra đeo vào và thoa phấn. Xong nàng quay lại nhìn Lương nũng nịu:

– Em có đẹp không anh?

Thì Lương thở dài như mê man:

– Em đẹp lắm!

Chi lại tươi cười:

– À, ra em đẹp lắm kia đấy! Nhưng anh có thật lòng đối với lời hứa hôm qua không?

Lương không bối rối chút nào, bình tĩnh đáp:

– Anh đã bảo: em muốn thế nào anh cũng xin ưng theo, em còn phải hỏi gì nữa!

– Anh thực là người quân tử. Bây giờ em ra cái chương trình như thế này: ban ngày anh được tự do ở bên em, nhưng tối đến anh phải nghỉ ở bệnh viện, anh bằng lòng vậy nhé!

– Xin vâng!

Nói đoạn, Lương gọi hai tên đầy tớ lên trình diện và căn dặn chúng phải hầu hạ nàng cho tử tế. Xong chàng từ biệt Chi.

Lặng lẽ lên buồng ngủ. Chi bỗng cảm thấy hết nỗi hiu quạnh canh trường. Trong tâm trí nàng phảng phất bao sự lo ngại, hồ nghi không đầu mối...

6.

Nàng nào phải là người đã trải việc đời mà biết nghĩ đến sự khó khăn của một việc dự định mà biết đắn đo, nghĩ chín rồi mới thực hành.

Người còn trong tuổi mơ mộng đối với việc đời bao giờ cũng vậy, họ chỉ nghĩ đến cái kết quả hay của việc sắp làm.

Song cũng vì tiêm nhiễm những sự hành động "nên thơ" của nhân vật trong tiểu thuyết nên nàng mới sinh ra nghĩ quẩn, thấy một người thiếu phụ trẻ trung đóng vai tình nhân giả dối để đày đọa kẻ thù, sự báo oán thực là khéo léo gớm ghê, nàng cũng muốn theo gương đó để trả thù xưa! Nhưng đến lúc lâm trong cảnh ấy, nàng mới biết là nguy hiểm. Chỉ được hôm đầu, bỗng nhiên nàng sinh ra lo sợ, vẩn vơ và chán nản. Nàng biết đâu là người thẳng thắn như nàng mà có ý làm những việc éo le, trái với lương tâm thì không bao giờ thành được, rồi nàng luôn luôn tự hỏi: Lương làm gì nên tội?

Nàng đã nhận thấy sự vô lý của nàng, nhưng cố tìm lời chống chế để che đậy "nhược điểm" của mình: "Dẫu sao đàn ông cũng là giống bạc tình". Tuy Lương không làm cho ta khổ sở nhưng biết đâu chàng lại không lừa dối một người khác!

Vì không biết xử trí ra sao nên Chi sinh ra bối rối lo ngại lắm. Lắm lúc nàng đối với Lương rất nhã nhặn, nhưng lắm lúc lại tàn tệ đến điều.

Một hôm, đang khi buồn bực, nàng lững thững đi chơi phố. Đến một ngã ba nọ thấy một đám đông người đứng xúm xít trên bờ hè, nàng tò mò ngó vào xem, thấy một người đàn ông mặt hốc hác, quần áo tả tơi, ngồi bệt xuống hè. Ngước mắt lên nhìn người thiếu phụ, anh ta nhớn nhác một lúc, rồi bỗng nhiên cất tiếng cười khanh khách.

Ngay lúc ấy một người cảnh sát đến đuổi những người đứng xem và bắt thằng điên đi chỗ khác.

Một bà lão đi gần Chi nhân dịp ấy kể cho nàng nghe cái lý lịch mập mờ của hắn:

– Anh ta trước là một phú ông ở tỉnh nọ, gia tài có đến vài vạn, chỉ vì mê một con ả đầu rồi bị nó lừa hết cả cơ nghiệp nên mới tiếc mà hóa rồ. Nghĩ thực đáng thương!

Chi hỏi:

– Sao người ta không bắt nó vào nhà điên?

Bà lão đáp:

– Ấy tuy ngày nào cũng đi lang thang khắp phố, nhưng anh ta nói rất khôn, cho nên đã bị bắt mấy lần lại được thả ra.

Rồi bà kết luận giọng có vẻ thương đời:

– Ở đời sao lại có lắm người độc ác thế nhỉ! Thực là loài rắn độc hại người.

Câu nói xót xa của bà cụ bỗng làm cho Chi tỉnh ngộ. Nàng lững thững về nhà vừa tự nhủ: "Phải, ta cũng là một thứ rắn độc hại người!".

Hôm ấy Lương ở bệnh viện về, thấy nàng ngồi thừ người nghĩ ngợi thì đến gần âu yếm hỏi:

– Em sao thế? Độ này em xanh xao lắm. Chắc em có điều gì giấu anh?

Chi lặng thinh không đáp nghĩ thầm: "Trời! Sao ta không gặp những thằng bạc ác! Lương đối với ta tử tế như vậy, ta biết xử trí làm sao bây giờ".

Rồi thấy Lương rầu rầu nét mặt, nàng động lòng thương hại, muốn đứng lên mà cầm tay xin lỗi. Nhưng chợt nghĩ đến nông nỗi đắng cay, nàng lại đổi tình thương ra lòng oán ghét. Vì đâu mà thân nàng lại phải điêu đứng nhường này? Phải chăng là bởi Lương luyến ái nàng. Mà ai lại, đường đường là một ông bác sĩ mà lại để cho người đàn bà sai khiến như một tên nô lệ như thế. Hơn nữa, thân nàng nào có trong sạch gì cho cam; cái kết quả của tấm ái tình ô uế, nàng còn mang trong bụng, hàng ngày Lương vẫn trông thấy mà sao lại không khinh bỉ chán chường?

Chi càng mang lụy vì tình, nhưng nàng nào có thể hiểu được những nguyên nhân khe khắt của tình yêu cao thượng. Lương yêu nàng mà nàng lại không yêu Lương. Mà lòng thù hằn vô lý cũng dần dần phai nhạt khiến nàng lúc nào cũng băn khoăn khắc khoải.

Nàng đã bắt đầu hối hận...

Chi luôn luôn tự mắng mình là lố lăng ngu dại, bỗng dưng đem thân vào hang hổ để ngày nay phải khổ sở một đời. Chi lại nhớ tiếc những ngày êm đẹp ở "túp lều tranh".

Đã lâu nay Lương không nhắc đến Tuấn, vì hễ nghĩ đến sự đường đột lúc dắt nhau đi chàng lại hổ thẹn. Nhưng hôm nay thấy Chi có vẻ suy nghĩ, chàng mới sực nhớ ra nên sẽ hỏi:

– Sao ở bên Bắc Ninh lúc nào em cũng vui vẻ mà ở bên này em lại cứ buồn hoài như vậy, hả em?

Câu nói âu yếm, lơ lớ giọng Sài Gòn làm cho Chi thêm chán ghét vì nàng bỗng đem so sánh Lương với Tuấn; một người thì mềm nhũn, u mê trước sắc đẹp, một người thì gân guốc như đá, hình như cái miệng khô khan của Tuấn chẳng tình tứ với gái bao giờ. Rồi quay lại nhìn Lương thấy chàng thờ thẫn. Chi so vai tỏ ý khinh bỉ và muốn xử tàn tệ cho bõ lòng căm tức. Khốn thay, vừa nghĩ đến cái dáng điệu lúng túng, đến vẻ mặt ảo não thảm thê của chàng, mỗi khi mình gắt gỏng, nàng lại động lòng thương.

– Có phải là vì anh mà em buồn không em? Sao em lại giấu anh, anh khổ tâm lắm.

Câu hỏi tha thiết bỗng làm cho Chi cảm động. Nàng không thể giữ được vẻ lạnh lùng:

– Em có buồn gì đâu! Có lẽ tại em ngồi không, chẳng có việc gì làm nên hay nghĩ vơ nghĩ vẩn, chứ như ở Bắc Ninh suốt ngày cặm cụi với kim chỉ thì còn lúc nào buồn được nữa.

Nhắc đến việc thêu thùa, nàng có ý muốn sang thăm bạn nên vội nhắc Lương:

– Anh không lên bệnh viện à?

Lương thở dài:

– Có, anh phải lên ngay bây giờ.

Rồi chàng se sẽ cầm lấy tay Chi âu yếm:

– Anh thấy lúc nào em cũng buồn! Nếu em muốn khuây thì chi bằng em lại mua vải, chỉ về thêu để trang điểm cửa nhà thì có phải lợi cả đôi đường không?

Chi tươi cười:

– Vâng, nhưng bây giờ anh hãy lên bệnh viện đi đã. Em bứt rứt quá chỉ muốn ngồi một mình. À, anh có thể cho em mượn xe hơi để sang Bắc được không?

Lương âu yếm đáp:

– Gớm, lại còn vay với mượn. Của anh cũng như của em chứ sao! Em còn phải hỏi cho phiền.

Nói xong, chàng cười nụ lặng lẽ đi xuống nhà. Chi cũng vội vàng mặc quần áo và trang điểm qua loa để sang Bắc Ninh. Nàng định gặp Tuấn để thú tội và mong chàng cứu giúp cho. Nhưng sang tới nơi, nàng lại do dự không muốn giáp mặt ân nhân. Chi bắt xe đỗ ở tận ngoài đường cái lớn rồi đi bộ vào trong làng, theo quãng đường xa hơn để tránh con mắt tò mò của bọn thợ thêu sống sượng.

Đứng sau hàng giậu tre, nàng hồi hộp nhìn vào trong vườn. Không một bóng ai. Trước sân những cành đào nâu sẫm đã rụng hết lá. Trên cây đu đủ có một quả chín vàng. Cây nhãn ở đầu hồi cũng chi chít những quả non.

Chi trông qua một lượt rồi tự nhủ: "Giá ta còn ở đây thì bây giờ ta đã sắp được ăn đu đủ, ăn nhãn lồng. Sung sướng biết bao nhiêu!".

Từ ngày Chi đột ngột bỏ ra đi cho đến nay, "túp lều tranh" lại lặng lẽ hơn ngày nàng chưa đến. Vì tuy người không ở đó. Nhưng hình ảnh nàng còn in dấu trong cảnh nên thơ để người ở lại phải nhớ nhung vơ vẩn. Mà anh em Tuấn cũng không quan tâm tới sự sỗ sàng của Chi. Cái tính tình lạ lùng của nàng chỉ làm cho hai anh em động lòng thương cảm chứ không khinh ghét.

Nhưng Chi lại không nghĩ thế. Nàng tưởng tượng như khi đọc mấy lời từ biệt của mình, Tuấn thế nào cũng cười nhạt hay bình phẩm lôi thôi. Như vậy nàng không còn hy vọng gì trở lại với cuộc đời "lãng mạn" như xưa được nữa.

Mặt trời đã xế... Trên ngọn bưởi đào chỉ còn chút ánh sáng vàng nhạt – trước kia, lúc này Chi thường cùng Yến đi lảng vảng ở ngoài sân để chờ Tuấn ở trường về nên cảnh vườn có vẻ xao xác. Nay chỉ vì nàng vắng bóng nên mới lạnh ngắt tiêu điều.

Đang mơ màng với mẩu đời ký vãng, Chi bỗng thoáng trông thấy Tuấn xách chiếc ghế mây ở trong nhà đi ra gốc nhãn. Thì, như đứa ăn trộm bị chủ nhà bắt gặp, nàng vùng chạy trốn.

– Cô Chi!

Tuấn đã trông thấy nên cất tiếng gọi. Nhưng Chi cứ cắm cổ bước mau không dám ngoảnh lại. Ra đến đường cái lớn nàng hấp tấp trèo lên xe giục:

– Về mau!

Xe chạy đến Lũng Giang, Chi mới tỉnh mộng. Nàng đưa mắt nhìn ra ngoài. Một đoàn gái quê đi bên vệ đường làm cho nàng phải chú ý. Các cô, vai đeo tay nải trắng, lưng thắt bao xanh, bao đỏ, gió đưa phấp phới như cánh bướm tươi màu, vừa đi vừa cười nói huyên thuyên, chẳng như Chi lúc nào cũng ủ dột lo phiền...

7.

Trong lúc lo phiền, nàng lại nghĩ đến em Quý thân yêu, nên sáng hôm sau, Chi xin phép Lương về Hưng Yên thăm cậu. Lúc sắp đi, Lương nói một câu làm cho nàng bâng khuâng nghĩ ngợi:

– Nếu em xem có thể được thì đem nó lên trên này mà chị em hú hí với nhau cho vui. Em nên nhớ rằng lúc nào anh cũng sẵn lòng coi em nó như em ruột của anh mà đứa con em sau này anh cũng sẽ coi như con đẻ.

Vì thế cho nên từ lúc xe hơi quay bánh đến lúc xe đỗ ở trường học, nàng luôn luôn nhắc lại lời Lương nói. Nhưng khi bước chân xuống xe, nàng mới chợt hiểu là một sự viển vông nên lắc đầu lẩm bẩm nói: "Không! Không thể được... ta nào có thể là bạn trăm năm với chàng!".

Trời mới về chiều nhưng mây đen u ám, rặng cây me trơ cành trụi lá đứng chơ chơ đã chết khô. Trên đường vắng, một cái xe bò đi chậm chạp; bánh xe lắc kêu lạch cạch vang đường.

Cảnh chiều đông tiêu điều buồn bã lại gieo vào lòng Chi biết bao cảm giác buồn rầu. Nàng nhớ đến những lúc cùng ai tình tự, đến những giây phút say sưa, khi gối tựa vai kề, đến cảnh em bị

hành hạ, không ai che chở. Nàng cảm thương thân phận, rưng rưng nước mắt.

Bỗng tiếng chiêng đổ hồi. Nàng giật mình tỉnh mộng. Chi cúi xuống ngó vào cái bụng đã to vượt mặt, nàng tự lấy làm thẹn nên vội vã bước lên xe để tránh con mắt tò mò của các cậu học sinh.

Khi đã trông thấy cậu Quý đi trong đám trò nhỏ, nàng cất tiếng gọi em đến hai, ba lần mà cậu không nghe tiếng. Sau thấy chiếc ô tô bóng loáng, cậu bỗng động tính tò mò đứng lại xem. Nhân cơ hội, Chi ngó đầu ra ngoài cửa cất tiếng gọi:

– Em Quý ơi, lại đây chị bảo!

Cậu Quý nhìn chị trong giây lát rồi bỗng reo lên:

– Ô kìa, chị!

Chi mở cửa xe ra bảo:

– Em lên trên này đi xe với chị!

Không để bảo đến hai lần, cậu Quý vội vàng nhảy tót lên xe, nét mặt hớn hở. Chi ôm em vào lòng và cúi xuống hôn lên trán rồi mới bảo tài xế lái xe đi.

Lần này là lần đầu mà cậu Quý được đi xe hơi nên cậu có vẻ khoái chí lắm. Cậu lần lượt nhìn những đệm da bóng lộn và những bộ phận máy móc ở đằng trên; nét mặt lộ vẻ vui tươi vô hạn.

Một lúc sau, như đã thỏa được tính tò mò, cậu buông một tiếng thở dài sung sướng rồi thỏ thẻ bảo chị:

– Thích quá nhỉ!

Rồi cậu nhìn ra ngoài mà reo lên:

– Ô vườn hoa, sắp đến nhà rồi chị ạ.

Chi đang mê mải ngắm sự sung sướng của em, nghe nói bỗng giật mình lo sợ. Nàng như người vừa vượt ngục mà thấy kẻ khác nói đến nhà tù, vì phải chăng xưa kia chốn gia đình vẫn là nơi nàng bị giam hãm. Nàng cất tiếng bảo sốp phơ:

– Bác Năm! Cho xe chạy mau lên. Đi thẳng ra đường lên Hà Nội.

Cậu Quý reo lên:

– Phải đấy, cho xe chạy nhanh mới thích.

Rồi cậu nép mình vào ngực chị mà thỏ thẻ:

– Chị này! Chị lên Hà Nội chứ? Cho em đi với nhé?

Chi thong thả đáp:

– Em không sợ thày đánh cho à?

– Sợ gì! Em chả cần. Được đi chơi với chị sung sướng thế này thì có chết cũng cam tâm.

Câu nói ngây thơ của em làm cho Chi cảm động rơm rớm nước mắt. Nàng chợt nghĩ đến những kẻ cô thân, chỉ ao ước được một ngày mai tốt đẹp mà không bao giờ được hưởng. Nàng cảm thấy như một người mà trời đã ban cho cái chức vụ thiêng liêng làm chị. Chi thực cũng không ngờ rằng Quý lại nói được một câu người lớn như thế; mấy tiếng "em cũng cam tâm" nàng nghe có vẻ đạo mạo vô cùng. Tình yêu em lai láng, nàng ôm chặt lấy em se sẽ nhủ thầm:

– Chị thương em quá!

Quý cũng vuốt ve áo chị tươi cười:

– Em sung sướng quá chị ạ.

Lúc ấy, một cái xe hơi ở Hà Nội chạy về, bóp còi inh ỏi. Cậu Quý đang như say sưa với lòng yêu của chị, bỗng giật mình nhổm lên và ló đầu ra ngoài cửa. Khi cái xe đã đi khỏi, cậu mới ngồi xuống chỗ cũ mà tủm tỉm cười một cách đáng yêu:

– Ô tô Tây chị ạ. Số T.3246. Gớm ở trong xe có một bà đầm to quá.

Rồi cậu uỡn ngực ra để hưởng cái thú rập rình trên nệm.

Muốn được tự do hỏi chuyện em, Chi bảo tài xế hãm xe lại rồi cùng em xuống đường. Nhưng vừa bước chân xuống cửa xe, Quý đã kêu lên:

– Gió rét lắm chị ạ.

Thấy em run bần bật trước gió lạnh, Chi cúi xuống trông vào quần áo em mặc, bất giác thở dài:

– Áo len của em đâu? Sao không lấy mà mặc.

– Em làm gì có nữa. Dì lấy cho con dì mặc rồi.

– Sao em không đòi?

– Đòi làm gì, chị? Lại sinh lôi thôi ra. Thày...

Quý không nói hết câu nhưng Chi cũng chợt hiểu. Thì ra đối với sự độc ác của người vợ kế, ông chẳng bất bình lại còn dung túng nữa.

– Chị ơi! Lên ô tô đi, đứng dưới này rét lắm.

– Ừ, em lên trước đi.

Theo sau em, Chi thẫn thờ nghĩ đến cảnh đời mình khe khắt.

– Từ ngày chị đi, ở nhà em thế nào? Thầy có hỏi gì chị không?

– Vẫn như thường, chỉ khác một tí là thầy hay mắng mà dì cũng ác hơn. Còn đối với chị thì thày coi như đã chết. Thày bảo: nó đã hư, đi theo trai thì tiếc nó làm gì!

Thấy nét mặt em thản nhiên khi nói câu đó, nàng hơi lấy làm lạ, tưởng em như một người có tính khôi hài, hay khinh bỉ những sự nhỏ nhen từ thuở nhỏ. Nàng có biết đâu Quý đã quen thân với khổ não, và nhân lúc vui mừng gặp chị nên Quý mới giữ được vẻ thản nhiên như thế.

Cậu dịu dàng hỏi chị:

– Thế từ ngày ấy đến nay chị đi đâu? Để em ở nhà một mình chán quá.

Chi vuốt ve tóc em và lặng lẽ nhìn mặt cậu, cái nhìn ngụ biết bao tình âu yếm. Thì ra, Quý chung sống với những người thân yêu mà vẫn như trơ trọi một thân trên đời.

Quý thấy chị không đáp, hỏi lại:

– Chị đi đâu thế chị?

Chi lúng túng trả lời:

– Chị đi làm ở Hà Nội, em cố đi học, bao giờ đỗ bằng sơ học, thầy cho em ra Hà Nội học ban thành chung. Lúc ấy chị em ta lại được sum họp một nhà.

Rồi không muốn cho em vặn hỏi nữa, nàng hỏi lảng:

– Em năm nay mười mấy rồi nhỉ?

– Mười hai. Nhưng này chị ạ, chị bảo em sẽ được sum họp một nhà với chị... thế ngay bây giờ có được không?... em ở nhà khổ lắm.

Chi rơm rớm nước mắt, đáp:

– Không thể được, vì nếu chị mang em đi trốn thì thầy sẽ trình quan cẩm bắt em về.

Nói xong, hai chị em nhìn nhau có dáng buồn bã.

Trời đã sẫm tối. Sương mù đã lan ra khắp cánh đồng. Khí lạnh cũng tăng hơn trước. Chi chợt nhớ đến sự hành hạ của cha nên vội bảo tài xế quay xe đưa em về nhà. Đến đầu phố Hữu Môn, nàng hôn em rồi bảo em xuống và âu yếm dặn:

– Em về nhé, mà đừng nói với ai biết là chị về chơi với em nhé!

Đoạn nàng bỏ vào túi em một nắm hào con rồi tiếp:

– Đây chị cho em mấy hào ăn quà. Em phải vui đi nhé, em đừng nói là chị về chơi thì chủ nhật sau chị lại về.

Quý thổn thức nói:

– Xa chị, em lấy ai là...

Phải! Xa chị Chi yêu quý, cậu lấy ai là người che chở cho cậu.

8.

Một buổi chiều tháng giêng u ám... Đứng tỳ tay vào bạo cửa, Chi trông đăm đăm ra ngoài đường, cặp mắt buồn rầu, mơ mộng.

Cũng như xuân năm ngoái, xuân này nàng cũng ủ rũ buồn rầu... Một năm qua!... Cuộc đời vô định vẫn hoàn vô định.

Cảnh sao cũng tiêu điều. Mây sầu u ám, mưa bụi bay nghiêng làm cho lòng người đau khổ càng vấn vương những nỗi buồn tê tái.

Ngoài đường, một người đàn bà còn trẻ, tay phải cầm ô, tay trái dắt con, thong thả đi như không để ý đến mưa. Thằng bé, tuy con đường trơn mà cũng nhảy nhót vui cười.

Ngắm người thiếu phụ, Chi cặp mắt long lanh ngấn lệ: nàng chợt nhớ đến em Quý thân yêu... đến cậu em kháu khỉnh mà đã lâu, lâu lắm, nàng thường dắt đi rong chơi trong các phố.

Những đêm khuya, canh vắng, nằm trên chiếc giường Tây êm ấm, nàng lại nhớ đến chiếc phản mọt cứng nhắc mà trên đó hai chị em thường ôm nhau mà ngủ... Nàng nhớ em... Nhớ từ dáng đi cho đến những cử chỉ thơ ngây và cảm động. Câu em nói, tiếng em cười như còn rủ rỉ bên tai.

Nàng lại nghĩ đến Lương... Trên cặp môi tươi thắm, bỗng nở một nụ cười khô héo, khô héo như trái tim nàng.

Là vì từ bấy nhẫn nay, Lương vẫn kính trọng nàng như một người tiên nữ, vẫn yêu nàng như một đóa hoa tươi mà than ôi! Nàng nào có thể đáp lại lòng quân tử: trông con người như Lương thực không có vẻ gì là đáng yêu: cái mũi gồ, cặp môi dày và bộ lông mày rậm của chàng đều là những vật thù địch đối với con mắt ưa "mỹ thuật" của bạn má hồng.

Nghĩ đến Lương, trong óc Chi quay cuồng biết bao ý tưởng: thương cảm, nhớ nhung, hối hận...

Tiếng khóc bỗng làm cho Chi tỉnh giấc mơ màng. Chạnh nghĩ đến sự đau đớn gớm ghê trong khi sinh nở, nàng lại nhớ đến ơn cứu mệnh của Lương.

Trong mấy tháng nay lúc nào Lương cũng săn sóc đến mẹ con nàng như đối với vợ hiền con thảo. Xem ra chàng đã không ghét thằng Ân mà lại có phần yêu mến như con mình. Nhưng lòng đại lượng của Lương càng rõ rệt bao nhiêu thì nàng lại đau đớn bấy nhiêu... Nàng biết lấy gì báo đáp?

Tiếng Ân khóc càng to... Chi thở dài quay gót đi vào buồng ngủ rồi bế nó ra. Tuy miệng "ọi ơi ơi" nhưng tâm trí nàng thì để cả vào kẻ bạc tình.

Nghĩ đến người xưa, nàng có ý hơi ghét đứa con nó đã làm cho mình khổ sở, nhưng nào có thể được... Lòng ích kỷ tự nhiên khi xô xát với tình mẫu tử chỉ như hòn sỏi ném xuống ao, cái sóng giận dữ chỉ thoáng một cái lại tan ngay... Bế con vào lòng, nàng vẫn cảm thấy một sự khoan khoái nhẹ nhàng.

Có tiếng giầy lên thang gác. Quay lại thấy Lương đi lên, Chi bẽn lẽn vờ rỡn với con cho đỡ ngượng. Lương cũng đứng thẳng người trên cầu thang mà nhìn nàng, cười nụ:

– Trông em có vẻ một bà mẹ lắm.

Nói xong, chàng đến gần cúi xuống rỡn với thằng bé trên tay người yêu, nhưng vì không quen nên chỉ lắp đi lắp lại mãi câu:

– Ê bé con! Ê bé con!

Rồi ngượng nghịu chàng nói lảng:

– Trông em bé kháu quá, ở nhà có trẻ con thực cũng vui, em nhỉ!

Chi e lệ:

– Cái giống bạc như vôi này thì đến nhớn lại cũng chỉ giỏi nghề đi lừa gái chứ làm gì!

Bao giờ cũng vậy, hễ Lương động khen thằng bé là Chi lại thốt ra những lời chua xót. Chàng ái ngại thương Chi quá, tình yêu vì thế càng thêm sâu nặng. Chàng chưa kịp an ủi, Chi đã buồn rầu tiếp:

– Nó thực là một vết nhơ trong đời em, trông thấy nó em chỉ thêm đau lòng. Sau này nó lại chỉ là tuồng vô ích cho xã hội mà thôi.

Chi cũng chợt nhớ đến những đứa con đẻ hoang và sự di truyền của cha mẹ nên thở dài:

– Thực đáng thương cho em quá. Nhưng sau này dù có thế nào thì đã có bố vờ nó đây chịu trách nhiệm chứ em làm gì phải lo.

Rồi chàng tươi cười nói bông lơn:

– Ê Ân! Ngày sau lớn lên mày đừng bạc với cậu nhé vì cậu đã là cha em đối với mọi người (đến đấy chàng đứng thẳng lên nhìn Chi). Anh chắc thế nào nó cũng giống em!

Chi bẽn lẽn hỏi:

– Giống thế nào?

Lương cười nụ:

– Nghĩa là cũng gan, cũng bướng như em.

Cho là chàng gián tiếp trách mình, Chi buồn rầu bảo bạn:

– Không gan thì có lẽ bây giờ đã nằm dưới đất đen rồi. Em buồn bực lắm nên đối với anh cũng dở dói đều không phải, xin anh tha thứ cho.

Lương mỉm cười, nện giày xuống sàn se sẽ đáp:

– Có gì đâu! Chi nên nhớ rằng Lương đối với Chi lúc nào cũng như thường. Ở đời phải thế mới sống được chứ!

Rồi bỗng nghiêm trang, chàng tiếp:

– Có lẽ tại em yếu trong mình nên sinh tư lự. Người em xanh thế kia, em chẳng nên nghĩ nhiều. Sang hè này em nên đi nghỉ mát Đồ Sơn ít lâu cho mạnh, hễ trong người khỏe thì khắc hết buồn.

Thì, như đã dự định một việc xa xôi, Chi vơ vẩn đáp:

– Có lẽ em không được cái hân hạnh đi Đồ Sơn với anh đâu.

Lương không hiểu, trách:

– Em cứ dùng những câu khách sáo, anh rất phiền.

Chi mỉm cười:

– Em nói thực đấy mà!

Không bao giờ hai người nói chuyện với nhau một cách thân mật như vậy. Mà, thấy Chi dịu dàng hơn trước, Lương cũng mừng thầm: chàng tưởng Chi đã cảm động vì tấm lòng chung thủy. Say sưa, chàng đặt tay lên vai tình nhân, âu yếm hỏi:

– Em, em đáng thương lắm!

Chi thở dài:

– Anh còn đáng thương hơn!

– Chính thế, hai chúng ta đều đáng thương cả... Em coi, tuy em chưa bằng lòng lấy anh... Anh mong rằng một ngày kia...

– Ngày ấy xa lắm.

– Xa, điều đó anh không ngại, nhưng anh vẫn vui lòng chờ... Anh mong rằng một ngày kia... Mà càng mong mỏi bao nhiêu thì cái ngày ấy càng giá trị bấy nhiêu. Một tia hy vọng cũng đủ an ủi anh trong những lúc anh nghĩ đến em rồi. Nghe lời nói thiết tha, Chi cảm động quay mặt trông ra ngoài cửa sổ để che giọt lệ ngập ngừng trong mí mắt. Khốn nạn! Nàng muốn cho Lương phải chán nản nên mới nói dối quanh thì chàng lại cam tâm chịu thiệt thòi? Ngờ đâu chàng lại nặng lòng yêu đến thế!

Mà Chi quả thật cũng xiêu lòng! Nhưng nàng không dám tin vì hình như tâm linh lúc nào cũng bảo nàng: nếu cùng Lương thành chồng vợ thì sẽ có sự chẳng lành.

Hai người yên lặng... Trong cái phút nặng nề ấy hai trái tim cùng tê tái: đau đớn vì hối hận, tê tái vì tình.

Thốt nhiên Chi vui vẻ:

– Em hết buồn rồi! Từ nay em vui, vui mãi.

Chi quả quyết bỏ Lương mà đi nên muốn trả ơn chàng. Và biết Lương chỉ muốn cho mình vui, nàng mới chiều lòng mà gượng cười, gượng nói.

Lương cũng thừa biết sự giả dối, nhưng nghĩ đến cái "lịch sử" đau đớn của tình nhân, chàng lại động lòng thương không nỡ trách.

Là vì, bản tính đa cảm, chàng cứ bụng mình suy ra tính tình kẻ khác. Nếu phải khổ sở như Chi, có lẽ chàng không sao chịu được. Có biết đâu, tuy là thân gái mà Chi lại gân guốc hơn chàng!

Vậy, ái tình của Lương trở nên bền chặt phải chăng là nhờ sự đau đớn của người chàng yêu, ái tình kèm theo lòng nhân đạo?

Lương cũng không hề nghĩ tới điều đó? Đứng lặng giờ lâu, chàng thở ra sẽ nói:

– Đáng thương cho em? Anh yêu em quá!

Thấy bạn nói đến tiếng "yêu", thốt nhiên Chi rờn rợn... Ngày phải bỏ chàng mà đi thực đã đến nơi rồi!

Gượng cười, nàng bảo bạn:

– Anh chưa lên bệnh viện à?

Nghe lời nhắc, Lương buồn rầu đứng dậy, vì đã lâu nay, hễ gặp tình thế khó khăn nàng lại đuổi khéo mình đi để được ngồi một mình mà tư lự. Thủng thỉnh xuống đến chân thang, chàng sực nhớ là quên mũ nên rón rén quay lên. Vừa tới bực thang đầu, chàng bỗng sửng sốt vì thấy Chi gục đầu xuống giường treo của con mà khóc sụt sùi... Động lòng, chàng lại trở xuống để đầu trần đi lên bệnh viện.

Không biết cảm tưởng của chàng lúc bấy giờ ra sao? Mà giá Chi trông thấy chàng bắt gặp mình khóc thì sẽ ngượng nghịu biết chừng nào!

Nhưng khóc một lúc lâu, nàng thấy trong lòng bớt đau bớt khổ. Thằng Ân lại ngủ yên. Muốn được khuây khỏa, nàng bỏ con nằm đó rồi rón rén xuống nhà.

Từ hôm về ở với Lương đến nay, có lẽ lần này là lần đầu nàng để ý đến cửa nhà: trước cửa ra vào có trồng hai cây thiên tuế mà hôm nay nàng mới nhìn thấy rõ. Chi lại dạo quanh lầu thì những luống hoa ngũ sắc, những mái cỏ xanh non như mới hiện ra với màu tươi thắm.

Tần ngần nhìn mấy bông cúc vàng rực rỡ, Chi thở dài: "Người ta ví người đàn bà đẹp với bông hoa thực cũng không ngoa. Bông cúc kia nếu không có nhị thơm ngào ngạt thì bướm ong nào bén mảng tới? Mà giá ta là đứa vô duyên, xấu xí thì đời nào Lương lại yêu ta như thế?".

Rồi nàng lại se sẽ nói một mình:

– Chỉ còn một cách là trốn đi, đến một nơi xa lạ, họa chăng mới được yên thân.

Bỗng có tiếng ai thổn thức văng vẳng lọt vào tai người thiếu phụ. Nàng ngửng đầu lên thì thấy ở cửa bếp, con sen ngồi gục mặt xuống đầu gối mà khóc sụt sùi. Ngạc nhiên, Chi rón rén đến gần sẽ hỏi:

– Sao chị khóc?

Con sen giật mình đứng dậy, đưa tay lên lau nước mắt rồi ấp úng đáp, mặt vẫn cúi gầm:

– Dạ, thưa bà không?

– Kìa! Sao chị khóc? Tôi làm gì mà chị phải chối quanh?

Con sen nức nở:

– Hôm nay là ngày giỗ thày con... con xin phép ông cho con về nhưng ông không cho phép.

Nói xong nó lại nấc lên mấy tiếng nghe thực thiểu não. Động lòng, Chi hỏi:

– Chị muốn về phải không?

Con sen vừa lau nước mắt vừa kể lể:

– Chim có tổ, người có tông. Người ta đi xa, ai chả nhớ ngày giỗ ông bà cha mẹ. Con không được về, con cực lắm.

– Nếu thế tôi cho phép chị về.

– Nhưng con còn phải thổi cơm.

– Thằng bồi nó đâu?

– Dạ, ông đã cho phép anh ấy về quê hôm qua.

Chi ngẫm nghĩ một lúc rồi thở dài:

– Được, chị cứ về, sau ông có hỏi tôi nói giúp cho.

Nghe lời nói dịu dàng của bà chủ, con sen đang ủ rũ bỗng mừng rú lên, luýnh quýnh đi xếp áo quần. Chi thấy tình cảnh đáng thương của con bé lại càng động lòng trắc ẩn nên căn dặn:

– Chị cứ yên lòng mà về, không sợ gì cả! Tôi sẽ nói giúp cho.

– Vâng. Nhưng bà đã cho phép thì con chả sợ gì nữa vì ông dặn con: "Mợ bảo gì thì mày cũng phải nghe, dù trái ý tao cũng không được cưỡng".

Chi không ngờ Lương lại cẩn thận chu đáo đến thế, một sượng sùng thoáng qua trong tâm hồn nàng tiếp theo một nỗi buồn ngây ngất. Nàng thẫn thờ như nhớ nhung thương tiếc.

Lúc ấy con sen đã thu xếp áo quần xong, nó rón rén đi qua mặt bà chủ, khép nép chào:

– Con xin phép bà con về ạ!

– Vâng, mai chị ra ngay nhé!

Chi dịu dàng đến nỗi giữ lễ phép với cả con sen mà không biết quá đáng. Khi nó đã ra đến ngoài đường, nàng gọi giật lại mà cho nó một đồng bạc. Thấy cái dáng điệu hí hửng của một cô gái nhà quê lúc đón tiền, nàng sung sướng như đã làm một việc nghĩa.

– Giá ta cũng chất phác ngây thơ như nó.

Lòng ích kỷ tự nhiên len vào tâm trí nàng, cũng như những người đa cảm trí thức, Chi coi người quê mùa là hạng người ngây

thơ sung sướng; có biết đâu rằng họ ít cái khổ về tinh thần thì phần xác phải chịu thay. Tạo hóa bao giờ cũng công bình.

Nhưng chợt nhớ đến cuộc đời tự do khoáng đạt mai sau, Chi bỗng quên hết nỗi ưu phiền. Ẻo lả nàng đi lẩn vào những luống cây, trong lòng hồi hộp, linh hồn cũng trong sạch lâng lâng. Đến một cây ngọc lan cành lá rườm rà, nàng kiễng chân lên ngắt lấy một bông trắng muốt mà gài lên mái tóc. Cái hương thơm ngát của đóa ngọc lan bỗng như gieo vào tâm hồn nàng một cảm giác say sưa, se sẽ nàng cất tiếng liên miên hát:

"Thân em như giải lụa đào,

Phất phơ trước gió biết vào tay ai?".

Nàng nào có biết cái thân mình sẽ trao gửi cho ai được? Còn đang thơ thẩn với câu hỏi khắt khe, Chi bỗng nghe tiếng con khóc nên vội vàng chạy lên gác như để khỏi băn khoăn với những ý tưởng viển vông.

Lúc ấy Lương vẫn đứng ngoài đường, lặng ngắm người yêu. Chàng mơ mộng cho Chi là một tiên nữ hái hoa, nàng tiên vận áo mầu lam đi trong khóm cây xanh ngắt. Mà khi bóng nàng đã khuất, Lương cũng hớn hở bước vào gọi con sen.

Chi thưa:

– Sen nó trên này anh ạ.

Nhưng lên đến cầu thang, Lương không thấy nó đâu, chàng chưa kịp hỏi thì Chi đã vồn vã:

– Kìa anh! Anh về sớm thế?

Lương dịu dàng đáp:

– Năm giờ rồi mà em còn bảo sớm! Bây giờ anh có một ông bạn giúp việc nên cũng được thư thả hơn.

– Thế à? Phải đấy, anh nên tĩnh dưỡng cho khỏe vì độ này anh xanh xao lắm.

Lần này là lần thứ nhất Chi để ý đến sức khỏe của tình nhân. Lần này là lần đầu nàng nghĩ đến công việc của chàng. Mà nghe lời nói dịu dàng, âu yếm của nàng, Lương cũng thấy trong lòng khoan khoái.

Lương sung sướng quá nên nóng bừng cả hai má, muốn che sự sượng sùng chàng hỏi lại:

– Con sen nó đâu?

– Em cho nó về quê rồi. Anh nhẫn tâm quá. Ai lại nhà nó có ky mà không cho nó về!

Lương nhìn Chi, âu yếm:

– Nếu nó về thì ai hầu hạ em? Nhưng thôi, anh chỉ định bắt nó ẵm thằng Ân để chúng mình đi ăn cơm trên hiệu đấy thôi. Mà nguy quá! Làm thế nào mà đi ăn cơm được? Chả nhẽ lại mang cả thằng Ân đi?

Chi cười thân mật đáp:

– Thôi được, để em thay con sen thổi cơm ăn ở nhà cho. Anh tưởng em không biết nấu nướng đấy hẳn! Đi tập sự con sen mãi đây!

Lương cười vang nói đùa:

– Lương cũng dễ chịu kém Chi đấy hẳn: tay kiện tướng trong nghề bồi bếp đây.

Rồi chàng lại bàn thêm:

– Ừ phải đấy, chúng ta làm lấy mà ăn mới sướng...

9.

Từ trước đến nay, công việc bếp nước, Lương đều giao cả cho người nhà, chẳng bao giờ để ý tới, mà Chi, tuy đến đã ở non nửa năm trời cũng không lúc nào ngó đến bếp. Thế mà nay nàng lại làm việc nội trợ, lẽ nào nàng lại không hồi hộp, hồi hộp như cậu học trò sắp đi thi. Còn Lương, tuy đứng bên người bạn gái dịu dàng, trong lòng cũng chứa chan hạnh phúc, tưởng như Chi đã là vợ chàng.

Lúc củi đã bùng bùng cháy. Lương đứng lùi lại mấy bước để ngắm ngọn lửa của chính tay chàng nhóm lên, trong lòng vui sướng như cậu bé chơi đèn trung thu.

– Đấy em coi, anh cũng thạo lắm chứ! Nào, bây giờ ta đi lấy gạo.

Đứng tựa lưng vào chiếc bàn gần bếp lửa, Chi nghe nói, mỉm cười, rồi nghe Lương lẩm bẩm: "Không biết gạo chúng nó để ở đâu nữa", chàng lại nói đùa:

– Chết thật! Việc gì cũng bỏ phóng sinh địa cho người nhà, nó moi mất mề cũng chẳng biết!

Lương tủm tỉm cười:

– Kệ, chả làm gì cái vặt ấy. Mới lại, em cũng tệ lắm kia, chẳng đoái hoài gì đến việc nhà cửa. Chả nhẽ anh lại đóng vai ông nội trợ hay sao.

Một lúc sau, chàng bưng cả rá gạo ở buồng ra đến chỗ máy nước để vo. Chi thương hại bảo:

– Thôi để đấy em làm cho!

Lương vui vẻ đáp:

– Được! Dân si cút thế này là thường!

Chi ngớ ngẩn hỏi:

– Si cút là thế nào?

– Là hướng đạo sinh. Em không thấy người hướng đạo sinh bao giờ ư?

– Hình như có một lần, có phải những người ăn mặc lối nhà binh, quần đùi, áo sơ mi trơn, mũ lối nhà đoan không anh?

– Chính thế.

Chi cười, chế nhạo:

– Họ đeo túi, mang gậy, trông như những anh chọc ếch, đến buồn cười. Vai thì đeo những miếng vải xanh đỏ loè loẹt trông lạ mắt quá!

Lương cũng phì cười:

– Thoạt trông thì tưởng họ là những người nghịch ngợm, trơ trẽn; nhưng thực ra trong đoàn, luật lệ rất nghiêm. Chủ nghĩa hướng đạo rất cao xa, anh rất mến.

Nói xong, Lương đọc 10 điều luật hướng đạo cho Chi nghe; rồi lại nói đến cách tổ chức đoàn, cách chào, cách nhận nhau và việc thủ công v.v... Chàng cũng không quên ca tụng thú vui chơi khoáng

đạt của anh em hướng đạo cốt để luyện cho anh em thiếu niên thành người hào hiệp, quân tử, có trí phấn đấu và, dù lâm trong cảnh nghèo cũng vẫn vui vẻ mà sống, sống để làm việc nghĩa, vì vậy, ai đã được đeo dấu hiệu hướng đạo cũng đều phải tuyên thệ. Lúc tuyên thệ là lúc long trọng nhất trong đời người hướng đạo.

Này, em thử tưởng tượng xem: đứng trước hương trầm nghi ngút, dưới bóng quốc kỳ, anh em đứng im phăng phắc, một hướng đạo sinh thề: "Tôi xin một lòng đem danh dự ra hứa rằng: phải trung thành với tổ quốc, giúp đỡ mọi người và tuân theo luật Hướng đạo", cảnh ấy, ai mà không cảm động. Một lời đã hứa là ghi ngay vào óc không bao giờ quên...

Nói đến đây, Lương rim rim cặp mắt mơ mộng như sống trong cuộc đời ký vãng... Hồi lâu chàng lại ngậm ngùi:

– Tiếc rằng ngày nay anh không được dãi nắng, dầu sương như trước vì công việc bề bộn quá. Nhưng anh vẫn thờ chủ nghĩa cao thâm ấy trong tâm trí. Bây giờ nghĩ đến những lúc năm bảy anh em đóng trại trên đồi, dưới ánh trăng, thỉnh thoảng lại cùng nhau cất tiếng hát bài ca vui vẻ mà tiếc, mà thèm...

Giọng chàng nói êm ái, nhẹ nhàng quá, khiến Chi cũng phải cảm động và sực tỉnh giấc mơ. Cái thái độ khiêm nhường, quân tử của Lương mà bấy nay nàng cho là nịnh nọt giả dối ngờ đâu lại là bản tính của người Hướng đạo!

Bâng khuâng, nàng sẽ hỏi:

– Anh Tuấn cũng vậy phải không?

– Chính thế! Hai anh em cùng yêu chủ nghĩa ấy cả. Nhưng sao em biết?

– Vì em thấy anh Tuấn cũng quân tử như anh.

Lương nghe Chi nói, trong lòng hớn hở như cậu học trò được thầy giáo ban khen, chàng mỉm cười để cảm ơn bạn rồi vui vẻ cúi xuống rá gạo lúi húi vo. Một lúc sau chàng đã bưng vào trong bếp mà hỏi bạn thứ giọng khôi hài:

– Giỏi không?

Chi nhách mép cười, sẽ đáp:

– Khá lắm, nhưng anh chỉ là một nhà tài tử.

Thấy Lương không hiểu, nhớn nhác trông mình, nàng lại nói thêm:

– Nghĩa là anh chưa phải là tay thiện nghệ. Cứ xem cái ống tay áo sơ mi đẫm những nước như thế kia cũng đủ biết anh còn vụng lắm. Mà sao anh lại đong nhiều gạo đến thế? Mấy bơ?

– Ba.

– Khổ! Có hai người mà đong những ba bơ gạo!

Lương bẽn lẽn:

– Bỏ bớt ra vậy.

Tra gạo vào nồi xong, Lương đứng dựa lưng vào cửa bếp, vẻ mặt đăm đăm có ý như tự phụ. Còn Chi, đứng bên bếp lửa cũng lặng thinh như suy nghĩ, mơ màng. Nàng tự nhủ: "Người ta gặp, đều là những nhân vật kỳ khôi, đáng kính. Nhưng sao ta lại không yêu được? Có phải vì...

Nàng lại nghĩ đến Tú nên nghẹn ngào, rưng rưng muốn khóc. Phải, chỉ vì nàng đã yêu Tú nên không thể nào yêu Lương được. Tiếng củi lách tách reo vui, lại như rủ nàng vào cõi mộng tàn. Chi như sống trong cuộc đời lạ lùng mới mẻ.

– Em nghĩ gì vậy?

– Không...

Hai má Chi lúc ấy đỏ hồng hồng. Lương mải mê nhìn không chớp mắt. Làm cho nàng phải ngượng nghịu quay đi, nói lảng:

– Anh gọt khoai đi.

Lương không biết là Chi giữ gìn ý tứ và nàng chỉ coi mình như bạn nên càng thêm vì nể. Chàng nghĩ thầm: người có lương tâm, có giáo dục nên mới biết giữ ý tứ như thế, ta cũng không nên oán trách làm gì.

Nhưng không chịu được sự im lặng, chàng vừa gọt khoai vừa nói:

– Độ anh đi học, những ngày nghỉ thường đi hạ trại ở trên đồi, núi ở bên Bắc Ninh thật là sung sướng. Đi nắng lắm, người đen như thui, có đêm ngủ giữa trời, sợ kẻ cướp phải lần nhau thức như lính canh thành.

Ngừng một lát, chàng lại mơ mộng tiếp:

– Những khi đêm khuya thanh vắng mà được ngồi trên đỉnh núi ngắm trăng và nghe tiếng thông reo... trời! Còn gì thú hơn. Lúc ấy thực anh đã biến thành một nhà thi sĩ, dan díu với gió trăng như tình nhân.

Chi cười:

– Anh là tình nhân của gió trăng thì có lẽ không yêu ai nữa nhỉ?

– Chính thế, ngày ấy anh còn biết ái tình là cái gì? Hai tiếng ái tình mà người ta thường nhắc đi nhắc lại, anh nghe nó nhạt nhẽo, vô vị quá chừng. Xin thú thực với em: anh trước vốn là người ác cảm với đàn bà... anh chỉ yêu sự sống tự do khoáng đãng, nào ngờ...

– Nào ngờ anh đã khổ vì Lan, lại đau đớn vì... em...

Lương nghe Chi đọc đến tên người vợ khuất, bỗng bồi hồi cảm động.

Nhưng thấy tình nhân vui vẻ, chàng cố mỉm cười sung sướng:

– Phải, mộng tưởng bao giờ cũng xa sự thực. Độ ấy anh nhiều hy vọng lắm, anh định khi đã đỗ docteur anh sẽ vận y phục hướng đạo mà đi phiêu lưu... đi đến đâu chữa bệnh cho người đến đấy. Khốn thay! Trời nào có cho ta được toại nguyện; ý mình thì thế, nhưng còn gánh nặng gia đình...

Vì thế, anh đành coi sự phiêu lưu là cái lý tưởng... cũng như nhà văn sĩ B. de Saint Pierre muốn sống cùng vợ hiền con thơ ở một nơi xa nhân loại...

Giọng Lương nói dịu dàng, cảm động, khiến Chi như sống trong cảnh mơ màng. Ngậm ngùi, nàng nói:

– Em thì em có thực tế hơn. Em chỉ muốn lấy một người chồng xứng đáng để gây dựng cho đứa em thơ. Nếu em gặp anh trong mấy năm trước thì...

– Bây giờ đã muộn quá rồi sao? Anh với Chi lại không lập được gia đình như ý muốn ư?

Chi đáp, giọng đầy nước mắt:

– Muộn rồi!

– Sao vậy em? Vì lẽ gì?

– Em cũng không hiểu.

Tình thế của hai người đã đến chỗ khó khăn. May sao lúc ấy nồi cơm sủi làm cho cái vung bật lên, nước nóng bắn vào tay Chi khiến nàng giật mình quay lại. Trong khi nàng ghế cơm, Lương cũng muốn đánh trống lảng, nên vội vàng chạy lên nhà lấy vài thứ đồ ăn mang xuống.

Cơm sắp xong, trời vừa tối.

Lẽ tất nhiên là bữa cơm ấy Lương ăn rất ngon vì tay làm lấy mà ăn thì dù nhạt, mặn, cũng phải khen là ngon.

Lương vui vẻ quá, chàng luôn luôn nâng cốc mời Chi. Nể lòng, Chi cũng uống hết gần một cốc.

Cũng vì cốc rượu ấy mà nhân cách của Lương càng thêm rõ rệt. Chi ăn xong bỗng thấy mắt hoa, đầu váng, nên gục đầu xuống bàn như ngủ thiếp đi. Lương phải bế nàng lên giường trên gác.

Lúc chàng ôm người bạn gái trên tay hình như có cái mãnh lực gì đó cám dỗ chàng. Toàn thân chàng lúc ấy rờn rợn hình như cái hơi mát mẻ của tình nhân đã truyền vào các dây thần kinh, mạch máu. Như say sưa lạc thú, Lương nâng niu nàng như ngọc quý và muốn ẵm nàng mãi trên tay.

Đặt nàng xuống đệm, chàng tiếc thương, như đánh mất vật gì yêu quí.

Rồi ngó tình nhân...[1] chàng ham muốn say sưa.....[2]

Nhưng...[3] chàng bỗng nghe thấy tiếng gọi của lương tâm: "Không! Mi không nên thế. Mi phải nghĩ đến danh dự người hướng đạo...".

Như đứa trẻ ăn vụng nghe tiếng người quát mắng, Lương vùng chạy xướng dưới nhà mở cửa ra sân. Làn gió đêm mát mẻ phút chốc dập tắt ngọn lửa lòng, chàng thở dài, ngước mắt nhìn mảnh trăng đang bị bóng mây che...

---

1. Bỏ 7 chữ.
2. Bỏ 10 giòng.
3. Bỏ 6 chữ.

Thế mà Chi vẫn ngủ mê, không biết lòng cao thượng của chàng sao? Không? Chi vẫn biết. Chi có say rượu đâu. Chi định thử lòng bạn: nếu Lương mắc mưu, nàng sẽ mắng cho một trận rồi mẹ con mang nhau đi.

Lúc chàng bồng, lòng Chi như nung nấu, mà lúc chàng bỏ xuống, Chi tưởng như đời mình đến đây là hết, các dây thần kinh cũng tê liệt khiến nàng không sao cử động được.

Nghĩ lan man, Chi tự cho là dại dột, vì nếu Lương dùng cường lực thì sẽ ra sao?...

Một giờ sau, không biết nghĩ thế nào, Chi lại tung chăn trở dậy rón rén xuống dưới nhà. Đèn vẫn chưa tắt. Nàng sẽ mở cửa sau sang phòng khách thì một cảnh thương tâm bỗng khiến nàng cảm động: trên ghế xích đu, Lương đắp áo phủ ngoài nằm ngủ, hai chân gác lên một cái ghế mây, trông có vẻ đau đớn khổ sở như một người ăn năn tội lỗi.

Chi cảm động quá, nàng không thể đành lòng đứng ngắm cảnh thương tâm.

Ra đứng trên bao lơn nhìn ra ngoài, Chi thở dài tự nhủ: "Trời ơi! Anh đối với em như vậy, em còn thể nào lãnh đạm được với anh!".

Đáp lại lời than thở, trong bầu không khí tĩnh mịch lúc đêm khuya như có tiếng văng vẳng gọi nàng: "Đi! Ta phải đi".

10.

Lương thơ thẩn một mình trong buồng Chi...

Chàng nhớ thương Chi đến nỗi tính vốn vui cười hoạt động mà cũng buồn một cách sâu xa, lặng lẽ, tâm hồn hình như đượm những ý tưởng chán đời. Chàng có ngờ đâu vừa mới đêm qua Chi yêu mình một cách nồng nàn, tha thiết thế mà nay lại nỡ bỏ ra đi.

Trong ba giờ gần gụi tình nhân, chàng như sống trong một cảnh gia đình đầy lạc thú, trong cảnh thần tiên... Chàng sung sướng đến nỗi suốt đêm không ngủ. Nay chàng tìm đâu cho thấy bóng người yêu dấu? Có họa chăng còn chút hương vị mơ màng.

Bức thư từ biệt cầm tay, chàng đọc không biết bao nhiêu bận mà chẳng nhớ được rõ rệt những dòng Chi viết, ngậm ngùi, chàng lại dừng chân, giơ lên đọc lại:

Anh LƯƠNG

Em phải cùng anh ly biệt thực cũng là một sự đau đớn cho em. Anh ơi! Chỉ vì anh có lòng quân tử, đại lượng, nên em không thể nào ở lại được nữa, anh có biết không?

Em phải vội vàng ra đi là vì nếu rốn lại hai ba ngày nữa thì em sẽ khổ sở vì anh, em không thể nào vương vít với chữ tình được nữa.

Lời em nói với anh: "Sự hôn nhân đối với em bây giờ là một đám tang sầu thảm" đã ghi vào lòng em bằng thứ mực không bao giờ phai. Khổ quá anh ạ! Em thù, em ghét anh mà rút cục em phải thương, phải sợ, phải... yêu anh thì anh thử tưởng tượng xem là anh tốt là chừng nào!

Nhưng em chỉ yêu anh được đến thế thôi, nếu em bước quá một bước nữa thì em sẽ sa vào vực thẳm. Sao vậy? Em cũng không thể trả lời được. Duy tâm linh em hình như lúc nào cũng như thầm "Nếu thế thì mày sẽ khổ sở, ân hận suốt đời!".

Em đi đâu? Anh cũng chẳng nên dò xét làm gì. Từ nay chúng ta mỗi người một ngả không bao giờ còn gặp nhau.

Bao nhiêu quần áo và đồ nữ trang anh sắm cho em xin trả lại. Số tiền ba trăm đồng anh cho em, em lấy mang đi và để lại cho anh đôi hoa kim cương với các đồ nữ trang lặt vặt, những di tích của mẹ em, anh bán đi cũng được ngang số tiền em lấy.

Thôi anh quên em đi nhé! Quên đi mà tha thứ cho tính trẻ con của đứa em khốn khổ nó đã trêu cợt anh trong bấy nhiêu lâu. Xưa kia anh đã tha thứ cho em thì bây giờ chắc anh cũng không nỡ khinh em. Anh nên coi sự chung đụng của hai ta là một thiên tiểu thuyết khôi hài vô lý và mỉm cười mỗi khi anh nghĩ tới em.

Người bạn khốn khổ của anh
CHI

Đọc xong bức thư chàng cũng chỉ nhớ được mang máng nên thẫn thờ tự nhủ: "Vì sao em lại bỏ đi? Vô lý quá, vì ta tốt mà không dám ở với ta nữa! Vô lý thực!".

Rồi chàng cười nụ lẩm bẩm nói một mình: "Chi nói phải! Ta nên coi ái tình của ta và nàng là thiên tiểu thuyết khôi hài đau đớn. Ừ mà nếu cô em đã chẳng ân tình gì nữa thì ta còn lưu luyến làm gì!".

Nhưng nào có thể được! Câu nói ngộ nghĩnh của người bạn gái kỳ khôi chỉ làm chàng vui lòng trong chốc lát rồi bỗng đâu một mối buồn tê tái kéo đến chiếm đoạt tâm hồn...

Suốt buổi sáng hôm ấy Lương chỉ quanh quẩn trong buồng, lục soát hết hòm rương lại đến quần áo như để tìm lấy chút dư hương của người bạn gái...

Đến bữa cơm chàng lại nhớ thương Chi hơn nữa. Cái dáng điệu uể oải, dịu dàng của nàng lúc sới cơm và lấy đồ ăn lại hiện ra trong tư tưởng, khiến chàng lại nhớ tới những giây phút êm ái mà lặng nhìn chiếc ghế mây trơ trọi.

Ăn xong, chàng lại quanh quẩn ở trên gác với sự nhớ thương. Rồi chạnh tưởng đến buổi gặp gỡ đầu tiên, chàng bỗng nghĩ đến Tuấn, người bạn thân yêu mà đã mấy tháng nay mê mải với Chi, chàng không hề giáp mặt. Buồn rầu, chàng xuống nhà bảo tài Năm đánh xe sang Bắc.

Sang đến nơi, Tuấn đã đi dạy học, buổi chiều. Yến đang phơi quần áo ở sân thấy Lương vào, cất tiếng vui vẻ:

– Kìa anh Lương! Lâu nay anh bận gì mà không thèm bén mảng đến nhà em?

Lời Yến hỏi, lại nhắc Lương nghĩ đến câu nói dịu dàng của người yêu: "Trời mưa gió thế này mà ông cũng chịu khó sang".

Bực mình, chàng lặng lẽ đi vòng ra sau nhà. Đây là cái cửa sổ trước Chi vẫn ngồi thêu, chiếc khung không vải, lụa vẫn còn nguyên chỗ cũ. Nhưng vắng bóng người xưa.

Ngậm ngùi, chàng thong thả vào trong nhà, uể oải nằm xuống ghế xích đu, nhắm nghiền hai mắt lại. Một lúc sau chàng thiu thiu ngủ...

Tiếng ai nói lao xao bỗng đánh thức chàng. Mở mắt ra trông thấy anh em Tuấn đứng bên, chàng thở mạnh một cái rồi vùng trỗi dậy đưa tay ra bắt tay bạn. Tuấn mỉm cười:

– Anh mới sang chơi?

Lương vừa bóp đầu vừa nói:

– Mệt quá! Mới về đấy à?

– Vâng, vừa về xong. Nhưng sao anh không cho chị sang chơi?

Cho là bạn định mỉa mai, Lương chỉ tủm tỉm cười không đáp.

Tuấn trách:

– Tệ quá! Ba bốn tháng nay không thèm sang chơi.

Lương cau có gắt:

– Ừ thì tệ, nhưng sao anh cũng chẳng thèm bén mảng đến nhà người ta?

Thấy hai người cáu kỉnh với nhau. Yến chế nhạo:

– Các anh làm như những người thù địch. Bạn bè gặp nhau có lẽ như thế mới gọi là tay bắt mặt mừng.

Tuấn cắn môi nhịn cười:

– Chi đâu?

Lương thở ra đáp:

– Đi rồi!

Tuấn quay nhìn ra cửa sổ ngơ ngẩn tiếc thương và lẩm bẩm nói một mình: "Đi! Sao lại đi?".

Chàng hỏi duyên cớ thì Lương móc túi lấy bức thư từ biệt ra đưa mà phàn nàn:

– Tôi cũng mong rằng một ngày kia Chi sẽ yêu tôi, ai ngờ lại gan góc đến thế!

Tuấn đọc xong cũng thẫn thờ hỏi:

– Thế ra từ ngày ấy...[1]

Lương cố lấy giọng bông đùa:

---

1. Bỏ 4 chữ

...[1] Bề ngoài tuy đã... mà bề trong vẫn chăn đơn gối chiếc như thường!

Nói xong, Lương bưng mặt vờ khóc làm cho Yến lăn ra cười ngặt nghẽo. Nhưng không để ý đến sự pha trò của bạn, Tuấn thở ra, nói một mình: "Sự đời thực khó hiểu. Việc xảy ra bao giờ cũng khác ý định của ta nhiều!". Rồi chàng chép miệng nói với Lương:

– Thôi, chúng ta cũng nên theo lời Chi mà coi ái tình là một thiên tiểu thuyết khôi hài đau đớn. Phải đấy! Ta nên mỉm cười khi ta nghĩ đến người yêu tuyệt vọng. Quên đi! Phải quên!

Lương ngậm ngùi:

– Ừ quên! Anh an ủi tôi làm gì cho thêm phiền. Anh còn nhớ năm xưa anh đã tốn bao nhiêu nước mắt...?

– Thôi xin, đừng nhắc lại chuyện xưa làm gì nữa? Bây giờ mình đã lớn têu đầu chứ còn bé bỏng gì. Tôi thì khác, tôi đã thề không lấy vợ, cam sống không cảm không tình. Còn anh vẫn hy vọng, một ngày kia, dù ngày đó chỉ là mộng tưởng – anh sẽ tìm thấy Chi, Chi sẽ yêu anh. Đối với tôi cái hy vọng ấy cũng đủ an ủi tôi suốt đời...

– Phải đấy! Phải đấy! Đệ xin nghe lời huynh.

Lấy nụ cười để che giấu sự đau đớn là tính thông thường của Lương. Chàng nói bông lơn vui vẻ như không chút bận lòng đến việc chia phôi, nhưng kỳ thực vẫn ngấm ngầm đau khổ.

Nửa đêm hôm ấy, chàng nằm dài trong đống chăn gối của tình nhân, trằn trọc không sao ngủ được. Hình ảnh Chi cứ luôn hiện ra trước mặt, khi buồn bã, lúc mơ màng – mà cái tiếng ru con "ợi ơi ơi" êm ái hình như văng vẳng bên tai.

---

1. Bỏ 4 chữ

PHẦN THỨ BA

1.

Hai năm sau...

Trong một căn gác nhỏ ở đường Huế, một người thiếu phụ độ ngoài 20 tuổi, gương mặt còn trẻ măng, ngồi bên cạnh chiếc giường con, nét mặt có vẻ mơ mộng, buồn rầu. Trên đệm một khuôn mặt trẻ con xanh muốt lộ ra ngoài tấm chăn bông trắng.

Người thiếu phụ ấy là Chi mà thằng bé con ốm nặng nằm trong chăn, độc giả cũng đoán biết là thằng Ân, con nàng.

Trời đang độ về giữa đông lại có thêm mưa phùn nên rất lạnh. Trông ra ngoài cửa kính thấy làn mưa bụi thấp thoáng bay nghiêng trong bầu trời u ám, Chi lại nhớ đến hôm nàng từ biệt bạn ra đi...

Đêm hôm ấy, nàng hết sức chiều chuộng Lương bằng tấm tình yêu tha thiết để trả ơn chàng...

Lương vừa ở bệnh viện về, nàng đã tươi cười đón tiếp. Thấy mũ áo bạn lấm tấm nước mưa, nàng bắt cởi ra để lau và thấy lưng áo sơ mi thủng một chỗ, nàng cũng lấy kim chỉ ra mạng hộ. Lúc Lương từ biệt mình lên bệnh viện, nàng lại tiễn chân ra tận cửa rồi cầm tay chàng se sẽ nói:

– Anh đi nhé! Em xin từ biệt anh...

Nói xong, nàng ghé miệng hôn trên má Lương một cái hôn nồng nàn khiến Lương cảm động quá tưởng là Chi đã bắt đầu yêu... Còn Chi, Chi cũng ngậm ngùi nhìn theo hút bạn cho đến khi bóng chàng đã khuất mới lên buồng viết thư từ biệt. Những lời chua xót ấy thực ở tận đáy lòng nàng mà ra, nàng không yêu Lương nhưng Lương quân tử thế, lẽ nào nàng lại không ngậm ngùi trong lúc phân ly...

Suốt đêm hôm ấy, Chi trằn trọc không sao ngủ được. Đến năm giờ sáng hôm sau, một tay bế thằng Ân, một tay ôm bọc áo, người đàn bà khốn khổ mở cửa lặng lẽ ra đi... Trời mưa bụi. Khi nàng đã đi xa, ngoảnh lại nhìn chiếc nhà lầu thì chỉ thấy làn bụi nước bay nghiêng, lấp loáng ánh đèn...

Vì công việc đi trốn đã dự định sẵn sàng nên mẹ con chỉ việc mang nhau đến ở nhà mới mà nàng đã thuê và sắm đồ đạc từ lúc ở nhà Lương.

Thế rồi từ đó bắt đầu cuộc đời vui sáng: một mẹ một con sống trong gian buồng cô tịch với con sen; mẹ con, thày tớ yêu nhau, coi nhau như ruột thịt. Ngày ngày, công việc nội trợ xong, Chi lại ra công học tập để đi thi lấy bằng tiểu học vì nàng nghĩ: nếu xin đi dạy học ngay thì chỉ được vào ban trợ giáo, lương bổng chẳng được là bao nhiêu. Như vậy, ngày thằng Ân lớn lên nàng sẽ không lấy gì nuôi nó ăn học đến nơi đến chốn được.

Kỳ dị thay là ý tưởng của nàng! Sao độ trẻ trung nàng lại quyết định "ở góa" suốt đời. Nói là vì sự thất vọng mà nàng quyết tâm theo chủ nghĩa độc thân thì cũng có lẽ. Nhưng nếu không có thằng con đó và không hờn giận Tú đến cực điểm thời Chi cũng khó lòng mà giữ được ý định.

Hay nói theo cách khác nàng vẫn còn yêu Tú yêu trong sự đắng cay.

Mà thực vậy. Ai đời nào còn đang độ thanh xuân hơ hớ, sống không tình, không cảm mà nàng vẫn thản nhiên cho được. Lúc học hành cũng như khi nàng mang con đi dọc phố, bao giờ nàng cũng ung dung vui vẻ như một người vô tư lự.

Nhưng có sao ngày này nàng lại ngồi bên giường ngủ của con mà âu sầu lo lắng?

Là vì, đã ba bốn hôm nay thằng Ân ốm nặng mà tiền lưng đã cạn từ lâu. Đơn xin đi dạy học nàng gửi đi đã được non một tháng mà vẫn chưa thấy trả lời. Tiền hết, con sài còn cảnh nào đau đớn hơn cho người quả phụ?

Giá phải năm xưa thì nàng đã tưởng tượng đến sự hy sinh của người mẹ bán thân để lấy tiền mua thuốc cho con vì lòng thương con quá nặng. Nhưng nay ý nghĩ của nàng không đến nỗi thê thảm như vậy, nàng âm thầm nhớ tới Lương, ân nhân nàng.

Hồi tưởng đến tình ân ái cũ, Chi bỗng thấy trong lòng dìu dịu. Nàng mong một người đến chữa cho thằng Ân: người ấy là bác sĩ Nguyễn Lương... Nàng lại nhớ đến hôm sinh nở, đến sự đau đớn lúc

nó lọt lòng. Cảm động vì ơn chàng cứu mệnh, nàng gục đầu xuống giường con, ứa hai hàng nước mắt.

Hai năm qua! Cảnh đau lòng đã hồ xóa nhòa trong tâm trí nay lại bày ra rõ rệt trước mắt nàng: từ khi gặp gỡ đến lúc bỏ ra đi; cuộc tình duyên khe khắt đầy hương vị đắng cay nàng quên sao được. Lương yêu nàng; Lương cứu nàng khỏi chết mà nàng không chút tình yêu lại.

– Ta thật là đứa vô ơn, bất nghĩa!

Tự mắng như vậy, Chi lại thở dài...

Người ta, trong hồi khổ cực mới cảm thấu được hết ơn sâu của người đã giúp mình khi trước. Chi cũng đang ở trường hợp đó. Nhưng than ôi! Nàng còn mặt mũi nào mà trở lại với Lương được! Biết Lương có còn giữ được lòng chung thủy nữa chăng? Hay thời gian đã làm cho chàng quên hẳn Chi rồi. Biết đâu bây giờ chàng đã có vợ con?

Nhưng, bao giờ tình mẫu tử cũng thắng được lòng vị kỷ. Đang băn khoăn. Chi bỗng nhếch mép như để ngăn nỗi đắng cay, rồi mạnh mẽ, nàng đứng dậy, đến bàn học viết giấy mời Lương. Trong thư chỉ vắn tắt có một câu bằng tiếng Pháp: "Xin mời ông lại ngay số nhà... phố Huế. Bệnh nặng", và ký tên thực rõ: Nguyễn Thị Chi...

Nhận được thư Chi, Lương vội vã đến ngay. Chàng vui vẻ hồi hộp như vừa tìm thấy một vật quý giá nhất mất đã từ lâu.

Là vì, tình yêu tuy có vì thời gian mà phai lạt nhưng chàng cũng không thể nào quên được con người nhan sắc. Cái hôn nồng nàn Chi đã ban cho chàng trong đêm hôm ấy, ngày nay chàng ngẫm nghĩ vẫn còn cảm thấy biết bao tình âu yếm say sưa...

Cũng đã bao phen chàng toan lập gia đình, nhưng vì sợ một ngày kia Chi trở lại nên chàng vẫn xếp việc đó lại. Đời chàng đã đổi ra êm đềm, phẳng lặng, mà tình ái của chàng đối với Chi cũng chỉ là thứ tình mơ mộng: Lương tưởng như ở nơi xa xăm kia Chi vẫn nghĩ tới mình luôn... Những khi chiều tà bảng lảng hay trong lúc đêm hôm khuya khoắt, ngồi một mình mơ tưởng nhớ tới người xưa, lòng chàng lại man mác nỗi buồn. Một đôi khi chàng muốn bỏ

công việc mà đi lăn lộn khắp bốn phương để tìm Chi. Khốn thay! Đời người ta lưu lạc như con chim bạt gió, nay đó mai đây, biết đâu mà tìm!

Bức thư kia thực là mũi tên dẫn lối cho chàng đến chỗ ước mong. Đột nhiên ái tình sống lại trong lòng chàng.

Xe vừa đỗ trên hè. Lương đã thấy con sen đứng chờ ở cửa. Theo nó đi qua cái ngõ con, chàng mỉm mỉm cười thầm: "Ngờ đâu Từ Thức lại lần mò đến được tiên động với Giáng Hương". Rồi chàng se sẽ bảo con sen:

– Mày phải ở dưới này trông xe để tao lên một mình cũng được.

Kỳ thực chàng chỉ muốn được tự do trò chuyện với nàng.

Lương định dọa cho Chi giật mình nhưng vừa ló đầu lên khỏi cửa gác, chàng bỗng tần ngần, cảm động vì cảnh thương tâm.

Gục đầu xuống tay thằng Ân, nó đang thở khò khè, Chi thổn thức, thỉnh thoảng lại se sẽ gọi tên con, giọng nói xót xa vô hạn. Có lẽ thấy nó thở mạnh, nàng tưởng đã đến lúc nguy nan nên mới lo sợ hoảng hốt thế chăng?

Lương không thể cầm lòng được nữa, bước mạnh đến chỗ Chi ngồi.

Nghe tiếng động, Chi giật mình ngoảnh lại. Thấy Lương, nàng như nhẹ hẳn gánh sầu. Lau nước mắt, nàng cười gượng:

– Em vẫn mong anh.

Lương không đáp, lặng lẽ đến bên giường Ân ngủ. Bắt mạch xong, chàng sẽ cất tiếng hỏi Chi, nét mặt lộ vẻ lo lắng:

– Nó sốt từ bao giờ? Sao em không gọi anh ngay?

Rồi không để Chi kịp đáp, chàng nói tiếp:

– Em ẵm nó lên nhà anh... lên bệnh viện ngay! Khổ! Chỉ chậm một giờ nữa là nguy hiểm đến tính mệnh. Em sắp sửa đi.

Lạ sao! Từ lúc có Lương, Chi hết lo lắng về bệnh trạng của con, hình như chàng là vị cứu tinh của mình vậy. Cả đến lời nói ngụ ý trách móc của Lương nàng cũng không hay, nàng chỉ cảm thấy vẻ dịu dàng âu yếm.

Ngập ngừng nàng hỏi:

– Vậy ra anh lại đến bắt em về?

Lương nghĩ một lúc rồi vui vẻ đáp:

– Ta nên xếp những ý nghĩ riêng ra một bên em ạ! Bây giờ ta hãy làm sao cho em nó qua khỏi nguy nan này đã.

Chi thở dài:

– Vâng, thôi được.

Câu nói cụt ngủn thoảng nghe thì tưởng là vô nghĩa, nhưng thực ra ngụ một ý sâu xa: Chi đã đánh liều trở lại với cố nhân một phen nữa xem sao vậy.

Thấy nàng còn dìu dắng, Lương lại nhắc:

– Mau lên, em!

Chi vội ẵm con lên rồi lặng lẽ theo xuống nhà, trong lòng bâng khuâng lo ngại. Trèo lên xe, nàng bỗng nẩy ra một cảm giác lạ lùng: hình như mình sắp đến một nơi ảo mộng.

Nhưng lúc xe đã chạy thì hai người đều mải nghĩ đến bệnh tình thằng bé nên không chút bận lòng về sự lo buồn riêng nữa. Chi nhìn Lương, Lương cũng nhìn Chi rồi cả hai cùng lặng lẽ vuốt ve nó, lặng thinh không nói một lời.

Về đến nhà, Lương vội vã bế Ân đặt lên giường; đoạn, chàng sai lấy nước nóng tẩm vào khăn mặt và mảnh chăn bông để ủ xuống quanh người.

Chỉ nửa giờ sau nó đã đỡ sốt. Lương bỏ chăn đi rồi tiêm cho nó mấy ống thuốc. Còn Chi, trong lúc chàng loay hoay chạy chữa cũng đứng loanh quanh ở bên cạnh để lấy hộ những thứ cần dùng hay giúp Lương làm một việc gì đó.

Khi đã chắc là thằng bé không việc gì nữa, Lương mới thong thả nhìn Chi mà trách:

– Sao em gan thế? Chứng kinh phong của trẻ con có thể làm cho nguy đến tính mệnh trong vài giờ, thế mà em chẳng tìm thày chạy chữa. Giá anh không đến thì không biết em làm thế nào?

Nghe nói, Chi mới tự biết là mình vẫn có ý định: thể nào Lương cũng đến chữa bệnh cho con. Nàng bồi hồi cảm động, nhưng không

tìm được lời từ tạ nên chỉ ngước mắt nhìn ân nhân mà lặng lẽ mỉm cười.

Ngay lúc ấy có người gọi dây nói mời Lương đi chữa bệnh. Chàng phải vội vã đi ngay nên không kịp hỏi chuyện Chi về sự sống đã qua. Làm cho nàng lại tần ngần ngơ ngác như người lạc vào một nơi kỳ quái.

May sao lúc ấy, lũ người nhà lại lên chào hỏi, họ cười nói rất vui khiến Chi cũng phải tươi cười tiếp chuyện. Thấy điệu bộ long trọng của bác Năm – người tài xế của Lương, nàng tò mò hỏi:

– Bác vẫn làm với ông Lương từ ngày ấy đến nay?

Bác ta e lệ đáp:

– Thưa bà, vâng.

Rồi bác lim dim cặp mắt ốc nhồi và chắp hai tay vào trước ngực cho có vẻ long trọng.

– Thưa bà, tôi xin phép thưa với bà câu chuyện này: "Thực ông tôi là người chung tình hiếm có. Trong hai năm trời nay, ông ấy vẫn một lòng một dạ với bà!".

Nghe câu nói ngô ngộ, Chi mỉm cười:

– Thế ra bác cũng biết?

– Dạ vâng. Những lúc ngồi buồn, ông tôi thường hỏi tôi những câu rất lạ.

– Lạ thế nào?

– Dạ, độ như, những đêm khuya, thấy tôi lảng vảng ở bên cạnh, ông thường bỗng nhiên quát hỏi: "Anh Năm! Anh có biết chỗ ở của bà ở đâu không?" Rồi ông lại tủm tỉm cười một mình mà nói: "Thôi vậy". Thưa bà, thực lắm lúc tôi sinh lo nghĩ, tưởng ông hóa điên!

Câu chuyện đã bông lơn, ở miệng một người chất phác thỏ thẻ nói ra lại càng thấy ý vị, khiến Chi phải cười. Nhưng ngẫm nghĩ, nàng bỗng cảm thấy hết tình yêu tha thiết của Lương trong câu nói vu vơ đùa bỡn. Phải! Trong lúc tương tư, nụ cười lắm khi ngụ nhiều nỗi đắng cay hơn là hàng nước mắt!

– Thôi tôi đã hiểu. Bây giờ bác làm ơn trông em nó hộ tôi để tôi đi nằm một lúc.

Nói đoạn, nàng uể oải đi lên gác, hai mắt lim dim như suy nghĩ, mơ màng.

Loay hoay lục soát các đồ dùng khi trước ở trên buồng, thấy không suy suyễn tý gì. Chi càng ngậm ngùi chan chứa. Đôi hoa, hộp phấn, chiếc lược, cái gương thảy còn y nguyên trong ngăn kéo; chiếc giường treo của thằng Ân cũng vẫn ở góc buồng. Nhìn những vật đó, Chi như sống lại cuộc đời đắng cay năm nọ. Nàng rơm rớm nước mắt, thở ra, nói một mình: "Trời! Anh còn thương làm chi đứa con gái bội bạc này!".

Trời đã tối...

Người bếp lên mời nàng xuống ăn cơm trước, vì có lẽ đến 9, 10 giờ Lương mới về. Chiều lòng, Chi xuống ăn qua loa mấy bát rồi lại ẵm con lên buồng mình ngay. Thấy trong người mỏi mệt nàng muốn ôm con ngủ quên đi, nhưng trằn trọc mãi không sao chợp mắt.

Đêm đông giá lạnh, gian buồn im lặng như nín hơi. Nghĩ tới Lương, Chi động lòng quá, thỉnh thoảng lại ôm chặt con vào lòng mà tự nhủ: "Phải! Trên đời này chỉ có anh là thương mẹ con em mà thôi!".

Mãi đến chín giờ Lương mới ở bệnh viện về, chàng vội vã lên buồng thăm Chi. Nhưng Chi vờ ngủ để xem bạn làm gì.

Nàng thấy Lương rón rén đến bên giường rồi se sẽ thò tay vào trong chăn sờ thằng Ân. Một lúc sau chàng lại lẳng lặng quay ra.

Lắng tai nghe tiếng giầy nện xuống thang sẽ sẽ và chậm chạp, Chi đoán là Lương đang nghĩ tới mình. Rồi không biết tại sao lúc tiếng giầy đã im hẳn nàng thấy trong lòng bứt rứt lạ thường.

Lần thứ hai, nàng muốn ngủ quên đi nhưng loay hoay đến một tiếng đồng hồ vẫn không sao ngủ được. Bực mình nàng sẽ lừa con xuống gối rồi trỗi dậy, rón rén xuống dưới nhà.

Đứng sau khung cửa kính ở chân thang, nhìn vào buồng khách, thấy khuôn mặt Lương phản chiếu ánh lửa hồng lấp loáng, có vẻ trầm tư mặc tưởng, Chi mỉm cười, đẩy cửa bước vào. Lúc ấy Lương đang ngồi gọn trong chiếc ghế bành, hai chân gác lên một cái khác,

một tay xỉa răng, hai mắt đăm đăm nhìn ngọn lửa lom đom cháy trong lò như có vẻ thư thái lắm. Thấy Chi vào, chàng lặng lẽ ngước mắt lên nhìn rồi điềm tĩnh hỏi:

– Em chưa ngủ à?

Chi không đáp, sẽ tựa lưng vào bệ lò sưởi, Lương vội vàng đứng dậy nhường ghế, âu yếm nói:

– Em ngồi xuống đây cho ấm!

Rồi khi nàng đã yên chỗ, Lương cũng ghé ngồi xuống chiếc ghế bên kia, se sẽ trách:

– Tệ quá! Em bỏ nhà ra đi mà không nói cho anh biết làm anh phải lo ngại trong mấy năm trời, chỉ sợ em lại gặp những cảnh chẳng ra gì. Mà thực, anh cũng hết hy vọng được tái hợp cùng em. Ngờ đâu trời còn thương hại, bỗng nhiên em lại cho đến gọi anh!

Ngừng một lát chàng nói tiếp:

– Thôi từ nay chắc em không nỡ lòng nào bỏ anh mà đi nữa!

Nhưng, như không để ý đến câu nói xót xa, Chi quay sang nhìn ngọn lửa rồi thốt nhiên buông một tiếng thở dài:

– Đời chúng ta có lẽ là đời lý tưởng chăng?

Câu hỏi vẩn vơ làm cho Lương ngơ ngác không hiểu. Chàng ngẫm nghĩ một lúc rồi gật gù đáp:

– Anh thực cũng không biết ra sao. Nếu cho đời chúng ta là lý tưởng thì anh em ta có lẽ không phải là người nữa hay sao? Ừ! Em thử ngẫm xem hai ta đều vô lý cả. Có đời nhà ai lại yêu nhau một cách kỳ quặc...

Chi đang làm thinh bỗng cướp lời:

– Mà vô lý thực, anh ạ!

Rồi như để trút sạch nỗi băn khoăn trong trí, nàng thở dài se sẽ hỏi:

– Chúng ta hiện có thể chung sống như xưa được nữa chăng? Hay là...

Lương đáp:

– À! Ra từ nãy đến giờ em vẫn băn khoăn về sự sống của hai ta? Nhưng nghĩ làm gì cho bận lòng vô ích hở em? Chính anh đây cũng không bao giờ nghĩ đến điều đó: Không biết tại sao bây giờ anh bình tĩnh lạ, mà anh xin thú thực: Từ nãy đến giờ anh vẫn nghĩ những gì anh cũng không nhớ, có lẽ anh đang sống trong cảnh mộng chăng?

Câu nói mơ hồ khó hiểu làm cho Chi ngơ ngác nhìn Lương. Lương cũng ngơ ngác nhìn Chi hình như cũng không hiểu lời mình đã nói.

Trong lò, ngọn lửa sắp tàn rập rờn ru Lương vào cõi mộng. Hai người ngồi lặng thinh như thế rất lâu, cùng có vẻ suy nghĩ mơ màng.

2.

Chăn gối, giường màn ở căn nhà phố Huế, Chi đã mang lại nhà Lương. Cả con sen cũng được Lương cho đến hầu hạ nàng.

Tuy không phải đó là mệnh lệnh của nàng, nhưng nàng cũng để lặng yên cho người nhà khuân vác, không đả động một lời, hình như không lấy làm khó chịu.

Quả thực, Chi đã xiêu lòng vì tấm tình yêu bền chặt của Lương và muốn cùng chàng phối hợp. Khốn thay! Xưa Lương đối với nàng thân mật, âu yếm thì trái lại nay chàng lãnh đạm hững hờ, hình như có cái vực thẳm ngăn cách đôi bên. Thái độ ấy làm cho Chi tưởng bạn đối với mình chỉ còn một tấm lòng thương. Thì, nàng lại cho là cuộc kết giao không phải vì ái tình sẽ giam mình vào một cảnh đời tẻ ngắt. Luôn luôn, nàng chua xót nghĩ thầm: "Chả nhẽ ta cứ lẵng đẵng với anh ấy mãi như thế này hay sao?".

Cứ mỗi lần tự hỏi như vậy là lòng tự ái của Chi lại một lần bị xúc phạm. Tủi thân, Chi lại muốn đi thực xa để tự tạo lấy cuộc đời độc lập, không thân thích, không bạn bè.

Là vì, Chi đã nhận thấy hạnh phúc của tình yêu chỉ như một áng hương vút qua đời mình rồi tan mất, tan đi không bao giờ trở lại. Chi đã nhận ra rằng: những người bạn đáng kính, đáng yêu

thường đạp xéo, rày vò lòng ta hơn là làm cho sự sống của ta được thêm vui thú, êm đềm; muốn được sung sướng thì chỉ có một cách là sống trơ trọi một thân trên đời, không yêu mà cũng không ghét ai.

Nhưng than ôi! Thằng Ân nào có phải là một đứa trẻ ngoan để an ủi nàng trong sự sống cô đơn như những người quả phụ. Nó là đứa hay quấy, hay vòi, hay hờn giận. Sự đời bao giờ cũng vẫn khắt khe như thế. Có bao giờ hoàn cảnh lại được thực hợp với ý muốn của ta!

Ra đi còn e ngại, mà ở lại sao đành. Đang lúc phân vân thì bỗng một hôm, trong bữa cơm chiều, Lương lại ngỏ ý muốn cùng nàng lập gia đình. Còn sự yêu cầu nào hợp với lòng mong ước của Chi hơn nữa. Nhưng thấy vẻ mặt thản nhiên và cử chỉ thờ ơ của chàng khi đó, Chi tưởng là Lương chỉ miễn cưỡng hỏi nàng nên cũng mỉm cười đáp lại:

– Để em nghĩ xem đã.

Lương cũng lạnh lùng theo ý, không kêu nài gì nữa làm cho Chi càng tin là tấm ái tình thắm thiết ngày xưa đã vì thời gian mà phai nhạt. Dẫu sao câu trả lời ngộ nghĩnh ấy cũng đủ tỏ là Chi đã xiêu lòng. Và giá từ đó trở đi, nếu không xẩy ra sự gì lôi thôi nữa thì chẳng bao lâu đôi tình nhân kỳ quặc ấy cũng đến cùng nhau kết nghĩa vợ chồng...

Nhưng một buổi sáng mai...

... Buổi sáng mùa đông ấm áp, Chi ngồi đan chiếc áo len cho con ở trước nhà để sưởi nắng. Nàng phải bày ra công việc như thế để bận bịu cho khuây vì chơi mãi, nàng sinh chán nản u sầu. Tuy vậy, những ý nghĩ não nùng vẫn ngấm ngầm trong tâm trí. Thỉnh thoảng như xót xa, nàng lại dừng tay mà buông một tiếng thở dài.

Nàng thở dài, lặng nhìn mấy cây thiên tuế cục mịch trồng ở giữa những vòng tóc tiên... Không biết đã bao nhiêu năm mà thứ cây đó mới mọc được chừng ba bốn tấc; biết bao ngày dãi dầu mưa nắng mà mấy tầu lá lưa thưa bám quanh ngọn vẫn còn tươi, chưa héo. Chi lại chạnh tưởng đến đến cuộc đời cô độc, đắng cay của Chi. Năm sáu năm qua, nàng đã phải chịu biết bao khổ cực, thế mà vẫn cứng cỏi, tự phụ như xưa: tấm lòng ngay thẳng ấy vẫn vững bền trơ trơ như những cây thiên tuế.

Gió lạnh đìu hiu... khóm cây ngọc lan bên tường sột sạt... Loay hoay với những ý nghĩ buồn rầu, nghe tiếng động khô khan, Chi càng cảm thấy đời mình lạnh lẽo.

Bỗng tiếng ai gọi ngoài đường làm cho nàng tỉnh mộng. Ngẩng lên trông, thấy người phát thư gọi ra nhận giấy, nàng uể oải đứng dậy ra đón. Ngoài mấy tờ báo và thư của Lương, Chi thấy một bức thư đề tên mình thì hơi ngạc nhiên vì đã bao lâu nay nàng chưa từng nhận được một cái thư. Nhưng, đọc tên người gửi, mặt Chi tái dần... Người ấy là Tú, cố nhân nàng.

– Sao anh ấy còn viết thư cho ta? Anh định hỏi ta gì?

Chi vừa lẩm bẩm, vừa xé phong bì ra đọc. Không biết tại sao nàng bỗng run lên bần bật mà lòng thì rộn rã khác thường. Trên tờ giấy kẻ ô vuông có những hàng này:

Em CHI,

"Em ơi! Em cho phép anh gọi là em như thế cho thêm rõ tội ác của anh. Anh hối hận lắm...

"Ngày ấy, lúc cùng anh vĩnh biệt ở vườn bách thảo, chắc em cũng biết cho nỗi đau đớn của anh, chắc em không ngờ rằng anh lại ngồi đó mà trông theo hút em – phải, hôm ấy em giận anh quá lắm, em khóc như mưa; đến khi bóng em đã khuất, anh xót xa quá, gục đầu xuống lưng ghế xi măng mà khóc...

"Nhưng khổ thay! Anh chỉ là một thằng ích kỷ, một đứa đê hèn. Vì, lương tâm tuy bị cắn rứt mà anh chẳng biết nghĩ lại thương em: cảnh gia đình em vừa phác họa đã làm cho anh ghê sợ, ghê sợ đến nỗi coi nó như một chốn lao tù! Cái ý tưởng ghét gia đình ngày ấy đã ăn sâu vào óc thiếu niên nên anh cũng bị tiêm nhiễm. Mà thực vậy! Còn gì đáng buồn hơn là mới ngoài hai mươi tuổi đã phải cáng đáng vợ con. Anh em ai cũng coi gia đình là một ngục thất tối tăm, để giam hãm linh hồn, thân thế. Họ thường nói: lấy vợ là hết, đừng mong gì ngóc đầu lên được nữa.

"Hình như năm xưa, Tú đã nói với Chi như thế rồi, phải không em? Nhưng ngày nay hối lại mới biết là mình bất nghĩa: cái lý đã đành như vậy, nhưng sao anh chẳng đoái thương em để em phải riêng chịu mọi phần đau khổ...

"Ôi, cay đắng! Viết ra lời thương xót ấy anh lại càng nhận thấy rõ sự đê tiện của anh. Vì, em ơi! Người ngồi viết thư cho em bây giờ nào phải là chàng thiếu niên trong sạch, tráng kiện như xưa. Tú ngày nay chỉ là một đứa hư thân ốm yếu, đã làm điếm nhục gia đình!

"Một năm sau hôm cùng em ly biệt, anh đã quên hẳn em. Kịp đến khi thôi học thì thầy me anh đều nối gót qua đời. Sinh buồn, từ đó anh thường cùng bạn hữu miệt mài trong cuộc truy hoan ở dưới xóm hồng lâu. Rồi anh mê một hoa khôi trong làng ca kỹ, được ít lâu, Tâm, vì nàng tên... là Tâm đã nghiễm nhiên là bà Ngọc Tú.

"Vợ chồng ăn ở với nhau được non một năm thì gia cư điền sản của ông cha để lại cho anh đều khánh tận. Than ôi! không biết các cụ đã tốn bao nhiêu mồ hôi nước mắt mới gây dựng được cơ đồ mà chẳng may gặp phải đứa con bội bạc để đến nỗi đổ sụp tan tành, đã thế, sau khi tiền hết Tâm lại cuốn gói ra đi...

Đau đớn quá, anh chỉ muốn đâm đầu xuống hồ tự vẫn cho xong. Song, sau một tháng trời thương nhớ, căm giận nó, ngày nào anh cũng lang thang khắp phố để tìm; thì tình cờ hôm nọ qua phố Quan Thánh, anh lại gặp em. Lúc ấy em đang đứng bẻ một đóa hoa hồng cho con chơi. Thằng bé nghịch quá, bóp vụn cả cánh, đài rồi ném vào mặt em, làm cho anh ngẩn ngơ đứng ở bên ngoài ngắm mãi, rồi không biết tại sao mắt anh bỗng ứa hai hàng lệ!

"Từ hôm ấy trở đi, anh bỗng sinh lòng tự thẹn. Nỗi đắng cay hờn giận, người đã làm cho anh phải khánh tận gia tài cũng tự nhiên tiêu tán hết. Vì anh nghĩ: Tâm thực đã báo thù cho em...

Thực đấy Chi ạ. Ngày nay Tú đau đớn thế nào thì ngày xưa Chi cũng đau đớn thế. Tâm há chẳng làm cho sáng mắt thằng khốn nạn nó đã hủy hoại một đời em, một đời giai nhân băng tuyết.

"May mà anh không đến nỗi phải ân hận vì tương lai em vì em đã lấy được một người chồng xứng đáng là bác sĩ Nguyễn Lương. Anh thú tội cùng em chẳng phải là để mong em tha thứ cho tội ác ngày xưa mà là để còn biết rằng trời là đấng chí công, chí chính, trời đã trừng phạt quân bạc bội này và rủ lòng thương người ngay thẳng.

"Nhưng nếu em còn chút tình thương anh thì xin cho anh gặp mặt con lúc sắp từ giã cõi đời. Thôi anh xin ngừng bút vì anh mỏi mệt lắm rồi không sao gượng được nữa.

Người bạn khốn khổ của em;
TÚ

T.B – *Anh hiện ở phố sông Tô Lịch số nhà... Nếu em bằng lòng cho con đến thì nên bảo người nhà mang lại chứ em đừng đến làm chi.*

Đọc xong bức thư, Chi bồi hồi cảm động. Trái tim nàng hồi hộp như người mới chạy một quãng đường dài. Cuộc đời kỹ vãng lại lộn xộn chạy qua trí nhớ làm cho nàng thêm bối rối băn khoăn.

Mải loay hoay với những cảm giác tê mê, Chi không biết lúc đó Lương vẫn đứng bên ngoài mà ngắm nàng. Thấy đọc xong thư, mặt nàng đổi khác thì Lương đoán là người bạn gái vừa nhận được một tin đau đớn, một tin quan hệ. Chàng nóng ruột quá, vội đẩy cửa vào.

– Em nghĩ gì mà ngẩn cả người ra thế?

Ngoảnh lại thấy Lương, Chi luống cuống giấu tờ thư vào trong túi thì chàng lại hỏi:

– Thư của ai đó, em?

Chi cố gượng cười đáp:

– Của một người bạn. Anh cũng có bốn cái thư, hôm nay trời đi vắng hay sao mà lắm bạn nhớ đến mình thế!

Câu nói khôi hài làm cho Lương nhách một nụ cười, chàng lạnh lùng đón đọc báo, thư rồi thong thả đi vào trong nhà. Một lúc sau, chàng lại ra đứng lảng vảng bên Chi như có điều gì lo lắng. Thấy bạn thở dài, chàng vỗ vai, sẽ hỏi:

– Em có điều gì buồn?

– Không!

– Em nói dối. Em nên biết rằng nếu em đã coi anh là người bạn trung thành thì không nên dấu diếm nhau điều gì mới phải.

Nghe lời trách âu yếm, Chi ngước mắt nhìn Lương, nét mặt lộ vẻ chua xót vô cùng. Nàng nhớ ra, buồn rầu đáp:

– Không biết tại sao bây giờ em thấy chán nản lạ. Em chỉ muốn chết thôi, còn sống ngày nào còn khổ ngày ấy.

Lương cười gượng:

– Em có những ý tưởng lạ quá, vẩn vơ, vơ vẩn thực buồn cười. Thì ra bây giờ em đã sinh yếm thế.

Chàng không hiểu nỗi băn khoăn trong lòng người bạn gái nên mới thốt ra nhời buộc tội ấy. Thực ra, Chi có chán đời, ủy mị đâu? Trong lúc đang bối rối về một việc khó khăn, dầu người kiên nhẫn, yêu đời đến bực nào chăng nữa cũng lắm khi thốt ra những lời tuyệt vọng như Chi. Mà thực vậy, lúc nhận được bức thư của cố nhân, nàng xúc động lạ lùng, biết đâu lúc đó nàng lại chẳng tha thứ cho người yêu mà muốn cùng nhau chắp lại tơ tình. Những lời dịu ngọt an ủi của Lương chỉ làm cho nàng thêm đau khổ.

Có lẽ số phận nàng đến ngày hôm ấy là phải chịu đau đớn ê chề. Thần Tình Ái hình như đã xếp đặt trước mọi sự hình phạt để kết liễu cuộc tình duyên khe khắt. Đang lúc phân vân khó nghĩ, Chi chợt nghe tiếng con kêu khóc ở sau nhà: Thằng Ân thực là con ma ám ảnh nàng trong những khi bối rối. Một lúc sau, con sen đã bế nó lại mà phụng phịu với nàng.

– Thưa bà, cậu ấy cứ đòi bà, con dỗ thế nào cũng không nín.

Chi cau mày nói:

– Mang nó ra đàng sau kia, mặc nó!

Thì thằng Ân càng khóc to:

– Me ơi! me ẵm con.

– Mặc nó. Ẵm cả ngày, ai ẵm được. Mày bỏ nó xuống đất kia.

Ân thấy mẹ hắt hủi thì lại chu chéo lên, đạp giẫy lung tung. Nó đạp mạnh đến nỗi con sen không tài nào giữ nổi, phải bỏ xuống đất. Được thể nó càng giẫy đành đạch như con cá nằm trên thớt, miệng hét lên khản cả tiếng.

Không cầm lòng được nữa, Chi ứa nước mắt, ôm xốc con lên nức nở:

– Thực khổ tôi quá!

Rồi thấy thằng Ân còn hờn, khóc lai nhai mãi, nàng mới thốt ra một lời đau đớn hơn tiếng khóc:

– Con với cái! Trời thực chẳng thương tôi.

Thằng Ân quả thực là đứa con tai ác đủ đường. Nghe mẹ nói nặng, nó lại khóc chu chéo lên rất thiểu não. Trước kia, lúc còn chưa biết nói, nó lại ngoan hơn. Nhất là mất hôm nay nó bỗng sinh vòi vĩnh lạ thường, làm cho Chi vừa tức giận, vừa đau đớn chỉ muốn òa lên khóc.

Nghẹn ngào, Chi ôm xốc con vào trong nhà, rồi vừa du nó xuống đất vừa quát lên:

– Có im cái miệng đi không nào!

Thằng Ân lại quần quại trên sàn nhà. Giận quá, Chi vùng xuống bếp lấy một thanh củi toan đánh đòn. Nhưng lúc chạy lên thì Lương đang ôm nó trên tay và vuốt ve dỗ dành một cách dịu dàng âu yếm, nàng lại vứt roi đi, ứa hai hàng nước mắt.

Hồi lâu, khi đã bớt nghẹn ngào, nàng lặng lẽ đến gần đón lấy con rồi nức nở một mình:

– Con nên thương me chứ. Nín đi, chóng me yêu, chứ sao lại cứ làm khổ me lắm thế, hở con!

Lời than thở đầy nước mắt văng vẳng bên tai Lương ảo não như tiếng ca ai oán. Chàng động lòng quá, se sẽ cất tiếng gọi "Em Chi! Em Chi!" rồi chợt nghĩ ra một kế, chàng vội vã chạy vào buồng ăn lấy hộp bánh "bích quy" ra đưa cho nó vài cái. Nhưng thằng Ân đã thèm đón ngay đâu, nó còn nguây nguẩy làm cao, mãi lúc Chi ngọt ngào dỗ, nó mới cầm và nín khóc. Lương thở dài:

– Giá mà anh có tài chữa Ân thành một đức bé ngoan ngoãn thì sung sướng biết bao!

Rồi theo trào lưu tư tưởng, chàng nói lan man: Lại còn biết bao nhiêu người tin anh, giao tính mệnh cho anh mà lắm khi anh phải phụ lòng: như lắm bận, vì không thấu suốt được căn bệnh hay định bệnh không đích xác, thành thử sau đành giương mắt nhìn người hấp hối...

Nghề làm thuốc đã chẳng chữa được hết những sự đau đớn của loài người thì anh nào có thể thấu được hết khổ tâm của em.

Vì thế, anh có dám làm điều gì trái ý em đâu, anh cũng biết là em đã khổ nhiều vì anh rồi, em ạ!

Giọng nói thong thả, dịu dàng và nét mặt nghiêm trang mơ mộng đủ tỏ là lúc ấy Lương cảm thương Chi vô hạn. Nhưng nghe lời chân chính ấy, Chi vẫn hững hờ không mảy may thương xót. Nàng ôm chặt con vào lòng rồi âu yếm bảo:

– Mẹ yêu con quá! Con tôi ngoan quá!

Nàng khen con là vì lúc đó nàng nghĩ đến cha nó, chứ thực ra thằng Ân có ngoan ngoãn bao giờ...

3.

Ngay chiều hôm ấy, Chi mang con lại phố sông Tô Lịch, nơi Tú ở. Bước chân xuống xe, Chi bàng hoàng như người mới chợt ngủ dậy trong hôm mưa dầm: trời mới về chiều đã tưởng là sáng hôm sau. Nàng ôm chặt con vào lòng mà xuýt xoa, tuy không lạnh.

Đứng lưỡng lự một lúc, Chi mới gõ cửa. Một cô bé xinh đẹp, lách mình ra ngoài hai cánh khép, mỉm cười và hỏi nàng bằng thứ giọng rất ngây thơ:

– Chị hỏi gì ạ?

– Anh... ông Tú có nhà không em?

– Có, mời chị vào trong nhà.

Chi vào khỏi thì cô bé cũng khép cửa lại, rồi tươi cười:

– Chị, có phải là em anh Tú không?

– Phải! Sao em biết?

– Em đoán thế. Chị mới ở Hưng Yên lên phải không?

– Phải.

– Chị lên thăm anh Tú?

– Phải.

Đến đây, thì cô bé như đã thỏa tính tò mò, vui vẻ bảo Chi:

– Được, thế chị hẵng đứng đây nhé! Để em báo tin cho anh Tú đã. Chắc anh ấy mong chị lắm đấy.

– Ừ, em lên đi.

Cái thái độ ngây thơ, thân mật của cô bé làm cho Chi bỗng nhiên như thư thái trong lòng. Nàng cảm thấy từ nay đời nàng cũng sẽ vui tươi.

Người ta, sau mấy năm xa cách nhau, bao giờ cũng có lòng tha thứ đối với lỗi lầm khi trước. Thời gian thường làm cho ta quên sự khổ sở đã qua. Ta có ghi nhớ họa chăng chỉ những khi sung sướng xum vầy. Vậy, Chi đến thăm Tú không phải là để hỏi tội chàng mà để cùng nhau than thở vì nỗi đắng cay trong mấy năm trời xa cách.

Còn đang bâng khuâng nghĩ ngợi thì cô bé đã chạy xuống, nói khôi hài:

– Em đã bảo anh ấy rồi. Nhưng chị có phải là chị Chi thì mấy được lên!

Chi mỉm cười, đặt tay lên vai cô bé, âu yếm hỏi:

– Sao em biết tên chị?

Thì cô ta đưa mắt nhìn nàng một cách rất "lẳng lơ" mà thỏ thẻ:

– Em vừa hỏi anh Tú xong.

– Khá lắm! Còn em? Em tên là gì?

– Chị hỏi anh Tú thì sẽ biết.

Nói xong, cô bé vùng chạy xuống dưới nhà, có vẻ sung sướng như nhà thi sĩ mới làm được bài thơ hay. Chi cũng sung sướng nhìn theo, chờ khi bóng cô đã khuất mới thong thả trèo lên gác.

Đi trên cầu thang, nàng bỗng sinh lòng lo sợ vẩn vơ và rờn rợn. Nàng hồi hộp hơn nữa khi đã trông thấy Tú ngồi trên giường mà nhìn về phía mình đi.

Hai người lặng lẽ nhìn nhau, cùng mấp máy cặp môi chào. Rồi sau những phút cảm động, Chi vội vã ẵm con tiến lên chỗ Tú ngồi. Nhưng, gần tới giường không biết tại sao nàng đứng lại đăm đăm nhìn Tú...

Quả thật như lời nói trong thư: Tú bây giờ chẳng phải là chàng thiếu niên trai tráng, vui tươi thuở nọ: dung nhan đã tiều tụy, thân thể lại gầy gò như người ốm nặng đã lâu. Nhưng, khi đã yêu ai thì người ta thường hay nghĩ đến tính hạnh, đến những cái đáng yêu

của bạn tình hơn là dung mạo bề ngoài. Cho nên trong lúc thấu suốt được sự biến đổi cả tinh thần lẫn thể chất của người xưa, Chi không chán nản, nàng nghĩ đến sự ân ái đã qua... Xưa kia, trên hồ bán nguyệt nàng đã tỏ cho Tú những giấc mộng ngày xuân... Xưa kia, nàng đã phải bao phen vì chàng mà thổn thức! Sự ân ái ấy đã qua rồi mà Chi còn cảm thấy biết bao hương vị nồng nàn. Thì, nửa vì thương hại Tú, nửa thương thân mình, nàng nghẹn ngào:

– Đây, anh đón lấy con!

Tú cũng ứa lụy giơ tay run run ra đón thằng Ân nhưng nó lại nhè mồm, nhất định không theo. Chi gượng cười, nói nựng:

– Thầy em đấy mà! Sao em lại không theo?

Khốn thay! Thằng Ân nào có biết ai là cha nó. Từ lúc lọt lòng đến nay, nó mới nghe mẹ nói đến tiếng thầy là một thì nó hiểu sao được, nên ngẩn mặt ra nhìn người lạ mặt, môi mím chặt vào nhau trông rất ngộ.

Lúc ấy, Chi nghiêm nghị như một người đang lo tính việc quan trọng. Nàng lặng lẽ ngồi xuống, nét mặt đăm đăm có vẻ suy nghĩ mơ màng. Hồi lâu nàng kể lể:

– Giá ngày ấy anh thương tôi một chút thì đâu đến nỗi phải khổ sở như ngày nay... Nhưng thôi, anh ạ.

Nàng ứa nước mắt khóc. Rồi gạt nước mắt nàng gượng cười:

– Nhưng thôi! Nhắc lại làm chi những sự lỗi lầm khi trước. Anh khổ đã nhiều mà em cũng gian nan vất vả. Ngày nay đời em vẫn lênh đênh như thuyền không lái. (Chi gạch hai chữ lênh đênh bằng một tiếng thở dài não ruột). Thực em giận anh không để đâu cho hết, nhưng rồi đây nếu em vẫn... thì thằng Ân sẽ...

Chi chưa nói được hết câu, giọt lệ đã ngập ngừng trong mắt. Nàng bỗng nghĩ tới Lương, nên đau lòng quá, chỉ muốn khóc òa lên.

Vì nàng thương con, nên mới thương lây cả cha nó. Thằng Ân đẻ chưa khai thì ngày sau lớn lên, lúc đã cắp sách đi học, biết làm thế nào cho nó khỏi tủi thân. Cái tiếng con đẻ hoang chỉ có một mình cha nó là rửa sạch được thì dẫu nàng oán giận đến đâu chăng nữa cũng không nỡ tận từ với Tú, huống chi nàng vẫn còn yêu...

Nhưng còn Lương? Chi sao nỡ phụ chàng? Phụ chàng mà trở lại với người xưa, Chi sẽ hóa ra một đứa vô ân, bất nghĩa?

Đang lúc phân vân, Chi bỗng tìm ra một cớ để tự tha thứ cho mình! Nàng thầm nghĩ: "Ngày mới quen biết nhau, anh ấy còn không cần đến tình yêu xác thịt, ngày nay chắc anh cũng chẳng hẹp lượng gì mà không vui lòng cho ta tái hợp với Tú. Huống chi, độ này anh lại có ý hờ hững với ta. Biết đâu Lương chẳng mong mình đi cho khuất mắt!"

Nghĩ vậy, nàng thở dải hỏi Tú:

– Chả hay bây giờ anh có thương đến đứa con gái khốn khổ này không?

Tú nghẹn ngào:

– Tôi còn sống đến nay cũng chỉ vì mong được thấy tung tích em... chứ nếu...

– Nếu em chết rồi thì có lẽ anh đã tự sát để theo em rồi đấy nhỉ?

Nói xong, Chi thở ra thực mạnh, rồi lại tươi cười hỏi:

– Em đã xóa bỏ những lỗi lầm của anh khi xưa rồi đó, chẳng hay anh có muốn cùng em xum họp như em đã nói với anh độ trước hay không?

Tú sửng sốt nhìn Chi:

– Thế ra em cũng chưa?... Ông Lương là thế nào với em?

Nàng thở ra, sẽ đáp:

– Bạn đó thôi.

Rồi gượng cười, cái cười ngụ ý cảm động sung sướng, nàng tiếp:

– Chuyện, em kể thì dài lắm, mà rất khác đời. Từ ngày chúng ta từ biệt nhau, em đã gặp nhiều sự lạ lắm. Thực là một thiên tiểu thuyết ly kỳ!

Rồi Chi thuật lại chuyện mình cho Tú nghe. Nàng khen ngợi tính quên tử của Lương nhiều lắm. Nhất là việc giả say rượu để thử lòng và lúc mẹ con bị khốn quẫn phải mời Lương đến chữa bệnh. Xong, nàng kết luận:

– Đấy anh coi! Có bao giờ em quên được anh đâu. Em còn đau khổ đến nay cũng chỉ vì... (Chi nức nở) Anh ơi! Anh có biết là em vẫn chung tình với anh?...

Nghỉ một lúc cho bớt nghẹn ngào, nàng lại se sẽ tiếp như nói một mình:

– Chung tình? Em mà lại chung tình với anh? Thực là khó tin quá, anh đã là chồng em đâu? Nhưng thực ra em chịu sống cô độc cũng chỉ vì anh, vì thằng con đó. Em cũng không hề nghĩ đến điều ấy, nhưng bây giờ ngồi trước mặt anh, em mới chợt hiểu lòng em chỉ vì em vẫn yêu anh...

Nói đoạn, nàng đăm đăm nhìn Tú. Có lẽ lúc ấy, nàng nghĩ đến sự sum họp mai sau vì hai má nàng hồng hào tươi tắn, cặp mắt đen trong sáng cũng lộ vẻ say đắm lạ thường. Lòng Chi lúc ấy lai láng biết bao tình âu yếm nồng nàn! Nàng vui sướng như người quả phụ thấy chồng sống lại, trong giấc mơ.

Rồi sau lúc quá say sưa, Chi âm thầm bảo Tú:

– Bây giờ em hãy viết thư từ biệt anh Lương đã. Chắc anh ấy buồn vì em lắm nhưng mặc kệ, em chỉ biết có anh thôi.

Nói xong, nàng cười nụ, ôm thằng Ân đặt xuống gác và lấy con dao dọc giấy trên bàn cho nó chơi, đoạn nàng ngồi viết cho Lương mấy hàng này:

"Thưa anh,

Xin anh đại xá cho sự đường đột của em, vì ngày nay em đã phụ anh để trở lại với người yêu năm trước. Bức thư hôm nọ em đọc ở trước nhà chính là thư của Tú đó, anh ạ. Em thấy chàng hối hận vì đã làm cho em khổ sở một đời thì ôi! Cay đắng, em vội tha thứ cho bạn ngay và đã tính đường cùng anh ly biệt...

"Anh ơi, anh nên nghĩ đến nông nỗi đau lòng của mẹ con em vì nếu em, không trở lại với Tú thì thằng Ân suốt đời sẽ mang tiếng con đẻ hoang, mà tha thứ cho người bạn gái khốn khổ".

Viết xong, nàng gập lại bỏ vào túi rồi đến bên Tú mà nói với chàng:

– Anh trông con hộ em một tí nhé. Để em về nhà thu xếp cho chóng xong. Sau em lại đến; mà đêm nay anh cho em ngủ trọ ở đây nhé!

Nghe giọng nói và dáng điệu lẳng lơ, Tú chợt nghĩ đến Tâm, người đã làm cho chàng khánh kiệt gia tài thì cảm động, chàng cầm lấy tay Chi và thổn thức:

– Em tử tế quá. Anh thực không ngờ em lại... Trong lúc mê man hạnh phúc, Tú quên bẵng là mình hiện đang mắc bệnh lao trầm trọng.

4.

Tối hôm ấy, Lương vừa về đến nhà thì bác tài Năm đã ở dưới bếp chạy lên, hớt hải báo cho chàng cái tin đau đớn:

– Thưa ông, không biết tại sao lúc chiều bà ẵm cậu đi chơi đến tận sẩm tối mới về; bà về một mình, không có cậu Ân; rồi được một lúc, lại cắp gói ra đi nữa và bảo tôi đưa cho ông bức thư này.

Lương lạnh lùng đón tờ giấy gập tư của bác Năm đưa cho, hình như có điều gì lo nghĩ. Quả vậy, đọc xong mấy hàng chữ Lương chưa kịp thở dài, thì bỗng nghe tiếng chuông gọi cửa liên hồi. Một lúc sau, bác Năm trở vào, hốt hoảng nói:

– Thưa ông, có bà nào cầm dao!

Lương cũng giật mình sợ hãi, nhớn nhác nhìn ra cửa. Chàng lắc đầu, nét mặt có vẻ khổ sở, tuyệt vọng vô cùng. Rồi bỗng nhiên, chàng hầm hầm tức giận, lẩm bẩm nói một mình:

– Tao lại phải cho mày một bài học nhã nhặn chứ chẳng không!

Nhưng chợt nghe tiếng hầm hè và nghiến răng ken két, chàng bỗng mất hết can đảm và hấp tấp chạy lên gác vào buồng Chi mà đóng chặt cửa lại.

Dưới nhà, bà khách, một người thiếu phụ xõa tóc tơi bời, hai mắt trợn trừng trông rất dữ dội, đang giơ dao sấn sổ với bác Năm:

– Ông ấy đâu? Ông ấy đâu?

Bác Năm vẫn lễ phép trả lời:

– À, mày nói dối

Nói đoạn, người thiếu phụ như điên cuồng, chạy bổ đi tìm Lương khắp nhà dưới rồi lên gác, tay phải vẫn cầm con dao sáng loáng, miệng thì hầm hè như con thú dữ mất con. Đến cửa buồng ngủ của Chi, người đàn bà khốn nạn vặn quả đấm, đẩy ra không được thì hét lên những tiếng thảm thương ghê gớm:

– Nó ở đây rồi, ông đền mạng con tôi đi. Trời ơi là trời!

Lương ở bên trong, tuy tức giận nhưng cố gượng đứng im để mặc cho nàng kêu gào phá phách. May sao lúc ấy có hai người đàn ông lên ngăn cản. Người đứng tuổi, ăn mặc sang trọng, vừa giằng lấy con dao trong tay vợ vừa làu nhàu:

– Mợ lạ quá! Bệnh nó chết thì ai làm thế nào cho khỏi được. Mợ hung hăng như thế chỉ tổ cho hàng phố chê cười thôi. Thực vô lý quá! Cũng may mà ông đốc đây là người nhã nhặn chứ mợ cầm dao vào nhà ông, ông ấy lại không có quyền tống mình ra cửa hay sao?

Đoạn chàng lại quay mặt về mé cửa buồng:

– Xin ông tha lỗi cho sự vô lễ của nhà tôi. Khốn nạn, chỉ tại đau đớn vì con nên mới hóa điên cuồng như thế.

Nhưng bà vợ vẫn giẫy rụa kêu gào:

– Chính nó giết con tôi. Khốn nạn, nào có bệnh tật gì cho cam. Vừa mới sáng ngày nó hãy còn nguây nguẩy mà đến chiều đã... Trời ơi! Quân giết người!

Mãi đến lúc tiếng rền rĩ của bà khách đã im hẳn, Lương mới dám cử động. Chàng nằm vật xuống giường như một kẻ tuyệt vọng, chán đời rồi tủi thân, chàng ứa hai hàng nước mắt...

Ôi! Quanh mình Lương chỉ có những kẻ chực giết chàng. Người chàng kính yêu đã tận từ ân nghĩa, mà kẻ kia được chàng săn sóc, chạy chữa cho có ngờ đâu lại lăng mạ chàng là kẻ sát nhân và đòi đền mạng. Làm ân nên oán! Còn gì mỉa mai chàng hơn nữa!

Hồi lâu, khi sự đau đớn đã dìu dịu, chàng mới ngồi dậy mà nghẹn ngào tự nhủ:

– Ta giết người thực ư? Không có lẽ, ta đã án mạch cẩn thận rồi, mới kê đơn kia mà!

Nhưng sao thằng bé lại chết? Câu hỏi ấy lại làm cho Lương thêm bối rối, chàng nào có biết sao; cái tiếng kêu thảm thiết: "Trời

ơi, quân giết người" vẫn còn văng vẳng bên tai như ở quãng xa xăm đưa đến... Rồi chợt nghĩ đến những người chàng chữa mà chẳng may bị thiệt mạng, Lương bỗng như nghe thấy tiếng rên rỉ đòi mạng của những oan hồn... Sợ hãi chàng vội quờ quạng tìm cái khuy bấm đèn. Rồi khi ánh sáng đã bật lên, chàng thở dài, ngơ ngác nhìn quanh như mới thoát khỏi một sự hiểm nghèo...

Mấy cái áo màu, Lương may cho từ mấy hôm trước, Chi không mang theo nên trong lúc vội vàng, nàng bỏ ngổn ngang trên đệm. Nhìn đống áo, Lương bỗng sực nhớ đến Chi nên vội rút bức thư trong túi ra đọc lại.

Lúc ấy chàng đã hơi bình tĩnh nên không đem lòng oán giận tình nhân. "Biết đâu lúc cầm bút viết cho ta, Chi lại chẳng đau đớn vì tự biết mình bội bạc. Phải, chỉ người thủy chung mới có tình yêu chuyên nhất. Nàng, đã vì tình thủy chung đáng kính ấy mà phải phụ bạc ta, ta sao nỡ trách nàng".

Tự nhủ vậy, Lương thở ra, nói một mình:

– Hừ, không biết anh chàng ấy khéo tu từ kiếp nào mà vớ được người tình nhân hiếm có thế, chỉ đáng thương cho ta, ta thực là một đứa vô duyên!

Rồi trầm ngâm một lát, chàng lại tiếp:

– Trời! Đáng thương thay... Nhưng ta với em đã vô duyên làm vậy thì, em Chi ạ, từ nay anh mong rằng đời ta không còn gặp nhau nữa, anh xin thành tâm chúc cho em được sung sướng với chồng con!

Lời nói nửa ngụ ý thiết tha, nửa đá giọng khôi hài, đủ tỏ là Lương chỉ muốn quên và tha thứ cho người bạn gái. Giá Chi cứ lặng lẽ ra đi, đừng đả động gì đến sự tái hợp với cố nhân thì có lẽ chàng cũng coi là một sự dĩ nhiên mà yêu Chi trong "mộng tưởng" như xưa được. Nhưng khốn thay! Nàng đã vô tình nói rõ cho Lương biết, cái ý tưởng ghét ghen với người tốt số hơn mình lại làm cho tấm tình hờ hững của Lương bỗng trở nên tha thiết...

... Chàng muốn quên nhưng tự biết là không thể dứt tình ngay được thì chàng lại buồn rầu, rưng rưng muốn khóc. Rồi chợt trông thấy tấm ảnh người mẹ yêu quý treo trên tường, chàng lại ngậm ngùi nhớ tiếc tuổi thơ ngây. Ngày ấy chàng sung sướng biết bao nhiêu. Thuở bé, Lương vốn là một đứa trẻ ngoan nên được cha mẹ

rất đỗi thương yêu. Đời thiếu niên của chàng êm đềm trong sạch như một buổi sáng hè hiu hiu gió. Mãi đến năm 23 tuổi, chàng mới phải thất vọng lần đầu, thất vọng, vì cái chết bất ngờ, thê thảm của người vợ trong tối tân hôn. Từ đó trở đi, chàng quyết ý gác bỏ chữ tình ra ngoài cuộc đời hoạt động. Đã tưởng không bao giờ chàng còn khổ sở vì tình nào ngờ...

Nào ngờ đâu chàng bỗng gặp Chi! Con người tệ bạc ấy đã cợt trêu chàng trong mấy năm nay lại nỡ tận từ ân nghĩa. Nào ngờ đâu đã bao nhiêu năm vui cùng nghề nghiệp, chẳng có điều trở ngại nay bỗng có người buộc cho chàng cái tiếng sát nhân. Trời! Chàng nặng lòng thương người khốn khổ nào họ có biết đến ơn chàng.

Rồi từ chuyện nọ nhảy sang chuyện kia, Lương lại nghĩ đến cái mộng êm đềm cái "lý tưởng" mà chàng đã ôm ấp bao lâu trong tâm trí, với nghề làm thuốc chàng đi phiêu lưu, để chữa bệnh cho mọi người, kẻ nghèo khó thì cũng chữa cho không.

Chàng lại nhớ đến những đêm trong sáng cùng mấy anh em đóng trại trên trái đồi u tĩnh... thì lòng yêu mến tạo vật bỗng làm cho chàng nhớ tiếc sự sống tự do, đầy sinh thú...

– Đi! Phải đi!

Bao nỗi buồn rầu chất chứa trong lòng người thiếu niên bỗng theo tiếng gọi của núi sông mà tan đi mất. Lương như nhẹ hẳn người, buông một tiếng thở dài khoan khoái.

Ngay lúc ấy, bác Năm ở dưới nhà chạy lên, cất tiếng sẽ hỏi:

– Bẩm, ông có xơi sữa để con pha?

Lương cau mặt đáp:

– Không, tôi không ăn!

Thì bác Năm có ý buồn rầu lo ngại...

– Bẩm, nếu ông nhịn đói, mai làm việc thế nào được?

Nghe giọng nói dịu dàng, Lương cảm động ngẩng lên đăm đăm nhìn tên đầy tớ trung thành, tự nhủ: "Được lắm! anh thực là người có nghĩa, biết thương chủ trong lúc lo buồn. Hừ! Có lẽ ở trên đời này chỉ có anh là biết ơn ta mà thôi!

Nghĩ vậy, chàng cất tiếng nhẹ nhàng, sẽ gọi:

– Anh Năm!

– Dạ!

– Anh vẫn còn thức đấy à?

– Bẩm vâng, còn sớm lắm. Ông xơi sữa để con pha?

– Ừ, mau lên nhé.

Bác Năm quay đi, chàng gọi lại:

– Này anh Năm!

– Dạ.

– Tôi sắp đi đây... anh hãy ở đây nghe tôi dặn. Tôi bảo thế nào anh cứ làm như thế, không được hỏi lôi thôi.

Trước hết, anh vào buồng thay áo soạn cho tôi những đồ dùng Hướng Đạo cả quyển sách bìa đỏ anh cũng xếp vào trong "sắc" hộ. Cái xe đạp của anh vẫn để ở nhà đấy chứ?

– Bẩm vâng.

– Thế anh cho tôi mượn và buộc cái gậy vào đấy để mai tôi đi chơi, sáng mai anh bảo chúng nó nấu cơm thực sớm và nhớ đánh thức tôi dậy, nghe không?

Đoạn, chàng rút chiếc ví ở trong bọc ra, lấy một tập giấy bạc đưa cho Năm:

– Việc nhà, tôi nhờ anh trông nom giúp. Tôi đi những vài tháng mới về.

– Bẩm ông, đi đâu ạ?

– Đi chơi! Thôi anh cứ theo đúng lời tôi dặn không được hỏi nữa.

Tảng sáng hôm sau, trên cầu sông Cái, một chàng thiếu niên vận y phục Hướng đạo cỡi xe đạp vùn vụt đi! Ra đến giữa cầu, thấy gió hiu hiu mơn man gò má và cảnh bình minh xán lạn, chàng cảm động cất tiếng hát bài "Lúc đi lập trại".

Nhưng giọng hát của chàng chẳng phải là giọng hát vui cười trong trẻo như xưa, nghe ra có vẻ đau đớn âm thầm...

5.

Ánh sáng phơn phớt của ngọn đèn điện phủ rua mầu hổ thủy tỏa ra trong buồng như đồng hóa với bốn bức tường lơ nhạt.

Ngồi đối diện với người xưa, Chi sẽ vuốt ve con ngủ trong lòng, hai mắt đăm đăm mơ mộng... khuôn mặt nàng tươi tắn phản chiếu ánh đèn lại càng thêm tươi.

Hai người ngồi im như thế đã khá lâu. Bỗng Tú thở dài sẽ bảo:

– Em xử đại lượng với anh thực chỉ làm cho anh thêm tủi thẹn vì anh không đáng làm chồng em. Một đứa bần tiện như anh nào có hay ho gì mà em còn lưu luyến.

Chi ngắt lời:

– Sao lại bần tiện? Anh thực ít lòng tự ái!

Rồi, yên lặng một lúc nàng vừa cúi xuống hôn con, vừa âu yếm tiếp:

– Mà dù anh có... chăng nữa em cũng chỉ biết là em yêu anh, vì em đã có con với anh rồi...

Mấy tiếng "em đã có con" bỗng gieo vào lòng Tú một cảm giác lạ lùng: nửa e thẹn nửa xót thương. Vì, chạnh tưởng đến sự bẩn thỉu lúc nuôi con, chàng ghê tởm vô cùng, tưởng như nếu ở địa vị ấy, chàng không thể nào chịu được.

Thế mà Chi vẫn vui, vẫn cam lòng chịu khổ...

– Trời! ta thực là một thằng khốn nạn.

Bao sự ghê sợ, cảm thương trong lòng, Tú bỗng nhiên thốt ra lời tự mắng. Chi biết là chàng bị lương tâm cắn rứt nên ngọt ngào sẽ nhủ:

– Thôi! Xin anh đừng nhắc lại chuyện xưa làm gì nữa. Chuyện đã qua rồi thì hơi đâu mà nghĩ đến cho nhọc lòng. Ta có đau khổ nhiều mới biết thương nhau...

Em khổ nhiều lắm rồi, nên bây giờ chỉ muốn vui, anh cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn mãi như thế thì em còn vui sao được. (Đến đây

giọng nàng đổi ra vẻ âu yếm nũng nịu). Nay mai chúng ta đã được sum họp một nhà, sung sướng biết bao nhiêu! Nếu anh cứ buồn, em giận cho đấy, đừng kêu.

Tú càng thêm chua xót, chàng nào có thể theo được ý người yêu vì chàng đang mắc bệnh lao trầm trọng. Động lòng, chàng gục đầu xuống bàn mà sụt sùi khóc.

Nhưng Chi nào hiểu thấu sự đau đớn của cố nhân! Nàng chỉ có một định kiến là Tú bị lương tâm cắn rứt nên mới thảm thương như thế.

Vậy nên trong lúc Tú nước mắt đầm đìa thì trái lại Chi lặng lẽ nhìn chàng hai mắt lộ vẻ nồng nàn vô hạn. Giá lúc ấy Tú ngẩng mặt trông lên thì chắc phải cảm động vì cái nhan sắc đắm say của nàng. Hơn nữa nếu chàng đọc được tư tưởng của người yêu thì có lẽ cũng say sưa hạnh phúc mà cùng nàng hoan hỉ vì Chi đương nghĩ đến sự ái ân "vô nghĩa" cũng như người quả phụ kia ngồi mơ màng cái lúc hương đượm lửa hồng.

Mà sao nàng khác người quả phụ? Trong mấy năm xa cách, nàng chẳng được biết thú mây mưa, chẳng hy vọng gì được tái hợp với người tình cũ thì nào khác một người góa chồng ở vậy nuôi con?

Nhưng may sao? Tú lại trở về dương thế để cùng nàng chắp lại tình xưa. Ôi hạnh phúc! Ngờ đâu người mà ta coi như đã chết, vẫn ở trên đời. Tâm sự Chi lúc đó thực không khác gì người chinh phụ được tin chồng đã chết trận mà một hôm, bỗng thấy trở về quê quán!

Nhưng chợt nhớ ra rằng Tú còn mệt mỏi vì nước da chàng xanh xao quá đỗi, Chi lại thở dại tự nhủ: "Đời còn dài, hy vọng còn nhiều! Đi đâu mà vội. Làm thế chả sợ con nó cười cho!" Rồi nàng ẵm con đứng dậy âu yếm bảo tình lang:

– Em đi ngủ đây, mệt lắm rồi. Còn anh, anh nên bắt chước Quan Công lúc bị giam trong trại quân Tào mà cầm đuốc chờ cho đến sáng để tránh sự hiềm nghi, nếu không có đuốc thì cầm đèn cũng được.

Nói xong, nàng mỉm cười để lộ hai hàm răng trắng muốt như những nụ ngọc lan rồi vui vẻ ôm con lên giường. Khi đã đặt thằng Ân xuống đệm, nàng cũng nằm theo, một tay lồng xuống cổ con

miệng thì xuýt xoa nói nựng ra chiều âu yếm. Một lúc sau cả hai mẹ con đều ngủ say.

Ngồi tỳ tay vào gò má, Tú lặng ngắm người yêu trong lòng xiết bao lo ngại. Mấy hôm nay vì trời ấm áp chàng không ho nên Chi vẫn chưa biết là chàng mắc thứ bệnh hiểm nghèo! Ôi! nếu nàng hiểu rõ thì nào có thể vui sướng như vậy được. Nghĩ lẩn thẩn, Tú lại tự trách mình sao chẳng nói ra từ trước để cho nàng chán nản mà vui lòng làm bạn với Lương.

Chàng lại nghĩ đến cha mẹ, họ hàng, đến cái tội làm cửa nhà tan nát.

Rồi từ đời ký vãng quay về đời hiện tại, Tú bỗng nghĩ đến con.

Lúc nãy Chi đã nói với chàng: Chi không dám lấy chồng cũng một phần vì thằng con đó. Như vậy có lẽ nàng đã miễn cưỡng gửi thân cho chàng vì tình thương con quá nặng. Đối với lòng hy sinh cao quý ấy, chàng sao nỡ giữ lòng ích kỷ để nàng phải vì mình mà bỏ phí ngày xanh!

Hơn nữa, cứ theo những sách nói về "sinh lý" thì những đứa con đẻ hoang dù có trí thông minh đến đâu cũng chỉ là những phường gian ác, thằng Ân sao tránh khỏi được cái lẽ đương nhiên ấy.

Trong lúc phân vân, người đa cảm thường hay để định kiến mê hoặc, cái thuyết "di truyền tổ phụ" vừa nảy ra trong óc đã làm cho Tú nhận thấy thằng Ân quả là một đứa con gian ác, từ tính hay vòi đến cặp mắt to và sáng quắc, chàng đều cho là những nét đặc biệt của kẻ gian hùng.

– Trời ơi! Nếu thế Chi sẽ phải khổ sở suốt đời vì con, mà xã hội sau này cũng thêm một con trùng độc. Ta biết làm thế nào mà cứu được nàng ra khỏi vòng đau khổ? Ta biết làm thế nào mà trừ được cái vạ sau này?

Lời than thở thốt ra trong lúc lo buồn thương cảm đủ tỏ là Tú muốn... trước khi nhắm mắt, cho xong đời thằng bé.

Giết nó đi chăng? Không, chàng không đủ can đảm làm cái thủ đoạn gớm ghê ấy. Nhưng chả nhẽ chàng lại cam lòng để nó đầy đọa thân Chi?

May sao đang lúc băn khoăn lo sợ, Tú bỗng nghĩ đến cái tư tưởng sâu sắc về đời người của một nhà triết học Tây phương: người ta dù hư hỏng đến đâu cũng có thể tu tâm cải quá được, chàng thở ra, nghĩ thầm: "Chính ta đây, trước thế mà nay còn biết hối hận nữa là thằng bé con, nếu ta khéo dậy thì may ra nó cũng thành người lương thiện".

Rồi chạnh tưởng đến bước đường mai hậu mà chàng đã phác họa trong tâm trí, Tú cảm động lẩm bẩm nói một mình:

– Ta làm nên tội thì bây giờ phải mang cái trách nhiệm nặng nề ấy chứ nào phải bỗng dưng đeo cái vạ vào mình.

Đêm đã khuya...

Tú càng ngẫm nghĩ càng xót xa vì nỗi niềm khe khắt. Sự xót xa chứa trong tâm não lại như truyền vào gân cốt làm cho chàng mệt mỏi vô cùng. Không gượng được nữa, chàng uể oải đứng dậy đến bên giường định nằm ngủ, nhưng, không biết tại hữu ý hay vô tình, Chi lại nằm nghênh ngang ở giữa giường, thành thử chàng lúng túng không dám đặt mình xuống. Mà hai mẹ con Chi đã thiêm thiếp giấc nồng, chàng toan gọi bảo nàng nằm dịch vào trong nhưng lại không dám, đành se sẽ nằm ghé bên mép giường.

Một lúc sau, vừa sắp thiu thiu ngủ thì bỗng nhiên Tú ngã lăn từ trên giường xuống sàn gác. Chàng vừa đau đớn, vừa tủi thân, chỉ muốn khóc òa. Nhưng chàng bỗng tỉnh táo không muốn ngủ nữa nên lặng lẽ đến bên bàn giấy viết cho Chi bức thư từ biệt.

Bức thư ấy như sau này:

Mười hai giờ đêm, trong lúc em yên giấc;

Em CHI,

Dù anh có ích kỷ đến đâu chăng nữa, anh cũng không thể nào cùng em chung sống được, vì, khổ tâm cho chúng ta quá, anh hiện đương mắc bệnh lao, chỉ một vài năm nữa sẽ không còn ở trên đời này. Nếu lúc đó chúng ta đã thành chồng vợ thì đời em sẽ ra sao?

Vì vậy anh phải trốn ra đi... Khốn nạn! Sao từ lúc đến thăm anh, em vui thế. Nhưng thấy em vui, anh chỉ khóc ngấm, than ngầm, than cho cái duyên kiếp tàn tệ của đôi ta...

Nhưng anh lại nghĩ rằng: trời không cho chúng ta được sum họp là một sự chí công vì nếu cha con anh mang nhau đi, anh biết lắm, thì em sẽ được hoàn toàn vui sướng. Mất thằng Ân, em sẽ không đau đớn, vì nó nào phải là một đứa trẻ ngoan để những lúc vắng bạn thân yêu, em cùng nó tỉ tê trò chuyện. Anh đã quan sát diện mạo và cử chỉ của nó thì biết là nó sẽ trở nên một đứa gian hùng, một thằng ăn cắp như anh.

Đọc đến đây chắc em cũng bồi hồi thương tiếc cha con anh. Cũng đau đớn vì đứa bạc bội này mà có lẽ phải sa hai hàng lệ, nhưng anh tin rằng rồi em sẽ hiểu lòng anh. Em ơi! Anh nỡ lòng nào để cho em phải vì một người vô dụng mà bỏ thí ngày xanh. Em khổ sở đã bao lâu vì thằng con đó thì ngày nay xin em trả lại nó cho anh mà an hưởng cuộc đời tự do trong sạch.

Hai cha con mang nhau đi đâu, em cũng chẳng nên nghĩ đến làm gì. Nhưng anh xin nói để em an lòng: trong những ngày còn sống, anh sẽ tận tâm dậy dỗ và truyền cho nó bệnh lao... Anh sẽ cho nó hít những trùng ghê tởm chứa trong hơi thở anh vào phổi nó để trừ một đứa gian hùng tương lai cho xã hội.

Thôi, em quên đi nhé! Đừng nghĩ đến anh nữa. Anh đã làm hại một đời em thì bây giờ anh xin trả lại em những ngày xanh vui sáng.

Rồi một buổi chiều đông, trong một căn nhà lá ở thôn quê, một người đàn ông còn trẻ, tay ôm đứa con hấp hối mà chính mình cũng hấp hối như con, nhưng trước khi thở hơi cuối cùng, chàng ta còn cầu nguyện cho người bạn gái thân yêu mọi sự sung sướng ở đời.

Người yêu em
TÚ

Bức thư tuy vắn tắt song Tú viết lâu. Mà lúc đó chẳng biết chàng có thương tiếc Chi không, nhưng nét mặt nghiêm trang và nghĩ ngợi đủ tỏ rằng chàng tin là việc mình sắp làm có một ý nghĩa thiêng liêng, chàng cảm thấy đời Chi sẽ vui tươi rực rỡ.

Mà cũng bởi thế nên khi buông bút, Tú động lòng quá, bưng mặt khóc sụt sùi...

6.

Sáng hôm sau, lúc Chi sực tỉnh thì trời đã rạng đông. Người mà nàng nghĩ đến trước tiên là Tú, chồng nàng, người chồng theo tâm tưởng. Rồi, không thấy Tú nằm bên cạnh nàng lại mỉm cười, tung chăn trỗi dậy, nét mặt có vẻ bẽn lẽn khôi hài.

Giấc ngủ ngon trong đêm ấy đã làm cho tinh thần người thiếu phụ được tỉnh táo. Nàng tươi như đóa hoa nở về ban sáng.

Nàng vẫn nghĩ đến người yêu... Tần ngần nhìn góc giường bỏ trống, trong óc Chi bỗng nảy ra một ý tưởng ngồ ngộ. Nàng thở ra, lẩm bẩm nói một mình:

– Chả biết hôm qua anh chàng có ngủ hay không? Hay lại bắt chước Quan Công thật?

Rồi thấy hơi lạnh như ngấm vào thịt da, nàng rùng mình một cách sung sướng.

Phải. Chi sung sướng lắm... Nàng có vẻ cảm động, nũng nịu và tình tứ như một cô dâu sắp đến tối tân phòng. Nhưng ngao ngán biết bao! Khi nàng ngó ra ngoài màn xem Tú ở đâu thì một cảnh bỗng làm cho nàng cảm động"

Trên mặt bàn kê sát giường, Tú nằm ngủ, chân bỏ thõng, tay chắp lên ngực, miệng há hốc như một cái thây người. Thốt nhiên Chi hối hận, lẩm bẩm tự trách mình vô ý. Nàng cảm thương Tú quá nên vùng trỗi dậy đến bên bàn sẽ nâng đầu Tú lên âu yếm gọi:

– Anh, anh dậy đi... trời sáng rồi!

Mở mắt ra trông thấy Chi, Tú thở dài như lo lắng rồi sẽ cầm tay nàng mà nhìn chăng chăng... Chàng thực không ngờ rằng Chi lại tình tứ, ngây thơ đến thế được.

"Giấc mộng ngày xuân" mà xưa kia chàng tỏ lời mơ ước trước bạn hiền ngờ đâu nay lại thành sự thực... Đây, cũng một buổi sáng xuân, cũng lúc vừa tỉnh dậy người yêu đã âu yếm nâng đầu. Nhưng than ôi! Lòng ai riêng say sưa mà chàng thì chỉ thêm tê tái.

– Dậy đi anh!

Trời ơi! Có biết bao tình tứ nồng nàn trong lời nói tiếng cười, trong cái hơi thở nhịp nhàng kia.

– Em!

– Dạ! thôi, dậy đi anh!

– Anh mệt lắm.

– Nhưng cũng phải dậy chứ, ai lại nằm ngủ như thế này không!

Rồi nàng thỏ thẻ trách:

– Chết thật! Hôm qua em ngủ quên đi lúc nào không biết, chẳng để chỗ cho anh nữa. Chào! Thế mà không gọi!

Đoạn, nàng nâng mạnh đầu Tú lên, sẽ nói:

– Nào, dậy đi, dô ta!

Khi Tú đã ngồi dậy hẳn, nàng mới rụt tay ra rồi bẽn lẽn ngồi xuống ghế, lấy hộp lược, gương ở trong ngăn kéo ra chải đầu và đánh phấn. Xong, nàng ngẩng lên thấy Tú vẫn ngồi bó gối trên bàn mà ngẩn mặt ngắm mình thì bật cười nói:

– Kìa! Anh làm sao mà ngẩn ngơ như chúa Tàu nghe kèn ấy thế!

Như tỉnh mộng, Tú giật mình, thò chân xuống đất, luýnh quýnh tìm giầy. Chi tụt đôi dép nan ra cho rồi vui vẻ đến giường con. Tú thấy bàn chân trắng nõn của người yêu in vết lên sàn đầy cát bụi thì ái ngại nói:

– Thôi, em cứ đi, không lại lấm chân. Anh xót ruột lắm.

Chi cười nụ, âu yếm đáp:

– Được, em đã có giầy. Mà, trong mấy năm nay "gót ái tình" bùn pha sắc xạm còn được nữa là... vài hạt bụi cỏn con.

Câu nói khôi hài ý vị làm cho Tú cũng vui vui. Chàng mạnh mẽ nhảy xuống đất rồi se sẽ bảo:

– Chi không rửa mặt à? Ở bẩn thế!

Chi đáp:

– Thôi, có ở bẩn thế em mới được sống lâu mà hầu hạ anh.

Nàng vui sướng quá, nên lúc nào cũng bông đùa. Khi Tú đã đi khỏi ra sân rồi, nàng lại muốn trêu ghẹo nên rón rén theo sau, định dọa do Tú giật mình. Nhưng kinh ngạc biết bao! Nấp sau bức tường, nàng vừa toan mở miệng nói thì thấy Tú gục đầu xuống tường

mà nức nở khóc... Thì vẻ vui tươi, bỡn cợt trên khuôn mặt Chi cũng dần dần biến đi mà đổi ra vẻ ngơ ngác, bàng hoàng. Rồi sợ Tú biết, nàng quay về chỗ cũ.

Một lúc sau Tú cũng trở vào. Đợi cho chàng mặc quần áo xong và đến đứng bên mình, Chi mới thở dài, bảo bạn:

– Sao anh lại khóc?

Tú ấp úng trả lời:

– Không, anh khóc bao giờ? Em nói oan cho anh!

– Anh không nên nói dối em như thế. Chúng ta phải vui vẻ mà sống chứ, khổ sở như vậy còn chưa chán hay sao? Lúc nãy thấy anh khóc, em thực lấy làm buồn, chắc anh có điều gì bí mật muốn giấu em?

Tú gượng cười:

– Bí mật quái gì đâu! Tại thấy em tử tế quá, nên anh cảm động. Thôi, từ giờ trở đi anh không dám thế nữa.

Nhưng như có tâm linh báo trước việc không hay, Chi còn hỏi vặn:

– Vì em tử tế mà anh cảm động thì... sao anh lại phải ra đằng sau mà khóc, không ở trước mặt em?

Tú nhanh trí đáp luôn:

– Ai lại khóc trước mặt người yêu một cách vô lý như thế bao giờ. Vả lại, lúc ấy, nhân nghĩ đến việc đê tiện của anh mấy năm về trước, anh bỗng tự thẹn...

– Mà anh khóc?

Tú thở dài:

– Chính thế. Mà thực em cũng khéo lôi thôi! Người giầu sang, tốt bụng chẳng theo lại cam tâm theo đuổi một thằng vô gia cư, vô nghề nghiệp!

Chi đã hết nghi ngờ nên vẻ mặt lại tươi như cũ. Nàng thấy Tú có ý tự khinh thì tỏ ý không bằng lòng:

– Ấy đấy, em đã bảo là đừng lôi nó ra nữa thì lại cứ... Con trai đâu mà chẳng có chút lòng tự ái! Việc đã qua rồi, anh nhắc lại làm gì cho em phải nghĩ?

Rồi, muốn Tú không nghĩ quẩn nữa, nàng mỉm cười, thề độc:

– Từ giờ trở đi, đứa nào còn nói lôi thôi nữa đứa ấy chết!

Tú lại thở dài:

– Nếu thế, anh càng nên nói... lắm... Anh thực không đáng...

Chi ngắt lời:

– Thôi đi, không nói chuyện với người điên!

Đoạn, nàng đến bên giường vừa ẵm thằng Ân dậy, vừa bảo Tú:

– Anh cho mẹ con em ăn cái gì đi thôi. Đói lắm rồi.

Tú nghe lời, vội ra cửa thang cất tiếng gọi thằng nhỏ và bảo nó mua thức ăn sáng mang lên. Một lúc sau, nó bưng lên một cái khay trên để hai bát phở. Lúc quay ra, nó lần lượt nhìn "cậu, mợ" một cách ranh mãnh như có ý nghi ngờ. Chi thấy vậy cũng biết là nó chế nhạo nên đưa mắt liếc tình nhân rồi nũng nịu con:

– Ân hôn me đi nào!

Nhưng thằng Ân vốn không có lòng yêu mẹ như một đứa trẻ ngoan và cũng chưa từng biết hôn mẹ bao giờ nên nghe mẹ nói, nó chỉ nhoẻn mép cười, tát vào má Chi một cái nên thân. Rồi lúc Chi đặt nó xuống ghế toan và phở cho, nó lại nguây nguẩy:

– Chả ăn cái này đâu! Ăn sữa cơ!

Chi dỗ ngọt:

– Hôm nay em hẵng ăn tạm cái này vậy, sau me sẽ mua sữa cho, chóng ngoan!

Thằng Ân đã không nghe lại còn nhè mồm ra khóc và hất bát phở đổ xuống khay, làm cho Tú phải lắc đầu ghê tởm. Nhưng vẫn điềm nhiên, Chi ngọt ngào:

– Đấy, con anh có ngoan không! Gớm, em ngoan làm sao mà ngoan quá! Tôi cũng đến chết về cậu mất thôi!

Nó lại giận dỗi hất nốt bát phở kia, khiến Chi không thể nén được sự tức giận. Nhưng sợ mắng con thì phiền lòng bạn nên nàng chỉ thở dài nói lảng:

– Ừ thôi, để me bảo thầy mua sữa cho em vậy!

Lần thứ hai, Tú lặng lẽ theo lời Chi như một cái máy. Cái tính vòi vĩnh của con đã làm cho chàng quyết tâm theo ý định nên không còn băn khoăn như trước nữa. Cho đến lúc con đã ăn xong, Tú nghiêm nghị nói:

– Bây giờ thì em để con ở nhà mà đến tạ tội với ông Lương. Đã đành rằng ông ta không tức giận vì sự tàn tệ của em nhưng làm như thế chắc ông cũng được vui lòng mà anh đây mới không có điều ân hận.

Chi thẫn thờ đáp:

– Phiền quá nhỉ! Thôi em chả phải tội. Mà em biết thế nào cho phải! Lố lắm anh ạ!

Tú lo lắng, thở dài:

– Em nên nghe anh!... Ông ta là người tốt bụng, vui tính, biết đâu lại chẳng nghe lời em mà vui lòng...

Chàng không dám nói nốt câu vì chợt nhớ ra rằng lời mình vừa thốt ra chỉ có những ý tưởng vu vơ.

Chi lại buồn rầu, sẽ trách:

– Thực anh cũng khéo lôi thôi. Em đã vui lòng cùng anh thì anh cứ vui lòng mà hưởng, can chi lại nghĩ đến chuyện không đâu. Tệ bạc với anh Lương có họa chăng em phải chịu tiếng, chứ anh, anh ân hận nào có ích gì!

Câu nói như hờn giận, lọt vào tai Tú trong lúc tinh thần khủng hoảng lại làm cho chàng thêm luống cuống. Mà lúc phải ra đi đã đến nơi rồi. Chàng nóng ruột quá nhưng chẳng biết nói thế nào cho phải, nên đành lòng nhắc lại:

– Em nên nghe anh... Anh khổ lắm.

Lúc ấy trong tâm hồn Chi chỉ có những ý tưởng tốt đẹp, nên thấy nét mặt khổ sở, tuyệt vọng của tình nhân nàng bỗng động lòng thương hại và muốn nghe lời. Nàng mơ mộng nói:

– Thì nào em đi! Nhưng nếu anh Lương anh ấy giữ chặt lại không cho về thì cha con anh đừng thương khóc nhé!

Đoạn nàng uể oải đi về phía cầu thang. Tú cảm động đi theo nghẹn ngào:

– Vắng mặt cha con anh, em đừng nghĩ gì nhé!

Rồi chàng lại vẩn vơ tiếp:

– Anh muốn em như thế lòng anh thực đau đớn lắm, nhưng...

Chi nũng nịu:

– Gớm! Anh quấy lắm, chỉ nói đến chuyện buồn... Lúc em sắp đi anh phải chúc cho em được "thượng lộ bình an" chứ sao lại nhắc đến những sự lo buồn!

Tú đáp:

– Vâng, anh xin chúc em được bình an!

Trong lúc say sưa hạnh phúc, Chi không biết là lời Tú nói chỉ có ý tiễn biệt chia phôi.

ĐOẠN KẾT

1.

Giấc "mộng ngày xuân" thế là tan vỡ. Chi lại bơ vơ trên đời. Trước nàng còn ngẩn ngơ thương tiếc, nhưng rồi nàng cũng cho Tú nói là phải và nẩy ra ý tưởng trở lại với gia đình để đùm bọc đứa em côi cút. Ngay sau lúc Tú bỏ ra đi, nàng cũng thu xếp áo quần để đi Hưng Hóa. (Ông Bình khi ấy đã được bổ tri huyện Tam Nông)

Ai đã đi xe ô tô đường Hà Nội – Sơn Tây chắc cũng phải để ý đến khoa tụng kinh của những đứa trẻ ăn mày, và nếu ngài nào lại có tính đa nghi nữa, thì dù có coi chúng nó là bọn ranh con đi lừa người, cũng phải động lòng vì những lời chúc tụng to tát của chúng mà cho mỗi đứa một trinh.

Thật vậy, tuy đã tưởng tượng đến cái cảnh vui mừng cảm động khi hai chị em gặp nhau mà Chi cũng chưa quên được sự biệt ly đau đớn vừa qua. Lúc xe đỗ ở phủ Thuận, thấy ba bốn đứa ăn mày xúm nhau vào xin, nàng tức tối đến nỗi phát gắt lên.

Chúng nó hình như đã hiểu nghề lắm nên vội vàng xoay chiến lược. Thằng nào thằng ấy hát ngay những câu chúc tụng:

– Lạy bà, bà sống như cây đa già như cây quế, con cháu đầy đàn, lên xe xuống ngựa!

– Khổ quá! Thôi, đây cho mỗi đứa một xu.

Chi vứt tiền cho chúng nó xong, mỉm cười quên hết nỗi buồn. Có lẽ lần ấy là lần đầu nàng chú ý đến những kẻ lầm than đói rách và động lòng thương hại những đứa trẻ khốn nạn, kiếm ăn ở dọc đường. Phải! Nếu khối óc ta chỉ lo quanh lo quẩn về gia đình thì còn thì giờ đâu mà nghĩ đến kẻ khốn cùng trong xã hội.

Cái chỗ ô tô dừng bánh kia phải chăng là nơi người đói khó gặp khách cao sang? Mà lời trẻ lạy van bên đường phải chăng là tiếng kêu cầu thiết tha của hạng người cơ cực?

Xe đỗ một lúc lại đi... Người bố thí cho những đứa ăn xin cũng quên ngay lời van vỉ. Duy đứng bên đường, đứa trẻ vẫn ngóng trông, đợi cái xe khác sắp qua, những cái xe có nhiều khách sang trọng.

Nhưng khách sang trọng nào đã dễ mấy khi gặp kẻ khốn cùng! Họ nào phải chen chúc vào toa xe hàng chật chội. Một cái ô tô con sơn bóng lộn chạy qua dù có chở ông Hoàng chúng nó cũng vô hy vọng, và không chạy ra, xao xác ngửa tay xin. Vì thế cho nên ngày ấy sang ngày khác, năm ấy sang năm khác, thời gian lạnh lùng trôi, người phú quý với đám dân nghèo vẫn cách nhau xa. Chỉ những người chung cảnh ngộ mới năng giúp đỡ bạn nghèo.

Đồng xu Chi cho chúng tuy chẳng đáng là bao, nhưng nàng cũng lấy làm khoan khoái. Là vì, nàng đã động lòng thương xót những đứa trẻ ăn xin như người mới qua cơn bĩ cực động lòng thương xót kẻ còn lâm trong cảnh gian nan của mình khi trước.

Lúc xe đỗ ở Sơn Tây, có một anh hàng kẹo đến mời mua. Thấy hai lọ kẹo bạc hà để trong hòm kính, Chi lại sực nhớ đến ngày em còn bé tí. Quý thường hay vòi tiền nàng để mua những lọ kẹo xinh xinh. Nàng tự nhủ lòng:

– Nếu ta mua cho nó hai lọ kẹo này thì lúc gặp ta nó sẽ sung sướng biết bao!

Nhưng Chi lại cảm động rơm rớm nước mắt: cậu Quý bây giờ đã lớn rồi chứ đâu còn bé tí, đầu húi móng lừa như xưa?

Một giờ sau, xe mới tới bến Trung Hà. Bóng mặt trời đã xế. Mấy người lái đò ở trong hàng nước chạy ra đon đả mời:

– Ông đi Phủ Đoan? Bà đi Hưng à?

Chi luống cuống đáp:

– Không tôi qua ngang!

Bà hàng nước ngồi trong lều thấy nàng lóng ngóng bèn cất tiếng mời:

– Nghỉ chân xơi nước đã bà ạ. Phà mới sang sông còn lâu mới đến chuyến.

Chi nhìn xuống làn nước đỏ có ý nóng ruột:

– Mấy giờ lại có phà sang, thưa cụ?

Bà hàng nước tươi cười đáp:

– Dạ, nếu có xe còn đến thì họ phải chở ngay, không thì đến bốn giờ!

Một cô lái đò, nước da mai mái, đứng bên cạnh, nhân cơ hội ấy, cất tiếng cười:

– Bà vội tối thì đi nan.

Nghe giọng nói của cô lái đò kéo dài ra, Chi lấy làm lạ, mỉm cười:

– Thế cô lấy tôi bao nhiêu?

– Hai hào bà ạ.

Cô lái ranh mãnh thừa biết khách là người khờ khạo nên bắt chẹt. Nhưng nhìn nước mênh mông, Chi còn do dự vì thuở bé đến giờ nàng chưa từng đi thuyền nan trên mặt sông lần nào.

Cô lái lại hỏi:

– Nào, bà có sang không?

– Chịu thôi, thuyền cô bé tí thế kia nhỡ đắm thì chết!

Chừng như không bằng lòng câu nói gở ấy cô lái nguýt dài khách rồi càu nhàu:

– Làm như khổ thuyền giấy không bằng. Mỗi lúc mà đã chết thì thiên hạ còn ai dám đi thuyền!...[1]

---

1. Trang bản in của NXB Hương Sơn bị mất.

Thoáng thấy tiếng ai như tiếng ông Bình quát trong công đường, nàng bỗng rợn người tưởng như hồn vía đều lên mây. Nàng rảo bước đi lên nhà, trong lòng xiết bao lo lắng.

"Em Quý đâu? Em Quý đâu?" Chi lẩm bẩm gọi em rồi chạy đi tìm, nhưng trong nhà vắng ngắt không có một ai. Ngơ ngẩn, nàng đứng lặng yên trong buồng khách nét mặt lộ vẻ ảo não vô cùng? Ôi cảnh nhà ngày nay so với năm xưa lại tiều tụy hơn nhiều, nàng có ngờ đâu? Bộ sa lông vẫn là mấy chiếc ghế mây với cái bàn tròn nhưng sơn đã long nhiều chỗ. Trên lò sưởi, chiếc đồng hồ cũ rích vẫn kì cạch chạy, nghe rời rạc như muốn ngừng. Bên cạnh, ngổn ngang nào báo tây, nào tráp trầu, nào sách vở. Xung quanh tường mạng nhện trăng đen nghịt và tịnh không có một tờ tranh. Nàng lại ngó sang hai buồng bên thì chỉ thấy những phản, những giường và chiếu, chăn bề bộn.

Đang nghĩ ngợi lo phiền, bỗng Chi nghe tiếng chân người ở đằng sau. Nàng giật mình quay lại thấy người vú già bèn vồ vập hỏi:

– Này, cậu Quý đâu, hả vú?

Vú già nhìn nàng từ đầu đến chân có ý kinh dị:

– Thưa cô, cháu hỏi thế này không phải: cô có phải là cô Chi không ạ?

– Phải, nhưng cậu Quý đâu?

Người vú già đang vui vẻ bỗng đổi ra buồn rầu rồi thở dài một cách thiểu não:

– Cô đi xa nên không biết... Tháng trước đây, cậu Quý đi tắm sông bị... chết đuối rồi.

Trời ơi! Cậu Quý chết! Chi có ngờ đâu lại xảy ra sự ghê gớm ấy trong đời nàng. Sự đau đớn đột dậy lên bởi cái tin thảm khốc, làm cho nàng chỉ kịp gọi lên hai tiếng "em ơi" rồi nước mắt bỗng trào ra như suối không sao ngăn được. Nàng phải gục đầu vào tường cho khỏi ngã và lấy cánh tay để vào mi mắt như để ngăn hàng lệ thì những tiếng thổn thức ứ trong tâm can lại làm cho nàng choáng váng, mỗi một lần Chi nấc lên là lồng ngực lại tức vô cùng, tưởng phải vỡ ra làm đôi.

Cái tình của Chi đối với em thực không khác gì tình mẫu tử.

Nàng khóc một lúc lâu như thế mới thấy trong lòng dìu dịu.

Chợt nghe tiếng bát đũa chạm nhau, nàng hé mắt ra trông thì thấy vợ kế ông Bình đang so đũa ở cạnh mâm cơm trên phản. Bà đã sắp cơm mà vẫn không thèm ngó, thèm mời Chi, hình như chỉ có hai mẹ con bà trong phòng vậy. "Đã mấy năm nay không gặp mặt mà người nỡ tận từ thế cho đành!". Tự nghĩ như vậy, Chi không thể nén được sự tức giận nên cũng hầm hầm đi ra hiên sau, chẳng thèm chào hỏi, tuy nàng cũng tự biết là vô lễ.

Khoảng hiên đó là phòng học của cậu Quý, bà huyện vẫn để nguyên vì nhà rộng không cần phải dẹp đi. Cả mấy quyển vở con của cậu cũng còn bừa bộn trên bàn.

Chi ngồi bên chiếc bàn đó, tần ngần nhìn ngọn đèn búp măng vặn nhỏ với mấy quyển vở bìa xanh, nàng lại bồi hồi thương xót. Mỗi đêm trong giờ này có lẽ cậu Quý đã ngồi đây mà làm bài hay đọc sách, thế mà nay cậu đã là người thiên cổ... Cầm một quyển sách lật ra xem thấy bút tích của em, Chi lại như tìm được hơi hướng của em bất hạnh. Nàng lần lượt mở hết tờ nọ đến tờ kia thì tình cờ nàng gặp những dòng sau này viết trên một trang giấy trắng: "Mẹ ơi, chị ơi! Không có me, có chị thì em sống làm sao được. Mấy hôm nay dì đánh em mãi, thầy lại không cho em ăn cơm! Em khổ lắm rồi!" Đọc xong mấy dòng chữ ố hoen ngấn lệ, một ý nghĩ thảm thương bỗng thoáng qua óc người thiếu phụ: "Có lẽ vì tủi cực quá mà cậu Quý tự tử chăng?" Thì, sự đau đớn đã gần nguôi lại đùng đùng trở lại lòng nàng như một con giông tố. Mặc cho giòng lệ tầm tã thấm ướt cánh tay, nàng rền rĩ khóc "Em ơi! chị có ngờ đâu vắng chị em lại đến nỗi khổ sở như thế! Chẳng qua, chỉ tại mẹ chết nên nhà ta mới tan nát nhường này!"

Phải, một người mẹ thân yêu mất đi bao giờ cũng làm cho gia đình xiêu đổ. Bây giờ Chi mới cảm thấy hết sự thiêng liêng của chức vụ một người mẹ đối với lũ con thơ, nàng lại tiếc thương bà giáo mà đầm đìa giọt lệ.

Một lúc sau, Chi bỗng nghe tiếng ai nói khẽ bên tai. Nàng nín khóc ngẩng lên trông thì thấy người vú già đang đứng cạnh mà ngó nàng, nét mặt đầy tình thương xót.

Vú nói:

– Cô chả nên phiền như thế nữa. Sự đã rồi, có lấy lại được đâu. Cô phải lo ngay đến việc hiện tại. Bây giờ cô hãy đi ăn cơm đi rồi tôi sẽ thưa chuyện với cô.

Chi sực nghĩ đến cha nên ngơ ngác hỏi:

– Thày tôi đâu?

Vú già vui vẻ đáp:

– Quan lên tỉnh lĩnh lương; hôm nay là mồng một Tây. Quan đi vắng thực cũng hay vì nếu ở nhà thì phiền cho cô quá!

Chi như trút được gánh nặng, thở dài:

– Sao lại phiền? Vú nói tôi nghe!

– Nhưng cô hãy đi ăn cơm đi đã.

Bấy giờ Chi sực nghĩ đến dì ghẻ nên cười nhạt:

– Không, tôi không ăn cơm đâu – Ăn làm sao được. Vú nói cho tôi rõ chuyện đi đừng hỏi lôi thôi gì nữa.

Vú già kính cẩn đáp:

– Vâng, cô để tôi dọn xong rồi hãy... Mà phải chờ đến lúc bà đi ngủ đã chứ!

Nói xong, bà ta đến bên phản bưng mâm cơm xuống bếp một cách vội vàng.

Ngồi một mình, Chi bỗng sinh lo lắng. Trông ra ngoài thì chỉ thấy một mầu đen thẫm, chiếc dinh nhỏ như bị chôn vùi trong một cái hang vô cùng to lớn. Thỉnh thoảng tiếng trống cầm canh đột ngột nổi lên, nghe có vẻ ghê rợn, âm thầm.

Nửa giờ sau, vú già mới dọn dẹp xong và ở dưới bếp chạy lên nhà trên. Sau khi đã sang buồng bên cạnh xem bà huyện còn thức không bà ta mới trở vào chỗ Chi ngồi sẽ nói:

– Bà ngủ rồi, thằng xe nó đi theo quan. Ở nhà chỉ còn có cô với tôi, chẳng ai nghe trộm được nữa.

Rồi không để cho nàng kịp hỏi, bà ta vội hạ thấp giọng xuống nói ngay vào chuyện:

– Tôi mới ở với quan được một năm nay nên không biết cô. Nhưng vì quan và cậu Quý vẫn nhắc đến cô luôn nên tôi cũng biết là cô đi. Mà xem như quan vẫn có ý ghét bỏ cô, vì mỗi khi nhắc đến, quan thường nói – xin phép cô: "Hừ! con đĩ ấy lại mê thằng nào mà đi theo nó chứ gì! Nó đã khỏe tân thời đởm thì tao cho nó biết thân!"

Quan đối với cô thì thế, nhưng cậu Quý thì khác hẳn. Lắm khi tôi làm cơm dưới bếp, cậu ấy thường lân la hỏi chuyện, cậu ấy nói những câu đến buồn cười. Nhắc đến cô, cậu hay nói: "Chị tôi yêu tôi lắm cơ. Tôi nhớ chị tôi quá, không biết chị tôi ở đâu bây giờ?" Rồi cậu ứa nước mắt khóc...

Vú già thấy Chi cũng ứa hai hàng lệ thì lặng im một lát... Khi nàng đã lau nước mắt bà ta lại tiếp:

– Lắm lúc ngồi nghĩ đến tình cảnh cậu mà tôi động lòng! Làm con ông huyện mà sao khổ quá. Quan đánh, quan chửi, quan bắt nhịn cơm luôn. Quần áo cũng chẳng có mà mặc; giá tôi không may cho thì đến ở trần.

Chi thở dài:

– Vú đã thương nó thế, sao không săn sóc nó hộ tôi?

– Săn sóc thế nào được. Cô không biết bà...

– Bà làm gì nó?

– Bà cấm! Tôi giặt quần áo hộ thì bà đem quẳng đi mà chửi tôi tàn tệ. Hôm nào quan bắt cậu nhịn cơm thì bà đem khóa trái cửa bếp lại...

Đấy cô coi!

Chi bỗng thốt ra lời nguyền rủa:

– Ồ! Quân độc ác! Đồ nhỏ mọn!

Vú già nhăn nhó gượng cười:

– Trời! Như thế đã thấm vào đâu. Độ trước đây bà còn cầm cả thanh củi mà bổ vào đầu cậu làm thủng một chỗ, đổ hàng chén máu. Khốn nạn, cậu ấy tái cả mặt mũi đi mà không dám khóc.

– Thầy tôi muốn cho bà ấy hành hạ nó à?

– Tôi không hiểu. Nhưng có một điều là nếu quan biết thì quan cứ làm ngơ đi chẳng thèm đả động đến.

Chi nghĩ thầm: "Cha đối với con, dù con có hư hỏng đến đâu cũng không nỡ tận từ, huống chi nó, nó nào phải là đứa đốn mạt gì. Hay là vì sợ tổ lòng thương thì nó lờn nên các cụ mới cố làm ra tàn tệ như thế chăng?" Nàng nào có thể biết được. Còn đang phân vân thì vú già lại nói:

– Ấy, chính sau cái hôm mà cậu phải bà đánh và ông bắt nhịn cơm thì cậu Quý đi tắm sông rồi...

Chi chua chát ngắt lời:

– Nói là nó đi tự tử thì đúng hơn...

Rồi nàng gục đầu vào cánh tay mà thổn thức: "Khốn nạn cho em! Đầu xanh tuổi trẻ, nào đã biết gì mà người ta nỡ giết em một cách thảm thương như thế!"

Vú già cũng rơm rớm nước mắt:

– Phải đó cô ạ! Chỉ vì bà hành hạ cậu quá nên mới hóa nông nỗi này, nhưng người ngoài thì biết đấy là đâu.

Chi lẩm bẩm một mình:

– Hừ! Con ác phụ!

Rồi sực nghĩ đến cha, nàng cười lạt:

– Tôi đã đoán ra cả... Nhưng này, vú xem thầy tôi có ý thương nó không?

– Có! Mà hình như thương lắm. Lúc mới vớt lên, quan ra bờ sông xem thì máu cậu trào ra cổ họng... (Vú già nhăn mặt) cô ạ! Không biết thấy vậy quan nghĩ đến tình máu mủ hay sao mà quan rơm rớm nước mắt. Rồi quan sinh buồn bực, gắt gỏng với bà đến nửa tháng vì nghe đâu cậu Quý có để lại cho quan một bức thư kể tội bà!

"Phải rồi! – Chi tự nghĩ, – Thầy ta thương con nhưng không dám lộ ra ngoài. Thực là một sự câu chấp đáng buồn!".

Từ lúc ấy, Chi không nói đùa. Hồi lâu thấy trong người mỏi mệt, nàng bỏ đi nằm, nhưng nghĩ đến tình kia nỗi nọ, nàng không sao chợp mắt được.

Sáng hôm sau nàng dậy sớm, đốt mấy nén hương rồi bảo vú già đưa ra bờ sông thăm mộ em, cắm hương lên nấm cỏ xanh, nàng đứng lặng yên và khóc một hồi lâu rồi mới trở về nhà sắp sửa đi Hà Nội.

Ra đến cửa thấy bà mẹ kế đang đứng hóng gió trước hiên, nàng đến trước mặt mà cười gằn:

– Bà thực là một người độc ác!

Đoạn, nàng nâng vạt áo lên lau khô nước mắt rồi rảo bước đi ra ngoài đường không buồn ngoảnh lại...

2.

Chi lững thững đi men qua một sườn đồi, trong lòng phân vân nghĩ ngợi. Biết bao sự thê thảm đã xảy ra trong đời nàng. Tủi thân, nàng ứa nước mắt khóc một mình.

Duyên cớ vì đâu mà nàng khổ?... Phải chăng chỉ vì mẹ nàng mất đi, phải chăng chỉ vì cảnh dì ghẻ con chồng nên em nàng mới chết oan mà nàng thì từ bấy nhẫn nay, chiếc thân đầy đọa...

Sự đó đã qua rồi nhưng nàng thực lấy làm ghê sợ cho những gia đình mẹ gà con vịt. Mà nàng ghê sợ bao nhiêu thì nàng lại cần phải tìm Tú, tìm Ân để lập lại cuộc đời bấy nhiêu.

Nàng đoán rằng Tú chỉ về quê nội, nên quyết tâm tìm đến. Ở trên xe lửa xuống, nàng lủi thủi đi bộ về làng; nàng hơi yên dạ, tin rằng từ nay trở đi nàng sẽ được sung sướng vì hóa công chả nhẽ còn bắt nàng khổ đến đâu?

Gió chiều hây hây thổi phấp phơ tà áo, hơi gió mát như thấm thía vào cơ thể khiến nàng khoan khoái dễ chịu. Ngắm những cây xanh tốt trên ngọn đồi vắng, nàng tự nhủ một mình:

– Phong cảnh nên thơ thế này mà những đêm trăng sáng vợ chồng dắt nhau lên đây hóng mát thì còn gì thú hơn.

Nàng lại rảo bước đi như để mau gặp Tú, gặp Ân, lòng hồi hộp tưởng đến sự cảm động khi được họp mặt với chồng con.

Qua cổng làng, Chi hỏi thăm mãi mới tìm thấy nhà Tú. Đứng trước cái cổng gạch rêu phong cũ kỹ, Chi ghé nhìn vào trong sân

thì một cảnh rất cảm động khiến nàng rưng rưng nước mắt: nàng thấy Tú ngồi trên chiếc chõng tre tỳ tay vào chân nét mặt rầu rầu. Bỗng thằng Ân mếu máo hỏi:

– Mợ em đâu?

Tú không nói gì chỉ ứa nước mắt khóc.

Chi không nén được cảm động vội xô cổng chạy vào ôm chầm lấy con rồi khóc, bảo Tú:

– Anh tệ lắm! Anh nghĩ nhầm. Anh thương em thế thì thà giết em đi còn hơn. Anh thử tưởng tượng xem cái cảnh thương tâm của con mèo bị người ta bắt mất con, con chim người ta bắt mất vợ. Chúng nó đau đớn thế nào, kêu là thảm thiết thế nào thì em cũng khổ sở như thế... Anh! Sao anh lại cứ làm khổ em mãi.

Tú vừa ngạc nhiên, vừa hoảng sợ mặt tái dần. Chàng nắm lấy tay Chi:

– Anh nào muốn thế, nhưng anh đê hèn lắm rồi không xứng đáng làm chồng nữa. Vả lại nếu em lấy anh thì em sẽ khổ, anh mong rằng em trở lại với Lương.

Chi nức nở:

– Anh không hiểu cho lòng em. Nếu em muốn sung sướng một mình thì em đã lấy chồng rồi còn đâu đến nay. Nhưng em đã chán hết cả, sau lúc xa anh, em có còn thiết gì nữa đâu. Trời ơi, em chỉ có thể yêu anh được mà thôi. Em không thể trao lòng em cho người khác. Bởi vậy em đang thù oán anh mà được tin anh, em thấy anh khổ và ăn năn hối hận, thì bao nhiêu lòng thù oán bỗng tiêu tan đi hết. Cái đêm hôm ấy thực là một đêm cay đắng nhục nhã cho đời em nhưng anh thử nhớ lại xem lòng chúng ta có thể hồi hộp mê đắm hơn được thế nữa không!

Tú thở dài:

– Nhưng anh đã ích kỷ... anh đã hèn nhát...

– Thôi sự đã qua, anh nhắc lại làm gì? Em...

.....*

---

*. Bị mất một đoạn chưa khắc phục được – xin cáo lỗi cùng bạn đọc.

một đóa hoa sắp héo khô mà bóng mây chiều tưới cho một giọt sương trong mát.

Nàng nín lặng một lúc cho bớt cảm động rồi lại say sưa:

– Anh thương em đi! Yêu em đi! Đừng để em khổ nữa. Tình yêu... tình yêu thứ nhất. Ta chỉ yêu được một người mà ta đã trao cả tâm hồn cả cuộc đời...

Lúc ấy mảnh trăng đã lên đỉnh đầu. Bên vườn, lá tre xao xác theo làn gió nhẹ nhàng mát mẻ. Trời trong vắt, không một làn mây gợn. Vũ trụ bao la như một trái tim to rộng, trong đó bao nhiêu sinh vật đều như hồi hộp rung động làn ánh trăng trong. Nhưng hai người ngồi nép bên nhau, say đắm nhau, nín thở nhìn nhau như lãng quên hẳn tạo vật tuyệt vời.

(Theo bản in của Nxb Hương Sơn – Hà Nội)
1935

XUÂN DIỆU
(1916–1985)

Tên thật là Ngô Xuân Diệu, sinh ngày 2-2-1916 tại vạn Gò Bồi, làng Tùng Giản, huyện Tuy Phước, Bình Định, là quê mẹ. Quê gốc tại làng Trảo Nha, nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh.

Từng làm tham tá thuế quan Mỹ Tho (1940 – 1943), tham gia Cách mạng từ 1945 tại Hà Nội, là đại biểu Quốc hội khóa đầu của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa (1946 – 1960), cán bộ biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam những năm đầu kháng chiến chống Pháp, trong ban biên tập tạp chí Văn nghệ (1948 – 1954) của Hội Văn nghệ Việt Nam. Là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957), ủy viên Ban Chấp hành và Chủ tịch Hội đồng thơ của Hội. Được bầu là Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm Nghệ thuật CHDC Đức (1983). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt I (1996). Ông mất tại Hà Nội ngày 18-12-1985.

Xuân Diệu sớm yêu văn học và làm thơ từ rất sớm. Hai tập Thơ thơ (1938) và Gửi hương cho gió (1945) đưa ông lên đỉnh cao của phong trào Thơ Mới 1932 – 1945. Tập thơ Ngôi sao của ông được tặng Giải thưởng 1954 – 1955 của Hội Văn nghệ Việt Nam. Xuân Diệu viết nhiều thể loại: thơ, trường ca, truyện ngắn, bút ký, phóng sự, phê bình – tiểu luận, dịch và giới thiệu thơ nước ngoài... Ông để lại 15 tập thơ, nhiều tập lý luận phê bình, đặc biệt là 2 tập Các nhà thơ cổ điển Việt Nam đánh giá phân tích hầu hết các nhà thơ cổ điển của dân tộc, từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương... đến Đào Tấn, Tản Đà, Trần Tuấn Khải.

Trong bản kê tác phẩm của mình, Xuân Diệu xếp tập Phấn thông vàng (1939) vào thể loại truyện ngắn, nhưng ở bìa trong của tập sách thì không ghi là thể loại gì. Thực ra, tính chất truyện truyền thống ở đây là rất ít, đúng như tác giả viết ở đầu sách: "Những truyện này không có chi là truyện cả... Ở đây chỉ có một ít đời và rất nhiều tâm hồn, họp lại thành bao nhiêu nghĩ ngợi bâng khuâng..." Ở đây chỉ có những xung đột, những cung bậc khác nhau của tâm trạng, có thể nói là những độc thoại nội tâm của nhửng kẻ đang yêu.

Chúng tôi trích một số "truyện" trong tập ***Phấn thông vàng*** *nhằm cung cấp bạn đọc một khía cạnh khác của dòng văn xuôi lãng mạn Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XX.*

*

PHẤN THÔNG VÀNG

(truyện ngắn)

Họa sĩ đến đó, trong giờ đẹp nhất của buổi chiều. Trưa đã đi, ngày chưa ngã, sắc nắng ở giữa màu vàng héo và màu đỏ tươi.

Ấy là một buổi chiều hè, khi nắng chín muồi nhưng còn lâu chưa rụng, ngày như đứng sững để cho sắc vàng đừng trôi chảy hay đổ xiêu; một sắc vàng không rực rỡ nhưng nguy nga, tưởng đã yếu nhưng thực mạnh thầm, lâu dài ngân nga ở trong không khí.

Họa sĩ mê mẩn làm sao! Rừng thông to lớn, chân cây vững trồng, tiếp nhau không hết. Buổi chiều vàng, có lẽ ở đâu thì chỉ xinh đẹp; ở đây rừng thông, chiều lại thêm lực lưỡng; sự sống không phô bày rõ rệt quá như trong buổi sáng hay buổi trưa, nên thịnh vượng mà có duyên.

Dừng chân đã được một chốc, nhìn lên trời và ngắm chung quanh, họa sĩ nghe trong lòng thơ thới. Linh hồn chàng nở dãn, lập tức cái giá đặt xuống đất, khung vải để vừa tầm, và hộp màu mở ra. Chàng bắt đầu họa.

*

Chiều với rừng lặng lẽ; nhưng sắc vàng phảng phất âm thanh, nắng là một sự hiển hiện rõ rệt và đều hòa, tưởng có thể gõ vào không khí ở trên đầu để nghe sự lặng im rung rinh, xao xuyến. – Có lẽ ai nấy cũng đã gặp chàng họa sĩ tóc đen ấy chứ; nếu không thì hãy tưởng tượng đi, và luôn tiện, hãy hình dung cảnh rừng thông. Cảnh có lẽ ở bên Tàu, và người có lẽ ở bên Tây, nhưng chuyện này không cốt nơi chỗ ở, hay chỉ cốt có một chỗ ở; lòng người.

Chàng trai trẻ đứng quệt những màu lên vải, đôi mày nhíu lại chăm chú vào tranh.

Nhưng chàng không thể không cô đơn, khi thấy rừng đẹp, hình thông bóng nắng sẵn sàng làm khung cho một cảnh tự tình. Và lần này, chàng lại buồn rầu thêm một lần nữa.

*

Chàng không xóa được trong lòng chàng một hình ảnh. Ba hình ảnh thì đúng hơn; nhất là hình sau cùng, nõn nà mà đơn độc. Thanh niên của chàng quá xấu số với tình yêu; ba cuộc tình duyên chỉ để lại cho chàng những cay đắng.

Lần đầu, người chàng yêu chỉ coi chàng như một người bạn, thua nữa, như một người anh. Lần thứ hai, người ta lãnh đạm hẳn với chàng. Giá ai đâu gặp cảnh ấy, họ sẽ thôi yêu, là xong. Chàng, chàng vẫn dõi theo, không chịu thả. Chàng nghĩ rằng hễ yêu thì sẽ được yêu lại, đâu biết rằng sự cố nhiên của lòng mình không cố nhiên chút nào cả, đối với đời.

Và mất bao nhiêu thì giờ, những mơ ước hão, những nhớ thương hoài, những sự gây dựng không đâu của tình bất mãn. Rồi có ngày cũng phải biết: người ta đi lấy chồng.

Đến lần thứ ba. Sau khi đau khổ ê chề, lòng trẻ trai lại thử sống lại với mùa xuân, bởi vì mỗi khi đi vẽ ngoài đồng, họa sĩ nghiệm rằng lá non mũm mĩm quá. Chàng lại thấy tình yêu mượn hình một người tuyệt sắc, một nữ thần có tóc óng dài và thân hình như tượng xưa.

Người yêu mới cũng yêu chàng. Khi nàng ấy vừa mỉm nụ cười đầu tiên, chàng nói: đời chàng đã tới đích; và khi nàng mở lời dịu ngọt, chàng biết tình yêu của mình đã trọn vẹn về người này. Họa sĩ mê đắm quá; nàng mới tỏ ý cùng yêu mà chàng liên tưởng đó là lời hẹn đời kiếp với nhau.

Thực chàng chỉ đợi một chút yêu trả lại để tung cả linh hồn bị nén bấy lâu, huống chi vị nữ thần của chàng "cũng yêu chàng lắm". Hai lần thất bại, chàng họa sĩ đa tình – một thi sĩ không làm thơ – đâm đầu vào tình yêu, không thể đo đắn gì, cũng như kẻ bị nhử nhiều lần, bèn quyết xông vào cướp lấy bánh. Kẻ khác đời không khi nào giao thiệp với người thường mà khỏi chếch mếch, nhất là trong truyện tình. Họ ở cao quá chăng? Có lẽ...

"Và sắc đẹp chỉ làm bằng cẩm thạch", câu ấy dường như đúng với người giai nhân. Sau bao phen ráng hợp nhau, chàng họa sĩ phải ngậm ngùi rời nàng, không muốn kéo dài sự sai lạc của bản đàn

nữa. Hai người rất muốn chung hợp, song đã không ăn ý, thì thà rời nhau để còn có thể nhớ lại mà thương nhau; Nếu cố gắn, cố gần, e rồi đến ghét nhau mất.

Và chàng đi, hết chốn nọ đến chốn kia, dạo nỗi bất mãn của mình qua nghìn sông núi. Chàng tự nói đi tìm danh sơn thắng cảnh, nhưng thực chỉ đem nỗi thất vọng cùng đi giữa thế giới của cảnh và của người. Chàng thấy hết rồi, lòng mệt mỏi và trống không như một tòa lầu bị cướp.

Chàng đã trút bao nhiêu âu yếm còn lại – còn lại nhưng vẫn nhiều lắm – cho vị nữ thần của chàng; và chàng phải thấy rằng có khi linh hồn không đi đôi với nhan sắc. Lòng chàng mệt mỏi; ba lần cho, ba lần mất, dốc cạn hết cả nhụy lòng. Những kỳ hương dị sắc của tình chàng đã trút vào đâu đâu, bay đi trong một luồng gió rủi, để chàng thất tình như một người triệu phú bỗng dưng chỉ còn hai bàn tay không.

Và chàng đi, và chàng đi, vì mỉa mai thay, chàng vẫn còn khá tiền để trả những chuyến tàu. Và may sao chàng đa tình kia lại là một họa sĩ.

Những tranh chàng vẽ, dầu rằng đẹp, song không có tinh thần sự sống, sắc màu không hồi hộp niềm yêu. Khi người ta quá lên cao, người ta càng xuống thấp; chàng đã tin lắm, nên bây giờ chàng thấy hết, hết rồi. Chỉ còn đôi bàn tay chúng tô hình sắc một cách thờ ơ.

Có đổi khung cảnh, mà sầu tình vẫn không thay; ba lần, ba lần thất vọng! Chàng đã có tài phục sinh, nhưng còn gì đâu, sau lần mà chàng đã quyết là cuối cùng? Và những người chàng gặp trên con đường phiêu lưu vạn dặm phong trần chỉ làm chàng ghê sợ.

Hai, ba năm rồi, họa sĩ thất thơ như vậy. Và ngày ấy, đến một chỗ trong xứ lạ, chàng nghe nói có rừng thông ở xa kia, bền vững đã lâu đời. Mùa hè rực rỡ, chàng bèn tìm đến vẽ tranh.

Nhưng vẫn thấy lòng chàng đã hết rồi, hay là chàng tưởng thế.

Bởi vì chiều nay, lòng chàng lại tái phục sau ba năm giả vờ chết.

Bởi vì trí ta ảnh hưởng tới lòng ta, làm sai sự thực rất sâu kín; chàng trai trẻ nghĩ rằng lòng chàng phải hết, nên lòng chàng tuy vẫn thầm còn, mà không lộ được kho sống giấu chôn.

Bởi vì chiều nay, rừng thông vừa chín, và sự tình cờ xui chàng đến đó, và cũng sự tình cờ xui ngọn gió đến đây.

Họa sĩ đương thẫn thờ thờ kính sự lắng im của rừng, thì bỗng đâu veo veo những tiếng trùng trùng điệp điệp. Gió đổ qua muôn ngọn thông, tai họa sĩ nghe muôn tiếng một lần, gồm thành một tiếng rậm và nhiều, rào rào êm ái, và ly kỳ thay! Phấn vàng ở đâu nhẹ tuôn bay xuống, quả là một trận mưa phấn vàng, vì tiếng thông reo đã giống sẵn tiếng mưa.

Bấy giờ họa sĩ mới hiểu, nhớ lại những bài cách trí nói về mùa hoa thông chín, gió tải nhị vàng đem đi, khiến dân núi gọi là mưa lưu huỳnh. Không gian đã thành một điệu vàng mênh mông; nắng vàng nhuộm vàng những cây, và phấn thông vàng lẫn vàng trong nắng.

Nhị vàng của thông, ồ! Tình yêu của thông đó chăng? Gió hơi se, rừng thông rún rẩy, tiếng ngàn hữu ý, khi trời thành một sự đổi trao, muôn cây chắc đương khoái lạc vì đương sống việc ái tình, đó là nhị thông thoát hoa đực bay tìm hoa cái. Rừng thông sung sướng, ái tình tản mạn ôm ấp không gian: ấy là rừng thông đang yêu...

Tình yêu dồi dào gấp mấy của loài người! Phấn thông vàng không đi có chỗ có nơi, mà khởi hành một cuộc viễn du vô hạn. Gió chở đi qua trời rộng, nhị của thông đầu rừng lại đến gặp thông cuối rừng, và tất cả nhị của thông rừng này đi đến một rừng thông nào khác. Họa sĩ bất giác nghĩ đến những quả bắp nếp khi nhỏ chàng ăn, miệng vừa nhai, trí vừa không hiểu sao ở giữa những hàng hạt trắng tinh lại có lổ đổ những hạt đỏ khác màu. Có gì lạ! Nhị hoa bắp tẻ đã bay đến trong vườn bắp nếp. Tuy nhiên vườn nhà bên cạnh không có một cây bắp tẻ, có lẽ suốt cả làng cũng không có một vườn bắp tẻ nào, nhưng ở xa, rất xa xôi, thế nào cũng có những hoa bắp tẻ đã cho nhị phiêu lưu, trải dặm ngàn để đến thành những hạt ngọc vàng nạm giữa những hàng ngọc trắng.

Tình yêu của loài cây xa xôi, viễn vọng như thế, không tính toan gần gũi như của loài người. Hoa thông để nhị vàng chảy ra tự trong lòng, và chỉ biết chừng nấy. Có một việc, là yêu, là gửi đi, là cho. Phấn thông sẽ đến, sẽ không đến? Kể làm chi!

Nhị vàng mênh mông, tràn đầy, dư dật, cùng nhau viễn hành, rắc vàng khắp nơi. Phấn thông vàng đi đến sự vu vơ. Có lẽ ở đằng chân trời, một rừng thông chưa chín hoa, đang đứng chờ nhị của rừng thông này đến. Cũng có lẽ bên kia trời, chỉ có sự vô định của một làn mây.

Gió đem đến giữa lòng ấm áp của hoa cái thì nhị sẽ thành những quả vĩnh viễn đời đời, mà gió đem vào sự trống rỗng hay vào chốn bùn lầy, cái ấy tùy lòng gió.

Vả lại, tình yêu có bao giờ mất! Phấn thông vàng không gặp hoa cái chăng, thì phấn cũng đã làm lộng lẫy không gian trong một buổi chiều nọ. Sự phung phí đã thành mỹ thuật. Trời đã thêm xinh đẹp, phấn thông vàng không hề uổng công.

*

Và chàng họa sĩ đã ngửng đầu hứng lấy bao nhiêu nhị vàng từ trời tỏa xuống trên mái tóc đen, và chàng đã mở lòng nhận lấy bài học ngụ trong bài thơ của phấn thông vàng. Ờ, sao chàng không phung phí như thông? Sao chàng nghĩ chi đến sự thiên hạ nhận? Chàng yêu, không đủ sao? Thấp thỏi gì hơn sự chọn lựa, tính toan, yêu để mà được! Những tâm hồn như chàng phải chỉ thấy có tình yêu và không nệ đến người yêu. Chàng không xấu, không già, tuổi trẻ và sắc đẹp của chàng xứng đáng với tình yêu lắm, và lòng chàng: một suối ngọt, một vườn thơm.

Miễn lòng chàng yêu; miễn tình chàng đẹp. Gặp lòng một tri kỷ, tình chàng sẽ ấm áp, gặp sự vô tri của một người lãnh đạm, tình chàng sẽ lạnh lùng. Nhưng có bao giờ hết đẹp đâu! Sao chàng lấy cớ thất bại để giảm mất thú yêu, để làm sai lạc tình cảm? Đến hay không, đó là công việc của gió; đời là một cuộc đánh số, thì ái tình cũng là một sự rủi may.

*

Mà rừng thông kia có bao giờ không trái? Hoa đã gặp hoa, tình đã gặp tình. Nhờ phấn thông rất nhiều, nhiều quá sự cần thiết. Nếu phấn ít thì sự mất mát sẽ thua thiệt, nhưng phấn hằng hà sa số, thì vẫn có một phần khá lớn đến nơi...

Chàng thất bại ba lần, lần thứ tư sao lại chẳng là một lần thắng cuộc? Sao chàng không thử mười lần, một trăm lần nữa? Mười phen yêu, ít nữa cũng hai phen gặp, một trăm phen yêu đã cho ta hai mươi phen gặp rồi. Và vẫn cứ còn đủ một trăm tình yêu!

Chỉ sợ ta nghèo, không đủ tình để phung phí. Ta không thèm nghĩ sự thiên hạ cho lại, nhưng ta cứ cho, tự khắc thiên hạ cũng đem đến cho ta. Mà nếu thiên hạ không cho, thì đã sao chứ? Phấn thông vàng đã làm đẹp không gian, tình của ta sẽ thêu mộng cho tấm vải xoàng xĩnh của cuộc đời, bầu trời sẽ vang động những tiếng đàn hát, những phấn vàng của lòng yêu; và cuộc đời, nhờ bọn đa tình, sẽ kém bề hững hờ nhạt tẻ...

*

Trời ơi, chàng họa sĩ sung sướng quá khi nghĩ xong những điều đó, vội vàng chạy về quán trọ để rồi tìm lại cuộc đời, lăn vào sự sống mà yêu, yêu... mà cho, cho tất cả lòng tươi thắm của chàng, ba năm ròng chàng tưởng đã cạn rồi, nhưng kỳ thực vẫn là một nguồn vô tận...

Và khi những bước hồi hộp của chàng trai chạy đến cuối rừng, chàng suýt mê ngã trên cỏ xanh, vì thấy trên trời bao la, phấn thông vàng đương bay lan trong tám hướng của cõi đời.

Năm 1939

*

CÁI DÂY KHÔNG ĐỨT

(truyện ngắn)

Trong thành phố 24 tháng 9 năm 1937

Em Thu

Thế sao em? Em đã hết với anh? Thực chăng? Anh thấy như đã thực lắm rồi, lời của em sao mà đoạn tuyệt! Nhưng Thu hỡi, anh vẫn mong còn dư lại ít nữa là một chút yêu thừa để em còn

chịu đọc những lời biện bạch sau đây, và để em còn đoán nghe sự đầy tràn trong tiếng gọi "em", trong bức thư này mà anh tin không phải là bức cuối cùng, và vẫn gửi nhờ con chim xanh nhỏ.

Hứa không kinh ngạc đâu. Thu ạ. Anh chỉ đau đớn thấy sự thực của lòng người; – nhưng mà anh cứ kể chuyện này cho em nghe, Thu nhé?

*

Đời xưa, có một nhạc sĩ (anh chắc là Bá Nha) có một dây đàn quý báu, đẹp đẽ vô cùng. Một dây đàn xinh xắn như gồm bằng tơ bóng giăng, một dây đàn bằng loại kim hiếm hoi, đáng giá không biết bao nhiêu vàng bạc. Vì ban ngày thì chói một trăm sắc, và ban đêm tự nhiên sáng, có hào quang.

Nhạc sĩ biết rằng sợi tơ kia mỏng manh, chỉ nên để mà thờ, mà ngắm. Nhưng chàng cần phải đàn một điệu nhạc mới, thần tiên, kỳ ảo, làm rung động được mặt trời và xê xích được mặt trăng. Chàng thấy nhất quyết phải gảy nên Điệu Ca-Lửa-Nồng mà chàng đã bỏ cả tâm hồn để sáng tác.

Thế rồi dây đàn lên tiếng dưới ngón tay mê, ngón tay cảm xúc quá nên nóng như lên cơn, làm cho dây đàn cũng phải lây sự sống. Nhạc sĩ đương lúc hăng hái vì thiên tài đẩy xô, cứ nhíu mày nắn những giọng cao, rất cao, quá cao, quên cả rằng dây đàn của mình chỉ là sợi tơ bóng nguyệt.

Cho nên, cho nên dây đàn đứt, cũng như... cũng như dây của lòng em Thu...

Thu mỏng manh của Hứa ơi! Đáng lẽ anh cũng chỉ nên ngắm nghía phụng thờ em, chứ đừng bắt em yêu mến. Dây đàn thì nhỏ mà điệu nhạc thì cao, lòng em thì yếu mà tình anh thì mạnh, tránh sao cho khỏi chếch mếch! Anh đã khờ quá! Mê bản đàn nên làm đứt cả dây tơ. Nhưng em Thu ơi, em có hiểu anh chăng? Em hiểu chăng sự thực của ái tình nó khác với sự thực của lòng người: lòng chúng ta thì muốn yên, nhưng ái tình thì hiếu sự. Ta không phân biệt tình với lòng, khi lòng ta đã biếng nhác, muốn nghỉ ngơi, ta nói: tình yêu đã hết; nhưng chính tình yêu không thèm ở nữa trong một tấm lòng mệt mỏi, tình yêu bỏ mà đi đấy thôi! Lòng người và tình yêu là hai

sự thực khác nhau và đối nhau, một đằng chỉ riêng ưa sự lỳ lợm, sự bình yên, một đằng muốn lay chuyển, nổi sôi, cử động. Lòng người như vật chất luôn luôn sắt đá, chích chích chi chi. Ái tình như sự sống làm việc luôn, nồng cháy luôn, và xây dựng cho vật chất. Phải, lòng người như đất, chỉ cốt nằm ỳ, ái tình là ý xuân, bắt sự biếng lười phải hăng hái, bồng bột lên, để sinh sắc hương, hoa quả.

Anh yêu dở, vì không hiểu lòng người; em cũng vụng yêu, vì không thấu ái tình. Mà chúng ta đã cốt "yêu nhau", thì chúng ta phải yêu nhau theo ái tình chứ! Cái dở của anh rất đáng tha thứ, mà có lẽ lại là cái hay: anh phải được lòng người để đi xuôi theo ái tình.

Thực vậy, chúng ta đều muốn êm đềm bình tĩnh, chẳng phải nhọc nhằn. Nhưng khi đã yêu! Tình yêu có ngủ đâu!

Đó là nỗi kiếm tìm, ngờ vực, đòi hỏi, van xin, đó là sự ghen tuông, đó là cách chinh phục. Em cười anh chính vì muốn tìm sự vững bền mà lại làm nên sự gãy đổ, nhưng anh tìm cái vững bền của tình yêu, thiết tha, đỏ thắm kia, chứ cái lâu đài mà nhạt nhẽo, anh có tìm làm chi!

"Em thấy yêu anh thì nói yêu anh", nhưng một lời nói không phải là một cái gối ta cứ dựa đầu mãi. Em yêu anh, nhưng tình em cho có phải là một gói bạc ta cất được vào rương, khóa kỹ, niêm phong, bỏ vào buồng, rồi đóng cửa ngủ yên sao? Tình em cho hôm nay, ngày mai chắc đâu như cũ? Bảo anh không phiền hà em sao được; tình yêu mạnh hơn lễ độ, đã yêu nhau thì hóa làm rầy nhau. Em mất tự do, nhưng kẻ lấy không phải là anh, mà chính là tình của chúng ta, và anh, anh cũng mất tự do, và cũng không phải em lấy. Hai người đều vui lòng chịu sự trói buộc của tình ái, để được cái thoát ly, thoát ly khỏi mọi điều cặn bã thấp kém của đời thường.

*

Em Thu, nỡ không hiểu anh đến thế ư? Em nỡ cho rằng anh tra nạ, dằn vặt em, nhưng khi người ta mặc kệ nhau, thì còn đâu là yêu nữa? Êm đềm, dịu dàng, ôi, nếu muốn được thế mà phải bằng phẳng như những vợ chồng ăn đời ở kiếp với nhau thì còn gì đâu!

Thu ơi, sao em không hờn anh, giận anh, ghen, nghi anh cho nhiều; em không thấy cái thú giận nhau ư? Chỉ có anh quá biết thú ấy, nên mới bị em phạt quá đáng: rời anh, đứt với anh. Nhưng đáng lẽ là một cái công mới phải! Luôn luôn thắc mắc, lo toan không ngớt, xôn xao không ngừng, yêu như thế tức là đổ dầu cho đèn sáng mãi, thêm củi cho lửa không tàn, yêu như thế quả là xe thêm tơ chỉ cho sợi dây thêm bền, chứ đâu có phải giằng kéo sợi dây cho mỏng?

Em còn nói tình yêu là những dây tơ treo vài đóa hoa mảnh khảnh; vâng. Nhưng sự dịu dàng là mảnh khảnh hơn hay sự nồng nàn là mảnh khảnh hơn? Giữ sự dịu dàng là trò chơi, chứ giữ sự nồng nàn là một điều khó, vậy thì "đóa hoa mảnh khảnh" vốn là sự rạo rực của Hứa, chứ không phải sự bình tĩnh của Thu.

*

Thôi, Thu của Hứa chịu thua rồi. Anh biết lắm, em Thu chỉ nhọc một chút đó thôi, em Thu đương nhức đầu đấy chứ gì. Chỉ một ngày sau hay một tuần sau, anh lại thấy Thu nồng nàn gấp mấy khi trước, vì bây giờ ta đã hiểu nhau.

Em Thu không phải một kẻ khác thường sao? Em Thu không phải một linh hồn đắm say, mê mải sao? Có lẽ nào! Mắt em Thu lớn, và sáng, và lộng lẫy thế kia mà! Không, anh quyết sự này chỉ là một cuộc bất hòa nhỏ nhặt đấy thôi. Phải không em, nếu động bất bình với nhau mà rẽ nhau, hết với nhau ngay, thì ở trên đời, chẳng có đôi cặp nào cả.

Thu cười đi, em thua rồi đấy nhé. Nhưng Hứa chẳng được đâu, Thu ạ. Bao giờ cũng thắng cuộc, ấy chính là tình yêu của hai ta.

Người tha thiết
HỨA

Năm 1939

*

SỢ

(truyện ngắn)

Đôi mắt nàng nhỏ và Tàu. Mi mắt hơi xếch lên, màu xanh trong không khi nào mở rộng để ngạc nhiên hay giận dữ. Và hẳn không có những chấm vàng điểm lửa như "những chiếc cổ thuyền chạy trốn ở trên bể cả mênh mông".

Những lông nheo dài óng ả, uốn cong lên, chỉ thêm một vẻ tương phản đặc biệt, xui những người nhìn càng bối rối thêm. Mặt đẹp cô Phi che giấu một linh hồn luôn luôn ở trong thầm kín mơ hồ. Mà cả đôi má hồng chỉ phơn phớt bình minh, cả nét môi chúm lại chỉ thắm vừa vừa, cả khuôn mặt nhỏ nhắn cám dỗ người, cũng Á Đông như cô Phi e lệ.

Phi đã mười tám tuổi, nhưng vẻ đơn giản của nàng gần như là sự ngây thơ. Thực ra, nàng cũng đã biết yêu rồi; ái tình ở xã hội đời nay làm quảng cáo khắp cả mọi nơi, người ta thở nó cùng với không khí. Lòng nàng êm, êm biết mấy, mỗi khi nàng thêu đôi chim nhạn hay một cành mai trên áo gối, và dịu dàng đan hai chữ *Ngủ Ngon*. Nhưng Phi nghe ái tình như một bóng trăng; lòng nàng bảng lảng sương mờ, nàng cũng không đủ chú ý để gọi tên sự mới mẻ vừa đến trong ấy.

Có một điều chắc: Phi không lả lơi, bồng bột. Nàng vừa lớn lên. Nàng ít nói, tuy hay cười, – cười vừa đủ để có duyên thôi. Nàng chỉ nhè nhẹ, thơ thới, không sâu sắc, đắm mê; nàng Á Đông, Á Đông từ đầu xuống chân, từ trong lòng ra ngoài mặt.

*

Và ấy đó, nỗi thắc mắc của người yêu nàng. Châu được Phi "thương", vì Châu đã bắt đầu tỏ tình một cách rụt rè ý vị. Thương hay yêu? Ở Huế đây, người ta xô bồ trong một chữ nửa chừng. Kẻ tình nhân phải sờ trong giọng nói chữ thương, phải vào trong lõi của tiếng chập chựng thả một cách ngọt ngào, phải len vào tìm gặp ý sâu, – cũng như trong một truyện Tàu, chàng trai rón rén luồn tay trong tay áo rộng của nàng duyên...

Châu không láu táu như rất nhiều thanh niên ở Thần Kinh, họ đưa sự chòng ghẹo đến sự vô lễ. Khởi sự yêu, chàng e ấp, giữ gìn, chàng làm hèn mọn để bớt tính kiêu hãnh tự nhiên. Mà nhờ vậy, không gì hợp với lòng Phi cho bằng lòng Châu, – lòng Châu khi bắt đầu yêu mến.

Khi biết nhau, hai người chỉ cần trao đổi những lời đại khái – "chúng ta trẻ, mùa xuân đẹp, và tình yêu thiêng liêng" – nhưng khi sống vài ngày với nhau, trời ơi! Nàng không đồng ý với tôi nữa: mặt trời của tôi đỏ mà lại vàng, có pha một chút xanh và có hòa một chút tím, còn mặt trời của nàng thì chỉ đỏ mà thôi!

Buổi đầu từ biết đến yêu, Châu và Phi đồng một niềm dịu dàng êm ái. Có Châu, Phi khoan khoái, thấy sự sống dễ chịu và xinh hơn. Có Phi, Châu nghe tâm hồn phơi phới như một làn gió hẩy. Châu vừa là một anh lớn của Phi, vừa là một bạn ngoan, vừa là một người yêu, Phi yêu Châu lúc nào không biết, đến khi biết, thì Phi đã yêu rồi.

Châu thì biết lắm. Chàng thấy rõ chàng yêu. Cái đơn sơ của chàng chỉ là sự rụt rè, sự ngạc nhiên vì chưa tin được rằng có kẻ yêu chàng. Hai người rất hợp nhau: lúc đầu tiên, những đôi cặp chỉ kịp nghĩ rằng người này yêu người kia, mỗi bên đều bận về việc "có một người mến yêu", và chưa tưởng đến cách yêu mến.

Sự rung động của nàng, Phi cũng biết đó là ái tình. Nhưng nàng yêu chính vì thấy lòng nàng thích trong bầu không khí mới này, cũng gần đồng loại với cái thích dưới một sáng trăng. Nàng có tình một cách vô tình, như trẻ con, như đàn bà. Nàng không viển vông, không nghĩ ngợi, nhất là không biết đến cái triết lý hứng khởi của tình yêu. Yêu là dễ, yêu là thường: một cách ăn cơm, một sự đẩy xô của trời đất.

Thực nàng không xét, không rõ; nàng phớt qua trên mặt, nàng không đến trong tim của ái tình. Vậy đó, nàng yêu như vậy đó, cũng như nàng lia ngón tay đẩy cây kim luồn trong vải, kéo theo sợi chỉ trắng nó lẩn trong áo trắng; ngồi may mà không nghĩ rằng mình may...

Mà làm sao nói được thứ mù mờ trong lòng Phi, trong lòng Á Đông, vâng của xứ Á Đông nhác lười, bơi trong sự mang mang diêu

diêu, làm việc cũng như nằm mơ, không dò la, lục soát, không tự biết, huống chi phân chất, giải phẫu tình yêu!

Chả trách Châu buồn, ngay tháng sau, khi chàng đã nhiều bận gần Phi. Nàng yêu chàng chứ sao không; không yêu sao lại tiếp chàng, dầu phải dùng đến mưu mô giấu giếm. Không yêu sao lại nhớ, sao lại nằm chiêm bao; nói như Phi, "không yêu sao lại... sao lại gì, anh biết lấy".

Mà Phi yêu Châu, đó càng là một lẽ để Châu yêu Phi càng hung. Chàng bồng bột thanh niên; sung sướng hay âu sầu, chàng đều lộ mà không che. Và bởi vậy, có lần chàng đã chịu tiếng oan: lơi lẳng.

Vẻ điềm tĩnh của Phi khiến chàng mất trí bao nhiêu lần. Phi đẹp mà ẩn nhan sắc, đẹp bắt người ta phải tìm. Ôi, cái miếng đất ở trong linh hồn Phi, miếng đất chắc chưa ai vào được! Ôi bí mật của bình yên! Lẽ nào lòng Phi chỉ có sự bình yên, nghỉ ngơi? Nàng không biết nàng, cho nên nàng nóng muốn biết.

Châu thường buột mồm than vãn:

– Có lẽ, có lẽ ta là một linh hồn Âu Tây lạc giữa thế giới âm ỷ, thầm trộm, giấu che này, lạc giữa Á Đông mù mịt như xứ chiêm bao, đem lửa bừng nóng để làm sôi nổi một sự thản nhiên không sôi nổi bao giờ, đem gió băn khoăn uổng công xáo trộn những hồ đứng sững.

Lời chua chát ấy, Châu không dám ám chỉ về Phi, tuy đôi mắt u ẩn của nàng bóp lòng Châu một cách vô lý. Chàng ngó xoi vào màu xa vắng của đôi mắt đẹp, làm cho Phi phải ngoảnh đầu nơi khác, và hỏi:

– Cái gì thế, anh?

Bắt đầu từ lúc này, Phi thấy Châu có hơi kỳ lạ.

Chỉ vì Châu không ngừng lại nơi sự êm dịu buổi đầu. Chàng yêu, chứ chẳng thương hay mến. Tình của chàng không như dòng sông thỏa mãn chảy vào trong một cái hồ rồi thì đứng lại để tự ngắm nghía sự bình yên. Tình chàng mãnh liệt đi phăng, tới luôn, tới trước, càng lâu càng rộng lớn, để một ngày kia ra nơi biển cả, được biết cuộc sống phong ba của những làn sóng không nghỉ bao giờ.

Chàng quan niệm ái tình như một sự tiến tới: cho thêm, đòi mãi, yêu dấu thêm luôn. Chàng không hề ghì sự mãnh liệt của lòng chàng. Chàng biết rằng hoa ái tình dễ nở dưới ánh mặt trăng, nhưng thế nào rồi cũng phải so ánh mặt trời mới có những màu nguy nga rực rỡ.

Phi, trái lại, chỉ có một tâm hồn đàn bà. Nàng ưa sự xinh xẻo, sự vừa vặn, đều đều khuôn khổ như núi Ngự, sông Hương. Nàng thực lòng yêu "anh Châu" của nàng, nhưng tình cô thiếu nữ mơ hồ điềm đạm quá. Nàng sung sướng được Châu yêu, nhưng nàng không dám thấy Châu yêu đến bực nào.

Nàng đoán rằng ở đâu đó – ở đâu hay ở trong lòng người yêu nàng? – Có một thế giới khác khác. Nàng bắt được một cảm giác riêng: tợ hồ nàng ngủ, một đêm, bỗng thức dậy giữa một chân trời đặc biệt. Nàng bỡ ngỡ, nàng lưu lạc dưới trời mới mà nàng đã thấy được một cách mù mờ.

Châu tha thiết quá, tính chàng rộng lớn và sâu xa, rất dồi dào, giàu có. Phi thấy chàng không giống Phi, tuy hai người vẫn yêu nhau. Phi bất giác nghĩ đến sự mênh mông, khi nghĩ đến tình của chàng. Phi giản dị, Á Đông đến nỗi nàng không tự biết nàng cơ; thế bảo nàng biết Châu sao nổi? Nếu Phi cứ biểu rằng đó là Châu yêu nàng rất nhiều, thì cũng không sao. Nhưng rồi nhất là Phi chỉ hay hằng có cái mới, mà không biết cái chi mới, và cảm giác ấy biến thành một cảm giác không gian: nàng tưởng mình đặt chân lên một hoang đảo nào, hay tình cờ đứng giữa sa mạc.

Một thứ ngạc nhiên điểm thêm đôi luồng rờn rợn làm nàng hơi run rẩy, mỗi khi nàng đọc thư của Châu.

*

Châu để cho chàng viết những lời rượu mạnh, không điều độ theo lẽ thường. Chàng nói sự băn khoăn khi thấy Phi chỉ êm đềm, quá luôn luôn thành ra dửng dưng. Chàng không giấu nỗi thắc mắc mỗi lần nhìn đôi mắt huyền bí. Những đoạn rối rít không có thứ lớp, nói những điều phiền phức quanh co.

Tình yêu có mực thước bao giờ! Lúc nào người ta cũng quá đáng. Người ta thơ thẩn một cách dễ dãi, và không hiểu vì sao những

điều cỏn con, những ý vụn vặt lại bỗng dưng hệ trọng lên, có thể làm ngạt được người viết cũng như người xem thư. Nhưng Phi hiền lành quá, Châu mê đắm chẳng nhằm người rồi! Phi rối vì thư của Châu, ngợp vì tình của Châu. Một lần nàng nghĩ thoáng qua: "Dễ thường anh Châu của ta hơi điên". Rồi tuy nàng rất hối hận vì ý gở và vô lý của nàng, nàng thấy sợ...

Sợ, phải rồi! Phi sợ! Chính cảm giác mờ trong bấy lâu, bây giờ Phi mới thấy. Đó là một sự thực: tình yêu nhiều làm cho ta sợ.

Có phải không, tình yêu đã to lớn, mênh mông, thì có khác gì một sông to, một biển cả! Người ta ngợp vì thấy tình nhiều, bởi vì bao giờ cái nhiều cũng làm ta tự thấy mình ít; ta không kịp ngó, ta cảm xúc không hết, ta thấy cái nhiều tràn ta, ngập ta, lụt đến quá cổ ta! Ta sợ khi nhiều nước hay nhiều trời, nhất là nhiều sắc xanh rờn rợn của không gian; huống chi nhiều ái tình, một thứ không gian và thời gian vô hình ảnh. Nếu gió mát quá làm ta ngợp sợ, thì sự quá êm đềm, quá thiết tha, quá yêu mến lại xui ta sợ sệt đến bao nhiêu!

Ai có thấy những đứa trẻ con xin bánh không? Nếu cho nó một cái, nó sẽ xin mười; cho nó năm mươi cái, nó sẽ ngạc nhiên, và nếu đưa cho nó cả một thúng bánh to, nó sẽ rợn rùng và sợ người cho nó.

Châu cho Phi nhiều quá, Phi nhận không kịp, nhận không hết, và linh hồn con gái của Phi không biết làm gì nhiều như thế kia, Phi không dám nhận nữa. Phi vẫn yêu Châu, nhưng tay nàng tự thấy rời tình, cứ muốn buông ra, để được thong thả xếp vào nơi ngực. Phi sợ!

Cái sợ mập mờ, Phi không rõ từ đâu và vì sao nhưng cần chi biết nguồn gốc mới nghe một cảm giác? Phi không dám đưa chén nước của nàng đổi lấy một bể chiều lên. Nàng sợ, nàng sợ...

*

Rồi một đêm, Phi nhận được một cái thư, lần này ngắn:

"Anh thắp đèn lên để chép cho em Phi rất yêu – mấy hàng mà anh đã đúc trong bóng tối. Phòng anh đóng kín, bóng đọng lại đen dày. Anh ngồi trong mực, xem thử linh hồn anh có sáng không.

"Nó sáng! Nó chói sáng! Nhờ mang hình ảnh của Phi.

"Phi, em Phi! Anh yêu em không biết là ngần nào: khi nói câu ấy, anh tưởng ngực bóp lại để rút đời anh ra tặng em; anh yêu đứt ruột, yêu quặn lòng, điên dại, ghê gớm, yêu tưởng giết được người, yêu tưởng chết. Em có thấy máu của hồn anh trên giấy chăng?"

Trời ơi, hai tay Phi run lên, Phi sửng sốt cầm tờ giấy nét chữ có góc như gươm nhọn. Phi hoa mắt thấy hai tay đỏ máu; nàng chùi hai tay vào vạt áo dài trắng, và nhìn...

Máu? Chết? Giết? Thật là quá vai của Phi, quá lòng của Phi, Phi không mang nổi. Chân Phi yếu lắm, gánh tình nhiều quá, Phi sợ, Phi sụp!

Nàng hết dám yêu Châu.

*

Từ đó...

Mà thôi, kể làm chi chuyện chia lìa, rời rẽ. Không lỗi của Châu, càng không lỗi của Phi.

Chỉ biết rằng Châu đã được bài học khôn, giá bằng nước mắt. Và một lần, Châu nói với người bạn thân biết tâm sự chàng:

– Tại tôi. Tôi đương nhiều lý tưởng, đầy thanh niên, tôi hăng hái, sôi nổi quá.

Nàng như một cành lá hổ ngươi, tôi không biết dỗ dành, chậm rãi, tôi chỉ giỏi mãnh liệt, mà không biết cái thuật nhẹ nhàng.

Không phải tôi thô, nhưng tôi động mạnh vào cây; lá hổ ngươi khép lại rồi, anh ạ!

Một lần sau, không biết nghĩ sao, Châu cải chính, mặt rầu rĩ:

– Nàng như con ngọc trai, chỉ hé mở khi nước biển bình tĩnh êm đềm. Tôi quá xôn xao, tôi ưa sóng gió, nên trai đã đóng lại rồi, và than ôi! Đã giữ lòng tôi lại trong ấy.

Năm 1939

*

SUỐI CÁ VÀNG

(truyện ngắn)

Suối đẹp lắm, ai ơi! Suối là con mắt, suối ngó lên trời, suối thay màu sắc, khi sáng như ngày, khi tối như đêm, (suối là con mắt của đất mở nhìn lên trời), và suối trôi đi, cũng như đời trôi mất.

Ôi suối của đất, suối vui và vui!

*

Ở thành Lâm Xanh có biết bao suối đẹp, nhưng có một suối người ta gọi *"Suối cá vàng"*. Bởi vì: Suối hồng và vàng, như một con cá vàng có màu ửng đỏ.

Và họ gọi *Suối cá vàng* cũng bởi vì: người trinh nữ xinh tươi nhất của thành Lâm Xanh mát mẻ, nàng công chúa có hai tay hồng vàng, đã tới đó múc nước vào bình ngọc, và đã nhờ suối làm chỗ ẩn thân, một chiều êm hơn mọi buổi chiều.

Và suối đã dâng lầu ngọc bích cho nàng, lầu thủy tinh lóng lánh minh châu.

Và từ ấy, đến giờ Tịch Dương, đến giờ phương tây mây ảm đậm màu và trái tim của mặt trời chảy máu vì phải chết một ít, công nương hát lại chuyện mình.

Hãy nghe ngọn sáo lau mơ hồ ở trong lau lách, – những ngọn lau mịn màng làm hàng lông mi cho suối xanh.

Hỡi kẻ đi qua, hãy lắng nghe, hỡi bạn đi qua, và kính trọng sự lặng im bao quát. Người hãy im lặng để cùng lắng nghe với sự im lặng: công nương đang hát này nghe:

*

"Chàng bỗng đến. Chàng, người tôn quí của những người tôn quí. Chàng ái tình đã đến, trong khi em múc nước suối vào bình.

"Chàng cưỡi một con ngựa câu mình trắng, móng xanh, con bạch câu sáng sủa mạnh mẽ, móng chân xanh đạp xuống, làm cho lúa mì, lúa mạch tung bật lên.

"Yên ngựa chàng ngồi đỏ như màu danh vọng đỏ; áo bào chàng mặc thêu lượn chỉ vàng; cánh bào phất phơ như những cánh thêu lượn chỉ vàng của hạnh phúc.

"Chàng đến bất kỳ, và nói cùng em:

"Ta khát. Xin cho ta uống trong đôi tay hồng của nàng, cái nước hồng có ánh vàng kia: trong đôi tay hồng của nàng, đẹp quí như vàng.

"Và em thẹn thùng, và em sợ sệt. Chàng dám nói với em người công chúa mà đàn ông gặp thì phải làm thinh. Chàng dám nói với em, người mà họ không dám nhìn thẳng mặt!

"Em luống cuống, và em phải thả lưới che mặt xuống. Và bình nước em đã múc đầy, tay em để đổ cả xuống chân em.

*

"Bấy giờ chàng bèn nói thêm:

"– Ta khát, khát chết vì nàng.

"Và chàng đến gần; em nghe trên trán em đụng cánh áo bàu thêu đẹp.

"Mắt chàng ngó làm em mê sững, nhưng con chim bồ câu cũng quyến lại con chim phượng hoàng: mắt em ngó làm chàng sững mê.

"Và chàng ngồi trên ngựa nghiêng mình xuống van xin, và em mới dám thở một chút, nhưng mà chàng vẫn cứ không đi.

"Ngựa chàng nhích tới, kiêu căng như ở giữa trận, hai chân trước giậm đất, muốn cướp phăng người em, và chủ con ngựa huy hoàng lặp lại một lần thứ ba, một lần cuối:

"– Ta khát, khát giết được người vì nàng.

"Và chàng nắm vào em để hái em đi, và con ngựa hí.

*

"Em không biết gì nữa, em lặn chìm xuống nước, mắt em nhắm lại với mắt của suối, em khuất mất trong lầu thủy tinh, và chàng, người tôn quí của những người tôn quí còn gọi văng vẳng:

"– Hỡi công nương của ta, da như bông hường hồng, hỡi công nương tay vàng mặt đẹp của ta, ta sẽ lấy nàng trong cõi chết.

"Và chàng sắp dõi theo em; nhưng em không muốn rằng chàng phải thác.

"Thượng đế đã hóa phép cho em hiện lên mặt nước thành hình con cá đỏ có ánh vàng, và em bảo:

"– Xin hãy nguôi lòng, hỡi chàng, người can đảm nhất, người cao quí và người đẹp đẽ nhất, hỡi chàng, thần ái tình; từ đây em như nước trôi, anh không sao bắt giữ em được...

*

"Song le chiều nào, đến giờ Tịch Dương, đến giờ mà trái tim mặt trời chảy máu vì phải rời bỏ cõi đời em vẫn còn nghe lời người-rất yêu van vĩ:

"Anh khát, khát chết vì tình em, khát giết người vì em.

"Và nỗi tiếc nhớ vĩnh viễn của chàng làm em đau xé.

"Hỡi kẻ đi qua, xin bảo giùm với chàng xin nói giùm chàng hãy quên em, bởi vì:

"Em muốn luôn luôn trinh tiết trong lầu ngọc tiết trinh;

"Em muốn luôn luôn trong ngần như nước trong trẻo của Suối Cá Vàng."

Năm 1939

*

SUỐI TÓC ĐẸP

(truyện ngắn)

Có phải không, suối là một dòng tóc trôi dài; một dòng tóc óng ả, mịn màng, và mãi mãi tuôn đưa, thao thao bất tuyệt.

Hỡi kẻ đi qua, không trông thấy nơi dòng suối mơ hồ dòng tóc của một giai nhân hay sao...

*

Tóc nàng thực là một kho vàng linh hoạt. Tóc nàng vừa là: Tơ láng mướt của sắc mượt óng. Tơ dịu dàng của làn cát nhẹ gợn. Tơ nồng ấm của ánh sáng mặt trời. Tóc nàng dài và nhiều, khi buông xuống thì che phủ cả thân, làm một áo tơ chít chi ánh sáng.

Ở *Lâm xanh*, thành tươi mát, người ta vì nàng khinh tất cả mọi tên thường đặt cho đàn bà, chỉ gọi nàng là Công-Nương-Tóc-Đẹp.

Và mỗi sáng sớm nồng giọng thư cưu, và mỗi đêm khuya chập chờn sóng ngủ, công nương cho tóc chạy dài trước ngực, làm màn che ấm ngực non, và rủ rỉ:

– Tóc ơi, tóc đẹp, ta vuốt ve tóc, tóc hãy vuốt ve ta. Ta lớn lên thì tóc cũng thêm, hai bên cùng một tuổi. Và tóc làm thành lưới: bao nhiêu ái tình đã mắc lưới như chim!

*

Nhân một ngày lễ thiêng liêng, mọi người đều phải tẩy trần để cho thanh khiết, ngày của hương trầm, ngày để cầu nguyện, Công-Nương-Tóc-Đẹp đi tắm suối trong.

Quanh mình công chúa, có bảy vòng cây, mỗi vòng có bảy cây lá rậm. Và ngoài hàng rào cây, lại có hàng rào người: bảy vòng người giữa, mỗi vòng bảy kẻ tỳ nô. Làm thành một bức tường biết thở và biết canh, không cho mắt ngoài xem lọt.

Công nương thì tươi cười như trẻ nhỏ, lấy hoa nhài, hoa lý kết lại thành vòng, đeo vào cổ, đeo vào tay. Rồi đứng ngâm mình dưới suối, giữ một vòng nước gợn tròn, nàng rứt hoa thả rơi từng cánh. Nàng quành hai tay lên vắt tóc, hai cánh tay cong cong yểu điệu, hợp với thân hình du dương, làm đôi quai ngọc cho chiếc bình ngà.

Mảng soi gương nước, mảng ngắm bóng mình, nàng quên không nghe chuông khua giờ Ngọ. Nàng còn mải tắm, thích ở lâu trong nước mát, ngây thơ không nhớ giờ về. Mà trưa thì nắng, cho nên vòng cây cũng ủ mà vòng người cũng ngủ quên, cùng chim say trong một giấc. Không gian yên đứng, hơi thơm nặng trĩu không lan. Và thân nàng hồng phản bóng cây xanh; và mặt trời lặng lẽ như phụng thờ nhan sắc.

*

Bỗng nhiên lau động, công nương nghẹn cổ chỉ kêu được một tiếng ngạc nhiên. Hùm beo nào, rắn rết nào xấn xổ tới đây? Không, một người xổ ra, lại nguy hiểm hơn hùm beo rắn rết.

Hắn đứng đó, trước mặt nàng, một ngón tay đặt lên miệng, ra hiệu bảo làm thinh. Hắn mặc toàn sắc xanh để lẫn với lau xanh, lẻn vào cho khỏi ai thấy. Nơi thắt lưng, lộ một chuôi gươm. Người lạ mặt nói thong dong, ngó như cầu xin mà thực thì truyền phán:

– Hỡi mỹ nữ, để cho ta ngắm tóc nàng. Tóc nàng rực rỡ như mặt trời ở dưới nước. Ta muốn lấy mặt trời ấy ở dưới nước này.

Công chúa ngạc nhiên, đôi mắt mở lớn, và đứng sững như vô tri...

Nhưng thằng người xấn đến nàng, nhạy như lửa.

Công chúa kêu to lên một tiếng, lấy tóc che mình cho khỏi lộ thân, kinh hãi quá nên lặn vào đáy nước.

Người kia dùa tay với lấy tóc đẹp, tóc đã làm hắn mê mà phải bạo gan. Tưởng tay được nắm làn mây, nhưng nhìn lại thì chỉ còn một mớ rong vàng, những sợi rong vàng óng ả mịn màng, lẻn qua năm ngón.

*

Rồi những sợi rong vàng từ ấy có luôn. Năm tháng qua mà không làm sao phai được sắc vàng kỳ ảo của mớ rong lạ lùng, như còn hình ảnh của tóc công nương, trôi chảy đâu đây, nơi dòng trong của Suối-Tóc-Đẹp.

Năm 1939

TỎA NHỊ KIỀU

(truyện ngắn)

Đồng tước xuân thâm tỏa nhị Kiều

Mỗi lần đến chơi nhà Phan, một cái gác thuê ở một phố nhẻo lánh, tôi phải đi qua "nhà dưới" qua một mảnh sân nhỏ, trèo một cái cầu thang, đi một đoạn nữa, rồi mới tới lầu ngà của anh bạn âm thầm.

Giá Phan ồn ào, nghịch ngợm, ranh mãnh lên như người ta thì hơn. Để mà được một chút vui tươi chứ! Đằng này Phan lại rất nhịp nhàng với tất cả chỗ anh ở, khiến cho tôi bùi ngùi quá, mỗi khi đến thăm anh.

Tôi biết nói cái gì trước bây giờ? Cái gì cũng buồn như nhau: con đường sắc xanh không rải nhựa, dãy phố lặng lẽ, gian nhà không chút đặc biệt của ông chủ, căn phòng không sáng sủa của bạn tôi, và nhất là ở tầng dưới, nơi tôi thường đi qua, có hai cô gái thế nào ấy. Và cái gì cũng lỡ cỡ; chúng nó xấu hẳn đi, buồn hẳn đi có được không? Mọi vật đều buồn một cách lưng chừng, xui lòng tôi cũng không đủ cớ mà buồn nữa kia, phải chịu ngùi ngùi một cách vô lý.

Đoạn đường chạy qua đó không đủ rộng để làm một đường phố, cũng không đủ hẹp để làm một ngõ hẻm; đá không chịu lởm chởm, mà chỉ hơi gập ghềnh. Nhà không chịu xấu, không chịu tồi, mà lại chưng một vẻ phong lưu nghèo nghèo một ít. Ánh sáng không chịu sáng; giữa hai dãy lầu khéo đứng để ngăn mặt trời, cả ngày chỉ là một buổi chiều dài. Ở chợ Hàng Da đương náo nhiệt bao nhiêu, thế mà vừa đi một trăm bước để vào con đường này, cuộc đời bỗng quạnh hiu, làm cho nhà cửa ngớ ngẩn.

*

Và nhất là hai cô gái con ông chủ nhà dưới. Nhất là hai nàng Kiều không kiều diễm, mà người ta cũng chẳng chịu khóa hẳn để tôi thương xót cho được vẹn toàn.

Hai cô ở trong một gian nhà có đủ sập gụ, tủ chè, câu đối, hoành phi, có cả bộ bàn ghế Vân Nam chạm chim trái và chạm cẩm thạch. Nhưng tôi chỉ trông qua cũng biết không phải là giàu.

Quỳnh và Giao hai tên ngọc đặt cho hai người hiền. Họ ngây ngây thơ thơ, (chứ không được là ngây thơ) họ lặng lẽ và ngơ ngác; ấy là hai hột cơm.

Mỗi lần đi ngang qua, tôi nhanh chân như lủi trốn; nhưng tôi vẫn đủ thì giờ thấy hai cô gái. Màu áo họ rất thanh đạm, vì nhạt nhẽo nên buồn buồn. Cô Quỳnh trẻ hơn, áo mới hơn cô Giao một chút, – tôi quên không nói rằng tôi biết tên hai cô là nhờ bạn tôi.

Phan, cái anh chàng khó hiểu làm sao! Anh rất ít nói, và cũng ít làm. Kiểu mặt Á Đông, mắt nhỏ và dài, không biết chứa những gì trong vẻ mập mờ kín hẹp ấy. Tôi lạ cho anh hết sức. Sự lặng lẽ của anh là một thứ hư vô, và tôi cảm như không có anh Phan...

Đôi khi Phan lên cầu thang, tôi gặp được nơi khóe môi anh một chút nhíu da giống như một phần sáu của nụ cười. Thấy thế, tôi vui vui, và hơi nghĩ ngợi.

Tôi nghĩ đến Quỳnh, cô em hiền lành quá, với đôi mắt yên ổn và như không. Cô hơi hơi xinh. Mặt cô tròn. Hay nhíu đôi mày cong, cô có vẻ trẻ con lắm. Cô hiền lành đến nỗi tôi thấy xót thương. Tôi không nghe cô nói một câu gì, – có lẽ chỉ vì tôi không có dịp nghe cô nói.

Biết đâu Phan chẳng đồng điệu với Quỳnh, hai sự "như không" gặp nhau. Chắc cái khóe môi hơi nhích kia biểu hiện một cảm tình kín đáo.

Rồi nhân đó, tôi nghĩ đến cô chị. Dường như cô có một tật nhỏ nơi chân: bước của cô cao thấp không đều. Và dường như cô mang một nỗi buồn không ngớt. Cô giống cha cô, mà cha cô thì chẳng khôi ngô chút nào. Trái lại, mắt ông tròn như hai chấm mực, miệng ông hơi quạu, đôi môi giơ tới trước như kình với ai. Ông thường ngồi chéo chân trên sập giữa nhà, và tôi hằng gặp ông đeo kính, tuy không thấy ông cầm sách. Một lần ông đã cự tôi, vì tôi gấp rút vào gác trong, không kịp xin phép ông. Và từ đó, tôi càng thương ông lắm.

Cô Giao giống con người đứng tuổi ấy, thực bất lợi cho cô. Vì cô không dữ – tôi xem qua thì biết – mà mặt cô lại mang những nét không hiền.

Ấy đó, Quỳnh và Giao, hai Kiều rất dửng dưng, không e lệ nép vào dưới bụi hoa nào cả, và cũng không đẹp một chút, nhưng bởi một hội ý tiêu tao, đã khiến tôi nghĩ ngay đến câu thơ phong tỏa của người xưa.

*

Bởi vì hai cô ngồi trong một buổi chiều rất đỗi ngẩn ngơ, một buổi chiều triền miên của sự vật và của linh hồn, một buổi chiều trong nhà và trong tâm lý. Lạ quá! Tôi như cảm nghe sự mờ nhạt của cuộc đời, khi trông hai cô.

Dầu tôi vui đến đâu, khi bước vào nhà ấy, tôi cũng nghiêm nét mặt, bước khẽ, sợ động không khí. Hễ vào nhà thì phải cất mũ, tuy thế, trong cử chỉ thường lệ ấy, tôi tưởng như tôi đương chào ai, đương chào một cái gì, một đám tang hay một nỗi đau thương.

Tôi không thấy có một người đàn bà đứng tuổi, nên tôi nghĩ rằng ông chủ góa vợ, hai cô mồ côi. Nhưng một lần, tôi bỗng gặp bà chủ. Và tôi chỉ quen được thấy hai người con gái, nên tôi nghĩ rằng ông chủ không có con trai, nhưng tôi lại nhầm to: gặp hai người thiếu niên đi với Phan, tôi hỏi ra mới biết đó là anh của hai Kiều.

Và hỏi thêm ra, tôi hay rằng ông chủ nhà là một người làm việc nhà nước đã về hưu. Ông còn mấy cậu bé gửi học ở Nam Định. Gia đình họ đông đúc thế, và chắc cũng khá đủ tiền bạc; sao tôi lại bày đặt những cớ rất gở, lại giả sử trong trí tôi những điều nhằm tưởng, những chuyện không lành?

*

Nhưng sao nhà ấy lại bao trùm trong một bầu không khí nhạt tẻ, không ánh nắng, chẳng hương người? Sao lại có hai nàng con gái kia, ngơ ngác như không biết sống?

Tôi biết hai cô không có việc gì làm. Họ chẳng mấy lúc đi chơi. Họ để cho ngày tháng qua. Họ là hai cái cây – họ lại còn thua hai cái cây, bởi cây còn ra hoa, ra trái, chứ đời con gái của họ, họ biết

làm gì? Không sắc, không duyên, và cũng không tiền; chỉ có hiền lành.

Giá họ đừng hiền lành như thế thì hơn; giá họ đàng điếm, hung dữ, trơ trẽn, lẳng lơ, tôi sẽ được vui vì thấy họ có việc. Tôi sẽ được cười nếu thấy họ đi đua xe đạp, tôi sẽ được thản nhiên, nếu thấy họ đỏm dáng chòng ghẹo bất cứ người nào.

Tôi ước được gặp họ chửi mắng người ở, đánh đập con sen, tôi mong họ ngoa mồm lên, lay động hai cặp môi đắp son đỏ choét. Tôi muốn mặt họ bự phấn, tôi cầu cho họ làm bộ làm tịch, lố lăng bao nhiêu cũng được; thà họ làm cho tôi ghét còn hơn làm cho tôi thương.

Nhưng không! Hai cô buồn buồn ngồi đó, trên trường kỷ, chờ đợi một sự gì xảy đến. Phố vắng, nhà cũng vắng; hai người anh đi chơi luôn, bà mẹ về nhà quê, ông cha lặng lờ hết ra lại vào. Hai cô cũng hết vào lại ra.

Cô em có một chờ đợi: là chồng. Nhưng có lẽ cô đã hơi biết rằng nỗi mong mỏi ấy gần với một viễn vọng. Còn cô chị? Tôi nghe bạn tôi bảo rằng cô đã có một đời chồng: chồng cô đã ly dị với cô. Hỡi cô! Cô Giao còn biết gì để mà trông ngóng?

Tôi thương hai cô như hai con vật ngẩn ngơ trong rừng lạnh, khi chiều giăng lướt qua muôn gốc cây. Buổi chiều của hai cô mờ nhạt và kéo dài; hai cô lẫn trong mù sương... Đáng tội nghiệp, nhất là hai cô không sầu tư, không có một nỗi chán nản gớm ghê, nó xui ta cầu xin cái chết. Không, hai cô là hai cô gái, chỉ biết buồn mờ, buồn lặng, nhưng buồn lâu. Hai cô là hai cánh đồng...

Nhiều lần, theo một liên tưởng mau chóng, tôi nghĩ đến những cụ già còn đôi chút sức lực, ngày ngày quanh quất giữa bàn ghế trong nhà. Cứ tự nhiên im ỉm như thế, các cụ ăn, ngủ, và may thay! Trong lúc ấy, thì giờ qua... Cho đến khi các cụ hết ở trong nhà với sự buồn tẻ. Cái chết đã nhận những linh hồn kia, cái chết đã là một mục đích.

Tôi lại rất nhớ những khi xế trưa, nắng ngả vào bếp nhà tôi. Lửa tắt, than lạnh, chỉ đôi con ruồi lơ thơ đậu dưới đất thỉnh thoảng bay lên kêu vo vo. Nắng vàng phai lặng, chán nản làm sao! Lúc ấy, mọi người đều cảm thấy mơ hồ nỗi nhạt nhẽo của ngày này tiếp

theo ngày nọ. Đến nỗi một người đơn giản như mẹ tôi cũng buột mồm nói: "Cơm mai rồi cơm chiều, rút cục mỗi ngày hai bữa cơm".

Mà nhà ai lại chẳng thế! Đứa ở nào mộc mạc nhất cũng đã từng buồn bã khi làm bữa cơm chiều. Ai lại không nghe, ít ra là một lần, nỗi đìu hiu của cái Ao Đời bằng phẳng. Chúng ta nhảy múa, gào khóc, quay cuồng để cho có việc; nếu không, ta sẽ thấy một sự vắng vẻ vô cùng thê lương. Và dù siêng năng đến đâu, đôi lúc ta cũng bắt gặp ở đáy hồn ta một nỗi trống không rất tuyệt vọng.

Có phải vì vậy mà tôi thương hai cô gái kia chăng? Không biết. Tôi không thấy rõ duyên cớ; tôi chỉ thương mà thôi, thương một cách thành thực và dễ dàng. Tôi đã cảm giùm cho hai kẻ ngơ ngác, và lặng thinh ngắm một cảnh tà dương...

*

Bởi vậy tôi đã nảy một ý: đến nói chuyện với hai Kiều. Ít nữa tôi cũng là một viên sỏi, một cục đá đến rơi xuống trên mặt nước phẳng lỳ của ngày nọ. Tôi định tâm làm cho hai cô tức cáu, đem tặng hai cô cái hạnh phúc thấy mình cũng được xẳng xớm, rầy la một người khác. Tôi bèn ra vẻ láu táu, ráng lấy một bộ mặt bướng bỉnh. Tôi giả sử tôi là một người đến chọc ghẹo hai cô và sự kém giáo dục của tôi để tôi vô lễ.

Tôi đã quên lời và cử chỉ của tôi lúc ngừng lại nơi nhà dưới, khều cho hai cô nói chuyện với tôi. Nhưng tôi rất nhớ sự vồn vã của hai người, trả lời lại như đối với một vị cứu tinh. Hai cô có bao nhiêu ngọt ngào của lòng mình thì đem cả ra ngoài; lời hai cô hiền lành hơn trẻ nhỏ. Cái duyên dáng mà hai cô có thể có hai cô đều phô bày ra hết để tiếp chuyện tôi. Tôi đã thấy mắt cô em ướt hơn ngày thường...

Thế là thất vọng! Tôi muốn họ hung tợn, họ lại thêm hiền lành, cái hiền hậu nó đã làm tôi khó chịu qua. Tôi lo sợ, tự biết mình không thể an ủi được cảnh trống không của đời họ. Công việc ấy tôi không dám làm; tôi chỉ có lòng thương, mà họ, họ cầu tình yêu.

Tôi mong ở Phan, anh bạn "như không" của tôi, nguyền ước cho cái khóc, cười của Phan hằng nở vì cô thiếu nữ: một lần nọ tôi

sung sướng thấy Phan đi xem diễn kịch, và Quỳnh và Giao cũng đi...

Nhưng từ cái chiều xảy ra cuộc nói chuyện, tôi ngại ngùng, lành lạnh trong cảm giác, không đến thăm Phan để khỏi qua nhà hai cô. Sau hai tuần, khi đến tìm Phan, tôi ngẩn ngơ hay tin rằng Phan đã đổi chỗ ở.

Năm 1939

*

THƯ TÌNH MÙA THU

(truyện ngắn)

Đây là tám bức thư tình của một người trẻ, gửi cho một người trẻ. Này, bạn đọc! Hôm nay mùa thu đã rõ rồi đấy. Tôi biết lòng bạn run run lành lạnh, nho nhỏ ngân nga vì hơi heo may. Tám bức thư tình. Một kho ấm áp! Bạn đừng ngay thẳng quá. Những bức thư hờ như thế, bỏ quên trong ngăn kéo, ta bắt được tội gì không xem? Đây, tôi đọc cho bạn nghe, – hay là tôi chép lại.

Ừ, xem, ta xem đi. Ngoài kia mưa bay mảnh khảnh dịu dàng, chẳng biết là mưa hay là sương nữa... Còn gì thú hơn xem bức thư tình, tay nhẹ nhẹ nâng như không dám cầm mạnh, sợ dập mất chữ của người yêu dấu! Ồ! Đọc những lời hò hẹn tiêu tao, trong khi Mùa-Êm-Ái đưa mây, quạt gió ngoài trời! Ồ! Buông mình vương vít trong lưới chỉ của lời tơ, thấy mình là một con chim si vui lòng bị nhốt trong lồng tình ái, và nghe mình đập cánh du dương trong vòng giam hãm, và ngoài xa, ngoài rộng, đất trời cũng lịm trong lồng mùa thu...

Đọc thư tình! Trong mùa thu! Để thấy ngón tay cảm động như đàn trên phím giấy, để nghe những chữ, những tiếng mở ra như những hộp đựng ngọc, hé ra như những cánh môi. Một làn gió nhỏ đến tự chân trời xa xôi, thổi mơn man vào giấy: thế là tai ta, đã chờ sẵn, vội vàng nhầm tưởng giọng nói thân yêu. Ôi một bức thư tình!

Thế mà đây chúng ta có những tám bức. Giấy mỏng như cánh chuồn chuồn. Hương nhẹ như rất xưa. Hẳn là của một chàng trai nào mười tám xuân xanh, hai chân cao, cái đầu thẳng, trái tim non ở trong ngực mới cảm mùa thu. Cảm tình yêu đương, và thấy thu về, lòng đòi yêu mến. Chàng ta đã đan lời rất dịu: những bút tích ấy hôm nay lạc vào tay ta. Của ai? Của bạn chứ còn của ai nữa! Bạn hãy thử dim mắt, ngó vào bên trong và đọc thầm những bức thư sẵn có trong lòng bạn: bạn sẽ thấy cũng bấy nhiêu chữ và bấy nhiêu tình.

Bạn ơi, nghiêng đầu bạn bên đầu tôi, ta cùng đọc những bức yêu đương mà tình cờ ta nhặt được. Cứ cho mùa thu làm dáng ngoài kia; chốc nữa, khi đọc xong, ta sẽ lau một khung kính mờ và nhìn ra trời đất. Bấy giờ mùa thu sẽ càng ý nhị hơn nữa, đến bên vai ta nhẹ nhẹ ôm...

*

I.

Cái "thư" lần đầu.

Sợ sệt và ngại ngùng như sẽ có một điều không hay xảy đến vì sự bạo gan.

Bước đầu sẽ dẫn tới đâu?

Ước gì dẫn tới... lòng của bạn!

Ba hôm, – bốn hôm chứ – bốn hôm không thấy Chi, sao mà dài ghê quá. Chi có cho tôi nói rằng nhớ Chi vô cùng không? Tôi muốn đến Chi, nhưng sợ mất thì giờ của Chi. Và không dám lạm một tấm lòng tốt.

*

Chi đẹp quá.

Sáng như tuổi trẻ.

Sáng như mặt trời.

Và khi ngó mặt trời thì người ta quáng mắt, tối mắt đi. Người ta không trông thấy gì nữa

Trừ ra cảm giác của sự rực rỡ, và cảm tình của lòng mến yêu.

*

Giấu sự giàu có về tiền tài, việc ấy còn dễ.

Chứ giấu sự giàu có của lòng ta, sự ấy làm sao được? Nhất là khi ta thấy luyến ái một người, tự nhiên lòng ta đầy tràn hân hoan và những tối tăm lo ngại.

Tôi không thể giấu...

Xin Chi hãy trông...

*

Trước hết, hãy trông sự buồn cười của bức thư trao bằng tay, sau bao nhiêu do dự.

Và hãy trông nguồn rung động mới, xui lòng Tịnh sống nhiều lên, cũng như ngực Tịnh thở hăng lên.

Và hãy trông, nhất là hãy trông mùa thu mới tới, chứa đầy nhớ nhung;

Và sau cùng, nếu Chi không yêu Tịnh, thì hãy xem như chưa hề có tờ giấy này.

II.

Cái "thư" số hai.

Viết trước khi xa nhau, dầu chỉ là trong hai mươi hôm.

Để nghe lòng tôi bịn rịn rất dịu dàng, vì có những sợi dây bắt đầu vương buộc.

*

Ồ! Làm sao nói được những cánh yêu phấp phới nhẹ nhàng trong lòng Tịnh!

Mà nói làm chi?

Chỉ im nghe sự cảm thông chảy từ lòng Tịnh sang lòng Chi, theo một dòng suối vô hình.

*

Hai mươi hôm, Chi thân yêu của lòng Tịnh!

Hơn nửa tháng, có phải là ít đâu! Ngần ấy thì giờ cũng đủ để người ta đi vòng quanh thế giới.

Và vòng quanh trái tim của một bạn yêu, chắc cần ít thì giờ hơn, – nếu hai bên đồng nặng cảm tình với nhau.

Trong bấy nhiêu ngày ở xa Chi. Tịnh cầu mong cho kỷ niệm của Tịnh được vòng quanh lòng Chi, ít nữa là hai mươi lần.

Và hai mươi lần, Tịnh sẽ tưởng tượng làm giấc chiêm bao...

III.

Xa Hà Nội rồi.

Không gần Chi nữa...

"Dịp may hiếm có" để gửi thư cho Chi một cách đường hoàng, viện cớ rằng Chi đương ở Bắc, và Tịnh đã về Nam.

Nhưng cũng là một dịp để tha hồ nhớ.

*

Chiều ở đây đẹp lắm!

Có tiếng sóng đến gần nhà.

Có gió vào trong phòng, và có mùa thu giăng màn trước cửa sổ.

Biển bắt đầu đổi tiếng, sóng thu đã reo lên.

Thành phố nhỏ của Tịnh nằm trên một lưỡi cát dài.

*

Trời muốn lạnh, Chi có nghe chăng?

Nếu không gặp nhau, ta chịu sao nổi những ngày buồn sắp tới?

Gió thu lẻn vào lòng người rất giỏi; che kín áo cũng chẳng ăn thua gì. Nhưng tình yêu lẻn vào lòng người lại còn giỏi hơn gió thu. Và bấy giờ thì thực ấm.

Mà lắm khi tình yêu chẳng thèm lẻn đâu! Nàng công chúa ấy vào trong cung của lòng ta theo cửa Ngọ Môn, đi rất thẳng đường, và cửa nào cũng không dám cưỡng lại.

*

Trong cung lòng anh,

Có ngôi vàng quí;

Em là hoàng hậu,

Anh chẳng dám làm vua...

IV.

Mấy chiếc thuyền nằm im trong vũng mới buồn bã làm sao!

Có cái gì rất thu trong cảnh nước và thuyền yên lặng.

Trời êm như hồ.

Én nhỏ như mũi kim.

Mây biếc và xa như những mảnh núi bỗng dưng biết bay!

Mặt trời hiền hậu như một cái gương đã cũ.

Chiều thu... Chiều thu...

*

Tịnh được hưởng cả cái xa xôi của sự cách xa.

Biết rằng ta yêu nhau, nên bằng lòng xa cách.

Cũng như lùi lại đằng sau để thấy một bức tranh đẹp hơn và rõ hơn lên.

Tịnh ở xa để thấy ái tình nổi bật từng nét yêu đương.

Gửi Chi nỗi niềm nhớ nhung, trông ngóng.

Mênh mông như chân trời này đến chân trời kia.

V.

Một trận gió tới đột nhiên, và từ ấy, mưa xuống không dứt.

Chiều qua đến nay, lòng ngập trong mưa.

Thư này mang đến cho Chi một nỗi lạnh lùng run rẩy, – của trời đất thì ít, của lòng Tịnh thì nhiều.

A, thương nhớ nào đâu bay qua với mây, hùa theo với gió, thương gió nào đâu vơ vẩn dưới trời như những con chim lạc, rủ nhau vào tìm chỗ trong lòng anh?

Ba cái thư, mười hai ngày rồi.

Chỉ còn ba hôm nữa, ba hôm!

Tịnh không ở được đến hai mươi ngày; trời ơi, ngựa chạy nơi ngực anh đây!

Tịnh chỉ ở nửa tháng.

Lòng Tịnh gấp ra nhìn Chi một chút, nhiều chút đê mê, đê mê...

*

Nếu có thể đẩy thì giờ cho nó chạy nhanh lên nữa!

Ồ, gặp Chi, ngó Chi, chứa hai tròng mắt đầy em!

Trái tim chồm như con ngựa sắp chạy thi, – gớm, sao mà gió lạnh thế!

Chi ơi, Chi ơi, Chi ơi...

Tịnh đây!

VI

Thôi chết rồi, Chi đi chơi xa chưa về.

Em Chi, Tịnh vội ra để thấy em, sao em lại đi vắng? Anh nhớ em nhiều quá. Anh gấp ra để được nhìn em.

Tàu đến ban chiều. Anh chờ đến tối. Chiêm bao mộng mị. Anh chờ đến sáng. Rồi anh chờ đến trưa. Và bây giờ bây giờ đã chiều.

Chi ơi, đi mau về đây với anh!

VII.

Ồ! Chi của tôi, của tôi!

Nhớ nhá, chiều nay chúng ta bơi thuyền.

Ta sẽ cho mái chèo vào giữa lá sen, và nói:

"Đây là những lá sen,

"Đã rách vì không mùa hè;

"Hỡi mùa thu yêu dấu!

"Chúng ta sẽ chắp lá sen tàn, may áo rét và mặc cho người"

VIII.

Cửa sổ nhà em khép lại như những mí mắt buồn ngủ
Lỗi của gió, của mưa, của mù.
Anh cứ đi qua luôn, ngừng lại một chút, rồi thẳng đường đi...
Lỗi của đôi chân không biết trái lệnh lòng yêu sai khiến.

*

Mùa thu! Mùa thu! Ai không nghe, như chàng trai kia, tiếng kêu vời vợi của không khí? Ai không run nỗi hàn của tâm lý trước khi run nỗi rét của da thịt? Lạnh lùng sắp tới, lòng ai không rộng thêm, bỗng dưng có một khoảng trống cứ to dần. Ai không cần góp nhiều tình, thực nhiều tình, như người ta cất sẵn than củi để phòng mưa gió?

Bức thư tình trong mùa thu, ai sẽ viết cho tôi, cho cô, cho anh, cho bạn? Ai cũng vậy, hễ mùa thu đến là cần thiết rất nhiều âu yếm, như trong ngực bỗng dưng có đến năm sáu trái tim. Ai may thêm áo, ai mặc thêm những lớp áo tình cho muôn lòng người rét mướt? Một bức thư tình là một khuôn nhung ấm; những cặp tình nhân đừng quên!

Năm 1939

HỒ DZẾNH
(1916–1991)

Là nhà văn gốc Hoa, quê gốc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) sinh tại xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa năm 1916. Ngoài Hồ Dzếnh – do đọc tên thật Hà Triệu Anh theo âm Quảng Đông – ông còn có bút danh khác: Lưu Thị Hạnh.

Thuở nhỏ học ở Thanh Hóa, sau ra Hà Nội học đến hết trung học. Vào đời, ông vừa dạy học vừa viết văn và có dịp đi nhiều địa phương các nước Đông Dương. Những sáng tác đầu tiên của Hồ Dzếnh được in báo từ năm 1937. Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia hoạt động ở vùng tự do Thanh Hóa. Sau vì hoàn cảnh khó khăn – vợ mất sớm, con nhỏ – ông được tổ chức cho hồi cư vào Hà Nội và ông đã sống ở đây cho đến cuối đời. Ông mất ngày 13-8-1991.

Tác phẩm chính: Dĩ vãng (truyện vừa,1940), Quê ngoại (thơ, 1942), Những vành khăn trắng (truyện dài, 1942), Tiếng kêu trong máu (truyện dài, 1942), Chân trời cũ (tập truyện ngắn, 1943), Hoa xuân đất Việt (thơ, 1946), Cô gái Bình Xuyên (truyện vừa, 1946)...

*

NGÀY GẶP GỠ

(truyện ngắn)

Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn ngỡ tiếng ai gọi đò.

Ngày nhỏ, mỗi lần chán chúng bạn, tôi vẫn hay lại bên mẹ tôi, cầu khẩn người kể lại sự cưới xin giữa người và ba tôi, rồi để tôi đem thuật lại với hàng xóm. Tôi còn nhớ nơi mẹ tôi ngồi kể chuyện là một cái hè bằng đất nện trước nhà. Tự đó, tôi vừa nghe chuyện, vừa nhìn ánh nắng chiếu nghiêng xế, và những bóng lá lung linh. Có khi đương giữa câu chuyện, tôi véo má mẹ tôi và hỏi.

– Đố mẹ biết bao giờ đến Tết? Đố mẹ biết con được bao nhiêu tiền phong bao?

Mẹ tôi khẽ gỡ tay tôi ra, lặng lẽ nói tiếp, và lặng lẽ ru tôi ngủ mất lúc nào! Tuy nhiên, trong giấc mơ kỳ dị, tôi vẫn hình dung được cả đám cưới, chú rể là ba tôi, cô dâu là mẹ tôi và... tôi là người dự lễ! Dần dần tôi lớn lên. Qua mẩu đời sum họp của hai người sinh ra tôi, tôi nhận thấy một định mệnh khe khắt, một duyên phận tăm tối và buồn rầu. Vì thế, tôi được sự thật cho biết rằng phần nhiều, hay tất cả cũng được, những bà mẹ Việt Nam – tôi nói những bà mẹ đáng là mẹ – đều phải đau khổ ngay từ lúc lọt lòng. Mọi sự do "Trời" định, các tâm hồn đó chỉ biết vâng theo, một cách nhẫn nhục, một cách lặng lẽ, một cách chua xót vô cùng! bao nhiêu thế kỷ rồi, những tiếng thở dài mất tăm trong đêm tối, những mái đầu bù rối nghiêng xuống bổn phận hằng ngày, tầm thường và nhỏ mọn. Cuộc hôn nhân của mẹ tôi, đến nay, tôi mới thấm thía được hết cái đơn giản, mới biết suy ngẫm trước sự lễ nghi của nó.

Và đến ngày nay, tôi mới hiểu mẹ tôi lúc nào hết, người con gái lái đò trên sông Ghép ngày xưa, người mẹ Việt Nam một cách dịu dàng và cao trọng...

*

Cách đây hơn năm mươi năm.

Một buổi chiều mùa hè vàng rực.

Trên bờ sông Ghép lặng lẽ của tỉnh Thanh Hóa, dân làng Ngọc Giáp bỗng thấy mọc lên bóng một người ngoại quốc, tay xách một gói vải xanh và va-ly, và đầu chụp chiếc mũ rơm đã vàng ỏng.

Người khách lạ có chiếc trán rất lạ: nó nhỏ nhưng nhô ra một cách bướng bỉnh. Nhất là đôi mắt, sắc như dao, bén như nước, nhìn vật gì thì như hút lấy vật ấy. Hai cái đặc điểm đó nhất định không được tạo bằng thủy thổ Việt Nam mà là bằng tinh hoa của một dân tộc khác. Một vẻ gì xương xương, rắn rắn độn khắp mình người khách, biến cái thân thể thoạt trông thì gây ra sự chịu đựng có nhọc, ở đấy, một nghị lực bền vững tiềm tàng.

Khách mặc một bộ quần áo bằng lĩnh Quảng Đông, nguyên mầu đen, nhưng sau khi trải nhiều phong trần, đã đổi sang màu xám kệch. Y phục ấy gợi được trong lòng người gặp, bao nhiêu là cảm giác thanh thú, hương vị xa xôi. Từ đằng xa, những gọn lụa

phơ phất như những gợn gió trùng dương, và khi lại gần thì gió trùng dương lại chỉ toàn xông lên một mùi cá mặn!

Linh hồn Trung Quốc phát lộ ra trong từng bước đi, điệu đứng, trong sự trầm mặc, trong cả cách đưa năm đầu ngón tay có móng dài vẫn ghét lên gãi sồn sột chiếc đầu gần như húi trọc tếch.

Đêm về trong những bước nhẹ, hắt hiu bốc hơi lên mặt sông. Nắng tắt dần dần chỉ còn ánh vàng pha sắc tím. Hoàng hôn ở đây không như hoàng hôn của Giang Tây, Hồ Bắc, hoàng hôn ở đây ưu hoài như một chinh phụ nhớ chồng.

Và như một gã giang hồ trạnh lòng khóc nước.

Tuy nhiên, đôi mắt trong và sáng kia không hề vẫn bởi mầu sắc thê hương, vẫn quắc lên nhìn những đợt sóng nhuyễn nhàng bò quanh mấy con thuyền ngái ngủ. Cứ chỉ lạnh lẽo đó thật là trái hẳn với cảnh sông nước buồn rầu, cái cảnh tầm thường nhưng đã làm chuyển rời bao nhiêu cuộc đời ngang dọc.

Khách ngồi xuống vệ cỏ, không để ngắm cảnh chiều tang tóc, mà để tháo cái gói vải từ bao lâu vẫn đeo ở tay, lấy trong đó ra một gói cơm nắm. Rồi không dao, không đũa, khách bẻ ngoắt nửa nắm cơm, đưa lên miệng, trong khi mấy ngón tay lần gỡ từng miếng cá khô. Đôi lúc khách ngừng nhai, chép miệng cho thấm xuống đáy lòng cái hương vị đậm đà của bữa cơm lưu lạc.

Chỉ sau mười phút, không còn một miếng cơm, một khúc cá nào sót lại trên mảnh lá chuối héo. Tất cả lương thực ngọt ngào trôi qua cổ họng, đảo lộn trong cái dạ dày vô bệnh, để biến thành những dòng máu hùng cường luân lưu nuôi mạch sống, và nuôi lớn mãi cái chí nguyện giang hồ.

Ăn xong, khách xoa tay đứng dậy, bước xuống bên sông rửa mặt và vốc nước uống, rồi lại trở lên nằm, đầu gối trên bọc hành lý. Tất cả những công việc ấy như đã ấn định theo một phương pháp, nên có mạch lạc và quy củ hẳn hoi. Khách nằm rất bình tĩnh, tay chân duỗi thẳng, mắt hướng lên không gian, tâm thần nhập định. Nhưng nếu để ý, ta sẽ thấy loáng trên bụng khách một lưỡi dao nhọn như lá bùa hộ mệnh đặt ở đấy từ bao giờ.

Trời quang lấp lánh sao, hứa một đêm phẳng lặng. Gió sông lên đầy. Làng mạc, xa xa, chìm mờ trong bóng tối, đôi lúc để lọt ra vài tiếng chó sủa ma. Mấy điểm đèn hạt đậu run trên sông như những con mắt buồn từ kiếp trước. Bỗng, giữa khoảng triền miên rộng rãi, ngân đưa một điệu hát lơ lửng bay trên dòng nước, một điệu hát đò đưa, trầm trầm, lặng lẽ:

Muốn sang nhưng ngại vắng thuyền,
Muốn về bên ấy nhưng duyên lỡ rồi!

Nhịp hát gần lại và xa đi theo chiếc thuyền nhỏ, cô độc, ảo não, trong sự tỏ bày kín đáo của một tấm lòng thương nhớ mênh mông.

Ở trên bờ sông bên này, người khách đã đứng dậy, tay nắm chuôi dao, mắt nhìn cái vệt lửa của chiếc thuyền đặt mờ trên mặt nước.

Thuyền hình như lại gần, vì sóng vỗ vào mạn đò mỗi lúc một mạnh. Và sau khi nhận đúng là một chiếc đò chở khách, người lữ hành của đất nước Trung Quốc hò lên:

– Tồ ui! (Đò ôi!)

Sóng nước trả lời lại cái giọng kêu quái gở bằng một bóng vang lạnh lẽo. Tiếp đến tiếng từ dưới sông vọng lên, cái tiếng nhỏ nhẹ của người con gái xứ Trung bộ:

– Ai gọi đò?

Một phút yên lặng. Người khách lạ khó nhọc lắm mới kiếm được câu trả lời:

– Ng... ộ... ộ! A "tui đây!" (A tôi đây!)

Nói xong khách xăm xăm bước xuống đò, trước vẻ ngạc nhiên vô cùng của thiếu nữ.

Đò quay mũi, thiếu nữ yên lặng chèo. Tiếng sóng khua, làm rộn vào lòng nàng một nỗi lo sợ kín đáo. Vừa chèo, nàng vừa liếc nhìn người khách lạ mà thoạt trông, nàng có cái cảm tưởng hãi hùng như gặp một tên giặc cướp tàu ô ghê gớm.

Đò đã ra giữa sông. Một làn gió thổi mạnh. Người khách lạ lúc này đã như rời bỏ những tư tưởng riêng, bắt đầu ngoảnh lên nhìn thiếu nữ. Đó là một cái nhìn rất lẹ, nhưng rất chắc, cái nhìn

vẽ rõ ra một sự quyết định, khiến thiếu nữ bậm môi lại, và tuy trong bóng sao mờ, e thẹn nhìn lảng ra ngoài xa... Một thoáng cười chạy qua môi khách, làm dịu hẳn vẻ hung tợn vừa rồi khiến thiếu nữ sợ hãi.

Là vì lần đầu tiên trong đời, nàng chịu cái nhìn sắc mắc đó. Nó không chú tìm ở người nàng những điểm đẹp đẽ, mà chỉ cốt khám phá những điều kiện cần thiết cho sự gây dựng hạnh phúc gia đình, sự vững bền của nòi giống. Và biết đâu, trong khi nghĩ đến những gương cần mẫn đã từng lấp lánh phản chiếu cái đẹp huyền bí, thần thánh của góc trời phương Đông, người lữ hành kia đã không quan niệm người đàn bà Việt Nam như đã quan niệm người đàn bà Trung Quốc?

Cho nên, dưới bóng sao đêm ấy, trên dòng sông khuya, người con gái Việt Nam đã che đôi má ửng hồng trước mặt người khách lạ và cùng lúc, không hiểu sao, nàng thấy ngậm ngùi chua xót.

– Nhà "nị" ở đâu?

Người con gái ngơ ngác một lúc lâu rồi mới hỏi:

– Nị? Nị là gì? Tôi không hiểu.

Người khách cũng ngẩn cười trong vài phút mới tìm được cách cắt nghĩa:

– Nị là... nị! Là...

Một ngón tay, theo câu nói bỏ dở, chỉ thẳng vào thiếu nữ khiến nàng không nhịn được cười.

– A, nị là cô?

Khách lộ vẻ sung sướng đột ngột như người học trò không thuộc bài vừa được bạn nhắc:

– Cô ở đâu?

Thiếu nữ mỉm cười, đưa tay chỉ một cái xóm nhỏ gần đấy, nơi hắt hiu sáng vài chấm đèn dầu lạc loáng thoáng qua hàng rào tre thưa mòng. Trong đêm, vẳng đưa tiếng chày giã gạo, đều đều rơi vào giữa sự tĩnh mịch như kéo giãn những thời khắc buồn bã không bao giờ tàn.

Đò ghé bến.

Người khách toan đưa đồng xu cầm sẵn trong tay cho thiếu nữ, bỗng lại ngần ngại:

– Cho "tui" ngủ một đêm ở nhà cô nhé?

Thiếu nữ đặt con sào lên thành đò, ấp úng:

– Ông hỏi mẹ tôi đấy. Tôi không biết!

Nói đoạn, nàng bước vội đi trước, nhưng đôi lúc chậm chân lại, vì biết người khách đương rảo theo.

Đến một cái ngõ tre, thiếu nữ cất tiếng gọi:

– Mẹ này, có ông khách "tàu" xin ngủ trọ.

Một cụ già trạc năm mươi tuổi, tay cầm chiếc đèn con, từ trong nhà đi ra:

– Ai? Ai mà trọ mới ngủ?

Người khách lạ cúi đầu chào bà cụ một cách kính cẩn. Bà cụ đáp lễ xong, quay lại bảo người con gái:

– Con xem dọn nhà trên, rồi nhường cái giường cho ông ấy nằm.

Bà cụ nói vừa dứt, cô gái đã vùng chạy vào bóng tối, đem theo cái mặt chắc là phải đỏ hơn ban nãy nhiều.

Trong khi ngồi tiếp chuyện khách, bà cụ thành thực hỏi:

– "Chú" đã xơi cơm chưa. để tôi bảo cháu nó nấu?

"Chú" khách cũng thành thật trả lời:

– "Tui" ăn cơm rồi. Tui ăn ở ngoài bờ sông!

Câu trả lời tự nhiên và ngờ nghệch đó khiến bà cụ mỉm cười và khiến cô gái đương ngồi đun nước gần đấy cũng sặc cười theo.

Nhìn cả hai miệng cười cùng một lúc, người khách ngơ ngác đưa mắt liếc hai bà con chủ nhà:

– Cười? Cười "tui"?

Bà cụ đỡ lời:

– À, cháu nó thấy ông lạ.

Đêm ấy, là đêm đầu tiên trong cuộc đời giang hồ, người lữ khách đặt lưng trên chiếc giường tre ẽo ọt, giữa những tiếng và hình khác hẳn với những cái quen biết ở quê hương.

Mái nhà tranh lợp sơ sài, để chẩy xuống mặt khách một dòng ánh trăng hạ tuần, và ngừng lại ở đấy thành những đồng hào mới long lanh.

Gió thổi trong vườn cao, xào xạc.

Tịch mịch dễ làm đuối lòng người. Lữ khách, lúc này, đã thấy chết chí phiêu lưu, bôn tẩu, để cảm khái trong sự thương nhớ, trong giây phút chạnh lòng tưởng đến một mảnh đất xa xôi.

Lữ khách ngạc nhiên ghé tai vào sự im lặng, cái yên lặng mênh mông và u uất, không bị phá bởi một tiếng súng bắn cướp nào như ở quê hương.

Mấy tiếng tù và khua rúc lên, mơ màng bay vào gian nhà vắng. Lắng biết mọi người đã ngủ yên cả, vị thần tử của giang sơn Trung Quốc, vắt chân chữ ngũ, khe khẽ ngâm một bài thơ cổ, qua nỗi xúc động đột nhiên tụ lại trong người:

Uyt loọc, vú thày, sướng mán thín,
Coóng phống, dì phổ, tui sâu mìn,
Cú-cháu sèng ngồi Hồn-Sán sỉ,
Dề pun, chống séng lâu hác sìn.

(Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,
Giang phong, ngư hỏa, đối sầu miên,
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán, chung thanh đáo khách thuyền...)

Ngay lúc ấy, từ gian buồng bên nổi lên mấy tiếng gì như chuột rúc. Lữ khách, thấy đứt mạch cảm hứng, cằn nhằn trong bóng tối:

– Cẩm tố sỉ a! Tít a mà! (Lắm chuột thế!...)

Nhưng đó không phải là tiếng chuột rúc. Đó là tiếng người con gái chở đò ban tối cười qua hai làn môi kín đáo khép lại.

Chân trời cũ
1–1940

EM DÌN

(truyện ngắn)

Tặng Phạm Chí Lương

Trong số những người đọc tối hôm nay, ít nhất cũng có đến một trăm người quen em gái tôi. Tôi nói một trăm, vì muốn để cho em tôi đỡ tủi, khi mưa xuân lướt về trên những mái nhà đầm ấm, và nắng xuân chợt bừng qua kẽ lá như ánh sáng chiếu lại từ những tấm lòng của các thiếu nữ đương tơ. Ngót bẩy năm nay, chúng tôi xa nhau, ai biết em tôi đã qua bao nhiêu cuộc thử thách, người con gái vốn đã gầy yếu sẵn khi còn ở chung với chúng tôi! Và cả em cả, em anh ạ, biết đâu em sẽ lại không đọc anh, đọc chính em, ngạc nhiên thấy đời em giống in như thiên truyện anh viết, và hết cả hồ nghi khi nhìn đến cái tên ký thân thiết dưới này. Nhưng em sẽ ở đâu đọc anh, gần anh, xa anh, hay không gần và xa anh nữa, trên đời này? Xuân đến! Mưa bay! Người ta bảo nhỏ anh rằng trong tháng giêng tốt lành sẽ có nhiều đám cưới. Anh không tin, mà tin làm sao, vì qua ánh sáng ngày xuân, anh vẫn thấy lòng buồn vô hạn.

*

Sau bốn năm ba tôi mất, trước hai năm tôi lên tỉnh học, em gái tôi, tôi nhớ đúng thế, ra đời. Cuộc đón rước đầu tiên ở ngưỡng cửa đời sống là một cuộc hò hẹn giữa em tôi và người bạn trai của em. Năm đó, em tôi mười lăm tuổi. Như thế em tôi còn là chậm biết đời nếu so sánh với những thiếu nữ bây giờ mới mười ba đã tỏ ra lịch lãm. Những khách nợ lâu đời nhất của dì ghẻ tôi – em tôi và tôi là đời con cùng cha khác mẹ – được em tôi lục ra và đi đòi hết. Em tôi trang điểm cẩn thận trước khi đi, và đi thật lâu. Tôi còn nhớ mùi nước hoa lần đầu em xịt lên tóc, một thứ hương vị ảo não đặc biệt cho mũi tôi lúc bấy giờ. Dì tôi nhìn em trang điểm thì gắt nhưng không phải là đe nẹt, mà lại ngụ ý khen. Riêng tôi, tôi nhận thấy em tôi đã đổi khác. Người con gái họ Hồ đó có lẽ sắp làm nên chuyện gì phi thường đây. Thành thử, hễ em tôi đi đòi nợ, là tôi trốn học đi theo. Chúng tôi "đuổi" nhau qua nhiều phố, cuối cùng, cuối cùng

em tôi đến "đòi nợ" một người con trai nhỏ nhắn, xinh đẹp, đứng đợi em ở một phố vắng về vùng ngoại ô. Ai đã từng có một người em gái tự do, tất hiểu lòng tôi lúc đó, một nửa căm giận, một nửa e thẹn, chỉ sợ em biết được anh tò mò dò theo. Sự bắt được tang chứng kia càng làm tôi phục ba tôi là thông minh, khi một hôm, no thuốc phiện rồi, người nhắm mắt lại, rồi lại mở mắt ra, bảo với tôi loay hoay định ăn cắp một cái bánh ngọt trên khay lĩnh:

– Ba biết con thèm ăn bánh lắm, nhưng sao con không xin ba? Ba đương mãi nghĩ về em Dìn của con. Ba chỉ sợ sau này nó hư. Tướng nó không được tốt lắm. Chỉ còn anh hai con là tử tế thôi.

Tôi nũng nịu bảo ba tôi:

– Thế con không tử tế à ba? Lúc nào ba hút thuốc phiện chẳng có con ở ngay bên là gì. Còn anh Hai thì chỉ biết chạy đi chơi.

– Phải con tử tế với mấy cái bánh. Nhưng thôi, các con nhờ trời cũng khá cả, cái đứa hư nhất ba sợ là con Dìn.

Và ba tôi đã nói đúng. Tôi cũng nghĩ đúng. Một dịp cho tôi khoe cái tài trinh thám với anh tôi:

– Đố anh biết đi đòi nợ là gì?

– Là đi bắt nợ, là đi thúc nợ.

– Là...

Tôi vít cổ anh tôi xuống, nói khẽ:

– Là đi với trai, em Dìn nó đi với trai đấy.

Anh tôi còn trẻ, nên cũng hăng hái hỏi tôi:

– Thật à? Bé thấy con Dìn ở đâu? Hay ai bảo? Nói mau đi, anh sốt ruột nghe lắm rồi đây!

Tôi kỹ càng thuật lại chuyện và cười bảo anh tôi:

– Anh em mình được như cái thằng cu ấy, cũng thích đấy nhỉ.

Ngày hôm sau, chúng tôi lại đi rình, và lại bắt gặp em gái tôi. Nhưng chúng tôi chỉ trông nhau mà không ai dám ra đánh mắng người con trai như ở nhà đã định. Mãi đến sau này, tôi mới kịp nhận thấy chúng tôi nhát gan và vô lý, nhưng lúc tỉnh ngộ như thế, thì em gái tôi đã *ra đời*.

Gia đình tôi là cuộc phân tranh ngấm ngầm và ra mặt giữa hai phe. Mẹ tôi và dì ghẻ tôi đánh nhau luôn, nhất là từ ngày ba tôi mất. Dì tôi đã nhanh nhẹn chiếm được hết của cải của ba tôi, và khôn khéo sang tên dì ngay từ hồi ba tôi còn sống. Mẹ tôi không có cái gì cả, ngoài ba thằng con trai phải nuôi, và cái bàn thờ của ba tôi phải dọn sửa. Mẹ tôi bảo dì tôi con một đứa hái củ nâu. Dì tôi chối phắt cái thành tích ấy đi, và trả lại cho mẹ tôi hai cái tiếng "lái đò". Rồi hai người đánh nhau. Anh Cả tôi chạy can hai người ra, anh Hai tôi đóng cửa cho hàng phố khỏi thấy, còn em tôi và tôi thì khóc. Chúng tôi không biết ai phải, trái, nhưng chúng tôi người nào bênh mẹ người ấy. Em gái tôi phân bua với tôi:

– Mẹ anh tồi quá, cứ đánh mẹ em luôn.

– Mẹ em tồi ấy. Cậy có của lộng quyền.

Giữa hai chúng tôi có một cái gì ngăn trở. Chúng tôi tuy cùng ở chung một nhà, ăn cùng mâm, nhưng thực ra thì xa cách. Mẹ tôi tìm đủ cơ hội để dìm dì tôi xuống, và cố nhiên, như bắt được một thứ khí giới độc ác và mầu nhiệm, người vin lấy câu chuyện theo trai của em tôi để nói bóng gió. Hôm hai người cãi nhau, tôi được gọi ra làm chứng. Tôi thấy dì tôi ngồi trên sập, trước mặt một cái tráp trầu – không vỡ đổ, nghiến răng hỏi tôi:

– Có thực chính mắt anh trông thấy con tôi theo trai không?

Tôi không đáp và đưa mắt nhìn em gái tôi đứng thút thít khóc ở xó nhà vì vừa bị mấy cái tát. Tiếng dì tôi vẫn dằn mạnh:

– Anh cứ nói đi để tôi đánh tan xác nó ra, đồ không có người dạy!

Mẹ tôi xen vào:

– Đừng có nỏ mồm. Bảo ai không có người dạy? Không được chạm đến con tôi!

Giữa lúc tôi chưa biết nói làm sao cả, thì em gái tôi chắp tay đưa lên bụng, kín đáo lạy tôi mấy cái. Lòng thương một người con gái yếu ớt làm tôi quên hẳn hiềm khích giữa người trong nhà. Tôi đáp rất gọn:

– Không, con nói dối đấy chứ!

Tức thì dì tôi vênh mặt lên:

– Nghe nữa đi, nghe cái đồ nói dối nữa đi!

Và tức thì hai cái tát của mẹ tôi cháy bỏng trên má tôi:

– Ai dạy mày nói điêu, mày hai lưỡi!

Nhưng tôi lại chỉ còn có một lưỡi, khi ngồi ăn cơm với mẹ tôi:

– Đúng là con Dìn đi với trai, mẹ ạ. Ban nẫy nó lạy con đừng nói.

Mẹ tôi lườm tôi và im lặng. Một chiều kia, đi học về, tôi ngạc nhiên thấy em gái tôi bị trói chặt như con lợn nằm ngoài sân,nhăn mặt dưới những vụt roi mây chập ba lại. Bên cạnh em, những tờ thư vất bừa bãi, cái xanh, cái tím, cái vàng, cái lá mạ. Dì tôi sai anh Hai tôi đọc to lên từng cái một. Mỗi lần một bức thư đọc dứt, là một lần roi mây vút xuống đít em tôi. Tôi ngẩn người nghe cái giọng nói khôn khéo ngọt ngào mà tôi được biết lần thứ nhất. Nó lọt tai và mát lòng quá. Đôi khi người con trai gọi em tôi là "quý nương" và tự xưng là "kẻ này". Tôi giấu một bức thư vào túi rồi đem ra học thuộc lòng. Em tôi chắc không muốn nghe lắm, nên nhắm mắt lại. Thực không gì đẹp bằng yêu nhau, xấu bằng yêu nhau!

– Đấy, em anh, anh xử lấy. Bây giờ ba nó đã chết rồi, tùy anh định liệu.

Anh Cả tôi vốn hùng hổ nên đáp:

– Gọt gáy bôi vôi, đem trôi sông nó đi!

Em tôi nghe hai tiếng "trôi sông" thì nức nở khóc. Dì tôi nóng mắt, cúi xuống, giật từng cái áo của em mặc ra. Đột nhiên không ai bảo ai, ba anh em chúng tôi cùng quay mặt đi. Riêng tôi, tôi thấy nổi dậy trong lòng nỗi công phẫn đối với cách giáo dục tàn nhẫn kia. Và suốt đời, tôi không quên được cái thảm cảnh của một người con gái bị xử ngược chỉ vì phạm một tội rất thông thường là yêu vì nhẹ dạ. Sự đó rất có ảnh hưởng đến đời tình ái của tôi, một cuộc đời chỉ toàn thấy những dang dở, vì lẽ tôi không biết giữ trong tay những hạnh phúc mau biến.

Sau trận đòn hôm ấy, em tôi trở nên buồn bã. Cuối cùng, dì tôi nhốt em tôi vào một cái buồng tối, khóa kỹ, chỉ cho giao tiếp với bên ngoài qua cái cửa sổ nhỏ. Tôi linh cảm rằng, tuy chúng tôi đã được yên lòng về cách nhốt em tôi như thế, một sự gì nghiêm trọng vẫn lảng vảng quanh nhà chúng tôi. Quả nhiên, một đêm kia thức dậy, tôi đứng ở trên gác nhìn xuống đường phố, chợt thấy một bóng

người động đậy, trong bóng cây. Ngay lúc đó, cánh cửa dưới nhà kêu lên, và người vú già tay cầm một tờ giấy trắng tiến lại phía cái bóng, tôi ngẫm nghĩ và hiểu hết. Sáng mai, tôi chạy xuống nhà, lại căn buồng nhốt em gái tôi, bảo em:

– Sao em dám đưa thư cho vú già đem cho cái thằng nào đấy?

Em tôi đáp lại bằng một giọng cương quyết, rắn rỏi, một giọng nói làm tôi rùng mình, không ngờ có thể có được ở trên môi người con gái mới mười lăm tuổi:

– Tại vì... em nhớ người ta quá!

– Thế em không sợ người nhà đánh à?

– Trừ phi anh nói. Nhưng em biết anh tử tế, chắc chẳng bao giờ anh muốn em khổ hết; anh còn nhớ ngày nào chúng ta giữ trâu và ăn ổi với nhau không?

Tôi không quên được ngày đó. Nó là cái kỷ niệm đẹp đẽ của đời tôi mà em tôi vừa nhắc lại. Một cánh đồng cỏ xanh mượt nằm ngủ dưới chân đồi, mới ba giờ chiều đã mờ, vì bóng núi che khuất mặt trời đổ lên đó. Chúng tôi thả trâu cho tự do ăn cỏ, lòng thanh thản dưới một bầu trời sáng đẹp. Đôi lúc tiếng sáo của dân Mường từ xa vẳng lại, là những thanh âm độc nhất hiu hắt trong cái rộng rãi, cô quạnh của linh hồn. Chúng tôi đánh trâu bò lên đồi vào lúc mờ sáng, và trở về khi nắng vàng chỉ còn nửa đốt ngón tay trên bầu trời bụi trúc.

Đàn vật nối nhau theo hàng một, từ trên đồi uể oải xuống, làm một cái giòng màu xám chầy chậm chạm trong ánh mờ nhạt của hoàng hôn.

Ngoài mấy người con gái mà tôi mến rất nhẹ nhàng và rất kỳ dị, em tôi là người bạn nhỏ hiền hậu của tôi ngày ấy. Chúng tôi cùng để lòng ước mong những chuyện không thể có, em tôi mơ được một cái nhà ngói dựng trên đồi, và tôi khờ khạo hơn, giản dị hơn, được bình yên chăn trâu chọn kiếp. Hai tôi lấy hoa mua cài lên đầu, lên áo, và cùng cho rằng hương hoa mua thơm, tuy thực ra nó vô cùng nhạt nhẽo. Chính ở cái chốn mà mây gió còn giàn nguyên mẫu dĩ vàng đó, chúng tôi lớn lên hồn nhiên giữa bài thơ tưng bừng của sự sống hồn nhiên nhận biết cái tang máu mũ lần thứ nhất xẩy ra trong cuộc đời chúng tôi: ba tôi mất. Cái chết lặng lẽ của người trái

hẳn với tháng ngày sôi nổi người sống, làm nhiều khi tôi sinh lòng ngó ngẩn trước thiên luật không thể cưỡng lại gieo xuống muôn loài. Đời sống lôi cuốn chúng tôi về những hoàn cảnh khác. Chúng tôi đau đớn thấy mây gió ngày xưa dần dần xa vắng lên những giấc mộng chỉ còn là nỗi thương tiếc nức nở giữa cuộc đời.

Người con gái ngây thơ, vô tội là em tôi ngày xưa bây giờ đương yêu thắm thiết, yêu say mê và đương phác họa trong óc những bước đường liều lĩnh sau này. Một sáng, giấc mơ của tôi bị cắt đứt vì mấy tiếng kêu hốt hoảng của dì ghẻ tôi:

– Trời ơi con Dìn nó trốn mất rồi!

Tất cả mọi người cùng chạy vội lại bên dì. Gian buồng nhốt em tôi đã từ bao giờ bật khóa. Rương của em tôi bị nậy nắp, bao nhiêu áo quần cũ, mới đều mất hết. Tôi chợt nhận thấy, trước quang cảnh đó, một sự gì hoang vắng lạ lùng, một nỗi gì lạnh lẽo không hẳn buồn rầu, nhưng kinh ngạc. Dì tôi lăn mình vật vã khắp nhà. Anh Cả tôi suy nghĩ về cách trốn đó. Anh Hai thông minh hơn, chạy tìm em ở khắp các xó giường giăng đầy mạng nhện. Tôi thì chỉ biết yên lặng. Bỗng tôi để ý đến đôi mắt của ba tôi trong bức ảnh đặt trên bàn thờ, đôi mắt như quắc nhìn tôi. Nét mặt người buồn vì sám. Tôi tin có sự trách cứ huyền bí đó, sự trách cứ chính đáng gieo xuống tôi, vì tôi là một kẻ phạm tội: tôi đã quá dung thứ sự thầm lén của em gái tôi.

Cuộc trốn đi được ngót ba tháng, thì một hôm chúng tôi nghe tin em Dìn bị người con trai từ bỏ. Sự đoạn tuyệt đột ngột đó rất phiền phức và khó hiểu với tôi. Nhưng anh Hai tôi lại tỏ ra rất tường tận, kinh nghiệm. Anh giảng cho tôi biết:

– Đại phàm yêu nhau mà lấy nhau là hỏng.

– Thế yêu nhau mà không lấy nhau là không hỏng, à anh?

– Cái đó còn tùy mỗi người một duyên số.

Câu triết lý vu vơ của anh tôi thế mà đúng. Người ta yêu nhau, chỉ để yêu nhau. Lấy nhau tức là tham lam, ích kỷ. Mà đã yêu nhau, sao lại không thể can đảm xa nhau, không thể cao thượng chịu đứt cái tình đau đớn được? Ái tình, mà cái tên thứ hai ở thế gian này là Đau Khổ, không bao giờ cho phép người ta được thỏa nguyện. Chỉ có cha mẹ mới có quyền định đoạt được cuộc đời của

con, và Trời muốn thế, vì các bậc đã phải mang nặng đẻ đau, ắt được đền bằng một bài tính đố chính họ tìm lấy con số đáp. Xa nhau là yêu nhau thêm lên, vì hai trái tim vẫn tưởng nhau đẹp đẽ, nghĩa là vẫn sung sướng đánh lừa được nhau, vẫn mơ hồ và... tưởng tượng. Em gái tôi không hiểu thế sự, dám liều lĩnh đem cái tuổi mười lăm của mình ra thử thách một truyện vượt lên trí óc, dại dột đem mình làm gương cho người sau, cho tôi.

Em tôi đi được ba tháng thì dì ghẻ tôi cũng đi theo. Người đàn bà này đường hoàng đi ra bằng lối cửa chính, đem theo tất cả những của cải mồ hôi, nước mắt của ba tôi. Người khách thương ba mươi năm trời lăn lộn để gây chút sự nghiệp mỏng manh, không biết lúc này, ở thế giới bên kia, có thấy rằng chỉ những cuộc hôn nhân chính đáng mới tạo được nên những người vợ hiền và con chính đáng? Còn những sự lấy nhau vì nhục dục, vì tham vọng chỉ là cách tự thỏa mãn và không có nghĩa gì?

Từ bao lâu đến nay, tôi vẫn tin rằng mẹ tôi sung sướng. Nhiệm vụ một người vợ hiền, mẹ đảm Việt Nam đã được làm trọn vẹn, và danh vọng xứng đáng ấy được lấp lánh ở một chỗ cao quý nhất trong trái tim loài người. Cái phần thưởng đến với người tuy quá chậm và khó, nhưng chính sự khó và chậm ấy đã khiến tôi yêu mến nước Nam của tôi bằng một tấm lòng trọng đại, một mối tình vô song, nhất là quê hương thứ hai của tôi lại không được huy hoàng rực rỡ!

Một năm trôi qua. Mùa xuân đến. Chúng tôi đón Tết trong nhà nhỏ, ba anh em cùng ngồi quây quần bên mẹ, quanh một nồi bánh chưng sôi. Gió bên ngoài rét lắm, lật trái những tấm lá thấp thoáng trong ánh lửa từ bếp chiếu ra. Mưa rơi ngoài cửa. Bàn thờ ba tôi sáng chưng lên dưới một hàng nến đỏ nghiêm chỉnh như một toán quân đi chào cờ. Mắt mẹ tôi long lanh ướt. Người nhìn vào bếp lửa, đầu gối giơ cao để che lấp đôi mắt, chăm chú giở củi, nhưng thực ra là để che sự cảm động. Giữa lúc đó, người vú già ghé vào tai tôi:

– Cậu ra cho cô Dìn hỏi. Cậu ra một mình thôi!

Tôi ngạc nhiên đứng dậy, nói thác với mẹ tôi là đi tiểu rồi mở cửa bên chạy ra đường. Tôi thấy em tôi đứng nép dưới hiên một nhà người hàng xóm, rét run cầm cập. Tuy không trông rõ mặt và người

em, nhưng tôi cũng biết được em gầy và yếu đi nhiều lắm. Em tôi nhìn tôi rồi hỏi:

– Anh ra có ai biết không? Mẹ em làm gì đấy?

Tôi giấu chuyện dì tôi bỏ nhà đi, và đáp:

– Không ai biết cả, vì anh nói dối anh đi tiểu. Cả nhà đương nhớ em, sao em không vào?

– Anh đừng nói cho ai biết em về nhé! Em van anh đó. Em xấu hổ quá. Em lại đây thăm nhà vì em nhớ mẹ, nhớ các anh.

Tôi nghẹn ngào bảo em:

– Thôi em cứ về. Mẹ em năm nay ăn Tết ở nhà ông ngoại. Chả ai đánh em nữa đâu.

Nước mắt em tôi trào ra, em nức giọng:

– Không, em không vào. Em đến chúc tết anh là đủ. Xong, em đi...

Tôi hốt hoảng:

– Em đi đâu?

– Em vào Sài Gòn. Mười giờ tối hôm nay có tầu. Em chỉ còn ở đây được hai giờ nữa thôi. Năm nay anh có được nhiều tiền phong bao không? Chắc bánh chưng ở nhà ngon lắm nhỉ?

– Ừ ngon lắm, em vào mà ăn.

– Em đã bảo em không vào mà lại. Em lại đây cốt được trông thấy anh, và xin anh... mấy xu mừng tuổi gọi là nhớ lại ngày nào anh mừng tuổi em!

Tôi sờ vào túi, móc ra được năm đồng xu, ngần ngại đưa cho em tôi.

– Anh nghèo lắm em ạ.

Em tôi đón lấy số tiền, và cười đau đớn:

– Thế là nhiều rồi anh ạ. Thôi em đi nhé!

Nói dứt, em tôi lùi vào bóng tối, trong lúc tôi chợt nhớ ra, hỏi với:

– Em... em vào Sài Gòn với ai?

Tôi bước vào nhà buồn bã, sau khi đưa ống tay áo lên quệt nước mắt, giữa lúc mẹ tôi đã đứng dậy thắp hương trên bàn thờ ba tôi, vì tiếng pháo giao thừa bắt đầu nổ. Xuân về!

Mẹ tôi yên lặng khấn khứa, đoạn quay lại phía chúng tôi, giọng nói của người như nhắc lại cả một dĩ vãng thiếu tươi đẹp:

– Không biết con Dìn năm nay bao nhiêu tuổi nhỉ?

Tháng chạp, 1943

*

SÁNG TRĂNG SUÔNG

(truyện ngắn)

Tặng 12 tháng chạp, năm 1942

Chị đỏ Đương có một cuộc đời không đỏ chút nào. Tóc chị rối ren như tâm hồn chị bận rộn, bập bùng và sầu thảm như cái ánh đèn dầu lạc đêm đêm soi không đủ sáng một góc nhỏ trong căn nhà tranh.

Chị đỏ Đương lạc chồng từ năm mười tám tuổi. Chồng chị, một buổi sáng kia ngừng lưỡi cày đương thao thao rẽ những luống cổ điển trên mảnh đất muôn đời, để nghe ngóng một tiếng gọi từ nơi nào vang lại:

– Sà-goòng! Sà-goòng!

Ấy thế là, người dân đinh của xã Hòa Trường kia, giữa lúc máu trai chảy cuồng loạn trong người, đã ném cày, bỏ vợ, vất bà con, bước lên tầu, sang... sang Tân Thế Giới.

Và chị đỏ Đương đỏ mắt đợi chồng.

Nhưng anh đỏ Đương không bao giờ còn trở lại. Chị đỏ Đương khóc lên đau mắt, và ba mùa thu qua, ba mùa thu của một tấm lòng nghi ngờ thắc mắc, ba mùa thu đã rãi lên đời chị đỏ Đương, như đã rãi lên xã Hòa Trường, sự vui lên lặng lẽ.

Chân trời xanh.

Mặt hồ lặng.

Người thiếu phụ Việt Nam đã chết lòng trong một niềm đợi chờ đau xót, bây giờ trở lại sống với công việc tầm thường, nhỏ mọn, nối sáng theo chiều, qua mùa hạ sang mùa thu.

Xung quanh chị đỏ Đương không ai nhắc đến anh đỏ Đương nữa. Mà có nhắc đến thì nghĩa gì mấy cái tiếng khô khan này:

– À, ở mãi bên Tân... *khí* giới!

Xa xa. Và xa. Lòng chị đỏ Đương tưởng tượng làm sao ra cái mầu mênh mông của biển cả, để với qua đó một người đã mang đi nửa cuộc đời của chị.

Chị đỏ Đương cần phải lấy chồng. Người làng ai cũng thấy vậy. Và chị đỏ Đương rất thẹn mỗi lần người ta khuyên chị bước đi bước nữa trong đời. Là vì chị đỏ Đương còn đẹp, có phần đẹp hơn ngày xưa, tuy không bao giờ chị dám chắc rằng mình đẹp hết. Đôi lúc, chị đỏ Đương soi trộm bóng mình lên mặt giếng ngắm vội vàng, rồi thẹn thùng đưa mắt nhìn ra xung quanh, như sợ có ai vừa chợt thấy.

Mùa xuân năm ấy...

*

Cuộc đời thần tiên thơ ấu của tôi đương diễn ra trong tiếng chim ca, trên bờ sông làng Chung Thượng giáp ngay nách làng chị đỏ Đương.

Con đường đưa tôi đến nhà trường thêm nữa, lại chạy qua trước nhà chị, một căn nhà nhỏ núp trong bóng dừa xanh, khiến tiếng nói của chúng tôi thêm thân nhau, cuộc đời của chúng tôi thêm thân nhau, cuộc đời của chúng tôi gần gũi... Đôi mắt người thiếu phụ đã nhiều lần nhìn tôi qua hàng rào, và cái nụ cười chị từng nở trong bóng mát của một tấm lòng giàu thương yêu cũng như già cực nhục, khiến tôi tự nhiên sung sướng nghĩ đến một ngày rất gần đây, tôi sẽ có chị Đương trong số những người thân thích.

Tôi chỉ biết rằng chị Đương đẹp, đẹp kín đáo, và tôi lựa ngay được một người để gán cho chị. Người đó là anh Hai tôi.

Rồi tôi mang theo trong lòng, từ đấy, trên giải đường đã bình yên thu ngắn cuộc đời học sinh của tôi lại, cả một giấc mộng to tát,

cái giấc mộng cao quý phác vẽ, xây đắp hạnh phúc không cho mình, mà là cho một người, cho hai người thân thích...

Tôi nhìn nhận chị đỏ Đương bằng một vẻ niềm nở riêng, và chị đỏ Đương đãi lại tôi theo hàng thân thích.

Hàng rào râm bụt che khuất căn nhà chị Đương vẫn mùa mùa nở hoa, ngày ngày tươi thắm, bên kia hàng rào, qua những kẻ lá loáng thoáng, về những buổi sáng mùa đông, tôi vẫn thấy hơi nóng bốc lên từ cái miệng nhỏ thắm nước trầu không, theo câu hỏi:

– Em đi học sớm thế? Có rét lắm không?

Tôi đáp, nũng nịu:

– Chả rét chị ạ. Em mặc áo bông rồi.

Một lần, mừng được tin anh tôi sắp về ăn Tết, tôi chạy đến báo chị đỏ Đương:

– Chỉ đỏ ạ, anh em sắp về ăn Tết đấy. Chị xuống nhà em mà xem.

Tôi thấy chị đỏ Đương yên lặng rồi ngần ngừ hỏi:

– Thế à?

Tôi tiếp theo, quên rằng những câu nói tự nhiên của tôi đương làm một cô gái quê e thẹn:

– Thật đấy, ai nói dối chị. Anh em làm ở Hà Nội ấy mà. Hôm nào Tết chị xuống chơi... với anh em nhé!

Nói xong, tôi sung sướng cười cho đôi mắt chỉ còn là hai sợi chỉ nhỏ, trong khi chị đỏ Đương đưa tay vịn cành cây, cúi xuống đất, ngón chân cái di đi di lại hòn đất trong vườn...

– Hà Nội chắc là vui lắm đấy, em nhỉ?

Tôi đáp như khi đứng trước các bạn cùng tuổi:

– Mà nào em có biết Hà Nội là cái... cóc gì! Nhưng chắc là vui, vì nghe anh em bảo thế.

Không đợi cho tôi sắp nói nữa, chị đỏ Đương bước vào nhà, sau khi bảo tôi:

– Thôi, em đi học không muộn.

Trời thôn quê xanh ra, cao lên, soạn sửa đón ba ngày của một mùa thái bình, thịnh vượng. Gió trong ruộng đã thoáng lẫn hương xuân, và trong khi tắm biếc thêm lũy tre mườn mượt nhung, đã làm rướm chảy sự tươi thơm trong những tấm lòng trai trẻ. Trăm nghìn lần dò hỏi nỗi thanh tịnh của dòng sông, điệu hiền hòa của chim gió, tôi đã cảm nghĩ đến những tiếng pháo sắp sửa cười vang để rồi, bất thần, ngừng bước chân, tôi đưa tay viết lên không gian một chữ con con, xinh xinh mà linh hồn tôi đã nhiều lần nhắc đến: Tết!

Chỉ còn ba ngày nữa là hết năm.

Tôi mong đợi kỳ hạn về của anh tôi bằng cách ngẩn người đếm từng tiếng trống trễ nải, những tiếng trống chậm chạp lắm mới đập được vào tai tôi, trong khi, từ đằng xa, tôi ngạc nhiên thấy người khán già đã nhấc hẳn lên cái dùi gỗ...

Chị đỏ Đương không có vẻ đợi Tết. Chị không biết trông chờ, mong ước, thì nghe làm sao được sự vần vù mầu sắc của không gian, thấy làm sao được nỗi rộn ràng của thời tiết. Chị đỏ Đương gói bánh, giã giò, và nhờ những công việc này, chị biết rằng sắp Tết.

Hôm chạy một mạch từ nhà lên báo với chị cái tin anh tôi về, tôi vẫn thấy chị Đương ngồi yên lặng nấu bánh.

– Này chị đỏ ạ, anh em đã về đấy. Chị xuống ngay đi!

Nói xong tôi đặt vào tay chị hai chiếc bánh trứng gà, nói dối là quà của... anh tôi biếu chị. Lần đầu tiên tôi thấy người thiếu phụ ấy buồn bã rõ rệt, lần đầu tiên đương vui, tôi bỗng thấy lòng rạo rực, thắc mắc, vì sự quá lỡ lời của mình.

Chị đỏ Đương không nói, không nhìn tôi, đôi mắt hướng cả về phía lửa cháy, như người tính toán một niềm gì. Sợ chị không bằng lòng, tôi hỏi gặng:

– Chị đỏ giận em à?

Chị Đương ngoảnh lên nhìn tôi, mỉm cười gượng gạo:

– Không, chị không giận, nhưng chị không muốn lên.

– Chị chê nhà em chật à?

– Không phải, nhưng chị không muốn lên.

– Ấy thế thì em bảo anh em... xuống chơi với chị vậy!

Chị Đương sặc lên cười. Tiếng cười dữ dội quá, lạnh lẽo quá, vì nó đột nhiên, vì chưa bao giờ chị Đương cười như thế hết.

Ra đến ngõ, tôi còn quay với lại:

– Chị Đương đừng giận em nhé!

Có tiếng đáp lửng lơ:

– Không!

*

Tôi ngồi lọt vào giữa đám đông người nhà quây quần trên chiếc phản ngựa đặt hỏa lò, vì hôm đó là sáng mùng một Tết. Anh tôi cầm lấy tay tôi và hỏi:

– Dạo này Bé học hành có khá không?

Tôi đáp:

– Cũng tươm tươm anh ạ. Nhưng em có một chuyện này khá lắm, khá hơn chuyện học hành cơ!

Anh tôi cười hỏi:

– Chuyện gì thế?

– Chuyện lấy vợ ấy mà!

Và tôi quay về phía mẹ tôi:

– Mẹ ạ, ta đem quách anh Hai gả cho chị đỏ Đương đi. Con trông chị ấy cũng đẹp và ngoan đấy.

Mẹ tôi mỉm cười nhìn anh tôi:

– Nó muốn bảo con lấy con Đương ở làng bên đấy mà. Con ấy nó đã có chồng rồi, nhưng thằng va đi Tân...*khí* giới đến mấy năm nay không thấy về.

Tôi sợ có sự gièm pha không tốt cho người tôi yêu mến, nên liến thoắng:

– Chà chị ấy tốt đáo để. Anh cứ lấy đi, rồi đến lúc chồng chị ấy về thì đã... xong rồi!

Mẹ tôi nói giọng mỉa mai:

– Thế là ăn cướp vợ người ta đấy?

Trong khi mẹ tôi và tôi nói, anh Hai tôi vẫn ngồi lặng yên. Mãi sau anh mới chậm chạp:

– Kể ra lấy vợ nhà quê cũng tốt. Đỡ cả mẹ. Nhẹ cả mình.

Tôi thích quá, bảo anh:

– Anh bằng lòng rồi đấy chứ? Để em chạy phóc lên bảo với chị đỏ Đương biết.

Tôi giả vờ đứng lên, chạy đi, thì anh tôi cười:

– Đố cu cậu chạy được! Bánh chưng đã bóc ra kia kìa!

Tôi cười ngất, sung sướng, vì thấy người anh ruột đã châu đáo am hiểu tâm lý của thằng em.

Ngay chiều hôm ấy, lấy chỗ tình quen biết, tôi đến mừng tuổi chị đỏ Đương và nhân tiện để anh tôi xem mặt chị. Thấy chúng tôi đến, chị đỏ Đương luống cuống cầm gậy ra đánh chó, rồi quên cả sự chào hỏi khách, chị cứ nắm lấy tay tôi mà yên lặng.

Cảnh nhà chị Đương thanh bạch quá. Tết đến càng làm thanh bạch thêm. Mấy que hương đen ngậm ngùi cháy trên bàn thờ vắng vẻ, vài bông hoa giấy trơ trẽn thò ra ngoài chiếc bình sứ, không đủ điểm sáng sự u tịch đã có từ nhiều đời.

Chị đỏ Đương sống bên một người chị gái lỡ thời tàn tật, thiếu hạnh phúc của sự sum vầy nhưng rất giầu lòng nhân đức.

Hai tâm hồn ấy, mà một đã bị sa thải ra khỏi cảnh hoa nắng của đời, và một còn mang nặng cả cái dĩ vãng không đẹp, đã ghé lại bên nhau như bóng chiều nghiêng xuống túp lều rách, và cùng cảm am hiểu trong thứ tiếng nói thầm kín của đau thương...

Chị đỏ Đương có thật để lòng rung động trong buổi sơ ngộ với anh Hai tôi hay không, tôi không dám chắc. Nhưng bảo rằng người con gái đã để thoáng lẫn trong ý nghĩ sự muốn lập một cuộc đời thứ hai, tôi đã viết ra đây một sự suy xét không quá sai lạc. Điều khiến chị đỏ Đương dừng dằng trước ngưỡng cửa cuộc sống mới, đó chính là cái hình bóng thường run run ở một nơi mà chị mơ hồ đoán là xa lắm, có thế thôi! Anh Hai tôi thì đã được nếm mùi ăn chơi ở Hà Nội. Anh đã biết qua thế nào là chán nản, cái cảm giác tẻ ngắt, vô vị rớt lại sau những buổi tiệc đời, sau những cái xoay lưng hung tàn của mấy người con gái. Rồi giữa lúc lòng anh rộn cảm sự hoang

vắng, u tịch của tình người, anh tự nhiên nghĩ đến gia đình, cái cứu cánh của những tâm hồn bị ruồng bỏ.

Lần ấy, anh tôi nói trước:

– Năm mới, nhân được dịp về chơi, tôi lên mừng tuổi cô.

Chị đỏ Đương cúi mặt xuống, giọng nói run run:

– Cảm ơn anh...

Chị Đương chỉ nói được có thế, rồi bỏ đi têm trầu, pha nước. Tôi đứng lấp ló sau thân cây cột, mỉm cười với anh Hai tôi, đôi mắt ném về phía anh Hai cái dấu hỏi kín đáo...

Ra về, thấy tôi soắn suýt đến chuyện cưới chị đỏ Đương, anh tôi gắt một cách hiền hậu:

– Trẻ con... thì biết gì!

Cách đấy ích lâu, theo lời yêu cầu của anh tôi, mẹ tôi sang bên nhà chị đỏ Đương dạm ngõ. Sự ăn hỏi thật là giản tiện với những người thoạt sinh ra đã được sống một cách giản tiện. Chị đỏ Đương trốn biệt vào trong buồng, nghe qua kẽ vách, và nhìn trộm cũng qua đó.

Tiếng người anh chị Đương hỏi:

– Bây giờ thì cô định thế nào? Có bà bên làng sang bỏ trầu đấy.

Vài phút yên lặng trong buồng. Rồi có tiếng đáp vọng ra, tiếng đáp của người chị ruột đỏ Đương:

– Cô ấy... bằng lòng rồi!

Tiếng "rồi" bị ngạt trong một cái bàn tay chụm lại.

Trên đường về, anh tôi giơ cho xem một cái bã trầu không và nói:

– Đương nó ở trong buồng, nó ném ra cho anh.

– Thú nhỉ, thế là anh chị... xong xuôi với nhau rồi đấy!

Thực ra thì công việc chưa xong xuôi được. Anh tôi phải trở ra Hà Nội làm, và sự cưới xin phải gác lại đến sang năm.

Hôm anh Hai tôi ra tỉnh, nơi sẽ đáp tàu ra kinh đô xứ Bắc, chị Đương cùng chẩy chợ, sắm hàng, cùng đi một đường, trong cùng

một ngày, hai người bạn ấy đã trao rất nhiều tâm sự với nhau, giữa những bông cỏ may phân phất theo một chiều gió đìu hiu... Tôi đứng ở lại đầu làng trông theo họ, hai cái bóng mà tôi ước ao gần nhau mãi, mất dần đi trong lớp nắng mờ...

Rồi tôi mang theo trong lòng, từ đấy, trên giải đường đã bình yên thu ngắn cuộc đời học sinh của tôi lại, cả một giấc mộng to tát, cái giấc mộng cao quý phác vẽ, xây đắp hạnh phúc không cho mình mà cho một người, cho hai người yêu dấu...

Trong sự yên lặng của những ngày thôn dã, mất đi đều đều, không tăm không tiếng, đôi lúc, người phu trạm gầy khổ đến gõ cái gậy tre trên công nứa, trao cho tôi những phong thư từ Hà Nội gửi về. Những bức thư ấy, tôi đều đem đọc cho chị đỏ Đương nghe, và chị đỏ Đương đều xin tôi đem về giữ lấy.

Tôi còn nhớ mãi một đoạn này:

– "Hôm anh ra Hà Nội, không nỡ xa Đương, vì tàu chạy rồi, anh còn thấy Đương lau nước mắt. Em nên vì anh đối với Đương tử tế, vì dẫu sao Đương cũng đã là con mẹ, là chị em..."

Phải, chị Đương đã là chị tôi. Và tất cả những người như chị Đương đều là chị tôi hết.

Cứ gì phải chung sống dưới một mái nhà, chia uống một ngụm nước, cùng ngắm một dòng sông, người ta mới yêu được nhau? Tình yêu, nếu thực là tình yêu, thì không có quê hương, cố quận, bởi nó tỏa ra từ một tấm lòng nghệ sĩ mênh mông, tự nó đã có sức hun nấu, và thấu suốt qua, và bao trùm lấy tất cả những gì đáng được sự thờ kính thiêng liêng.

Tôi yêu chị đỏ Đương của tôi, và nhiều chị đỏ Đương khác, vì tôi yêu vô cùng cái giải đất cần lao này, cái giải đất thoát được ra ngoài sự lọc lừa, phản trắc, cái giải đất chị bị bạc đãi mà không bạc đãi ai bao giờ.

Anh tôi không bao giờ còn trở lại làng Chung Thượng nữa. Những năm trụy lạc, tù tội đã làm cách biệt con người ấy với cuộc tình duyên ngày xưa, và làm phai dần những lời thề thốt cũ.

Rồi tôi cũng ra Hà Nội để chứng kiến cuộc đời lệch lạc, không tin tưởng của anh tôi. Xa lắm rồi, lũy tre xanh vây kín xã Hòa

Trường êm ái, và xa lắm, hình bóng người thiếu phụ thuở trước, tay vin cành găng, cố hỏi bằng một giọng kín đáo:

– Anh em sao lâu về thế nhỉ?

Cách đây vài năm, tôi được tin chị đỏ Đương đã lấy chồng và đã có cháu ẵm. Tôi đem chuyện ấy nói với anh Hai tôi, thì anh ấy cười chua chát:

– Người định, nhưng trời đặt, ai biết đâu!

*

Một hôm, nhân có việc thuế ruộng, tôi trở lại chốn cũ, nhân tiện tạt đến thăm chị đỏ Đương. Tôi tìm lại nhà chồng chị, bày đặt ra chuyện mua thóc và hỏi thăm về mùa màng. Tôi cốt nói to để chị Đương hay rằng tôi đã về. Nhưng đáp lại cách ân cần kín đáo ấy, một điệu hát ru con từ gian buồng bên đưa lại, một điệu hát não ruột, đều đều:

Hầu hơi...
Trăm năm đành lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ con đò khác đưa...

Tôi nhận ra là tiếng chị đỏ Đương, bây giờ đã là bà Lý Thoại. Một cảm giác gì chán nản chạy lướt qua đầu óc tôi, chạy khắp người, khiến tôi rùng mình khó chịu...

Tự nhiên, tôi không muốn gặp chị đỏ Đương nữa, chào ông Lý Thoại, bước ra ngoài, trong lúc bóng đêm hắt hiu về đầy cả bốn phía...

Trời sáng trăng suông.

Tháng 11-1943

THÂM TÂM
(1917–1950)

Tên thật là Nguyễn Tuấn Trình (tên này cũng được ký dưới một số truyện ngắn và kịch) sinh năm 1917 tại thị xã Hải Dương trong một gia đình nhà nho nghèo. Từ năm 1938 gia đình chuyển lên sống ở Hà Nội. Do nhà nghèo, Thâm Tâm thôi học sớm và sớm đi vào sáng tác văn học. Ông thuộc thế hệ lớp nhà văn xuất hiện từ những năm 40 thế kỷ XX, cùng kết thân với Nguyễn Bính, Trần Huyền Trân... và xuất hiện thường xuyên trên các báo Truyền bá, Tiểu thuyết thứ bảy...

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Thâm Tâm công tác ở Hội Văn hóa Cứu quốc, có kịch được dựng trên sân khấu nhà hát lớn Hà Nội và viết bài cho tạp chí Tiên Phong.

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông nhập ngũ, là Thư ký tòa soạn báo Vệ quốc quân (tiền thân báo Quân đội nhân dân), nhưng ông là một phóng viên mặt trận, ít khi "ngồi" ở tòa soạn, mà tham gia hầu hết các chiến dịch. Năm 1950, trên đường đi mặt trận, ông bị ốm nặng và mất tại chiến khu Việt Bắc.

Sinh thời, hầu như tác phẩm của Thâm Tâm chưa được in riêng thành tập, trừ truyện Đại đội Kim Sơn (1948). Hai tập Thâm Tâm Thơ (1988) và Thâm Tâm – truyện ngắn (2000) đều mới xuất bản sau này và chưa phản ánh đủ tài năng văn học của Thâm Tâm.

*

BẾN TRÚC TRĂNG VÀNG NHỚ CỐ NHÂN

(truyện ngắn)

Một buổi chiều mùa đông, vào khoảng cuối năm, hoa đào đã nở lác đác ở phía ngoài thành, có một chàng nho sĩ áo lam cưỡi chiếc ngựa trắng đi qua cầu đá để vào trong xóm Trúc Hồ...

– Bà nhà ta nhu mì...

– Mợ ấy có dáng hiền hậu.

– Vợ mày đẹp đấy chứ!

– Bác gái thật là đảm đang v.v...

Cả một bài thơ đức tính lần lượt được những kẻ quen người thuộc, người thân kẻ sơ ngâm réo mãi vào tai một người đàn ông mới cưới vợ. Người đàn ông ấy, muốn nghĩ khác thế nào thì nghĩ, đôi phen mưa chiều, nắng sáng, cũng thấy sung sướng mà hưởng thử cái hạnh phúc tân tạo của đời mình.

Chứ gì! Cưới được vợ, cũng là một sự tổn công phu. Người ta, dù sao chăng nữa, cũng không nên hoài phí cái công phu ấy. Ở đời, nhất là với cuộc đời khó khăn này, chỉ kẻ nào dại mới chê vợ ngay từ buổi ban đầu. Khôn cho người ta vái, dại cho người ta thương, dở dở ương ương chỉ tổ cho người ta ghét. Vậy thì, vợ chồng người đàn ông ấy, đôi phen tiếng gà trưa, vầng trăng tối, đã không đến nỗi dở dở ương ương; họ yêu nhau chân thực và nồng nàn như những cặp tân hôn khác.

Song le, ai lại chẳng buồn!

Có người đã ngâm rằng: "Rũ áo đời buồn có thế thôi!"

Chừng cũng chán chường đến thế, nên mỗi buổi sáng, người chồng kia dậy sớm khác thường, không uống nước, không ăn bánh, không quát đầy tớ, cũng không đi bước một quanh nhà; ông ấy chỉ tỉnh tọa lầm lỳ như chiếc bóng nghìn đời của cột đá trong lăng. Ai đốt lá, cho khói thu vờn lên cột đá? Không, đấy chỉ là khói thuốc của khách cô sầu.

Vì người chồng ngồi có một mình, nên cô sầu. Người vợ? Người vợ cũng đã thức giấc, nhưng tiếc cơn mộng đẹp, giận con chim kêu, thành vẫn cuốn chăn mà nằm. Một buổi sáng nắng ấm. Cánh cửa phía ngoài hé mở độ vài gang. Nắng tươi lách qua nơi ấy, chiếu một vệt vàng lên nền nhà. Người vợ đã mở mắt, lim dim nhìn chồng im lặng hút thuốc lá rồi nhìn cả cái vệt nắng chạy dài kia. Một ít khói đưa, vẩn vơ qua làn ánh sớm, sáng gợn lên cái mầu lam tươi. Ngắm qua một lần màn the những diễm ảnh mơ màng đó, người đàn bà tài nào không nhớ đến những cái gì mà người ấy cho là đẹp đẽ nhất đời. Nàng – tiếng nàng cũng đẹp – nhớ lại giấc mộng, nhớ lại người, nhớ lại chàng nho sĩ áo lam.

Đồng hồ thong thả gõ...

Biết rằng mình không nên nằm mãi, người vợ bèn trỗi dậy và bước xuống khỏi giường... Nhưng mộng chưa tan một cái gì hồi hộp.

Bà ấy, khe khẽ, cất giọng ngâm:

Bến trúc trăng vàng nhớ cố nhân...

Tức thì, người chồng từ từ nghiêng cái đầu, không nói một lời nào cả, chỉ nhìn đột nhiên vào thẳng mắt vợ bằng một thứ nhỡn tuyến chưa từng khó hiểu đến thế bao giờ.

Người đàn bà tắc giọng.

Từ đó, hai vợ chồng đâm ra thỉnh thoảng lạnh lùng với nhau. Nhưng người đàn ông vẫn chẳng nói gì về câu thơ mà người đàn bà đã ngâm cả. Càng không đả động như thế, người chồng càng khiến cho vợ thấy khổ, tuy rằng nếu người chồng nói ra một lời, thì tất nhiên người vợ sẽ phải khổ hơn, còn đau lòng đằng khác.

Người vợ buồn, kể lể với em gái một buổi đến thăm bà ấy. Em hỏi:

– Thế ai bảo chị ngâm câu ấy làm chi?

Chị ngậm ngùi đáp:

– Tại vừa mới tỉnh giấc mộng.

– Chị mộng làm sao?

– Mộng thấy... Mộng thấy... *Một buổi chiều mùa đông, vào khoảng cuối năm, hoa đào đã nở lác đác ở phía ngoài thành, có một chàng nho sĩ áo lam cưỡi chiếc ngựa trắng đi qua cầu đá để vào trong xóm Trúc Hồ.*

*

Chao ôi! Người đàn bà đã mộng một giấc quá xưa! Một hình ảnh chẳng bao giờ có nữa! Người đàn bà còn đôi chút thổn thức vì mảnh tình quá vãng đó, một buổi chiều nào kia, đã thú thực tâm sự của mình:

– Tôi đã mơ nhiều quá, và xa xôi quá. Cuộc đời mỗi ngày một khác đi. Những chuyện đẹp như thơ của tuổi xanh đã hết, chỉ còn những bổn phận nó thắt buộc mình nhưng chính là những dây kim tuyến để đóng những trang sách vàng của người đàn bà thờ chồng nuôi con... Ở đâu mà chẳng có những lời ca hay! Chỉ tại lòng mình không muốn nhận, để thành ra ngang trái.

Tôi đã mơ thấy chàng thanh niên của một thời đại đã mất hẳn. Người áo xanh đó, phải chăng là người tuổi trẻ, một ngày xưa, đã đến dưới khóm tre ở bên đầm gần nhà tôi mà chờ tôi? Thế rồi, chúng tôi đã tôn sự thực đẹp lên nhiều quá, hơn cả những bản sắc tuyệt đối của chính sự thực ấy có. Chúng tôi mộng ở giữa đời sống khắt khe, chúng tôi đi sâu vào cơn mơ lãng mạn, có khác gì bây giờ tôi vừa mới mơ thấy chàng nho sĩ áo lam cưỡi chiếc ngựa trắng... Không! không! Tôi đã tỉnh rồi! Đầm tre kia, dù xanh tốt, vẫn chẳng thể là một bến trúc mà ở đấy "chàng" còn đến "nhớ cố nhân" để đợi tôi. Không! Hỡi người đã đổ cho Số mệnh để mặc tôi đi và chia tay tôi kia! Còn oán thán gì nữa? Còn vớt vát gì mà thương tiếc để gửi đến tai tôi câu: "Anh vẫn chờ em". Không, không bao giờ nữa, tôi còn đến được với người, dù bến trúc của người trăng vẫn vàng, hay bộ áo lam xưa người vẫn mặc mỗi mùa hoa đào nở. Hình ảnh đó, dù đẹp đến đâu chăng nữa, tôi vẫn không thể lại lên "cầu đá" thêm một bước để còn được nắm lấy bàn tay người. Tôi còn chồng tôi đang ngồi kia, chồng tôi không nói gì cả...

– Chúng ta, cả anh và tôi, vâng, đã yêu nhau đấy. Nhưng, đến lúc gặp nghịch cảnh, tôi đã yếu ớt, anh cũng không vững mạnh gì, chúng ta còn thiếu một chút lòng để lấy được nhau, chúng ta chạy trốn nhau và đổ hết lỗi cho Định mệnh. Chúng ta thua lẫn nhau rồi!

Tôi đi. Bổn phận cướp hết tôi. Tôi sống hẳn vào cuộc đời. Trong khi đó, thì "cố nhân", không biết nghĩ sao, còn cố níu lấy vạt áo cũ. Để làm gì nhỉ?

Một buổi chiều tất niên, người ấy gửi đến cho vợ chồng tôi một gói quà tết. Tôi trông thấy cái gói ấy, tôi giật mình, vì biết rằng tôi sẽ phải ăn một cái Tết thứ nhất với chồng tôi bằng... đau xót!

Quả thực là như vậy. Có một chục cam *giàng*, một bó hoa *violette* và một bó hoa *pensée*, có vậy thôi, không hơn một chữ nào cả. "Chàng" cũng có ý tứ lắm, nhắn lời nói rằng quà đó là của vợ chồng nhà nọ biếu xén vợ chồng nhà kia đấy thôi. Tôi cũng mỉm cười, để cảm ơn cả "hai ông bà". Chồng tôi cũng cười và không từ chối. Chồng tôi tuân thủ cắm cả hai bó hoa vào bình, nhưng không lấy nước.

Thế thì còn đời nào tôi dám đổ nước vào đấy nữa? Đã đành tôi cảm tấm lòng ai còn nghĩ đến tôi một chút. Nhưng ngắm lại hai

bó hoa kia, tôi cũng có nghĩ lại một ngày trước, thế là đủ lắm rồi. Tôi không thể nào, trước đôi mắt lặng lẽ của chồng tôi, lại quay đầu giở lại nhiều hơn thế nữa.

Một chục cam *giàng*, thì ngay sáng mùng một Tết, chồng tôi bảo đem ra ăn. Cam để trên đĩa. Tôi mời chồng tôi. Chồng tôi cười, nâng đĩa cam đến tận miệng mà giục tôi ăn trước. Tôi tưởng rằng, như mọi bận, đợi tôi dùng trước một món gì rồi chồng tôi mới dùng sau; cho nên, tôi đã thành thực nếm cái vị *giàng* của người cũ đưa lại. Trong lúc ấy, chồng tôi ngồi hút thuốc lá, đôi mắt lặng lờ.

Thế là tôi nghẹn! Bởi vì tôi mời, mời mãi, chồng tôi vẫn kiếm cách để từ chối không nếm qua một miếng cam kia. Tôi không biết làm sao được. Tôi thấy cay đắng ở trong miệng và cả trong lòng. Ôi, cam *giàng* ấy có ngọt đâu! Hay là chất ngọt, vào cửa nhà tôi, đã biến mất?

Ngay khi đó, em gái tôi lại mừng tuổi vợ chồng tôi. Nó vô ý quá, nó lại hỏi trêu chồng tôi rằng:

– Này, anh ơi! Sao ngày tết anh lại cắm hoa tím?

Nó tưởng rằng hỏi thế, là làm cho lòng chị nó được sung sướng lắm hay sao?

Chồng tôi cười, mà đáp; giọng vẫn bình thường:

– Hoa *violette* là mối tình kín đáo, hoa *pensée* là vẫn còn nghĩ tới và cam *giàng*, ấy mời cô xơi cam, cam *giàng* để ý chỉ hãy còn giàng buộc đấy cô ạ.

Em tôi cười láu lỉnh:

– Như vậy, thì sao em lại không ăn, phải không chị?

Tôi vội vàng lừ mắt cho nó hiểu, mà bảo:

– Không! Cam ấy không ăn được đâu. Chị vừa nếm rồi, chua lắm.

Em tôi vẫn chưa chịu thôi, lại hỏi:

– Này, anh, nhân ngày xuân mới, em hỏi anh một câu nhé. Có phải rằng buổi đầu xuân của tuổi xanh, thì ai cũng có một tấm chân tình nguyên vẹn phải không, hả anh? Tấm chân tình ấy...

Chồng tôi ngắt lời:

– Chân tình à? Về những lý lẽ của con tim, có lẽ tôi còn vụng lắm, tôi không trả lời cô được đâu. Tôi chỉ biết, khi tôi đã ở trong bổn phận nặng nề suốt một đời người thì tôi hiểu rằng cái phần kín đáo nhất của lòng mình ngày xưa phải để riêng ra; như vậy, thì đối với người khác, tôi cũng không muốn chạm đến cái phần kín đáo ấy của người ta làm gì, nhưng cốt nhất là cũng nên cất riêng đi chứ. Khi cô bị gai mắt, cô có thấy khó chịu vì dầm dặm không? Ấy, mắt tôi cũng vừa bị bụi, nhưng chẳng lẽ tôi lại đi nằm và cáu kỉnh đến đập phá cả những lọ hoa này đi? Cứ để đấy! Tôi không muốn mang tiếng là người cục súc, không hiểu gì cái đẹp của những cánh hoa đâu!

*

Em gái tôi, đến ngày nay, không còn nụ cười hồn nhiên xưa kia vẫn trêu cợt anh rể nó nữa. Em gái tôi đã biết viết những câu này: "Tiếng chuông chùa nhiều lắm rồi! Thôi hết! Hết giờ niệm Phật! Thế là hết một ngày..."

Được! Chị có thể nói với em...

– Tôi bây giờ đã có con đàn, vui lòng ở trong hạnh phúc gia đình với một người chồng... không nói gì cả đến những giấc mơ của tôi. Ấy thế là tôi phải quên những cái gì hoa đào, áo lam đi đấy. Người ta, huống chi, cũng chỉ vớt vát đợi tôi đâu một vài lần.

Thôi, đi đi! Hỡi cái tiếng vó ngựa ở ngoài kia! Lòng người mẹ này, có còn rộn lên chăng nữa, là chỉ còn rộn lên bởi những tiếng khóc của con trẻ u ơ...

Đời phen, giăng lại vàng cái mầu vàng mà tôi vẫn nhớ. Tôi thú thật rằng tôi mang máng thấy một chiếc bóng ai, lúc bấy giờ, lại trở về như cách đây năm năm trước.

Nhưng kìa, tiếng cười thành thực của chồng tôi... Chồng tôi tên là Cương. Lâu rồi, tôi cũng chỉ tên là Cương.

Tiểu thuyết Thứ bảy
Số 379, 20-9-1941

*

BÔNG LAN TRẦN MỘNG

(truyện ngắn)

Uổng mang sắc nghiêng nước
Sinh làm con nhà nghèo
Một sớm bụng thấy đói
Trăm năm thân phải liều

(Nhượng Tống)

Lan sinh ra đời, vào mùa rét mướt, vốn dĩ cái kiếp ấy đã nở trong sương trong gió lại phải tàn đi trong sương trong gió, lấy một giọt mưa làm một giọt lệ, lấy cái xế muộn của năm tàn làm cái xế muộn của lòng mình.

Ấy là nói về hoa, nhưng cũng là nói về một người đàn bà. Người đàn bà ấy, khách phong lưu đánh dĩ lần hồi một cái tên là Lan.

Lan là một danh hoa, lại cũng là một danh ca trong làng sênh phách. Người cha già của nàng vốn là kép đàn, nên Lan thuộc lòng mà hát cho đời khúc Tỳ bà từ nhỏ.

Lịch sử một đào hát có thế. Nhưng tình sử một đào hát bề bộn hơn. Khách chơi hoa, kể nguyên về một thứ hoa lan cũng đã tốn công phu tách bạch nhiều lắm. Rừng son phấn hãy cứ cho là một vườn trồng lan đi đã. Có những lan trắng, những lan tím, những lan vàng, những lan như đầu hạc, những lan như hạt châu. Nhưng kẻ yêu hoa đời thường chỉ chọn có một. Mầu chiếm khôi ở truyện này là mầu đỏ thắm, cái sắc tươi nhất đời người, đẹp như một giấc mộng: ấy là thứ lan trần mộng, hoa cánh đỏ như máu, mà đã là máu tất có sự sống của một mộng đời.

Lan đã sống thế nào?

Sinh em là cũng ý trời,
Cho nên đánh dĩ miệng người phong lưu.

(Dịch tình sử)

Người kép già, tuổi đã vời bóng xế, bên mình lại chỉ có một mụn con gái. Người kép già, sinh lực tán dần trong khói thuốc phù

dung, một cây đờn không đủ nuôi mình lúc yếu đau. Người kép già ấy: khóm lá cằn, khóm lá ấy sống, vì một bông hoa, phải trông vào một bông hoa!

Bông lan trần mộng không mọc và không nở khóm lá cằn chỉ là một nắm cỏ úa lụi dần, mà lụi một cách thê thảm trong hang tối mất thôi.

Lan là con nhà nghèo, phải nuôi cả mình lẫn bố. Người kép già thử cho con tập hát, con có giọng; người kép già trông mong con đến tuổi, con dậy thì thấy đẹp; người kép già dạy con, con đã khả dĩ liếc được cái lưỡi sắc của mình.

Lan cười trong tiếng bạc vàng loảng xoảng, trong tiếng lụa the lách rách...

Ánh sáng ban đêm của xóm kỹ viện tắt dần sau giờ Tý, giờ bắt đầu của ma quỷ. Lẫn với bóng tối, đã bao nhiêu cái bóng người ngã xuống, chất lên nhau, trong một cái hố thăm thẳm đưa lên không hết một hơi gió rùng mình: tiếng thở dài!

Yêu Lan không thiếu gì người.

Để rồi nguyền rủa Lan, cả ngần ấy người đều nguyền rủa.

Bởi người bố giết chết ngay từ đầu cái tình của con. Nó không chết hẳn! Lan hãy còn giữ được một chút lòng mình. Mà để làm chi vậy?

Để, một đêm, một khách rong chơi, hỏi tên Lan, yêu cái áo màu hồng nàng mặc, cười mà đùa rằng:

– Bông lan đỏ, bông lan trần mộng đấy, nhưng đã làm ác mộng cho bao nhiêu người rồi? Liệu, ta muốn chiếm hẳn cái ác mộng ấy đó!

Lan bỗng nhìn người khách, ngạc nhiên, lại nghĩ rằng: ý hẳn anh chàng này điên chắc! Chiếm hẳn? Chiếm hẳn thì có họa bán cả một đời gã dại gái ấy đi!

Mà kể gã cũng dại thật. Ai lại rỗi thì giờ ngồi giảng thế nào là lan trần mộng cho cô Lan đào hát đó nghe, ai lại thừa hơi sức mà kêu gào với một ả giang hồ rằng:

– Giấc trần buồn lắm, ca nương ạ!

Ca nương cười ngay vào mặt gã.

Gã ngẩng phắt lên nhìn ca nương.

Lan rùng mình, kiếu về nhà riêng. Nàng vốn có lệ không muốn tiếp ai, thì không ai có quyền bắt nàng ngủ lại nhà hát. Nàng là đào hát mảnh.

Nhưng còn cái nhìn không thể cắt nghĩa của người khách mời kia?

Ấy đấy! Thành ra Lan ngập ngừng! Nàng bước đi, rồi lại ngoái lại, nói lơ lửng một câu:

– Anh ngủ đi. Nhưng ít nhất, trước khi ngủ được, cũng còn phải nghĩ một cái gì đấy nhé!

Nghĩ gì?

Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo phường đệ nhất sổ đà chép tên.

(Tỳ bà)

Trong đời, có khi nói lên được một câu, là một sự rất khó. Lan đã làm xong việc ấy, bởi một chút nổi dậy cái chân tâm từ trước vẫn bị đè xuống. Người kỹ nữ nói vội câu đó, người ta bảo là khờ. Nhưng có ai lại ranh mãnh với chân tình được đâu! Lan đã cúi mình xuống trước khi người đàn ông đáng lẽ phải cúi mình xuống nàng. Tại sao thế? Tại Lan yêu! Khi Lan nói ra câu ấy thì nàng tự thấy mình đẹp lắm, nàng vốn ác, vốn ở xấu với người đời, mà người vẫn lăn xả vào làm thiêu thân; thì một khi nàng ở cho ra đẹp, sao cái gã kia lại trốn chạy được! Gã không ngủ được đâu, gã phải ôm choàng lấy người con gái ấy, nếu nàng chưa kịp chạy.

Lan chạy, bởi vì vừa nói hớ một câu. Ấy đó, cơ tâm còn sót lại của người kỹ nữ. Nhưng mà đêm ấy, chính Lan cũng phải nghĩ rằng:

– Hắn lạnh như tiền, hừ! Nhưng liệu hồn! Cái nhìn của bạn đẹp lắm!

Cả hai đã thua nhau rồi đấy. Đừng có tưởng ỡm ờ giằng giữ nhau thì không thắng được nhau đâu! Lòng họ đang khát cả.

Bông lan thơm nức lên.

Người đàn ông mê rồi! Tiếng đàn đã nổi, tiếng đàn thập của ca nữ dạo lên vì có người đáng nghe. Ấy là chuyện những đêm về sau. Nàng quên mình là cánh hoa bay, chàng quên mình là cỏ bồng lăn. Mắt tìm sang mắt...

Nhưng sao lại đặt Lan vào kiếp hoa trần mộng? Mộng nào là mộng dài lâu!

Người kép già lo thay cho cái lòng dễ yếu của con gái. Này, không khéo, thì cái gã đàn ông kia thắng đến cùng độ cho mà xem! Hừ, gã mà lại chực thắng? Gã, một kẻ chẳng đem lại được bao tấm the thắm để chuốc mua ngón đàn!

Thôi đi!

Ca nương ngậm ngùi hát, lời "lưu thủy" mà giọng hết vui:

Từ ngày, từ ngày gặp nhau
Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau
Dây tơ mành xe buộc lấy nhau,
Xe không dặng đem tình thương nhớ...

Cây đàn nguyệt của người đàn ông đã rời rạc ngón, nó lạnh lùng kêu:

Hồ là là hồ sự sang
Sẽ sang hồ...
Đàn em mười sáu dây đồng,
Có nàng Tô Thị trong lòng tiếng tơ
Tình mang tang tóc từ xưa,
Chập xuân nửa giấc, sầu thu nửa đời,
Lòng đau khó nói lên nhời,
Đành giao tâm sự theo mười ngón tay...

(Trần Huyền Trân)

...là hồ sự sang...

Mười ngón tay mảnh dẻ của Lan, thứ hoa yếu ớt, chỉ còn gieo xuống tơ đồng nỗi thương nhớ âm u. Vì trên mười ngón tay ấy, còn có hai bàn tay già gân guốc và khắc khổ cầm chừng, để sai khiến những ngón buông bắt chiều theo những khách phong lưu khác vàng lóa bạc ngời...

Ông già nghiện phải có những gì để sống!

Người con gái còn có cha già! Tuy vậy, Lan cũng kêu lên:

– Đời còn gì nữa, thầy ơi!

Ông già nghiện vốn lạnh!

Lan lại kêu lên:

– Đời còn gì nữa! Không cho con yêu, thì con sống làm sao!

Ông già nghiện lần này ngồi khóc...

Lan không kêu gì nữa. Nàng cười khanh khách, nàng cười rũ rượi lên mà thu the lụa về mình, mà vơ tiền bạc về cho cha già đốt trên ngọn đèn pha phiến... Nàng khẩn dần tiếng... Phải, đời còn gì nữa, Lan không yêu vội, thì giọng ho mỗi ngày một khô!

Lan đã đuổi:

– Thôi, đi khỏi, Bính!

Bính nghĩ rằng chẳng đời nào còn trở về xem bông lan trần mộng đã héo hay còn tươi.

Nhưng Bính đi để lại một kỷ niệm: cái thai trong bụng người ca nữ. Người ca nữ còn dạo những khúc đàn, những khúc đàn đầy lời Tô Thị...

Đàn ấy, khách phong lưu mua từng khúc để làm những cơn vui.

Người kép già, nâng nghiêng cây đàn đáy, vẫn lạnh cái lạnh khói thuốc, ngồi lấy gân tay đêm đêm, cho con gái nhịp theo khổ phách hát lên cái giọng mà người ta dần dần chê rồi: phổi nàng đã yếu lắm.

Kỹ nữ hàng to bán chợ chiều,
Lụa the xé lẻ đã bao nhiêu
Chia ra thiên hạ, riêng tri kỷ
Xé lẻ khôn toàn, một tấm yêu.
Những lỗi sắc tài, duyên háo mộng,
Đành cười nghiệp dĩ, nhận da đoan,
Lòng suông đánh đuổi vài the thắm,
Cũng đã xong xuôi nửa ngón đàn.

Đàn dây "tố lan", là một sự ưa thích đặc biệt của Bính. Tố lan tức là dây "hồ" nhì, dây trên xuống thực chùng, nghe trầm mà não như giọng khóc tỉ tê của người cô phụ đã tàn hơi.

Bỏ Lan, theo một cuộc hành trình xa tắp, Bính thời thường ở lữ thứ vẫn dạo lên những tiếng nhớ thương. Người thất tình ấy quên sao cho được đôi mắt đằm đằm của ai, đôi mắt càng ngày càng trong và ướt ra, như xuất hết tinh thần: ấy là đôi mắt của người có bệnh phổi.

Nghề đờn mà dạo là không theo một bài nhất định, nhưng tâm ý tính tình người gẩy thế nào đều linh động ra ở hai bàn tay. Để giãi cài hoài niệm đau xót của lòng mình cho rất chân thật, Bính chỉ dạo trên dây đàn nguyệt, mà dạo trong những đêm mưa gió nổi đầy trời...

Tiếng đàn ấy nhớ hơi đàn nọ.

Và hơi đàn xưa nhắc lên thấp thoáng hình hoa. Bông Lan gầy lắm, bông lan tơi tả trong mưa gió, chẳng biết ngày xanh đã tổn hết mấy cánh rã rời...

Nghĩ đến thế, nghĩ đến cái tình yêu còn cháy lửa và cái hạnh phúc mình không có quyền ném bỏ, thì Bính như nung như đúc ruột gan. Tiếng đàn dần dần không run nữa, nó gằn mà già câng theo hơi "bắc". Bính đã mạnh bước chân. Chàng đã đổi từ sự uất giận sang cái nghiến răng khởi chí. Chàng mê mải làm việc để đủ sức trở về. Chỉ có những kết quả ấy là cướp lại nhanh chóng được hạnh phúc lỡ trước, là đủ quyền chiếm được kẻ mình yêu đã rày khỏi tay xưa.

Lan đã có lỗi những gì với Bính?

Không! Bính đầy tràn cả một lòng yêu để bảo rằng Lan toàn nhiên đẹp tốt.

Lại về rũ áo xóm xưa.

Mùa rét xám trời. Những con chim xưa, tiếng kêu quen thuộc, vẫn chíu chít giàn cây. Ví chăng, sênh phách có khác dịp rồi, cũng nên đem hết sức cả mình mà cố yêu lấy một tấm lòng làm lại trong nhân hậu. Dù rằng Bính phải kêu lên:

– Giời ạ!!!

Giời ạ, nghĩa là đời còn gì nữa, người đàn bà ơi!

Thôi, khóc chi ai, giữa phút này,
Thà đem tâm sự chuốc nhau say!
Hồng lâu nào khác ngoài quan ải,
Khi xế giang hồ, rượu hết say...

(Trần Huyền Trân)

Lan chỉ còn là một nắm thịt xương thoi thóp ở trong nhà thương lao.

Thiên hạ, từ lâu, hồ như quên tên nàng đi. Người ta gọi tên ấy với những người ca nữ khác. Trong vườn giang hồ, người ta chỉ nhận những bông hoa còn ở trên cành; rụng rồi, là che lấp.

Bính vẫn còn đôi giọt lệ dành được, mà dành được là để cho Lan. Hai người đã gặp nhau trong một buổi chiều cuối năm.

Lan. – Giời ơi! Anh Bính!!!

Bính. – Em... em khổ đến thế này à?

Lan. – Em chết mất.

Bính. – Không, anh đã về đây!

Lan. – Em chết!

Bính. – Anh van em!

Lan. – Anh về, thế là em đi được...

Bính. – Giời ơi, Lan!

Lan. – Con anh.

Bính. – Hở?

Lan. – Con anh... ở nhà hội Tiểu nhi.

Bính. – Sao? Em nói cho rõ. Anh đây mà!

Lan. – Vâng, Bính của em... Thôi thế là em yên tâm chết. Em đẻ xong thì ốm liệt... Thày em cho cháu vào trong nhà hội Phước, mà giấu em...

Bính. – Lan!

Lan. – Lạy... anh...

Tơ hồng cỏi giả trời xanh,
Oe oe còn một chút tình con con.

(T. Thúc Hiến)

Thế là kết liễu một đời ca nương thanh sắc! Hình bóng của những gái giang hồ còm cõi chết dần trong cái nhà mồ bình khang, vẩn lên những khói thuốc độc, những hơi rượu dữ, pha trộn những phấn sáp lẫn nước mắt và mồ hôi cùng ít nhiều đờn máu...

Vành lược bạc gẫy tan dịp gõ,
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi.

(Tỳ bà)

Lại những giọt máu, những giọt máu đỏ như cánh hoa đã rụng rồi. Ai ơi! Khi giẫy đạp lên những cánh hoa bạc mệnh, hãy nghĩ rằng ít nhất đó cũng là cái dấu vết một giấc trầm mộng đầy tiếng kêu than, đó là xác còn lại của một sự sống đầy âm hưởng mà non yếu?

Bông lan sinh tử cùng trong mùa giá rét. Đời Lan nhớn lên đã cuối đầu lắm trong mưa gió, rốt cục lại, cũng ngã xuống ở trong mưa gió, còn gì gọi là một chút lòng thì không được mở, còn gì gọi là mắt chút tình thì không được dùng, người ta chỉ dậy ở trong giáo phường cái gì gọi là giả dối.

Không giả dối nữa, thì đau khổ.

Ca trường không thiếu biệt ly!

Một mình Bính thấy mất hết những cái gì quý báu ở đời. Chàng đau đớn một buổi chiều có nắng, đi nặng nề qua cổng hội Tiểu nhi.

Trong sân, một lũ trẻ vô thừa nhận đang được ẵm trên tay bởi những người vú sữa, dưới sự trông nom của các bà Sơ.

Bính nhìn qua màng lệ vào thẳng đám trẻ mà không biết rằng đứa nào là con mình. Chàng không có quyền vào nhận trong ấy nữa. Lòng chàng đau xót bao nhiêu! Chàng cuối mặt xuống, đi vào lớp bụi trắng gió lốc, mang niềm căm hận mênh mông. Cuộc đời vừa qua thực là cơn trần mộng não nùng mà bông lan mảnh dẻ, dù mảnh dẻ, cũng tan vỡ ra thành tiếng. Ấy là hai câu "Sinh vi danh giáo chi tội nhân, tử vi tình trường vi oan quỷ". Con nhà ca xướng bị tuyên án tàn nhẫn bởi người đời, lại bị khuôn lề vào thói nhà, lại bị hoàn cảnh vô đạo chia rẽ ác liệt tình máu mủ, con nhà ca xướng như Lan thì có lỗi với Bính được không!

Tiếng chuông chiều...

Người đàn ông sám hối...

Tiểu thuyết Thứ bảy,
Số 400-401, 21-2-1942

*

GIĂNG SOI VƯỜN CẢI HOA VÀNG

(truyện ngắn)

Ngồng cải vươn cao đều một luống, lay động ánh giăng, giãi cái mầu nửa vàng nửa xanh lấp loáng. Hoa cải lăn tăn từng cánh, như có như không...

Hai người đứng bên vườn cải, chả chắc gì có nhìn hoa. Họ chỉ biết có ánh giăng lạ. Mái đầu này ngả xuống dưới mái đầu kia: sự hoan hội của những đường tơ, đường tóc.

Xuân khô và lạnh. Chân tơ kẽ tóc cũng thấy đìu hiu. Dậu ngửa mặt, kêu:

– Anh ơi!

Mão vuốt lại mái tóc thưa của Dậu, không nói gì.

Bàn tay Mão lướt trán Dậu làm cho Dậu lại kêu:

– Anh ơi tay anh lạnh thế?

Mão rủ rỉ:

– Tay tôi lạnh thế đấy.

Dậu đưa cả hai bàn tay lên ấp chặt lấy bàn tay Mão:

– Thế này cho ấm.

Đến lượt Mão kêu:

– Em ơi!

Dậu cúi xuống nhìn ngón tay của Mão rồi kéo lại gần môi. Mão đương bận nghĩ một điều gì lờ mờ. Dậu hé răng, cắn ngón tay Mão một cái. Một cái thôi.

Tay hai người rời nhau.

Dậu nhìn Mão, khó hiểu.

Mão gặp hai con mắt lấp lánh vàng. Đấy không phải là huyền hay nhung. Một sắc màu đã úa như sắc cánh hồng khô, mà có một hạt nước. Thế thôi.

Dậu muốn nói:

– Em đau đớn lắm. Chỉ còn anh, để em kể...

Nhưng Mão hiểu lắm. Lời an ủi đã có:

– Dậu ạ, dù có gặp những sự tàn nhẫn đến đâu, cũng đừng xử tàn nhẫn lại. Hãy cứ ở trong thật hết cái lòng nhân hậu của mình, cho thật hết cái lòng nhân hậu của mình, là có hạnh phúc.

Dậu nghe thấy Mão nói một câu ba lần. Dậu nhắm mắt lại. Khi mở mắt ra, thì nhìn thấy những luống cải. Hoa vàng một mầu không lạnh, nhưng là dịu. Dậu thấy mát lòng, chứ không rét. Dậu níu tay Mão, mà nói:

– Vườn cải đêm giăng, vàng quá và đẹp quá!

Mão hỏi:

– Thật à?

Dậu cười nhẹ nhàng, lại nói:

– Từ mai, anh đừng bắt một con bướm nào nhé. Bao nhiêu bướm đều là ở nhà em bay đến đây cả.

– Nhưng nếu là bướm của Dậu, mà lại không bắt, nhỡ chúng bay sang vườn khác thì sao!

– Không, bướm của em chỉ đến đây thôi, không đi đâu nữa, và không đi đâu hết!

Bỗng Dậu nghe thấy tiếng mõ ở ngoài chùa. Khuya! Chia tay... Dậu bảo:

– Anh ngủ cho đẹp giấc nhé.

Mão nhìn theo Dậu, nói vớt:

– Chắc giấc ngủ đầy bướm.

Dậu đi vội, nhưng còn có tiếng:

– Và em sẽ mơ thấy cả vườn hoa vàng, anh ạ.

Đây là một truyện diễm tình. Hay là không phải cũng được. Bởi vì chưa chắc họ đã yêu nhau. Đến giờ cũng chẳng biết được họ nghĩ thế nào. Vậy Mão không đoán chắc được là Dậu nghĩ gì. Dậu cũng thế!

Tuy nhiên, Dậu hứa:

– Em sẽ nói hết cho anh nghe.

Nghĩa là tâm sự. Nói hết để cho Mão hiểu hết được Dậu. Nhưng, hiểu hết được rằng Dậu mất hết cả những người thương yêu, chứ hiểu hết được làm sao cái thương yêu còn lại ở trong lòng Dậu.

Hay vì tâm sự còn dở, nên tâm tình chưa bắt đầu?

Vườn cải trăng vẫn soi. Vẫn những cái bóng nhẹ nhàng. Mão vẫn kiên nhẫn nghe dần cho chóng hết những cái gì đau khổ của người con gái đã đến với mình. Mắt Dậu y nguyên mầu cánh hồng khô. Đó là sự chua xót. Mão không thương Dậu, vì không thấy Dậu cần đến sự thương hại của ai. Dậu chỉ cần có người hiểu mình để an ủi mình. Mão chưa hiểu hết được Dậu đâu. Có ai lại hiểu hết được lòng ai bao giờ! Nhưng Mão an ủi được. Chả thế mà Dậu lại muốn gần Mão luôn luôn. Để chỉ nghe:

– Hãy cứ ở cho thật hết cái lòng nhân hậu của mình. Hãy cứ ở cho...

Giời mưa xuân. Tiếng lái đò giục khách ơi ới ngoài bến sông đầu xóm. ít lâu nay, thành hẳn một thói quen, nếu ngày nào Dậu không đến thì Mão buồn.

Nhưng Dậu đã đến, mảnh khăn tang mới trắng toát ở trên đầu. Mắt sâu vào, không cười.

Mão vừa hỏi:

– Sao mấy hôm nay...

Thì Dậu đã nói:

– Em vừa gẫy mất cánh tay phải!

Mão giật mình, nhìn vào cánh tay nguyên lành của Dậu.

Dậu vẫn tiếp:

– Em vừa bị giời cướp mất người chị hiểu em hơn ai hết. Đã não lòng chưa, anh?

Mão tuyệt nhiên không chia buồn gì cả. Đáng lẽ phải nói:

– Tôi thành thực viếng chị và sẻ cái đau với Dậu.

Thì lại bảo:

– Ừ nhỉ, Dậu có khăn mới. Hèn nào trông Dậu...

Tự dưng, Dậu vội hỏi:

– Anh trông em vấn khăn có già đi không?

Mão lắc đầu:

– Chẳng già. Chỉ buồn hơn một chút.

Dậu ngậm ngùi:

– Buồn lắm, anh ạ.

Tiếng lái đò giục khách ơi ới ngoài bến sông. Mão thấy cũng buồn ngang với Dậu. Nhưng, tự dưng, Mão có cảm giác rằng mình là người sau cùng nhận cái ai tin trên. Là người sau cùng, nếu có sự, thì chỉ là dành cho sự an ủi tấm lòng cần than thở mà những người khác không an ủi nổi.

Nếu bận nào cũng chỉ có thế, thì Mão thấy việc đó nặng nề quá. Lòng hóa u ám như giời mưa.

Người đàn bà nào lại chẳng có một phần đẹp!

Tâm trạng Mão nghiêng về cái đẹp ấy, bởi vì muốn hớn hở lên đôi chút. Vậy phải thoát khỏi giây lát cái không khí than thở càng ngày càng u uất kia. Mão muốn sống ra ngoài nước mắt, lấy một khắc thôi, khi có ở bên mình một người đã tỏ rõ những phần đẹp.

Mưa rơi làm bóng những lá cam xanh ngoài vườn.

Mão nói:

– Tôi ra trẩy cam vào cho Dậu ăn nhé!

Dậu nhìn những trái cam da đỏ ướt nước. Nhưng lại chê:

– Cam này thì ngọt gì! Em chỉ thích có cam Bố Hạ. Giá có cam Bố Hạ lại cho vào ngày sinh nhật của em, thì quý hơn.

Chắc Dậu vô tình mà nói thế. Nhưng Mão hết vui. Một cơn mây qua làm dãy cam sầm lại. Dậu vùng đứng lên, hối hả:

– Chết, giời sắp mưa mau hạt mất. Em đi về đây.

Mão thở dài. Sau cái thở dài, thì Dậu đã nghiêng nón đi khuất hàng rào. Tà áo đen không còn gì nữa.

*

Giăng soi vườn cải. Nhưng hoa vàng đã hết. Cả một giàn cam cũng trẩy hết rồi. Cây trơ lại lá.

Chỉ có bóng hai người vẫn còn đứng bên nhau.

Dậu nói:

– Bao giờ cũng thế, cứ đứng đây là lúc về hình như không nỡ.

Mão thấy hả lòng.

Nhưng tiếng mõ ngoài chùa lại tai ác nổi lên.

Dậu nhìn Mão, khẽ thốt:

– Thôi, em về.

Giời khuya không cho Mão cản lại. Đành nói:

– Ừ, về.

Dậu lại hỏi:

– Anh có gì cho em không?

Đó là câu nói của mọi lần, một sự đòi quen lệ và rất âu yếm.

Nhưng lần này, Mão không còn gì cả. Cả đến một cánh hoa vàng cũng hết. Chỉ xót một tấm lòng suông. Mão toan giãi nốt. Mà dịp mõ ngoài chùa càng rộn lên!

Mão đặt hốt hoảng bàn tay lên mái tóc Dậu.

Dậu gạt xuống.

Gió đêm xuân lạnh thật!

Dậu bước xuống thềm.

Trăng xanh buồn teo!

... Từ hôm đó trở đi, Mão không thể nào đặt bàn tay lên mái tóc Dậu được nữa.

Không còn vườn cải. Mùa cải đi qua rồi. Giàn cam cũng hết cành xanh thắm.

Và một buổi kia, Mão tha thẩn bên gốc cam già, thấy buồn hơn hết cả bao giờ, không phải vì một chuyện thất ý nào, nhưng là vì trông thấy những con sâu leo lên những chiếc lá mới.

*

Vẫn không phải là một chuyện diễm tình.

Vậy Mão chưa gọi Dậu bằng em. Và có lẽ không thể nào gọi như thế được. Giá chữ "cô" không có nghĩa lảng ra quá, thì Mão đã gọi Dậu bằng cô, để chỉ đúng vị một người anh yêu thương chứ không yêu đương gì cả.

Dậu kể mãi cũng cạn tâm sự. Thành ra thưa đến với Mão. Hai người không rộn lên như trước nữa. Cái tha thiết buổi đầu đã mất qua những con mắt thờ thẫn. Mão lại có được bao nhiêu điều kiện an ủi đều dốc hết bấy nhiêu, không tiếc rẻ, thành ra đã đến lúc thấy hai bàn tay trơ ra như cây bàng cuối đông.

Còn lại một tấm lòng gọi là ái ân thì Dậu không cầu nguyện. Dù đó là bởi Dậu quên. Mão cũng lơ đãng rồi.

Vì vậy họ thừa thì giờ nhiều quá, cái thì giờ riêng của hai người. Lắm lúc, họ không có chuyện mà nói nữa. Họ nhìn nhau, kể bâng quơ, để mỗi lúc sắp ngả vào cái say mê của vườn cải đêm trăng trước, thì lại hốt hoảng chia tay.

Tiếng mõ bên chùa đêm đêm buồn lắm.

Cốc... cốc... cốc...

Mão nghĩ đến cái đau cố hữu của đời Dậu. Mão bằng lòng nhận một người em. Mão không tơ tưởng gì nữa, chỉ nói:

– Dậu ơi! Hãy cứ ở cho hết cái nhân hậu của lòng mình...

Nhưng Dậu lại tưởng rằng đã đến lúc nên bướng ít chút để làm tội kẻ khác chơi. Mão vốn chiều Dậu mà! Vả lại, Dậu không kể tâm sự nữa, thì Dậu phải đòi ở Mão những gì mà những người đàn bà thích hành đàn ông.

Việc ấy thành thói. Dậu đã vùng vằng cả với sự nhân hậu mà Mão cầu nguyện.

Mão có nhắn:

– Cánh đồng chiêm đã vàng hoe những lúa. Gió chiều hạ mát lành. Tôi chờ Dậu.

Dậu cũng không đi.

Mão còn gọi:

– Sương thu hiu hắt lắm. Vàng rơi, thắm rụng mắt đã mòn rồi. Giờ này ai ở về đâu?

Dậu cũng không lại.

Giờ đã mưa nhiều lắm. Những trận mưa rào, những trận mưa lũ, và những trận mưa tàn phá cả mùa màng.

Mùa hoa cam đến đã lâu rồi. Hoa cam ở vườn Mão không nở. Cây cam vì sâu mà không bói trái. Sự chăm cho cây chỉ có chừng với Mão, cũng như sự chiều nể Dậu. Không thể làm gì hơn. Vì vậy, mà không kết quả nữa.

Mão không sống ở đời chỉ để quanh quẩn có một việc lau nước mắt cho cô em gái.

Tình yêu lại không.

Mà lòng Mão như ở một xứ cực hàn, cần có tấm vũ y tránh lạnh.

Dậu không nghĩ đến việc may tấm áo đó. Dậu thấy Mão không cho mình thêm gì nữa thì ngán ngẩm; lại tưởng rằng đã đến lúc mình không cần Mão nữa, mà trái lại Mão cần đến mình.

Dậu bèn kiêu chơi. Làm ra khó khăn và xa cách.

Mão khoanh hai tay lại, vì tự thấy không ra một người tình, cũng không ra một người anh.

Chỉ là chuyện những người thiếu lòng tin, những người không dám làm gì bao giờ cả.

Tiếng mõ bên chùa không cao lên nữa, thì rời rạc mà tắt dần.

Dậu vẫn gọi Mão bằng anh, nhưng xưng là tôi. Mão thì cứ vậy.

Duy có vườn cải lại nở hoa vàng đêm đêm trăng soi, không còn ai nhắc đến một con bướm trắng của nhà ai. Bướm đã lạc rồi. Mộng không đẹp nữa.

Lời hận như nước xuôi dòng...

Người ta không bỡn với tình, là thế.

Giăng xuân soi ở đâu chẳng sinh cảm hứng. Có một đêm, trên bến sông Ninh Cơ, để buồn theo nước triều ra bể, Mão nghĩ nên viết cho Dậu rằng:

– Cô Dậu ạ, hoa cải nhỏ quá, và đơn lạnh quá, nhưng không phải là không đẹp. Anh vẫn là người anh vô lý của cô. Anh buồn thật. Và buồn cười nữa. Nhưng đến ngày nay, anh vẫn nghĩ đến sự nhân hậu, ai cũng phải nhân hậu cả, để mà có nhau.

Bởi vì cứ kiếm chuyện ra để làm tội nhau, thì còn có ai thương yêu được ai nữa!

Tiểu thuyết Thứ bảy,
Số 404, 14-3-1942

*

CUNG ĐÀN LY HƯƠNG

(truyện ngắn)

Bấy giờ tôi đương làm một ly gia khách, chiều chiều ngắm cái náo nhiệt lạ mắt của đảo Hương Cảng, không khỏi có lòng nhớ quê.

Những cơn sầu êm nhẹ đó, khó chia cùng ai, bởi cái cớ lạ người, khác tiếng. Tôi đành gửi vào đàn. Ấy là cây độc huyền mà tôi đã mang qua bao trùng sóng biển, làm người bạn đồng hành. Tôi có ý mang nó đi theo, là vì cuộc du lữ nhất định không kể ngày kể tháng, mà là kể từng mùa đổi thay...

Đã lắm hoàng hôn xuống thấp, tiếng độc huyền dìu dịu lén vào hồn tôi. Cát bụi phố xá chìm xuống, tình quê cao lên... Bao nhiêu hình bóng thân mật của một thời đã cũ, của một xứ đã xa, lần lượt vươn qua không gian và thời gian hằng chiều.

Gảy cây đàn ấy, tôi gợi gì một kẻ tri âm đến với lòng tôi? Không có ai hết cả! Ở trên đất ấy, ai hiểu gì và biết gì về cây độc huyền đặc biệt của cái xứ đã dùng quả bầu khô để sinh hơi đàn! Thật không có ai hết cả! Ngoài một vài cặp mắt tò mò, chắc cũng vì tiếng đàn gợi ý ly sầu, mới khẽ liếc qua...

Tôi ở một căn buồng thuê trên tầng thứ ba, lọt thỏm và lẻ loi như một cánh hồng bị gió thổi rơi vào một đám cỏ xôn xao nhưng thật rất không quen thuộc. Vì chưa biết được mấy tiếng Tàu, nên tôi không giao thiệp rộng với những người gọi là "hàng xóm". Buổi chiều nào và những đêm buồn tênh nào mà tôi không đi chơi, là y như tôi đánh bạn với cây đàn bầu, có nghĩa hơn một tên bạn thâm giao, có tình hơn một đàn bà trọn đời chân thật nhất.

Thế rồi một buổi chiều kia, chắc là mây trời đẹp lắm...

"Trên trời có đám mây vàng, khách du bao giờ mới trở lại?"

Ý một câu thơ cổ, khiến tôi nhớ một cái gì ghê gớm lắm. Làn khói ở chỗ phụ đầu tan ra, nhưng cái hơi chắc còn vẩn vơ bay, biết đâu không qua bể chiều nay, rồi thành một giọt sương xuống trên ngấn mắt một người đang gảy độc huyền, một người đang hát khúc *Nam ai...*

Tự dưng, tôi nhớ đến những cặp mắt ở cái xứ có những người chít khăn đen vòng mái tóc. Đất của xứ ấy đã chôn rau tôi. Tôi cất giọng hát bài *Nam ai*, càng hát càng muốn cao tiếng lên, dù tôi chỉ có một giọng thổ vừa nặng vừa đục có phần rã rời như nắm cát khô.

Tôi thôi hát, thì điện đã sáng trưng khắp các bóng đèn. Ánh lửa nhiều lúc có ảnh hưởng đến nội giới. Tôi chợt thấy lòng tôi tan hẳn đi cái u ám của mây chiều, thứ mây Hàng mà cổ nhân thường gửi lòng về nơi cây tang, cây tử.

Tức thì, nổi lên một giọng hát đâu từ tầng dưới đưa lên. Bấy giờ sự náo động của lúc lên đèn làm cho tiếng ca không nghe được rõ. Nhưng tôi thoáng lắng thấy một câu, một câu khiến cho tôi giật mình, ngơ ngác và đâm ngờ cả thính giác của mình. Bởi vì là một câu ca dao của một người Việt Nam, mà có lẽ do một đồng bào của tôi vừa hát. Tôi chỉ mới nghe có thấy: *"Ai về tôi gửi đôi giầy"* thì tiếng hát bị lấp hẳn trong cái ồn ào sôi động. Tôi không còn nghe được gì cả. Tôi phân vân, rồi lại nghĩ rằng hay câu đó chỉ là những tình cờ tôi nghe trại âm ra thế chăng?

Tôi vì công việc, nên ban ngày không có mặt ở nhà, chỉ trở về căn phòng của mình vào buổi chiều; vì thế, tôi cũng không được biết và không cần biết, những người ở quanh đây có những ai và có những hạng nào. Tôi chẳng nghe thấy một sự gì khác lạ ngoài câu hát cụt lủn kia nữa, nên vài hôm sau, tôi đã quên khuấy đi mất cái giọng vẳng lên như giọng quê nhà. Hay tại vì mấy buổi chiều sau, vì bận rộn, tôi đã để cây độc huyền câm lặng?

Cuộc đời thường gợn sóng ở trong sự tình cờ. Ai hay đâu một câu hát bé nhỏ kia là để mở đầu cho một thiên tâm sự? Vậy chỉ có sự tình cờ mới dẫn tôi vào con đường khuất nẻo ấy, để cho tôi được gặp một người làm cho lòng tôi gợn sóng.

Sự may mắn, tôi muốn gọi thế, đến trong buổi chiều thứ bẩy tuần đó. Tôi được mời một bữa tiệc lớn tại Sơn Hải Hương, có những tân khách phong lưu, cùng với những nàng ca kỹ một đuôi con mắt, một khía miệng cười...

Đây là nơi, sau bao nhiêu ly thù tạc của rượu hồng, người ta có quyền để hả đến tận độ những gì mà cõi lòng hay giấu giếm.

Men say chuếnh choáng, tôi nhìn cái trong suốt của chùm bóng đèn trăm nến, bỗng như soi qua đấy một lũy tre xanh, một cái cổng làng có những con lợn ỉn, rồi một mảnh áo nhuộm bằng chất nhựa củ nâu... Thế là tôi nhớ nhà! Tôi nhìn người bạn đồng hương ngồi gần đấy, mà cười, nhưng giọng tôi hẳn chẳng vui gì, tôi hát:

Ai về tôi gửi đôi giầy,
Phòng khi mưa nắng để thầy mạ đi.

Cả bàn tiệc không ai ngạc nhiên, mỗi người bận theo đuổi một hứng thú riêng. Chỉ có anh bạn hút thuốc lào của tôi kia là cười trả lại tôi một cái cười ý vị. Rồi anh hát, chắc hát cho tâm sự anh:

Nhớ ai như nhớ thuốc lào
Hồ chôn điếu xuống lại đào điếu lên

Câu chuyện bằng ca dao của chúng tôi làm cho một gái son phấn im hẳn tiếng cười nửa chừng, mà hơi cuối xuống lắng nghe...

Tôi nhìn cô ả, nghĩ thầm:

– Biết gì mà lắng!

Nhưng một sự ngạc nhiên làm cho tôi sáng hẳn mắt lên. "Nàng" đã tiến đến gần tôi, khẽ nói một tràng tiếng Tầu, mà tôi không hiểu nổi.

Người bạn đồng quận của tôi vội thông ngôn:

– Ả bảo rằng ả cũng biết ở bên nước chúng mình, quả của những cây cau ăn được.

Tôi cố bập bẹ dùng mấy tiếng Tầu học lỏi:

– Tôi thì tôi biết rằng giai nhân Hương Cảng rất đáng yêu.

Người bạn tôi lại tiếp:

– Quả cau bên nước tôi ăn ngon lắm, bất cứ một tiệc lớn nào cũng dùng nó làm thức tráng miệng, quả bé nhất cũng bằng một nắm tay.

Tức thì người kỹ nữ cất tiếng cười giòn giã, vẫn nói bằng tiếng Tầu:

– Tôi tưởng rằng nó chỉ bằng quả vải.

Người bạn tôi kể lại câu chuyện thú vị trên, và nói bằng tiếng mẹ đẻ với tôi rằng:

– Nàng ranh mãnh lắm, chắc đã có lần sang bên mình làm gái nhảy hay xóc cái ở những sòng bạc chứ gì!

Rồi bạn tôi quay hỏi ả:

– Có lẽ tôi đã gặp nàng ở đâu rồi, nên trông quen lắm.

Ả lắc đầu hé miệng cười, hàm răng không trắng lắm, có sắc như thứ răng đã nhuộm đen rồi mới cạo đi.

Tôi toan gạn hỏi lai lịch, thì bạn tôi đã nói:

– Xứ chúng tôi có nhiều cái lạ lắm, lạ hơn cây cau mà nàng đã biết.

Kỹ nữ đáp lời:

– Em rất hân hạnh có dịp được nghe.

Tôi cũng cố nói cho nàng đủ hiểu:

– Còn tôi, tôi sẽ nói về con gái đẹp của xứ tôi.

Nàng cười khanh khách, đôi con mắt đen khép hẹp lại, dài ra như ngọn lá răm; rồi mở ví tay lấy ra một tấm danh thiếp, nàng trao cho tôi. Tên nàng là Lý Thái Vân, còn địa chỉ thì... thật là một sự bất ngờ may mắn, nàng lại ở ngay một căn buồng của tầng thứ hai tòa nhà tôi trú ngụ.

Nhưng tôi chưa nói gì rõ về lai lịch tôi.

Vài ngày chóng vánh đã qua đi.

Thế rồi lại đến một buổi chiều, chắc là mây giời đẹp lắm. Một mình tôi hớn hở với cơn vui vô cớ ở lòng, bước thênh thang từng bậc một lên gác thứ ba, và về căn buồng mình ở.

Giữa lối, tôi gặp người kỹ nữ họ Lý, áo mầu xanh dài tha thướt, bước xuống, hình như sắp đi dự một cuộc truy hoan nào, vì nàng bấy giờ điểm trang lộng lẫy lắm.

Tôi toan gật đầu chào, thì họ Lý đã cất tiếng khe khẽ, không ra nói mà cũng không ra hát:

"Ai về tôi gửi đôi giầy,
Phòng khi mưa nắng để thầy mẹ đi".

Tiếng nắng ả lại ngọng thành ra là lắng, khiến tôi bật cười, không còn kịp ngạc nhiên rằng sao ả lại biết nói tiếng – cái thứ tiếng mà các "thím" vẫn gọi là "A-lam"!

Thái Vân hỏi tôi bằng tiếng Tầu, mà tôi hiểu đại khái rằng:

– Tiên sinh bây giờ mới về, chắc sẽ có tiếng đàn vang lên đây nhỉ?

Tôi lúng túng, vì không đủ chữ biết để trả lời họ Lý một câu cần văn hoa.

Hình như Thái Vân hiểu ý, nên bỗng nói bằng tiếng Việt Nam:

– Em thích nghe đàn ấy lắm.

Tôi nhìn kỹ họ Lý, tò mò hỏi:

– Hình như cô là người...

Thái Vân cười, ngắt lời:

– Ông có thể dư thời giờ?

Tôi vội săn đón:

– Chiều nay tôi rỗi lắm. Mời cô lên nghe đàn.

Nàng nhận lời ngay.

Về phòng, tôi mời Lý ngồi, và trỏ cây đàn treo trên tường, mà bảo:

– Đây là cây đàn độc huyền tôi vẫn gẩy, nó chỉ có một dây mà thanh âm thì thật là biến chuyển.

Thái Vân vẫn cười ra dáng thơ ngây với âm nhạc lắm. Nàng hơi lắc đầu cho mái tóc cắt ngang gáy rung lên và hơi tả tơi ra.

Đoạn, nàng nói:

– Tôi chỉ biết nó là cây đàn bầu.

Tôi gật:

– Bầu là tên nôm, mà độc huyền là tên chữ.

Lý cười, vẫn hai hàm răng còn mờ một thời nhuộm đen:

– Em chỉ biết gọi là đàn bầu, vì em là nhà quê.

Rồi nàng kể luôn một thôi.

Mà em sang bên này từ nhỏ, hồi mới chín, mười tuổi. Bây giờ đã hai mươi mốt tuổi. Nghe ông gẩy đàn em nhớ nhà quá, vì thày em ngày trước cũng hay gẩy đàn bầu. Đêm nọ, em giả vờ không biết đấy thôi, chứ thật ra em vẫn nhớ như in cái làng có những cây cau và những bà già nhuộm nâu từng tấm vải to sợi một.

Càng nghe, càng ngắm, tôi càng thấy Lý Thái Vân một trăm phần trăm Việt Nam, trừ bộ quần áo theo "mốt Thượng Hải". Nàng không thể là một vũ nữ, hay là một *cắm cẩu múi* ngồi xóc cái, như người bạn của tôi đêm trước đã nghĩ lầm.

Tôi bèn hỏi:

– Vậy sao cô lạc loài sang tận bên này, và học được cây Tỳ, khiến được cười cho Hương Cảng?

Thái Vân khoan thai kể bằng tiếng mẹ đẻ cái đời trôi dạt của nàng từ năm lên mười. Tuy nàng xa cách quê hương hơn mười xuân thu, nhưng tiếng cười nói chưa quên mất mấy; có lẽ cái tiếng của nơi chôn rau cắt rốn ấy, dù Lý không còn trao đổi với ai nữa, nhưng nó đã ăn sâu vào trong linh hồn thể khiếu của nàng như khóm rễ cái ăn sâu xuống ở một gốc cây cổ đại. Lý không biết văn hoa gì hết, nhưng cái giọng thành thực của nàng làm cho tôi cảm động bao nhiêu! Thỉnh thoảng, lỡ pha vào một vài tiếng Tầu thì nàng lại vội chữa lại ngay, chêm theo một cái thở dài, nửa như giật mình, nửa như chán đời vậy. Có lẽ chính giọng nàng bấy giờ mới thật là một cung đàn ly hương có ý nghĩa nhất, chứ một dây đàn bầu khờ khạo của tôi đã rung động sao được hết cái tâm sự khó nói như là tâm sự Thái Vân kia!

Theo họ Lý, thì hồi ấy nàng theo mẹ ra thăm một người bà con ở bên Cẩm Phả, giữa đường, không biết làm sao, riêng nàng bị bọn khách buôn người mang xuống thuyền. Tỉnh cơn mê, cô bé mười tuổi đã thấy mình nằm ở sàn thuyền, có người canh giữ, dù khóc

lóc kêu la van cho mấy, tiếng nàng cũng chỉ tan hết vào một giời, một nước mênh mông... Thuyền của bọn Khách lênh đênh năm đêm ngày trên mặt bể, rồi ghé vào cái bến mà về sau họ Lý biết ra là bến Wo Song Tùng. Ở đấy, nàng bị tụi buôn người bán cho một tên Khách già ở về một miền quê mùa, và nàng bị hành hạ khổ sở lắm. Sau tên Khách già chết đi, họ Lý được theo người vợ trẻ của hắn lên Quảng Đông; Bấy giờ nàng đã mười ba tuổi, và bắt đầu học đàn, học hát, vì nàng cũng có nhan sắc khả dĩ làm đẹp được lòng khách chơi. Hai hàm răng thì cạo ngay hồi mới bước chân lên đất Tầu, mái tóc cũng cắt ngắn. Người ta nhất định làm cho mất hết những cái gì là phương Nam ở người cô bé bị mang đi bán kia, tuy nhiên, có tiếng nói thì không thể nào mất được. Họ Lý không thể quên, dù không còn dịp nào dùng đến thứ tiếng ấy nữa. Nàng không nói, chỉ là tạm câm trong lòng mà thôi. Cuộc đời ca kỹ của nàng mang một cái tên đẹp đẽ là Thái Vân, cuộc đời ấy mỗi ngày một rạng rỡ đưa nàng lâu la tới Hương Cảng, một bến nước phồn hoa không thiếu gì những du khách bốn trời...

Câu chuyện kể xong, Thái Vân kết luận:

– Có lẽ em là người may mắn bậc nhất trong những người con gái đã bị tụi buôn người đem bán sang đây, dù rằng cuộc đời chẳng còn trong sạch nữa. Em bây giờ chỉ còn một mình, vì bà dì nuôi em đàn hay, hát ngọt, cũng đã mất rồi. Em đang sống quen với những đêm son phấn, thì ông đem tiếng đàn tới cho em nhớ quê nhà...

Một giọt châu đọng trên con mắt đen như cánh nhạn. Khía môi Lý ngậm lại, thoáng một nét buồn ngàn trùng...

Tôi gảy cho nàng nghe một bài *Lưu thủy*. Và tôi hát, dù giọng tôi là giọng thổ. Thái Vân theo tôi mà hát cái điệu hát nước mình. Giọng nàng phảng phất một thứ u hoài, không cứ thuộc về tâm sự một cô gái lìa nhà, lại có thuộc về tâm sự một kẻ sĩ, quê người, thấy gốc tóc đã sâu.

... Thái Vân còn học mãi. Cho đến khi nàng ca hoàn toàn được một khúc *Nam ai* thật là réo rắt, thì cái tình giữa hai kiếp hoa bay, bỗng đứt đã khăn khít lại.

Nhưng kẻ lưu đãng đã hết cái thời hạn ở lại bên màn son phấn mà mềm ủ mình hoa. Một buổi sớm kia, tôi phải dự định cái giờ cùng Thái Vân chia rẽ.

Tôi dò hỏi ý định của nàng xem có thể theo tôi tìm về cố lý.

Nhưng Thái Vân khóc mà bảo:

– Em là thân một gái đã điếm rồi, còn mặt nào về nhìn thấy cha già, một người cha em vẫn nhớ rất nghiêm và rất thẳng. Anh cũng đừng bắt em phải kể làng xóm ở đây. Anh chả nên biết. Em cũng không lòng nào nhắc đến nữa. Chỉ xin anh nói với mọi người rằng có một đứa con gái trôi giạt kia bao giờ cũng ngoảnh về hướng Nam để tạ tội với quê hương và cha mẹ, dù cái tội ấy chính tự nó không làm ra.

Thái Vân chỉ nói có thế, còn cái cớ nhất định mà nàng không về được, thì không ngỏ ra bao giờ. Trước hôm đưa chân tôi một ngày, Thái Vân hiến tôi một khúc Tỳ bà sở trường, tôi nghĩ rằng ngày xưa Chiêu Quân sang đất Hồ thì ngón tay đau đớn ở trên cung bậc chỉ đến thế là cùng. Ngoài mười năm, tiếng Hồ đàn Rợ đã quen tai...

Tôi vốn không chịu cái thuyết bi quan: "Kẻ đã điếm lòng rồi, khó thể cứu vớt được một phần nào lại". Tôi băn khoăn về sự tha thiết đem Thái Vân hoàn lương, và để cha mẹ nàng được gặp đứa con đã tuyệt hy vọng từ lâu rồi. Nhưng muốn nói thế nào thì nói, muốn làm thế nào thì làm nàng chỉ lắc đầu...

Con tầu đã nhổ neo, rời bến.

Thái Vân họ Lý đứng trên bờ, giơ cái khăn hồng lên vẫy. Tà áo của nàng bay phất phới, mái tóc ngắn tả tơi. Tôi không còn nhìn thấy nàng là người con gái đồng bào nữa. Nàng tên là Thái Vân họ Lý, xuất thân ca kỹ ở tỉnh Quảng Đông. Kìa, nàng cười, lại cái cười lả lướt của những đêm rượu và phấn son!

Tôi bảo người bạn cùng về một chuyến tầu:

– Anh có đọc truyện Chiêu Quân không? Người mười năm tiếng Hồ đàn Rợ đã quen tai, nàng còn gẩy sao hay được khúc Tỳ bà nữa?

... Từ chuyến tầu vĩnh biệt ấy, tới nay đã ba năm, không biết cây đàn độc huyền tôi lưu tặng họ Lý có còn hay đã mất hay đã

theo cuộc đời trôi giạt của người kỹ nữ ấy mà lạc đến một chốn phồn hoa khác nào chứa nổi cơn gió bụi của đất giời?

Tiểu thuyết Thứ bảy,
Số 409, 4-1942

*

KHÀ MỘT GIẤC BÊN HỒNG

(truyện ngắn)

Năm nay, tôi lại có dịp về thăm cái làng cũ, chốn quê hương đã trải bao nhiêu tháng ngày xa cách. Tôi đi viếng những phần mộ tổ tiên, đi xem lại cả cái giếng đầu đình ngày xưa cô tôi thường ra kín nước và cả miếng đất cũ ở về phía nam thôn mà cha tôi đã dựng lên một nếp nhà ở đấy để rồi lại bán đi khi bốc cả gia đình thiên cư đi nơi khác.

Những phần mộ thì bao giờ cũng chỉ là những nấm cỏ gà mọc um tùm, khác cái là mỗi năm lại thấp xuống; còn cái giếng nước thì bờ đá cũng mòn mất nhiều rồi, dòng chữ tôi khắc lên đá không còn thấy đâu nữa; sau cùng đến miếng đất cũ, miếng đất chôn rau cắt rốn thân yêu của cái lứa con cháu chúng tôi, cái lứa người bội bạc nhất trong dòng họ, vì cuộc sống gieo neo, mà bất đắc dĩ phải rời bỏ quê hương mãi mãi.

Sự xúc động mãnh liệt nhất trong lòng tôi, khi đến trước miếng đất cũ là trông thấy năm gian nhà gỗ ngày xưa không còn nữa. Phải, tôi phải gọi là "ngày xưa" bởi vì thời ấy thật đã xa xôi ghê gớm, đối với kẻ năm năm lưu đãng ở ngoài thiên hạ này. Hai cây mít cũng đổ, hay bị người ta hạ xuống từ bao giờ. Tôi chỉ thấy ba gian nhà lá, với một mảnh vườn trồng các thứ rau dưa, mà vắng bóng người, không như hồi gia đình tôi còn ở đó – một cái gia đình trưởng họ, vui vẻ và ầm ĩ biết bao.

Nắng buổi chiều xê xế, gọi là cái nắng xiên khoai. Những lá dọc sơn hà nghiêng xanh, bắt lại trước mắt tôi cái mầu hoàng hôn là cái mầu dễ làm cho động lòng tiếc nhớ. Tôi bỗng rùng mình, nghĩ

đến những trận nước mưa thường lăn tuột qua lá dọc, không để lại được gì, hay là chỉ để lại vài giọt long lanh đọng gọn như vài giọt lệ chưa nỡ rơi hẳn vậy.

Tâm tôi hỡi, cũng may mà còn thấy khóc buổi chiều nay! Trên lá dọc sơn hà, còn được rớt lại vài hạt nước mắt của kẻ thanh niên về đứng ở trên nền đất cũ. Nhưng cũng đừng đứng im như pho tượng coi lăng kia mãi. Hãy đi sâu vào trong mảnh vườn nay đã sang tay kẻ khác. Tôi bước chậm chạp ở trên một lối đi buồn bã, có thoảng mùi hương của hoa hồng. Vẫn không có tiếng người, mà có lẽ ở đây tiếng gà qué lại còn nhiều hơn người – những con gà con, trơ trụi, đứng gãi bóng dưới nắng chiều, không buồn nhơn nhác vì động chân tôi, và hình như cũng không buồn sợ hãi nữa.

Như một lão già, cái lưng còng xuống; tôi vịn hai bàn tay xuống một cái chum sành đựng nước ở bên một gốc cau. Chao ôi! Cái chum sành này đây, ngày xưa đã đựng không biết bao nhiêu là gánh nước mà tôi gánh từ ngoài giếng về! Cái chum sành này, bây giờ trông thấy, tôi mới lại sực nhớ ra. Chính nó! Ồ, thì ra chính nó cũng đã sống được lâu thế vậy! Tôi muốn có một giọt nước mắt rơi xuống, hòa vào với nước giếng ở trong lòng chum. Biết đâu một giọt lệ rơi xuống, chẳng làm lan ra được một vòng sóng đập vào thành chum, mà rên rỉ lên một tiếng vang quá khứ? Chính nó! Nó là kỷ vật độc nhất của nhà tôi xưa để lại cho người mua lại đất.

Tôi mê mải nhìn xuống lòng chum, như nhìn xuống đáy mắt một người ái ân mà trường hận. Nhìn như thế, cũng không biết để làm gì nữa, để tìm gì nữa, bởi sự thật trong lòng chum chẳng có gì cả, ngoài cái bóng mình thật mập mờ.

Một bàn tay ai đặt lên vai tôi, nhè nhẹ. Tôi ngửng nhìn lên. Một ông già, héo hắt, cười với tôi một cái cười vàng úa như hoàng hôn. Tôi chào ông già, và tôi còn nhận ra ông chính là người mua lại nhà đất của thày tôi ngày trước. Ông già nói:

– Tôi nhận ra cậu ngay, bởi vì cậu ôm lấy cái chum, ôm như ôm một người thương mến quá, mà cậu lại có khổ mặt của... những người ngày xưa, một khổ mặt tôi không quên bao giờ cả.

Phải, phải, ôm lấy cái chum, tôi đã ôm lấy cái chum, bởi vì tất cả, tất cả chỉ còn một cái chum, nó làm cho tôi thổn thức. Còn khổ

mặt tôi thì chính là khổ mặt của thày tôi, khổ mặt của cô tôi, ông già quên làm sao được!

Chúng tôi nhận tên họ nhau, hỏi thăm vội vã về cận trạng của gia đình nhau, rồi ông già kéo tôi ngồi xuống cái chõng tre đặt sẵn ở bên luống hồng đang nở đưa hương lên gió nhẹ.

Tôi nói:

– Ông giữ cái chum sành lâu quá. Đã hai mươi năm rồi. Bấy giờ tôi lên tám. Nhưng trí nhớ của tôi bền quá, nên tôi không quên được cái chum kia, tôi không quên được bờ giếng cũ nơi tôi thường theo cô tôi ra đấy để nghe tiếng nước rỏ xuống lòng giếng.

Những giọt nước in kỹ quá sâu quá thành ra tâm tôi mang mãi tiếng vang. Tôi có thể nói rằng chính cái giếng đầu đình làng này đã ngâm lên trong lòng tôi bài thơ thứ nhất.

Ông già bỗng đập tay xuống chõng:

– Phải, phải, chính cũng cái giếng ấy đã ngâm lên trong lòng tôi bài thơ thứ nhất. Ồ, thế ra cậu đã nghĩ giúp hộ tôi một cái ý hay nhường ấy, một cái ý lạ lùng mà hai mươi năm trời nay tôi không tìm hiểu được.

Ông già nói rồi im lặng, nhìn lên bức ráng chiều, một con cò lửa vỗ cánh về xa.

Tôi nhìn đôi mắt ông già. Tôi đã hiểu hết cả. Cùng một tiếng nước rỏ xuống tự cái gầu do tay cô tôi kéo lên miệng giếng, đã gợi nguồn cảm hứng cho cả ông già lẫn tôi, hai mươi năm về trước.

Bấy giờ cô tôi chưa có chồng, mới hai mươi tuổi. Ông già hồi đó đâu ngoài ba mươi, chừng ba mươi nhăm là nhiều. Vậy ông ta bây giờ chưa đến lục tuần, mà héo hắt đến như kia, thì quả nhiên thời gian tàn nhẫn vậy.

Tôi lẩm bẩm:

– Thời gian tàn nhẫn vậy! Những chữ tôi khắc nguệch ngoạc ở trên bờ giếng, không còn.

Ông già nói:

– Phải, ngày bé, cậu đã sớm có hoa tay, cậu hay tẩn mẩn vẽ lên tường, khắc lên gỗ những cái gì ngồ ngộ, tôi biết dòng họ nhà

cậu có những ngón tay tướng đẹp lắm, móng hồng mà bóng... móng hồng mà bóng... Chao ơi! Thời gian tàn nhẫn hay là việc đời éo le? Để đời ta không có những ngón tay móng hồng mà bóng, họ ta không đi bên họ cậu! Này, cậu đã hai mươi tám tuổi, mà thành gia thất chưa?

– Dạ, chưa.

– Xem đôi mắt kia, thì người thiếu niên này cũng không phải là chưa biết dụng tình. Mái tóc rối lắm, hãy còn phải đau đớn nữa.

Tôi cười, chỉ luống hồng mà bảo ông già:

Đêm qua, mận mới hỏi đào.
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mận hỏi thì đào xin thưa:
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

Tôi đọc mấy câu phong dao ấy, là để lấp việc mình mà sang tới việc người vậy. Tâm sự của tôi đâu phải lúc. Chuyện cũ của ông già mới hợp cảnh hợp tình. Tôi nhớ ngày trước cô tôi hay hát thế. Quả nhiên ông già cũng không quên. Tôi không ngờ ông còn thở dài được nữa. Ông đứng lên, cái lưng còng xuống, hai bàn tay chắp ra phía sau, đi đi lại lại quanh cái chum, nói qua hơi ký ức:

– Vườn hồng có lối... có lối... có lối...

Nhưng họ nhà nàng chẳng bằng lòng để ta vào. Nàng là một người con gái yếu đuối, chỉ biết có một lẽ phải chặt chẽ là nhất nhất vâng mệnh cha mẹ mà thôi. Ai bảo nàng gieo vào lòng ta cái tiếng vang của bài thơ thứ nhất? Ai bảo nàng để cho ta nâng cái ngón tay móng hồng mà bóng kia lên? Có móng hồng mà bóng... Ôi, những cánh nho nhỏ của búp hoa hồng bạch kia, hai mươi năm rồi, ta vẫn tự dối rằng đó là những móng tay diễm lệ của nàng... Có ai biết được cái ý riêng chơi hoa của ta đâu, ai cũng tưởng ta giồng hoa như giồng rau đậu, giồng để kiếm lời. Hừ... hừ... Ta lại đi kiếm lời bằng những móng hồng mà bóng kia sao? Móng hồng mà bóng... Lòng ta ta biết, tình ta ta hay... hai mươi năm, ta già rồi, còn phải nhắc một chuyện tình kín đáo với người cháu người đàn bà kia. Chỉ tại là cháu. Chỉ tại hắn cũng gần ba mươi tuổi, hắn cũng từng rung động bởi cái tiếng nước rơi xuống lòng giếng khơi...

Tôi làm như không nghe thấy gì, tôi nói:

– Hoa hồng thơm quá, chỉ tiếc rằng chiều rồi, nên héo cả. Để tôi tưới cho chúng vài giọt nước giếng chứa ở trong chum?

Ông già gật đầu:

– Nước giếng chỉ chứa ở trong chum, cái chum đựng nước của người con gái, cái chum in bóng người con gái, cái chum ta đã cố nằn nì mới lấy được, bởi không lấy được cái chum thì thật ta chẳng còn gì. Năm gian nhà có nhiều vết tích đấy, nhưng mười năm trước đã nát rồi, phải thay bằng ba gian nhà tranh, còn để thừa đất giồng giọt làm sinh tức. Ta còn gì nữa đâu! Có lẽ một ngày kia ta chỉ còn một luống hồng, một luống hồng không thôi, một luống hồng, chiều nào cũng héo hắt. Cái héo hắt bắt đầu từ buổi chiều vĩnh biệt kia mà đi. Ta dắt nàng đi trên một con đường vắng, nẻo về chùa Phổ Am. Ngày mai thì không còn như thế được nữa. Tất cả gia đình nàng sẽ thiên cư đi nơi khác, thật là xa xôi và có lẽ chẳng bao giờ trở lại nữa. Vậy buổi chiều cuối cùng mới quý báu làm sao! Những tiếng nước rỏ xuống lòng giếng bấy giờ mới thật trỗi dậy ở trong lòng ta, thánh thót não nùng và chính là bấy giờ mới bắt đầu bài thơ thứ nhất. Hôm ấy nàng cầm, biếu ta hai bông hồng trắng, hai bông hoa thứ nhất và cũng là cuối cùng. Móng tay nàng đẹp như những cánh hoa hồng bạch nhỏ. Nàng không khóc cũng không nói gì nữa cả, chỉ ừ, cái gì cũng ừ. Mây chiều một mầu xám, vì giời bắt đầu vào thu, gió sắp lên. Gió tây lên thì mối tình có còn gì nữa! Hương hồng thơm thắm, buổi chiều hiu hắt lại càng thơm già. Nhưng chỉ một phút sau, giời tối xuống, thì bao nhiêu hương thơm của đôi tấm lòng sẽ chia nhau ra và bắt đầu phai nhạt đi. Giời tối dần dần. Bên đường cánh đồng chiêm chỉ còn trơ gốc rạ, lúa đã gặt hết rồi và đến hết năm không còn một mùa nào nữa. Bỗng nàng đứng dừng lại, bàn tay chắp kính cẩn, mắt nhìn lên không. Gió chiều còn thổi mãi tóc nàng bên ta. Và chuông chùa Phổ Am đã thu không vậy. Tiếng chuông từ thưa đến mau, càng đổ xuống bao nhiêu thì bóng tối càng dầy bao nhiêu. Chùa Phổ Am đã mờ như lùi vào dĩ vãng. Bóng tối đã len cả vào giữa hai cánh tay còn bịn rịn của chúng tôi. Nàng gỡ tay tôi ra, bởi vì bóng tối bảo phải như thế. Bao nhiêu kinh cầu nguyện đều hết cả rồi, chúng tôi thật là tuyệt vọng. Dư âm của hồi chuông vừa tắt chỉ còn như vài sợi tơ mảnh, không thể vớt lại

được gì. Nó sẽ đứt. Nó đứt. Ta hoang mang định giữ chặt lấy nàng trong muôn thuở, dù thân này có tan vào hư vô, nhưng thôi... tay nàng không thấy nữa. Ta thấy giời tối quá, giời tối sớm quá, sớm quá. Nàng đã vội về. Ta đã lạc mất nàng, lạc hẳn trong muôn thuở. Ai bảo đánh chuông mau, ai bảo đánh chuông nhiều quá, cho hết vội một ngày của chúng tôi? Ngày hôm sau thì ta còn gì nữa! Hai bông hồng đã héo tự đêm qua, vậy buổi chiều sau buổi chiều sau nữa và sau nữa, lấy đâu ra hoa hồng bạch để nhớ nàng và trông thấy móng tay nàng, bởi vậy mà ta thành một kẻ về già, vun sới vườn hồng, để chiều chiều có những đóa hồng bạch. Cái hương thơm nó an ủi ta nhiều. Đời ta vô duyên lần ấy là hết duyên vậy. Ta sống một kiếp âu sầu của gã khoáng phu cho đến ngày nay, nhưng hai mươi năm trời có hồi chuông Phổ Am nào là ta không có lời cầu nguyện cho nàng được sung sướng. Chỉ có mình ta khổ não mình ta đắm đuối. Ngoài ba mươi tuổi đã chôn sống mình ở một xó vườn bao nhiêu tráng khí không còn dùng đến, việc đời không lên khỏi những cánh hoa sớm nở tối tàn. Chiều ơi chiều! Mi thường bảo rằng nàng hại ta, nhưng đến cùng thì dù có nàng ta cũng phải nhận rằng tự ta đã hại đời ta vậy.

Bây giờ chuông chùa Phổ Am đã đánh lên sang sảng. Bóng nắng tắt hẳn rồi. Tôi vội lùi ra mấy bước. Tôi sợ tiếng chuông làm yếu lòng tôi đi. Ông già thôi nói. Ông còng lưng xuống, gõ vào cái chum sành, tiếng sành om vang ở trên mặt nước như hơi thở của một dĩ vãng đầy ân hận, nó làm rơi nước mắt, nhưng bao nhiêu nước mắt cũng không thể làm tươi lại những cánh hoa đã héo rồi.

Tôi thấy tối sầm lại. Tôi thấy cái chum đang chôn một đời ông già. Rồi sẽ hết. Rồi sẽ hết cả ở giữa vườn hồng. Hình ảnh cô tôi bỗng hiện ra ở trên những đóa hồng thơm ngát, thật là vô tội, nhưng thật là não nùng. Cô tôi đã yêu, cô tôi đã ở vậy một đời với một chiếc bóng và bây giờ cô tôi đã chết vì già, vì héo hắt mà chết. Nhưng tôi không thể nói với ông già mọi việc được. Rồi thế nào ông già chẳng gặp cô tôi ở bên kia cõi thế. Tôi không nói rõ cái chung tình của cô tôi, vì tôi còn là một kẻ tráng niên, ngày mai còn ra đi khỏi làng để theo việc đời thì tôi không có quyền biệt đãi con người mới ba mươi nhăm tuổi đã cam lòng ngủ vùi bên luống hoa hồng,

cánh hoa như móng tay xinh đẹp của đàn bà và đã chôn hết những kinh cầu nguyện vào trong một cái chum nước mắt.

Tiểu thuyết Thứ bảy,
Số 423, 25-7-1942

*

THÁNG BA SẤM ĐỘNG

(truyện ngắn)

Cỏ tươi mươn mướt đến chiều hôm đó bỗng xám lại vì nhiều bóng mây. Tự trời xuống, khí mù mịt xóa những khói bên sông. Mùa xuân vừa hết. Người ta nghe thấy rền lên những tiếng sấm đã từ lâu im vắng. Sấm mới báo sang thời tiết mới, chiều hôm đó, khiến những mụ nhà quê quen tin mờ mịt về các hiện tượng thiên nhiên, kháo với nhau là "sấm đói". Đói, vì lúc sấm mới động thì phần nhiều bếp lửa chưa nhóm, người ta chưa dùng bữa cơm chiều.

Tiếng đàn bà bỗng nổi lên than phiền về mùa gặt sắp tới, lẫn với tiếng dao thớt, tiếng giục giã nhau, tiếng gắt gỏng nhau, bởi cỗ bàn; ngần ấy thứ tiếng từ dưới bếp đưa dồn dập lên gian nhà thờ mà ông trưởng Đông thừa tự.

Ông trưởng đang ngồi chờ rót tuần rượu cúng, đôi chân xếp bằng và run nảy. Vài tiếng sấm khan vừa dậy lúc còn đói bụng khiến ông thốt ra một hơi dài, tơi bời mối nghĩ về những cái đám giỗ khác sau này. Làm thế nào cho đủ phong vị lễ vật một cái giỗ lớn hằng năm, nếu nhà họ Nguyễn cũng bị lây bệnh đói kém của thiên hạ? Đó là điều ông lo lắng nhất. Rồi thì chén trà sẽ nhạt đi, rượu chua ra, và trầm chỉ là những miếng củi hôi mốc. Ông lắc đầu.

Nam, người em trai, đang đứng nhìn những cơn mây nặng làm mờ mịt chân trời, qua một khung cửa đầy bóng chiều đè ép. Những lời than phiền sau lúc sấm động cũng có ảnh hưởng đến đầu óc người thanh niên, nhưng y chắc những điều ông anh cả đang run đùi suy tính kia sẽ rất xa cách với điều y muốn giảng giải. Đã nhiều

lần, sự sống bắt buộc hai anh em phải bàn cãi lẫn, mà lần nào ông trưởng Đông cũng chê Nam có lắm ý tưởng ngang phè, và ông lấp lời em bằng cách ư ử ngâm mấy câu thơ đầy giọng khinh bạc, cái mặt vênh lên với sắc lạnh của một thứ đồ bằng đá.

Hôm ấy là ngày giỗ bố, Nam im lặng về vọng niệm bóng dáng một người cha còn để lại bao nhiêu vẻ vang của những công nghiệp sinh thời. Ánh đèn nến sáng choang thêm rạng những đường lối trước. Ông trưởng Đông khăn áo chỉnh tề, chờ dọn cỗ bàn lên đầy đủ, mới dâng trà cúng.

Bỗng ngoài cổng vang lên tiếng chào của đầy tớ cũ. Nam nhận ra là Hắc, một kẻ có tính trộm vặt ngày trước, từ khi nhà họ Nguyễn suy bại thì y bỏ đi, nay không biết làm gì mà trở thành giàu có với bộ cánh thật sang và một món lễ vật đem về ăn giỗ cố chủ rất hậu. Ông trưởng Đông cho thế là lòng thành, lấy mắt biệt đãi vào hàng nghĩa bộc. Nhưng Nam hơi ngờ cử chỉ trước kia không từng có của Hắc. Nam thấy Hắc lại đeo một đôi kính trắng long lanh sau làn khói một thứ thuốc lá nhập cảng. Khói thơm ấy đủ huyễn hoặc ông trưởng Đông. Còn Nam thì vẫn nhận rõ đôi mắt kính lộn sòng sự giảo hoạt ra thông minh kia. Nam chờ nghe những câu chuyện sắp tới để có thể định đoạt rõ rệt về hành vi của Hắc.

Cô Nho vừa bưng mâm cỗ bát sau cùng lên. Nam thấy Hắc chào với một cái nhìn tinh quái rất nhanh. Nhưng mà em gái Nam vẫn điềm đạm, không có gì biến đổi. Nho ra khỏi rồi, thì Hắc cất giọng vui vẻ nói ông trưởng:

– Bữa nọ, tôi gặp cô Nho trên tỉnh, suýt nữa thì không nhận được, vì bây giờ cô lớn lên, trông khác nhiều quá. Bẩm, thế ra cô vẫn chưa ra ở riêng?

Ông trưởng đáp bằng một giọng thất thế:

– Bây giờ nhà không được như xưa, nên cái việc ấy cũng khó nghĩ lắm.

Ý ông muốn nói không tiện gả cho người nghèo, mà người giàu thì chưa ai hỏi đến.

Đêm ấy, Hắc nằm tiêm thuốc phiện cho ông trưởng hút sau khi đã cơm rượu say sưa. Nam không có mặt trên tấm giường hoa phù dung nở. Sáng sớm hôm sau, Hắc ra đi. Thì ngay buổi trưa,

nhân lúc vắng vẻ, ông chủ ngồi nhấm nháp chén trà cùng Nam, khơi lên một câu chuyện và Nam đoán từ trước là sẽ có.

Thoạt đầu, ông trưởng bảo:

– Cái thằng Hắc ấy thế mà tài giỏi, bây giờ giàu sang ra phết. Thì ra nó tìm được quý nhân. Cổ xưa, cái kẻ làm thịt trâu vẫn cứ phải làm thịt trâu, cái kẻ xách giỏ cá vẫn cứ phải xách giỏ cá, là cũng chỉ tại chưa gặp quý nhân mà thôi vậy.

Nam cười nhạt hỏi:

– Thế ra bác trọng cái thời vận thằng Hắc thật à? Bác có xét biết vì sao nó giàu bốc lên chóng như thế không?

– Hà tất phải xét biết.

– Buổi gió bụi này là thời vận của những quân tiểu nhân không biết cái gì là bẩn. Nhưng có thời vận của chúng, cũng có thời vận của ta. Lưỡi ta vẫn còn, hai bàn tay chưa cụt.

– Vẫn biết thế, song mà ta nghèo. Tôi chả làm gì còn được khí khái như chú. Tôi thấy nó bàn được điều lợi, thì tôi cho nó là hay. Chú không thấy ư! Sấm đói! Sấm đói! Tôi sợ rằng đến cái giỗ sau nữa, nhà ta không mua nổi một con gà toi. Thế là một điều bất hiếu.

– Hừ! Thế cái việc bác bùi tai nghe nó hót ấy liệu có không bất hiếu chăng?

– Dựng vợ gả chồng, ấy chính là điều đại hiếu. Thánh dậy như vậy. Chú đừng có láo.

– Có nhiều thứ dựng vợ gả chồng. Thánh ngày xưa chưa biết đến những việc khuất tất của ngày nay. Nếu tôi đoán không sai, chắc bác đã vì một món tiền nào đó mà gán ép con Nho đi phải chăng?

– Tôi gả chồng cho nó. Con gái lớn thì phải gả chồng. Quyền huynh thế phụ, tôi bàn qua với chú, rồi tôi cứ tự quyết định, chú trách nhiệm gì vào đó mà phải lôi thôi.

– Tôi là kẻ phải giữ thanh danh cho nhà ta. Nếu tôi đoán vẫn không sai thì...

– Chú đoán cả đời ngang như bứa. Để im tôi nói cho mà rõ, thằng Hắc hiện nay là thủ túc của một tay giàu sụ. Nếu ta chịu gả

con Nho cho quý nhân đó, thì Hắc sẽ đứng làm mối manh, thách bao nhiêu họ cũng sẽ dẫn đủ.

– Tôi đã thấy khối những việc mua bán gối đệm như thế ở thời này, không thể gọi là gả chồng được. Cái kẻ nào đã dùng đến thằng đầy tớ nhà ta làm thủ túc kia, tất là kẻ không đáng làm rể trong họ ta được. Vả chăng, chắc gì hắn đã nhận tiếng làm rể! Hắn mua người, chứ có cưới người đâu. Nhục lắm! Nhục lắm! Một đời bác đã làm sụp đổ cơ nghiệp đến nỗi tàn hại như ngày nay, sao đến lượt tôi toan gây dựng lại, thì bác lại toan làm cho đổ bại thêm nữa?

Ông trưởng Đông thấy Nam hăng hái làm cho to câu chuyện quá vội phải dấu dịu bớt đi. Ông thôi không bàn thêm điều gì mới nữa. Nhưng rồi ông nằm vắt tay mà nghĩ âm thầm ở bên khay đèn có những ngao thuốc gặp thời cao giá.

*

Nho mát mẻ như làn cỏ tháng ba. Từ khi sấm dậy, để cho xuân trời bay hết, sau cơn mưa lớn, thì muôn hồng lẫn vào với nắng nhuốm chín tuổi đương tơ.

Quả đã kết trên cành, một ngày kia tất có tay người hái. Duy hái sớm hay là hái muộn, hái gượng nhẹ hay là hái phũ phàng, người con gái thực chưa lường biết. Bước chân ra bên ngoài ngưỡng cửa, bốn phương mờ mịt, nơi nào có lương nhân?

Mặc dầu, ông trưởng Đông cũng cứ trỏ cho em gái một hướng mà ông bảo là gió lành mát mẻ. Nho nhìn lối đi mình sẽ bước lên, thấy cỏ thực không xanh rờn như một sắc mát mẻ nữa. Cô chau đôi mày. Con chim cứu kia, nó kêu làm gì; ngôi sao hôm kia, nó sáng làm gì; cầm gương gương tối, cầm vàng vàng phai.

Ông trưởng cũng thừa biết ý em mình rầu rĩ. Nào ông có ép uổng đâu, ông chỉ xin em gái nghĩ cho rằng mùa gặt sắp tới, trong nhà sẽ không xe về nổi một xe thóc nhỏ, nếu cô Nho chả lấy chồng. Rồi ông lại vạch vòi ra biết bao nhiêu tích xưa chuyện cũ để làm chứng cớ về những cái cơ nghiệp chỉ có thể vững lại bởi một người con gái đã chịu ra đi. *Chiêu Quân xưa cũng cống Hồ, bởi người Diên Thọ họa đồ cho nên.*

Lời ông tỉ tót nỉ non, ngọt như kẹo mạ. Người em gái chỉ còn phân vân về nỗi không được gặp anh hai. Sau ngày giỗ, Nam lại vắng mặt rồi. Người anh vốn vẫn tính toán cuộc đời khác với người anh cả. Vậy thì mùa gặt sắp tới, nếu trong nhà có thiếu thức ăn, có lẽ người anh hai không cần mượn đến điển Chiêu Quân để cầu cứu một cô em gái.

Ông trưởng Đông biết thừa cơ sự ấy nên cần gấp gấp cho Nho ra đi trước khi Nam kịp trở về. Muốn ván đã đóng thuyền, phải gọi thợ lại. Hắc rất sẵn lòng nện xuống những nhát búa đanh. Thế rồi là hạ thủy. Dòng nước đục càng khiến cho con thuyền trôi mạnh. Nhưng trôi rồi, Nho mới biết mình bị lạc dòng. Cô đã không được có nỗi sung sướng về nhà chồng giống như những bạn gái nơi quê hương. Cô là một cái cây bị trả phăng bằng một giá nhất định rồi để cho chủ vườn xa lạ kia đánh về một miền đất khác màu khác mạch, khác cả từ cái tiếng hót sớm chiều của loài chim mà Nho ngờ rất không lành. Là con thuyền, là gốc cây bật rễ, sau cùng người con gái lại là một vũng ao tù. Cái ao đó không còn được ăn thông với một mạch nước nào mà hòng trong ra được nữa, nó yên vị để thỉnh thoảng dự vào cái việc làm mát da mát thịt một người sở hữu, nguyên một cái việc đó, lòng ao cũng chất chứa nhiều ghét bẩn lắm rồi.

*

Giữa bức tường vôi màu cẩm thạch, treo chơ vơ một tấm ảnh lồng kính khổ lớn. Hình bán thân một thiếu nữ trong buồng vắng, im ả, càng u trầm hơn với hai con mắt dài mà ánh sáng điện của nhà nhiếp ảnh phớt qua mấy tia mờ ảo.

Qua cửa sổ hé mở, gió thường phơ phất, khiến cho khung ảnh treo lửng lơ nhè nhẹ rung động; khi ấy thì mắt ai sáng đẹp kia, tuy đã thành tĩnh vật, cũng như chớp một cái mau.

Chủ nhân nhà đó còn trẻ tuổi. Y tên là Lãng. Y ngồi một mình, cái đầu gục xuống, mái tóc tơi ra. Hít dăm ba cái khói thuốc lá tàn để xóa quên thời khắc, y lại ngẩng lên nhìn tấm ảnh người đẹp một lần. Bấy giờ thì rõ rệt mặt y hốc hác, đấy cái si tình thiên cổ của một vai trò thường khéo tả trên sân khấu. Nhưng đây là thật lòng.

Buổi chiều vắng lặng trôi qua như con thuyền buồm lợi gió, chẳng động tiếng chèo. Nhưng thuyền còn có khách, chiều cũng có người đập cửa. Lãng uể oải đứng lên, đón bạn vào chơi. Bước đi phá vỡ hơi đơn bóng lạnh của gian buồng. Người bạn là Nam, đưa mắt liếc qua đã kịp thấy rõ tấm ảnh.

Lãng có chiều lúng túng, mời Nam ngồi xuống ghế quay mặt ra. Nam ngồi hỏi:

– Kia là Nho? Thế ra anh yêu Nho?

Cần đủ can đảm để giãi mối tình mình, Lãng nắm chặt hai bàn tay vào thành ghế, chau mày mà nói:

– Phải. Trong lòng tôi, hiện đang có cả một vườn nho tan nát, những chùm quả bị người ta ngắt hái, chưa yên, những cành nhánh bị người ta chặt bẻ, cũng chưa yên, những gốc rễ bị người ta đào xới... Hỏi còn gì nữa, hử anh?

– Vậy bây giờ, anh làm thế nào?

– Cái vườn nho xương thịt tuy mất, song tôi chắc linh hồn vườn nho chỉ vương vấn lấy một cố chủ mà thôi. Những tuần trăng, những đêm sao đều chứng cho rằng, tôi chính là cố chủ. Tôi đã được và được mãi mãi cái phần thơm tho tinh khiết nhất. Anh ơi, giá nàng chết đi... Tôi vẫn thấy hình nàng lay động như muốn bước xuống khỏi bức tường kia, đến gục vào vai tôi khóc.

– Thế thì anh lầm rồi. Một tiếng sét đã đánh bên tai anh, sao anh chưa tỉnh. Nhưng từ đây, mùa này, sẽ còn nhiều cơn sấm nữa, để cho tâm não tăm tối của ánh sáng ra sau những trận mưa rào.

Lãng ngơ ngác nhìn Nam, đôi mắt chìm đắm bóng chiều tím lại. Bấy giờ, trong buồng đã tối, ngoài song chỉ còn vương chút vàng hờ. Mắt Lãng bỗng trừng trừng như thốt gặp một người vừa xa vừa xưa trong giấc mộng; Nam rất giống Nho.

Không thấy Nam lên tiếng nữa.

Chỉ nghe giọng Lãng thều thào:

– Nàng tự tử. Tôi tin rằng nàng hủy cái xác thịt nhơ bẩn đi, để thu vén linh hồn về tìm người yêu cũ. Một đêm kia, nàng sẽ bước từ trong ảnh xuống, đến đầu giường tôi.

Nam vẫn không lên tiếng nữa, y bước vào phía sân trong, để mặc Lãng lảm nhảm một mình.

Lâu không thấy Nam ra. Lại nghe soàn soạt có thứ tiếng gì sắc cạnh liếc mãi lên miệng sành mặt đá. Kẻ si tình ớn lạnh càng rùng rợn thêm. Y cất tiếng sợ hãi hỏi to:

– Anh Nam đâu?

Không có tiếng đáp. Trời tối rồi, đèn chưa thắp. Lãng bật lên như cái thế một con mèo bắt chuột, nhảy xổ vào phía cửa trong.

Dưới ánh trăng mờ vừa giãi nơi góc sân, Nam đang lúi húi mài một lưỡi dao lá dứa. Cứ trông hai con mắt sáng quắc, cái khí dữ dội của kẻ mài dao bấy giờ mà Lãng khiếp. Mặt Nam vẫn lầm lì, không cần thay đổi vì vừa động chân người.

Lãng chưa kịp hỏi đã thấy Nam đứng vùng lên, vẫn lầm lì mặt, vẫn lăm lăm dao, tiến lại gần Lãng, cất thứ giọng nghiêm nghị:

– Anh có thật yêu Nho lắm không?

Lãng bỗng chột dạ, không dám trả lời rõ rệt:

– Anh hỏi thế để làm gì?

– Để tôi biếu anh một lưỡi dao.

– Ơ hay!

– Can gì phải tái mặt đi thế. Thì ra anh hèn thật. Sợ người ta giết mình thì chẳng bao giờ có gan làm việc chống lại. Tôi thử anh đấy mà thôi. Tuy nhiên lưỡi dao này vẫn để phần anh dùng tới nó.

Nam nắm chặt lấy cánh tay Lãng mà tiếp:

– Nho không bao giờ tự tử như anh tưởng. Nó cũng không có một chút linh hồn nào ở trong buồng anh. Anh đã mất hẳn nó. Nhưng cái tình bằng bóng, bằng hương, tả ở trong những bài thơ mơ hồ mà anh gọi là cao siêu kia, đã đánh lừa anh nhiều lắm. Nếu người ta dùng vàng bạc để cướp mất của anh một lẽ sống, ừ thì hãy tạm theo anh mà gọi Nho là lẽ sống, sao anh không giật lại bằng gang thép, vì chỉ có sức mạnh ấy là đáng kể, chứ cái chung tình nước mắt và tâm hồn thanh tao của một kẻ si có nghĩa gì đâu!

– Anh nói những điều gớm khiếp quá.

– Chính là những điều rất tầm thường.

– Thế anh có hiểu tường tận về cận trạng Nho không?

– Nó vẫn sống. Nó vì bản năng yếu đuối trong những thói phép cổ truyền, nên đã chịu cúi đầu làm một thứ đồ hy sinh vô nghĩa. Cái thằng mua nó về làm trò vui gối đệm, cái thằng ấy bất quá nó coi Nho như một của phù vân, cần lúc này, buông lúc khác. Vậy thì đời Nho rồi không biết còn chịu đê nhục đến thế nào.

– Bấy giờ chính tôi sẽ mở rộng tay để an ủi Nho, vì tôi vẫn yêu Nho cả những khi vườn thu tan tác.

– Thế là một thằng ngốc, một thứ quân tử đồi bại nhất ở thời này. Anh nghĩ xem, một trái cây của mình để sểnh vào tay kẻ khác, đành chịu giương mắt chẫu mà nhìn, thế rồi cái kẻ ấy nhằn chán mới vứt ra như vứt một miếng thịt thừa cho con chó. Phải biết rằng nhặt là nhục chứ.

– Vậy thì giờ đây nên làm như thế nào, để cho Nho không tủi mà tôi không nhục?

– Lưỡi dao tôi đã mài sắc, nghĩa là ngầm chỉ cho anh một cách xử sự tốt nhất. Nhiều lúc ta không thể thương tiếc những cái gì đã mục nát rồi.

Nam bỗng thở phù một hơi, khiến Lãng có cảm giác chứng kiến một cơn mưa rào tan sạch sau một hồi sấm chuyển. Đoạn y tiếp:

– Tôi nói cho anh rõ hết. Chính tôi còn đau xót hơn anh nhiều lắm. Tôi đã mất một người em gái, chỉ vì có một ông anh hèn đớn đến suy bại, và đã vướng phải một tên gia nhân chó má, họ đồng lòng để làm tàn hại nhơ nhuốc cửa nhà tôi. Cái thời của những người ấy, gây nên những tội lỗi, đã kết thúc bằng cả một đời con gái bị khuôn ép. Vậy thì đến chúng ta đây, tất không có quyền được chịu đau đớn hơn nhiều nữa. Anh phải từ bỏ tấm hình ám ảnh đầy bi thảm kia, mà đứng dậy.

Nhưng Lãng lại lùi vào ở trước tấm ảnh, ngồi phịch xuống ghế, bưng lấy đầu, khẽ nói:

– Tôi không thể nào bỏ được tấm hình kia. Tôi là kẻ chỉ yêu có một lần. Tôi đau lắm rồi, không còn sức đâu mà làm theo những ý anh định.

Nam cắn môi, nhìn lên ánh trăng mờ. Y tiếc rằng buổi tối ấy không thể gây nổi một cơn sấm sét nào để làm tan hẳn cơn mưa trong tâm não một thanh niên mù mịt tà khí của buổi chiều hoa hương.

Nam lại nhìn lên ánh trăng mờ. Phía cuối trời, dăm ba điểm sao mong manh như bất lực, chìm dần, chìm dần, mặc mảnh nguyệt chưa đầy vầng sáng cứ đi đường dài của nó giữa những đám mây vạn trạng thiên hình...

Tiểu thuyết thứ bảy,
nguyệt san, số 1, tháng 6 năm 1942.

BÙI HIỂN
(Sinh 1919)

Sinh ngày 22-11-1919 tại xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Thuở nhỏ sống ở Đồng Hới, Quảng Bình, sau ra học tại Vinh cho đến có bằng cao đẳng tiểu học. Bùi Hiển xuất hiện trên văn đàn từ đầu những năm 40 thế kỷ XX. Tập truyện ngắn Nằm Vạ của ông do nhà xuất bản Đời Nay (Hà Nội) in năm 1941 lập tức có tiếng vang và tạo cho ông một chỗ đứng vững vàng trên đường văn học. Bùi Hiển là một trong số ít nhà văn Việt Nam suốt đời trung thành với thể loại truyện ngắn.

*

NẮNG MỚI

(truyện ngắn)

Tặng Hoàng Huệ

I.

Sinh mở mắt nhìn trân trân lên mái nhà, chàng vừa ra khỏi giấc ngủ nhọc mệt nặng nề, nó là một cơn tê độn hơn là một sự nghỉ ngơi. Đầu chàng nặng trĩu trên gối, óc đắm trong một trống rỗng tối đen. Chàng có cái ý tưởng kỳ dị rằng nếu gõ lên đó, sẽ bật ra những tiếng rền thảm thê như cõi chết.

Có tiếng chân người bước nhẹ. Sinh vẫn nằm yên trân trân nhìn bóng tối ẩn trong góc mái nhà. Một bóng người se sẽ xáp gần, rồi chàng cảm thấy trên cổ tay sự tiếp xúc dịu dàng và man mát của một bàn tay gầy. Đôi môi chàng mấp máy gọi: "Mẹ!"

Mẹ chàng cúi xuống, và tiếng "Con" đáp lại như vang âm tiếng gọi của chàng. Bà cụ hỏi, giọng ảo não:

– Con thấy đỡ không con? Con mệt mãi, mẹ lo buồn quá. Mẹ đem thuốc cho con uống nhé?

Mùi thuốc đắng phảng phất trở lại làm rợn khứu giác Sinh.

Chàng đáp:

– Không, mẹ ạ, con không uống thuốc nữa đâu.

– Không uống thuốc bao giờ cho khỏi! Con uống một thang nữa thôi, nhé?

Sinh khẽ lắc đầu, nói chậm rãi:

– Thuốc uống vào bụng có ích chi đâu... Con đau ở tim, ở hồn kia, mẹ ạ.

Bà cụ ngồi cầm tay con, không nói gì nữa. Sự lặng lẽ mà bóng mờ của căn phòng tăng niềm u uất đè lên hồn Sinh. Thỉnh thoảng bà cụ đưa vạt áo lên lau mắt, hình như bà khóc thầm, và Sinh thấy nao nao buồn vì đã làm phiền lòng mẹ. Chàng hỏi:

– Mẹ ơi, con nghe ngoài kia hình như có tiếng xôn xao, phải không mẹ?

– Phải đó, con ạ. Hôm nay trời đã hửng nắng.

– Vậy à, mẹ?

Chàng ngoảnh nhìn ra phía cửa sổ, nhưng các cửa đều đóng kín, lại bị riềm dày che ngăn gió. Chợt chàng thấy một giọt nắng tròn trên góc chiếu, một giọt nắng vàng hoe hoe. Chàng định hỏi: "Nắng còn dịu lắm, phải không?", nhưng để ý, chàng thấy giọt nắng sẫm dần, sẫm dần, cho đến khi ánh phản chiếu dọi sáng loa lóa một mảng tường. Chàng duỗi tay hứng nắng vào giữa lòng bàn tay. Giọt nắng lúng liếng duỗi dài, co lại trên bàn tay mà chàng sẽ nghiêng bên này, bên nọ. Chàng nắm tay lại thì ánh vàng dâng tràn, chảy rời rợi trên ngón.

Trong lòng Sinh một niềm vui nhè nhẹ vừa lên, xôn xao theo tiếng đồng hồ vọng từ ngoài kia. Chàng ngồi nhổm dậy. Mẹ chàng bảo:

– Con nằm xuống kẻo chóng mặt.

– Không mẹ ạ, con đã thấy bớt nhiều. Mẹ để con đi lại trong phòng, nằm lắm chỉ thêm mỏi mệt.

Cơn hoa mắt tan rồi, Sinh đứng dậy. Mẹ chàng nói:

– Mẹ đi nấu cháo con ăn nhé. Rồi chiều hẵng uống thuốc cũng được.

Sinh tới vén riềm mở tung cửa sổ. Ánh sáng ùa tràn vào thành luồng lớn, khiến chàng ngợp trong sóng vàng chói lói.

Màu nắng vàng tươi, không nồng lắm và trong như lọc; da trời xanh lơ lơ, thứ màu xanh e lệ của một thời tiết muốn đẹp nhưng còn ngập ngừng. Những mái tranh, những khóm lá cho đến những nếp núi biếc lượn ngoài xa tít, đều hiện ra với những hình sắc rõ rệt. Những thanh âm rộn rã bay lên thinh không, tiếng người nói, tiếng trẻ con nô đùa đâu ở phía chùa làng, Sinh nghe lạ tai. Có tiếng động khô khan của thân cây nào nứt vỏ, không biết vì căng nhựa xuân hay vì phơi nắng mới. Thỉnh thoảng, tiếng guốc dập lộp cộp, giòn giã trong ngõ hẻm khô ráo hay tiếng răng cào lê trên sân thóc rào rạo.

Sinh hé miệng cười; chàng vừa nghe tiếng chim hót, một tiếng chim quen; cứ mỗi mùa xuân trước, lang thang dưới những lùm cây, chàng thường lắng nghe tiếng ca vui của giống chim gì, giọng trong và nhọn hoắt, điệu kỳ quặc: lúc đầu ba tiếng dài lơi nhịp, rồi bỗng tiếng hót đổ hồi. Chàng chưa bao giờ được thấy hình thể giống chim ấy; hình như chúng chỉ đỗ trên cành rất cao. Cả đến tên giống chim, những người mà chàng hỏi cũng không ai biết. Nhưng chàng yêu chúng lắm, bởi mỗi khi xuân về, chúng lại trở lại ca mừng, để hợp điệu với niềm rộn ràng vui sướng của lòng chàng.

Mẹ chàng bưng cháo vào, thấy cửa sổ mở thì ngạc nhiên quá sức. Bà định tới đóng cửa lại, nhưng Sinh bảo:

– Để mở thế cho con, mẹ ạ. Nắng xuân chữa những hồn buồn mầu nhiệm hơn phương thuốc nào hết.

Bà cụ không hiểu lời con nói; nhưng bà nhận thấy da mặt con có sắc hồng hào trong ánh sáng. Bà không đóng cửa nữa, ngồi lặng nhìn con.

Khác với mọi ngày, Sinh ăn hết bát cháo và ăn một hơi. Mẹ chàng hỏi, mắt long lanh vui sướng:

– Con ăn nữa nhé?

– Thế vừa rồi, thưa mẹ. Sớm mai con sẽ ăn nhiều hơn. Con thấy đã khỏe lắm rồi. Mẹ để con nằm nghỉ. Mẹ đừng đóng cửa nhé, để cho con nghe tiếng con chim đang hót ngoài kia, giọng sao mà dễ yêu lạ.

Bà cụ ra rồi, chàng kéo ghế gần cửa sổ, ngồi duỗi chân tay ra sưởi nắng. Nắng ấm đốt lâm châm trên da chàng. Chàng hốt nắng

trong lòng bàn tay và tưởng thấy nắng chảy rời rợi thành dòng vàng xuống đất khi chàng xòe ngón.

Một con chiền chiện bay chéo qua cửa sổ như chiếc mũi tên màu vàng nhạt, hót lên mấy tiếng. Sinh giật mình, tim đập mạnh trong ngạc nhiên sung sướng, chàng ghé ra ngoài khung cửa, cố nhìn theo con chim xòe cánh bay vụt lên trời, biến vào trong không khí. Mấy tiếng hót như lời kêu gọi khẩn thiết. Lòng sinh rộn rã khát khao khoảng rộng, sau mấy tháng tù ngục trong buồng kín ủ bóng tối. Vội vàng, vội vàng, chàng vớ lấy mũ đội, mở cửa bước ra.

Vòm trời đã dâng cao, thinh không nhẹ nhõm, không còn sự đè ép của mây xám mùa đông nữa. Ra khỏi cổng, chàng rẽ về tay trái, tiến tới hướng mặt trời. Ngõ hẻm khô ráo rắn chắc dưới chân chàng. Nhưng hai lề chưa khô hẳn, còn lơ thơ những lá thối úa mà mưa gió mùa đông đã hái xuống lát dày các ngõ. Trên các bụi râm bụt và xương rồng vắt phơi những chiếc áo nâu, những manh chiếu cũ, những bao bì mòn xơ đã dùng làm chăn đắp. Các sân nhà lát từng vạt lá đa, bã mía, thứ củi đun của kẻ nghèo. Một vài bà mụ nhà quê ngồi dưới nắng gội đầu, mình trên chỉ mặc chiếc yếm nâu; nước bồ kết chảy roi rói xuống chậu, tiếng reo trong vui. Các phên cửa chống cao, mời ánh sáng tràn vào. Mùi nhàn nhạt ẩm mốc của nền đất bay phảng phất.

Nắng không nồng màu, nhưng oi ả như nắng hè. Sinh đã thấy da mặt ran rát. Cạnh giếng, vài đứa trẻ đứng tắm, tồng ngồng, và má những cô gánh nước đã đỏ hây lên.

Má những cô gánh nước đã đỏ hây lên, mắt thêm màu trong sáng; nhưng chàng bước đi, thái độ đăm chiêu. Chàng trai ấy vốn không phải vô tình, nhưng một cảnh tượng vừa khiến tim chàng thắt lại.

Chàng vừa đi qua cổng hậu dinh cơ của một ông Phủ hưu trí và đã đứng lại chút nhìn vào. Một người đàn ông mặc thứ áo xanh nửa dài nửa cộc của lính lệ, đương vắt phơi trên dây những mền bông áo kép. Cạnh đó một cô gái xở từng quần áo từ trong chiếc hòm lớn, những quần trắng, những áo màu. Nàng ướm một cái áo dài sọc hồng lên ngang vai và nói gì với người đầy tớ, hình như hỏi còn vừa hay không; anh đầy tớ quay nhìn, miệng đáp đầu gật. Nàng mặc chiếc áo vào mình, rồi ngắm nghía, đi đi lại lại môi dường chúm chím.

Rồi Sinh không thấy gì nữa. Hơi nóng đã bốc lên đầu choáng váng, mắt chàng hoa lên, và chàng bỏ đi. Chàng bước đi, dáng lừ khừ, chân thất thểu. Hồn chàng trở lại đen tối, vẩn đục trong sự sôi nổi của những tình cảm nặng nề, những kỷ niệm cay chua. Chàng cắn khít hàm răng, tưởng chừng sợ lòng bi thống quá sẽ bất giác thốt tiếng rên rĩ. Chàng đi thất thểu, chàng đi lang thang như một gã hành khất.

Chợt Sinh giật mình. Ai vừa gọi "Nga ơi!" đâu đây, chàng tưởng nghe một lời khiêu khích. Nhưng không, đó chỉ là tiếng bà Phủ gọi con; cô gái đáp: "Dạ" với giọng kéo dài uốn éo kiểu cách của hạng người đài các. Giọng quen biết và thân yêu ấy dội trong Sinh, tim chàng run rẩy. Hai mẹ con nói gì với nhau, chàng không nghe rõ. Tự dưng hai người cười phá lên, tiếng cười giòn vang trong thinh không pha lê. Chàng tự bảo, tiếng rền của thâm tâm vị kỷ: "Cô ta vẫn vui, vẫn cười, hừ! Trong khi mình đã tan nát cả cõi lòng". Chàng bước nhanh hơn như để trốn chạy, và lẩm bẩm: "Yêu là cho, là mất, yêu là một sự dại khờ".

Lần đầu tiên chàng có giọng điệu như thế về tình ái.

Bởi chàng vốn đa tình. Tim chàng là một ngọn lá non, mà sự mơn trớn của tình cảm nhẹ nhàng nhất cũng làm cho run rẩy. Một hơi gió đầu mùa khiến chàng bâng khuâng, một tia nắng vàng gieo cho chàng niềm vui ấm áp; trước một hoàng hôn tím, chàng xao xuyến đến rưng rưng. Lời chim là tiếng hót của lòng chàng, mây hồng núi biếc và bể cả ngoài kia mà tiếng gọi rì rào mơ hồ ngân tới, là bạn thiết trong những giờ mơ mộng. Những cô gái tóc dài má thắm gặp lúc ban ngày thường trở lại vấn vương giấc mộng của chàng.

Ôi! Những luồng mắt nhung huyền ảo dưới rèm mi cong, những nụ cười hồng chúm chím, những nét mày thanh, những làn tóc buông óng ả, có một sức huyền bí xao động cả lòng chàng! Trái tim trẻ đập trong lồng ngực dường như bao giờ cũng tràn ngập một nguồn yêu thương vừa rộng mở vừa kín đáo, chứa chan chan chứa mà lại tinh khiết e dè. Chàng mang nguyên vẹn trái tim trẻ và nguồn yêu thương tinh khiết ấy về đồng quê, chốn chàng lui về sau mấy năm học tập, chốn của những cô thôn nữ miền duyên hải đẹp một vẻ đẹp

rám hồng bền đậm trong sự sống mãnh liệt của gió mặn và sóng lớn. Một buổi sáng đi lang thang trong các ngõ hẻm, Sinh gặp một cô em họ quẩy gánh hàng tạp hóa đi chợ bán. Chàng đứng ngây, quên cả đáp lời chào; má cô gái đượm một màu hồng man mác làm rời rợi cả tâm hồn chàng, do ánh giấy hồng điều phản chiếu lên da mịn. Cô em bây giờ đã lấy chồng, nhưng chàng vẫn quý báu giữ lấy cảm giác rời rợi của đôi má hồng man mác. Một lần ở tỉnh, chàng đi xem một ban kịch danh tiếng. Nhưng chàng không thấy gì trên sân khấu, tất cả chú ý đã bị chiếm giữ bởi mái tóc thề và nét cong thanh tao của đôi vai cô bé ngồi trước mặt chàng. Đôi vai thon thon, nét cong dịu dàng và nhỏ nhắn viền một dọc sáng mờ, mỗi khi cô cười thì có một rung động khẽ. Thỉnh thoảng cô quay đầu, trong một cử động nhẹn, để nói với bà mẹ ngồi cạnh những cảm tưởng của mình; làn tóc buông lơi hất mạnh, rải lòa xòa trên vai, và Sinh thấy, in trên nền sáng của sân khấu, bóng mờ mặt cô bé nhìn ngang, mũi dọc dừa, cằm hơi nhọn, môi nùng nũng. Lúc trở về nghe bạn hỏi: "Thế nào, ý anh về vở kịch?" Chàng đáp: "Hay, vui lắm, nhiều đoạn buồn cười". Người bạn ngạc nhiên vì lời phê bình giản lược ấy, không biết rằng Sinh chỉ đã lặp lại những lời cô bé chắc hẳn tuổi chỉ mới mười bốn mười lăm nói với mẹ.

Chàng đâm yêu cô bé, tương tư phiền quấy lòng chàng ít lâu rồi phai lạt. Tình chàng vẫn thế, liên miên không dứt, nhưng kết bằng muôn tình nhỏ ngắn bâng quơ. Lòng chàng là con bươm bướm, mỗi sáng chờn vờn một nhị hoa, nhưng không bám hút nhị nào. Chàng chưa hề biết những đam mê sôi nổi, chàng chỉ cảm thấy phớt qua lòng sự xao xuyến dịu dàng, niềm luyến nhớ bâng khuâng. Vả tính chàng bất chuyên nhất và trăng hoa lắm, dù có muốn cũng không yêu riêng được một người, trong khi bao người bao cảnh khác phô vẻ đẹp cùng quyến rũ như nhau trước con mắt chàng thiết tha và ham hố.

II.

Sinh tự biết mình thế, vậy mà đã lầm lỗi một lần. Bài học rút từ cuộc thí nghiệm dại dột, chàng đã mua bằng một giá quá đắt. Sinh đã dự xem sự tàn phá của hồn và của cơ thể

mình dưới bàn tay của tuyệt vọng. Tim chàng cơ chừng muốn lịm dần đi, nếu nắng mới không tới rọi vừa đúng lúc, đánh đuổi cơn tê độn trong đó chàng đương sa lầy.

Một hôm, vào buổi chớm thu, Sinh lang thang ngoài bãi bể. Trời vẫn đắm trong màu xanh ngọc, sóng hiền vẫn ngân điệu nhạc trầm trầm, và chàng tự chế nhạo mình hay lo hão. Tối hôm trước, một ngọn gió lạc vào phòng lành lạnh, khiến chàng bất giác rùng mình, thế mà lòng Sinh đã xốn xang lên, trong ám ảnh những ngày sẫm buồn và những bão tố mùa thu. Chàng vốn sợ những ngày lạnh mà màu xám lặng câm hàm một ý não nùng thê thiết, tựa một lời nức nở bị nén trong hầu. Lội xuống nước, Sinh thấy rõ bàn chân in trắng muốt trên cát. Chàng đá vung lên, và nước văng tung tóe thành muôn giọt ngọc sáng ngời. Không, ánh hè còn bền bỉ lắm, mây âm u chưa thể đến ám vòm trời và hồn người được; bão mùa thu vẫn chưa góp gió, vợ những bác chài vẫn nói cười vui vẻ, lòng chưa se lại trong niềm thấp thỏm.

Yên lòng, trong ý nghĩ ấy, chàng vừa bước dọc rẻo cát vừa hát vu vơ. Dải núi, nãy giờ vẫn chạy men dọc bãi, tới đây bỗng choãi rộng ngâm chân xuống nước; chàng theo một đường mòn bước lên. Một tảng đá chắn lối, lung lay muốn lăn; khối đá nằm chênh vênh bởi nước mưa đã xói đất dưới chân tảng. Chàng cẩn trọng bước. Qua khỏi rồi, chàng men theo một lối đầy sò sảnh len khúc khuỷu giữa những mô đá lô nhô, tiến tới động của chàng. Chốn mà chàng thường gọi "động" cho có vẻ tiên cách ấy là một vòm hang rộng nhưng thấp, ở cửa hang đứng sững những cột đá tựa hồ những vòi voi khổng lồ vươn hút nước mặn. Chàng tìm đến "ngai" của chàng, một phiến đá bằng phẳng, chàng thường ưa nằm trên đó, để lắng nghe, đầu gối trên tay, điệu nhạc sóng rộn rã bên mình, cũng màu xanh biếc như màu nước bể; và có khi, đắm dần vào giấc hôn thụy dịu dàng, chàng có cảm giác rõ rệt và phơi phới hồn mình đang chơi vơi trên sóng nhạc, hai cánh run rẩy đập nhanh như cánh con chim đỗ phải cành quá yếu.

Nhưng Sinh kinh ngạc biết bao, khi thấy một bóng người đã ngồi trên "ngai" của chàng. Một giây, Sinh thoáng nghĩ đến những nàng tiên giáng phàm trong truyện cổ. Người ngồi trước mặt chàng là một cô gái áo hồng, tóc buông lơi. Nghe tiếng động, nàng ngoảnh

lại. Chàng đứng sững, mê hoặc bởi đôi mắt tròn to đằm bóng mơ huyền ảo đương nhìn chàng như tò mò như trêu chọc. Sinh tưởng nàng sẽ bật lên tiếng hỏi, giọng giận dữ của những nàng tiên khi chợt thấy kẻ phàm tục dám tới xúc phạm sự trinh tĩnh của mình: "Ai cho phép ngươi đến chốn này?". Nhưng không, nàng vẫn im lặng, vẫn lặng im nhìn chàng bằng đôi mắt tinh nghịch. Má nàng nhuốm một màu hồng mà bóng mờ trong hang đượm thêm vẻ nồng ấm khêu gợi; môi son uốn cong đầy vẻ kiêu hãnh cao quý.

Một hồi lâu im lặng; rồi bỗng đôi môi son cất lời:

– Có phải anh là anh Sinh?

– Làm sao tôi lại được hân hạnh...

Cô gái ngắt lời Sinh, khóe miệng nhếch thành một nụ cười lặng lẽ như để chế giễu giọng nói kiểu cách của chàng trai:

– Không có gì lạ. Tôi ở cùng làng, tôi là con quan Phủ Lê.

– Cô Nga! Tôi vẫn nghe nói đến cô luôn, nhưng bây giờ mới được gặp lần đầu.

– Bởi từ hồi còn nhỏ tôi vào học trong Huế.

Thế rồi, với một giọng lưỡi hoạt bát, cô gái đưa đẩy câu chuyện. Và có lúc đang nói, Sinh bỗng ngừng lại, bắt chợt mình đang kể lể tâm tình, như với một người tri kỷ. Sinh cũng không còn nhớ mình đã trò chuyện và kể lể những gì trong buổi gặp gỡ bất ngờ, gần như huyền hoặc ấy. Dường như chàng nói chỉ để nén bớt sự hồi hộp của trái tim. Và để cố gắng chế ngự phần nào ánh mê hoặc của đôi mắt to đang chiếu thẳng vào chàng đăm đăm. Nga nhìn Sinh bằng đôi mắt tò mò, nàng lặng ngắm chàng trai xinh đẹp, da hơi xanh, tóc lồng bồng, mắt mơ màng dưới vừng trán rộng thoáng ý u buồn. Nàng xét đoán người bạn mới: đó là một chàng trai "hơi điên", nàng tự bảo, mà cách xử sự trong tình yêu hẳn có nhiều vẻ ngô ngộ, khác người. Đôi môi nàng nở một nụ cười lặng lẽ nó sẽ làm Sinh ghê rợn nếu chàng hiểu ý nghĩa: nàng muốn đùa nghịch với ái tình, Sinh sẽ là con mồi đáng thương.

Nga là một cô gái kỳ dị, đầu óc chứa đầy những tư tưởng lãng mạn đến mức ngông cuồng. Nàng muốn sống một cuộc đời phóng túng bừa bộn, tuyệt nhiên không lấy gì làm hệ trọng, cả đến tình

yêu. Đó là hiệu quả sự kết bạn với những cô gái "mới", hay dấu hiệu sự di truyền tâm tính tự mẹ nàng, một cô đào ông Phủ đã lấy làm lẽ thứ tư hồi trị nhậm một huyện tỉnh Nam?

Với một khéo léo thông minh, nàng lôi cuốn chàng trai ngây thơ vào lưới tình mà tay nàng giăng mắc; nàng có những điệu bộ mê hoặc, những lời rủ rỉ say sưa. Ngần ấy có lẽ cùng bằng thừa. Bởi chàng trai lao vào cuộc không đắn đo và không mặc cả; chàng không đợi đón chào, không chờ mời mọc, mới dâng hồn cho mộng yêu đương. Nhưng quả có rằng lần này chàng say sưa, chàng sôi nổi, chàng đắm đuối, quả có rằng cô gái đã đem cho chàng những cảm giác đê mê mới lạ. Ôi! Những giây phút thiêng liêng mà chàng ghì thân ngọc trong tay run rẩy, và ghé đầu bên mái tóc dài, lắng nghe hồn nói sang hồn...

Chàng yêu không giữ gìn và không giấu giếm. Ái tình không phải điều xấu xa mà người ta làm thầm vụng. Chàng tự nhiên mà yêu, ngang nhiên mà yêu. Nhưng cha mẹ chàng bắt đầu lo ngại, bởi trong làng đã vang tiếng đồn. Một hôm, cha chàng đã nghiêm giọng nói với con. Ông Phủ Lê còn xa mới được là một con người đáng trọng vọng. Vinh hoa phú quý vẫn không che lấp được lai lịch mờ ám và tâm địa ti tiện của ông... Còn Nga? Thôi, nói làm chi đứa con gái đã để cho người ta nghi ngờ đến cả tiết trinh mình.

Sinh cúi đầu lặng lẽ nghe lời nghiêm huấn; nhưng trong chàng sôi lên một niềm công phẫn. Nếu người đương nói xấu Nga đó không phải là cha chàng! Thì trời ơi, còn có sự tàn bạo nào mà chàng không dám phạm để bóp chết ngay những lời phũ phàng kia! Tấm lòng yêu thương rộng mở chàng vẫn bao trùm cả nhân loại, lại chỉ thêm dầu vào phẫn nộ của chàng, bởi Sinh cho rằng mình đã bị phản bội một cách hèn mạt. Miệng thế thối tha hơn rãnh cống! Người đời là những tâm địa hiểm độc, lúc nhúc trong bùn tội ác, chỉ tìm kiếm thú thích làm hại nhau. Lời vu cáo thực đã ngây ngô. Làm như ai cũng ngu ngốc lắm mà tin được rằng cô gái kia có thể giấu ý tà dâm dưới vừng trán trong sáng như pha lê, có thể dễ dàng để uế thân trinh bạch khi đôi mắt còn mở to nhìn đời với một tin cậy hồn nhiên. Một tấm thân kiều diễm như Nga của chàng, Cao Xanh há đã tạo nên để chứa một tâm hồn ô trọc?

Sinh không dám cãi cha, nhưng thâm tâm chàng nghĩ vậy. Và ngay chiều ấy, chàng lại lần ra bãi bể, tới chỗ hẹn hò...

Rồi một hôm, tấn bi kịch gia đình bùng nổ. Thấy lời khuyên vô hiệu, cha chàng dùng giọng nghiêm khắc quở mắng, Sinh cúi đầu cắn môi, nhưng khi ông cụ lại nhắc đến những lời đồn không tốt về Nga, thì chàng không còn nén được lòng phẫn uất. Chàng kêu lên:

– Quân khốn nạn cả! Tin chúng là vô ý thức!

Ông cụ ngồi sững sờ. Sinh thì ôm đầu, cũng kinh ngạc về sự láo xược của mình; chàng bỏ chạy như một kẻ gian phi. Chàng đến nhà riêng chị gái đã lấy chồng, gục lên tay chị khóc rấm rứt. Bị rèn đúc trong khuôn nghiêm Nho giáo, chàng thấy tội bất hiếu của mình to lắm, mấy kiếp mà rửa cho sạch. Hối hận day dứt lòng chàng.

Nhưng khi nỗi buồn đau đã dịu theo nước mắt, chàng lại lần ra chỗ hẹn. Chàng chờ, lòng càng nung nấu bởi cơn giông tố vừa qua. Ồ, chỉ một ánh mắt, một nụ cười của bạn yêu, là chàng không còn hối hận gì về thái độ đã có trước mặt cha. Chàng sẽ quên hết, tha thứ cho cả miệng đời ô trọc; những lời vu cáo, chàng sá kể gì, khi chàng đã thấy mắt Nga nhìn, đã nghe môi Nga nói.

Nhưng chàng chờ, chàng chờ, bóng tím đã lùa vào hang thấp như một nỗi lo âu, mỗi lúc một đè trĩu thêm tim chàng. Sau cùng khi đêm đã buông màn đen xuống mênh mang của trời nước, chàng đành thất thểu trở về.

Chàng thức suốt đêm hôm đó, viết cho Nga một bức thư dài. Chàng không tiếc lời trách móc, lòng cảm thấy một thú thích kỳ dị, thầm kín khi day dứt bạn yêu, thú thích càng sâu sắc trong ý nghĩ những lời đó sẽ rạch sướt tim nàng, như lúc này mỗi nét bút chàng vạch cũng đang rạch sướt chính tim mình một cách vừa đau đớn vừa êm dịu.

Chàng chờ đợi năm ngày trong thấp thỏm. Sau cùng thư trả lời đến, đánh đòn chí mệnh lên hồn chàng. Cô gái bĩu môi mà đáp rằng, không, những lời trịch thượng của anh chàng kia, một con người tuy có học vấn nhưng vẫn là kẻ quê mùa ngốc nghếch và hợm hĩnh, đã không làm nàng nổi giận đâu, nàng chỉ đã mỉm cười.

Sinh im lặng, tự hãm tình cuồng trong một mối kiêu ngạo nam nhi.

III.

Tiếng trẻ nô đùa khiến Sinh tỉnh cơn mơ mộng. Chàng ngơ ngác nhìn; nắng vàng tươi bay phấp phới trong không gian, chảy trên những lá đa, lẩn loáng thoáng giữa những cành lay động, và khi sớt phải làn rêu của mái đền góc cong thì ngưng đọng lại mơ màng. Chàng đã đến cửa đền. Chân chàng bước trên những lát điệp trắng – người ta nói mô đất xây đền vốn là đáy biển dâng vào một thời không xa – và chàng đã nghe tiếng rì rào trầm buồn, như tiếng xay thóc những đêm thôn dã, của sóng biếc. Trong khi hồn lạc nghĩ ngợi vẩn vơ, chàng đã vô tình tiến về phía bãi bể. Vô tình! Một sức huyền bí nào dường như đã đưa dần bước chân; và chàng lan man nghĩ tới Định Mệnh.

Hôm ấy, cầm bức thư độc ác, Sinh, lòng kiêu căng bị tổn thương, đã tự thề không thèm nhớ tiếc người con gái bạc tình và vô tư cách. Nhưng chàng cảm thấy ngay lời thề ngớ ngẩn, bởi ai đâu sai khiến được lòng mình, khi lòng mềm nghiêng ngả theo muôn tình?

Rồi tiếp đến mây thu dồn dập kéo ám trời, mưa rơi nao nao từng cơn, lệ tình não nùng của Ngưu Lang, Chức Nữ. Một chiều kia, lòng cuồng điên thất vọng, chàng đi lang thang hàng giờ trong các ngõ xóm và ngước nhìn bầu trời ảm đạm, mải mê hứng những giọt mưa lạnh rơi trên trán, trên da mặt. Trở về, đầu chàng nóng hầm hập và nửa đêm chàng lên cơn sốt.

Trong phòng bệnh, bóng tối u uất đè mãi lên hồn chàng. Một lần, thừa cơ phòng vắng, chàng lén mở cửa sổ. Một làn ánh sáng chảy vào, thứ ánh sáng xám mùa đông. Tuy vậy chàng chắp hai tay ngước nhìn trời, thầm cảm ơn; và chàng hát mãi câu đầu bài thơ "Cầu nguyện" chàng đã viết cạnh một ngọn đèn hoa kỳ tù mù:

Tôi chờ nắng lên cho lòng hửng sáng...

Hôm nay, dạo bước lang thang, chàng lại bắt chợt mình đang thì thầm câu hát đó. *Tôi chờ nắng lên cho lòng hửng sáng...* Nắng đã lên rồi, chói lọi! Nhưng lòng chàng chưa hửng sáng, lòng chàng mà những kỷ niệm buồn vừa tới ám, và còn vương vít lưới sầu mùa đông...

Sinh từ bờ đường nhảy xuống, lần theo bãi cát chạy ven con sông nước mặn. Dải sông chợt phình trái bầu, như để ôm trong hai tay mở rộng nước tràn từ bể cả vào. Lần đầu thấy lại khoảng trời nước mênh mang. Sinh tưởng chừng ngột thở. Chàng đứng dừng, ngờm ngợp nhìn thinh không, rồi bỗng dưng như một người điên, chàng vừa chạy vừa múa may vừa hát huyên thiên. Chàng muốn tỏ ra mình cũng là một cái gì đáng kể trong vũ trụ, không phải như trước kia, hồi chàng nằm trong buồng kín, lẫn cùng bóng tối, một hư vô chìm lặng trong hư vô.

Vài bác chài, mình trần trùng trục phô lưng đen loáng ánh mặt trời, chống nạnh yên lặng đứng nhìn theo. Đoạn họ đi xuống nước, rồi nhìn thẳng phía bể bơi ra, bằng lối bơi nhẹ nhàng mà hùng cường của họ, tay uyển chuyển đưa xé nước roàn roạt.

Sinh bắc loa miệng gọi – chàng sung sướng nghe tiếng mình âm vang trong thinh không:

– Các bác đi bắt cá đấy à?

Họ quay đầu, hỉ hai luồng nước từ lỗ mũi, gật đầu. "Bắt cá" nghĩa là đón những thuyền chài các nơi vào bán cá. Sau khi đánh lưới, những thuyền chưa về vội, ghé vào những cửa lạch lân cận bán một phần thu hoạch. Vài bác dân chài trong vùng bơi ra dẫn lối cho thuyền, bởi cửa sông thường bị cát bồi thành bãi ngầm đáng sợ; họ lại giới thiệu khách mua và ăn hoa hồng tính theo giá bán.

Sinh lại hỏi:

– Sao không trèo ra ngoài mỏm đá kia?

Nhưng họ đã ra xa, bơi xế về phía bên kia sông để đón hai chiếc thuyền lưới trên đó đám bạn chài hạ buồm đang hét ầm ĩ như có giặc.

Sinh nghĩ thầm: trèo ra ngoài mỏm đá kia rồi mới xuống nước thì đỡ được một đoạn bơi, nhưng đối với những tay dân chài gân guốc kia thì đoạn đường có nghĩa lý gì.

Một chốc sau, chàng nhận thấy mình lầm. Men theo đường mòn chân núi, chàng vừa bám tay định leo qua tảng đá chắn lối đã vội lùi ngay lại. Roạc! Khối đá lớn sụt nghiêng, bụi trắng rơi lả tả. Sinh cúi nhìn: những trận mưa vừa qua đã xói hẳn đất bên dưới, thành thử tảng đá chỉ bám rễ vào đất bằng một chân nhỏ, còn phía bên kia thì gác chênh vênh lên một tảng đá khác. Sinh đi men thử

bám lên tảng này, nhưng chàng lại phải bỏ ngay ý định. Xuyên qua bao thế kỷ, nước bể đã gọt đẽo kỳ khu trên mặt đá những hình nhọn hoắt lởm chởm, giống như những đền chùa tí hon mái cong chồng chất dính trên non bộ. Sinh vừa xoa xuýt tay rớm máu, vừa nhìn địa thế. Phía bên kia là chân núi, ở đó nước bể tuồn vào một cái lạch sâu; chàng bèn quay trở lại, rồi bám trèo dọc sườn núi. Sườn núi hầu như dốc đứng; chân co quắp bấu vào những chỗ xù xì, tay bíu chặt những bụi cỏ nước mặn lá sắc nhọn cứa lên da rớm máu, chàng lần đi. Có lúc, đầu chàng lả ngửa ra sau, trời đất quay cuồng đảo lộn, mũ suýt băng ra. Lạch nước phía dưới kia như sụt xuống, sụt mãi xuống, tưởng chừng sâu thăm thẳm ngợp hồn.

Khi đặt chân tới "động", Sinh gần ngất đi. Chàng ngồi phục xuống, đầu nặng gục lên hòn đá ngai; bệnh trở lại, một cơn sốt dữ dội kéo đến.

Gió lùa trong hang lành lạnh thổi khô dần vạt áo nhễ nhại mồ hôi. Sinh tỉnh dậy; đầu mệt mỏi vẫn gối trên đá, chàng nghe tiếng sóng rì rào. Nhạc bể thân yêu đều đặn ru đưa hồn êm trôi về quá khứ. Những kỷ niệm nằm trong bóng tối thời gian vươn mình rũ cánh bay phất phới trên dòng nước hồn chàng.

Mối tình yêu dang dở và cay đắng, giờ này đây sống lại trong tâm hồn với một vẻ trọn vẹn và tinh khiết hoàn toàn, tựa hồ được lọc qua chiếc lọc của thời gian và của chính lòng chàng đã bình tĩnh trở lại. Không, chàng tự nhủ, yêu không bao giờ là một sự dại khờ, một sự thả buông và mất mát, khi nó là một niềm yêu chân thành tha thiết. Và cho dù nó được đáp ứng lại bằng sự tha thiết chân thành hay bằng điều tráo trở, chẳng ai, chẳng một cái gì, dù là điều tráo trở phũ phàng tàn nhẫn nhất, có thể cướp đi vẻ vẹn toàn trắng trong của nó.

Nhạc bể ru đưa, ru đưa hồn êm trôi, êm trôi về quá khứ. Sinh đứng dậy nhìn quanh, tưởng nghe tiếng xào xạc của đàn chim kỷ niệm rời tổ hồn chàng. Chàng đứng tựa vào một cột đá. Ngoài kia bể réo, từng ngọn sóng ào ào kéo vào, nhưng khi tới chân chàng, chỉ còn là một cái lưỡi nước rộng thè liếm cát. Sinh lần bước đi ngược vào hang. Chợt chàng đứng lặng, tưởng chừng ngột thở trong ngạc nhiên vui sướng: tại đáy hang, làn cát xổi lên, còn giữ nguyên vẹn những nét chữ mà chàng đã vạch bằng đá nhọn, cách đây bốn

tháng. Những chữ S và N nằm quấn quýt, đủ các lối kết hợp. Đây là chữ S mà bàn tay nhỏ của Nga đã vạch, đây chữ N rắn rỏi nét sâu, ôm trùm cả chữ kia, của chính tay chàng. Đây là một câu yêu đương Nga đã viết, tay trong tay Sinh, câu viết chưa xong bởi một cái hôn ngắt quãng. Những hình ảnh diễn lại qua trí nhớ một cách rõ rệt kỳ dị, trong từng tiểu tiết. Chàng tưởng thấy bàn tay trắng muốt, tròn tròn như mọng lên, dạo trên cát ẩm những ngón thon móng đỏ thắm. Chàng kêu nho nhỏ: "Trời ơi!", lòng gần như chua xót trong một niềm vui sướng sắc nhọn.

Cái công trình kỷ niệm của tình yêu vạch trên cát, mà chàng tưởng mong manh, bởi chắc sẽ bị chân người xóa bỏ một ngày gần, không ngờ đã lâu bền ngoài lòng mong ước. Chàng lặng nhìn, trí nhớ gợi một chàng trai của thuở xưa dưới một trời xa. Chàng Olympio nọ, một lần, cũng về thăm chốn cũ như Sinh, chốn chàng đã để cho "tim thoát vỡ qua nhiều vết thương"[1]. Nhưng chàng thi sĩ đáng thương ấy đã thấy cảnh vật đổi dời. Nay lát gạch, con đường cát mà chân nàng hằng in gót xinh; những khóm hồng đã bị trẻ con phá hủy; chim ca hót, cánh đồng nhuốm xanh, trời chói nắng, quang đãng và lạnh lùng trước đau khổ của chàng trai.

Sinh gợi lại hình ảnh chàng thi sĩ trẻ thất vọng đi lang thang, cố tìm lại mà không bao giờ thấy một dấu vết của ân ái cũ. Và sinh, đứa con cưng kia đã quỳ xuống trong dáng điệu cầu nguyện, để dâng lên đức Thượng Đế nhân từ tất cả lòng biết ơn thành kính. Chàng, chàng không sợ ai phá hủy được những chữ mong manh trên cát. Không một bàn chân nào, ngoài chân chàng, sẽ tới được đây. Và tình chàng sẽ sống chốn này mãi mãi, trong lời ru mênh mang của sóng nước.

Khi Sinh trở về, nắng chiều đã tắt. Lạnh đã trở lại, len trong hơi sương rất nhẹ. Nhưng một làn nắng mới vừa hửng lên, trong lòng chàng ấm áp...

1939
Rút từ tập truyện ngắn Nằm vạ,
Nxb. Đời Nay, *Hà Nội, 1941*

---

1. Bài thơ *Nỗi buồn Olympio* của thi hào Pháp Victor Hugo.

ĐỖ TỐN
(1920–mất?)

Tên thật là Đỗ Đình Tốn, sinh năm 1920 tại Hà Nội. Thuở nhỏ học trường dòng tại Hà Nội. Sau Hiệp định Gionevơ 1954, ông di cư vào Sài Gòn và mất ở đây năm 1973.

Tác phẩm chính: Hoa Vông Vang (tập truyện ngắn, 1945), Ả Hầu, Hai quả mận... (đều xuất bản tại Sài Gòn).

*

ĐIỆU THU CA

(truyện ngắn)

Anh Địch yêu thích mùa thu. Xin tặng anh điệu ca này, truyện đầu tiên mà em đã viết xong trong đời.

Gió thu về!

Phải, gió đã lạnh, trời về cuối tháng bảy rồi còn gì, sắp rét! Một cơn gió đầu mùa đôi khi cũng mang lại lòng tôi nhiều nỗi hoang mang, gợi lại những kỷ niệm không định. Chợt tôi nhớ đến một người chị họ xa, ở vùng Thái Bình, mà một bữa đầu xuân, nhân chị đến thăm, trong khi vui chuyện tôi đã hẹn:

– Bao giờ mùa thu tôi sẽ về chơi... nhưng có gì thết không...?

– Có, có bánh khúc nóng... với nhiều chuyện vui. Chị đáp lại với một nụ cười. Thế mà nay mùa thu đã tới, nhắc tôi nhớ đến chị, và mỗi lần nhớ đến chị là tôi còn như thấy lại cả một thời trọ học ở Thái Bình ngày nhỏ. Ngày ấy trong bốn tháng trời, cứ mỗi lần chủ nhật đến, tôi lại về nhà chị chơi đùa cùng mấy người em trai của chị. Những ngày đó rất ngắn ngủi cho một người học trò nhỏ như tôi. Thường thường thì cứ chiều thứ bảy, cùng với người anh thứ hai của tôi, chúng tôi từ giã nhà trọ lên chiếc xe xích-lô trở về gia đình nhà chị. Dạo ấy mùa xuân, trên quãng đường ngoắt ngoéo mười một cây số, gió lộng nơi đồng rộng thường làm chúng tôi rét mướt, thu mình trong chiếc áo ma-ga sờn tay: có gì mà chả rét, hai đứa trẻ xa gia đình, không có lấy một bàn tay của mẹ, của chị chăm

nom săn sóc; ở trọ nhà người ta thì ai người ta yêu, mấy ai thương hại những con chim non bao giờ! Xe thường phải hạ mui xuống vì gió, và tiến rất chậm. Gió thổi mạnh. Chúng tôi hay ngồi yên lặng không nói; chẳng hiểu thời ấy trí tôi bay bổng theo giấc mộng gì, nghĩ gì?... Chỉ biết tiếng gió ào ào bên tai thỉnh thoảng lại bị chấm bằng vài câu ngắn ngủi nhạt nhẽo như: "Đã đến Cầu Lô" hoặc "Còn ba cây nữa"... càng mong thì hình như xe càng chậm lại... chúng tôi thường tới nhà chị vào lúc những ngọn đèn hoa kỳ bắt đầu le lói lạnh lẽo sau hàng dậu thưa hay tấm phên cửa liếp.

Mỗi ngày nghỉ là một ngày vui sướng mà tôi chẳng thể nhớ lại được hết. Nhưng tôi nhớ đã nhiều bữa lạnh trời, chúng tôi được gọi về ăn bánh trong lúc đương chơi ngoài bờ ao, hoặc leo trèo trong vườn.

Thường thường là bánh khúc vừa mang từ trong nồi hấp ra, hãy còn tỏa khói, nhân thịt mỡ béo ngậy, ăn nóng sốt trong gió hơi lạnh. Ngày ấy tôi thấy đó là một nỗi vui sướng tuyệt đỉnh. Cho đến nay tôi vẫn thấy yêu thứ bánh đó, có phải vì nó ngon hay chỉ vì nó đã đánh dấu một thời thơ bé? Khi thấy chúng tôi ăn ngon lành những chiếc bánh chính tay chị làm ra. Chị ngồi nhìn sung sướng... Những lúc đó chị đẹp lắm tuy mới bắt đầu nẩy nở cùng cái tuổi chớm dậy thì. Ngày đó chị mười bốn, mười lăm hay mười sáu tôi chẳng biết, tôi chỉ thấy chị đẹp, thế là đủ rồi ← Đôi khi tôi nhận thấy trong đáy mắt chị tia vui lấp lánh,... cho tới nay đã nhiều lần tôi tự hỏi: "Có phải đó là ánh phản chiếu của một tâm hồn tươi đẹp!" Dẫu sao thì những ngày đó cũng đã mang lại lòng tôi ít nhiều cảm tưởng đầu tiên về sắc đẹp của đời. Tôi còn nhớ có một hôm chị mua cho chúng tôi một cái lồng bẫy chim,... và chị vẫn chẳng ngờ nhờ nó mà lòng tôi đã rung động lần đầu trước vẻ đẹp của hình sắc với một cảm giác êm đềm. Có gì đâu, trong cái lồng đó chúng tôi nhốt một con chim khuyên ở từng dưới, chỗ bẫy ở từng trên tôi để rất nhiều hoa tử-vi cùng một quả chuối-tiêu vỏ bóc nửa để làm mồi rử. – Xong rồi chúng tôi ra xa nấp đợi. Ngày ấy vào cuối tháng hai, đâu đâu bông nở rất nhiều, cây lá xanh tươi mát mẻ, và những loài chim nhỏ từ xứ nào bay về tới tấp, đủ các màu! Tôi nhớ có cả con nhỏ đuôi dài, như con trĩ con màu trắng bạch, bay rất lẳng lơ!... Và ngày ấy tiếng hót vang trời! Có đàn chim khuyên bay qua các cây,...

nghe tiếng kêu gọi con trong lồng, chúng bay sà đến cây tử vi. Ở đó đẹp lắm, hoa nhiều, có lẽ chúng cũng thích. Chúng nhảy từ cành này sang cành khác ríu rít kêu hót!... Chúng tôi nấp nhìn hồi hộp. Một con nhảy vào định ăn chuối. "Xập!"

– "Được rồi! Ha... a... a..." Chúng tôi hò hét hớn hở chạy ra. Tôi đến nơi trước nhất, nhưng lúc tôi đưa tay lên định nhắc chiếc lồng thì tự nhiên tôi dừng lại: trong giữa đám hoa tử vi phơn phớt tím, cạnh màu vàng của quả chuối, một con chim khuyên mơ màng đập cánh sợ hãi đòi bay ra làm ít cánh hoa mỏng tung bay là là rớt xuống đất,... trong khi ấy thì chiếc lồng cứ khẽ run rẩy trên cành đặc hoa. – Cho đến nay tôi vẫn còn như trông thấy cái cảnh đó; chả nhẽ lúc ấy tôi lại thả con chim ra, nhưng thực lòng tôi không thấy vui sướng như lúc sắp bắt được nữa!... Vẻ đẹp đã làm nẩy nở chút ít nhân đạo trong lòng trẻ hay chỉ làm yếu ớt một tâm hồn! Tôi thấy bớt vui. Tôi đem lồng chim về, lúc bước vào buồng định khoe chị thì tôi thấy chiếc va-li của tôi mở tung, chị đang ngồi khâu bên cạnh! Tôi thấy trong người thế nào ấy khi nhận ra chị đang khíu mấy chỗ áo rách cho tôi. Lòng tôi như se lại, như hơi buồn khi thấy ở nơi xa này còn có người săn sóc tới mình! Sao tôi lại không vui? – Có những nỗi vui nhẹ nhàng êm ái quá làm ta mủi lòng. Bùi ngùi tôi ngồi xuống bên cạnh chị, yên lặng xem, những ngón tay chị cong cong nhanh nhẹn đưa kim: tôi trông rõ trên những đốt cuối cùng có những sợi lông tơ mọc lưa thưa trên da trắng nuốt, từ thân thể chị tỏa ra một hương thơm nồng ấm mùi da thịt. Tôi ngồi yên lặng không nói.

Tự đó đã bảy năm qua, bảy năm tôi không bước chân trở lại nhà chị: có lẽ vì xa xôi cách trở và cũng vì nhiều cớ khác. Vả lại tôi còn mải theo cuộc đời thanh niên ồ ạt nơi tỉnh thành thì còn nghĩ đâu đến việc tới thăm một người chị họ xa xôi!... Tuy thế tôi biết là những ngày đó vẫn ngủ yên trong đáy lòng vì vẫn còn có đôi khi bất ngờ tự nhiên tôi thấy mang mang nhớ lại. Tôi không tiếc những ngày qua, nhưng tôi yêu chút gia tài mà chúng để lại: ai chả thích những kỷ niệm của tuổi nhỏ! Cho đến năm ngoái...

Cho đến năm ngoái một hôm tôi trở lại nhà chị.

Bảy năm rồi còn gì. Tất cả đã thay đổi nhiều lắm. Trong quãng thời gian ấy thì ông thân sinh ra chị đã mất, trong họ kiện tụng

lẫn nhau vì chuyện chia gia tài, mấy người em trai chị thì nay đã lên tỉnh Thái học,... còn chị thì đã lớn: một cô gái ngoài hai mươi, óng mượt dịu dàng như bông hoa nở hết cánh... Tôi tới vào lúc nhá nhem tối, gặp lại bao nỗi vui mừng, người nói câu này, người hỏi câu kia. Sau vài phút nhộn nhịp ban đầu chị ngắm tôi một lúc rồi quay lại nói với mẹ:

– "Mẹ ạ,... anh Huân bây giờ lớn quá rồi"... Phải, tôi đã xấp xỉ đôi mươi rồi còn gì, tôi nhìn chị cười. Chuyện xa gần, lời thăm đón, chị nhớn nhác chạy xuống bếp coi cơm nước, bảo người ở trải đệm mới vào buồng khách. Thoáng cái đã thấy chị đứng cạnh mẹ góp chuyện. Tất cả như bận rộn một cách vui thích làm tôi thấy sung sướng thêm.

Chị sống với mẹ và người em gái ở nơi biệt thự hẻo lánh này. Sau một lúc hỏi thăm về những người xa gần thân thích, chị nói:

– À ra thế, anh Địch[1] bây giờ đã là sinh viên trường thuốc rồi cơ đấy,... sắp sửa ông Đốc nay mai. Còn anh, anh không đi học à? Sao lại về chơi được?

Tôi mỉm cười:

– Tôi thì nói làm gì!... học gì tôi! Tôi chỉ hay về ấp đi săn, cưỡi ngựa, và khi nào tôi thích đi chơi một nơi nào chẳng hạn thì không gì cản được tôi đi... Chả thế mà thầy tôi đã phải bảo "mày chỉ sắm vai đi chơi là giỏi"... Đời thế là đẹp phải không chị...

Nhưng chị chỉ mỉm cười!... Chị lớn lên hồn nhiên ở nơi thôn dã như bông hoa trong nội cỏ thì hiểu sao được những tâm hồn phức tạp! Chị chỉ cười...

Sau bữa cơm tối thì chị và người em chị cùng tôi ra ngồi ngoài sân chơi. Chị nói chuyện vẫn có duyên, luôn luôn hoạt động tươi giòn – Dưới ánh sáng trắng nhạt của trăng thu chị có một vẻ đẹp thần tiên với làn tóc dài buông xõa. Tôi kể những chuyện về tỉnh thành cho chị nghe; sau những đoạn mà chúng tôi cười vang trong đêm vắng chị nói:

Chuyện anh lạ vui lắm mà,... thật đấy!

---

1. Anh ruột tôi.

– "Thế à, thích nhỉ?"... Tôi đáp rồi tự vỗ vào ngực vui đùa to giọng nói: "Đời tôi là một trận cười giòn tan".

Chúng tôi vui chuyện cho tới khi sương lạnh xuống đã nhiều, làm mờ mấy bông lài xa xa. Tôi đi ngủ vui sướng với ý nghĩ là mấy ngày sắp tới sẽ tươi đẹp. Còn gì thích hơn là những ngày nghỉ mà ta chẳng nghĩ gì sốt cả, thản nhiên đợi những chuyện mà ta biết là sẽ vui.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm trong lòng vui vẻ khoan khoái sau giấc ngủ một mạch thâu đêm. Tôi hát nghêu ngao mấy câu rồi hấp háy lệt sệt lê bước ra cửa sổ đứng ngáp cùng hô hấp không khí trong sạch buổi sớm mai; trời về sáng hơi lạnh, tôi phải xuýt xoa đưa hai tay xoa mạnh vào người để lấy chút ấm áp. Gió nhẹ thổi lành lạnh,... có hương thơm thoảng theo: mùi hoa mộc! mát nhẹ xa vắng như mùi thơm thiên nhiên của làn tóc một cô gái. Tôi vội mở cửa bước ra: một cây mộc lá còn ướt sương buổi sớm rung rinh trong gió...

Tôi giơ tay ngắt một chùm hoa nhỏ đưa lên mũi: còn đâu! ngửi gần hương thơm đã mất cả vẻ nhẹ thoảng xa bay!... Tôi nghĩ đến bộ tóc con gái, "phải, có những vẻ đẹp ta không nắm được, có những hương thơm chỉ nhờ trận gió thổi lại!"... Tôi nghĩ miên man đến làn tóc cô gái. Có tiếng hót trong bay trên không làm tôi nhìn lên: một con chích chòe đậu trên mái cũ đương cất tiếng. Tôi ngây người đứng nghe, nghe giọng hót và cả tiếng gì lao xao nổi dậy trong lòng... Tôi biết không phải tôi mê tiếng hót: tiếng cu gáy đều đều còn kêu gọi tôi nhiều hơn, còn nhắc đến ngày nhỏ, những ngày hè oi ả nơi quê nhà. Tôi đứng lặng!... như đã một thời nào xa lắm, cũng một buổi sáng êm nhẹ như buổi nay tôi đã đứng nghe tiếng hót bay trên mái cũ...

– Phải, chỉ tại cái mái cũ, cái mái ngói rêu cũ...

Tôi đứng im chờ đợi. Chim hót chán bay đi, không một tiếng hót đáp lại, vạn vật như thản nhiên với tiếng đàn lòng.

Mặt trời đã lên, chiếu sáng mấy hạt sương long lanh trên những sợi cỏ tóc tiên xanh tươi. Tôi vội bước ra đi tắm để khỏi phí mất chút thì giờ của một ngày xinh đẹp. Từ buồng tôi tới nhà tắm phải đi ngang qua giữa hai ngôi nhà rộng thăm thẳm lát gạch lục giác tráng men, cột lim to hàng ôm mà nay vắng tanh, cửa đóng im phắc;

một bên là nhà thờ tổ, một bên là phòng tiếp khách. Ở giữa có những mái hiên chạy ngang nối liền: đây đó tôi thấy mấy chậu cảnh xơ xác cùng vài hòn non bộ trong hai cái bể con rêu bẩn, nước cạn vàng, lềnh bềnh nổi vài chiếc lá khô: chút di tích về những ngày oanh liệt của ông cha xưa kia. Những tấm cửa lim chạm nổi nay đã mốc meo hoang lổ, vài chiếc khóa đồng cổ rỉ xanh. Ghé mắt nhòm qua khe cửa gian nhà thờ tôi chỉ thấy tối tăm và thoang thoảng mùi ẩm mốc lành lạnh bay ra. Phòng tiếp khách dài rộng, chạm rồng phượng nay chẳng để làm gì hơn là để bụi bám; những đôi câu đối thiếp vàng đã chẳng còn ai đọc đến! Đâu rồi những giọng ngâm sang sảng vang ngân, những dịp cười hống hách khi hơi men đã bốc!... Nay chỉ có tiếng chân tôi vang lên trong yên lặng. Trông đây tôi cảm thấy tất cả vẻ hoang tàn đổ nát, tất cả nỗi tang thương của một gia đình giàu sang trong lúc hết thời.

Từ ngày ông cha mất đi thì họa hoằn mới có một người khách sơ lạ, còn họ hàng thân có ai tới thì chỉ tiếp ở căn phòng thường ngồi chơi hàng ngày; ở đấy có một cái sập, một cái bàn, năm sáu cái ghế và hai cái tủ đựng trăm thức lặt vặt...

– Ở đây tiện cái gần bếp nước...

Họ ăn cơm ở đấy, nói chuyện ở đấy và đánh tổ tôm cũng ở đấy nốt! "Nhưng từ ngày trong họ kiện tụng lẫn nhau thì cũng chẳng mấy ai về chơi nữa!" – Bà mẹ nói thế một cách buồn tẻ – Có phải một chút hối hận một chút đẹp đẽ đã nổi dậy trong lòng những kẻ đã dám coi thường tình ruột thịt!

Ăn điểm tâm xong, tuy trời nắng, tôi cũng để đầu trần đi ra vườn..., tôi thích đi như thế dưới nắng gió mùa thu!... Tôi vui sướng thấy cạnh nhà còn có một khoảnh đất to trồng lẫn lộn nhiều thứ hoa, tỏ ra đã có một bàn tay mềm dẻo chăm nom. Những bông hoa lay động muôn ánh tươi đã bảo cho tôi hay là trong cảnh tiêu diệt của một cơ nghiệp cũng còn có một mầm sống: một cô gái đương thời măng trẻ. – Lang thang trong căn vườn bát ngát những cây cao, tôi muốn nhìn lại nơi đã chứng kiến và chôn giấu bao ngày đẹp đẽ đối với tấm lòng bé dại xưa kia, tôi muốn tìm lại ít kỷ niệm, ít vẻ đẹp mà tôi đã yêu quý một thời... khó quá! khắp vườn cỏ mọc um tùm, cảnh vật cũng đã theo tình cảnh một gia đình mà đổi thay!

Tận cuối vườn rộng, thấy tôi đến, một đàn ngỗng sợ hãi kêu "cà kếu" inh ỏi chạy nhảy xuống ao làm tung tóe nước. Ao vẫn nguyên như cũ, đây vài bực đá mòn vẫn thản nhiên ngâm chân trong nước mơ màng có lẽ chưa quên tôi. Bỏ guốc, tôi bước xuống như ngày nào còn nhỏ,... nhưng chân tôi đâu còn non nớt!... Tôi té nước chậm chạp lên đùi gối. Đàn ngỗng đã không kêu nữa, con thì rỉa lông, con thì vươn cổ thản nhiên lềnh bềnh nổi,... vài ba chiếc lông gió thổi trôi quanh co trên mặt nước thu trong khẽ gợn trước gió như những chiếc thuyền không lái. Tất cả êm nhẹ, và tôi cảm thấy lòng tôi cũng nhẹ như những chiếc lá tre khô lúc rơi trên mặt nước không tiếng. Tôi vẫn cúi mình trên nước rửa chân chậm chạp để hưởng cái mát êm đềm trong vẻ tĩnh mịch của bờ ao quê cũ. Nắng rung trên nước trong... nắng dịu qua kẽ lá và nhịp hồn tôi như cũng lắng xuống tuy trời gió nhiều. Tôi đứng im hồi lâu nghe những quả sung chín đôi lúc lại lõm bõm rơi làm mặt nước rùng gợn vòng sóng. – Tôi thích nghe tiếng gió kẽo kẹt trong khóm tre ngà!... Nước vẫn mát, gió qua vừa, và những cây cổ thụ in hình năm tháng vẫn rì rào than thầm trong cằn cỗi mặc đàn sáo bay về ríu rít. Tiếng vui ca bay bổng trên cảnh hoang tàn sao lại ăn nhịp? Có phải đây đã trở lại rừng xanh yêu quý của chim muông? Bâng khuâng tôi lững thững đi về. Tới vườn hoa tôi đứng lại; trong lúc tôi đang ngắm mấy con ong bay về tìm mật dưới trời trong sáng thì chị đi ra, tay cầm một con dao nhỏ để cắt hoa! Thấy tôi đang đứng thơ thẩn một mình, chị nhìn tôi mỉm cười dưới ánh mặt trời; tôi mỉm cười đáp lại. Cả hai đều không nói câu gì; chúng tôi như còn e thẹn tuy rằng tối hôm trước đã cùng nhau vui chuyện. Phải, tại bây giờ sáng quá, vả lại câu đầu bao giờ cũng khó, biết nói gì bây giờ!... bảy năm không gặp lại càng rụt rè lắm. – Tôi lơ đãng đưa tay rứt mấy chiếc lá yên lặng ngắm chị đi lại phơi phới giữa ngàn hoa như một con bướm lạ. Ý nghĩ không biết chị cắt hoa vì bữa nay có tôi hay là thường ngày chị vẫn cắt như thế đến luẩn quẩn trong óc tôi, nhưng tôi cũng thấy sung sướng! Muốn phá sự yên lặng, tôi ngỏ ý khen chị khéo trồng hoa thì chị ngừng tay nhìn tôi rủ:

– Cắt hoa xong ta đi chơi chợ đi...

Tôi gật đầu nhận lời.

Một lúc sau chị bước ra cùng tôi thủng thẳng đi về... đi được mấy bước thì chị giơ bó hoa ra trước mặt tôi hỏi:

– Đẹp không?

– "Đẹp!... Đẹp lắm!"... Chị đẹp thật, lúc bấy giờ má chị ửng hồng. Không biết vì ánh hoa phản chiếu, hay vì gió thu, hay vì sung sướng, nhưng mắt chị sáng ngời như là tất cả ánh sáng trên vòm cây lay động trước gió kia đã phản chiếu vào đáy mắt chị. Tôi quay đi mỉm cười với ý nghĩ tôi đã mượn nó để khen chị đẹp mà chị không biết – mà biết đâu chị chả biết – nhưng thấy tôi cười chị cũng cười hỏi:

– Anh cười gì thế anh Huân?

– Tôi cười vì tôi vừa nghĩ đến những cái bóng gió xa xôi ở đời... đẹp lắm, đẹp lắm!

Chẳng biết chị có nghe những lời tôi nói và có hiểu gì không; tôi thấy chị thản nhiên đưa tay lên vuốt mấy sợi tóc mai mà ngọn gió cứ vô tình chòng ghẹo. Muốn đưa sang chuyện khác, tôi liền giữ chị đứng lại rồi vạch bó hoa đưa tay chọn một bông xinh thắm, mầu tím ngắt – tôi yêu cái mầu tím ấy quá, tôi giơ lên cao rồi giơ ra xa xa ngắm – Thấy thế chị cười trêu:

– Đẹp lắm rồi... mang về mà tặng cô bạn...

Tôi cười nhìn chị! – Lúc ấy bao loài chim cùng đàn sáo mun vẫn nhộn nhàng ríu rít trong những ngọn cây xa,... vạn vật như tưng bừng rộn rịp đón tôi về. Câu chuyện giữa chúng tôi đã dần dần trở nên thân mật. Trong khi chị cắm hoa vào bình, thì tôi rót nước lã vào chiếc cốc, cắm hoa vào đó, rồi đem về buồng đặt trên bàn. Bông hoa như có hồn, tôi say sưa ngắm như ngắm người yêu dấu... Mầu thắm làm tôi xúc động... Tôi thấy tôi yêu như khi gặp người đẹp qua đường mà ta đứng lại trông theo – nhạc hồn tôi lên bất chừng – Vừa lúc ấy có tiếng chị gọi ở ngoài sân làm tôi vội chạy ra; chị đứng tươi cười nói:

– Ta đi thôi chứ.

Đầu đội một chiếc nón nhẹ, chị bận quần áo toàn trắng mà ngọn gió lẳng lơ thổi bạt về một phía, in hẳn lên tấm thân đều đặn. Gió thổi mạnh, tóc tôi xõa cả xuống trán...

Lúc đi qua căn vườn, từ cây hoàng lan một chiếc lá vàng từ từ lượn rơi xuống nằm trên mặt đất trải đầy bóng nắng lay động, tôi cúi nhặt mân mê trong tay lơ đãng. Ra đến ngoài cổng, trên con đường quê nhiều người gồng gánh cùng đi về một phía như chúng tôi, tiếng họ cười nói huyên náo trong không; những tà áo nâu non lại non hơn vì ánh mặt trời, phất phơ trên nền lúa xanh – nhưng đẹp nhất là tà áo phin trắng của chị, sáng lên dưới ánh nắng thu, gió đánh bạt tung nhiều lúc quấn cả lấy chân tôi – và gió thổi... một tay, chị phải giữ lấy quai nón trong khi cùng tôi vui cười giòn chuyện trên con đường quê. Có một lúc chúng tôi đi rẽ xuống, lối tắt theo bờ ruộng, chị cầm nón đập chơi vào những bông lúa nghe rào rào làm châu chấu từng đàn lũ lượt tản mác bay, có con đậu cả lên áo, lên mặt...

Gió cứ lúc lúc lại thổi rạp những mảnh ruộng lúa ba trăng như sóng lượn,... trong gió có cả mùi cốm thơm,... và gió không quên mang theo giọng hát ví uốn éo bay bổng của mấy cô thợ làm cỏ lúa ngoài xa...

Tôi nhìn chị:

– Chị có thấy tà áo trắng phất phơ bay trước gió thơm mùi lá lúa thế này là đẹp không?...

... Miệng hé tươi, chị mơ màng không trả lời; giữa lúc ấy có mấy người con gái cào cỏ ruộng bên đường nhìn chúng tôi rồi khúc khích cười làm trong một giây tôi thoáng tưởng đến những cặp vợ chồng son vui thú. Chợt tôi hỏi:

– Chị có thích giọng hát ru em không?

– Thích vừa thôi...

– Sao lại "vừa thôi"? Tôi thì tôi thích lắm, tôi mê nữa,... cũng như giọng hát ví kia, thật là bay bổng. Tôi thường gọi những giọng đó là hồn quê hương chị ạ, tôi nghe không chán, tôi thích hơn cả những điệu hát tây phương nào hết,... nếu mang bất cứ bản nhạc nào trong hoàn cầu này đổi lấy giọng ru em của ta tôi cũng không đổi! Lắm lúc tôi đâm ghét những cô gái ở tỉnh thành quá: họ chỉ biết hát các bài nhạc cải cách thôi khi hỏi đến những giọng hồn nước giang sơn gấm vóc của mình thì họ thản nhiên không biết,

cũng như họ chưa bao giờ biết đến những cái đẹp cái hay của mình!... Có thể thế được không nhỉ!...

... Tôi cau mày rồi chậm rãi tiếp:

– Tôi chỉ lo một ngày kia trên những chuyến đò người ta chỉ còn nghe thấy những bài nhạc cải cách thôi!... chắc lúc ấy tôi sẽ nhớ giọng xẩm như nhớ giọng người bạn tâm sự cũ – Nhưng không! Không, giọng xẩm không thể chết được, trong đó đã có một tiếng gọi, một linh hồn,... mỗi lần nghe có phải chị như thấy nhớ lại cả một thời nào ấy không. Tuy chẳng là thời nào. Nếu thật giọng đó phải chết thì tôi xin Trời cho tôi chết trước, chết giữa thời đẹp để như chiếc lá này!... Chị trông mà xem, mầu vàng của nó đẹp quá! Có thể được mầu vàng đẹp đến bực này cơ à... vô cùng...

Say sưa, tôi đứng lại đưa chiếc lá hoàng lan lên ánh mặt trời:

– Này chị trông, mầu vàng mà tươi sáng mát dịu đến thế này là cùng... như có chứa một vẻ gì tình tứ lắm ở trong thì phải. Trời! tôi tả làm sao được! Có ngọc vàng không chị nhỉ, tôi dám chắc các họa sĩ có mê mải tìm đến chết mệt cũng chỉ thất vọng mà thôi, khi nào tìm được một mầu trong sáng như thế này!... Phải có trời, chỉ có,...

Tôi đương định nói nữa, nhưng thấy chị mỉm cười nhìn vào tận đáy mắt tôi một cách ngạc nhiên làm tôi im bặt! Thấy tôi im tiếng, chị nhẹ cất tiếng hỏi:

– "Anh Huân say rượu đấy à, ta đi đi thôi chứ...". Thủng thẳng đưa bước cạnh chị, nhíu mắt lại vì ánh sáng, tôi nhìn những đám mây bạc đương nhanh bay phớt qua trời xanh.

– Chị có thấy hôm nay trời đẹp không?

Tôi vừa nói vừa hít không khí đầy ngực như muốn thu hết cả thanh sắc của mùa thu vào trong đôi phổi... Như chưa đủ hả, tôi vừa cởi áo vừa nói tiếp:

– Tôi phải cởi trần ra mới được... Một ngày vàng ngọc! Ừ, trời xanh như ngọc, nắng vàng, mây trắng, gió thơm giọng hát, lúa tươi đồng rộng... Trời ơi, còn gì nữa mà tôi chẳng say!... mà cái phút ta đứng lại đó lại càng ít lắm... Ồ! giá tôi là một họa-sĩ kiêm văn-sĩ đại tài thì tôi sẽ ghi lấy cảnh này chị ạ,... thích quá...

Rồi ngoảnh nhìn vào mắt chị, tôi chậm rãi tiếp: "Thích nhỉ! nếu tôi nói là một mùi khói rơm hắc hắc đôi khi cũng khêu gợi tôi nhiều thì chị có tin không? Có lẽ tại chị quen sống ở thôn quê, chị quen sống giữa cảnh đẹp đơn giản ấy rồi nên chị không thấy nó đẹp đấy thôi – Cũng như những người dân quê nuôi tằm ấy mà, họ có nghĩ đâu đến cảnh phơi kén tơ ngoài nắng là đẹp; chắc họ chỉ thấy được nó đẹp qua giá tiền! Làm thế nào cho họ thấy được nó đẹp chỉ vì mầu vàng óng ánh của nó?...

Và thấy mấy sợi tóc mai của chị phất phơ trong ánh nắng, tôi đã xuýt buột miệng:

– Tóc em như những sợi tơ...

May mà tôi hãm kịp. Thấy tôi ngừng nói, đôi lông mày chị hơi đưa lên, mắt vẫn nhìn về phía trước mặt xa xa, chị cất tiếng sẽ hỏi:

– Anh Huân chưa hết say à?

Nhưng trí óc tôi đương mãi theo một ý nghĩ khác nên tôi nhìn chân trời đăm đăm không trả lời. Một lát sau chợt tôi quay sang bảo chị:

– Tôi phải lấy vợ chị ạ... tôi vừa có ý nghĩ ấy...

Chị bật cười khẽ kêu:

– Trời ơi! bây giờ thì không phải là say nữa mà là điên, Huân điên rồi mà chưa biết đấy thôi...

– Thế à, chị có thích điên không?

Chị yên lặng mỉm cười! Nắng vừa ấm... Sau một lát im lìm tôi đưa tay rứt một lá lúa vơ vẩn nói:

– Tự nhiên tôi thấy tôi thương những kẻ không điên chị ạ, họ nghèo nàn quá.

Từ đó đến chợ tôi còn nói nhiều nhưng lúc về thì những quà bánh làm tôi ít nói. Chả mấy lúc đã về đến nhà. Vì nắng hanh quá gắt làm hơi mệt nên lúc về tới trong vườn, chúng tôi đứng nghỉ lại trong bóng mát dưới gốc cây; chị bỏ chiếc nón ra phe phẩy quạt mấy cái... Gió vẫn hiu hiu thổi, chúng tôi như thấm mệt nên không ai nói gì. Trong vườn vắng lặng, chỉ có tiếng gió khẽ rì rào qua lá cây!... Nhưng rồi có một lúc mắt như mơ màng, tự nhiên chị nói sẻ:

– Hoa hoàng lan đã thơm.

... Một câu chẳng có gì, nhưng tôi thấy xa vắng xôn xao như những dây đàn trong tôi đã bị gẩy lên tiếng... đôi khi lên tiếng bởi những cái không đâu! Tôi ngước mắt nhìn lên thì ra vô tình chúng tôi đã đứng lại dưới gốc hoàng lan cạnh mềm rủ – Tôi đứng lặng như thế một lúc lâu để cố hưởng một nỗi gì êm ái không nắm được, một sung sướng man mác không tên mà tôi biết chỉ qua trong giây lát...

Một lúc sau tôi cất tiếng khẽ hỏi:

– Sao bây giờ chị mới thấy nó thơm?

Chị nhìn tôi ngạc nhiên sau câu hỏi mà chị cho là vô lý, nhưng thâm tâm tôi đã cho rằng đó là ảnh hưởng đầu tiên của những lời nói của tôi: chị đã bắt đầu biết hưởng những vẻ đẹp giản dị của đời! Vui đùa tôi cười bảo:

– Say mà cũng truyền nhiễm nhỉ... Lạ lắm, lạ lắm... rồi ngước mắt nhìn ánh nắng rung rinh trong lá cây tôi mỉm cười tiếp:

– Trời này ai mà không say?

Ngủ trưa một mạch đến gần bốn giờ chiều tôi mới trở dậy thì liền được chị cho ăn bánh khúc.

– "Vì Huân thích".. Chị nói thế. Thì ra chị vẫn nhớ là tôi thích thứ bánh quý hóa đó. Lúc chị đưa chiếc bánh thơm tho trên có dính mấy hột xôi trắng cho tôi, thì tôi đùa nói nũng:

"Không! Cái này bé lắm, tôi ăn cái to kia cơ..."

... Làm chị bật cười: "thì đây".

... Rồi em chị cùng mẹ chị cũng vui cười về lối đùa nghịch tráo trợn của "các cậu học trò bây giờ". Thấy thế nên lúc cắn chiếc bánh nóng hổi tôi vừa nhai một cách ngồm ngoàm sung sướng vừa nghịch ngợm kêu:

– "Hạnh phúc! hạnh phúc béo ngậy mà lại ăn được, thế mà nhiều người không biết cứ đi tìm ở đâu đâu"... Tất cả khúc khích cùng tôi vui chuyện trong khi ăn. Có một lúc chị mỉm cười nhìn tôi thân mật hỏi:

– Ngon không.

Tôi mỉm cười đáp:

– Ngon lắm... ngon vì gió...

Chị mở to mắt nhìn mẹ rồi nhìn tôi ngạc nhiên. Chợt tôi nghĩ đến những chiếc kẹo nho nhỏ gói lá chuối khô thành từng thỏi mười miếng của tỉnh Hà Đông. Ngon quá, giòn tan! nhiều người cứ thường gọi là kẹo vừng, nhưng có một hôm thấy một người ở tỉnh đó gọi là "kẹo hoa cỏ", nên từ đấy tôi cứ gọi là kẹo hoa cỏ. Chẳng hiểu có phải làm bằng hoa cỏ thực không, nhưng nghe thế tôi thấy đẹp hơn và cũng vì thế ngon hơn...

– Người ta sống vì tưởng tượng cả mà, chị nghe tên lúa "ba trăng" chị có thấy thích không, chứ tôi mỗi lần nghe, tôi thấy khoan khoái, mát rượi như trong đó có gió của đồng núi một đêm trăng...

– "Ăn nữa đi chứ" bà mẹ giục tôi, rồi bà nói chuyện này sang chuyện khác, hỏi thăm từ người này tới người kia. Khi câu chuyện đã đến lúc tan, khi trời đã trở về chiều, khi những con sẻ đã "chép chép" bay về tổ quanh mái nhà, thì bà mẹ buồn rầu than phiền cùng tôi:

– Từ ngày họ hàng kiện tụng lẫn nhau, bây giờ ngày giỗ ngày tết cũng chẳng có ai về đây nữa...! Chẳng còn đâu những ngày anh em chị em quây quần vui vẻ như xưa!

Quá xúc động, bà ngừng nói rồi đưa tay cời miếng trầu trong tráp; một lát sau với một giọng đã rè rè nước mắt bà tiếp:

– Có anh về chơi thế này là quý... Từ ngày ông nhà tôi mất đi ở đây buồn lắm... Sống thì sống chứ còn gì là vui nữa đâu.

Không cầm được nữa, bà đưa vạt áo lên chấm mấy giọt nước mắt; không khí im lặng nặng nề... "Thế mà đàn sẻ vẫn hỗn xược ríu rít trên mái". Trong một thoáng tôi nhận thấy tất cả nỗi buồn nản của người đàn bà góa sống trong căn biệt thự rộng rãi, một căn nhà vắng tanh, không có lấy một tiếng giầy của người đàn ông. Tôi đăm đăm nhìn ra vườn trong khi tất cả ngồi im không dám nhìn nhau. Một lúc sau tôi đứng dậy rủ chị ra vườn. Trời đã về chiều, một ít nắng vàng nhạt trải trên vườn hoang, trời rộng cao vút, nhưng trong lòng chúng tôi đã có một đám mây u ám. Gió nhẹ thổi ánh nắng tắt dần, dăm bảy con chào mào vội vã bay về tìm chỗ ngủ trong ngọn cây bàng. Tiếng gì vang động chiều tàn, tiếng côn trùng rên rỉ hay nhạc chiều thu vang dậy âm thầm!... Tôi cảm nghe biệt

ly quanh quất. Chúng tôi đưa bước trên con đường nhỏ lát gạch chạy ngoắt ngoéo quanh các cây cổ thụ u uất. Thấy yên lặng mãi đã khó thở, tôi mới hỏi một câu:

– Sao để con đường rêu bẩn thế này? Lỡ ngã thì khốn!

Thẫn thờ chị đáp:

– Còn ai ra tới đây làm gì nữa mà ngã.

Lại không biết nói gì nữa. Tôi im lặng lững thững cùng chị đưa bước trong vườn vắng. Riêng tôi thấy lòng bối rối buồn, có lẽ vì thương ai mà cũng có lẽ vì tiếc một ngày đẹp đẽ không hoàn toàn. Đáng buồn cho tôi đã có một tâm hồn chỉ yêu những cái tuyệt mỹ. Một ngày dầu đẹp đến đâu mà không hoàn toàn cũng bằng vứt đi, cũng không khác gì bản đàn du dương mà nhà tài tử đã chơi sai vài âm điệu...

– Thượng Đế! phú làm chi cho tôi một tâm hồn rung-động, phú làm chi để tôi phải mang những nỗi buồn không đâu?

Sau bữa cơm tối tôi vội về buồng lặng nằm, tôi muốn được yên ổn bên bông hoa. Nhưng trời đã chẳng chiều tôi: trong cốc hoa đã héo tàn, chỉ tại tôi thôi, trong lúc vội cắm hoa vào cốc đã để cuống hoa chẳng tới được nước trong – chỉ tại tôi đã mang cái vui hão đến để gợi nỗi buồn cho gia đình này, và cho cả tôi.

– "Ta có nên ở đây nữa không?" Tôi tự hỏi rồi khẽ lắc đầu như xua đuổi một hình ảnh đen tối – và bực mình, tôi mang bông hoa héo ném ra ngoài cửa sổ rồi tắt đèn vào nằm trong bóng tối nghĩ ngợi liên miên rất khuya. Trời về đêm đã lạnh tôi còn nằm đếm từng tiếng gà gáy xa xa, từng tiếng chó sủa quanh bên làng... Mệt quá tôi thiếp đi lúc nào không biết. Tôi tỉnh dậy vào lúc trời lạnh về sáng, bên ngoài cửa sổ một vừng trăng hơi méo vàng kệch lạnh lẽo sắp lặn sau bờ tre thấp. Chờ cho đến tờ mờ sáng, tôi trở dậy khẽ bảo người nhà đi gọi một chiếc xe. Và khi ăn điểm tâm xong tôi ngỏ ý xin về thì bà mẹ ngơ ngác hỏi:

– Về làm gì vội thế?... Ở chơi đã, mấy khi đã về chơi.

Tôi cúi đầu yên lặng mân mê chiếc mũ trong tay, một lát sau tôi ngửng lên:

– Xin phép bà cho về, cháu vừa nhớ ra là còn có chút việc cần; để khi khác rỗi rãi cháu sẽ xin xuống ở chơi lâu.

Biết giữ không được, bà cười bảo:

– Tại ở đây nhà quê không vui chứ gì...

Sau khi tôi chào bà mẹ thì chị nói:

– Để tôi tiễn anh Huân ra cổng.

Không ai nói một lời, chúng tôi lững thững đưa bước trên con đường nhỏ trong vườn. Lúc đến bên gốc hoàng lan, tôi đứng lại nhìn lên chậm rãi nói:

– Hoa hoàng lan...

– "Phải, hoa hoàng lan"... Chị nhắc lại nhẹ như một hơi thở. Lúc ấy trời mát mẻ, hứa hẹn một ngày tươi sáng... Ánh nắng vàng chiếu qua kẽ lá, nhưng bớt đẹp với lòng tôi. Chia rẽ thì mấy khi đã vui, nhưng tôi tự nghĩ tôi không nên mang cái vui chốc lát đến làm huyên náo căn biệt thự này làm gì.

– "Không nên, chỗ của ta không phải ở đây mà"... Tôi còn nhớ những tiếng giầy của tôi đã vang lên một cách trơ trẽn lạc lõng trong ngôi nhà âm thầm.

– "Ta đã lạc đến đây một ngày, thế cũng đã quá lắm rồi..."

Muốn phá cái yên lặng nặng nề nên khi đi ra tới cổng tôi vội hẹn cùng chị một ngày khác tôi sẽ về chơi.

– Tôi sẽ ở lâu hơn...

Lúc chiếc xe bắt đầu chuyển bánh thì chị buồn rầu cất tiếng trách móc nói với theo:

– Thế mà bảo ở chơi những năm ngày, Huân điên thật rồi mà.

Tôi ái ngại nhìn chị với nụ cười gượng gạo rồi vội ngoảnh đi chóp mau...

Khi xe đã đi được vài chục bước, tôi ngoảnh lại còn thấy chị đứng trông theo. Tà áo trắng của chị phất bay trong nắng dịu buổi sáng như vẫy tôi trở lại... Tôi vội giơ tay lên vẫy mấy cái thì bóng chị đã khuất sau lũy tre xanh...

Mơ màng tôi nhìn ra đồng lúa xanh bát ngát...

Tôi ra đi bàng hoàng như vừa rời khỏi một chốn hoang vu đầy thơ mộng cùng nước mắt... chốn lâu đài bát ngát giữa rừng vắng trong các truyện cổ tích thần tiên xưa...

Lòng tôi tràn nặng tình thương nhớ...

Cho đến nay đã đến mùa thu, sáng nay gió thổi nhiều...! Biết đâu nơi chân trời chẳng có người đương mong tôi trở về cùng gió lạnh, đem lại một chút vui xa...

Năm 1995

*

DUYÊN SỐ

(truyện ngắn)

Hàng đàn con bọ nhỏ xanh như ngọc, trên cánh có chấm đen, trông như những con ve sầu tí hon, thấp thoáng bay quanh ngọn đèn măng-sông sáng dịu. Giao nghĩ không hiểu chúng từ đâu bay vào mà nhiều thế,... có lẽ từ ngoài cánh đồng, hoặc từ các đồi cỏ quanh nhà. – Lơ đãng Giao đưa tay xiết nát giết mấy con chơi. – Tuyền ngừng thêu nghiêng đầu đưa chiếc kim vuốt vào trong tóc để lấy dầu trơn, mỉm cười bảo:

– Sao anh ác thế?

– Thôi vậy, nhưng cô hiền quá thì có...

Tuyền mỉm cười cúi xuống yên lặng tiếp tục đưa kim. Ngồi trông Tuyền cặm cụi thêu mấy con chim trên vuông vải, Giao thấy thích thú. Hình ảnh êm ái như lòng chàng lúc này nhẹ nhàng. Trong vẻ tĩnh mịch của đêm quê, thảnh thơi hút thuốc ngồi xem một thiếu nữ thêu thùa dưới ánh đèn, Giao thấy đây là một cảnh hạnh phúc bình-yên gia đình mà ít khi chàng được hưởng,... vô cớ Giao mỉm cười, hồn chàng đang lao xao vui như cây thông reo vui trước gió lạnh. Hình Tuyền ngồi nghiêng, in lên nền chiếc câu đối chữ Hán lớn treo trên tường xa xa làm Giao có cảm tưởng như là chàng đương sống lại một cảnh nào xưa cũ: trong lúc bất ngờ một vài chữ nho

cổ đã nhắc chàng nhớ tới người chị mà nay đã đi lấy chồng xa. Mơ màng, Giao thấy lại thời mình lên sáu, lên bảy hay ngồi xem chị cườm những bông hoa tươi mầu hoặc con bướm rực rỡ trên đôi miếng nhung nho nhỏ để làm mũi giày; những hột cườm to quá hay méo mó không vừa ý, chị đều bỏ vào một chiếc hộp nhỏ, rồi chị lại lấy chỉ thêu xâu vào thành từng chuỗi cho Giao, những chuỗi hạt sặc sỡ đó, sau khi chơi chán không dám vứt đi vì tiếc. Giao đều ném vào tủ, vào rương, và rồi quên đi như chẳng bao giờ biết có chúng trong đời. Giao vẫn sống chơi đùa bình thường, nhưng có một hôm Giao thấy trong nhà tấp nập, tiệc tùng vui vẻ đến tận khuya và trong nhà lại có bao nhiêu là bánh chưng bánh dầy nữa; mẹ Giao cho riêng Giao một cái bánh dầy to tướng trên có dán giấy đỏ. Giao hãy còn nhớ là chàng cất nó đi mãi (vì nhà có nhiều bánh quá đi); đến hôm đem ra thì bánh dầy đã khô cứng lại; Giao phải mượn anh Bếp lấy dao phay bổ hộ. Giao nhớ bánh dầy khô đó ăn mát và bùi lắm, bất giác Giao mỉm cười...

– Anh cười gì thế anh Giao? Em thêu xấu phải không?

Như sực tỉnh, Giao chớp mắt luôn mấy cái, vẫn mỉm cười đáp:

– À, tôi đang nghĩ đến những miếng bánh dầy để khô cô ạ... Ăn ngọt và bùi lắm, mát rượi...

Tuyền cười vui vẻ:

– Anh thì chỉ nghĩ đến ăn thôi.

"Ít ra cũng được cái thế kéo lại cô ạ..."

Giao tươi tỉnh đáp, rồi lại yên lặng nghĩ tiếp đến những ngày qua, đến những miếng bánh dầy khô mà một bữa Giao ăn mới hết thì đã lại thấy trong nhà trang hoàng tấp nập, họ hàng trở về đông đúc, khách khứa nhộn nhịp mấy ngày ăn uống đến tận khuya. – Và Giao nhớ lại những chiếc tăm dài bằng chiếc đũa, xâu vào một bông hoa tết bằng vuông nhiễu đỏ mà người ta gọi là "tăm bông". Giao sung sướng nhớ lại là sau mỗi bữa ăn chàng lại có thêm bao nhiêu là khăn nhiễu đỏ. Trong nhà bảo là đám cưới chị Vân. Giao cũng biết vậy nhưng còn bé quá, Giao chỉ đứng xa xa yên lặng nhìn chị và các bạn chị mặc những chiếc áo hàng tầu hoa cùng vui cười với chị em họ hàng. Trong những chiếc rương đen phủ nhiễu điều cùng chăn gối xếp trên, Giao cũng biết là chị sắp đi xa... Rồi một buổi

sáng bao nhiêu là ô-tô đến, chị Vân mặc quần áo đẹp cùng chị em ra đi... Trông chị buồn rầu nước mắt chạy quanh... Giao nhớ là sáng hôm ấy chị còn gọi Giao lại cho Giao tiền "để em mua kẹo", rồi chị bế Giao lên lòng, vuốt ve tóc Giao, có lúc chị áp má chị vào tóc Giao yên lặng. Nghĩ tới đây Giao mơ màng mỉm cười chớp mắt cảm động... Tuyền vẫn không ngừng thêu, thoáng nhẹ cười hỏi:

– Anh nghĩ gì mà thích thế, cười luôn... Chắc lại món ăn gì ngon hẳn.

Giao bật cười:

– Cô làm như tôi tham ăn lắm ấy! Kể ra thì tôi vừa nghĩ đến đôi giày cườm cùng cái tăm bông của những bữa tiệc ngày xưa... đẹp quá! Thế mà sao người ta không giữ những cái ấy cô nhỉ, thật đáng tiếc; tự nhiên họ vứt bỏ những cái đẹp đi là cái gì...! Như những cô gái mới bây giờ ấy, vô cớ bỗng dưng đi cắt làn tóc dài thật quý, thật Việt Nam mà họ đã bao năm tốn công dưỡng dẽ...

Tuyền nhìn Giao hỏi:

– Anh tồn cổ thế à?

– Phải, tôi ưa tồn cổ mà!... tôi vừa nghĩ đến những đám cưới ngày xưa cô ạ, lấy vợ mà không được xem rõ mặt, chắc thú lắm! Đã về với nhau mà còn lạ lùng thẹn, hỏi không nói...

Giao ngừng lại im lặng đưa tay rứt mấy sợi cói chiếu, rồi tiếp:

– Bây giờ thì làm gì ra nữa!...

Tuyền ngồi nghe, và nhìn Giao với một vẻ ngạc nhiên,... nàng thật không ngờ người bạn mà anh nàng đưa về nhà ở chơi đó là sinh viên trường thuốc mà lại có những ý tưởng kỳ khôi thế. Thấy câu chuyện trở nên lạ lùng và lý thú, nàng tươi cười hỏi:

– Thế anh có thích cái quần lĩnh đen cùng cái nón quai thao không?

– Thích, thích lắm chứ. Đó là tất cả một thời xưa đấy cô ạ...

Tuyền cười tinh nhanh vui vẻ nói giễu:

– Thế chắc anh yêu bộ răng đen lắm nhỉ?

Giao bật cười vui tươi cãi ngay: "Không, không,... cái đó tối ky!... Ít ra thì người ta cũng phải có mỹ thuật một tý chứ cô... Tôi

ghét bộ răng đen, nhưng tôi yêu đôi giày cườm, nó sặc sỡ một cách đẹp riêng... trông mầu nó ngon lắm".

Trông Giao vừa nói vừa lim dim chép miệng như cắn quả xanh chua, Tuyền mỉm cười nhạo:

– Anh thì chỉ nghĩ đến ăn thôi,... cái gì cũng tả ngon lắm... Đôi giày cườm mà cũng tả ngon lắm thì... ch! ch!... eo ôi!

Thấy Tuyền vừa nói "eo ôi" vừa nhăn mũi cười, Giao cũng cười theo rồi nói:

– Cái mũi...

Giao định nói: "Cái mũi của cô trông ngon lắm" nhưng nghĩ thế nào chàng lại im ngay làm Tuyền ngơ ngác hỏi:

– Cái mũi gì cơ?

Giao vội chống chế đáp:

– À cái mũi... cái mũi của tôi,... nó ngửi thấy hình như trong nhà này có một cái gì ăn được thì phải...

Như chợt nhớ ra điều gì, Tuyền bỏ kim chỉ kêu khẽ: "Ừ nhỉ, tí nữa em quên mất, có chè ngô,... để em xuống bếp xem qua mới được, anh ngồi đợi một tí nhá". Trông Tuyền vội vàng xỏ dép bước đi, Giao vui thú mỉm cười; chàng không ngờ vì một câu nói hão mà lại hóa ra chuyện thật. Ngồi rỗi nghĩ lại thì Giao thấy Tuyền hay nấu chè cùng làm bánh cho ăn quá, và cùng một lúc chàng lại nhận ra là mỗi ngày càng thân thì càng thấy nàng có duyên. Ấy là gần nhau chưa lâu đấy!

Cách đây hơn một tháng, sau khi thi lên lớp năm thứ ba trượt, Giao đương chán nản, nhất là không khí buổi đầu hè lại quá oi nồng khó chịu, thì một chiều trên đường Cổ Ngư chàng gặp Vịnh, người bạn học ngày nhỏ, Vịnh rủ Giao về nghỉ hè ở trại của cha mẹ chàng cho vui. Nghe Vịnh nói, Giao ngoảnh nhìn ra hồ Tây lim dim như đã thấy gió núi xa xôi từ Ba Vì thổi lại. – Giao tưởng tượng ngay đến những buổi đi săn bắn, bơi lội hoặc cưỡi ngựa trên đồi cỏ gió mà vịnh vẫn thường nói chuyện ngày nhỏ,... không cần phải khẩn khoản, Giao ngoảnh lại hàm răng cắn chặt, tươi cười cương quyết nắm tay Vịnh bắt mạnh nhận lời. Sau mấy ngày sắp sửa quần áo sách vở cùng mua sắm lặt vặt, Giao xách va-li cùng Vịnh ra chuyến

xe đò chạy đường Thái Bình. Bố mẹ Giao có ruộng ở vùng Thái Bình đồng xuôi phẳng lặng, và Giao quen đi học ở Hà Nội nên cảnh gò bãi từ Phủ Đa trở lên làm Giao vui thích; gió đồng núi đã thổi qua óc bẩn những chữ cùng ý nghĩ hắc ám, tức tối của chàng trai thi trượt, vô cớ Giao mỉm cười sung sướng! giữa một phút bất ngờ không hẹn trước, chàng đã thấy trở lại yêu đời cùng tràn đầy tin tưởng vào tương lai.

Nhà Vịnh làm trên một quả đồi, chung quanh có cây cối nhiều; khi vừa tới cổng thì Giao thấy một cô gái kêu to một tiếng "anh" rồi chạy ù ra nắm lấy tay Vịnh ríu rít cười nói như không để ý tới Giao đi bên cạnh; cô gái không đẹp lắm, nhưng cũng không xấu; Giao biết cô là em Vịnh vì trước khi đi Vịnh đã nói cho chàng biết là ở trên trại chàng có bố mẹ, một em gái, một em trai nhỏ và một người cô họ.

Giao sung sướng với những ngày nghỉ ấy – Ngày ngày chàng thường thảnh thơi nằm đọc sách hoặc cưỡi ngựa cùng Vịnh đi chơi. Lúc về thường lần nào Giao cũng thấy căn buồng của hai người đã được dọn dẹp sạch sẽ trên bàn có cắm vài bông hoa; hôm thì hoa sen trắng, hôm hoa bèo tím hoặc vài bông lài xui Giao nghĩ đến cô Tuyền. Những áo của chàng có đôi khi tuột chỉ đứt khuy chăng nữa, Giao đều thấy tự nhiên lành lại cả. Giao thấy Tuyền ngoan, ngoan lắm, chăm chút yêu quý anh Vịnh và lúc nào cũng vui tươi làm việc một cách an phận; tuy thế Giao không thấy yêu Tuyền, vì Tuyền không có cái đẹp quyến rũ lòng người, mà trái lại Giao chỉ thấy quyến luyến Tuyền vì nàng có ngầm mang cái duyên thầm của những người nội trợ ngoan.

Sống giữa đồng núi thô sơ, Giao thấy thảnh thơi vui thú, không vội vàng, không cần gì, không nghĩ đến ai. Lòng chàng nhẹ nhàng bình yên như sợi tơ trời bay bổng tha hồ muốn trôi dạt tới đâu thì trôi... Tuy thế đôi lúc đứng trước cảnh đẹp như trăng lên sau lá thông rì rào, hoặc thỉnh thoảng một câu nói bất ngờ, đôi khi cô nhắc đến những mối tình học sinh đầy thơ mộng bóng gió cũ, nhưng cũng chỉ thoáng qua giây lát. Từ ngày bắt đầu yêu, từ ngày mười bảy, Giao chưa thấy lúc nào lòng bâng khuâng nhẹ như lúc này. Mặc mọi việc xảy ra, chàng thản nhiên sung sướng với những nỗi vui đơn giản như dắt em Thân đi chợ hoặc ra bờ sông ngồi câu cá...

Còn Tuyền thì nàng vẫn giữ gìn như một cô gái ngày xưa, nhưng thấy Giao là bạn mà anh Vịnh đưa về chơi, nên Tuyền cũng coi Giao như một người anh. Theo thời gian câu chuyện giữa hai người dần trở nên thân mật, nên những lúc rỗi rãi Giao hay lần xuống bếp ngồi nói chuyện bâng quơ xem Tuyền nhanh nhẹn chẻ rau cùng trông coi cơm nước – Vả lại không khí ở bếp sao Giao thấy quyến luyến vui vui như khi ngồi bên lửa trại. Có lần đùa nghịch Giao hỏi:

– Sao cô làm việc nhiều thế cô Tuyền?

Thì Tuyền ngửng lên đưa tay áo chấm mồ hôi rấp rấp trên trán, vui tươi đáp:

– Con gái thì phải làm chứ anh, không thì lại bảo là hư...

Nhưng Giao thấy Tuyền làm việc nhiều quá, suốt ngày xếp dọn cửa nhà, trông coi cơm nước, chăm nom em nhỏ; ngày mùa thì thu thóc biên sổ, hoặc có rỗi thì lại vào buồng ngồi may cắt thêu thùa,... Giao cười đáp:

– Phải, ít ra cô cũng biết tồn cổ cô Tuyền ạ, cô tồn cổ mà không biết chứ phần đông con gái thủ đô bây giờ kém lắm cơ, chỉ biết ăn chơi thôi... Tôi quen mấy cô mà sáng cứ ngủ đến tám chín giờ mới dậy, có mỗi một việc cơm nước là việc đẹp nhất của người đàn bà họ cũng không biết làm, chán lắm... Ngừng một giây Giao tiếp:

– Nhưng cô, ai lấy cô thì chắc chắn sẽ được người nội trợ ngoan.

– "Anh cứ nói thế chứ xấu như em thì ai lấy"... Tuyền vừa đáp vừa bẽn lẽn cúi xuống. Chỉ một câu đó cũng đủ gieo vào lòng Giao một nỗi xót xa, một nỗi gì bùi ngùi mà êm ái như đi đứng trước một chiều quá đẹp. Từ đấy Giao thấy thương thương cô bạn, một bông hoa quí nở giữa rừng vắng thì mấy ai đã biết đến hương thơm. Lắm lúc Giao mong sẽ có một chàng trai khá giả tới cùng mang lại cho nàng nhiều hạnh phúc, vì Giao thấy nếu có một người đáng được hưởng hạnh phúc ở đời thì người đó là cô Tuyền, cô Tuyền ngoan ngoãn và vui tính, có giọng nói ríu rít như chim khuyên, Giao còn nhớ một hôm cùng Vịnh ra chơi chợ, tới nơi chàng gặp Tuyền đang mua thức ăn; nàng mặc một chiếc áo dài màu hoàng oanh trông như một con chim lạ lạc giữa đám dân quê hỗn độn; Giao và Vịnh quay ra vui đùa vòi quà thì Tuyền tươi giọng nói:

– Để em mua nhãn cho các anh nhé!

Rồi nàng nhanh nhẹn mặc cả. Một lát sau, ba người vui chuyện trên đường về. Giao xách hộ Tuyền cái giỏ. Trời nóng!... Với một chùm nhãn trong tay, má hồng vì gió nồm, có một lúc Tuyền đứng lại giữa đường nắng, tươi cười nói:

– Anh Vịnh ơi, những hột nhãn em vứt từ đây về nhà này, sau này sẽ mọc thành cây um tùm hai bên đường đi thì đẹp lắm nhỉ...

Giao mỉm cười đứng ngắm Tuyền. Và đây là lần đầu tiên Giao thấy Tuyền đẹp, thật đẹp; có lẽ vì gió lùa trong tóc phất phơ trên má đỏ mùa hè và có lẽ cũng vì cỏ may màu bạc cũ lung lay trên bãi rộng phía sau,... tà áo nhạt màu hoàng oanh của Tuyền bay bay tới tấp. Trông má Tuyền như da cam rám hồng trong nắng gió buổi sáng. Giao nhận ra chẳng phải riêng lần này mà đã nhiều lần Tuyền có duyên. Cốt ý nói với Tuyền, nhưng Giao nhìn Vịnh cười cất tiếng bảo:

– Cô Tuyền giàu tưởng tượng đấy chứ. Lúc đó con cháu chúng ta sẽ ra tha hồ leo trèo ăn nhãn no nê... chả phải mặc cả nữa cô Tuyền nhỉ...

*

Giao đang nghĩ miên man thì vừa lúc ấy Tuyền từ bếp ríu rít đi lên với một con ở bưng khay chè đi sau... Thấy Giao vẫn ngồi yên chỗ cũ Tuyền nói:

– Anh Giao chịu khó đợi nhỉ!

Giao tươi tỉnh đáp:

– Cô bảo ăn mà không đợi được thì còn đợi được cái gì?

Yên lặng mỉm cười, Tuyền đặt chiếc thìa vào bát chè đưa Giao:

– Mời anh xơi...

Nhưng hứng trí đùa nghịch, Giao không nhúc nhích trả lời:

– Tôi không biết xơi cô... Tôi chỉ biết ăn thôi...

Tuyền vui cười:

– Thế thì mời anh ăn vậy.

– "Cô cầm một tay thế chưa được... Phải trịnh trọng chứ, tôi cơ mà!" Thấy Giao pha trò một cách thân mật hơi quá trớn, mắt Tuyền mở to ngạc nhiên. Nhưng rồi nàng cũng nhẹ nhàng nói:

– Vâng thì đây, mời anh ăn...

Tuyền vừa nói vừa hai tay bưng bát chè ngoan ngoãn, mắt xinh tươi, nhưng nàng cũng tránh không nhìn thẳng vào mặt Giao. Sau đó nàng lại nhẹ nhàng ra ngồi xuống thêu, và rầu rầu cất tiếng:

– Khổ, anh Vịnh lại mệt, ngủ mất rồi... Để em bảo cất đi để phần anh ấy mới được...

Múc ăn vui vẻ, mùi chè ngô Giao thấy còn thơm sữa mới. Bát chè phơn phớt vàng, ngô mài lăn tăn nhỏ muốt, thanh khiết giữ màu tươi; thanh khiết quá làm Giao cảm thấy như chỉ có những cô thiếu nữ trong sạch ngoan ngoãn mới làm được nổi. Giao đưa mắt nhìn Tuyền, và bỗng dưng lòng chàng xao động thấy mình như một người tình-nhân đang được chiều chuộng. Giao mỉm cười vẩn vơ, lòng chàng không được tự nhiên. "Sao lại có người ngoan thế nhỉ! Hạnh phúc cho người nào được Tuyền làm vợ"... Giao nghĩ thầm thế nên bỗng dưng Giao nói:

– Cô ngoan quá!

Tuyền ngửng lên cảm động không hiểu rõ sao trong lúc mình đang yên lặng đưa kim, người bạn trai lại khen mình ngoan, nhưng trước luồng mắt khác thường của Giao, Tuyền nhìn xuống cầm một sợi chỉ thêu vuốt ve.

Thời gian qua bình thường, ngày ngày Giao vẫn dắt em Thân ra bờ sông câu cá chơi hoặc luồn giữa cỏ cây ngoài đồi tìm ổi, hái sim,... chàng sung sướng mãn nguyện với những nỗi vui nhỏ nhặt thường ngày ấy. Nhưng có một hôm được tin người cậu ruột của Tuyền chết, bố mẹ Tuyền và Vịnh vội vã về quê đưa đám. Riêng Tuyền ở lại trông coi công việc, vì thế ở nhà chỉ có Giao, Tuyền, em Thân và người cô họ. Cứ mỗi khi chiều mát đến thì Giao thường hay rủ Tuyền cùng dắt em Thân đi loanh quanh chơi – Trong lòng sung sướng, nhiều lúc Giao nghĩ: "Giá ta có đứa con rồi chiều cùng vợ dắt đi chơi như thế nầy cũng thích đấy nhỉ!" Những lúc ấy Giao thường nhìn Tuyền là lạ. Tuy thế chưa bao giờ Giao thấy yêu Tuyền, mà cũng chưa bao giờ chàng thích lấy vợ.

Rồi có một buổi trưa vừa ăn cơm xong, Giao đang ngồi đọc báo thì thấy một người dân ấp mồ hôi nhễ nhại tới xin thuốc, nói vợ ốm nặng – Tuyền bảo:

– Được, cứ về, khi nào nhạt nắng tôi vào xem ốm bệnh gì tôi sẽ cho thuốc.

Giao đặt tờ báo xuống mỉm cười giễu cợt nhìn Tuyền, hỏi:

– Cô lại là thầy thuốc nữa cơ đấy à?... thế mà tôi không được biết...

– Anh cứ nói thế! Tại ở trong ấp nặng nước, họ hay sốt rét nên em thường cho họ thuốc ký-ninh hoặc đôi khi ít thuốc lỵ thành ra mỗi khi họ ốm là chạy ra cầu cứu...

Ngừng một giây, Tuyền tươi cười nhìn Giao nói tiếp:

– Hay chiều nay rỗi mời anh cùng đi chơi xem ấp nhân thể xem hộ bệnh nhân bệnh gì chứ "ông đốc tương lai" Sau câu khôi hài có duyên của Tuyền, cả hai người cùng cười thẳng thắn vui thú.

Cả ngày hè trời nắng chang chang; chiều đến, khi nắng đã nhạt, Tuyền đội chiếc nón nhẹ cùng người vú già và Giao đi vào nơi có người ốm cách nhà độ hơn ba cây số. Đến nơi, vì bệnh nhân ốm hơi nặng nên Giao phải khám xét kỹ xem có phải là bị bệnh thương hàn nên mãi đến chiều đậm mới ra về được. Khi vừa bước ra khỏi căn nhà lá, Tuyền ngước mắt nhìn trời êm ả nói:

– Hôm nay rằm, không hề gì...

Trên con đường đất đỏ ngoằn ngoèo bờ núi, hai người đi thủng thẳng nói chuyện, vú già lẽo đẽo theo sau. Gió mát rạt trên lúa xanh từ phía đồng bên phải thổi lại làm mỗi lần Tuyền đặt bước thì bụi hồng của con đường đất đỏ lại tỏa bay tạt qua chân Giao. Tay cầm nón, Tuyền xinh tươi ngửa mặt cho gió thổi tạt làn tóc tơ.

Trong yên lặng của buổi chiều, tiếng trẻ chăn trâu từ núi xa vẳng lại vui vẻ; dân nông phu cũng đã bỏ đồng áng ra về; bên lạch nước chảy đậm bờ, họ hể hả rửa chân cọ cuốc trong nước mát. Đường hơi rộng song nhiều lúc Giao cũng khẽ cầm tay áo Tuyền kéo vào bên bờ đường để nhường lối cho trâu đi. Trong gió chiều trời tối dần! Cùng với bóng tối buông xuống, những con chim ấp-đất mà ban ngày vẫn chúi nấp trong các bụi cây cỏ ở sườn đồi, lúc này đã thấy bay

ra thấp thoáng đậu trên mặt đường, và rồi lại vụt bay đi khi bước chân của Tuyền và Giao tới gần. Trên nền trời, sao hôm đã bắt đầu lấp lánh sáng; có một lúc từ sau một quả gò thấp, mặt trăng tròn sáng đột nhiên ló lên gieo vui trên cảnh vắng,... và trong lòng người...

Giao vui tươi hớn hở bảo Tuyền:

– "Đẹp quá, ta chạy lên đồi xem trăng một tí đi cô... về làm gì vội". Giao vừa nói vừa bước lên trước, rồi đưa tay nắm một bên quai nón Tuyền đang cầm kéo nàng chậm chậm chạy ngược lên đồi gió thổi. – Nhìn trăng cười e thẹn, Tuyền vô tình chạy chầm chậm theo đà chàng trai kéo. Sỏi đá trắng lạo xạo vui vẻ kêu dưới bước chân và cọ vào nhiều lúc tóe lửa trong gốc cỏ. Đến trên ngọn đồi, gió lộng thổi mạnh đưa theo mùi thơm nồng nàn ngòn ngọt của cỏ cháy!... Trông xuống, trên cánh đồng quang trước mặt mờ mờ chảy một dòng suối sáng mát. Dưới ánh trăng, Tuyền thở dồn mau, tươi cười luôn luôn vén mấy sợi tóc mà gió đánh bay tạt trên má,... mắt nàng sáng lên trước cảnh đẹp mới lạ của đồng núi mập mờ:

– Em chưa bao giờ đi chơi núi thế này đấy... Đẹp quá nhỉ, anh nhỉ!

Tuyền ngây người hứng gió thổi đến cay cả mắt; một lát sau Giao mới hỏi khe khẽ:

– Nhà chỗ nào cô?

– Nhà kia mà, chỗ đèn sáng trên cao ấy, chỗ cây um tùm đen...

Trong một giây, Giao tưởng mình như một người chồng đang được vợ mới chỉ nhà đằng xa bảo: "Tổ uyên ương của chúng ta kia kìa"... Khẽ gật mấy cái, Giao mơ màng cất tiếng:

– Chỗ cây um tùm đen... Hay chúng ta đi về đi.

Giao vừa nói vừa nhìn Tuyền. Không phải Giao thích về, nhưng lòng rung động, Giao nói thế để được nghe câu thân ái "chúng ta đi về đi". Vô tình Tuyền trả lời: "đi" mà Giao nghe như lời hưởng ứng tiếng đập của lòng mình – nhưng Giao vẫn đứng yên nhìn Tuyền khác lạ!... Giao thấy Tuyền đẹp, mắt đen huyền ảo, dưới ánh trăng da nàng mát mịn như hạt ngô non mới bóc; và trong gió vờn, mấy sợi tóc phất phơ tạt bay qua miệng, có sợi dính trên làn môi ướt. Giao thấy rạo rực, muốn hôn lên làn da, lên miệng ấy!... Cảnh vật

mờ ảo càng thêm xui giục,... phía sau nàng, mấy bông lan trắng nhạt ánh trăng gió thổi nghiêng lả lướt. Say sưa không nghĩ ngợi, Giao ôm lấy em bạn định hôn. Thấy Giao yêu mình, Tuyền cũng cảm động, nhưng con nhà nền nếp, nàng vội đẩy Giao ra nghiêm mặt nói:

– Sao anh lại thế?

Trong một thoáng Giao nhận thấy mình đã chạm vào một người đáng kính, và lại nhớ Tuyền đã mang một tính ngoan khó kiếm, nên tuy chỉ hơi yêu, Giao cũng ngập ngừng nói:

– Tôi yêu Tuyền thành thực... Nếu Tuyền bằng lòng tôi sẽ xin nói cùng cha mẹ.

Trong lòng xôn xao lạ lùng, đôi lông mày khẽ đưa lên, không biết nói gì, Tuyền nhìn xuống lẳng lặng rứt mấy lá cỏ sắc đến chảy máu cả tay mà không biết.

Năm 1995

*

HOA VÔNG VANG

(truyện ngắn)

Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa
Yêu một người ta dâng cả tình thương

H. C.

Ngày ấy Đẩu là một chàng trai mười tám, lòng đang tưng bừng mới nở, trông ai cũng đẹp. Suốt ngày vui cười, sẵn sàng yêu đương, chàng thấy tương lai toàn màu rực rỡ. Đang đầy tin tưởng thì một hôm chàng gặp Phượng Trinh, một nữ sinh tóc còn cặp sau gáy. Tuy không biết nàng bao nhiêu tuổi nhưng Đẩu cứ cho là mười sáu, chàng nhủ thầm: "Chỉ mười sáu mới có thể có được cặp mắt sáng thế".

Lúc ấy là một buổi trưa mùa đông; dưới gió qua vòm cây, Phượng Trinh đang cười trong ánh nắng rung rinh cùng mấy chị em

bạn đọc. Đẩu có mộng ước gì đâu thế mà sao khi vừa gặp , chàng đã vội ngây người đứng ngắm rồi kêu khẽ: "người trong mộng của ta đây rồi". Tay xách cặp, chân đi đôi guốc phi mã gót cao, lúc ấy Trinh mặc áo mầu xanh gió thổi tung bay thấp thoáng ánh mặt trời. Thế là lòng trai mới mẻ vội chọn nàng giữa trăm bông thắm; Đẩu đi xa xa theo Trinh về,... thì ra Trinh đi qua nhà chàng, nàng ở phố gần đấy.

Từ đấy mỗi ngày hai buổi học tan, Đẩu vội vàng đạp xe thật nhanh về để ngắm Trinh qua, và những chiều nào được nghỉ sớm thì chàng đi bộ lên gần trường Trinh học đứng đợi nàng về để lẳng lặng đi theo sau. Song vì quá yêu chàng đâm nhút nhát nên chỉ dám nhìn thôi, vả lại Đẩu e Phượng Trinh cho lẫn mình vào con nhà phường phố bậy bạ nên chàng chỉ theo xa xa. Theo đến gần nhà mình thì Đẩu đi sang bờ hè bên kia rảo bước về cửa nhà đứng đợi. Lần nào chàng cũng nhìn Trinh đi ngang qua với đôi mắt si ngây... và cũng đã nhiều lần chàng đi theo đến tận nhà Trinh. Cứ như thế mãi, dần dần Trinh cũng hiểu, vì có nhiều bận Đẩu thấy Trinh đã vào trong sân rồi vừa đóng cổng vừa đưa lén mắt ngượng ngập trông trộm lại chàng. Phượng Trinh cũng đã để ý tới chàng trai si mê mình. Mỗi chiều đi học về nàng thường đi thật chậm vui chuyện ríu rít cùng hai chị em bạn về cùng đường – có bận Đẩu thấy giữa một chuyện vui Trinh đứng lại vui thú cười rũ rượi để rơi cả cặp sách; như một con chim non say nắng mới, Trinh luôn luôn ríu rít cười nói rả rích làm vui cả lòng, Đẩu đứng nhìn.

Từ ngày gặp đôi mắt nhung huyền ảo tươi sáng của Phượng Trinh lòng Đẩu đã mang một nỗi yêu thương không cùng. Chàng dò hỏi các bạn quanh vùng về người mơ ước thì biết Trinh theo đạo Gia-tô, ngoan ngoãn. Gia đình Đẩu cũng theo đạo Gia-tô, nhưng là con trai nghịch ngợm, chàng không bao giờ đi lễ nhà thờ và cũng chẳng cần biết Đức Chúa Trời là ai. Tuy thế từ ngày biết là sáng chủ nhật nào Trinh cũng đi lễ ở nhà thờ thì mặc dầu trời có rét mướt, Đẩu cũng dậy sớm đi lễ rất ngoan chứ không ngủ trưa nữa. Hôm nào được trông thấy Trinh, hôm nào được luồng mắt đen của nàng nhìn lại, dù là bất ngờ, Đẩu cũng về sung sướng hát nghêu ngao rầm cả nhà. Và tối tối chàng lại thường đi qua nhà Trinh để được trông thấy cây dừa, cây trúc đào trong sân trước cửa,... chỉ thế

thôi cũng đủ cho Đẩu trở về ngủ những giấc mơ yên lành mà luôn luôn Trinh hiện ra tươi cười.

Tuổi trẻ chỉ có một lần mới mẻ nhất: Đẩu yêu không có tận cùng bờ bến. Sách học của chàng chỉ nhằng những tên Phượng Trinh viết đủ các kiểu.

Sau những ngày đi nhà thờ thì Đẩu mới biết là có nhiều chàng trai khác cũng đi nhà thờ ngắm Trinh như chàng... nhưng chưa có ai được lọt vào mắt đen! Riêng Đẩu được nàng để ý, Đẩu cũng cho một phần là do gia đình chàng mà Trinh đã biết, tỏ ra chàng không phải là con nhà bậy bạ, tình chàng là tình chân thật. Mỗi lần sáng chủ nhật đi nhà thờ, hễ Đẩu thấy dưới luồng mắt của mình Trinh e lệ luống cuống bước mau hoặc nép vào bên người chị dâu là chàng cũng đủ thấy vui sướng cả ngày, mấy ngày.

Hoa mai đã nở! Mùa đông qua! Tết đến! Bên bát thủy tiên hương thơm vấn vít, lòng trai run run, lần đầu Đẩu cầm bút viết mấy lời chúc mừng năm mới... anh viết cho Trinh...

Rồi một buổi đầu xuân Đẩu hỏi Tân, một cô bạn học của Phượng Trinh, thì Đẩu mới biết Trinh là tên gọi ở nhà, chứ "ở trường chỉ gọi nàng là Phượng thôi". Tân lại nói cho Đẩu biết là các bạn ở lớp đã biết chuyện Đẩu theo Phượng và trêu chế Phượng nhiều lắm... nhưng Phượng không hề cãi lại mà chỉ đỏ mặt cười chạy trước những dịp cười của các bạn...

– "Phượng yêu Đẩu rồi đấy"...

Tân nói thế làm Đẩu sung sướng ngây cả người rồi hỏi:

– Thật à?... Thế thì tôi chết mất!

Chàng trai mới có mười chín, mỗi khi sung sướng quá là chỉ kêu chết.

Từ đấy Đẩu là người sung sướng. Có khi chàng đứng nói chuyện một mình với bờ thang là thường; có bận người chú vui tính của Đẩu bắt gặp, cười bảo:

– Đừng cười một mình thế thì chó nó cũng biết.

Thế là hai chú cháu nhìn nhau cười hể hả... và lòng Đẩu vui tưng bừng, bình tĩnh mất hết, có lúc chàng ôm lấy thằng nhỏ hét:

– Tao yêu mầy lắm.

Rồi Đẩu viết một lá thư mà chàng đã tốn bao công nắn nót gọt dũa. Những ngày ấy là những ngày sung sướng hồi hộp mà bao cảnh mộng xôn xao trong lòng! Tới một hôm Đẩu dừng xe đạp ở bên đường đợi xe Trinh đi học về qua. Từ xa Đẩu đã nhận được chiếc xe; đến lúc trông rõ Trinh, Đẩu ngượng nghịu cố mỉm cười làm Trinh cũng phải buồn cười luống cuống thẹn ngoảnh đi. Đẩu đạp xe theo, nhưng mãi cũng không dám đi gần, chàng cảm động quá. Được nửa phố, Đẩu lấy hết can đảm đạp xe lên đi kèm cạnh xe Trinh. Giọng nói đã lạc cả tự nhiên Đẩu ngập ngừng:

– Chào Trinh.

Trinh cũng cảm động và thẹn, nàng chỉ đỏ mặt mỉm cười đưa chiếc mù xoa lên miệng bẽn lẽn cắn, mắt long lanh rộn ràng bao lời êm ái. Trời, luồng mắt làm Đẩu choáng váng ngây ngất, muốn nói mà chẳng nên lời, Đẩu thò tay thả phong thư vào xe Trinh. Như sực tỉnh, Trinh vẫn mỉm cười cầm phong thư đem đưa trả lại miệng kêu khẽ, giọng rất thanh:

– Ấy chết!

Nhưng Đẩu đã hãm xe lùi lại phía sau.

Hồi hộp đợi mấy hôm cũng không thấy Phượng Trinh trả lời, Đẩu suốt ngày băn khoăn trông ngóng người đưa thư! Rồi có một buổi kia Đẩu gặp Tân, nàng nói:

– Đẩu bỏ một lá thư vào xe Phượng phải không? Phượng nhờ tôi nói với Đẩu từ rày đừng làm thế, lỡ người ngoài người ta trông thấy thì người ta coi Phượng vào hạng người gì!... Có muốn nói gì cứ nói thì hơn...

Nghe xong Đẩu tươi tỉnh đưa tay lên gãi gáy bừng bừng sung sướng rồi đáp:

– Lúc ấy còn nói thế khỉ gì được mà nói!

Chẳng biết Phượng Trinh có hiểu cho anh như thế?... Chỉ biết sau đó, Đẩu luôn luôn viết thư nhờ Tân đưa thì Trinh nhận. Nhưng mê say chàng đòi hỏi quá nhiều! Đôi lúc Trinh cũng đáp lại, nhưng nói sao được tấm lòng thành thực si mê của chàng trai mười chín, kể sao được hết nỗi bồng bột! Tuy Trinh có trả lại song ít lắm, chẳng đủ lấp một chút trong không gian to tát của lòng Đẩu. Trinh

đã trả lại ít hay chính Đẩu đòi mong quá nhiều!... Nhưng lấp sao được lòng anh thuở ấy, lấp sao được biển cả đương lúc sóng tình dồn dập gào thét.

Chàng trai yêu đắm đuối buổi ban đầu thì còn đâu là bờ bến! Đẩu không cần, không nghĩ gì ngoài "Phượng Trinh của anh" ra. Bữa nào được Trinh đi học về đã vào đến trong nhà mà còn ngó lại một cái là chàng đủ sung sướng ầm ỹ. Những hôm ấy có ai tra hỏi gì đâu mà Đẩu cứ vui mừng kể cho chị nghe nào Trinh mặc áo mầu gì, Trinh nhìn lại thế nào v.v... và có cả lần Đẩu khoe: "Chị ạ, hôm nay lạnh trời, cô Trinh mặc một cái măng tô hơi ngắn hơn áo trong một tí, nhưng em trông lại càng thấy đẹp chị ạ, một vẻ đẹp riêng".

Dần dần chị dâu của Trinh cũng biết Đẩu yêu Trinh (có lẽ Trinh nói) vì nhiều lần gặp Đẩu chị nhìn chàng trai rồi nhìn cô em chồng cười tinh ranh làm Trinh xấu hổ bám nép vào tay chị cười.

Những lúc đó Đẩu sung sướng đứng nhìn bộ tóc cặp xõa xuống lưng rung rinh vui thú.

Có một ngày chủ nhật Đẩu cùng cha đi săn bắn về mệt, nên hôm sau Đẩu nằm nghỉ ở nhà rồi viết một lá thư cho Tân, trong thư chàng nói: "Thế nào, Tân đã xin hộ Trinh cho tôi một tấm hình chưa, cố vào nhá, trăm sự nhờ Tân đấy! À, hôm qua tôi vừa đi săn về, mệt và mệt, phải nằm nhà nghỉ... nhưng nhớ Trinh lắm..." Vài hôm sau Tân nói nàng có cho Phượng xem mảnh thư ấy, và mặc dầu nó nguệch ngoạc nhỏ bé, Phượng cũng đã xin lấy mảnh thư đó. Và Đẩu sung sướng đến ngạt thở khi Tân bảo:

– Thư nào của Đẩu, Phượng cũng giữ cất đi cả...

Thôi, hồn Đẩu phơi phới như lên tới trời xanh!... và những lúc ấy, những lúc quá tin tưởng ấy, anh đã tưởng đời anh sẽ theo một con đường nhất định.

Nhưng tính Đẩu cũng rất trẻ con, trong thư luôn luôn chàng viết những câu không đâu, chẳng hạn: "Cái mũi của Trinh trông ngon như viên kẹo đraa-giê ấy" hoặc "tôi thích bắt Trinh mang thả lên đồi cỏ để xem Trinh ca hát chạy nhẩy như một con sơn ca". Tuy thế Trinh cũng vẫn chỉ trả lời: "Thư Đẩu viết vớ vẩn lắm"... nhưng Trinh sung sướng.

Một hôm Đẩu đang đứng ngóng đợi xe Trinh qua thì có một nữ sinh đi qua tươi cười nhìn chàng. Lòng trai đang đầy nhựa mạnh, sẵn sàng yêu đương không cưỡng được trước nụ cười cùng đôi mắt đa tình của cô học sinh tinh nghịch, Đẩu nhận ngay mối tình dễ dãi!... tuy trong lòng chàng, Phượng Trinh vẫn là vị chúa có một ngai riêng cao quý mà không ai chạm tới được; lúc nào Trinh chả là hoa thơm cỏ quý của lòng anh, nhưng trong một lúc, chỉ trong một lúc thôi, Trinh đã thoáng có ý tưởng rằng Đẩu cũng chỉ như một chim trời, thấy rừng xanh thì sà xuống để mai mốt lại bay đi!... Trinh buồn!... nàng hơi ngờ! Một hôm Đẩu viết thư cho Trinh trong có câu "thời gian trôi chẩy, tuổi trẻ qua mau. Trinh còn đợi đến bao giờ mới đáp lại tiếng gọi của lòng tôi!" thì nàng trả lời: "Đã có người đáp lại rồi còn gì!" Chàng trai chết đứng người, chàng tự nguyền rủa mình, rồi chàng buồn lo hối hận, vật vả thâu đêm.

Làm thế nào Trinh hiểu được bây giờ, làm thế nào...?

Song mặc thế tình giữa hai người vẫn bền chặt, nhưng cũng vẫn mơ hồ.

Đã mấy tháng trời theo đuổi mà vẫn chưa lần nào Đẩu được Trinh hẹn hò cho gặp riêng một lần. Người thiếu nữ ngoan ngoãn vẫn tin ở tình chàng trai, nhưng chỉ sẵn lòng đợi chàng đến hỏi làm vợ. Tình yêu mà nàng hiểu là thành thực chỉ có thể đưa tới cuộc hôn nhân,... mà Đẩu cũng thành thực muốn thế, song mới có mười chín tuổi chàng đã tính đến chuyện vợ con, sao được! Vả lại chưa được cùng nhau hẹn hò một câu, chàng trai chưa dám chắc gì mà dạm hỏi,... tuy đã bao lần trong mắt Phượng Trinh chàng tưởng được thấy hạnh phúc, chàng đọc thấy, nhận thấy một vẻ gì dịu dàng xô đẩy lòng chàng.

"Hay đó chỉ là một hạnh phúc đơn sơ khó kiếm" Đẩu vẫn băn khoăn tự hỏi thế những lúc không hiểu.

"Ừ, sao không hẹn với nhau một câu, sao không thả hết tình yêu?" Nhưng duyên số...

Rồi có một ngày chủ nhật mà gió đã nóng, Đẩu đang lang thang ở phố thì thấy một giọng nói vui vẻ bay đến tai hỏi:

– Phượng đâu? Sao lại đi chơi một mình thế? Không đi với Phượng à?

... Tiếp theo là một dịp cười. Đẩu ngơ ngác nhìn lên thì ra Tuyết, cô bạn học cùng lớp với Phượng Trinh đang đứng trên bao lơn tươi cười nói xuống. Đẩu mỉm cười cám ơn. Độ năm phút sau bất ngờ Đẩu gặp Phượng Trinh thật. Nàng mặc áo mầu tím đang đi mua hàng may áo nực cùng hai chị. Gặp Đẩu, Trinh bẽn lẽn không dám nhìn, nhưng có một lần Đẩu bắt gặp mắt Trinh ghé qua gáy chị nhìn trộm mình làm chàng sung sướng run cả người. Hôm sau Đẩu vội nhờ Tân đưa cho Trinh một lá thư, trong có đoạn:

"Hôm qua đi phố chơi, tôi đang lang thang thì nghe thấy một giọng nói từ trên trời bay xuống hỏi "Phượng đâu? Sao lại đi chơi một mình thế, không đi với Phượng à? Tôi nhìn lên thì ra Tuyết, Trinh ạ – Đấy, đối với tất cả thì Phượng là của tôi đấy, thế mà tôi cứ chưa dám chắc! Trinh thử hỏi hộ cô Phượng, cô Phượng có cái mũi xinh xinh ấy mà, xem Phượng có phải là của tôi không?"

Tuy thế Trinh cũng chỉ trả lời lại Đẩu: Thư Đẩu viết vớ vẩn lắm".

*

Thời gian qua mau! hoa cánh phượng đã phơi sắc đỏ rực rỡ dưới nắng gay gắt. Thế là mùa hè đã tới mà hai người vẫn chưa có một lời hò hẹn tuy trong lòng họ thành thực yêu nhau! Người thiếu nữ nền nếp giữ gìn theo luân lý cổ truyền đã đưa chàng trai vào nơi rừng rậm của tình. Đẩu cảm thấy Trinh yêu chàng đấy, nhưng không hiểu được tại sao nàng lại không cho gặp riêng. Mùa hè đã vô tình chia rẽ mối tình thơ ngây: không còn ai đưa hộ thư của Đẩu đến tay Trinh nữa.

Song tuy xa cách, Đẩu vẫn một lòng tin vào duyên số, tin vào tình yêu, tin vào Trinh, chàng vẫn còn nhớ rõ những lúc Trinh từ trong nhà e lệ nhìn ra, những nụ cười bẽn lẽn, những gót chân luống cuống bước mau, những đôi mắt ngượng ngùng bắt gặp,... đôi mắt tươi sáng như tráng nước thu trong đã bao lần làm chàng ngây ngất, Đẩu đã vẫn bảo: "Thật anh chưa từng thấy một đôi mắt đẹp hơn trong đời mà anh có nói thì chắc em lại chớp mau e thẹn". Để tự an ủi trong những ngày xa cách, Đẩu chỉ biết nhớ lại...

Nghỉ hè xong thì Tân ở quê, không ra đi học nữa. Trinh theo học một trường khác, thế là không còn ai đưa thư hộ Đẩu nữa, chàng chỉ biết đứng nhìn theo xe Phượng Trinh. Sao Đẩu không đến bên nàng mà thổ lộ nỗi lòng? có lẽ chàng e ngại! Chàng trai mới mười chín tuổi ấy mà! Ở đâu thì chàng hung hăng lắm, nhưng trước mắt người yêu thì chàng ngoan ngoãn như một con hươu non. Vả lại Đẩu vẫn tin là Trinh yêu mình, hơn nữa chàng sợ lỡ đến bên làm Trinh phật ý thì sao. Năm ấy hai người ít gặp nhau lắm. Một hôm sắp tới mùa hè, Đẩu đi qua nhà Phượng Trinh... Nhìn vào, chàng thấy Trinh đang bế một đứa cháu nhỏ, con của người anh nàng; Trinh yêu trẻ con lắm, Đẩu đã thấy nhiều, chiều vừa đi học về là nàng vứt cặp chạy vội vào giành lấy đứa bé ở trong tay u nó. Hôm nay Trinh cũng đang tươi cười bế cháu, nhưng khi nhìn ra thấy Đẩu đương ngắm mình, nàng liền nghiêng đầu hôn đứa nhỏ, mắt đắm đuối vẫn không rời chàng trai.

Đẩu ra về sung sướng đến đau khổ, chàng biết là chiếc hôn đó riêng tặng chàng. Bữa nay cũng như đã bao lần đôi mắt ướt của Phượng Trinh làm lòng chàng xao xuyến ngây ngất. Nhưng càng thấy Phượng Trinh cũng yêu mình mà không được thổ lộ nỗi lòng Đẩu càng đau khổ bứt rứt. Dần dần thời gian qua, không làm sao được, Đẩu đành lẳng lặng buồn rầu trông mối tình xa cách dần không phương gì nối lại. Tuy biết là chia rẽ nhưng chẳng hiểu tại sao tự đáy lòng sâu, Đẩu vẫn có một tia tin vu vơ, cái tin vô lý của lòng trai chưa hề biết thất vọng.

*

Những giấc mộng đẹp sao hay ngắn ngủi, tuổi trẻ mê tình qua mau như đàn mòng khoang vun vút bay qua cánh đồng rộng để rồi vội vã lẩn biến vào cảnh trời đông u ám; nghỉ hè năm sau đã lại tới, rồi tới mùa thu! Một hôm đương ở rừng quê thì Đẩu được bạn viết thơ cho biết Trinh đi lấy chồng: "Cưới chạy tang, bố chết,... trông Trinh chẳng vui gì sốt cả v.v..."

Như những vết thương đứt quá mạnh làm ta tê đi không thấy đau, mấy ngày đầu Đẩu không thấy buồn; nhưng sau, nhiều lúc tự nhiên chàng thấy như mất một mục đích trong đời, chàng cảm thấy chán nản. Tuy thế chàng vẫn yêu Trinh như trước và vẫn mang

máng tin là Trinh yêu mình. Đẩu vẫn nói một mình: "Cứ để mặc anh tin em nhá."

Chẳng nỡ trở lại ngay chốn cũ, lấy cớ vì năng thức đêm đọc sách nên tâm thần suy nhược, nay cần tĩnh dưỡng, Đẩu ở tịt lại nơi đồi quê tĩnh mịch. Lang thang giữa chốn núi sông điệp điệp, bạn cùng cỏ cây xanh tốt, chàng mong sẽ thấy lại nỗi yên vui,... nhưng ngày tháng qua, biết mấy lần trăng rằm đã mọc sau đồi cỏ mà cũng chỉ đủ rọi thêm choáng váng vào cõi lòng tỉnh thức bâng khuâng.

Chàng trai muốn quên mau, song những ngày buồn nản qua không vội vã nên có lúc ngừng ngựa mơ màng ngắm lá vàng bay giữa rừng vắng chàng lại đau thương nhắn hỏi:

– Gió ơi, sao làm tình chóng đứt?...

Hoa tình rụng rơi, bình tĩnh cũng dần dần trở lại, nhưng lòng Đẩu đã bớt tin tưởng!

Với gió đông về, cuộc đời học sinh nối tiếp, giữa chốn bạn bè nao nức vui tươi nơi nhà trường, lòng trai đã nhanh bước mau trở lại yêu đời. Rồi một bữa đến, một bữa đông lành mà ánh mặt trời chợt bừng sáng chan hòa giữa gió lạnh vang vang, đê mê đứng ngẩn trông theo một tà áo tươi mầu đương phấp phới đi vào trong nắng gió, Đẩu lại thấy lòng bỗng rộn đập tưng bừng. Cứ thế mà qua mãi, người đời tha hồ bảo yêu có một lần, Đẩu chẳng tin, hoa thì tàn nhưng lòng luôn luôn nở lại, cũng vì thế sau Phượng Trinh biết mấy truyện tình thơ ngây đã thành hình rồi tan vỡ – đôi khi tan vỡ vì những cái không đâu, vì một lời hiểu lầm, vì một chút tự ái, vì... – Trời! Kể sao cho xiết những nỗi vô lý ở chốn tình trường: chỉ vì lòng trai quá bồng bột si mê nên tình chẳng bền đậu! Tuy thế nhiều hôm bất ngờ tình cũ lại vẩn lên trong lòng, Đẩu lại đem ảnh Phượng Trinh ra ngắm rồi rầu rầu nói sẽ: "Nhưng chưa có mối tình nào đẹp như tình em... Trinh ạ"

Khá lớn lên, chàng trai sớm vội đua theo các bạn vào cuộc đời chơi bời phóng đãng; dần dần chàng đã trở thành khôn khéo; quen ra vào nơi tửu điếm nên chàng nói dối đã không ngượng lời, mắt đầy gian trá, nhưng lúc ấy thì người đời lại tin chàng. Từ một đứa trẻ, Đẩu đã trở thành một người,... và những mối tình dễ dãi ở mọi chốn chơi bời cứ tiếp tục mà qua mãi. Giữa các cuộc vui nhả nhớt,

chàng đắm say tươi cười; thật lòng trai quên sầu cũng dễ như yêu... nhưng lòng anh đã kém trong sạch, bây giờ khó tìm đâu cho thấy được vẻ sợ sệt nhút nhát si ngây thuở mười tám: một ít vẻ đẹp đã mất.

Đẩu đã yêu khắp nơi đến nấc cùng, đâu chàng cũng yêu đến si dại, tuy thế vị ngọt hoa tàn của chuyện qua vẫn mang mang ủ ấp lòng Đẩu một nỗi nhớ thương nhẹ nhàng như làn gió thoảng của một buổi sớm nào êm dịu xa xôi. Đẩu vẫn chẳng thể quên được người xưa, luôn luôn lòng chàng như nhớ tiếc mối tình ngây thơ cũ, như thiếu chút nắng dịu, thiếu vẻ nồng nàn mà mắt Trinh chiếu lại. Đã bao lần yêu, đã bao lần sóng gió trong lòng, thế mà khi lắng hết chỉ riêng hình Trinh còn lại như vẫn còn sau cơn bão táp một cây cổ thụ. Chuyện qua đã ăn rễ sâu vào tận thớ tim Đẩu.

Sau đó ít lâu, Đẩu thôi học và về ấp ở với cha mẹ. Hồn Đẩu phức tạp, chàng yêu đồng núi quê hương nhưng chàng cũng không quên làn không khí say sưa của cuộc đời chơi bời: từ nơi ấy Đẩu luôn luôn trở về thủ đô. Một hôm gặp Tuyết, nàng nói cho Đẩu biết:

– "Phượng khen Đẩu bây giờ ngoan lắm, về quê làm ăn rồi, lần nào đến nhà tôi chơi, Phượng cũng nhắc đến Đẩu.

Ngây cả người, Đẩu không hiểu sao Phượng Trinh lại biết mình về quê làm ăn, "mà mình có làm ăn gì đâu!"... Nhưng Tuyết đã nhìn chàng nói nhỏ:

– Phượng vẫn yêu Đẩu lắm...

Trời, Đẩu muốn khóc lên được! Thấy Đẩu ngây đờ yên lặng, Tuyết mỉm cười nói tiếp:

– Lần nào gặp tôi, Phượng cũng nhắc đến Đẩu cũng như Đẩu gặp tôi hỏi chuyện Phượng ấy mà... sao hai người không lấy nhau nhỉ...

... Rồi Tuyết kể:

– Ngày sắp cưới Phượng ấy, Phượng có chạy đến tôi; tôi có hỏi sao không lấy Đẩu có hơn không thì Phượng nói: "Tại Đẩu không đến hỏi,... mà đợi thì biết Đẩu có ý định lấy Phượng không mà đợi cơ!... Phượng bảo "Chả lẽ em lại mang trầu cau đến hỏi Đẩu à?..."

Nghe xong, Đẩu đau đớn hỏi trách:

– "Sao Tuyết không nói cho tôi biết ngay từ ngày ấy"... thì Tuyết trả lời:

– Ngày ấy tôi cũng hơi có ý tìm Đẩu nhưng hình như Đẩu ít khi có mặt ở Hà Nội thì phải...

Khẽ gật đầu, Đẩu đứng lặng bâng khuâng...

Từ đấy chàng chỉ biết mang câu duyên số ra để tự an ủi, và cũng từ đấy chàng càng tin chắc rằng chẳng bao giờ nữa Phượng Trinh quên chàng, Đẩu vẫn nhủ thầm:

– Ai quên được những ngày đẹp đẽ trong đời...

Truyện qua Đẩu vẫn giữ quí như một kho vàng. Lắm lúc bâng khuâng nghĩ lại, Đẩu vẫn thường cau có tự hỏi: "Sao lại cứ nhớ, sao không quên đi cho tâm hồn được thư thái"... nhưng rồi chàng lại nói ngay: "Không, đừng bắt ta quên... Ở đời có những vết thương êm ái. Như ta lúc này ai dám bảo nhẹ buồn là khổ khi đó là dư âm của một thời rạo rực trở về vang lại trong hồn" Những khi ở Hà Nội, Đẩu vẫn hay đi nhà thờ, nhưng nay không phải vì ai nữa mà vì tin tưởng ở đạo giáo. Vả lại xuân đầu chỉ có một lần, chàng không muốn bỏ một cái gì của những ngày tuổi trẻ tươi thắm đã qua.

Một hôm vô tình Đẩu đi ngang qua nhà vợ chồng Trinh. Nhìn vào, chàng thấy Trinh đương đứng trong căn vườn nhỏ trước nhà như mơ màng. Có thế thôi mà về nhà chàng cũng sung sướng mãi, và cả ngày nhắc nhở "có lẽ phút này Trinh đương nghĩ đến ta, có lẽ... có lẽ!" Rồi trên quyển sổ tay biên trăm thứ lặt vặt, chàng viết mấy dòng: "Có lẽ như ngày nao, đôi mày hơi đưa lên, em nhìn vào nơi nào không định. Nghĩ gì thế em? Em, trông gì ở nơi xa ấy, có phải là anh? Em, sao chẳng đáp lại tiếng gọi của lòng anh?"

Viết thế, Đẩu lại nhớ tới câu mà trước kia Trinh trả lời "đã có người đáp lại rồi còn gì", thế là chàng lại tự đấm vào má vò đầu bứt tóc hối hận. Trinh bây giờ đã hiểu lòng chàng mà sao Trinh ngày ấy lại trả lời chàng thế! Phượng Trinh có hiểu đâu lòng trai thuở ấy đương thời mới nở, say sưa cảnh đẹp, yêu mến cỏ hoa, mê giọng chim tiếng hót, khao khát tình yêu,... như một con hươu non xông vào rừng thẳm để tìm cỏ quí, nhưng anh đã ăn cả cỏ dại lá lạ ở dọc đường! Hoa đẹp nhiều quá, lòng đang mới mẻ, anh giữ sao

được không hái một hai bông gần. Đôi lúc nghĩ lại Đẩu vẫn bực tức kêu lên:

– Họ bảo thế là bạc tình... thật họ không hiểu, nhưng ta nói làm sao được! ta không bao giờ bạc tình mà chỉ nhiều tình quá...

Nhưng tháng ngày qua đi, càng lớn lên càng bận công việc nhiều, ngoài những giấc mơ ngắn ngủi chả mấy khi Đẩu còn được gặp Trinh như xưa, mà cũng chả mấy khi Đẩu gặp được Tuyết để nàng kể cho nghe ít truyện về người cũ. Nhưng cứ mỗi khi Tết đến, mỗi lần ngửi lại hương thủy tiên nhắc nhở xa khơi, mỗi lần thấy xuân về nở trên cành đào là Đẩu lại thấy hoa tình cũ như cũng nở lại trong lòng mình, vì thế Tết nào chàng cũng vẫn gửi lời chúc mừng năm mới đến người xưa. Tuy chỉ vài giòng ngắn ngủi Trinh cũng hốt hoảng đọc vội, đoạn cầm ép lên ngực nhìn trời chớp mau; những lúc đó đôi mắt đen trong sáng lại mờ ánh lệ.

Họa hoằn có một đôi khi bất ngờ gặp lại trên đường, từ xa Đẩu thường đứng lại bên vỉa hè vờ vĩnh đợi ai để ngắm Trinh qua... và cặp mắt nhung diễm lệ lại mở to xao động ánh tươi vui khi vô tình đặt tới người cũ... rồi thôi, cả hai đều bâng khuâng không cười nói với bạn nữa, mà chỉ yên lặng để nghe tiếng lòng thỏ thẻ xôn xao.

Ngắm Trinh qua một buổi rất gần, Đẩu thấy cặp mắt huyền của nàng đã kém vẻ tươi cười như thầm bảo "em không được sung sướng". Đẩu biết Trinh đã hiểu lòng mình, nhưng còn đâu nữa! Khi hai người biết được là tình sẽ bền chặt mãi mãi thì ai hay chả đã quá muộn rồi. Tuy thế Đẩu vẫn sung sướng với mối lỡ làng mà chàng biết sẽ là nguồn an ủi cho chàng suốt đời, sẽ là của cải vô giá của tuổi trẻ mà chàng còn giữ lại được. Đẩu nhận thấy vẻ trong sáng của đôi mắt người yêu sẽ mãi mãi là ánh sáng của đời chàng. Tình yêu xui Đẩu đôi khi có những mộng tưởng không ngờ, cũng như lắm lúc chàng tin rồi ra sẽ có ngày giọng Trinh nói khẽ bên tai: "Ước gì chúng ta cũng trẻ lại."

Bất ngờ một hôm Đẩu gặp lại Tuyết, hai người vui vẻ trò chuyện xa gần, nhưng rồi cũng nhắc đến Phượng Trinh... Đẩu hỏi:

– Vừa rồi mới gặp, tôi trông Trinh như có vẻ buồn ấy... Gia đình Trinh có chuyện gì không vui không?

Tuyết cười đáp:

– Sao Đẩu lại hỏi thế, Phượng Trinh ngoan lắm, chồng Phượng chẳng trách Phượng điều gì cả... bố mẹ chồng cũng vậy...

Đẩu nhíu đôi mày, nói:

– Không biết tại sao tôi trông Phượng như không được vui; Phượng có được sung sướng không?"

Tuyết thoảng cười:

– Đẩu cũng biết tính Phượng trẻ trung vui đùa là thế, mà chồng thì tính nết như ông cụ ấy...

Tuyết ngừng lại, mắt chớp bâng khâng rồi mỉm cười nhìn Đẩu nói tiếp:

– Lấy Đẩu thì cố nhiên là vui hơn... À, ngày xưa ấy mà, dạo Phượng chưa đi lấy chồng ấy, một lần Phượng thấy trong sách ảnh của tôi có tấm ảnh của Đẩu chụp ngồi ở đống rơm, thế rồi Phượng cứ lấy, làm tôi phải đòi mãi.

Đẩu đứng yên lặng bùi ngùi trong sung sướng! Thấy bạn có vẻ buồn tiếc, Tuyết hạ giọng:

– Thôi chả cần Đẩu ạ, hình Đẩu ở trong tim Phượng tôi tưởng cũng đủ rồi.

Từ đấy mỗi lần gặp người yêu cũ là Đẩu thấy như mình đương sống lại thời mê say thuở mười tám. Trong mắt Phượng Trinh chàng thấy lại một ít tuổi nhỏ, một chút nắng sưởi cho lòng chàng ấm dịu, chút nắng thừa của một thời xa xôi. Những lúc đó. Đẩu chỉ biết đứng nhìn theo cho tới nẻo đường đã khuất mà tà áo Trinh còn phấp phới bay, rồi chàng bàng hoàng ngẩn ngơ nói một mình:

– Trời ơi, đôi mắt đen quá, sáng quá, phải chăng là những tấm gương phản chiếu mầu tươi sắc thắm của những ngày rực rỡ...

Tới một hôm chẳng hẹn trước, Tuyết rủ Đẩu đến nhà Phượng Trinh chơi. Gặp lại bao nỗi ngượng ngùng. Trinh cười sung sướng, song bẽn lẽn cũng nhuộm hồng đôi má; còn Đẩu thì ngây ngất cảm động ngắm bạn lòng cũ. Trước mặt chàng trai giọng Trinh nói chuyện với Tuyết mất cả tự nhiên; Đẩu ngồi nhìn lòng lâng lâng sung sướng; có một lúc Trinh mỉm cười e lệ quay sang hỏi Đẩu:

– Hình như dạo này không hay gặp ông đi lễ.

Phượng Trinh gọi Đẩu bằng "ông"! Nhưng làm thế nào, nàng đã có chồng! Nghe Trinh gọi mình như thế, Đẩu thấy nhói vào tim, nhưng hiểu tình thế mới, chàng vội trả lời:

– Độ này tôi ở nhà quê luôn,... thỉnh thoảng mới về Hà Nội thành ra Trinh không gặp.

Ngừng một giây, Đẩu mỉm cười nói tiếp:

– Với lại ngày xưa tôi có đi lễ bao giờ đâu... Từ ngày biết Trinh tôi mới đi nhà thờ đấy chứ,... Trinh đã cứu vớt một linh hồn mà Trinh không biết...

Răng trên khẽ cắn lên môi dưới e thẹn, Trinh mỉm cười đỏ hồng cả má rồi đưa ngón tay lên miệng cắn cắn cảm động, đoạn nàng nhìn Tuyết cười ngượng nghịu cất tiếng bảo:

– Đi lễ thế thì chả... được phúc.

Nhưng mắt nàng sáng ngời, phải chăng vì duyên cũ! Ánh sáng ấy cũng đủ khêu lại lòng Đẩu ngọn lửa đã gần tàn; và trông Trinh cười đắm say, Đẩu thấy nụ cười tươi thắm ấy như đưa chàng vào một vườn nắng nhẹ gió vừa. Đẩu ra về với ít hoa nở lại trong lòng, với ít tin tưởng rằng sẽ chẳng bao giờ hương tình cũ đến nỗi tan bay hết. Đời còn tươi đẹp và tươi lại vườn tình đang úa. Đẩu sung sướng trở lại nơi đồi núi quê và mang theo trong tim đôi mắt tươi cười của Trinh, đôi mắt trong sáng như tráng làn nước trong đã bao lần làm anh ngây ngất khi buổi đầu dịu dàng nhìn lại...

Vài hôm sau, một chiều vừa cưỡi ngựa đi chơi núi về thì Đẩu nhận được một phong thư, trong có đoạn Tuyết viết: "Hôm qua Phượng lại nhà tôi chơi và bảo: "Bữa nọ, lúc vào tới phòng tiếp khách, thoạt trông thấy Đẩu, Phượng choáng váng ngạc nhiên đứng dừng lại..."

Thôi thế cũng đủ làm Đẩu sung sướng đến rưng rưng nước mắt. Tay vẫn cầm lá thư, lơ đãng, chàng lững thững đưa bước ra phía đồi sau nhà. Trời mát! tóc thoảng nhẹ bay phất phơ trên trán,... bâng khuâng vô tình đứng trông thấy bông vông vang phất phơ bên bụi cỏ đương kín đáo cúp lại trong gió chiều êm đềm, Đẩu lại thấy

lòng bỗng tràn đầy tin tưởng như buổi mới,... và man mác hy vọng, chàng nhủ khẽ

– Hoa còn có loài chiều hôm cúp vào để sớm mai nở lại em ạ, thì tình ta sao chả có lúc nối theo...

Năm 1995

*

ĐỊNH MỆNH

(truyện ngắn)

Trên con đường quê từ tỉnh Nam về ấp Tuân Ba, Phong gò người ra đạp vì ngược gió. Tới một quán bán nước bên đường, Phong xuống xe vào ngồi nghỉ, rồi đưa tay cầm mấy quả quít bóc ăn cho đỡ khô cổ. Bà bán hàng thấy chàng thiếu niên lịch sự đã nhiều lần vào quán của mình nên tươi cười múc bát nước trà tươi nóng vừa đưa cho Phong vừa nói:

– Sao lần trước cậu đi qua lại không vào uống cho nhà cháu bát nước?... Quít ngọt lắm đấy cậu ạ... Rồi bà chọn một quả đưa cho Phong vồn vã tiếp:

– Quả này tốt... Cậu xơi nước đi kẻo nguội... Dạo này cậu về chơi dưới này luôn...

Trước nụ cười của bà hàng, tự nhiên Phong thấy ngượng nên mặc dầu là học trò chàng cũng nói chống chế:

– Dạo này sắp mùa màng, công việc bận luôn.

Như sợ bà hàng biết được mình nói dối, nói xong Phong cúi xuống cầm một chiếc đóm mân mê, nhưng chàng lại chép miệng vứt đi ngay, rồi ngoảnh nhìn ra cánh đồng đăm đăm. Phong không có tâm trí ngồi nói chuyện phiếm lúc này, chàng còn đương nghĩ ngợi, chàng nghĩ đến Mộc Lan, người em gái họ mà một lát nữa chàng sẽ gặp. Nhiều người dân quê đặt gồng gánh vào hàng, lớn tiếng nói chuyện nhưng Phong cũng chẳng để ý gì tới, chàng còn mải băn khoăn nghĩ đến những lời chàng sẽ nói, những cảnh mà chàng tưởng

tượng ra sung sướng mà có lẽ chàng sắp được sống nay mai. Những hình ảnh liên miên hiện qua óc Phong không mạch lạc gì!... Phong nghĩ nhiều đến tương lai, nhưng chàng cũng tưởng lại cả những ngày qua...

Ngày ấy cách đây độ sáu tháng, mộ thôm được nghỉ lễ, Phong liền về chơi nhà người cô ở vùng Nam Định mà đã lâu chàng không về thăm. Tính chàng cứ được nghỉ là đi chơi chỗ này, chỗ kia chứ chàng có mong ước gì đâu! Nhưng khi tới nơi Phong ngạc nhiên thấy người con cô, em Mộc Lan, đã lớn; Phong có ngờ đâu chàng có một người em đẹp thế, cái đẹp tự nhiên tươi sáng của những bông hoa rừng hé nở buổi sớm. Phong liên tưởng đến những cô thổ vùng Hòa Bình, và chàng ngây người đứng ngắm em bỡ ngỡ – Lan đẹp lắm, đương nẩy nở dưới cái tuổi dậy thì... "Mà làn da dịu mát mịn màng này chắc phải rửa bằng nước dừa, hay ít ra cũng bằng nước suối rừng..." Phong nghĩ thế vì chàng trai đó rất giàu tưởng tượng. Phong qua mấy ngày nghỉ mà khi về chàng vội biên vào nhật ký là hoàn toàn tươi đẹp, và Phong không quên ghi những đoạn sung sướng mà chàng đã sống với Lan. Khi ra về, Phong buồn rầu như chưa bao giờ từng thấy: có bao giờ Phong được một cô gái tươi đẹp chăm nom săn sóc tới mình đâu! Lúc đầu Phong còn thấy ngượng nghịu thẹn trước cô em xa lạ, cũng như chàng vẫn thấy khó chịu, tai nóng bừng mỗi khi phải đứng trước một người con gái. Phong chỉ quen mơ màng ngồi một mình bên hồ nước chứ trước mặt một thiếu nữ thì chàng nhút nhát như cậu thư sinh mười bảy, nên đến nay đã hai mươi mốt tuổi rồi mà chàng vẫn không có lấy được một người yêu! Không phải là Phong không biết yêu, chàng chả vẫn say mê nhìn người đẹp qua đường là gì, và đã nhiều lần chàng theo đến tận nhà để rồi tối tối, sau khi học xong, dù là mưa gió, chàng cũng khoác áo ra đi đến cửa nhà nàng đứng nhìn cho tới khi nào đèn trên buồng đã tắt! Phong sung sướng với những "tình không" ấy; và trong những buổi đi chơi rừng núi, bao giờ chàng cũng nhớ đem theo bút để vẽ những cảnh đẹp thiên nhiên, rồi khi hứng trí, những lúc ghi được một mẩu tươi đẹp, Phong say sưa hát nghêu ngao một mình giữa cây cối vắng vẻ, chàng lăn ra cỏ mượt hoặc ngắt lá thơm ngửi ngây ngất, và choáng vàng, chàng múc nước suối giữa hốc đá rửa mặt là thường – Những phút đó Phong quên cả ăn, tối về nhọc mệt bẩn thỉu, nhưng

thế nào cũng cố đem lấy bức tranh và bó hoa dại đã ngắt được. Những bó hoa Phong thường cắm trên bàn học, bên hình ảnh các đào chiếu bóng.

Những bó hoa đó bây giờ thường đặt trước ảnh Mộc Lan: Phong đã yêu! Luôn luôn cứ chiều thứ bảy là Phong lại về Nam thăm em. Phong cũng biết như thế là trái với luân lý và không đưa tới đâu. Có lúc chàng định không về Nam thăm Lan nữa, nhưng cưỡng sao lại được tình yêu: chỉ phút sau Phong đã lại tự bào chữa bằng ý nghĩ "ta yêu thành thật thì có chi là tội!" Tình yêu vẫn lặng lẽ đi sâu vào lòng Phong như rễ cây ăn xuyên qua đá núi, thế là Phong lại cứ về để mê man ngắm em. Chàng cứ cắm đầu xông vào vườn tình cấm đoán như kẻ điên xông vào nơi rừng cả tối tăm, mặc những nguy hiểm; Phong biết là nguy hiểm đấy, nhưng càng thấy khó khăn cấm đoán chàng càng thấy say sưa. Phong ưa những cốc rượu mạnh cho tâm hồn. Vả lại Mộc Lan còn là người con gái đầu tiên chàng yêu mà chàng được gần, đó là một nỗi đau khổ canh cánh bên lòng mà chàng không thể quên được! Phong lại không quên được cả những ngày hè Mộc Lan lên chơi trên đồn điền nhà chàng, những buổi cùng nhau ngồi xe ngựa đi thăm đồi cho cùng những đêm chàng để hết tâm hồn vào tiếng đàn để kéo cho em nghe, cũng như những buổi chàng nắm tay Mộc Lan đi chơi ngoài đồi cây trăng tỏ mà chàng đem những ý nghĩ cao xa mong manh trong thơ ra cố giảng cho em hiểu, để được thấy mắt nàng long lanh dưới ánh trăng, để được nghe Lan thỏ thẻ bên tai:

– Hay nhỉ, anh nhỉ...

Đã có lần Phong giữ em lại, say đắm nhìn vào tận mắt gọi:

– Lan!

– Gì anh?

Phong định ngỏ tình, nhưng vì yếu quá chàng lại không dám, chàng vờ chỉ mấy ngôi sao:

– Em có thấy mấy ngôi sao kia không,... chiếu chói mắt anh.

Rồi ngoảnh nhìn vào mắt Lan:

– Nhưng mắt em sáng hơn, chiếu lòa cả hồn anh.

Lan yên lặng mỉm cười nhìn anh sung sướng. Quả thật Phong cảm thấy những tia mắt đó rọi ấm dịu vào tận đáy lòng chàng như những tia nắng lọt qua rừng rậm. Giá lúc ấy Phong ôm lấy em mà hôn ngấu nghiến cũng không lạ, nhưng chàng sợ, chàng sợ sẽ làm Lan phật lòng: Phong lo là sau đó chàng sẽ không được gần Lan nữa nếu nàng chỉ yêu chàng như một người anh, vì đã có lần say sưa Phong hỏi:

– Em có yêu anh không?

– Bao giờ em chả yêu anh,... mẹ em cũng yêu anh lắm, khen anh ngoan luôn.

Mừng hụt và lo sợ, Phong thở dài:

– Anh mà ngoan à?... thì Lan ngây thơ tươi cười đáp:

– Lại chả ngoan, anh của em cơ mà...

Những lần như thế Phong cũng sung sướng mãi và bứt rứt tiếc rằng sao mình không nói "anh yêu em" mà lại đi hỏi "em có yêu anh không" làm gì! Từ đó chàng không dám nói tình yêu với Lan nữa.

Ở chơi nhà Phong gần một tuần lễ, lúc Lan cùng bố mẹ ra về, Phong buồn nản bàng hoàng nhìn nàng bước lên xe như một điều không thể có được: trong cái nhìn ấy Phong đã để hết tâm hồn, Lan nhìn lại anh mỉm cười yên lặng; Lan đi và không ngờ đã mang theo cả lòng Phong; ở lại Phong thấy trống trải... chốn đồi núi yêu quý mà chàng đã qua tuổi nhỏ ở đó nay cũng không làm chàng say mến nữa, Phong chỉ còn thích vài nơi còn giữ kỷ niệm của em; cả ngày Phong phi ngựa đi chơi để khuây khỏa, chàng thích đến lại những nơi đã cùng em dạo bước hôm xưa, đâu đâu chàng cũng thấy vang gọi kỷ niệm rất gần; Phong suốt ngày gọi "Mộc Lan! Mộc Lan!" và tiếng chàng tan vào trong gió. Lòng Phong đã hết bình tĩnh, có lúc chàng ngồi suốt buổi nói chuyện một mình với Lan dưới gốc thông; thâu đêm Phong trằn trọc tự hỏi: "Bây giờ Lan đương làm gì nhỉ, biết đâu chả mơ thấy ta". Nhớ lại những lúc nàng săn sóc tới mình, Phong cho Lan cũng yêu chàng, nhưng tới những tình tiết tỏ ra Lan chỉ yêu chàng như một người anh thì Phong chán nản; người chàng rạc đi vì thao thức!... Và một hôm nhớ thương buồn khổ tràn ngập trong lòng, Phong trở về ấp bố mẹ Mộc Lan; chàng qua một tháng hè ở đó, một tháng sung sướng đầy đủ. Phong còn nhớ những lúc

rung động tay cầm tay cùng em đi ngắm trăng trên đường quê... và một buổi tối – nhất là buổi đó – vì Lan hơi mệt nên chàng ngồi bên cạnh giường đọc truyện cho em nghe. Một lúc lâu Phong ngoảnh sang thì thấy Lan thiu thiu ngủ... Ngồi nhìn em yên giấc mơ màng, tóc huyền tỏa trên mặt gối trắng, Phong thấy lòng rạo rực!... Hồi hộp Phong khẽ gọi: "Lan!... Lan!..." không thấy em trả lời, Phong cúi xuống hôn khẽ lên trán, lên tóc, không bao giờ Phong quên được mùi tóc ấy, hắc hắc thơm nồng da thịt làm chàng cháng váng ngây ngất!... Rồi Phong nói khẽ bên tai em những lời yêu đương mà lúc ban ngày chàng không dám nói. Lan mới chợp ngủ, nên mặc dầu là Phong nói êm lắm, nàng cũng tỉnh dậy và nghe thấy cả, nhưng cứ phải nhắm mắt giả tảng như không. Phong lại không quên cả những cái không đâu: chàng còn nhớ rõ một buổi chiều gió mát hây hây, cùng em đi chơi ngoài đường ruộng, thấy một bông dại bên bờ cỏ, Phong chạy xuống hái – lúc trở lại định đưa cho Lan, thấy em đương nhìn về phía xa, Phong đứng lại yên lặng ngắm: Lan mặc chiếc áo trắng mỏng, hình nàng in lên nền những ô ruộng nước sáng cùng những thảm mạ xanh rờn chạy thẳng tắp đến tận chân trời xa; trong gió mát ban chiều, tóc nàng phơ phất!... Hình ảnh tươi mát quá, Phong không biết vì không khí dịu êm buổi chiều, vì gió thoảng hay vì nước mát ngâm chân mạ?... Khi Lan ngoảnh lại, thấy anh đương ngắm mình, hai anh em nhìn nhau mỉm cười.

– Em nhìn gì thế?

Phong hỏi thì Lan tươi tỉnh mở to mắt vui tính giả bộ ngạc nhiên:

– Em nhìn gì đâu... em trông đấy chứ...

Thấy em tươi thắm, Phong càng ngây dại!... Phong thấy chàng yêu vô sở vọng như yêu một nàng tiên không nắm được! biết thế chàng càng buồn, vì Phong yêu rất dữ tợn: đã có lần chàng có ý tưởng giết Lan đi! Lắm lúc Phong tự thấy mình như người rơi xuống vực thẳm không có lối ra, những lúc ấy chàng thường ngồi lầm lì một mình, nước mắt rớm ướt. Nhưng rồi chàng lại tiến vào nơi chông gai như điên dại, như có một sức mạnh không tên xô đẩy!... Tình yêu làm Phong mang máng tin là có thể có những phép lạ cứu chàng

ở đời này; với lại Phong vẫn thường tự nhủ: "Mà có chết cũng chẳng sao!"

Nhưng bữa nay trong quán nước Phong băn khoăn vì chàng nhất định lần này về chàng sẽ nói, chàng sẽ nói tất cả để Lan hiểu chàng, để chàng đỡ khổ, chàng sẽ thổ lộ hết dù là sau đó Lan đuổi chàng đi!

Sau vụ hè, Lan cũng đã về ấp ở cùng bố mẹ, nên tới ấp là Phong chỉ đợi cơ hội ngỏ lời. Suốt buổi sáng hôm sau Phong băn khoăn thơ thẩn ngoài vườn để mong em ra...

Vô tình Lan ra! Thấy Phong đương ngồi một mình, nàng tươi cười hỏi:

– Anh ngồi làm gì đấy?

– À, anh đương nghĩ đến những giấc mơ... dạo này anh mơ thấy em luôn...

"Thế à? em thì em chả mơ thấy anh bao giờ"... Lan thản nhiên đáp làm Phong cụt hứng không dám nói nữa. Nhưng thật ra thì cũng có đôi lần nàng mơ thấy Phong; biết anh yêu mình, Lan phải nói thế để ngăn anh đừng đi quá nữa, vì nàng cũng sợ biết đâu rồi ra nàng không sa ngã! Bao giờ Lan cũng chỉ muốn yêu Phong như một người anh, nhưng từ cái buổi tối đọc truyện, Lan tự thấy sợ cả mình, bản tính hay thương người, lòng mềm như tơ, nàng thương hại người anh nhu mì đắm đuối mà nàng biết đã vì nàng mà khổ sở. Nhưng biết, nàng cũng chỉ biết vậy lấy một mình thôi!...

Phong lại ra về lại tự nhủ: "Lần sau ta phải nhất định nói, nhất định!" – cứ như thế mãi mà chưa bao giờ chàng dám nói thẳng; rồi một hôm trong lúc ra về Phong đưa cho Lan một cuốn tiểu thuyết và dặn: "Truyện hay lắm đấy, thế nào em cũng đọc nhé". Nói rồi chàng hốt hoảng hấp tấp đi ngay vì trong đó Phong có để một lá thư ngỏ tình yêu. Phong có học gì đâu những ngày mong đợi ấy, chàng chỉ ngày hai buổi đạp xe đạp lên bờ hồ Tây ngồi gọi tên em để lúc về vội vàng hỏi thằng nhỏ:

– Có thư nào của tao không?

Bao hôm thằng nhỏ vô tội của chàng đều trả lời: "Thưa cậu không"; những lúc đó chàng thường cáu gắt ầm lên, và có lần chàng túm lấy nó giận dữ hét lớn:

– Sao lại không có?

Bút rứt không đợi mãi được nữa, một hôm Phong lo sợ trở về quê Lan. Khi đi vào phòng Lan thấy em đương bình thản ngồi, chưa biết thế nào, Phong đành ngồi xuống nói chuyện bâng quơ. Có một lúc Lan vui tươi ngẩng lên hỏi Phong:

– Hôm nọ em thấy cậu mợ em nói là hai bác định hỏi vợ cho anh phải không?" Phong vội si ngây phản đối:

– Không khi nào anh lấy vợ!... Không khi nào!... Em đã đọc cuốn truyện anh đưa cho em chưa?...

– Chưa,... nhưng lấy là phải chứ anh, em nghe nói cô ấy lại có tiếng là đẹp nhất trường cơ đấy mà...

– Nhưng anh đã yêu một người khác, anh đã tìm thấy một người hơn cô ấy thì em nghĩ sao, em có muốn biết người ấy không?...

Thấy mắt anh nhìn mình si đặc, biết là anh cốt ám chỉ mình, Lan cúi đầu không đáp. Được đà, Phong say sưa gọi:

– "Em Lan, anh yêu em"... Phong vừa nói vừa điên dại ôm lấy Lan nghiến ngấu hôn lên môi! Lan tính nết yên lành, không ưa bao giờ to tiếng cùng ai, nên tuy không yêu Phong nàng cũng chỉ khóc và khẽ đẩy:

– Anh đi ra đi, anh đi ra đi...

Lan tránh mặt Phong suốt ngày hôm đó làm Phong thất vọng trở về! Thấy Phong khốn khổ ra về, Lan đứng trong buồng ái ngại trông theo, lòng cũng thấy buồn thương người anh lầm lỡ. Nàng chỉ chép miệng:

– Biết làm sao...

Lên trên xe lửa, Phong ngồi thừ như người mất hồn. Về tới nhà chàng vật vã mãi đêm hôm ấy, chàng muốn trong một phút trời đất tiêu diệt hết đi! Còn gì nữa mà hy vọng! Từ nay đã hết!...

Từ ngày chia rẽ đã mấy tháng qua, Phong vẫn muốn quên, vẫn muốn tìm tình yêu khác, nhưng đâu có dễ thế! Đã bao lần Phong

gắt gỏng than thở với Đông (người anh họ con chú con bác với Phong) rằng: "Ở cái xã hội thay đổi của ta nay khó khăn quá, muốn tìm một người bạn gái để gần gũi cũng khó chứ đừng nói đến người yêu!" Mỗi lần nói Phong lại hậm hực tức tối. Dần dần tình yêu cũng tạm nguôi bên lòng,... nhưng Phong vẫn không quên! "Ừ, chẳng thà Lan đuổi anh, mắng anh, tát anh!" nhưng không, Lan chỉ khẽ khóc "anh đi ra đi! anh đi ra đi!".

Ngày tháng trôi qua, mà Phong vẫn không dám trở lại nhà Lan. Cho tới một hôm cuối năm, Lan đi cùng cha mẹ lên Hà Nội sắm Tết. Gặp anh, Lan vui mừng sung sướng; nàng vẫn yêu Phong như một người anh mặc dầu anh có lầm lỗi. Thấy Lan vui tươi như chưa có chuyện gì xẩy ra, Phong quên hết lo buồn ngay; và bao câu chàng định sẽ nói, bao điều chàng lo lắng tính suốt bấy lâu nay đều tan biến trước nụ cười tươi tắn của Lan. Phong lại ngoan ngoãn nói chuyện để mong một ngày khác trở lại nhà em...

Và Phong đã trở lại! Sau Tết chàng lại luôn luôn về Nam – Nhưng ở gần, tình yêu lại bùng cháy!... một chiều trong vườn yên lặng Phong lại tha thiết xin Lan cho chàng được phép yêu...

– Anh không mong gì hơn nữa, em hãy cho anh được phép yêu em như từ trước tới nay... Em cũng biết anh khổ sở bao tháng nay, nếu em đuổi anh thì anh sẽ chết mất... Lan, em nghĩ sao em?...

Thấy mắt Phong hoắm sâu vì ái tình nung nấu, Lan đau đớn chớp mau nhìn đi ái ngại nói:

– Em còn biết nghĩ sao...

Trong bóng mát yên tịnh của buổi chiều thôn dã, Phong khẽ kéo Lan vào lòng:

– Anh muốn chết vì em... Anh sẽ yêu em đến tận chiều, chiều của đời anh...

Lúc đó thật Phong muốn chết vì em, vì tình yêu đã mang một tâm hồn nghệ sĩ, Phong không thể không yêu đến mê man đắm đuối! Nhưng Lan, nàng còn biết nghĩ sao cho được! Dưới khuôn mặt dịu dàng ấy đã ẩn một tâm hồn sẵn sàng an phận, một tâm hồn Việt Nam,... dù trời có bắt rồi ra phải qua những cơn giông tố của đời, chắc Lan cũng chỉ yên lặng cúi đầu trước số mệnh! Tính quen nhẹ

nhàng, chưa từng biết công phẫn, nên tuy không yêu Phong, Lan cũng lặng yên để mặc cho anh yêu mình sốt sắng.

Sau đó ít lâu thì Phong thôi học về ấp ở với bố mẹ; từ nơi ấy luôn luôn chàng trở về Nam. Nhà giầu, mẹ chàng chỉ có hai con trai mà chàng là út nên cũng mặc cho chàng muốn làm gì thì làm. Suốt ngày Phong ngồi trong phòng ghi lên quyển nhật ký những nỗi lòng rung động, cùng viết thư cho Lan; lần nào chàng cũng trách nàng không viết thư cho mình hoặc viết ít quá. Viết đến nhức óc, Phong lại ra bờ sông ngồi trên mỏm cát mà trước đã có lần chàng chỉ ánh trăng trên làn nước bảo Lan: "Kìa em trông ánh trăng vàng chảy theo dòng nước." Phong đặt tên chỗ đó là "Mỏm cát tình yêu". Xa thì thế, đến lúc gần gũi thì Phong than thở giận dỗi, cùng đòi hỏi đến điều. Phong yêu rất mãnh liệt, yêu tan nát, Đại dương còn có bến chứ tình anh không bờ! Có bận đã ôm Lan trong tay, Phong còn mê mải hỏi:

– Em có yêu anh không?

Lan lo lắng không hiểu được tại sao đương ôm mình trong tay mà Phong còn cứ hỏi thế, nhưng nàng cũng mang máng nhận thấy là Phong yêu mình nhiều quá,... nàng đâm ra sợ! Thật tình yêu đã ăn mạnh sâu vào lòng Phong quá lắm rồi. – Đối với Phong tình yêu là tất cả, ngoài ra chàng không cần gì ở đời này, sẵn sàng quên hết! Phong sống với một đời khác những người chung quanh xa lắm, luôn luôn chàng mơ màng mỉm cười một mình với những cảnh mà không ai thấy được. Tuy biết là không có lối ra trong vườn tình cấm đoán, nhưng lòng trai vẫn coi khinh mọi sự nguy hiểm và luôn luôn hy vọng. – Xem chớp bóng về, Phong mơ tưởng những cảnh động đất rùng rợn mà cuối cùng cả họ đều chết, chỉ riêng chàng và Lan sống để cùng nhau sung sướng trong hạnh phúc gia đình suốt đời. Có lần điên dại, Phong bảo với em:

– Hay anh lấy ở nhà một số tiền lớn, rồi chúng ta cùng nhau đi sống nơi khác... Em có bằng lòng không?

Nhưng bao giờ Lan cũng lắc đầu; nàng chỉ yêu Phong vì thương hại, khi nào nàng lại có thể bỏ mẹ mà đi, khi nào nàng lại làm cái việc xấu xa ấy!... không... không thể...

Nhưng lâu,... lâu dần, một hôm Lan chợt lo âu khi nhận thấy mình đương đứng mong người phu trạm đưa thư anh tới: Lan cũng đã yêu!... Trời! thấy anh yêu mình một cách mãnh liệt lạ lùng quá, Lan đâm ra sợ – nhưng rồi sau... sau nàng cũng thấy mang mang yêu lại! Những lúc ấy nàng thấy buồn vô cùng! vì biết trước mối tình sẽ dang dở, nàng chỉ khóc một mình thôi. Tuy làm mặt thờ ơ những lúc có Phong quấn quít ở bên, nhưng kỳ thực nàng cũng bắt đầu thấy say đắm dưới đôi chiếc hôn mê mải nồng nàn. Tình yêu đã đến bất ngờ trong nàng, làm sao mà dẹp cho được,... Lan chỉ biết xếp những thư của Phong vào một chiếc hộp đẹp để cất tận đáy hòm, rồi thổn thức khóc một mình.

Lan vẫn sợ một ngày kia tình yêu sẽ ăn sâu vào tâm hồn, và muốn khỏi đau khổ vô ích nên nàng luôn luôn khuyên Phong trở lại con đường ngay thẳng cùng quên nhau đi – Đã có lần nàng van:

– Anh đừng nên làm rối cuộc đời em làm gì... Em xin anh... Anh nên quên em đi!

Nhưng lẽ phải thắng sao được ái tình! Bao lời khuyên cũng chẳng dẹp được lửa tình đang bừng cháy trong lòng Phong. Đối với cõi lòng mê say của Phong, những lẽ phải nhiều khi không là lẽ phải nữa: đã có lần đi ngoài phố tỉnh Nam, Lan chỉ bảo Phong đừng nắm tay nàng, e người ngoài người ta dị nghị mà cũng đã làm Phong khổ sở tức giận mãi. "Anh cần gì "người ta", anh yêu, anh có sợ ai nhìn đâu!"

Rồi một bữa đến. Muốn khỏi bước quá vào vòng tình đau khổ, Lan nhận lời hỏi của một chàng trai xa lạ. Biết được tin đó, Phong chết hẳn cõi lòng, chàng thức thâu đêm viết cho Lan những bức thư lâm ly, cùng viết những dòng nhật ký đầy nước mắt; chàng phi ngựa như bay đến những nơi nàng đã đặt bước trước kia, hoặc lấy xe hơi lái điên cuồng – cái nhanh làm Phong say sưa, chàng thích chết nữa mà, tuy thế chàng vẫn không dám tự tử!... "Giá ô-tô đâm vào núi!" Phong thầm mong vậy. Phong như một thằng điên, có những buổi chàng đóng cửa phòng ngồi lỳ trước bàn học, nước mắt ràn rụa; chàng lặng tiếng suốt ngày, tâm hồn ấy không cần chữa, chẳng cần an ủi: Phong lỳ trước đau khổ. Đôi khi một cái bát rơi vỡ hoặc một cái thùng đứt chìm xuống đáy giếng làm mặt nước sủi tăm thường

cũng đem lại cho chàng ý tưởng chết. Và một bữa thấy tương lai quá trống rỗng buồn nản, Phong hai tay ôm lấy đầu, mắt đẫm ướt đỏ ngầu, đăm đăm nhìn gương kêu:

– Lan ơi!... Mà sao anh còn sống!

... Rồi chàng bưng mặt khóc rưng rức!... Nhưng chàng vẫn sống. Cho đến một hôm không chịu đựng được nữa, đầu tóc bơ phờ, mặt mũi hốc hác, Phong trở về nhà Lan – Lan cố tránh mặt, tuy vậy Phong cũng bắt ép được nàng ra chỗ vắng để cay chua bảo:

– Anh làm phiền em phải không? Em nói yêu anh đi, anh muốn em nói yêu anh đi một câu rồi sẽ không bao giờ anh về làm phiền em nữa...

Thấy đau lòng quá, nước mắt mọng trên mi, Lan nghẹn ngào:

– "Vâng, em yêu anh"...

Nói xong nàng òa lên khóc.

Trong vườn rộng, gió đổi mùa vẫn từng đợt thổi qua hiu hắt...

Lá úa len lén rơi rơi...

Nhiều lá tre khô tơi bời bay lững lờ theo hơi gió tản mát khắp bầu trời...

Một con chim chích chòe từ đây bay tới xà đỗ xuống vườn vắng, nó kêu lên vài tiếng khan và ngắn, rồi lặng nhẩy tìm mồi trên mặt đất có nhiều lá úa khô...

Phong vẫn đứng lặng, nét mặt đăm đăm.

Gió xào xạc trong lá cây...

Tới lúc Lan đưa khăn lau nước mắt thì con chích chòe thấy động sợ hãi vụt bay đi – nó bay thấp qua ngang các gốc cây, rồi tới đỗ xuống một góc vườn xa xa.

Gió vẫn nhẹ thổi...

Làn tóc Lan khẽ rung trước gió, có mấy sợi tóc mai ướt nước mắt dính trên gò má.

Lá khô bay đây đó, xào xạc...

Một lúc lâu sau Lan ngẩng lên bâng khuâng cất tiếng bảo:

– Thôi, anh đi về đi.

– Em đuổi anh?

Mắt hãy còn mờ lệ, Lan nhìn Phong se sẽ gật đầu mấy cái...

Trở về tới nhà, Phong vờ cáo ốm, rồi ở tịt trong phòng mấy ngày viết cho Lan một bức thư rất dài. Viết xong chàng mê si rút con dao vẫn đi rừng ra cắt ngón tay, nhỏ mấy giọt máu trên trang giấy mà chàng định là bức thư tuyệt mệnh: Phong muốn chết! Ba giờ đêm, với một lưỡi dao bén trong tay, chàng còn ngồi trước hình ảnh Lan; mắt chàng sáng quắc nhìn lưỡi dao loang loáng quay đi quay lại trong bàn tay run rẩy – Không, Phong quen cầm bút vẽ và cây đàn hơn, song đối với những tâm hồn mê mải ấy! Phong ướm để lưỡi dao lên ngực mỉm cười, tia mắt chàng như có ánh lửa, long lanh nhìn vào đêm tối bên ngoài cửa sổ như nhìn vào một thế giới xa lạ mà chàng sắp bước vào. Phong biết là mình sẽ chết đêm nay nên vẫn chậm chạp để tận hưởng những nỗi lòng thay đổi trong giờ khắc cuối cùng của đời!... Phong hơi lấy làm lạ thấy lòng yên tĩnh trước cái chết hơn khi đọc một bài thơ hay.

Vừa lúc đó chợt như đâu đây có tiếng động khiến Phong giật mình đặt dao ngồi yên lắng nghe. – Không thấy gì! Chưa hẳn yên tâm, mắt long sòng sọc, Phong đi tới bên cửa sổ nhìn ra bóng tối bên ngoài xem có ai nấp nhìn trộm mình chăng? Chỉ có gió rì rào trong lá cây, và ẩy cánh cửa khẽ đập vào mạn tường.

Gió lạnh từ cửa sổ đưa vào làm bớt cơn nóng đang bừng bừng trên má Phong; trong yên lặng của đêm trường bỗng nhiên vài kỷ niệm của tuổi nhỏ chợt trở về trong trí,... rồi những lúc yêu đương qua, nỗi đau xé hiện tại, và ngày mai!... "Có lẽ họ sẽ xôn xao, rồi họ khóc, rồi họ đưa đám mình". Đứng dừng lại trên mấy bước cuối cùng của cuộc sống, chợt trong một giây Phong lại thấy tha thiết yêu đời, cuộc đời mà chàng cần phải xa lánh! Lòng dồn dập đau khổ và hối tiếc, chàng nhếch mép cười nhạt để mặc cho nước mắt ràn rụa chảy. Một lát sau, Phong đi tới bàn, đưa tay nắm chặt lấy cán sừng, rồi chậm chạp nhìn lưỡi dao, nhìn chăm chú như đó là người ân nhân sắp cứu chàng ra ngoài vòng đau khổ..

Chẳng may vừa lúc đó có tiếng dép ở ngoài rồi tiếng mẹ gọi cửa làm Phong vội đút dao vào ngăn kéo – thì ra tiếng động ban nãy là do tự phòng mẹ Phong đưa sang. Đêm đã khuya, chợt tỉnh

dậy mà vẫn thấy bên phòng con còn chong đèn măng-sông sáng nên mẹ Phong mặc áo đi sang hỏi: "Con làm gì mà thức khuya thế?"

Phong ngồi xuống ghế quay mặt đi, đáp:

– Con học tiếng Anh.

Mẹ Phong đến bên vuốt tóc con nói:

– Khuya lắm rồi, không nên thức thế hại sức khỏe con ạ... Độ này mẹ thấy con gầy yếu lắm, ở đây có buồn thì con năng về Hà Nội mà vui chơi...

Phong muốn ôm lấy mẹ khóc ngay lúc ấy! lòng chàng hối hận và đau khổ... Ừ... giá được khóc! ừ... nhưng Phong cũng cố ngồi yên. Chờ cho mẹ ra xong, Phong tắt đèn lên giường nằm khóc suốt gần đến sáng.

Từ đó cứ cách vài ngày Phong lại đâm về Hà Nội chơi bời để tìm khuây khỏa; chàng hay đi với Đông, người anh họ cũng bằng trạc tuổi chàng. Trong những lúc quá buồn, lòng quá u uất, Phong đã thổ lộ cùng Đông hết cả mối tình u uẩn... Nhưng chưa bao giờ chàng dám nói cho Đông biết cái đêm chàng đã định!... "mà nói làm gì!"... Vô tình không biết, nên những lúc nghe Phong than thở, Đông vẫn thường an ủi:

– Rồi Phong sẽ quên mà, ai chả thế, sau rồi cũng quên, cũng hết khổ...

Nhưng lần nào Phong cũng hầm hầm cãi:

– Không, không, em biết em mà.

Những buổi chơi bời đến một giờ sáng mới về mà còn thấy Phong lang thang chưa muốn về nhà, Đông chỉ biết nhìn theo ái ngại.

Chàng trai không theo một tôn giáo nào, song đôi lúc thấy lòng trống rỗng buồn nản quá, Phong cũng cứ vào đền chùa van kêu như một kẻ tín mộ. – Mùi hương hoa trong bóng âm thầm huyền bí của các tượng Phật đã nhiều lần làm dịu được lòng chàng nung nấu – Và cũng đã lắm bận đột nhiên mắt đỏ đẫm ướt, nhưng sợ chết, Phong hốt hoảng chạy vào nhà thờ lớn như điên dại... Không khí cao siêu yên lặng của vòm nhà thờ vút thẳm cũng an ủi được chàng

nhiều; luôn luôn Phong đến quỳ trước tượng Đức Bà cầu xin: hồn chàng cần bấu víu vào một cái gì mà đời này đã không đem lại được.

Một hôm cùng Đông vào xem phòng du lịch, trông những phong cảnh xa lạ, Phong chợt có ý tưởng đi Pháp; Đông mừng thầm rằng cuộc viễn du này và những mối tình khác ở nơi quê người chắc sẽ cứu được em họ chàng thoát khỏi vòng khổ ải, Đông giục Phong về xin phép cha mẹ ngay. Mẹ Phong chiều con nên bằng lòng, nhưng bảo:

– Được, con muốn đi Tây cũng được, nhưng từ nhỏ đến giờ con đi học ở Hà Nội luôn, chả mấy khi mẹ con được gần nhau, con hãy ở đây với mẹ độ năm tháng nữa rồi con đi cũng vừa.

Nghe mẹ nói thế, Phong chỉ cúi đầu yên lặng. Trời ơi, mẹ anh không thấy sự đau khổ in lên nét mặt, hiện ra khóe mắt anh sao! Vị thuốc hay để chữa tâm hồn trọng thương, mẹ anh đã cất đi không ngờ.

Phong lại theo cuộc đời chơi bời... Ngày tháng qua đi, chàng cũng quên dần. Thấy thế Đông vẫn thường vui mừng nói một mình:

– Vết thương nào mà chẳng lành...

Tuy thế những khi ở trên ấp, ngày ngày Phong vẫn đi hái một bó hoa dại về cắm trước ảnh Lan, và sáng sáng Phong còn hay ra con sông nhỏ chảy qua cổng nhà bơi lội, chàng ưa nhào lộn. Song thỉnh thoảng có lúc đương vui tự nhiên Phong đâm ủ rũ về phòng đóng cửa suốt buổi: tâm hồn ấy chưa lành hẳn...

Có một bữa nhận được điện tín báo tin Đắc (người em họ con chú chàng) chết ở Hải Phòng, Phong cầm tờ giấy xanh, mắt đột nhiên long lanh, rồi nhếch mép cười nói:

– Thằng ấy thế mà sướng.

Nhưng rồi Phong lại bình tĩnh cưỡi ngựa đi chơi rừng núi như thường, ngày ngày chàng lại vẫn ra con sông nhỏ bơi lội cùng vui đùa nhào lộn với nước nguồn. Sống những ngày hoạt động giữa đồng núi cỏ sông, thân thể trở nên to khỏe, nồng thở gió rừng, đôi lúc vui tươi chàng mang đàn đến bên mẹ:

– Để con kéo cho mẹ nghe.

Thấy thế mẹ chàng cười vui sướng hồng cả mặt kêu:

– Con tôi mới quá!

Nhiều khi Phong còn vui vẻ chạy ra thu lúa cùng biên sổ hộ mẹ... Và có lúc hứng trí chàng xay thóc chơi như một người sung sướng...

Rồi một buổi sáng êm mát cũng như mọi ngày Phong ra sông bơi, lội – Sau một cái nhào chẳng may chạm đầu xuống cát, Phong gẫy cổ chết. Đến nay mới giết Phong đi, nhưng thật Định mệnh đã giết hồn Phong từ ngày đẩy chàng vào con đường tình ngăn cấm. Phong chết giữa năm hai mươi hai tuổi, chưa đầy hai tháng sau cái chết của Đắc, người em họ ở Hải Phòng.

Được tin dữ dội, Đông hấp tấp lên ngay. Thấy Đông tới, mẹ Phong còn kêu khóc bảo Đông:

– Em nó còn đang xin đi Tây đấy anh ạ... Thế mà đi đâu, Phong ơi!...

Đưa đám xong, Đông xin mấy bức họa do tay Phong vẽ còn treo trong phòng về làm kỷ niệm. Phòng Phong vẫn y nguyên như cũ, nhưng điều làm Đông suy nghĩ và thắc mắc nhiều là mặc dầu chàng đã lục hết cả hòm tủ mà tìm đâu chàng cũng không thấy tập thư và quyển nhật ký của Phong.

"Tai nạn bất ngờ hay cố ý?" Đông chẳng biết tin bên nào! nhưng từ đó, cứ mỗi khi đọc trên mặt báo thấy có một tai nạn nào không nguyên cớ xẩy ra thì bất giác Đông lại liên tưởng ngay tới những mối tình u uẩn ở đời...

Những lúc như vậy, chàng thường đặt tờ báo xuống, ngồi lặng yên đăm chiêu hút hết điếu thuốc này tới điếu thuốc khác; trong đăm chiêu mơ màng nhìn khói thuốc tỏa bay, đôi lúc chàng tưởng như thấy lại gương mặt đượm vẻ say sưa và liều lĩnh của người em họ xấu số.

Năm 1995

HOÀNG CẦM
(Sinh 1922)

Tên thật là Bùi Tăng Việt, sinh ngày 22-2-1922 tại làng Lạc Thổ, nay là xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Ông là con một nhà nho nghèo làm thuốc Đông y – nên ông lấy tên một vị thuốc đắng làm bút hiệu. Hoàng Cầm là một nhà thơ, nhà viết kịch và truyện, đã có tác phẩm xuất hiện trên văn đàn từ những năm 40 thế kỷ XX.

Các vở kịch Hận Nam Quan (1944) và đặc biệt là Kiều Loan (viết năm 1942, dựng năm 1945 và mãi đến 1992 mới được xuất bản thành sách – vì đương thời, bị kiểm duyệt thực dân cấm) đã làm Hoàng Cầm nổi tiếng là một tác giả sân khấu. Bài thơ Bên kia sông Đuống viết trong những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ đã đưa ông trở thành một trong những nhà thơ tiêu biểu của một giai đoạn văn học.

Tiểu thuyết ***Thoi mộng*** *được xuất bản tại Hà Nội năm 1942, do Nhà xuất bản Ngày mai.*

*

THOI MỘNG

(tiểu thuyết)

Cứ ăn cơm chiều xong là hắn đã nghĩ đến việc đi rồi. Ra ngoài sân gác, úp cái mặt nóng hổi xuống thau nước tẩm hơi lạnh của mùa thu, hắn như nghe rõ trong ấy một bản nhạc rộn ràng do tiếng piano hòa với lời rít của violon dội ngược lên hai dãy lan can một cái hí viện chật người.

Nghĩa là, thêm một lần nữa, hắn lại mê. Hắn vẫn thừa sức mê, tuy hắn đã một lần yêu đau xót và đã làm người chồng được nuông chiều như đứa trẻ sài kinh niên.

Một lần yêu đau xót?

Lâu lắm rồi. Từ ngày hắn mười bảy tuổi, đang lạc lõng và bỡ ngỡ trước cuộc đời. Được ngay người chị họ dỗ ngon, dỗ ngọt, kéo vào cái thế giới mà người ta thường gọi là thế giới thần Vệ Nữ. Vừa ở nhà trường ra, trong trí còn hun hun một mớ tư tưởng cường thịnh, mê mải, một lũ văn thơ lẳng lơ, phù phiếm, hắn được trôi ngay vào

một bến mơ, mà hương sắc nhịp nhàng theo điệu tư tưởng và thi ca đang rún rẩy trong tâm hồn. Thế là mới mười bảy tuổi, hắn đã được biết tại sao người ta lại có thể sung sướng, kiêu căng, ích kỷ vì một kẻ đàn bà. Phần hồn và phần xác anh học trò đang lúc nẩy măng gặp chỗ đâm chồi... cho đến lúc vỡ thành một tiếng gọn ghẽ: tiếng khóc. Bọt bong bóng xà phòng rướn mãi lên cao, khoe màu, khoe sắc tan vỡ lúc nào không hay. Người chị đi lấy chồng, rồi ốm, rồi chết. Một sự đời lắm chuyện như thế mà vẻn vẹn có đâu gần hai năm. Hắn đau khổ vì thương tiếc, và chỉ một li nữa thì hắn thành thi sĩ nếu không tốt lời can của những người hiểu biết đến cái giá trị bất diệt của thơ. Cả tuổi trẻ của hắn chẳng nên trò trống gì vì tháng ngày lần lượt bay vèo trong nhớ thương... Ông cụ thân sinh ra hắn cũng biết vậy, bà vợ ông cụ ấy cũng biết vậy, nghĩ ái ngại cho thằng con trai, bèn lấy vợ cho con. Ông bố nhà nho mà cũng khá sâu sắc về khoa tâm lý: dạm cho hắn một con vợ xinh đẹp và học thức hơn người yêu thứ nhất của hắn. Cái ngày hai người già bàn với con đến chuyện cưới xin, hắn chép miệng:

– Thày đẻ muốn làm gì cho đời con, con cũng xin vâng. Cái giá trị của cô Phương mà thày đẻ sắp đem về làm vợ con đó cũng ngang với giá trị một cô đĩ Tũn chân lấm tay bùn. Thày đẻ đã bằng lòng, con cũng bằng lòng.

Ông cụ biết tính con, biết tình con, mỉm cười, cứ đi dạm hỏi cô Phương cho hắn, rồi sêu tết chăm chỉ, thời kỳ vị hôn kéo dài như một con sông trăng. Một năm, hai năm, thành ra hắn sốt ruột. Rồi một buổi chiều mùa rét, hắn nằng nặc đòi bố mẹ phải định ngày cưới đi...

– Kẻo con không chịu được. Vả lại, thiên hạ người ta bàn ra tán vào nhiều rồi.

Cô Phương về làm vợ hắn. Đâu chưa được hai tháng mà chút tình xưa, hắn đã coi như một chuyện xa xôi, lờ mờ, một cổ tích. Vì Phương thật hoàn hảo. Chỉ có một tội là nghèo thôi. Nhưng cả hai gia đình cùng ít lưu tâm đến tiền bạc. Kiếm ít, tiêu ít hơn, lòng lúc nào cũng thanh thản, như thế đủ sung sướng chán. Hắn cũng nghĩ như vậy, nên ròng rã một năm trời, hắn không tìm việc gì làm, sống êm lặng trong tình yêu thương lúc nào cũng dịu dàng của người vợ

ngoan. Cùng là con nhà nho, cái học cái biết lại ngang nhau, nên đôi vợ chồng ấy đã xây thành một cái tổ khả dĩ làm cho những người chung quanh ao ước. *"Tương kính như tân"*[1], hơn nữa, họ còn yêu nhau như một cặp tình nhân. Bên cạnh họ có một tủ sách quý. Ngoài việc bếp nước, nhà cửa, Phương được thư thả lúc nào lại đọc sách với chồng. Cái đôi ấy là một đôi lý tưởng trong tiểu thuyết vậy.

Thấm thoát... hai năm. Một thằng bé con ra đời, hắn bắt đầu lo lo, tuy trên môi người vợ đẹp lúc nào cũng sẵn một nụ cười tươi. Giữa mùi thơm nhạt nhạt của gia đình, tình yêu ngày nào cũng thắm như buổi đầu, vậy mà hắn buộc phải chạy ra thành phố Hà Nội tìm việc làm, để giúp thêm cho ông bố, bà mẹ:

– Cửa hàng thuốc độ này ế lắm. Thày già rồi, cũng chẳng bôn ba làm gì. Con chịu khó ra ngoài ấy làm ăn, gửi tiền về, thêm vào sự chi tiêu trong gia đình. Chứ tiền thày kiếm hàng tháng chỉ đủ mua ngày hai bữa rau thôi...

Một buổi trưa, Phương bế con ra ga, cười, tiễn chồng đi... đi ra Hà Nội... để hắn có thêm một tình yêu nữa... một tình yêu vu vơ nhưng có vẻ sâu xa, đè nặng lên lòng hắn như một bóng ma quỷ...

Hắn thở dài thật mạnh qua chiếc khăn mặt bông vàng ố và nhầy nhụa. Chậu nước đã ngầu lên, để nổi một lớp bọt nhỏ li ti kết lại thành một cái bè làm toàn bằng chất bẩn của một bộ mặt lười...

Nước mát thấm qua da thịt như đã ướp được vào linh hồn. Hắn ngẩng nhìn bầu trời đầu thu. Bóng dáng Bồng Thi trong cốt cách một bà công chúa phất lên màu lá mạ non đang mỗi lúc một thẫm lại.

– Bồng Thi! ơi! Bồng Thi!

Hắn đã mê Bồng Thi như họa sĩ mê chút bóng nắng kỳ ảo lảng vảng đầu ngọn cây, sắp tắt đi và không còn mong được nhìn thấy bao giờ. Cứ mỗi lần hắn tự vấn:

– Mình nhớ Thi thực sao?

Thì hắn bỗng khổ sở như vừa bị ai lấy mất một cái gì quý báu vô cùng.

---

1. Kính trọng nhau như lúc mới.

Nhưng nếu cứ để mặc tình thương mến đến tự nhiên, lặng lẽ tựa dải mây lụa hiện lên giữa màu xanh bầu trời thì ít ra hắn cũng còn thấy thu thú. Cái thú khó giải nghĩa của một anh chàng ít tuổi, đang thiết tha đặc biệt đến một ả đóng trò trên sân khấu Hà Nội. Cô ả có tí duyên, tí sắc, tí tài, hằng làm say mê già trẻ, đàn ông, đàn bà dễ tính, thích tìm đôi ba cái vui nhì nhằng và ầm ĩ.

Lần này chẳng phải lần thứ nhất hắn mê một con đào cải lương. Thuở còn học lớp nhì trong một trường kiêm bị tỉnh nhỏ, hắn đã *thích* một con bé đóng tuồng đến nỗi bỏ cả học, trốn nhà đi theo gánh hát tạm làm nghề buông phông, kéo phông để được gần một con ranh con. Phải, một con ranh con thôi, trời ạ, vì mắt nó sắc như dao, mới mười lăm tuổi đã biết nói lắm câu chọc mạnh vào tính tự ái cậu học trò, cậu bé kéo phông vừa mó đến cái áo ngoài bằng vóc Bắc Kinh gieo hột ngọc, con bé đã lườm và nói rất ngoa ngoắt.

– Mày đừng sờ bẩn áo tao. Cút đi!... Tao cứ trông thấy mặt mày là muốn phỉ nhổ rồi.

Con bé càng đanh đá, chua ngoa, cậu học trò càng yêu thêm lên. Tuy nó tức con ranh con lắm. Nó quanh quẩn đến gần con bé luôn. Trong buổng trò, đã một lần, hắn liều lĩnh hôn lên cái má thoa phấn thơm tho. Để trả lại cái hôn si mê ấy, con bé tát thằng buông phông hai cái. Nó uất quá, ứa nước mắt, khóc không thành tiếng nữa. Thử trông xem, nó xấu xí gì cho cam! Nó lại ăn mặc sạch sẽ, chững chạc như một cậu công tử. Lòng nó lại chan chứa tình yêu.

Một, hai, ba tháng. Người nhà cậu học trò đi tìm đã nhộn cả lên vẫn chưa thấy. Thằng bé vẫn lẽo đẽo theo gánh hát xuôi ngược khắp các tỉnh vùng hạ du và trung du Bắc Kỳ. Con ranh con càng ngày càng tinh quái, tàn ác. Cậu con trai càng ngày càng say mê khổ sở. Cho đến một ngày, gánh hát trở lại tỉnh nhà. Thằng bé sợ cha mẹ biết, vẫn hết sức lủi tránh. Đêm thì đóng trò – nó đã được đóng những vai phụ – ngày thì nhởn nhơ bên cạnh con ranh, trong phạm vi cái rạp hát chật hẹp và đông người ăn ngủ, không dám thò mặt ra ngoài đường, thật nó đã chịu đủ thứ nhục nhã, khốn khổ. Nhưng một hôm, biết đích con ranh con đã là "nhân tình" của một anh nhà giàu thì nó sinh chán ghét. Nó vẫn là trẻ con, nên muốn trả thù. Chứ mất công theo đuổi ngần ấy ngày mà không được một

cái gì cả thì buồn lắm. Một đêm, đêm cuối cùng của cậu bé trong cái nghề *chạy hiệu,* lừa lúc con ranh con đứng một mình, nó ôm chặt lấy, cắn một miếng thật mạnh vào má rồi nghiến răng tát con bé tưởng sụt cả hàm răng. Con bé chu chéo kêu trời kêu đất nhưng nó đã chạy biến vào bóng tối, qua chỗ cửa ra vào của tài tử đằng sau sân khấu.

Lạ lùng thay! Cái cắn ấy, cái tát ấy đánh dấu chấm hết cho tình say mê thì cũng cắt hết những sự mơ mộng hão của cậu học trò nhỏ. Đêm ấy, nó ngủ ở hiên nhà bưu điện thành phố. May lại là mùa hè nên dễ chịu. Gió mát như vỗ về. Thằng con trai tự vấn xem nó còn có thể mê con ranh nữa không. Không! Không! Trái lại nữa! Nó ghét lắm rồi. Ví dụ, lúc ấy, con bé có quỳ lạy nó, xin tơ tưởng đến nó, xin mê nó, nó cũng chẳng thèm. Vì nó ghét lắm rồi!

Hôm sau, nó mò về nhà. Sau khi hỏi đầu đuôi, bố mẹ chỉ mắng qua loa rồi tha tội cho. Nó cũng tưởng thế là yên, nào ngờ đến trưa, con ranh con – đêm đêm vẫn thường đội lốt Công Chúa, Tiên Nga, cái lốt làm bằng tơ lụa, vàng ngọc huy hoàng – con ranh con bỗng đến tận cửa nhà cậu học trò ngốc nghếch.

Con bé mặc áo cộc, quần chéo go ống cao ống thấp, đứng ngoài đường, một tay vén xếch quần, một tay xỉa xói vào nhà "thằng trời đánh thánh vật", hai cái môi cong tớn mãi lên. À, thì ra cái miệng ông trời đặt vào phía dưới bộ mặt con người không phải chỉ để làm cái cửa cho thức ăn vào trong dạ dày... Thằng bé nhận ra cái chân lý ấy sau khi được nghe đủ cả các câu chửi. Hàng phố kéo lại xem con đào cải lương đóng trò thật. Cậu con trai bị một trận đòn từa tựa như đòn hằn. Những ngọn roi do tay ông bố phân phát một cách rộng rãi lên mông đít thằng con đã dạy cho nó biết rằng chớ nên dây vào cái đỏng đảnh của những con đàn bà, dù con đàn bà ấy mới mười lăm tuổi.

Những chú lươn, chạch tím bầm nằm ngang dọc trên lưng, trên mông thằng bé chỉ ít hôm là lặn đi. Nhưng hỡi ôi! Từ đó nó không thể nào quên được ngôi sao của rạp hát tỉnh nhà. Con ranh con dần dần không ranh con nữa, ả đã thành người lớn hẳn hoi, ả giữ nghề đóng trò ít lâu rồi lấy chồng ở đâu cũng không ai biết. Cậu học trò cũng lớn lên, mỗi lúc buồn, lại gợi đến hình ảnh một cô nàng sắc

sảo, đứng ngoài đường xỉa xói vào tận mặt cái say mê đầu tiên của mình.

– Hà... à... à... à...

Hắn lại thở một hơi dài tưởng nóng được không khí. Cứ mỗi khi nhớ đến một chuyện buồn gì là y như hắn lại phào ra một tiếng thở dài tương tự.

Từ đó đến nay, hình bóng con bé trong xiêm y ngát hương một quận chúa, hoặc một ái phi hằng đến với hắn – rất thanh thoát nhẹ nhàng – vào những lúc nửa đêm, hắn chợt thức giấc mà nghe được một tiếng sáo diều lọt trong ánh trăng xa.

*

Chỗ cửa bán vé của rạp hát Mạc Lăng thật là nơi gặp gỡ của một xã hội lớp nhớp hẩu lốn các bộ mặt con người. Có những cô vợ mới, cùng chồng đi xem hát, e lệ, ngượng nghịu trong những nếp là vuông vắn, phẳng phiu của bộ quần áo mới lấy ở hòm ra, còn thoảng chút hương ngậy ngậy và sặc mùi cưới xin. Còn anh chồng thi dương dương tự đắc, vênh cái mặt ngốc nghếch lên, tưởng trong thiên hạ chỉ riêng mình có vợ đẹp. Những cặp vợ chồng gò bước vào trong rồi nhởn nhơ đến mấy ả cô đầu hoặc gái nạ dòng. Người ta có cảm tưởng cái hí viện này là một địa ngục để bọn ma quái lúc nhúc, chen chúc nhau.

Viễn hình như cũng thuộc vào bọn bệ rạc ấy. Đứng trên hiên, hắn đang mải nhìn lũ anh chị quần láng áo đen gạt mọi người ra để sấn vào mua vé. Thêm vài thằng tiểu yêu lấm la lấm lét rình cơ hội...

Ba bốn ngả đường đưa mãi người của Hà Nội đến chỗ giải trí. Quan sát chán, hắn không thể không ngắm đến chính cái thân mình. À, hắn đã chen chân trên con tàu điện chạy từ ngoại ô, đưa hắn đến chỗ ngã tư kia, nhả hắn xuống lề đường như người ta thải một vật gì. Đôi giày trắng của hắn bị những ngón chân thập phương trên xe điện in cho một lớp đất xám xỉn. Ca vát từ nhà hắn thắt chững chạc là thế mà đã lệch đi. Bộ quần áo lúc chiều vừa lấy ở thợ giặt ra, thẳng nếp là thế mà chỉ vì phải đi xe điện, nó đã nhầu gẫy, dăn deo và nhận được đôi chút dơ dáy lây ở những kẻ cùng đi

một chuyến với mình. Cái dáng con người ta kể mua cũng không đắt lắm. Giá thêm được, vài ba hào đi xe tay hoặc "xích lô" có phải vừa nhanh, vừa đỡ bực mình mà lại sạch sẽ, chững chạc không? Tìm vui, mình có để vào một ít trân trọng, cái vui mới thực toàn vẹn. Chứ lê vào rạp với bộ quần áo thế kia, hắn cho là mất vui. Tuy không ai cần để ý đến hắn làm gì.

Tiếng hòa nhạc từ trong vẳng ra, thúc giục nhiều quá. May sao cái rạp này không có tiếng trống lớn trống con, mới chập tối đã gõ inh ỏi như ở các rạp hát tỉnh nhỏ. Hắn mua vé rồi, nhưng chưa vào vì hắn bị cái ảnh Bồng Thi treo ngay phía trên nơi bán vé cám dỗ và làm hắn ngơ ngác như có sức điện thôi miên.

– Bồng Thi! Ôi! Bồng Thi!

Hắn nghển mãi lên, cái cổ ngẳng vươn đã hết cái đà của nó, để nổi rõ mấy đường gân đáng tội nghiệp vô cùng. Hắn lại cận thị, bệnh ấy mỗi ngày một nặng, nhưng không đủ tiền mua kính nên từ bao lâu hắn đành chịu thiệt thòi về cái thú ngắm những vẻ đẹp rải rác chung quanh cuộc sống của mình. Không ngày nào hắn không phàn nàn về điều đó. Phàn nàn với mình hoặc với bạn, sao lại không phàn nàn khi người ta trông rõ cả mà mình thấy cái gì cũng huyền huyền ảo ảo như trong giấc mê. Đang sống đủ xương, đủ thịt, hắn không muốn cuộc đời là giấc mê một tí nào. Hắn cần phải nhìn rõ vì hắn bẩm sinh là một kẻ tỉ mỉ, tò mò, biết thưởng thức cuộc sống và những cái xoay quanh nó một cách chậm chạp và kỹ lưỡng. Mùi vị gì bén đến đầu lưỡi cũng được hắn dò xét, phân tích, chăm chú như nhà vạn vật học. Những luồng cảm xúc đi qua bộ thần kinh không dễ tan ngay, vì hắn cố để lắng vào một cái bể sâu kín đáo nhất trong thân thể, trong linh hồn để đôi lúc nhàn tưởng, gợi ra mà say sưa như được uống một thứ rượu cũ. Cuộc sống, sự đời đến với hắn như một bông hoa luôn luôn thay màu, một bông hoa nhiều hương lạ, và nhất là... có thể ăn được. Hắn nhấm nháp từng tí, đem hết "mình" ra để nếm từng cánh, dò hỏi từng màu, du ngoạn vào từng áng hương.

Thế mà hắn cận thị thì còn gì khổ hơn nữa? Bố hắn cũng đã có lần bốc cho hắn mươi thang thuốc; mắt hắn quang quang được một dạo rồi đâu lại hoàn đấy. Vợ hắn ngăn không cho hắn đọc sách,

uống rượu, thức đêm, cũng vô ích. Mỗi ngày, cảnh đời một mờ đi. Người vợ tính đến chuyện sắm kính cho chồng nhưng hắn bảo trông dơ lắm. Vả lại, trong thời kỳ ở nhà ăn báo bố mẹ, bao nhiêu cái đẹp cái hay đã thu cả vào một người đàn bà là Phương; hắn chỉ cần nhìn có Phương thôi thì việc quái gì phải mua kính, vừa tốn tiền, vừa bận bịu.

Nhưng có xa vợ, có sống giữa mọi cái khiêu khích giác quan như ở Hà Nội này, hắn mới biết không có kính là thiệt. Thiệt nhất những khi bị vài người bạn kéo đi xem chóp bóng. Trên màn ảnh, đã đành là chỉ có những hình bóng, nhưng ít ra chúng nó cũng phải hiện đủ nét chứ! Khốn khổ cho hắn nhất là khi xem những phim màu, có vài cảnh đẹp, vài người đẹp mà hắn không nhìn rõ, không phân biệt được chỗ nào với chỗ nào. Nghe chung quanh bàn tán "Trời! Đẹp quá! Trẻ quá!", hắn cố mở đôi mắt vốn đã to sẵn, có khi hắn híp một mắt lại, nhưng vô ích: vận hết sức điện của đồng tử ra chỉ mờ thêm và thấy nhức đầu cay mắt. Uất quá, hắn đấm sẽ vào vai bạn ngồi cạnh:

– Từ nay mày đừng rủ ông đi nữa nhá! Chỉ làm khổ ông tôi!

Hoặc những buổi chiều chủ nhật, dạo quanh bờ hồ Gươm nhan nhản sắc màu, hắn đã phải thốt ra một câu chán ngán:

– Không đi chơi thì thèm như gái nghén thèm của chua, mà hồ đi ra khỏi nhà là y như thấy mình vô duyên.

Cái khổ của một anh chàng cận thị không nói hết được. Thà rằng mù hẳn chứ còn phải nhìn cuộc đời như qua một bức màn sương khói mỗi ngày một dầy thì chỉ là một hình phạt!

– Phải mua kính! Tháng sau mình phải mua cái kính.

Đã gần hai năm, không mấy ngày Viễn không nói thế. Cứ mỗi khi không nhìn thấy rõ một vật gì, hắn lại cau có:

– Nhất định phải mua cái kính.

Nhưng ngày kính viễn hạng nhẹ mới đâu năm, sáu đồng một cái hắn còn trông rõ lắm. Giá kính lên gấp đôi vừa gặp lúc hắn chỉ cần nhìn có mặt vợ. Vả lại, độ ấy, không lúc nào trong túi hắn có lấy nổi chục bạc. Hắn nghĩ:

– Ôi chà! Không kính đã chết đấy mà sợ. Chục bạc để may áo, hoặc đóng đôi giày.

Lần lữa, đôi mắt hắn mỗi ngày một hư thân mất nết thêm, đùng một cái, kính hạng xoàng đã nhảy tới cái giá ghê gớm: hơn ba chục bạc! Hơn ba chục bạc! Hơn nửa tháng lương của hắn rồi. Không lẽ hắn đình việc gửi tiền về nhà để cuối tháng mua kính. Thiếu ba chục bạc, gia đình hắn sẽ bo bíu ngay. Hắn tự an ủi:

– Thôi, chờ bao giờ giàu đã.

Bao giờ giàu? Một anh thư ký nhà buôn như hắn, bao giờ giàu? Trừ phi trúng số độc đắc.

– Ô hay! Ông này mua vé hay không mà cứ đứng chật cả chỗ!

Viễn quay lại: một lão to béo tiến lại sau lưng hắn, tay vác cái can rất cân đối với khổ người. Hắn khó chịu, khó chịu vì mình chứ không phải vì lão to béo kia. Hắn tự trách:

– Sao mình lại có thể điên rồ đến thế được nhỉ! Đi mê một ả đào tuồng đến nỗi khổ sở, để một thằng chó chết nó mắng được mình.

Bất giác, hắn lại ngước mắt nhìn lên cái ảnh Bồng Thi.

– Đẹp! Đẹp lắm! Hai con mắt tình tứ quá... Bồng Thi! Ôi! Bồng Thi, còn khối người mê! Chẳng cứ gì mình!

Trong tình cảm của người ta, chỉ một chút hơi hướm cũng đủ trút hết cho mình những cái gì thường đè nặng hàng ngày, hàng tháng, hàng năm. Huống chi trước mặt hắn có cả một cuộc hòa nhạc rộn rịp – những tiếng nhạc đêm đêm nâng đỡ lời ca của Bồng Thi – và một tấm phông mỹ thuật bao nhiêu lâu chứng kiến các điệu bộ nhịp nhàng linh động của Bồng Thi, Bồng Thi mà trong tờ chương trình, người ta dám gọi là *"nghệ sĩ"* và xưng xưng tuyên bố: *ngôi sao sáng nhất trong ca kịch trường Việt Nam.*

Viễn mỉm cười, nhìn cái ảnh Bồng Thi in kẽm lên tờ giấy xanh xanh, và tuy phải đọc những lời khoác lác bất thành cú cùng bài tóm tắt sự tích sắp diễn viết bằng lối văn cục kịch, chối tai, lối "văn" của học trò lớp ba, hắn vẫn thấy vui, cái vui thật êm ả thấm thía.

Hắn tưởng đâu như mình bỏ ra gần hai đồng bạc mua một chỗ ngồi thượng hạng là mua được ngay cả Bồng Thi nữa. Gần hai đồng bạc, hơn một ngày lương của hắn, lúc này cũng không phải là một món tiền tiêu phí gì! Bằng một số tiền như thế, được ở gần Bồng Thi những ba giờ đồng hồ, còn kêu ca vào đâu! "Con nhà lính, tính nhà quan", từ ngày biết tiêu tiền, hắn thường phung phí, coi tiền như rơm. Như vậy đã quen rồi. Chỉ vì độ này phải tính toán từng hào nên hắn thường chi tiêu như một con nhà keo kiệt. Ấy, tại cận thị hắn mới phải mua vé thượng hạng để hy vọng nhìn tỏ mặt Bồng Thi, chứ nếu thị giác hắn tốt, hoàn toàn như trời sinh, thì thể nào hắn cũng ngồi hạng bét rồi.

Tính ra đã năm đêm. Số tiền bỏ thêm vào quỹ ông chủ rạp hát đã khá to.

– Không biết mình sẽ kiếm đâu ra để bù vào đấy?

Hắn chặc lưỡi:

– Ôi dào! Hãy biết được xem Bồng Thi, sướng đã, nghĩ xa xôi, nó giảm mất vui thì làm thế nào? Cái vui ở đời hiếm lắm. Mất có chục bạc được những năm đêm vui, còn ân hận làm quái gì!

Một đôi vợ chồng trẻ xin lỗi hắn để lách vào hàng ghế trong. Viễn cau mày khó chịu vì phải nhớ đến vợ mình. Đang lúc yêu Bồng Thi đến cực điểm, hắn không muốn nhìn thấy một hình bóng nào khác. Thứ nhất, cái hình bóng khác ấy còn đẹp và đáng yêu hơn. Viễn cố để ý đến điệu nhạc để khỏi phải nghĩ vơ vẩn. Nhưng đôi vợ chồng bên cạnh không để hắn được thư thái tí nào. Họ bấm chí nhau, cười rúc rích, chán lại rủ rỉ những câu chuyện mà Viễn thấy là ngớ ngẩn. Nhất là người vợ, thật đĩ rơi đĩ rụng. Hình như ở nhà, vướng bà mẹ chồng cay nghiệt, họ không đùa được với nhau hay sao mà phải trốn đến rạp hát để vuốt ve nhau cho dễ? Hay có khi đấy không phải là vợ chồng mà chỉ là một đôi tình nhân lẩn lút? Không, đúng là vợ chồng, vì họ gọi nhau là cậu mợ, thỉnh thoảng còn đả động đến chuyện nhà cửa, gối chăn.

Viễn tức tối, muốn đổi chỗ ngồi. Nhưng hắn vẫn như dán xuống ghế. Hình ảnh một cô Phương ngoan ngoãn bế con tiễn chồng ngoài ga, hình ảnh một cô Phương đa tình mặc quần áo lụa đứng trong màn, soi đèn bắt muỗi, hình ảnh một cô Phương dịu dàng bóp trán

cho chồng mỗi khi hắn nhức đầu... cứ nhất định xô đến, đòi đuổi cái bóng Bồng Thi đi...

Viễn nhắm mắt, úp cả hai bàn tay vào mặt. Tâm trạng hắn lúc đó thực sự khó hiểu. Vẫn yêu vợ, mà hắn cố xua đuổi hình bóng vợ, để cho hồn mình thành một vườn hoa mời Bồng Thi bước vào.

Hắn lại ích kỉ đến nỗi tưởng chỉ có mình mình đem một mối tình xứng đáng gửi cho con đào tuồng, chỉ có mình mình biết thưởng thức nhan sắc và tài năng của nó, còn ngoài ra, bao nhiêu người ngồi trong rạp hát này đều là một lũ mắt thịt cả.

Có nhiều khi hình như Bồng Thi ca trên sân khấu cũng chỉ để mình hắn nghe, nó mặc áo đẹp chỉ để mình hắn ngắm.

Thiên hạ xô vào mỗi lúc một đông. Hắn từ từ nhắm mắt lại, dành sức điện của hai đồng tử để lát nữa nhìn Bồng Thi cho no. Vì mấy đêm trước, tuy ngồi ở hàng ghế đầu sát với sân khấu, hắn vẫn chưa nhận được rõ mặt con bé. Cái gì cũng phảng phất. Càng phảng phất, Bồng Thi càng thêm đẹp, thêm ảo như dáng tiên. Và càng cố nhìn, không rõ, hắn càng mê, càng say. Xưa nay, hắn vẫn là người khó tính trong việc *chấm* những sắc đẹp đàn bà. Mặt ai chỉ hơi có một nét thô là hắn đã thấy khó chịu rồi. Vậy mà từ ngày đôi mắt hắn không nhìn được xa, hắn đã nhiều khi xét lầm. Vì thế, trong một ngày, hắn bị thất vọng có đến hàng trăm lượt nếu hắn gặp hàng trăm con đàn bà. Cả đến vợ hắn nữa, một người mà thiên hạ khen ầm lên rằng đẹp, xinh hắn vẫn không được bằng lòng hẳn: vì khi Phương cười, hai má lại lúm đồng tiền có một bên... Đã nhiều khi hắn căn vặn vợ về điều đó. Chiều chồng, thỉnh thoảng Phương lại đem gương ra soi xem cái má bên trái của mình làm sao mà khi Phương cười, nó lại không lúm xuống cho chồng vui lòng. Cái bực của Viễn lây sang vợ. Dần dần, một bên má đã thành cái ám ảnh cho cả đôi. Đến nỗi Phương không dám cười hẳn nữa, chỉ dám cười nụ, cười nửa miệng.

Lần này, việc được biết Bồng Thi là cô đào hát hạng nhất cũng không đem lại cho hắn cái khoái cảm gì mới. Vì hắn có được nhìn thật rõ bộ mặt của nó đâu. Tuy chân dung con bé treo ngoài cửa có nhiều sức quyến rũ thật, nhưng hắn vẫn biết ảnh bao giờ cũng khác người. Chẳng qua được ông thợ ảnh khéo lấy ánh sáng, khéo đặt

kiểu ngồi, nên bộ mặt nó trong ảnh không có một "lỗi" nào. Còn sự mê Bồng Thi thì tự nhiên nó đến, hắn trốn không được. Cái đêm đầu tiên biết nó, là một đêm Viễn ta nhớ vợ, buồn nặng cả tấm lòng. Hắn vẩn vơ trên hè các phố Hà Nội, vô tình đi qua rạp hát, bước vào, mua vé. Hôm sau, hắn lấy làm lạ sao mình lại nhơ nhớ cái cô Bồng Thi nào đó. Nhất là lúc buổi tối, hắn cố không đi không được, hắn để mặc cho mình vơ vẩn, mặc cho tình yêu đến từng bước, đầu tiên còn ngăn ngắn, ngập ngừng rụt rè. Nhưng được bốn năm hôm liền, thôi, nó cứ việc ùa lại, như cơn bão, không có sức gì ngăn nổi, cả đến cái núi trấn phong vĩ đại là Phương. Từ trên sân khấu, đôi mắt Bồng Thi phản ánh đèn, giọi bao nhiêu tia sáng xuống lũ khán giả chăm chú. Trong khi mọi người nhìn đủ nét mặt nó thì hắn ta chỉ được nhận có hào quang của đôi mắt thôi. Khi yêu, tưởng thế cũng đủ. Và cũng chỉ cần có thế là đủ phổ vào tâm hồn hắn một tình yêu. Những người biết yêu thực, họ có cần đòi hỏi nhiều đâu. Lắm khi, họ chỉ cần một cái bóng. Thấy mình tự nhiên vô cớ đi yêu Bồng Thi, Viễn cho rằng *Duyên Nợ* muốn an bài cho cái bóng ấy phải đi qua đời mình như con bướm vàng rung rinh trên giàn thiên lý.

Màn vừa kéo lên thì tự dưng trong lòng Viễn như có một bàn tay vô hình kéo thoát hộ một cái gì u ám. Cái vui bồng lên trong một phút khiến Viễn tưởng mình đang bay.

– Bồng Thi! ơi! Bồng Thi!

Hắn kêu sẽ trong miệng như thế, không phải vì nhận rõ mặt con bé, nhưng vì Bồng Thi đã sắm vai Vương Thúy Kiều, theo đúng chương trình vở *"Đoạn Trường Tân Thanh"*.

Áng thơ của Nguyễn Du được đem lên sân khấu. Có một nhà văn kia ý chừng túng tiền hoặc muốn dương một cái oai với bọn nữ tài tử của ban hát, đã đem *Truyện Kiều* soạn thành ca kịch. Diễn ba bốn tối mới hết đời cô gái giang hồ đời Gia Tĩnh...

Màn buông xuống lần cuối. Kẻ tình nhân kia nhìn con thuyền đem người yêu của mình dần chìm vào một màn sương ở chân trời đã buồn như thế nào thì Viễn cũng buồn như thế. Cái buồn rất rộng và rất nặng.

– Hà... à... à... à...

Hắn mím môi, chớp mắt mấy cái thật mau rồi đứng dậy. Cả bọn khán giả đều trầm trầm nét mặt như đi đưa một đám tang. Hắn thấy mình là người vừa bị bóc lột: từ túi tiền đến tình cảm. Ra ngoài, ngước nhìn lên một trời thu đêm trăng mờ, sao lạnh, hắn lắc đầu, chán ngán tuy cái nhớ, cái yêu bay lên rất cao.

Người ta về gần hết. Mình hắn còn đứng trong hiên. Hắn thơ thẩn ngửng đầu ngắm mãi cái ảnh Bồng Thi khiến một nhân viên trong ban hát đứng gần cười khẩy một cái. Hắn nghĩ:

– Ừ, giá đánh cắp được ảnh con bé về treo thì may ra mỗi đêm đỡ tốn hai đồng bạc.

Nhưng may thay, đó chỉ là một ý nghĩ ngây dại không thể thực hiện được. Chân dung Bồng Thi được chằng vào tường bằng thứ dây thép cỡ lớn, và được coi sóc suốt đêm ngày bởi những con mắt cần mẫn của người làm trong rạp hát. Hắn lại nhớ đến những hình phóng đại của Bồng Thi bày trong tủ kính một vài hiệu ảnh trong thành phố. Con bé mỉm cười ngày đêm nhìn khách qua đường như muốn bảo:

– Tôi là Bồng Thi ở ban hát Mạc Lăng. Mời các quý khách đến xem. Tôi đóng trò khéo lắm.

Hắn đã dại dột vào hỏi mua để thằng chủ hiệu cười một nụ cười ranh mãnh, diếc móc. Thế ra hắn chỉ có thể bỏ mỗi tối một số tiền để được trông cái bóng thôi. Ảnh cũng là bóng nhưng thân mật hơn vì người ta có quyền, trong những lúc nằm một mình, hôn hít ngắm nghía, thế nào cũng được. Người ta có quyền chuyện trò tha hồ và tha hồ xây lên trên tấm ảnh những ý tưởng trong sáng hoặc đen tối, đứng đắn hoặc bậy bạ. Nếu là một kẻ chỉ ưa mơ mộng, thì người ta lại rủ rỉ đôi ba câu tâm sự nữa. Bồng Thi trong ảnh mở miệng cười như sẵn sàng đón lấy những lời kể lể. Và bắt chước người si tình thuở xưa, mỗi bữa cơm, hắn sẽ bày thêm lên mâm một cái bát, một đôi đũa, mời "em Thi xuống ăn cơm với anh". Như vậy, để tưởng tượng một buổi đẹp trời nào, con bé sẽ từ ảnh hạ xuống, đủ xương đủ thịt và nói vào tai hắn rằng "anh Viễn ơi! Từ nay em là nàng tiên của anh".

Nghĩ liên miên, hắn đã đến Bờ Hồ. Soát túi, chỉ còn hơn một hào, hắn chặc lưỡi:

– Cuốc bộ đến chợ Hôm mới đủ tiền đi xe về nhà...

Ánh trăng lạnh phớt trên mặt nước phẳng lặng. Sương mờ mờ gội các lùm cây, biến những chòm lá thành một lũ yêu tinh xõa tóc đợi chờ ai bên gương nước.

Những ngọn đèn phòng thủ đã khiến cho những người đi lẻ tẻ ở năm bảy ngả đường hóa thành những bóng ma chập chờn. Giờ ấy là giờ tan các nơi giải trí, lũ năm lũ ba dần dần tản mạn và khuất vào bóng tối, huyền ảo. Những đôi vợ chồng yên lặng xiết vào nhau, đi rất chậm trong mấy nẻo khuất khúc quanh bờ Hồ Gươm, mà ánh trăng nhạt nhẽo dệt cho một ít bóng lá âm thầm.

Viễn mỉm cười. Hắn dừng bước nhìn theo họ. Vì năm nảo năm nào – cái ngày hắn đang tuổi dậy thì – ở tỉnh nhỏ ra chơi Hà Nội, gặp một đêm đẹp đẽ, dạo quanh Bờ Hồ, hắn đã gặp một đôi vợ chồng trẻ im lặng đi bên nhau. Cậu con trai mười sáu tuổi tự nhiên bị mê hoặc bởi làn hương phấn mà cánh áo màu của người đàn bà vương lại. Thế là nó lững thững đi theo. Hết phố này ra phố khác, giờ nọ qua giờ kia, đôi vợ chồng ấy vẫn chưa định dừng lại ở nơi nào. Cách ba bốn bước thằng con trai vẫn lẵng nhẵng như một cái đuôi. Nói cho đúng hơn, nó đang đuổi theo một cái hình hạnh phúc. Y như hai cái tai cối xay lúa xoay tròn suốt đời không gặp được nhau. Đêm đã khuya rồi, đôi vợ chồng ấy mới chịu rẽ vào một cái cửa rộng, đi qua một khoảng vườn nhỏ rồi vào trong nhà. Họ lên gác bật đèn. Khung ánh sáng hình chữ nhật nổi lên như cái cửa đầu tiên của thế giới tịnh khí. Viễn ta đứng tựa gốc cây nhìn không chớp mắt. Bên trong cửa sổ là giường, có màn bằng tơ mỏng. Lứa vợ chồng bỏ áo ngoài ra đứng tựa cửa, nhìn xuống. Cứ gì trên trời mới có tiên! Hai cái bóng người sát nhau kia thực đã vẽ ra một cảnh êm ái mà người ta chỉ có thể tưởng tượng ở xứ tiên. Cậu bé Viễn có cảm tưởng như họ nhìn mình, thương hại mình. Hắn bèn nấp sau thân cây, chỉ thò mỗi cái mặt. Hắn há hốc miệng. Toàn thân hắn cuồng lên cho đến khi người vợ lên giường buông màn và người chồng từ từ khép hai cánh cửa thì hắn khổ sở nhất. Khung ánh sáng thu hẹp lại, thành một đường chỉ, sau hết, đường chỉ cũng biến mất. Lúc ấy, cậu con trai nghiến răng, ước gì có phép phi hành và tàng hình để nhập vào căn phòng ấy, đánh cắp người đàn bà ra, bế bổng lên một tòa

mây trắng cao vòi vọi, mà dàn tỏa tình yêu giữa cái hắt hiu của gió trăng.

Đến bây giờ, đã có vợ rồi, đã biết tình yêu là thế nào rồi, nên nhìn mấy cặp vợ chồng trên bờ Hồ Hoàn Kiếm, hắn gắng mãi vẫn không tìm lại được cái cảm giác vừa sung sướng vừa khó chịu như ngày mười sáu tuổi. Bây giờ hắn chỉ thấy bực bực. Hắn buồn cho những lứa ấy lắm. Vì nhiều khi, những cặp vợ chồng đi đôi ngoài đường không còn chuyện gì nói và thường làm bận cho nhau. Đâu còn cái tươi mát ban đầu! Tình chăn gối đã phôi pha, người ta sống gượng, vui gượng bên nhau là một sự khó tránh được. Huống chi lòng người lại hay thay đổi!

Viễn cười lên sằng sặc khi nghĩ rằng có những lứa phu thê vừa đi chơi với nhau như thế mà về nhà đã cãi nhau ỏm tỏi và có phen, đánh nhau chí tử cũng chưa biết chừng.

Tuy vợ chồng hắn chưa to tiếng với nhau bao giờ nhưng hắn có một ông anh họ, chập tối vừa đưa vợ đi ăn uống vui vẻ, đến đêm đã sinh sự đánh nhau đến nỗi sáng hôm sau người vợ phải vào nằm nhà thương. Rồi thì là... bỏ nhau!

Hắn gập đôi người lại mà cười. Hắn vịn cây mà cười. Hắn ngã xuống cỏ mà cười. May sao lúc ấy, không có một ông đội xếp tóm hắn lại giam vào nhà thương điên!

Chung quanh Hồ Gươm, mấy cái rạp chiếu bóng vẫn lần lượt nhả ra hàng sốc người. Cũng như hắn, những kẻ kia vừa tỉnh một cơn mơ đầy ánh sáng và đang bồng bềnh mất vào cái rỗng tuếch của đêm khuya. Những căn nhà sẽ kẹt cửa, mở thành những vực tối om, hút lấy bao nhiêu hồn ma uể oải. Đêm khuya là một vị nữ thần tinh quái, nhịn thở nằm im, nghe ngóng những cái động cựa nhỏ bé trong thân thể mình. Khi các mớ linh hồn rầu héo đã thiu thiu trong tấm thân mát rượi ấy, nữ thần cũng lim dim rồi bỗng ngủ say đi. Làn da chỗ đen chỗ trắng phô hớ hênh lên vừng nguyệt não nùng. Thì bên trong bỗng có vài ba linh hồn sực tỉnh, sau một giấc ngủ đã bồi bổ rất nhiều. Thức giấc khi hãy còn đêm, người ta thường nghĩ đến sự đánh lừa chơi. Và gần đến sáng, nữ thần sắp vỗ cánh bay đi ngạc nhiên khi thấy mình sao mà ô uế.

*

Thi oi! Từ muôn nghìn năm trước đến muôn nghìn năm sau, những con sông trắng vẫn nằm êm lụa dưới trăng nhung, hai bên bờ san sát trúc vàng, vẫn chở tự núi rừng xa xôi về đồng bằng những hạt cát tròn xinh.

Những hạt cát tròn xinh...

"Những hạt cát tròn xinh, muôn nghìn ức triệu, thuở chưa thành cát, đã sống im, sống quên, sống lẫn lộn, ở núi, ở đồi. Bố mẹ đẻ ra, để mặc cho lũ con kết hợp với nhau, chống trọi với nắng mưa sương gió. May sao dòng nước chảy qua, đem chúng đi phiêu lưu đất lạ. Chúng lăn lộn, quay cuồng trong lòng sông, chúng trèo cao, xuống thấp, vất vả quá nên cũng không còn giây phút nào lắng nghĩ đến đời mình. Hãy biết có nước đưa đi. Nước đã rộng lòng thế kia, chắc sẽ cho mình yên nghỉ một nơi êm ấm.

Từ muôn nghìn năm trước, đến muôn nghìn năm sau những con sông trắng nằm êm lụa dưới trăng nhung, hai bên bờ san sát trúc vàng, vẫn chở tự núi rừng xa xôi về đồng bằng những hạt cát tròn xinh.

"Đến mùa thu, nước sông rút bọt về cung Thủy vương nên hai bến trắng mới ngậm ngùi dưới trăng phớt lạnh. Thi oi! Cát mịn Trúc Hà, muôn đóa linh hồn uống ánh Quảng Hàn trường dạ, đã long lanh châu ngọc, đã hóa thành châu ngọc để nằm mơ. Cùng ra đời ở lòng một con sông đại lượng, cùng được gió trăng nuôi với hằng hà hạt cát bạn bầu, cùng say một bến, cùng sầu một trời, có hai hạt yêu nhau, mê nhau và đêm trăng nào cũng nhớ nhung nhau. Tia mắt chúng, nhờ ánh trăng đã thành ra tha thiết vô cùng. Chúng lấp lánh, nghe ngóng nhau. Nhưng chúng có đi đến với nhau được bao giờ? Tính theo phép đo lường của người ta chỉ vài bước chân ngắn ngủi, nhưng đối với hai hạt phù sa ấy, thật bốn mùa xa cách nước mây! Cùng là cát, nhờ trăng là ngọc, là châu, vì yêu nhau, là lệ. Tia mắt chúng nhìn nhau qua không biết bao nhiêu tia mắt khác. Muôn nghìn ức triệu tia sáng gặp nhau, giao nhau, sóng nhau nên bến Trúc Hà mới hóa thành tấm thảm nhung của một nàng công chúa, trên đặt vô số hạt kim cương, châu ngọc. Nhưng ánh linh hồn yếu ớt không giọi được hết một bến gần. Chúng đành nằm yên chờ duyên gắn bó tự cao xa.

"Thi có nghe tiếng cát hoi hóp nghìn khuya? Tiếng gọi nỉ non thu nào cũng nhạt trong điệu gió, nhòa trong nhạc sông, chắc rằng không có buổi nguôi quên, em ạ.

"Vậy thì đêm qua, NGƯỜI thương đôi hạt quá chung tình, sang bến Trúc Hà tìm đôi hạt lựa tình đẹp lứa. Bàn tay NGƯỜI nâng cát, hai hạt long lanh chạy xô vào lòng bàn tay. Chúng hôn nhau, nép vào nhau, nhìn nhau bỡ ngỡ và mê loạn. Chúng nằm im hồi hộp đợi khi lại cách xa sau vài phút mê cuồng. Nhưng không, từ đó chúng bình yên, vì bàn tay NGƯỜI đã khép hai đóa linh hồn trong sáng thơm tho, bàn tay dâng mối tình phù sa ấy lên trời xanh huyền ảo... Trong lòng tay của Người chúng mơ bóng mây nghìn năm sau, nhớ nắng nghìn năm cũ, rồi giao ước tình duyên, chúng sẽ phỉ nguyền...

"... Dưới kia, những con sông trắng nằm êm lụa dưới trăng nhung, hai bên bờ san sát trúc vàng, vẫn chở tự núi rừng xa xôi về đồng bằng những hạt cát tròn xinh...

"Bồng Thi ơi! Tôi với em, hai nẻo rất gần, tình tôi rất xa, cách chừng nước mây bốn mùa hoa cỏ, chúng ta cũng chỉ là hai hạt cát trắng dưới trăng xanh trên bến Trúc Hà. Chúng ta nằm đợi nhau. Tôi đợi Bồng Thi thì đúng hơn vì Bồng Thi nhỏ bé quá, e lệ quá. Tôi dối lòng mà không dám đoán Thi hờ hững. Vì giữa trăm nghìn ức triệu hạt phù sa, mắt tôi long lanh, mắt Thi cũng lấp lánh, tôi yêu Thi. Thi phải nhìn tôi theo một đường duyên phận vô hình. Tôi tin rằng Thi cũng biết cách Thi vài bước chân, tôi là hạt phù sa, chót dạt vào một bến với Thi, đã mê Thi rồi đó. Chúng ta nằm đợi nhau, và cùng ngước lên cái buồn lơ lửng gài vào một nhánh trúc gầy.

"Biết bao giờ trời nổi gió? Gió lộng khắp giang tân? Gió mịt mờ? Gió điên đảo, gió rít trăng khuya, gió hờn cát bãi? Gió vô cùng mà trời vẫn thẳm xanh? Gió bốc hết phù sa cho náo động không gian trong một đêm vĩnh cửu. A, Bồng Thi ơi! Bồng Thi! Trời lộng gió, trời lộng gió, chúng ta sẽ được bay lên, tới tấp cùng với xóm giềng. Nàng công chúa không tên rũ tấm thảm nhung Trúc Hà để các hạt châu khiêu vũ, ca hát. Trong khi những anh chị khác nhắm mắt mặc vần xoay, thì tôi với Thi mở rộng linh hồn, rót hào quang khắp muôn vàn lớp bụi. Bồng Thi bay tới, tôi bay tới... ta sát vai kề

điệu ái ân. Ta cùng bay trong hương uyển chuyển, ta thâu hết màu sắc, hương vị của đất trời. Ta ôm nhau ta múa, ta ca hát nỉ non, gió thấu lòng ta sẽ cho ta đậu xuống lòng bàn tay một Nữ Chúa từ bi. Bàn tay Nữ Chúa dâng lên trời xanh huyền ảo...

"Trời cao huyền ảo xiết bao ngậm ngùi.

"Không gian thanh bình, Thi ơi!...

"Hay, buổi mai kia, sóng dâng lên quá mực thường. Thi ngã vào ngọn sóng theo nước về Thủy Cung, tôi vẫn nằm yên nghe Thi khóc lên một tiếng yếu ớt. Thi lăn lộn trong lòng con sông rộng – mẹ nuôi của chúng ta – rồi một chiều nào hạnh ngộ, con nước đưa Thi đến, tôi vẫn chờ đây để mến thương. Cách nhau có vài bước chân người, mà tôi muốn được ôm ấp Thi, chỉ dám cầu mong ở sóng. Yếu mềm và chua xót bao nhiêu!

"Hay... sang mùa động bể, náo nguồn, sấm chớp rồn mau, không gian sầm tối, chúng ta cùng tê tái đợi chờ cái phút trở về, cái kiếp hóa sinh. Mặt sông nghiêng ngửa, úp chụp hồn ta. Tôi đây, Thi kia cùng bị cuốn xuống dòng nước lạnh. Qua những vực tối, tôi sẽ tìm Thi, ôm Thi, ấp Thi, chúng ta xoay tròn cho vợi một mùa đông? Chúng ta lao đầu vào bất định. Sá gì lòng sông hẹp? Tôi với Thi xô nhau ra biển cả, cho khung ái tình thêm rộng, thêm xanh. Ta sẽ trùng phùng qua đại dương, ta đi tìm bến ở chân trời khác, một chân trời hương sắc hoang vu, riêng có đôi ta. Mà tìm không được bến thì tôi đưa Thi xuống điện ngọc Hải Vương, ta làm đôi minh châu cùng đậu trên tóc nàng Thủy Tiên, nàng công chúa đáy bể. Hay ta vào bụng kình ngư, hay ta tạm trú trong bọt hải yến, hay ta nằm trong bong bóng muôn màu của Long Thần thổi bềnh lên mặt biển khơi?

"Điều mơ ước cuối cùng:

"Hay một bàn tay muốt gió cao,
"Nâng tình điên dại một chiều nao.
"Chúng ta e ấp trong tay ấm,
"Xin nguyện hồn xanh phủ má đào...

"Nhưng tôi e, trời càng lộng gió, sóng sẽ dâng lên, phong ba sẽ đến, BÀN TAY liệng về... Những điều tôi mơ sẽ thành trái ngược.

Tôi ở đây, theo gió về nguồn. Thi ở kia, sóng cuốn ra bể. Và BÀN TAY không nâng đôi, chỉ nhặt một hạt phù sa ném đi xa, đến nỗi chúng ta càng cách trở... Như thế là thường chứ!

"Rồi thì, muôn nghìn năm li biệt, bao giờ tôi gặp Thi, Thi ơi! Nữ thần dù đại lượng đến đâu cũng không tài nào vượt qua được rừng núi, sông hồ, đem lứa cát về chung một chút tình trong trắng!

"Tôi sẽ mòn, mà Thi cũng sẽ phai. Ta là hạt cát, ta thành hạt bụi, bụi cũng không còn, rồi hết, hết hẳn.

"Đôi hạt phù sa không đến được với nhau, có ai ngờ đã yêu nhau bằng tất cả ánh lửa nhỏ bé của linh hồn...".

*

Mở mộng rút ngắn cho người ít tiền một nẻo đường dài. Lúc hắn gọi cửa, chuông đồng hồ ở nhà nào đó để rớt một tiếng lanh lảnh xuống cái ngõ tối tăm.

Thấy trên gác còn ánh đèn, hắn ngập ngừng không muốn gọi cửa. Vì Trình, bạn hắn, còn thức làm việc. Đã lâu, kể từ ngày đi sâu vào sự gắn bó thân thiết với Trình, hắn đâm ra nhát sợ trước người bạn ấy. Cái cớ rõ rệt nhất của sự nhát sợ là trí thông minh tai quái của Trình. Viễn không thể giấu nổi Trình một cái gì, cả đến những cái dễ giấu nhất là những ý nghĩ chưa thành hình, còn chập chững trong óc. Đã một lần Viễn loanh quanh nói dối Trình về một vấn đề tiền liên can đến cả hai người, mà bị Trình nói đốp vào mặt, Viễn tắc họng và xấu hổ tưởng có thể chết ngay được. Rồi đến chuyện làm ăn, chuyện nhà cửa, vợ con Viễn, Trình thông hiểu hơn cả hắn nữa. Trình nói câu nào là rắn đanh, đến nỗi về sau, hắn không dám giấu giếm mảy may, và trước mặt Trình, hắn thành ra một đứa bé con nhiều tội lỗi. Trình lại mắc cái tật hay nói, lúc đã nói ai bảo thôi cũng không tôi. Vì vậy, tuy là bạn mà lắm khi Viễn run sợ trước mặt Trình như trước mặt một người anh – hơn thế nữa – một ông thày nghiêm khắc.

Gió lạnh – Lại gió lạnh. Trời về khuya vô cùng âu sầu. Mùi nước cống, nước rãnh xông lên. Hắn thấy khó thở. Sợ Trình mắng, hắn muốn đi ngược lên thành phố, tìm một cái ghế ở Bờ Hồ ngủ

đến sáng. Nhưng hắn nghĩ đến con đường dài và hắn đã mỏi chân rồi. Hắn lùi ra nhìn lên gác, gọi:

– Trình! Xuống mở cửa hộ tí.

Trình ngó qua cửa sổ:

– Viễn hả? Sao về khuya thế?

Một lát, cửa mở, gượng nhẹ. Trình mắng phủ đầu:

– Mỗi ngày ông lại hư thêm lên một chút. Rồi mai kia ông cụ, bà cụ hay vợ ông có ra thấy ông ngơ ngác gầy yếu lại trách tôi không biết giữ ông.

Viễn lúng túng. Cứ lúc nào hai người đã gọi nhau bằng ông là y như chuyện thành to. Hắn lên gác, uể oải cởi áo và không bỏ giày, nằm vật xuống giường, tay vắt lên trán:

– Hà... à... à... à...

Trình lườm:

– Ông cứ giả dối với chính ông nhiều quá, thành không thoát được cái khổ. Cái khổ đáng lẽ là cái sướng; ừ, tôi hỏi ông, bốn bức tường đang đẹp, đang trắng thế kia sao ông viết mãi tên Bồng Thi lên cho nó bẩn mắt? Ông lại còn làm thơ nữa thì khổ tai khổ cả con mắt tôi lắm, ông ơi! Úi dào!

Ta với Bồng Thi hai nẻo xa,
Cách chừng mây nước bốn mùa hoa,
Là đôi hạt cát trong như ngọc,
Nằm ngước sầu treo nguyệt Trúc Hà.

Thơ với thẩn! Bồng Thi với Bồng Thi! Bồng Thi là cái quái gì mà ông mê khổ mê sở đến thế được? Cho nó có đẹp chăng nữa, có tài chăng nữa, ông cũng chỉ nên lấy cái đẹp ấy, cái tài ấy để giải trí thì hơn. Nó bán cái đời tài sắc của nó cho một thằng sẵn tiền tổ chức một ban hát. Thỉnh thoảng, ông bỏ ra vài đồng bạc mua lấy một phần trăm hay một phần nghìn tài sắc ấy, thế là đủ sung sướng rồi. Làm sao lại đi mê? Cái mê này ích gì cho ông? ích gì cho nó? Chỉ lợi cho "những kẻ thứ ba". Mỗi tối lợi cho sở xe điện mấy xu, cho phu xe vài hào, lợi cho quỹ thằng chủ rạp hát gần hai đồng bạc. Nhưng thiệt thì thiệt gấp trăm. Thiệt cho vợ con ông bao nhiêu là

tiền rồi? Ông có biết khi ông vung tay tiêu bừa bãi như thế thì bà Phương ở nhà mua mớ rau miếng thịt phải mặc cả từng chinh từng xu không? Rồi tiếc mấy đồng xu, có khi ăn chẳng đầy bữa không? Thằng con ông đến vụ rét này, thiếu áo mặc đấy. Rồi vợ con ông thiệt cả tình yêu của ông nữa chứ! Tôi không muốn người đàn bà xinh đẹp hiền hậu, đảm đang ấy phải khóc một tí nào. Mỹ nhân sa lệ là một bức tranh rất thích mắt cho những kẻ yêu mỹ thuật, nhưng thường khó chịu lắm đấy, ông ạ. Lại thằng bé con khấu khỉnh như thế phải chờ đằng đẵng hằng hai ba tháng chưa được một cái hôn của ông thì tội nghiệp quá. Đấy đấy, ông lại sắp sửa nặng mặt ông ra. Ông đừng oán tôi. Tôi có quyền nói vì tôi là bạn ông. Vả lại, cái thằng đưa ông ra Hà Nội làm ăn là tôi, cái thằng bảo lĩnh hạnh kiểm ông với ông cụ, bà cụ cùng cô Phương trên ấy là tôi. Cái thằng ra đời trước ông ba năm là tôi.Cái thằng thương yêu ông cũng lại là tôi nốt. Viễn! Điếc đấy à? Ngủ đấy à? Nghe người ta nói chứ!

Hắn vùng đứng lên, cau mặt:

– Thôi, hiểu rồi! Nói ít chứ!

– Hiểu rồi! Ông hiểu thế nào? Ông hiểu mà từ hôm nọ đến nay, tôi tính ra, ông tiêu hơn chục bạc! Chỉ vì một con ranh con.

Viễn động lòng:

– Sao lại ranh con? Ông diếc tôi cứ diếc, nhưng đừng nhắc đến nó, tôi van ông.

Trình hạ bớt giọng:

– Ừ, chục bạc. Giá hôm qua chủ nhật, ông đem chục bạc ấy về Bắc. Tầu đi hai lượt mất một đồng, còn những chín đồng đưa cho vợ may sẵn cái áo rét cho thằng Kim. Hai vợ chồng được cả một ngày một đêm yêu nhau như thời kỳ mới cưới. Người ta đã có câu: *"Mới cưới không bằng ở xa về"* mà xưa nay ông là thằng mê vợ, ông biết chưa! Rồi thằng con nữa, nó sẽ toét miệng ra cười, ông cụ bà cụ thì hể hả. Giá ông lại mua thêm dăm đồng bạc quà bánh biếu mẹ vợ, mời cả hai gia đình họp mặt trong một bữa cơm thân mật, thì vui biết mấy. Bà nhạc bảo:

– Ừ, cậu ấy ra Hà Nội làm ăn trông khỏe mạnh thật. Chứ cứ quấn lấy vợ chỉ tổ mình gầy xác ve, xanh rớt như tàu lá.

Ông anh vợ khen:

– Ừ, trông con người có công ăn việc làm nó cũng khác. Thôi, chú cứ chịu thương chịu khó làm ăn, biết gắng công là vui sướng đấy.

Rồi cả nhà sẽ nhao nhao lên hỏi xem cái ăn cái ở của ông ngoài Hà Nội có dễ chịu không, ông có hay ốm vặt không. Ai thích khôi hài sẽ hỏi ông có mê gái không, có hay đi đêm chơi bời bậy bạ gì không? Cô Phương sẽ đẹp thêm ra, sẽ chiều ông như con nữ tì chau chuốt chiều một hoàng tử đa tình.

Hạnh phúc con người dễ tìm như thế, tiếc thay ông để mất. Tôi chỉ giận tôi, số long đong vất vả nên thân phận chẳng ra cái con mèo gì. Ừ, sao tôi lại không có một gia đình như ông để được yên vui một cách thẳng thắn và lâu bền? Ông bỏ cái sướng đi tìm một cái khổ mà ông nhắm mắt kêu là sướng. Bồng Thi với chả Thì Bông! Mai nhớ mua vôi quét tường đi nhá! Hay muốn chờ Hồ Xuân Hương mắng cho rồi mới quét?

Viễn bỏ giày, ra sân gác rửa chân xong vào mắc màn, đi ngủ. Thấy Trình còn lèo nhèo, hắn gắt:

– Nhưng người ta mê nó thật thì làm thế nào được! Đàn ông sao đa ngôn thế? Ông không nói dễ tôi không biết hay sao? Biết một đằng, làm một nẻo, đó là cái tính của tôi từ bé! Và thứ nhất tôi hay mê.

– Mê! Năm bảy đường mê. Mê tốn tiền là cái mê của phường tục tử. Viễn ơi! Nếu mê được như một thi sĩ thuở xưa, coi giai nhân chỉ là một nét kiều diễm suốt đời uốn nhịp nhàng trước mắt mình! Khi người ta bảo, nhan sắc mỏng manh, nhà thi sĩ ấy nhất định nhan sắc bất diệt. Đấy, mê được như thế thì hãy mê.

Viễn cười gằn:

– Vâng, ông mê được thế, còn tôi là tục tử.

Trình nghiêm trang:

– Viễn! Không nói đùa đâu! Chẳng phải tục tử với siêu nhân gì cả. Nhưng mình ít tiền, đừng dính vào mà dại. Dễ thường ông không biết rõ chung quanh con Bồng Thi có những trò gì đâu nhỉ! Biết bao nhiêu thằng nhà giàu bám sát nó để phỉnh nó, chiều nó. Vì hiện thời, nó đẹp, nó nổi tiếng. Ông tưởng riêng mình ông mê nó

thôi à? Còn chán vạn thằng mê nó gấp trăm lần ông, đêm nào cũng đi xem hoặc chực ở cửa rạp hát, chờ lúc chúng nó về, đưa một lũ đi ăn uống phè phỡn. Kết quả của sự siêng năng ấy là thế nào ông cứ đoàn lấy.

Viễn cười:

– Cái đó còn lạ gì. Nhưng tôi không thể vì những cái ấy mà không mê được.

Trình xua tay:

– Ấy, chính vì thế tôi muốn gỡ cho ông một cái mê tai hại. Ừ, hình như từ ngày được hân hạnh làm bạn với ông, tôi chưa bao giờ nói đến chuyện ăn chơi đấy nhỉ? Ông chủ ban hát Mạc Lăng chính là người trong họ tôi đấy. Nhưng họ xa nên chẳng ai cần nhận ai. Thí dụ tôi cũng mê như ông, tối nào tôi đi xem cũng được, không mất tiền, muốn ngồi đâu thì ngồi, lên cả sân khấu, vào cả buồng trò cũng được nốt.

Viễn ngớ ngẩn:

– Thế à? Sao ông không xin cho tôi cái "các"?

– Xin "các"? Bần tiện! Đến đi xem tôi còn không muốn nữa là xin các! Ca kịch trường Việt Nam hiện thời nát bét như hồ vữa. Vẫn những bức phông ấy, cảnh triều đình thì có cả cây cối. Vẫn những điệu múa hát ấy, sân khấu không có một sự cải cách gì, một sáng kiến gì. Tài tử cũng không đóng được vai gì cho phi thường, toàn nhắc lại những dáng điệu học mót từ bao giờ bao giờ. Phần nhiều họ vô học, không hiểu rõ tinh thần của vai mình đóng. Trở lên trên, người dàn cảnh, người soạn kịch đều ngu dốt, thiển cận, vô ý thức. Ôi chà! Nói nghìn năm không hết! Đi xem để giết thì giờ thì được chứ đừng hòng tìm thấy một cái gì. Đi xem, tôi chỉ thêm bực mình. Ấy thế mà vẫn có duyên với nhiều ban hát mới chết chứ. Ở gánh này, mình có họ với chủ, ở gánh kia, mình chơi bời nhì nhằng với quản lý. Rồi cả mấy người hay soạn ca kịch, mình cũng quen nữa. Biết mặt, biết tên cả mấy lão thầy tuồng.

– Thế còn chờ gì không xin hộ một cái các.

– Các! Lúc nào ông cũng quanh quẩn ở việc xin các! Có tiền hãy đi chơi, không có thì ở nhà. Đừng chơi chạc, đê tiện lắm. Nhất

là xin các cho ông, tôi càng không muốn. Thôi! Thôi! Từ mai ở nhà ngủ cho béo mắt. Quên Bồng Thi Bồng Thiếc đi. Bồng Thi là cái quái gì! Sao lại Bồng Thi! Tên cúng cơm của nó là *Tĩ, Nguyễn Thị Tĩ,* con một ông khán ông xã nào đó ở nhà quê kia. Lúc nhập vào ban hát, cái tên Tĩ xấu xí mới đổi thành Thi, và muốn thơ mộng, mới thành ra Bồng Thi. Phải! Cái tên đẹp và kêu cũng tô điểm cho người ta nhiều lắm. Chứ nhà cô Bồng Thi ấy, ăn mặc lộng lẫy là thế, phải mang danh hiệu *Nguyễn Thị Tĩ* thì thật là oan uổng.

Tôi nói thêm thế này nữa để ông thất vọng...

Trình tắt đèn, chui vào màn nằm. Viễn nói:

– Tôi không cần đòi hỏi gì sao ông tính đến chuyện thất vọng?

– Không, thất vọng là thất vọng ở ngay chính lòng ông ấy chứ! Ông thử nghĩ xem, những ngôi sao sáng của ca kịch trường Việt Nam, cái độ phong trào hát cải lương còn đang thịnh hành, họ đã kiếm được rất nhiều tiền. Vì không những họ là tài tử, họ còn quản lý gánh hát nữa. Những nhà giàu bỏ tiền nghìn bạc vạn ra mua chuộc họ. Một khi bỏ nghề, họ còn dư tiền ăn tiêu đầy đủ suốt đời. Họ chỉ lấy sân khấu làm cái vui nhất thời, chưa hẳn phải bo bo giữ lấy nghề xướng ca để nuôi thân. Nhưng còn Bồng Thi của ông? Bồng Thi với bọn gái non, lương tháng bất quá mấy chục bạc, đủ ăn đủ tiêu. Có thằng nào cao hứng biếu chúng nó tiền, cũng chỉ đủ cho mấy đứa ăn quà vài ba hôm thì nhẵn. Bây giờ, chúng nó gọi có chút duyên, có chút tài mới kiếm ăn được chứ ít lâu nữa thôi, tài mòn, sắc hết, duyên hết, lấy chồng không được, ôm nghề không xong, ông cứ chịu khó chờ đến ngày ấy mà xem. Đấy có giỏi thì đến ngày ấy, ông mê Bồng Thi đi, đón Bồng Thi về ở với mình xem nào. Ai lạ gì cái say mê của bọn đàn ông chúng mình! Say mê, nó phải lợi một tí mới được. Lợi cho con mắt, lợi cho cái tai, chẳng hạn. Đấy là nói lợi nhỏ, còn lợi to thì vô khối: tự ái, kiêu ngạo, dục tình.

Thấy hắn nằm im, quay mặt vào tường, Trình vỗ vai, lay mạnh:

– Viễn, ngủ đấy à? Hừ! đi chơi khuya cho lắm vào rồi về ngủ như chết.

– Không, không, chưa ngủ. Còn gì nữa, nói hết đi. Tôi xin nghe, âu cũng để thử xem cái mê của tôi mạnh đến bậc nào.

Đồng hồ điểm hai tiếng. Trình nói:

– Thôi, đùa đấy. Ngủ đi. Mai Viễn còn đi làm. Tôi, tôi ngủ trưa được.

Hai người im một lát. Viễn loay hoay không chợp mắt. Bực nhất là những lúc muốn ngủ mà bao nhiêu hình ảnh, bao nhiêu ý nghĩ cứ lũ lượt kéo vào trong óc. Hắn tìm mãi một kiểu nằm thích hợp, nhưng người vốn gầy nên xương đùi, xương tay, xương sườn, mỗi lúc hắn cử động được trực tiếp với chất gỗ cứng, đều kêu lên cùng cục. Hắn thở dài. Trình hỏi:

– Thế đằng ấy không ngủ đi à? Hay là nhớ Nguyễn Thị Tĩ tức *Bồng Thi* đấy?

Viễn đáp, giọng nghiêm trang:

– Ừ, nhớ thật. Nhớ quá. Ruột nó cứ nóng như lửa.

– Ông xem! Cái mê ấy đã làm cho ông khốn khổ chưa? Bây giờ ông đã biết ông thiệt nhiều chưa? Viễn ơi! Ảo ảnh! Ảo ảnh! Huyễn tưởng! Huyễn tưởng!

Hắn cười:

– Khiếp! Ông nói gì mà to tát thế?

– Chứ không ư? Phải dùng đến những chữ ảo ảnh, huyễn tưởng mới định được căn nguyên cái mê của ông. Ông cận thị là một, cái ảnh con Bồng Thi có dáng đẹp là hai, kể ra nó cũng đẹp là ba, kể ra nó hát cũng khá là bốn, ông đương xa vợ con là năm, ông chưa dứt tuổi mơ mộng là sáu, còn gì gì là bảy, là tám nữa, không kể hết. Vậy thì ông mê là mê cái bóng Bồng Thi trên sân khấu, chứ đến gần Bồng Thi, biết hết những sự thực chung quanh cuộc đời Bồng Thi, chưa chắc ông có đủ can đảm mê nó nữa. Nhưng sự thực ấy, tôi biết đủ.

Viễn tò mò, hỏi dồn:

– Biết đủ thứ gì? Thế nào? Bồng Thi làm sao?

– Hôm nào tôi đưa ông đi xem. Chúng nó sống cả trong một cái nhà rộng thuê riêng cho tài tử ở ban ngày. Chà! đấy mới gọi là ổ lợn! Từ thằng to đầu đến đứa bé tí, tranh nhau chí chóe. Quần áo tả tơi, nát nhàu, bẩn hơn rác. Da mặt đứa nào cũng lợt lợt, tái tái, bủng beo như da thị rụng. Giọng nói đứa nào cũng vướng đờm. Ấy thế mà mặc áo công chúa Mị Châu, đội lốt ái phi họ Bàng, tô

son điểm phấn, ăn đèn sân khấu rồi ưỡn à, ưỡn ẹo thì đã vô số thằng mê rồi. Anh Viễn nhà ta chẳng hạn.

Nghe bạn nói, Viễn cố tưởng tượng ra đời sống chật hẹp tối tăm của Bồng Thi, nhưng hắn càng tưởng tượng, hình ảnh Bồng Thi càng hiện đủ nét kiều diễm.

– Thôi, Trình, nói lắm cũng vô ích. Tôi vẫn mê như thường, ông ạ.

– Không, không, thức đến sáng. Lần này là lần đầu tiên và cũng là lần cuối, tôi thọc gậy vào bánh xe tình cảm của ông đây. Từ mai, tôi không nói nữa. Ông muốn mê cứ mê, muốn đi cứ đi, tiêu hết một tháng lương cũng chẳng sao. Có đến bao giờ sự thực nó đập vào mắt vào tai, bấy giờ mới biết là sự thực. Vả lại, bỏ tiền ra mua lấy một cái kinh nghiệm cũng chẳng sợ thiệt đâu.

– Kinh nghiệm cái gì?

– Về *đằng sau cái sân khấu*. Ngày tôi chưa được hân hạnh quen ông, tôi đã đi sâu vào trong ấy rồi. Vì tôi có một thằng em trai, thằng Chính ấy, ông cũng biết chứ gì – năm nay nó mười bảy, cứ cách vài tháng lại lùi lũi bỏ nhà đi một dạo. Mà đi đâu? Đi làm nghề kép tuồng. A hà hà! Thú quá! Cái lần thứ hai nó trốn nhà, một hôm mình sang Bắc Ninh nhân có bạn rủ đi xem hát, thấy đích thị ông em mũ mão oai phong lẫm liệt, ngự trên ngai vàng. Thì ra mặc quần áo tuồng vào, nó đẹp ra nhiều, ông ạ. Nhớ lúc ở nhà nó lò mò vào bếp ăn vụng từng khúc cá kho mà mình cười sặc sụa. Tôi còn nhớ lời phán của ông Hoàng Đế ấy. Hôm đó, hình như nó thủ vai Tề Quân thì phải. Nó phất ống tay áo rộng, hách dịch:"Tru...uy... ền bã... ã... ãi... trà... à... ào".

Tiếng Viễn phá ra cười ngắt quãng câu chuyện. Trình cũng cười ầm ầm, khiến cái giường rung rung tưởng sắp sụp. Một lát, Trình tiếp:

– Ấy thế rồi mình thấy thú vị quá vì ông em ca *vọng cổ, kim tiền, sàng sê, hồ quảng* cừ vô cùng. Tề Quân ghẹo cô cung nữ đâu ra đấy. Nó lột được rất đúng tinh thần một ông vua dâm đãng. Tán tỉnh cứ gọn thon lỏn, mặt thì trơ trơ tráo tráo. Tôi không ngờ đấy nhá! Không ngờ nó lại làm vừa ý khán giả đến như vậy. Mỗi câu nó nói, mỗi bài nó hát đều được tán thưởng bằng những tràng vỗ

tay dài. Rồi mình cũng không nghĩ đến việc gọi nó về với gia đình nữa... Hôm sau, tôi mò vào rạp hát chơi, thấy ông em đang hí hoáy vẽ phông. Ừ, vẽ phông, thế mới tài ba chứ. Không hiểu nó học vẽ ở đâu mà trông cũng loe loẹt ra phết, đủ làm vui lòng các khán giả hạng nhì. Từ độ ấy, tôi bắt đầu để ý đến *phần bên trong* các ban hát. Để thêm tài liệu về vở kịch nhân sinh.

Ngừng một lát, Trình tiếp:

– Ông có biết người ta thường tổ chức một ban hát thế nào không? Thu nhặt ở đầu đường xó chợ những đứa trẻ mồ côi bán nước, bán lạc rang, xem chừng đứa nào có giọng, có bộ mắt trông được là đưa về một cái trại nào đó ở nhà quê chăm nom thật kỹ lưỡng, rồi nuôi vài ba ông thày tuồng dạy chúng các bài hát,các điệu bộ, các lối đánh côn, đánh trùy, đánh gươm. Trong số đó, thật nhiều đứa sắc sảo, có duyên. Chỉ ăn với hát tối ngày, đứa nào cũng trắng , đẹp ra cả. Ăn mặc tử tế vào, bảnh chọe ngay. Chỉ sau đó vài ba năm, chúng đã trở nên bọn tài tử hành nghề giải trí cả một thành phố, những cô gái thành những ngôi sao sáng cho một số khán giả say mê, trong số đó, có cả anh Viễn của tôi nữa.

"Không phải tôi khinh bỉ hoặc chê bai gì bọn chúng đâu. Trái lại, chúng nó chính là những người tôi yêu mến. Thử hỏi, bọn lương gia tử đệ có bao giờ làm nên trò trống gì? Từ một con bé bán nước, từ một thằng bán lạc rang nhảy lên một nghề có đủ tinh hoa để người đời yêu chuộng, bọn chúng thật đáng phục và cuộc đời chúng thật đẹp đẽ – đẹp đẽ, xét theo phương diện nghệ thuật rộng rãi – siêng năng gọt rũa cho cái tài, ở bóng tối lẩn lút, xô ra ánh sáng, kiếm được khá tiền lại có danh, tôi cho thế là siêu việt rồi. Nhưng chỉ trách chúng nó là những con người mất rễ. Nhớ lại thời còn đi bán nước bán kẹo, chúng nó xấu hổ. Gặp những người đã chứng kiến cái đời sống nghèo khổ của mình, chúng nó lánh mặt. Chúng nó không có học đã đành, nhưng không có cả một tấm lòng nữa. Kiếm được bao nhiêu tiêu bấy nhiêu, không hề nghĩ đến ngày mai bao giờ. Cậy có chút tài sắc thì dương dương tự đắc. Thấy dưới chân mình loanh quanh một số đông phỉnh phờ thì cao điệu, coi trời bằng vung và tưởng mình nhất thiên hạ rồi. Chúng sống vô trật tự, cái trật tự tinh thần không nói đến làm gì, còn cuộc đời vật chất nát bét. Năm kia, năm ngoái, tôi có quen một tụi anh chị phố Huế. Họ

mến mình lắm tuy mình chẳng giàu gì. Đêm nào họ cũng tán mình đi chơi. Đề cử chỗ nào thấy mình chỉ lắc đầu, một thằng bảo:

– Này cậu, hay con đánh mối cho cậu chỗ này hẳn cậu vừa lòng. Trẻ đẹp... ăn chặt, mà lành.

Tôi hỏi: "Ai?" Nó đáp:

– À, mười hai giờ đêm nay cậu theo con đi đến rạp hát X... ở phố Y... con giới thiệu cậu với một cô nào đó, tùy ý cậu. Cậu đưa cô ta đi ăn uống, cho cô ta ít tiền tiêu rồi tha hồ... cậu ạ.

"Tôi cười. Nhưng cũng theo đi xem thằng cha nói có đúng không. Đến nơi có mấy đứa trông được thì đã có tình nhân chờ cửa đưa đi rồi. Còn lại vài con bé vô duyên, ngơ ngác, sầu tối, lũi cũi theo chủ về nhà. Tôi thấy chua chát, đau xót lạ lùng. Bắt đầu từ độ ấy, tôi không muốn nghĩ đến điều đó nữa. Lắm khi quên bẵng đi rằng ở những thành phố xa hoa vẫn còn có những ban hát.

"Không cứ gì nước mình mới có những trò ấy. Ở các xứ khác, những chỗ hí viện càng huy hoàng tráng lệ bao nhiêu thì khi ánh sáng tắt đi, càng nhiều trò ma quỷ bấy nhiêu.

"Đó, Viễn, ông đã hiểu chưa? Yêu Bồng Thi, cứ yêu, nhưng ngồi nhà mà yêu thì hơn. Bản chất ông lãng mạn lắm tôi biết. Quên Bồng Thi trong đời chỉ nhớ có Bồng Thi trong óc, Bồng Thi của riêng mình, tôi khuyên ông như vậy. Một hai ba năm cho đến mười mấy năm, ông có thể hoài niệm cái bóng dáng ấy mà bồi hồi trong giây phút".

Lúc Trình dứt lời, quờ tay sang bên cạnh, Viễn đã ngủ thiếp đi từ lúc nào.

*

Buổi sớm mùa thu với chút nắng đầy sinh lực thật là một thang thuốc bổ kiến hiệu. Viễn vặn người, đấm tay vào không khí, nhìn lên trời xanh; chưa bao giờ hắn thấy khỏe mạnh và cuộc sống tươi đẹp như thế. Chậu nước trong vắt phản chiếu sắc trời hắn tưởng như một hòn ngọc cứ đeo vào người là thấy nhẹ thênh. Những việc, những ý nghĩ, những câu chuyện đêm vừa qua, đem đối với buổi sáng rõ rệt, linh động, chỉ còn là mấy cái bóng lờ mờ, thiu thiu sắp tắt. Hình như hắn đã nằm mê thấy một người đẹp là Bồng

Thi, hình như hắn đã cãi nhau với ai về Bồng Thi. Lần lượt, những lời nói phũ phàng và sáng suốt của Trình nổi dần trong trí hắn, như từng cái tăm cá trên mặt ao phẳng lặng. Nhưng sự chỉ trích, bình phẩm của bạn nhẹ và chóng phai, không khác cái tăm cá! Bốc lên rồi tan biến, để lại một hình ảnh rõ rệt: Bồng Thi, một màu sắc đậm đà: Bồng Thi, một áng hương thơm ngát: Bồng Thi.

Hắn lẩm bẩm:

– Hừ, cái thằng Trình nó chỉ vu cáo và ngụy biện. Làm gì có những cái xấu xa ấy ở cuộc đời Bồng Thi!

Rửa mặt xong, hắn vào lục cái túi áo lấy ảnh con đào tuồng soi lên ánh sáng. Ảnh in kẽm lên giấy chương trình màu xanh, tuy không rõ lắm, nhưng vẫn là mặt một cô gái đẹp. Hắn định bụng sẽ cắt ra, dán lên một miếng bìa vàng thật dầy, treo ở đầu giường. Màu vàng, từ lâu, hắn coi là màu của sự nhớ thương trong trời đất. Vì cả tuổi trẻ, hắn bị cái *màu vàng* ghê gớm ám ảnh. Lúc người yêu thứ nhất của hắn nhắm mắt lìa đời, trên khuôn mặt khô đét vì bệnh, vẳng lên cái sắc vàng rùng rợn. Người ta mặc quần áo cho xác chết, vô tình, đem chiếc áo màu vàng phủ ra ngoài. Rồi đến cái quan tài, gỗ vàng tâm, lại vàng. Đám ma đi trong buổi sáng đầu mùa đông, vàng hoe hoe. Lại những thỏi vàng rắc trên con đường đưa đến nghĩa địa. Cho đến ngày cưới hắn, trước hôm làm lễ nghênh hôn một ngày, thấy Phương có chiếc áo kim tuyến vàng, hắn đã cẩn thận, dặn kỹ:

– Ngày mai, lúc đón dâu, Phương đừng mặc cái áo này về nhà anh nhé!

Phương không hiểu sao, tưởng là một câu nói đùa, hôm sau cứ mặc áo kim tuyến vàng về nhà chồng, vì Phương chỉ có mỗi cái áo ấy đẹp nhất và đắt tiền nhất. Anh chàng Viễn chói mắt, và chói óc. Đột hiện lên cái xác chết vàng kệch của người yêu đầu tiên. Hắn cấm vợ không được mặc áo vàng nữa, bắt vợ bán lại cho một người chị em để sắm cái khác. Màu xanh, màu nâu, màu đỏ, màu tím, màu gì cũng được, miễn là đừng màu vàng. Lâu dần, màu vàng trong tâm tưởng hắn phai hết vẻ rùng rợn ghê gớm đi, nhưng vẫn phảng phất cái nhớ thương không cùng như kết đọng lại từ muôn đời. Thi sĩ đời Đường viết: "*Hoa cúc vàng ngậm một khúc tương tư*

đằng đẵng". Thi sĩ Tây phương bảo "*nắng thu vàng giãi một miền kỷ niệm!*" Và đối với Viễn, cái bìa vàng sẽ "*treo tấm lòng cách biệt... gang tấc... quan san*".

Thêm một lần nữa, hắn định nghĩa rõ rệt cho sự cách biệt của người ta. Và bao nhiêu câu thơ thần của cổ nhân không có sức rung động bằng một hơi gió khi cái nhớ thức dậy trong lòng.

Có điều này lạ nhất trong tình yêu của hắn đối với chị đào tuồng. Hắn đã quên rất nhiều thứ: quên mình, một thằng vu vơ, đã có vợ, có con, không có quyền gì tránh bổn phận. Quên cô Phương ở tỉnh nhỏ kia vẫn giữ của hắn những cái tốt đẹp nhất của tâm hồn. Quên rằng mình phải gìn giữ cho Phương một đời tình cảm trong sáng, ngoan ngoãn; quên mình là anh thư ký gần hạng bét, tiết kiệm được xu nào hay xu ấy.

Những lúc hình ảnh ả Bồng Thi ngự vào tâm trí thì hắn tưởng chừng có thể sống với nó, yêu nó, nuôi nó, chiều chuộng nó như đã yêu, đã chiều chuộng vợ con. Giả sử – chỉ là giả sử thôi – giả sử hắn lấy con bé làm vợ, thuê một căn buồng nhỏ ở giữa cái thành phố Hà Nội này, hắn rất có thể tự coi mình là một anh con nhà giàu, giàu tiền, giàu tình, còn nguyên vẹn cái tân của một gã trai trẻ tuổi. Tân cả phần xác, lẫn phần hồn.

... Những vụ ngoại tình giấu kín tận đáy một tấm lòng bất nhân – muôn nghìn năm không ai khám phá nổi – nếu nghĩ cho kỹ, tất phải lên án nặng hơn. Ý tưởng quan trọng hơn hành vi. Hành vi là bánh xe, chịu luật xô đẩy, lôi kéo. Bánh xe quay theo máy bên trong. Không đáng trách mấy. Vì ít ra nó cũng còn minh bạch. Chứ cái vũng tối của tâm hồn trong đó đông cựa hàng bao nhiêu con sâu lông lá, đen trùi trũi, mới thật đáng hãi hùng. Các nhà thông thái còn chờ gì mà không chế ra một thứ máy khổng lồ, một thứ mấy tuyệt kỹ, khuynh đảo cả vũ trụ, đem treo lửng lơ ở các nơi có người ở đông, để ghi lấy những ý nghĩ vẩn đục của từng cá nhân. Như vậy, trước khi hành vi kịp thò ra ý tưởng đã bị trừng phạt rồi. Có thể tạo cái máy ấy thật to, cao bằng đài vô tuyến điện, dựng giữa thành phố. Làm thế nào cho sức điện trong máy hút được và thấu hiểu được luồng nhân điện, rồi cho nổi lên thành vài dòng chữ...

Đỡ được nhiều chuyện ghen tuông nực cười, đỡ được nhiều án mạng. Các bậc hiền phụ tha hồ sung sướng. Gia đình các nơi vô khối lạc thú. Tuy cái máy ấy có làm cho đời sống tình cảm của con người thành ra vô vị, nhưng ích lợi của nó thật mênh mông. Thiên hạ sẽ bớt mơ mộng đi.

Đêm nọ chồng lên đêm kia, thấm thoát đã được nửa tháng. Tối nào hắn cũng dẫn thân từ ngoại ô lên xem hát. Bàn giấy hắn nhan nhản mấy chục tờ chương trình. Trong số đó có năm cái ảnh Bồng Thi cùng một kiểu. Hắn đã cắt ra, bày thành hàng, ngắm xem có cái nào rõ nhất thì dán bìa chơi. Chỉ trong một ngày, ảnh con đào tuồng xanh thẫm dán lên nền vàng đã được lồng kính cẩn thận. Hắn nâng niu, chau truốt, mang luôn trong mình như người ta mang thẻ thuế thân. Thỉnh thoảng, hắn giở ra nhìn một tí rồi lại cất kỹ vào túi áo.

Trình cho thế là chướng mắt, anh ta không thể chịu được gã con trai có vợ con mà đi say mê một cách trẻ ranh và rởm như vậy. Một lần, Trình bảo:

– Mày si ngốc nó vừa vừa chứ. Cứ giở những trò con nít ấy ra, trong lố bịch lắm. Liệu không có tao đập mẹ nó đi rồi đừng kêu.

Hắn cười nhạt. Và trêu tức người bạn mà hắn cho là *trịch thượng*, hắn càng âu yếm với cái cảnh ấy thêm lên. Nhưng nhiều bận chính anh ta cũng hỏi mượn ảnh Bồng Thi nhìn một lúc, tấm tắc:

– Ừ, kể ra nó đẹp thật.

Viễn nở ruột nở gan, cười thẳng thắn:

– Đẹp đứt đi rồi còn kể ra với kể vào gì nữa.

– Nhưng này Viễn ạ, tao bảo thật, đốt đi thôi. Ảnh nó tình tứ thế này, mày đã mắc vào chỉ vướng thêm mà không ích lợi gì cả. Đốt. Rồi quên. Đừng tối nào cũng mò lên phố xem nữa. Mày nợ anh em trên sở hơn chục bạc rồi phải không? Đừng giấu tao, tao biết rồi. Liệu có trả được hay cứ chất đống vào đấy rồi ỳ ra? Khéo kẻo mang lụy vào đời mình. Giá tao có tao trả hộ mày, nhưng ác cái đến tháng sau mới đúng hẹn được nhận món tiền bản quyền về tập

khảo cứu. Mày ba cọc, ba đồng, lại còn phải gửi về nhà. Tao kiếm không nhất định. Thấy mày tiêu nhiều trong cái tháng này, tao ái ngại quá. Tao cũng còn lo bộ quần áo rét, nhưng thôi được, tiền mày nợ tao trả. Nhưng đừng tối nào cũng đi nhá. Hư lắm. Không chịu được, chủ nhà dưới hôm qua họ kỳ kèo, nói bóng nói gió rồi đấy. Ai lại một giờ sáng mới về, gọi cửa ầm ầm, tối nào cũng như tối nào. Điếc tai.

Thôi, đưa ảnh nó đây. Để tao đốt. Mày chắc không đang tay. Vả lại, cứ để trong túi áo, nhỡ vợ mày mò ra vớ được thì lại xảy ra chuyện ghen tuông ỏm tỏi. Vợ mày là chúa hay ghen nhưng tao chắc ở đời, chả có người đàn bà nào kính yêu chồng bằng vợ mày. Được người vợ như thế, có đứa con như thế, mà tấm lòng mày còn hướng đi chỗ khác nữa thì điên! điên vô cùng! Liệu đấy Viễn ạ, đừng đùa với cái không đáng cho mình đùa. Mày cứ tưởng tượng Bồng Thi là con nhà hạ tiện đi, đời nó thối tha rữa nát đi, tự khắc mày khinh ghét nó, mày ghê tởm nó, thế là mày nguôi. Tuy nó không đáng ghét nhưng mình cứ *giả vờ* khinh ghét, rồi tự khắc mình khinh ghét *thật*. Ở đời cũng như ở tình cảm con người, trong cái giả vờ nào cũng có một phần sự thực, cứ giả vờ mãi, lòng mình tự khắc nó uốn theo sự giả vờ. Giả vờ yêu thành yêu thực, giả vờ ngoại tình thành ngoại tình thực, giả vờ ăn cắp thành ăn cắp thực.

Cười gằn một lát, Trình tiếp, giọng nghiêm trang:

– Ông Viễn ạ. Tôi có môn thuốc chữa cho ông khỏi rứt cái bệnh mơ ước sằng. Ông là hay thế lắm. Ra đường gặp bất cứ một ả đàn bà nào hay hay là y như ông đã tơ mơ rồi. Người ta có chồng hay không có chồng, ông cũng xây được lên thân thể và linh hồn người ta một vài ý tưởng ba lăng nhăng. Tôi không hiểu trái tim ông có bao nhiêu mắt? Chừa đi, kẻo tổn thọ lắm. Tổn thọ vì sức điện trong người ông dùng toàn vào những luồng nhu cảm đi ngược thiên lý cả. Lại phao phí rất nhiều vào khoảng trống. Có lúc nào nhớ Bồng Thi chẳng hạn, ông sờ vào da, nhất là ở tay chân, ông thấy lạnh không? Người ông hình như đứng không vững nữa? Đầu ông lảo đảo thật nhẹ nhàng như uống rượu ngọt? Tim ông đập không đều? Ông thấy tức ngực, khó thở? Đó, chính là lúc nhân điện truyền thành từng luồng dài ra ngoài, những luồng điện ấy vì không gặp được một cái gì hòa hợp, nên tan mất, không có sự điều hòa, không thành

được một cái "vòng" để có thể trở về trong người mình. Nếu Bồng Thi cũng yêu ông chẳng hạn, cùng một lúc, hai đứa cùng nhớ nhau thì có một vòng điện chảy rất nhịp nhàng cân đối. Hai cái nhớ tương trợ lẫn nhau, lẽ tất nhiên tình yêu đủ hai chiều làm cho người ta khỏe mạnh, yêu đời, cả thể chất và tâm hồn đều tạo ra được những hiệu quả không ngờ. Chứ như ông, uổng phí lắm, ông ạ. Càng yêu, càng nhớ, ông chỉ hao mòn thân thể, nhức đầu, đau tim, bại thận vì nghĩ thôi.

Viễn ngắt lời:

– Nhưng lúc này, ông bảo có thuốc gì chữa cái bệnh mơ mộng sằng?

– Tôi đã nói qua với ông rồi. Phương thuốc ấy chế thuần bằng tưởng tượng. Ông hãy tưởng tượng đàn bà, hay nó cho rõ rệt, Bồng Thi, Bồng Thi chỉ là một con vật ô uế. Bỏ hết quần áo, phấn son, cho nó chạy tung tăng giữa cuộc đời chúng ta, thật không khác gì một con lợn.

Viễn che miệng, cười to:

– A ha ha! Ông Trình ơi! Ông là một ông lang rồi! Cái đó tôi cũng đã nghĩ đến từ lâu rồi, Tôi chỉ thấy Bồng Thi đẹp thêm lên thôi. Đẹp, bởi vì nó trở về với thiên nhiên. Nó càng là con vật, tôi càng mê nó hơn khi mặc xiêm áo lòe loẹt, nó thành công chúa.

Trình vẫn không tha:

– Nhưng đến điều này thì chắc ông cũng như tôi, chúng ta đều nhìn thấy rõ ràng nhá. Cái ngày tôi mới mười bảy tuổi, tôi mê một cô nương tuyệt đẹp bán tơ lụa ở trước nhà. Ông phải biết rằng Bồng Thi của ông không thấm vào đâu nhá! Cô bé này đẹp ghê lắm cơ. Tôi mê chót một tháng trời, ngày nào cũng ngồi cửa nhìn sang. Cho đến một buổi chiều, không giữ nổi nữa, tôi giắt bốn năm đồng bạc sang, định hỏi mua vài thước lụa chơi. Hình như cô ả đang ăn cơm ở nhà trong, thấy có khách, vội buông bát đũa chạy ra. Cái ngơ ngác của nó lúc bấy giờ thật xấu xí, nhưng không hề gì. Tôi đòi xem lụa, nó vừa khoe hàng tốt, vừa cười. Trời đất ơi! ở những chỗ kẽ hàng răng đều đặn của nó, chỗ dính tí rau muống, chỗ tí hành, lại có tí thịt nữa. Mà hơi thở cô ả sặc mùi nước mắm hợp với mùi gì không

tên gọi, tanh đến lộn mửa lên. Cậu bé phải vội vàng mặc cả qua quýt rồi cút thẳng.

Từ đó, trông thấy bất cứ ả đàn bà nào, tôi cũng nhớ đến cô hàng bán tơ. Rồi tuy mình không muốn mà cứ phải tưởng tượng ra rằng rau muống, hành, thịt, nước mắm sẽ theo nhau vào những cái bụng kia... ở đó, dạ dày làm việc tiêu hóa, phình lên, lép xuống rồi các thứ nước toan ọc ạch rỉ ra, nhào thành đống vữa, lợm giọng hơn mùn thớt. Nghĩ thế, mình đủ buồn nôn rồi.

Viễn nhổ nước bọt, cau mặt:

– Gớm, mày nói bậy quá!

Rồi đi chỗ khác để đỡ phải nghe.

*

Bên ngoài, trời hình như mưa. Những tiếng rào rào nghe rất quen rơi tơi tả xuống cái phố "cô đầu" lúc ấy đã vắng người. Gió bay lọt qua cửa sổ, lật tung bức tranh thủy mạc Tàu treo giữa tường bên trên cái tủ chè khảm.

Viễn nằm thu người lại:

– Ờ, cuối thu có khác. Ý chừng muốn trở rét đây. Mai phải về nhà lấy quần áo và thăm u cháu một tí.

Một cô ả đứng dậy, khép hết các cửa sổ. Trình cười gọn:

– Cũng biết nghĩ đến về nhà nữa cơ à? Tôi tưởng ông chỉ biết có cái rạp hát thôi.

Viễn cắt nghĩa:

– Ấy, cái rạp chỉ cho mình vui trong những ngày quang đãng. Còn đến những đêm mưa gió...

– Những đêm mưa gió thì phải về với vợ, chứ gì. Ha ha ha... ha ha... Hay lắm!

Hút xong điếu thuộc phiện, Trình nhổm người, hãm một hớp nước chè nóng. Rồi ngả đầu xuống chiếc gối xếp, anh ta lim dim.

Trực, người đang nằm tiêm, là bạn mới của Trình và Viễn. Biết đâu chẳng có thế, vì một đêm chơi vui trở nên thân thiết với nhau được. Nghe đâu Trực muốn bỏ vốn mở một nhà xuất bản, nhờ Trình

đứng quản lý. Anh chàng ấy cũng chẳng giàu gì, nhưng hình như mắc cái tật chơi văn, chơi sách đẹp. Trình là người khá sành sỏi trong việc in và bán sách, báo, có thể giúp Trực nên công nọ, việc kia.

Trực dẻo tay tiêm hết điếu này sang điếu khác. Chợt nhìn lên đồng hồ treo, anh ta cất tiếng gọi dõng dạc:

– Này, cô làm ơn bảo đào kép lên ca một khổ nữa rồi nghỉ. Hát với hỏng gì mà cứ chễnh mảng, thấy các cụ nằm bàn đèn lờ tịt đi thôi.

Hôm ấy, lần đầu tiên Viễn để môi đến cái dọc tẩu. Bị Trực ép mãi, hắn cũng thử kéo "xem nó ra sao"? Là người ưa tìm những cảm giác lạ, hắn suy nghĩ rồi nhất định không sợ gì một vài điếu thuốc phiện. Điếu thuốc Trực tiêm hơi to, hắn nghe chừng lao đao cả người. Thân thể hắn bồng bềnh, buồn buồn, tê tê. Qua màn khói mỏng manh, lỏng lẻo của chất thuốc độc chậm chạp êm ái nhất đời ấy, Viễn thấy cái gì cũng lắng xuống, đẹp thêm lên. Nhưng lạ nhất là tự dưng hắn thấy những người thân yêu của mình tự dưng cách xa như hai đầu thế giới. Cha mẹ vợ con rồi đến căn nhà nhỏ xinh xinh ở tỉnh xép hắn tưởng đang chìm vào một cõi mịt mờ nào. Thỉnh thoảng, hắn bỡ ngỡ, tự hỏi:

– Quái, mình cũng có gia đình cơ mà? Mình thành chồng, thành bố rồi cơ mà?

Riêng hình dáng Bồng Thi là gần. Sát lại gần. Trời ơi! Bồng Thi! Giữa cái nơi hắn gọi là ô trọc, trong những giờ hắn gọi là tan vỡ, sự nhớ đến con bé đã làm cho hắn ngơ ngẩn, buồn bã, như những dòng suối chảy giữa một phố đông người. Chợt hắn tiếc. Tiếc tối thứ bảy, sao hắn không đi xem Bồng Thi, lại chui vào cái xó kĩ viện này để thấy mình lạc lối, như con hươu sao nhốt trong khoảnh vườn bé nhỏ tàn tạ của một vị hưu quan. À, tối thứ bảy, ban hát Mạc Lăng diễn tích "*Cô gái giặt sa*" do Bồng Thi đóng vai chính đấy. Nằm say thuốc, hắn tưởng chừng trông thấy được Bồng Thi múa hát, y hệt nàng Tây Thi lả lướt du dương.

Văng vẳng lời Trực mời lúc chập tối:

– Hai anh xuống đây nghe hát với tôi. Đào hát khá, kép tài tình, hai anh muốn gì cũng được.

Viễn đã định từ chối nhưng e phụ lòng người quảng giao. Vả lại, có đến bốn năm tháng, hắn chưa được cầm roi chầu. Hắn cũng thèm. Tay đã ngọ nguậy. Tiếng phách cùng tiếng đàn đã vẳng bên tai:

– Vâng, thì đi.

Rồi chặc lưỡi:

– Bồng Thi còn của mình mãi mãi. Chứ bỏ lỡ một đêm vui do người bạn mới tổ chức, thật là không nên tí nào.

Ngoài phố khuya, mưa xem chừng nặng hạt mãi. Trận gió mở màn một mùa đông có ý thê lương. Trong cơn say, hắn nằm nghe gió như nghe phải tiếng mèo gào. Gió vùng vẫy trên cao, không gian càng chuyển động... Thuốc phiện thấm vào linh hồn, vào phủ tạng, vào các thớ thịt, thấm luôn vào cái u hoài mông mênh. Ờ dễ thường chẳng mấy năm, hắn không sống trọn một đêm cuối thu sang đông đó nhỉ! Năm nảo năm nào, thức để khóc một cô em gái chết trong tuổi mười hai tươi sáng; năm kia thức uống rượu, nhớ thương người yêu thứ nhất vừa qua đời; năm kia thức để say sưa bên người vợ mới cưới. Đến năm nay, thức bên đèn, để yêu vô cùng một ả đào tuồng... Lờ mờ hiện ra trước mặt hắn những ngọn nến, những ngọn đèn, những nén hương rực những chấm đỏ trong bóng tối. Thi thể cô em gái nằm trên giường, phía đầu và phía chân, hai ngọn nến chờn vờn ngả nghiêng. Ba que hương cắm trên bát gạo, nhả khói lất phất. Bỗng gió cuối thu mở tung cửa đóng, như một lũ âm binh xô vào, muốn cướp nốt cả thi hài. Khi ngọn nến tắt, gian buồng đen kịt lại. Duy có ba chấm đỏ đầu ba que hương bỗng sáng tía như ba mắt quỷ sứ. Trời ơi! Em gái của anh ơi! Em chết rồi sao?

Gian buồng mờ mờ tối... Bàn sách đổi thành bàn thờ: hai ngọn nến, ba nén hương. Dưới đất một mảnh chiếu, một người, một bình rượu. Cái đầu lắc lư... hai con mắt đỏ ngầu... Bóng người to lớn lảo đảo trên tường phía sau lưng. Bỗng gió cuối thu mở tung cửa đóng, như một lũ âm binh xô vào muốn cướp nốt cả mảnh hương hồn. hai ngọn nến tắt. Gian buồng đen kịt lại. Duy có ba chấm đỏ đầu ba que hương bỗng sáng tía như ba mắt quỷ sứ. Trời ơi! Người yêu của anh ơi! Em chết rồi sao?

Mùa đông nặng nề qua. Không có ai trên đời cứ sống mãi với nhớ thương. Gian buồng tắm ánh sáng phớt xanh do ánh đèn điện lọc qua lụa biếc chiếu xuống.

Lần này, gió dù điên đại đến đâu cũng không thổi tắt được đèn nữa nhé. Hai đầu người, một cái hôn... và một ly rượu đỏ. Em ơi! Người vợ của anh ơi! Em buồn ngủ rồi sao?

Hương phấn chẳng lẽ giữ mãi được duyên nồng thắm ban đầu? Tháng năm qua, phơi cái tàn phai...

Ánh đèn dầu lạc cũng khó tắt lắm gió ạ.

"Đêm nay, *cô gái giặt sa*... Bằng một giọng buồn buồn, Viễn rầu rĩ ngâm:

"Tây Thi tích nhật cán sa tân,
"Thạch thượng thanh đài, tứ sát nhân.
"Nhất khứ Cô Tô bất phục phản,
"Ngạn bàng đào lý vị thùy xuân[1]".
(Bến cũ Tây Thi ngồi giặt lụa,
Rêu xanh mặt đá, chết lòng người.
Cô Tô một chuyến đi không lại,
Đào lý đôi bờ xuân với ai[2]).

Bồng Thi hiện ra, to và cao, in lên bức tường, in lên trần nhà, lơ lửng.

Nhẹ nhàng, hắn cho tay vào túi áo trong, lấy ra cái ảnh con bé lồng vào trong miếng kính nhỏ. Hắn se sẽ đặt dựa vào chụp đèn. Và ngắm... ngắm mãi...

Trình vắt tay lên trán, thiu thiu... Cái con người hay nói, hay nói một cách thật tàn nhẫn ấy, đã đến lúc há miệng không được một lời. Sự yên lặng ảm đạm, buồn tẻ, nhất là vào thời kỳ phòng thủ, đèn trong nhà cũng che kín. Ánh sáng lọc qua mấy lượt giấy bóng tím giãi khắp nhà cái màu u uất chứa đầy hận, trông đến lúc đêm khuya, người ta không thiết làm gì nữa, không thiết nghĩ gì nữa. Con người nào lòng yếu mềm, dễ xúc động vì một điều đau khổ

---

1. Thơ Lâu Dĩnh (Đường).
2. Bài dịch của Anh Lang.

nào trong dĩ vãng, ngoài xa xôi, gặp những giờ tím ngắt này, chỉ muốn khóc cho vơi nỗi sầu.

Bỗng Trực ngồi nhỏm dậy, dang cả hai tay kéo cái trống về mình, ngồi xếp tròn, dõng dạc gọi đào kép bằng ba tiếng trống phóng thanh chói tai, nhức óc. Lũ con em đưa mắt làm hiệu cho nhau.

– Bà làm ơn cho nghe Tỳ Bà hành. Nhớ hát đủ tám câu thơ mở đầu, vì xin lỗi bà, đào hát bây giờ họ hay ăn bớt lắm.

Người kỳ nữ đứng tuổi, sầu tối và lặng lẽ, lúc ngâm hết:

Thành quạnh gần xa bóng ác tà.

rồi gieo hai lá phách con nhịp vào hai tiếng "*Canh khuya*" đã ngạc nhiên và sợ hãi khi thấy ông khách cau mặt gõ cạch cạch một thôi một hồi vào tang trống rồi vứt roi đi, nằm vật xuống.

– Bẩm quan, có điều chi thế ạ? Quan không nghe nữa sao?

Trong khi chờ đợi câu trả lời của "quan" đào kép cùng các con em đưa mắt ngơ ngác hỏi thầm nhau. Viễn, Trình cũng thấy làm lạ, nghển cổ:

– Sao thế, Trực?

Vẫn nằm, Trực nói thủng thẳng:

– Chúng tôi nghe hát là muốn nghe cho đúng. Chứ hát sai thì thà rằng thôi. Ấy biết ông bà đây đào kép lành nghề, xưa nay vẫn thận trọng, nên tôi mới nói, chứ chỗ khác, tôi cứ bảo cất trống rồi đi ngủ. Như thế đỡ mệt hơn.

Người kỹ nữ đáp:

– Dạ, chúng tôi làm cái nghề này lại có người biết nghe chỉ bảo cho thì còn gì bằng. Thưa ông, chúng tôi có điều sơ xuất ở chỗ nào ạ?

Trực ngồi lên, vơ cái điếu thuốc lào, đầu lắc lư:

– "Thành quạnh gần xa bóng ác tà..." mất hết giá trị bài thơ. Bà có biết bài thơ ấy nguyên văn của ai không?

Lão kép đỡ lời vợ:

– Thưa ông, các bà ấy phần nhiều học truyền khẩu, biết thế nào được ạ. Vả lại, cái nghề chơi ngày nay nó cũng bát nháo lắm,

các quan viên nghe cứ nghe, đánh trống cho vui tay thôi, chẳng ai hiểu gì, nên chúng tôi cũng òa uôm cho xong đi.

– Vậy thì chắc cụ biết...?

Người kép thấy một quan viên trẻ, mặc quần áo tây, dáng như một anh chủ thầu mà lại có cái giọng ngông nghênh làm bộ, đoán Trực chỉ là một anh hống hách xằng với đào hát để bắt nạt chơi. Lão bèn nạt lại:

– Dạ không, chúng tôi không được biết, ông cho nghe thì hay quá.

Trực lườm:

– Tám câu nguyên văn chữ nho là một trong tám bài "*Thu hứng*" của Đỗ Phủ.

Trực ngâm hết bài chữ nho rồi tiếp:

– Đấy, ông bà nghe thấy chưa? *Bạch đế thành cao cấp mộ trâm*. Ở thành Bạch Đế, về chiều, người ta vội vàng dồn trâm.

Lão kép mỉm cười, còn muốn vặn đến cùng:

– Dạ, thế trâm là cái gì ạ?

– Trâm là hòn gạch để chặn khung cửi. Câu ấy, người ta đã dịch:

Thành Bạch dồn trâm bóng ác tà.

Những người vợ kịp may áo rét gửi ra quan ải cho chồng nên về những buổi chiều ở thành Bạch Đế, người ta nghe thấy tiếng tới tấp dồn trâm. Ấy cái nghề hát nó phải thận trọng như vậy. Nhất là hát sai chữ, hỏng cả câu thơ của cổ nhân thì thật đáng phải phạt.

Chỗ này, Trực cười một cách độ lượng. Người kép chừng đã hiểu, bảo vợ ngâm lại tám câu dịch "Thu hứng".

Người đào hát dạo phách. Trực gọi:

– Viễn, nghe đi!

Viễn vẫn nằm:

– Thôi, anh nghe. Tôi đang say đây mà.

– Ấy, say nghe hát thơ mới thấm. Còn tôi thì mất hứng rồi. Nghe đi, để tôi tiêm cho anh cả Trình mấy điếu sái nhất nữa.

Viễn lên trống... Suốt bao nhiêu khổ của bài hành khúc trữ tình hay vào bậc nhất trong số những bài thơ đời Đường, người kép vê đàn đã lắn cả mấy đầu ngón tay, và người hát cố gắng như phải làm một việc phi thường.

Đến khổ "dựng":

Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
Tầm Dương đất trích, gối sầu hôm mai.
...

phách đổ mau như mưa như gió, đàn tuôn xuống như một suối nước băng tự đèo cao. Mà giữa đàn mau, phách rộn, tiếng hát lỏn vào, xa xôi, bi thiết... Viễn thấm được hết cái buồn của ông Tư Mã đất Giang Châu. Hắn trạnh nhớ nhà, và ở ngay Hà Nội, cách vợ con chưa đầy sáu chục cây số, hắn tưởng đâu như mình cũng bị đày ra cái bến Tầm Dương sương gió hoang vu này. Hắn muốn để rớt xuống cái nhịp phách ngừng trệ bắt vào câu hát cuối cùng "*lệ ai chan chứa hơn người*" kia một giọt nước mắt như thêm một hạt ngọc vào thơ tình yêu vượt thời gian đằng đẵng của thi ca nhân loại.

Hơi lạnh hiu hắt ướp cho nơi kỹ viện một vẻ gì rất xưa và rất xa. Dứt tiếng hát, đàn sắp ngừng, phách sắp ngừng. Viễn điểm hết cho bài thơ bằng những năm tiếng trống nghe cũng rất xa xôi.

Lại im lặng. Chỉ nghe thấy nhựa nha phiến khóc eo xèo trên ngọn lửa âu sầu.

Đã ba tháng, hắn chưa về thăm Phương. Những đêm như đêm nay, một người đàn bà như Phương ấp chiếc gối vào ngực, nghe mưa gió, chắc là khổ lắm. Và thằng con, không rõ nó đã nói được đến những câu gì rồi?

Nhưng... Bồng Thi trong ảnh nở miệng cười... Viễn lấy làm khó chịu sao hắn lại cứ phải vừa nhớ vợ con vừa yêu con bé đến tức ngực.

Mấy cô ả "đào rượu" ngồi quanh bàn đèn với ba người trẻ tuổi chừng đang ngủ gật. Trình và Trực vắt tay lên trán, nằm im. Viễn nhắm mắt, như muốn xua đuổi một cái gì đang quấy nhiễu mình.

Nhưng... bóng người áo xanh... Tấm lòng kỹ nữ... trăng nước Tầm Dương và Bồng Thi!... Trời ơi. Bồng Thi!

*

Có một dòng suối xanh như cỏ non, không biết từ đâu trôi về. Đến một vùng kia, chung quanh đồi lá thắm trên bãi cỏ xanh rờn, suối đọng thành bồn ngọc. Bờ suối: Hoa thiên hương trắng nõn, lá thiên hương vàng ánh, dài lê thê. Đã mấy mùa, chỉ có giống chim sâu cánh nâu sẫm, lất phất, xập xòe bay qua, bay lại. Suối ngọc dường như đang mơ hình ảnh nào xa, nên ngày tháng lặng lờ. Hoa lá thiên hương soi trên mặt nước, cũng chỉ thấy bóng hình mờ đi như phủ lớp sương xanh.

"Nhưng có buổi, tiết mạnh xuân. Trời đất như xây dựng lại. Ánh sáng chảy từ nguồn thiêng ào ào xô xuống hạ giới. Trong ánh sáng, hương thần pho phất; trong hương thần, nhạc muôn đời triền miên. Thì có một con chim vàng ở đâu bay qua. Suối ngọc ghi lấy hình ảnh ấy rồi nỉ non kể lể suốt đời. Và chim vàng không phải buổi nào cũng đến. Nó như tia sáng mong manh. Nó như trút hương thơm kỳ diệu. Nó như điệu nhạc chập chờn. Nó đi qua và không tính truyện về với suối. Suối đã mơ, suối đã mộng, chim vàng qua cùng với tháng ngày qua, suối khóc với hoa lá thiên hương, với dãy đồi, lá thắm. Có cái đẹp nào đọng lại đến muôn đời? Nét kỳ ngộ một phút: vẻ xinh tươi không tính đến tàn phai. Nếu chim vàng xây tổ ngay trên bờ, thì muôn nghìn năm ai hiểu rõ được ý nghĩa cao rộng và sâu thẳm của niềm mê say?

"Chim vàng, thoi mộng, loáng qua đi...

"Suối có cớ tương tư, giãi linh ồn năn nỉ khắp một dải núi rừng trầm lặng. Cành thiên hương cũng phải ngẩn ngơ. Lũ chim cánh sẫm như điều tuyệt vọng, biết bóng mình vẩn đục suối trong nên đã nằm yên trong cây lá thẫm ngàn, ngượng ngùng, sợ hãi. Dáng chim vàng, vì thế, càng xót xa. Thử xem suối ngọc lắng chiều. Trời xanh non nằm yên đáy kia, đôi ba sợi mây trắng óng ả trôi dưới kia, tất cả buổi ngày tàn kết lại thành vần thơ an ủi, và giữa vần thơ ấy: chim vàng, nhạc mộng, loáng qua hương.

"Nên con mắt người thơ muôn kiếp cứ đặt lên gương nước bình yên là y như được thấy thoi vàng thấp thoáng, tuy trên không vắng bóng từ lâu. Nhưng suối ngọc đã như con mắt xanh mở ra cõi vô cùng để thâu lấy điều hoài niệm. Và hồn suối vĩnh viễn quả là hạt

thanh châu còn in bóng chim vàng phải phớt qua cánh hoa thiên hương trắng nỏn, qua lá thiên hương đỏ sẫm dáng tà huy.

"Bồng Thi! Em là chim vàng, tôi là suối ngọc. Dù hoa lá thiên hương đậu mãi trên bờ linh hồn trong trẻo, nhưng Thi đã bay qua suối, mắt tôi đã nhận hào quang, tâm tôi đã nhận hương lạ và suối đời tôi có lẽ, điệu nhạc yếu mềm cứ từ bóng Thi lần vào hồn tôi như lời cám dỗ thanh tao..."

*

Nói thế, nhưng sáng hôm sau – chủ nhật – Viễn không về với Phương. Vì ở nhà hát ả đào phố Khâm Thiên, đêm ấy, mãi bốn giờ sáng hắn mới ngủ thiếp đi, đến lúc tỉnh dậy thì đã hơn bảy giờ. Tàu bảy giờ chạy rồi, muốn về, hắn phải chờ đến trưa mới có một chuyến. Đến trưa hắn về làm quái gì? Ở nhà được có vài tiếng đồng hồ, chiều lại lóc cóc ra tàu, ôi chà! Phiền lắm!

Ở nhà hát ra, Trực về nhà, còn Viễn và Trình đi bộ lên Hà Nội chơi. Cái buổi sáng chủ nhật chung quanh Bờ Hồ toàn những màu sắc. Nước hồ xanh – con mắt đẹp của Kinh đô – êm dịu như tình mùa thu. Gió lạc vào cây cỏ, nhả ra hết hương thơm mong manh và kỳ diệu. Được hưởng cái khoan khoái không mất tiến ấy. Viễn và Trình cùng cố thẩm từng chút cuộc sống ý nhị trong sáng. Hai người chậm bước nhìn nghiêng nhìn ngửa. Viễn cười, bảo bạn:

– Thế nào cuối tháng mình cũng phải mua một cái kính. Chứ thiên hạ tươi đẹp thế kia, mình không trông rõ bực lắm.

Nhưng dù phải chịu thiệt thòi trong việc nhìn ngắm cái đẹp rải rác quanh mình, Viễn vẫn yêu cuộc sống hơn bao giờ hết. Lòng hắn ta, đẹp như trang sách mới, còn giữ nguyên mùi giấy mực thơm tho. Mặt hắn hồng lên, toàn thân nhẹ nhõm không khác một sợi tơ chỉ muốn băng mình lên cao. Thiên nhiên có biệt tài biến hóa linh hồn con người thành ngọc. Những hòn ngọc, tùy theo màu sắc trời đất mà tự tô điểm.

Viễn, trong những lúc vui êm ả, thường ví linh hồn mình với suối ngọc. Trong cái suối ngọc ấy, bây giờ, lại thấp thoáng chim vàng. Chim vàng, thoi mộng...

Giá lúc này, bên cái hồ trong trẻo, có Bồng Thi đi gần hắn nhỉ. Bồng Thi ở đâu chạy lại, chỉ cần nói được:

– Viễn ơi! Em đây!

... Rồi biến mất... thì không biết hắn ta sẽ sung sướng đến chừng nào?

Hai người thẩn thơ rất lâu bên Bờ Hồ rồi rẽ vào một phố không một bóng cây. Nắng thu mà chan chát. Đêm vừa qua, mưa gió thế đã lại nắng ngay được rồi. Cái ông trời đến là hay lật mặt. Nắng chói lòa trên những tường vôi. Bụi đầy đường. Lòng Viễn đã thấy gọn gọn. Hắn hỏi Trình:

– Thế nào? Ở đâu? Có xa không? Bụi chết người thế này này.

Trình lườm:

– Thì sao ông cứ nằng nặc đòi đi? Đã thấy khổ chưa? Đã thấy yêu là lụy chưa? Ấy may lắm họ mới có nhà. Không biết chừng họ đi chơi rồi cũng nên, vì hôm nay là ngày chủ nhật đấy ông ạ. Tôi cũng nể ông lắm, chiều ông như chiều con nít mới dẫn xác từ ô lên đây để cho ông thỏa lòng. Đã lâu lắm, mình cũng chưa đến thăm thằng cha ấy, hôm nay đến đột ngột, kể cũng ngượng. Nó lại tưởng mình tìm đến lơ mơ với một cô ả nào thì thật là tai hại.

Quanh co mấy phố nữa, Trình dừng chân trước một cái cửa rộng, hình như làm chỗ ra vào cho ô tô hoặc xe tay nhà. Ghé mắt nhòm vào trong. Trình chặc lưỡi đẩy cửa:

– Thôi cứ vào. Chả nhẽ mất công đi lại về không?

Bên trong, mấy cô bé con mặc quần đen áo đen, mặt loang lổ phấn, chạy đi chạy lại. Thấy có người, một đứa hỏi, giọng cấc lấc:

– Hai ông... có việc gì?

Trình hỏi lại.

– Ông Liệu có nhà không cô?

Con bé, thấy khách đọc tên chủ mình, ra ý phép tắc, nói:

– Dạ, mời hai ông vào. Có nhà đấy ạ.

Đi qua một cái sân san sát những chậu cảnh, Viễn và Trình bị một tụi con ranh nhìn từ đầu đến chân. Chúng nó khúc khích cười với nhau, mặt đứa nào cũng trâng trâng tráo tráo.

Viễn bồi hồi. Hắn sốc lại cổ áo, nắn lại cavát, nhìn xuống quần áo mình. Vì có lẽ, hắn sắp sửa được giáp mặt cái con đàn bà mà hắn hằng tơ tưởng. Hắn tự trách mình cẩu thả quá, ở nhà hát ra sao không chịu khó rẽ về nhà thay quần áo cho tươm tất. Bồng Thi nhìn mình trong bộ y phục nát nhàu thế này thì còn ra thể thống gì nữa!

Hai người ngồi đợi ở một cái buồng khách cũng ra vẻ sang trọng. Duy cách bài trí thì thật bát nháo. Chủ nhân là ông Liệu có khác. Tranh chấm phá Tàu treo lẫn vô số bức họa nhiều màu cắt ở báo *Illustration*[1], bên cạnh những tranh phụ bản của mấy tờ tạp chí nội hóa số Tết. Rồi lại thêm cả hai bức trướng bè bè, chữ đỏ chói trên nền gấm vàng thẫm. Chật cả ba bức tường. Bức tường thứ tư treo ảnh các đào kép dưới quyền chủ nhân. Ảnh Bồng Thi sánh đôi với ảnh Liệu, to hơn các cái khác, ở chính giữa, như ông hoàng bà chúa giữa đám công thần. Viễn mỉm cười, ngắm cái ảnh tô màu, mơn mởn như nụ hoa.

– Thằng cha sắp lấy Bồng Thi có khác. Làm gì mà âu yếm thế?

Tự dưng hắn thấy buồn cho những cuộc hôn phối trên đời.

Gian buồng nhiều ánh sáng, tuy mấy cánh cửa vẫn mở rộng. Trình lim dim mắt, vẻ mặt không tỏ một dấu vết suy nghĩ gì. Riêng Viễn bồi hồi, tức tức và khó chịu. Hai tràng mày hắn luôn luôn nhíu lại, hai mũi giày di di xuống nền đá hoa. Trán hắn lằn sâu một tư tưởng u ám. Mắt hắn đục như một cái ao lúc trời nổi cơn dông. Miệng hắn nhếch như hằn thù ai. Cả người hắn khom khom, như phải chịu một cái hình phạt gì tai ác. Hắn cúi đầu, gò cái lưng, mớ tóc rũ xuống. Thỉnh thoảng hắn lại đưa ngón tay vào miệng, cắn cắn. Để thấy mình là một thằng không đáng kể, một thằng bỏ đi, giữa cái cuộc đời lạnh nhạt và phiền phức này. Ừ, có lý nào một thằng trẻ tuổi yêu một con bé như thế mà không được nói với nó một lời thắm thiết, không được nhìn nó một phút trân trọng, tìm để gặp nó cũng khó khăn như phải vượt mấy lần ải quan. Chủ nhân thì kềnh cà kềnh càng, làm như ta đây là một người quý giá lắm.

---

1. Một tạp chí lớn của Pháp thời bấy giờ, thường có nhiều tranh ảnh minh họa.

Nhà cửa thì tối om om, cuộc sống của nó thật bề bộn, chật hẹp, ẩm thấp. Viễn thấy mình như sờ vào rêu trơn. Thì ra trong cái chỗ đô hội này, có rất nhiều cuộc sống tưởng là sáng sủa gọn gàng mà chính thực đã lên một lần rêu trơn rất dày.

Bỗng cánh cửa sau sịch mở. Chủ nhân phục sức chỉnh tề, trịnh trọng bước ra. Trình và Viễn cùng đứng dậy, lúng túng.

Chủ nhân chìa tay trước mặt Trình, cười một nụ cười đểnh đoảng và nói một câu còn đểnh đoảng gấp mười:

– Lâu lắm mới lại gặp anh.

Trình giới thiệu:

– Ông Liệu, chủ ban hát Mạc Lăng, ông Viễn bạn tôi. Rồi nói luôn:

– Ấy, độ này cao hứng soạn được mấy vở ca kịch lịch sử, định đem lại biếu anh. Tôi với anh Viễn đây soạn chung.

Viễn mỉm cười, thầm khen bạn đã khéo bịa một câu chuyện cho sự giao thiệp được có chút đằm thắm. Quả vậy, Liệu hớn hở ngay:

– Thế à? Thế thì may quá! Chúng tôi đang thiếu vở, cứ phải diễn đi diễn lại những tích soạn từ mấy năm trước.

Trình ba hoa bàn đến nghệ thuật sân khấu, và các tích hát của ta từ trước đến giờ. Anh ta lại còn tán rộng đến nghệ thuật sân khấu các nước, nhất là ở bên Ý và Áo. Trình khen ban hát của Liệu một ít, chê một ít. Anh ta nói không ngớt, tiếng nói đều đều như tàu hỏa chạy, chủ nhân chỉ kịp điểm câu bằng những nụ cười, bằng những tiếng vâng, những cái gật đầu.

Viễn ngồi quan sát diện mạo cái ông chủ ban hát, vị hôn phu của Bồng Thi. À, thì nó là một người thuộc vào cái hạng mà ta gặp hàng ngày trên hè phố, nghĩa là không có cái gì ngoài sự tầm thường, nhạt nhẽo. Vẻ mặt hắn là vẻ mặt một kẻ thỏa mãn. Thỏa mãn trong đủ mọi ước vọng. Nó chưa đến ba mươi tuổi, nhưng trông rõ ra một "ông" hẳn hoi, bệ vệ, tự mãn và nhất là hơi có chút khinh khỉnh. Vì cứ theo cách đánh giá thông thường trong cái xã hội lam nham lúc bấy giờ thì nhất định nó là một kẻ hơn người rồi.

Trình đang thao thao bàn đến sân khấu Nhật Bản, Trung Hoa, tạt về sân khấu Việt Nam, bỗng ngừng lại bởi tiếng cửa mở: một cô gái lộng lẫy hiện ra. Tuy cận thị, Viễn cũng choáng hồn lên:

– Bồng Thi, trời ơi! Bồng Thi!...

Cô gái nhếch miệng cười, sẽ cúi đầu chào khách rồi nói với Liệu:

– Thưa anh, em đi trước nhé. Tí nữa anh tìm em ở nhà chị Thanh.

Lần thứ hai, cô nàng cúi đầu chào; dáng điệu rất mềm dẻo, rồi thoăn thoắt bước ra.

Trời đất ơi! Chẳng nhẽ anh chàng Viễn lại ngoái cổ trông theo. Khốn khổ, hắn đỏ bừng mặt, đầu hắn lảo đảo vì máu dồn lên quá mạnh. Sự hiện diện của Bồng Thi quả là một tòa ánh sáng chói lọi khiến mắt hắn không phân biệt được gì với gì nữa. Liệu, chừng cũng đoán được cái xúc động của hắn, nhìn hắn trông trọc. Mắt hắn, từ màu đỏ chuyển sang màu tai tái. Hắn ngả người ra lưng ghế, thở mạnh, hai vai lên xuống nhịp nhàng.

Cái giây phút Bồng Thi đứng trước mặt hắn ngắn ngủi quá, không để hắn kịp nhìn rõ dung nhan người hắn say mê. Thì ra, trong thế giới tình cảm của con người, chỉ có sự bất ngờ là gây nên nhiều hỗn độn nhất. Nó tác phúc, tác họa thế nào cũng được. Nó hoành hành trong tâm trí người ta dễ dàng như một viên tướng thắng trận, thẳng tiến trên đống xác chết ngổn ngang.

Ô hay! Sao tim đập trong lồng ngực Viễn lại mạnh, mau và lâu đến thế này? Làm gì mà cứ rộn lên như trống ngũ liên thế? Tiếng đập rõ rệt, thình thịch vẳng lên màng tai, đưa ngược lên thái dương. Thảo nào đầu hắn nhức và tay chân hắn tê liệt hẳn.

Cái mà người ta thường gọi là "tiếng sét ái tình", lúc ấy Viễn mới nhận thức được rõ ràng.

Bồng Thi là một tia chớp nhoáng, sáng lòe trong căn phòng u ám. Câu nói của nó là tiếng sét. Nó đi qua là bóng tối đổ xuống, dồn quanh người Viễn. Âm thanh cái giọng trong trẻo đã quyến rũ đến nỗi Viễn ứa nước mắt. Nhìn Liệu, hắn thấy Liệu là một kẻ tình

địch bất khả xâm phạm, nhưng cùng một lúc hắn có cái cảm tưởng na ná như cảm tưởng một kẻ bị phụ tình.

Bồng Thi đi khỏi rồi, Viễn cho thế là hết. Nếu không có Liệu ngồi đấy thì hắn đã úp mặt xuống mà khóc nức lên như người quả phụ nhớ chồng rồi.

*

Từ đó, hắn trở thành một người *"không có gì an ủi được"*. Trình không ngờ mình đã gieo thêm khổ sở vào lòng bạn. Anh ta tưởng đưa Viễn đến để hắn gặp một Bồng Thi mặc quần áo cộc, mặt mũi hốc hác, tranh nhau ăn với mấy đứa bé con, để hắn thôi không mơ mộng nữa, nhưng thế là Viễn lại được thêm một hình ảnh tươi tốt để mê khổ mê sở rồi. Trình cố an ủi bạn, song Viễn đã thành một gã lạc phách.

Ngày hai buổi đi làm về, hắn không nói gì, cởi áo vứt xòa lên ghế, yên lặng ngồi vào ăn. Ruột hắn đầy đầy làm sao, tuy thế, hắn vẫn cố nuốt trôi ba bốn bát cơm chan nước rau muống luộc. Độ này, hai đứa cùng nghèo. Trình chưa có món tiền nào, cứ phải đi vay xổi từng dăm ba đồng để tiêu vào việc ăn uống hàng ngày. Thỉnh thoảng, Trình cũng thử kỳ kèo bạn:

– Đấy, đi xem mãi... chẳng gì cũng mấy chục bạc rồi. Cứ tiết kiệm thì việc gì đến nỗi so súi? May mà tôi còn đôi ba chỗ có thể vay được, chứ không thì chuyến này ăn cơm với nước lã.

Viễn thở dài:

– Thôi, tôi xin ông. Tôi biết rồi. Ông cứ đay nghiến làm gì mãi thế?

– Lại không đay à? Tiền kiếm gì, không biết thu xếp thì lại đến về nhà ăn báo bố mẹ thôi. Bồng Thi với Bồng thiếc. Tôi không bảo nó xấu, tôi đã nói nhiều với ông về nó lắm rồi, nhưng ông cứ nên coi nó không là cái gì đi, rồi ông ở nhà, ông ngủ cho béo mắt. Đồng tiền nhịn tiêu nhảm không bao giờ vô ích dù chỉ là một xu. Tôi long đong nhiều hơn ông, nên tôi nhận chân được cái câu nói thiết thực ấy từ lâu và rất nhiều lần.

Trình còn nói nhiều nữa. Mỗi khi thấy mâm cơm bưng lên chỉ có vài món ăn sơ sài, thấy Viễn hơi cau mặt, Trình lại bảo:

– Làm việc ngày đêm như tôi, gầy yếu như ông, cứ ăn uống như thế này đến ho lao mất.

Viễn cãi:

– Gớm, nói mãi. Ông không chịu được thì một là ông đi ở chỗ khác, hai là tôi sách va li lên trọ Hà Nội. Ông không muốn ho lao thì ông với tôi cứ việc xa nhau đi ít lâu. Bao giờ có tiền nhiều ta lại ở chung.

Rồi Viễn buồn rầu đi ra ngoài sân gác, nhìn xuống cái ao bẩn thỉu, khắp bờ rơm rác. Trình lò dò đến sau lưng Viễn mỉm cười:

– Tao thương mày quá. Mày trẻ con lắm. Mà lại khó tính nữa. Dễ thường chỉ có cô Phương cô ấy chiều được mày, à quên; *Bồng Thi Nguyễn Thị Tĩ*, phải, họa chăng chỉ có nó mới an ủi được mày.

Thấy Viễn không quay đầu lại, Trình nói nửa đùa nửa thật:

– Ông Viễn ơi! Ông giận tôi thật đấy à? Ông không muốn ở với tôi nữa à? Thế tôi đưa ông lên trọ nhà thằng Liệu cho được gần Bồng Thi nhá! Và nếu ông muốn, nếu ông có tài thì thôi làm thư ký nhà buôn đi, mà làm kép tuồng, kép cải lương. Như thế, không những được gần Bồng Thi mà thỉnh thoảng được nắm tay nó, cười với nó, có khi làm chồng, làm bố làm con nó ở trên sân khấu nữa đấy ông ạ. Sau hết nếu tài năng ông lên tới bậc cao siêu, ông có thể lấy nó, tranh với thằng Liệu cũng chưa biết chừng. Sự đời trăm nghìn mặt, cái duyên của con người ta cũng trăm nghìn mối, biết đâu trời chẳng an bài cho ả Bồng Thi làm vợ lẽ của ông Viễn!

Trình cười nhộn nhạo. Viễn cau có:

– Thôi, ông để tôi đứng yên đây. Ông cút vào đi. Ông còn nói một câu nữa thì lập tức tôi đi khỏi cái nhà này.

Trình quay vào, cất giọng ề à ngâm:

Mặt tơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng...
... Phòng văn hơi giá như đồng,
Trúc se ngọn thổ...

A ha ha, ông Viễn của tôi đúng là cái anh "*chàng Kim từ lại thư song*" rồi. Tuy ông ấy đã có vợ, lại có con. Vợ đẹp, con khôn cơ đấy... A ha ha! Rồ dại lắm Viễn ơi! từ bé tao chưa thấy ai rồ dại như mày.

Mấy tối liền, Viễn phải ở nhà. Trong túi không lúc nào có lấy một hào. Chạy từng xu để mua vé tàu điện lên sở cũng khốn khổ chứ đừng nói đến chạy tiền đi xem hát nữa. Buổi tối nào, hắn cũng như một thằng điên. Hắn mặc quần áo chỉnh tề để chạy quanh sang mấy nhà hàng xóm tìm người quen vay tiền... chạy nhộn mất mười lăm phút để thất vọng, để uể oải leo lên gác rồi nện gót giày xuống sàn thình thịch, vặn tay đấm vào không khí và gọi ầm lên:

– Trình! Trình! Cho tao tiền đi xem, buồn thế này thì chết được, trời đất ơi!...

Sau cùng để nằm vật xuống giường.

Một lúc lâu, Trình mới ôn tồn:

– Ấy, muốn tối nào cũng đi xem thì tập soạn "ca kịch lịch sử" đi biếu thằng Liệu, nó cho một cái "vé vĩnh viễn". Hay tao gọi thằng Chính nhà tao ra, nuôi nó mươi hôm, nó dạy mày mấy cái điệu "sàng sê" "kim tiền" "vọng cổ" chi chi đó, rồi tìm trong lịch sử Tàu, lịch sử Việt Nam có cái tích nào thảm thảm một tí thì soạn ra. Độ sáu bảy mươi trang viết, thế là vừa có danh, vừa có lợi, không khéo lại có cả tình nữa. Quen tay, soạn thêm năm bảy vở, có tiền tiêu tha hồ, lại nổi danh là "nhà soạn kịch lịch sử có tài nhất trong văn học Việt Nam" không biết chừng đấy. Đâu đâu họ cũng khác nhau cái tên "Nguyễn Văn Viễn", cô đào nào cũng chỉ yêu có ông Nguyễn Văn Viễn thôi.

Viễn đứng dậy:

– Thế à? Nhưng viết thế nào? Thôi tao lạy mày, mày soạn hộ tao một vở. Mai, nhá!

Trình cười nhạt:

– Chết, tôi đâu dám. Là nói ông kia chứ. Ông soạn đi, tôi chữa lại hộ. Lịch sử hay dã sử Việt Nam, khối cái hay. Cứ viết bừa như bọn kịch sĩ bây giờ ấy mà. Cuộc đời chua xót của Ngọc Hân Công Chúa chẳng hạn. Cho những vai Ngọc Hân, Nguyễn Huệ, Lê Hiển Tôn, Hữu Chỉnh, Nguyễn Nhạc cùng vài ba bà hoàng, vài ba ông tướng, vài con nữ tì lung tung xòe với nhau dưới ngòi bút của mình, là thành công, khán giả tha hồ thích. Còn về lời, thì trừ những bài hát ra cứ viết cho nó vần vần một tí. Thí dụ, vai Ngọc Hân, lúc vua Quang Trung chết sẽ nói thế này: (Trình uốn giọng) *Trời đất ôi! Âm*

dương đôi ngã, chua xót lòng em... Cuộc gối chă...ăn chưa đặng phỉ nguyền... mà trẻ tạo khéo bày trò dâu bể...ể...ể Quâng vương ôi!... phận má hồng chênh dzênh chi xá kể, nhưng tiếc thay cơ nghiệp đấng yêng hùng. Lưỡi gươm thần tưởng lệch mấy nó...ong sông, giây phút đã tan tành để bá..á.á...

Than ôi!...

Đến chỗ ấy, hạ giọng xuống "vọng cổ" xuống "xề" cho nó mùi mẫn. Trong số khán giả, khối người rớt nước mắt rồi. Nhưng đừng cứ cảnh nào cũng buồn. Phải thêm mấy vai hề nữa cho "dzui". Năm bảy câu pha trò thật hạ cấp, tự khắc sẽ được thưởng bằng những tràng vỗ tay dài.

Viễn thấy lòng vui vui, muốn viết ngay, tưởng chừng chỉ hai hôm xong, nhanh hơn cả cái nhà văn nổi tiếng vì viết nhanh và viết nhiều của nước Việt Nam bây giờ.

– Ừ, mày dàn xếp vở kịch cho tao nhá. Tao chỉ việc viết thôi. Còn hát thì mượn mấy quyển ca kịch đã xuất bản, phỏng theo các điệu trong ấy.

– Được, cứ soạn dần đi thì vừa.

Nhưng ngay sáng hôm sau, ý tưởng "soạn một vở kịch" đã nguội hẳn trong lòng anh chàng đang mê Bồng Thi kia. Vì lúc ban đêm hắn gặp Bồng Thi trong mộng, trong một tòa lâu đài rất đẹp. Sáng dậy, hắn mệt mỏi như sau một cuộc đi chơi đêm. Hắn chỉ muốn nằm bẹp một chỗ, tay chân duỗi thẳng như một xác chết, để nghe cái chút tình rời rã tan từng thớ trong da thịt mình.

Ngày nọ nặng nề đè lên ngày kia. Trên mặt cái ao vẩn đục, nắng mỗi buổi một thêm vàng. Mấy thứ lá khô rụng, nằm bết xuống bùn, gặp tiết hanh, bốc lên một mùi rất khó chịu. Vậy mà mỗi buổi chiều lũ trẻ con vẫn rủ nhau ra câu được. Chúng ngồi trên đống rác đầy ruồi nhặng, cãi nhau chí chóe gieo vào hoàng hôn nơi ngoại ô những tiếng la ó, chửi rủa ầm ĩ.

Viễn chống khuỷu tay lên mặt tường sân gác, nghe tất cả cái động đậy của buổi chiều thanh cao hạ cánh xuống một nơi hỗn độn, rơm rếch, xuống một tâm hồn u ám mỗi phút lại vẩn lên vài ý nghĩ đen ngòm. Chưa bao giờ, hắn bực cho đời mình bằng độ ấy. Đủ các thứ bực. Ông bố bà mẹ thì thỉnh thoảng lại nhắn ra bảo "*cái thằng*

Viễn ấy liệu chơi bời vừa vừa chứ", chị vợ thì cách năm bảy hôm lại gửi ra một đạo giấy hỏi: "*cậu có phát tài không, gửi về cho em mười lăm đồng em may cái áo mùa thu và để cho Kim thêm ít tiền ăn bánh bích quy em vẫn mua ở hiệu khách ngoài phố chính*" hoặc "*cậu ạ, bà trưởng Đoan gọi bát họ một năm, mỗi tháng đóng hơn chục bạc, cậu nhớ gửi cho em để rồi rốc ống lấy tiền tiêu Tết nhé*".

Rồi bữa cơm chẳng được đủ, chẳng ngon miệng, tiền không có, thêm nổi tương tư ả Bồng Thi đến mất ngủ, nhớ nó, muốn lên phố xem thì chạy mấy hào định ngồi hạng bét cũng chẳng ai cho vay. Trời đất càng ủ dột, buổi sáng thường có mưa bụi, đất ở ngoài vẩn những bùn đen, lắm lúc, hắn muốn xin thôi việc để ngồi bó gối cho cái thân đỡ khổ.

Luôn luôn, hắn dằn từng tiếng:

– Bao giờ mới đến cuối tháng cho mình lĩnh tiền tiêu vung mẹ nó hết cho hả. Ngày giờ quái gì mà chậm như sên ấy, bấy nhiêu lâu rồi mới có hai mươi mốt ngày à?

Thêm một lần nữa, hắn định rõ được giá trị của đồng tiền. Đứng trước cái dáng chiều đỏ sẫm, hắn đã nghĩ đến sự "nếu mình giàu".

– Nếu mình giàu, tối nào mình cũng đi xem hát.

Bao giờ cũng vậy, những lâu đài xây trên cát cũng chỉ to dần lên chứ không biết bé đi là cái gì cả. Nên hắn lại nghĩ luôn:

– À quên, nếu mình giàu mình lấy phăng Bồng Thi, thuê một cái nhà thật sang hai đứa ở với nhau. Chắc Thi cũng chẳng ưa gì cái nghề hát vất vã ấy. Mình lấy Thi, chiều chuộng Thi...

Liên miên, hắn nghĩ đến một cuộc đời sung túc, "thơ mộng"...

Nhưng chợt hình ảnh Phương hiện ra. Hắn ngạc nhiên khi đem so Phương với Thi, hắn thấy Phương kém hẳn vẻ nồng nàn. A, cái thời mật ngọt qua rồi. Hắn với Phương hình như đã hết men say của thời mới cưới. Ba năm rồi còn gì! Bây giờ sống với nhau chỉ vì bổn phận! Tuy Phương vẫn còn trẻ, cái ảnh bán thân, của Phương có nhiều nét kiều diễm hơn Bồng Thi, song có lẽ... tình phu thê là thứ tình nhàm nhất trong các thứ tình...

Vậy thì... hắn lấy Bồng Thi! Hắn sẽ gửi tiền thật nhiều thật nhiều về nhà, cho Phương, cho Kim. Hắn sẽ sống với Bồng Thi trong một phố vắng vẻ, êm tĩnh nhất Hà Nội. Thu xếp mọi việc ổn thỏa rồi... hắn trở về với... sự thực!

Sự thực! Chua chát làm sao! Đêm tối sập xuống ao bùn. Tiếng giày guốc, tiếng thùng quẩy nước chạm nhau, tiếng chuông xe điện cùng muôn thứ tiếng rối loạn khác chen chúc nhau, ùa vào gian gác hiu quạnh mờ mờ tối. Trình ăn cơm xong, đã lên thư viện, còn một mình hắn bị chôn sống trong cái nhà sầu khổ này! Trời ơi! Bực ơi là bực! Đi đâu bây giờ? Làm gì bây giờ? Túi hắn không còn lấy vài xu để mua hạt dẻ cắn cho đỡ buồn mồm nữa!

Những buổi tối như thế thật là cực hình. Gì mà muốn chơi không chơi được, muốn ngủ không ngủ được, muốn làm một việc lại không có việc cho khuây. Đã thế, lại phải nhớ con bé Bồng Thi, cái nhớ uất ức, hờn giận nặng chình chịch như một núi đá đè lên người.

Buồn rầu, hắn đem ảnh Thi ra ngắm:

..."*Tôi với em, hai nẻo rất gần, tình tôi rất xa, cách chừng nước mây bốn mùa hoa cỏ, chúng ta cũng chỉ là hai hạt cát trắng dưới trăng xanh trên bến Trúc Hà!...*"

– Bồng Thi... ơi! Bồng Thi.

*

Một sáng chủ nhật, nhờ tiếng leng keng xe điện Viễn dậy được sớm. Cứ dậy được sớm, cùng một lúc với mặt trời, là thấy yêu đời ngay. Hắn tắm nước lã, hơi lạnh đem lại cái êm ả, cái cường thịnh cho xác, cho hồn. Tắm xong, hắn vui như người lần đầu tiên được nhìn cái hoa lệ của cuộc đời, lần đầu tiên thấu triệt được cả sức mạnh kiều diễm của cuộc sống vô tư. Người ta, muốn đỡ buồn, đỡ khổ, muốn tìm thấy một thứ ở cửa miệng thiên hạ: hạnh phúc, thì chỉ có việc tắm ngay nước lã vào lúc sáng sớm.

Hình ảnh Bồng Thi trong tâm hắn, nhờ những gáo nước, đã trở nên trong trẻo, dịu dàng. Hơn một tuần lễ không đến rạp hát, không tắm, Viễn trông bóng con bé thấy tối lại. Nhất là đôi mắt, đôi mắt mờ đi rất nhiều. Tuy tình yêu đếm từng giờ, vươn lên rõ rệt, cao ngất.

Chải tóc, mặc quần áo, đeo ca vát, đi giày đâu vào đấy xong, hắn lại thấy mình lẻ loi như thường. Cõi đời như một cái biển lớn, mỗi phút hắn chìm xuống một sâu, mà người chung quanh là những con cá nhỏ đang bơi. Bồng Thi cũng là một con cá lách vào những rong rêu đáy biển.

Viễn dán mắt vào hai dòng quảng cáo trên một tờ báo hàng ngày:

Tối chủ nhật diễn: "Dạ Lan Hương"

Bồng Thi sắm vai chính.

Nhét một mồi thuốc lào vào nõ điếu, cầm bao diêm nhưng chưa quẹt lửa, hắn xoay ngang xoay dọc trong đầu cái cách tìm tiền để tối ấy đi xem con bé Bồng Thi đóng vai chính trong vở ca kịch *Dạ Lan Hương*. Đầu xe điếu kề vào môi đã lâu lắm, hắn vẫn còn bần thần.

Chợt mắt hắn sáng hẳn lên, hắn vội vàng đánh diêm và kéo mồi thuốc lào dài tưởng không bao giờ hết. Cái chuỗi lách cách giòn tan ấy đánh thức Trình nằm ngủ mệt trên giường. Anh ta mở mắt, hấp háy:

– Sắp đi đâu mà mặc quần áo diện thế?

Ngồi một lúc chờ tan cơn lảo đảo, Viễn đáp giọng rắn rỏi:

– Đi xoay tiền tối xem hát. Lên Hà Nội vay, mà chỗ này chắc vay được.

Trình ngồi vùng dậy:

– Thế à? Lên Hà Nội chứ? Chờ tao đã...

Rồi tất tả chạy ra sân rửa mặt.

Sáng hôm ấy, Trình lại kéo bạn vào nhà ông chủ ban hát Mạc Lăng tán phiệu với ông ta rằng mình đang sửa lại các bản thảo tập *"Ngọc Hân Công Chúa, ca kịch lịch sử"* cốt để cho thằng bạn khốn khổ được nhìn mặt con bé một tí. Nhưng câu chuyện kịch kéo dài đã gần một giờ đồng hồ mà thỉnh thoảng con bé mới thoáng hiện ngoài sân rồi biến ngay như một làn ánh sáng đẹp. Mãi lúc sắp cáo biệt hai người mới được nghe nó ngâm một câu thơ Nguyễn Du:

Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người,
Nhớ nơi kỳ ngộ, vội rời chân đi.

Ruột Viễn cồn lên như đói. Thì ra hắn vừa đói vừa tương tư nên cái cảm giác nóng sôi ở bụng thật khó chịu. Ra ngoài đường Viễn dễ thở hơn một chút, nhưng hắn nhấc chân lên không được một bước. Tiện có một hiệu ăn trước mặt, Trình kéo bạn vào.

Viễn ngạc nhiên, giương to đôi mắt vốn to sẵn:

– Ơ hay! Ông lại có tiền đấy à?

Trình cười, không đáp. Anh ta cao hứng gọi mấy món ăn sang. Vừa ăn Trình vừa nói:

– Không phải tôi đâm ngang vào việc của ông với con bé Bồng Thi là tôi áp chế ông đâu. Nhưng xét ra, bây giờ tôi có đủ điều kiện để chiều ý ông. Mới có món tiền bản quyền quyển sách đây. Hôm nay, tôi xin hết sức chiều ông vì ông là trẻ con. Tôi đã cố ý cho ông gặp mặt con bé nhưng chẳng qua cũng tại ông không may. Nghĩa là cái duyên ông nó "vô duyên" quá. Ông ăn đi. Suốt ngày hôm nay, chúng mình cứ ở Hà Nội, chiều đi xem chiếu bóng, tối nay tôi xin đưa ông đi xem hát nữa. Tôi với ông hãy tiêu nguyên một hôm nay thế nào cho hết mẹ nó hai chục bạc đi. Rồi từ mai, thôi, tiết kiệm một tí, đợi những ngày chẳng ra gì.

Viễn ta nhảy cẫng lên vì sung sướng. Chưa bao giờ hắn yêu Trình bằng lúc ấy. Hắn đùa:

– Thế mà ông còn hay lắm điều. Nếu ông luôn luôn có tiền thì cũng đến gấp bốn tôi.

– À, cái lúc cần tiêu cũng nên tiêu hoang một tí. Sống không có lúc tiêu hoang – tiêu hoang cả tiền, tiêu hoang cả sức sống – thì ngu như lợn, dốt như bò. Nhưng, tôi đã nói với ông rồi, muốn tiêu hoang, mình cần có đủ điều kiện. Chứ phải vay từng đồng, tối nào cũng mò đi xem hát như ông thì lại không phải là tiêu hoang nữa. Đó là *ngu* và *si*, ông hiểu chưa? Như Trình đây này, vợ con chưa có, việc gia đình không cần lo, có một lúc những trăm rưỡi bạc, không tiêu hoang để làm gì hả? Tuy trăm rưỡi bạc là công mình khảo cứu viết lách ngần ấy tháng, nhưng mình khảo cứu, viết lách, có phải chỉ lấy trăm rưỡi đâu. Hừ, trăm rưỡi bốn tháng trời, tính

ra lương tháng chưa được bốn chục bạc, thà đi làm thư ký như ông lại đỡ mệt óc.

Bữa ăn kéo dài. Hai người uống hết những hai cút rượu trắng với hai ly mai-quế-lộ. Đứa nào cũng ngất ngưởng. Bao nhiêu chuyện ngày xưa, ngày sau, họ lôi ra nói hết. Sau cùng Trình bàn đến "việc Bồng Thi" một cách trịnh trọng, khiến Viễn sung sướng ngây ngất.

Quá trưa, sắp đi xem chiếu bóng. Viễn đòi về qua nhà để thay quần áo. Trình cao giọng gọi hai cái:

– Xích... lô... ô... ô...!

Nghe nghênh ngang và vui vẻ lạ lùng.

Viễn cười:

– Ra nhiều tiền, nhiều hạnh phúc gớm!

*

Về đến nhà, ầm ầm leo hết cầu thang gác, cả hai cùng ngạc nhiên khi thấy Phương – vợ Viễn – đang ngồi chờ.

– Ô kìa! Phương! Phương! Phương!

– Kìa! Chị Phương!

Phương đang ngắm phố, giật mình, quay lại hơi đỏ mặt, cười:

– Gớm, hai anh em đi chơi lâu quá. Em chờ sốt cả ruột. Ra chủ nhật có khác! Mặt anh Trình làm sao mà đỏ dừ lên thế kia? Hai ông tướng lại dắt nhau đi ăn hiệu hẳn thôi.

Phương đứng dậy. Cái áo lụa màu gạch non óng ả đơn giản và tươi sáng đã tô điểm cho gian gác bao nhiêu lâu không hề có bóng đàn bà. Viễn nhìn vợ, ngạc nhiên khi thấy vợ trẻ và đẹp y như đêm hôm mới cưới.

Hắn âu yếm:

– Phương ra tàu mấy giờ? Không đem con ra à?

– Dạ, em đi tàu sớm. Chú Kim gửi chị Tứ.

Em sợ đem nó đi tàu chật mà Hà Nội chỉ có bụi và nắng thôi. Vả lại nó cai sữa đã lâu, đêm thường ngủ với bà. Bây giờ mẹ nó cứ đi chơi mấy ngày liền cũng chẳng sao.

Trình mỉm cười:

– Chứ lại gì!

Rồi đổi câu chuyện:

– Dễ có đến ba bốn tháng chúng tôi chưa về Bắc đấy chị nhỉ! Các cụ trên ấy vẫn mạnh khỏe như thường đấy chứ chị?

– Vâng, cảm ơn anh, như thường cả. Chỉ có em là không thường, vì...

Phương không nói hết, Viễn và Trình che miệng cười. Căn gác đầy sức sống như có ai vừa đem vào một bó hoa muôn sắc hương kỳ ảo.

Trình cáo xuống bếp đun nước. Tiếng giày anh ta chìm hẳn dưới cầu thang rồi, đôi vợ chồng nhìn nhau đăm đăm. Viễn không biết làm gì, lại bên vợ, vuốt tóc, nhìn xuống cái sống mũi thẳng và đều đặn. Bóng rợp của hai hàng mi dài nhẹ như một bóng nắng sớm; phảng phất cuối mắt, lưởng vưởng trên đôi má hồng. Im lặng. Phương lấy mũi giày di cái tàn thuốc lá trên sàn, rủ rỉ:

– Sao lâu lắm, Túy Viễn không về?

Túy Viễn? À, cái độ mới cưới được đâu hai ba tháng, thấy Phương ngủ nhiều, có hôm ngủ từ chập tối, lay gọi không dậy, Viễn thêm cho vợ một chữ Miên. Miên Phương. Người vợ thẹn thùng, cố tránh không ngủ nhiều, nhưng cứ tối đến là mắt díp lại. Thì người chồng lại vào giường vỗ vai, xoa má:

– Ô kìa, Phương lại miên rồi. Miên Phương ơi!...

Ít lâu, Phương không ngủ nhiều nữa, được lượt Viễn hay uống rượu. Uống không nhiều, nhưng mỗi bữa một chén con. Phương "trả thù":

– Đấy, anh cứ chế em là Miên Phương. Được rồi, từ rày em gọi anh là Túy Viễn! Ê, ê Túy Viễn! Túy Viễn là anh chàng Viễn say!

Từ đó, thành ra họ quen miệng. Cả trong những câu chuyện đứng đắn, họ cũng gọi nhau bằng Túy Viễn và Miên Phương.

– Sao lâu lắm, Túy Viễn không về?

Hắn mỉm cười, nhớ lại cái hôm mình đặt tên vợ là Miên Phương; Phương vùng vằng, phụng phịu, suýt nữa khóc, nếu chồng không

ngọt lời dỗ và không vui miệng cười. Hắn pha trò, khiến vợ cũng bật cười:

– Thế ai bảo anh cứ chế em? Em ngủ nhiều thì việc gì đến anh.

Mãi ba tháng sau, họ mới biết bệnh ngủ nhiều ấy là bệnh "nghén"... Nhưng hai cái tên Túy Viễn, Miên Phương, họ vẫn không bỏ.

– Sao lâu lắm, Túy Viễn không về?

Để đáp lại câu hỏi âu yếm, Viễn nâng cằm vợ, hôn lên môi. Kể ra, sự xa cách của một đôi vợ chồng trẻ kéo dài đã khá lâu nên cái hôn mới ủ nhiều sức rung động đến thế. Cả đôi dường như nín thở, nghe cái nhạc điệu rồn rập của tình phu thê.

Hồi lâu, Viễn hỏi sẽ:

– Thế Miên Phương có nhớ chồng tí nào không?

Cái nhìn của vợ thật thấm thía:

– Nhớ lắm, Viễn ạ. May mà có thằng Kim chứ không thì đến khóc suốt ngày thôi. Năm nay rét sớm. Vườn nhà rụng nhiều lá quá, trông quang hẳn đi. Nhất là về đêm, trăng tháng mười lạnh ngắt. Ngủ đóng cửa vào thì tối om om, mở cửa, hồ trông thấy ánh trăng, cái nhớ từ đâu lại kéo đến. Thành thử em đem kê tuột giường vào nhà trong. Chú Kim mất nhìn "ông tốt". Thằng bé như thế mà cũng thích nhìn trăng đáo để anh ạ. Em cứ bế nó ra vườn bảo: "Kim trỏ ông tốt cho mợ xem nào". Nó vươn dài tay ra bi bô "tô... ốc, tô... ốc". Dạo này nó lắm điều lắm rồi anh ạ. Cứ đòi ra với "chậu" ngoài "tỉnh Nội" suốt ngày. Hỏi nó ta "tỉnh Nội" với "chậu" làm gì, nó bảo "bắn... bắn... qui" cho nó. Gớm, đi làm gì mà đằng đẵng mấy tháng chả về, hay là...

Viễn ngắt lời:

– Ôi già! dạo nào được nghỉ nhiều ngày về một thể, chứ về một hôm thêm nhớ.

Miên Phương níu chồng ngồi xuống bên cạnh, hôn lấy hôn để:

– Từ ngày ra Hà Nội đến giờ, Túy Viễn có nhớ Miên Phương không? Em nhớ lắm cơ. Hôm nay ra, thầy đẻ cứ gàn mãi, thầy đẻ bảo:

– Chờ nó về.

Còn chú Kim lẵng nhẵng theo. Phải trốn nó đấy. Chị Tứ mua cho nó mấy cái bánh quả bàng, bế tuột nó vào nhà, em mới đi thoát. Em ở đây mai về được không hở anh? Nếu bất tiện em sẽ về tàu sáu giờ tối.

Cái lúc ấy là lúc anh chàng Viễn quên đứt Bồng Thi. Hắn ôm vợ:

– Chỉ sợ Phương không muốn ở thôi. Giá thằng Kim nó lớn rồi thì cứ ở mãi cũng chả sao.

Viễn vừa dứt lời. Trình xách ấm nước lên.

– Phiền anh quá. Em chứ ai đâu mà anh đun nước đun niếc trịnh trọng thế?

Trình cười đáp:

– Ấy, cũng phải uống một ấm trà buổi trưa cho đỡ buồn ngủ. Quen lệ rồi chị ạ.

Trình pha trò, trông ngon lành như một kẻ cứ quơ tay là nắm được hạnh phúc. Những câu chuyện bắt đầu nở giòn tan. Trình khôi hài, vợ chồng Miên Phương cười ngặt nghẽo. Con vui sắp tàn, Trình nghiêm nét mặt lại:

– Chị Phương – à quên, cứ quen mồm gọi tên tục chị ra – chị Viễn ạ... Tôi nghe thấy thiên hạ họ xôn xao bàn tán về cái đức nhớ chồng của chị lắm đấy.

– Bàn tán làm sao cơ anh?

– Nguyên có mấy người trên ấy ra ngoài này gặp tôi, họ có hỏi thăm Viễn. Người ta kêu ầm lên rằng bà Viễn nhớ ông Viễn quá, chẳng thiết gì đến nhà cửa, ngày nào cũng thẫn thờ, tối thứ bảy nào cũng ra ga đón chuyến tàu cuối cùng xem chồng có về không. Đúng thế chứ hở chị?

Phương đỏ mặt:

– Thưa anh, họ nói bậy đấy ạ. Kể thì có một hôm, cái hôm ấy trời nổi gió suốt từ trưa. Cuối tháng tám, bão đâu từ Tourane rớt ra, em phải lấy áo len ra mặc. Rồi thì rả rích mưa, hỏi en làm sao không nhớ? Nói anh đừng cười, em khóc mãi trong buồng vì từ bé

chưa hề thấy mình cô đơn như thế bao giờ. Thằng con hôm ấy không đủ sức an ủi nữa. Nhà cửa tối sầm lại như chốn lao tù. Em thấy ngạt thở. Trông mảnh vườn ngoài bơ phờ, lao đao, em nghĩ đến những sự chia lìa xa cách. Em cảm tưởng Viễn đi không bao giờ trở lại và lắm lúc giật mình thấy mình đích là một quả phụ rồi.

Viễn, Trình cùng ngắt lời:

– Phỉ phui! Chỉ nói dại.

Trình cười to:

– Chị làm thơ đấy à? Chị lãng mạn quá! Chả trách chị thuộc lòng những văn thơ phù phiếm của đầu thế kỷ thứ mười chín.

– Anh để em nói hết. Em nói đến đâu rồi nhỉ?

Viễn hơi cau mặt:

– Miên Phương lôi thôi lắm. Có thế mà kể mãi. Nhớ cứ nhớ, chứ làm gì phải nghĩ vẩn vơ? Đấy với Hà Nội, xa xôi gì!

Phương nhìn chồng đăm đăm:

– Khốn một nỗi cứ nhớ, cứ buồn, cứ khổ, cứ có những ý nghĩ u ám thì em biết làm thế nào. Còn ông Túy Viễn vui cuộc đời Hà Nội, mấy khi...

Trình cười ngất:

– A, chị tôi lại sắp ghen rồi. Thôi chị nói nốt đi. Thế cái hôm mưa gió ấy, chị đã làm những gì?

– Còn biết làm gì ngoài sự tưởng tượng rằng anh chàng Túy Viễn, thấy mưa gió cũng sẽ về với mình. Có một lần, độ mới lấy nhau, gặp đêm mưa, nhà em bảo: "Những đêm mưa gió thế này, không có đàn bà bên cạnh, Viễn không chịu được Phương ạ". Em nhớ đến câu ấy và ăn cơm chiều xong em nghĩ: "thể nào an chàng ở Hà Nội thấy mưa cũng mò về với mình". Sực nhớ hôm ấy là đúng thứ bảy, em mừng quá, cắn vào vai thằng Kim một cái khiến nó khóc thét lên, em bị mắng một trận đáo để. Nói đến cái vui trong lòng người ta thật cũng lạ. Vừa kịp nhận ra hôm ấy là thứ bảy, em thấy mưa không buồn nữa, mà chỉ là những tiếng quyến rũ, năn nỉ khéo léo để làm nũng với tình yêu. Cơm chiều xong mưa nặng hạt thêm. Gió càng lồng lộng. Ngoài vườn đã có vài cây nhỏ đổ xuống. Lúc nhà lên đèn em trao thằng Kim cho bà nó, rồi lẻn ra ga. Tin

rằng chồng sẽ về, cứ ngồi chờ ở nhà cũng được, nhưng thế không thú. Phải đội mưa, cõng gió, mất công đi đón mới thỏa. Em nghĩ thế, em cứ đi. Khốn khổ, từ nhà ra ga, có gần gì đâu! Đi một thôi đường không có xe. Mưa ướt hết áo, lạnh đầm đầm, thấm vào các thớ thịt nhưng em càng vui thêm khi nghĩ đến sự thấy mặt chồng ở sân ga, rồi được đi bên cạnh chồng hết một con đường tối, đầy mưa, đầy gió. Đến nơi, em gặp bao nhiêu người quen. Họ nhìn em chừng chừng ngạc nhiên lắm. Họ hỏi em đi đón ai rồi pha trò vỡ cả buồng đợi. Em xấu hổ quá. Lúc tàu đến họ càng trêu em thêm. Người bảo – "Kìa, anh Viễn kia kìa". Người lại giả vờ gọi: "Viễn! Viễn! Chị ấy đứng đây cơ mà". Em cứ hoa cả mắt. Cho đến khi mọi người tản mạn về hết rồi, không thấy chồng, em vẫn cứ đứng ở sân ga mưa gió, ngơ ngác nhìn và oán giận chồng không biết thế nào mà kể. Ừ, rét mướt như thế, mùa đông bắt đầu bằng một đêm như thế mà không về với em thì anh Viễn phải là một con người điên, nếu không điên thì cũng là sắt đá. Em úp mặt vào tường nhà ga, khóc ngấm ngầm. Em nghĩ ngay đến những chốn chơi bời ở Hà Nội, nghĩ đến sự có thể xảy ra là nhà em đã mê, đã yêu ai ở Hà Nội rồi. Em biết tính nhà em lắm kia. Vợ thì yêu mê yêu mãi đã đành, mà ai Viễn cũng có thể yêu mê mãi được nữa. Nhưng em vẫn tin ở anh ấy anh Trình ạ. Em tự an ủi rằng ngoài ấy mưa to quá – bao giờ mưa to cũng không buồn bằng mưa nhỏ – nên Viễn ngại không muốn về. Giá chỉ rả rích lành lạnh một tí thôi thì thể nào Viễn cũng không quên cái người đàn bà chung thủy nhất đời là em".

Gương mặt Miên Phương bỗng tối lại. Phương long lanh nước mắt, cúi xuống rồi vùng đứng dậy, ra bàn giấy giả vờ lục lọi cho qua cái phút xúc động quá căng thẳng.

Trình vui vẻ:

– Không phải đâu! Buổi trưa hôm ấy Viễn đã bảo với tôi là về Bắc, nhưng ở sở nhiều việc quá, mãi sáu giờ mới được ra. Tàu sáu giờ ba phút đã chạy còn biết làm thế nào được! Anh chàng ân hận trách Nhà nước không đặt một chuyến máy bay đêm chở khách từ Hà Nội về Bắc.

Vừa nói, Trình vừa lườm Viễn vì chính cái đêm thứ bảy mưa gió ấy, Viễn mò lên phố xem Bồng Thi, sau lên cơn sốt kịch liệt phải nghỉ việc một ngày.

Bất giác, Viễn đưa mắt đến những chữ Bồng Thi và mấy câu thơ về Bồng Thi viết nghuệch ngoạc trên tường. Hắn lại rờ tay vào túi áo trong xem cái ảnh con bé còn ở đó không.

Phương đã quay lại:

– Anh Trình không biết cái đêm hôm ấy em khổ sở thế nào. Đi mưa nó nhiễm vào người em hâm hấp sốt cả đêm. Đã không một lúc nào chợp mắt thì mưa gió ngoài vườn nhất định không nguôi cho mình một giờ nào cả.

Những lúc ấy, em đố anh biết em oán hận gì?

– Oán chồng chứ oán gì?

– Không phải, em đâu dám oán chồng. Em oán cái nghèo. Nếu nhà em giàu có thì Viễn có thể cứ ở yên cái tỉnh nhỏ, vợ chồng tìm cách buôn bán cho vui, việc gì phải xoay lấy một chỗ trong sở tư, còm cọm một tháng chỉ kiếm được năm sáu chục bạc. Nhiều lúc, em cũng muốn nộp cái đơn vào một sở nào đó ngoài này, xin một chân thư ký để được luôn luôn ở bên cạnh chồng. Nhưng nghĩ lại, nghèo thì cũng chưa ngày nào mình phải nhịn đói, em có bổn phận phải ở nhà cho vui vẻ gia đình. Thày để em có tuổi, trông thấy dâu con như thế, thằng cháu như thế là đủ sung sướng rồi, chứ cũng chẳng mong nhiều tiền lắm của làm gì nữa.

Trình nói:

– Chị làm như vợ chồng mới cưới không bằng. Ngày xưa có những đôi vợ chồng vừa hợp cẩn đêm hôm trước, đến sáng chồng đã phải ra ải quan thì làm sao? Chẳng gì lấy nhau cũng gần ba năm có một con rồi, phải người lớn lên một tí chứ chị còn trẻ con lắm. Vả lại, có cách xa tình yêu mới quý.

Nửa đùa nửa thật, Trình tiếp:

– Nếu bây giờ tôi bảo chị rằng anh chàng Viễn hiện đang yêu một cô gái nhỏ và rất đẹp thì chị nghĩ sao?

Phương tủm tỉm:

– Em chả nghĩ sao cả. Em chỉ biết em yêu cái anh này (Phương vỗ vào vai chồng) và cả anh này cũng yêu em, thế là đủ. Còn ngoài ra, anh chàng hay lơ mơ, đó là thói quen. Dạo mới cưới em về, một hôm thấy mấy cô thiếu nữ qua trước cửa, Viễn chỉ một cô, bảo:

– Kìa Phương! Con bé đẹp quá, thanh quá! Có thế thôi mà Viễn cũng ngơ ngẩn mất nửa ngày. Lần đầu em còn ghen, em khóc anh chàng dỗ mãi không xong, nhưng từ sau, em biết tính Viễn hay yêu vẩn yêu vơ như thế nên cũng chẳng cần nghĩ đến nữa. Dù sao thì Viễn cũng không yêu ai bằng em.

Viễn vỗ tay:

– Đúng rồi. Vì thế nên tôi thường bảo Miên Phương là người đàn bà hoàn hảo mà lị.

Ngoài cửa sổ trời bỗng sẫm lại như sắp mưa. Một đợt gió vèo qua, gửi vào gian gác chút bụi trắng và một vài chiếc lá héo. Phương đứng dậy, nhìn quanh quẩn:

– Chết chửa, tường trắng thế kia ai lại đi viết bẩn lên trông khó chịu quá. Gì nhỉ?

Phương lại gần:

– À Bồng Thi. Bồng Thi B.Th.Th.V. Thế là gì hở anh? Lại cả thơ nữa. Các ông bây giờ thành thi sĩ cả chắc?

Phương đọc to:

Ta với Bồng Thi hai nẻo xa,
Cách chừng mây nước bốn mùa hoa,
Là đôi hạt cát trong như ngọc
Nằm ngước sầu treo nguyệt Trúc Hà.

Nghe được đấy nhỉ. Chữ ai trông quen quen. Viễn bối rối:

– Chữ anh Trình đấy.

Trình khôn khéo, nói che đậy hộ Viễn:

– Chị không hiểu Bồng Thi là gì à? Bồng Thi là vần thơ non Bồng. Đầu đề của một tập thơ của tôi sắp in.

– Thế còn Th. V.?

– Thi Văn! Khiếp! Chị tò mò quá. Cao hứng viết bừa lên tường, lắm khi không biết mình viết gì nữa.

Phương quay lại nhìn chồng, ngờ vực:

– Quái! Bồng Thi, em nghe quen lắm.

Trình đáp:

– Ơ, chị quên rồi à? Ở Bắc mấy lần tôi đưa chị xem tập thơ chép tay, tuy ngoài không viết đầu đề, nhưng bên trong có bài thơ Bồng Thi. Được mấy câu:

Bến Vô Cùng nước trong leo lẻo,
Ta say thơ, mờ nẻo Anh Linh
Hai hàng Tuyệt Sắc nghiêng mình...

chị ưa nhất ấy mà. Chị quên rồi sao? Trí nhớ chị kém quá.

– Không phải, anh bịa. Làm gì có bài thơ Bồng Thi, mấy câu ấy anh đọc cho nghe ngày năm ngoái, em có được cầm tập thơ của anh bao giờ! Bồng Thi, hình như tên một tài tử sân khấu nào thì phải. Vì em hay thấy trên báo.

Viễn lo lo, Trình cười xòa:

– Ấy vô tình nó trùng tên với tập thơ của tôi. Biết đâu chẳng là cái duyên. Không khéo trời bắt tôi lấy con bé Bồng Thi cũng chưa biết chừng chị ạ.

Một lát sau, Trình bảo mình phải lên phố có việc cần, kéo Viễn ra một nơi, dúi cho bạn hơn hai chục bạc, nói:

– Đây, chiều đưa vợ đi chơi Hà Nội. Cần, cứ tiêu cho hết. Tôi lên phố, đêm chưa chắc đã về đâu.

Viễn chưa kịp đáp, Trình đã thoăn thoắt xuống cầu thang.

Quay vào, hắn thấy vợ đang dấp nước đầu ngón tay viết xuống bàn những chữ B. Th. Th. V. Rồi xóa đi.

– Anh Trình đâu rồi ạ?

– Anh ấy đi rồi.

– Đi đâu? Anh ấy lại muốn lánh mặt cho chúng mình được tự do chứ gì? Cẩn thận và lịch sự quá. Viễn ơi!

– Gì?

– Phương về nhá! Về, kẻo thằng Kim nó khóc.

Viễn chợt buồn. Tự dưng hắn chán ngắt, ủ ê. Hắn như trông thấy cái điêu tàn cuộc đời. Hắn chép miệng:

– Tùy em đấy. Về cũng được, ở cũng được.

– Thế anh Viễn không giữ em lại à?

– Ô hay! Sao Viễn không được ôn tồn thế? Việc gì em phải đắn đo? Anh cũng lại vớ vẩn nốt. Thôi nói đùa đấy, em ở lại mai về.

Đọc thấy cái buồn kỳ khôi trên mặt chồng Phương chạy lại, hôn lên má Viễn:

– Đi chơi một lúc Viễn ạ. Chúng mình lên phố, rẽ vào nhà anh Đức, xâm xẩm tối thì về đây. Nhá, Viễn nhá.

Hắn chưa đáp, Phương ôm đầu hắn cho ngả vào ngực mình, vuốt ve:

– Túy Viễn lại buồn vì mai em đã về chứ gì. Túy Viễn cảm thấy cái mong manh của những giờ vui chứ gì? Đúng không? Thế sao không năng về với em?

Một vài câu dịu dàng ấy khiến anh chàng Viễn hết vơ vẩn. Hắn gục đầu vào lòng Phương, trí óc rỗng tuếch nên nhẹ nhàng. Từ ngày thành hôn, chưa bao giờ hắn thấy chán vợ. Vì Miên Phương trẻ và đẹp kia rất thông minh, dò được đến những chỗ u tối nhất trong lòng hắn để liệu cách chiều chuộng.

Buổi chiều hôm ấy, mưa lấm tấm trong nắng vàng. Đến khi đêm sập xuống thì mưa dần dần nặng hạt và gió bắt đầu rót vào mấy chòm cây trước cửa cái bản nhạc hoang dã của đầu mùa đông. Ngồi bên cạnh chồng trong gian gác đã có ánh đèn êm ái, Phương vẫn thấy lạnh.

– Em rét lắm, Viễn ơi!...

– Em rét lắm? Áo để đâu cả mà sáng ngày không mặc, lại phong phanh có thế này?

– Ai biết đâu trời nổi gió? Những cơn gió của trời đất cũng như những cơn gió trong lòng người ta bất ngờ lắm. Sáng, lúc em ra tàu, trời cứ xanh ngăn ngắt, dọa một ngày nắng hanh rõ thật là vàng...

Viễn đứng dậy, lấy áo rét của Trình khoác lên vai vợ. Phương nhìn ta ngoài cửa, không chớp mắt:

– Ở nhà, chắc chú Kim lạnh lắm. Không biết để có ủ cho nó đủ ấm không?

– Phương đừng lo. Các cụ cẩn thận hơn mình nhiều.

Gió, lại gió. Viễn chợt nhớ hôm mới cưới, hình như trời cũng nổi gió như thế này. Đứng trong nhà, bên cạnh cô dâu, nhìn ra một mảnh vườn tơi tả, đầy xác pháo, hắn tưởng chừng trông thấy gió chuyển từng khối vĩ đại trên bầu trời sắc chì. Hai vợ chồng mới cùng im lặng, cùng đo cái mực rét bên ngoài để liệu chừng ấp ủ nhau bên trong.

– Thấm thoát đã ba mùa đông rồi Phương nhỉ?

Phương chưa hiểu:

– Ba mùa đông gì cơ?

– Chiều hôm mới cưới ấy, cũng thế này, em còn nhớ không? (hắn thở dài) Mùa đông nào cũng như mùa đông nào, chỉ có lòng chúng ta hình như mỗi năm lại già đi một chút. Đấy Phương xem, những cái rung động buổi đầu giữa hai chúng ta cứ dần dần yếu đi, tuy mình không muốn. Cuộc đời nó đều đều như thế này, anh còm cọm đi làm, em ở nhà nuôi con, ít năm nữa, đẻ thêm vai đứa nữa, thế là hết.

Phương vỗ vào vai chồng:

– Anh đến hay nghĩ xa xôi. Ai mà không thế. Anh còn nghĩ lăng nhăng, anh sẽ thành người dở hơi lúc nào không biết đấy. À, Viễn này.

– Gì?

– Viễn có ngại mưa không? Chúng mình lên Hà Nội chơi mưa một lát rồi về ngủ. Chứ cứ đứng mà u hoài với nhau à? Viễn thấy em già rồi à? Em soi gương, em thấy em vẫn trẻ và đẹp lắm. Đúng với câu "Gái một con trông mòn con mắt đấy".

Vợ cười. Chồng cũng cười:

– Ừ, Phương trẻ và đẹp, cái đó đã đành, khắp thiên hạ ai trẻ và đẹp được bằng vợ ông Túy Viễn? Nhưng anh vẫn cứ nơm nớp sợ cái gì ấy, một cái gì rất xa và mà rất gần, thỉnh thoảng nó lại dọa nó đến làm mình cứ hết hồn, hết vía.

Phương cười to hơn:

– Ơ hay, cái nhà ông này sắp sửa điên rồi. Thôi, không nói chuyện với bác nữa vì bác say rồi. Bác có đi chơi mưa thì đi. Nhà có áo tơi chứ?

Nửa đêm. Đèn vẫn sáng. Viễn cúi xuống mặt vợ hỏi:

– Em có lạnh không?

Phương nhắm mắt không đáp, chỉ mỉm cười.

Cái cảm giác kỳ lạ của đêm tân hôn lại trở về. Bên ngoài, vẫn ào ào mưa gió. Viễn kéo cái chăn đơn quá vai.

Bồng Thi – con chim vàng, cái thoi mộng – tưởng là một cái bóng không hề loáng qua suối ngọc. Cành thiên hương rủ la đà... trên mặt nước trong xanh.

CHO CÂU CHUYỆN ĐƯỢC HẾT

Kể ra đến đây, câu chuyện chưa hết mới phải. Vì sau khi Miên Phương về được vài hôm, nhân vật Viễn vẫn cứ nhớ Bồng Thi, có phần chua xót hơn. Trong mối tình ấy, tâm trạng ấy, còn nhiều cái rắc rối, phiền phức nữa. Mà trong hành vi của Viễn, lại còn nhiều cái rắc rối quá sức tưởng tượng, đâu như hắn đã viết thư cho Bồng Thi, lại dại dột để cả địa chỉ của mình, nên nhận được ngay bức thư trả lời... của ông chủ gánh hát, trong thư có câu này *"Anh là thằng chí ngu, thậm ngu, tối ngu! Anh còn to mơ nữa, sẽ có ngày anh vỡ mặt..."* Ôi chà! Kể làm sao hết được. Vậy tác giả xin cho câu chuyện được ngừng ở trang bản thảo thứ một trăm này.

Thấy cái bệnh của hắn mỗi buổi mỗi nặng, Trình tìm thuốc. Một tối thứ bảy, Trình rủ hắn đi xem hát. Lúc màn vừa mở anh ta

đưa cho hắn một vật khiến anh ta vừa ngạc nhiên, vừa sung sướng: *Cái ống viễn kính.*

– Đấy, hôm nay thì nhìn rõ mặt nó nhá.

Bồng Thi sắm vai My Châu trong tích: Cái Nỏ Thần. Viễn nhìn vào cả hai ống kính đã nhắm thẳng vào mặt Bồng Thi. Gương mặt con bé hiện ra, to vành vạnh, rõ từng nét, từng lượt phấn, lượt son, từng sợi mi, từng mụn trứng cá, từng lỗ mũi, từng cái răng khi nó cười, từng nét nhăn khi nó mếu. Và mấy chỗ đánh phấn loang lổ ở cái cổ đen đen khiến Viễn liên tưởng đến những bộ mặt gái làng chơi dưới xóm.

Nhưng tình yêu hai tháng tròn không mỗi lúc nguội lạnh ngay. Tối hôm sau, hắn lại đi, kèm theo cái kính nhìn xa. Trình mỉm cười, để mặc hắn. Cho đến tối hôm sau nữa, lúc ăn cơm xong, Trình hỏi:

– Thế nào, đi xem chứ?

Thì được nghe hắn hỏi lại:

– Ông có đi không?

– Ô hay, ông thích thì ông đi chứ tôi chỉ tuần lễ một lần là đã chiều ông quá rồi.

Viễn nhìn xuống đường, chép miệng, nhè nhẹ lắc đầu:

– Ngại quá nhỉ! Mưa gió thế này! Từ đây lên đấy... Lúc về rét như cắt. Thôi ở nhà... có ông còn vui... chứ một mình ngại lắm.

Từ đấy, Viễn cứ thấy chán mãi. Mỗi ngày, tâm trí hắn một cách xa con đào hát cải lương. Tuy qua cái "ống nhòm" viễn kính. Bồng Thi vẫn có thể là cô gái xinh đẹp một vẻ phúc hậu: mắt sáng dịu dàng, miệng cười ấm áp, hai má phinh phính, đầy đặn.

Cách đó vài tuần lễ, khi cái kính nhìn xa đã trả lại cho Trình rồi. Trình lại kéo Viễn đến rạp hát. Để thử xem cái bài thuốc mình kê cho bệnh nhân có hiệu nghiệm không.

Dù chẳng có kính, dù thực ra thì Bồng Thi vẫn đẹp lộng lẫy trong vai công chúa My Châu, Viễn cũng không còn mảy may rung động. Hắn còn lấy làm lạ sao mình còn có thể mê con bé ấy được bấy lâu. Ở mấy màn cuối, hắn ngủ gật như cái chầy giã gạo trên miền núi, và đến lúc ra về, hắn bảo Trình:

– Từ nay ông đừng rủ tôi đi nữa nhá. Mất cả ngủ lại tốn tiền. Mà đường thì xa.

Trời đất mỗi chiều một lắng sâu xuống mùa đông. Bồng Thi là một cái bóng hình như không hề đi qua hồn Viễn bao giờ.

Cả một mùa đông, tối thứ bảy nào hắn cũng đáp chuyến tàu tối về với Miên Phương.

– *Chim vàng, thoi mộng, loáng qua đi... không về nữa. Suối ngọc cũng không nỉ non thương nhớ nữa. Hoa lá thiên hương, những chiều mơ, rủ la đà trên mặt nước trong xanh...*

Truyện xảy ra mùa thu năm Tân Tỵ.
Chép lại xong ngày trung thu Nhâm Ngọ
1941–1942

MỤC LỤC
TẬP II (1933-1945)
Quyển 4

• Lời dẫn tập II 5
1. VŨ BẰNG (1913-1984) 9
+ Mơ về một cuộc chọi trâu (truyện ngắn) 10
2. BÌNH NGUYÊN LỘC (1914-1988) 25
+ Rừng mắm (truyện ngắn, 1957) 25
+ Đò dọc (truyện, 1949) 40
3. HÀN THẾ DU (sinh 1916) 246
+ Bóng mây chiều (tiểu thuyết, 1935) 246
4. XUÂN DIỆU (1916-1985) 365
+ Phấn thông vàng (truyện ngắn, 1939) 366
+ Cái dây không đứt (truyện ngắn, 1939) 371
+ Sợ (truyện ngắn, 1939) 375
+ Suối cá vàng (truyện ngắn, 1939) 381
+ Suối tóc đẹp (truyện ngắn, 1939) 384
+ Tỏa nhị kiều (truyện ngắn, 1939) 386
+ Thư tình mùa thu (truyện ngắn, 1939) 391
5. HỒ DZẾNH (1916-1991) 398
+ Ngày gặp gỡ (truyện ngắn, 1943) 398
+ Em Dìn (truyện ngắn, 1943) 405
+ Sáng trăng suông (truyện ngắn, 1943) 413
6. THÂM TÂM (1917-1950) 422
+ Bến trúc trăng vàng nhớ cố nhân (truyện ngắn, 1941) 422
+ Bông lan trần mộng (truyện ngắn, 1942) 428
+ Giăng soi vườn cải hoa vàng (truyện ngắn, 1942) 436

+ Cung đàn ly hương (truyện ngắn, 1942) 443
+ Khà một giấc bên Hồng (truyện ngắn, 1942) 451
+ Tháng ba sấm động (truyện ngắn, 1942) 457
7. BÙI HIỂN (sinh năm 1919. Hiện sống ở Hà Nội) 466
+ Nắng mới (truyện ngắn, 1941) 466
8. ĐỖ TỐN (sinh năm 1920-1973?) 480
+ Điệu thu ca (trong tập Hoa Vông Vang, truyện ngắn, 1995) 480
+ Duyên số (trong tập Hoa Vông Vang, truyện ngắn, 1995) 495
+ Hoa Vông vang (trong tập Hoa Vông Vang, truyện ngắn, 1995) 505
+ Định mệnh (trong tập Hoa Vông Vang, truyện ngắn, 1995) 519
9. HOÀNG CẦM (sinh năm 1922. Hiện sống ở Hà Nội) 534
+ Thoi mộng (tiểu thuyết, 1943) 534

VĂN XUÔI LÃNG MẠN VIỆT NAM
(1887-2000)

TẬP II (1933–1945)
Quyển 4

*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI – Q.1 – TP.HCM
ĐT: 8225340 – 8296764 – 8220405
FAX: 84.8222726 – EMAIL: nxbtphcm@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc TRẦN ĐÌNH VIỆT
Biên tập:
Phó giám đốc HOÀNG MAI
Sửa bản in:
Phòng văn học NXB
Bìa + Biên tập mỹ thuật:
NGỌC ANH – VĂN ĐƯỢC
Vi tính:
CẨM HÀ – NGỌC HUỆ

In 1500 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Xí nghiệp in FAHASA. Đóng xén tại DNTNSX NGÔI SAO – ĐT: 8640798. Giấy đăng ký KHXB số: 81–2005/CXB/64–65/THTPHCM ngày 2/11/2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2006.



Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập II **1933–1945**

Thực tế Tự lực văn đoàn là một hiện tượng mang tính đột phá trong dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Những tên tuổi trong "Tự lực văn đoàn" đều là những cây đại thụ trong nền văn học Việt Nam thời hiện đại; chưa có thời kỳ nào xuất hiện nhiều văn thi nhân lưu lại nhiều ấn tượng, nhiều tình cảm trong bạn đọc như thời kỳ 1933–1945. Những tác phẩm của họ đáp ứng được đòi hỏi bức xúc của một lớp độc giả thành thị đã từng ảnh hưởng tư tưởng của một nền văn hóa phương Tây với những cuộc cách mạng của tự do, bình đẳng, bác ái...

Vietnamese Romantic Prose 1887–2000

Volume II 1933–1945

In fact, Tự lực văn đoàn (Independent Literary Group) is a breakthrough in Vietnamese romantic literary current. The great names in Tự lực văn đoàn are at the same time great figures of modern Vietnamese literature; not any period in Vietnamese literature can compare with that of 1933–1945, where there appear so many writers and poets who left so much impression and sympathy in the heart of the readers. Their works met the pressing need of a class of urban readers influenced by a Western culture with revolution of liberty, equality and fraternity...

0109909
Giá: 87.000 đ